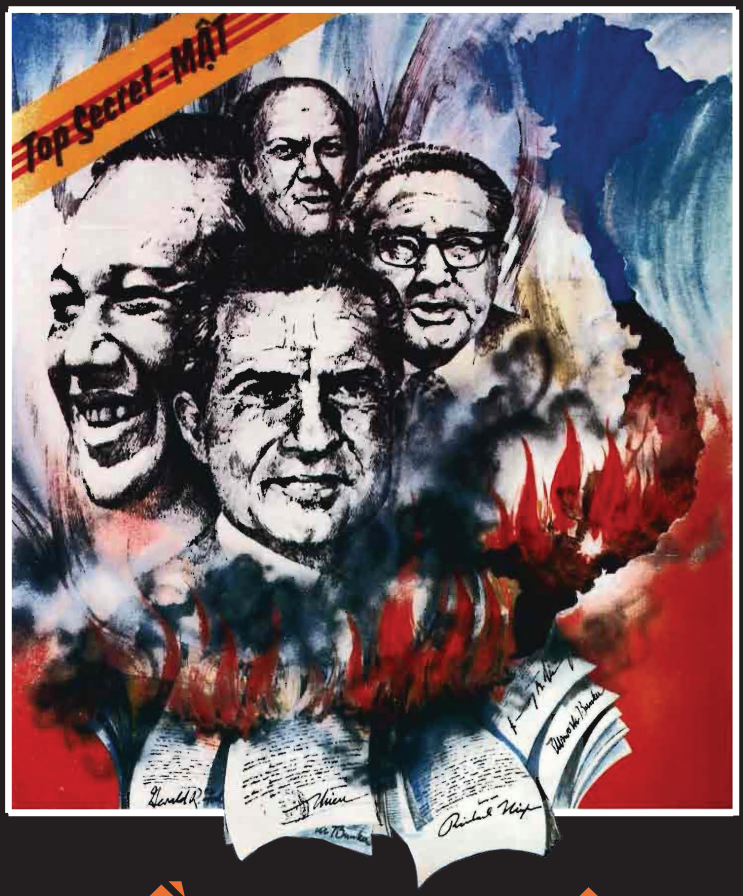


HỒ SƠ MẬT

ĐỊNH ĐỘC LẬP

Nguyễn Tiến Hưng
&Jerrold L. Schecter

Midway Press 2024

hồ sơ mật dinh độc lập

Hồ sơ mật Dinh Độc Lập
Nguyễn Tiến Hưng & Jerrold L.Schecter
Midway Press 2024

Copyright © 1986 by nguyenvy

HỒ SƠ MẬT

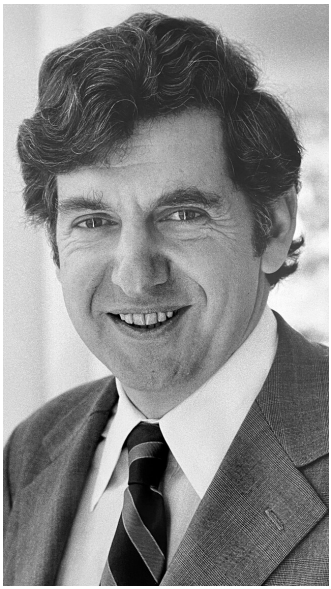
Nguyễn Tiến Hưng
&Jerrold L.Schecter

ĐINH ĐỘC LẬP

Midway Press 2024



Nguyễn Tiến Hưng
1935 -



Jerrold L.Schecter
1932 - 2013

Chuyển dịch do[**]

Cung Thúc Tiến và **Nguyễn Cao Đàm**

Cung Thúc Tiến:
Cử nhân Kinh tế học (1962, New South Wales, Úc Châu; Cao học Nghiên cứu Phát triển (1972, Cambridge, Anh Quốc); Phó tiến sĩ Kinh tế học Phát triển (1973, East Anglia, Anh Quốc)
Kinh tế gia Khoáng sản, Trưởng phòng Kinh tế Vụ, Nha khoáng sản, Bộ Tài nguyên Tự nhiên, Tiểu bang Minnesota.
Ngoài các tác phẩm văn học quốc tế (dưới bút hiệu Thạch Chương), đã dịch nhiều tác phẩm kinh tế và tài chánh. Trong bản chuyển ngữ *Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập*, dịch các Chương 1-8, 15, 17, 19, 21 và 22.

Nguyễn Cao Đàm:
Cử nhân Luật khoa Việt Nam; Cao học Luật khoa (1972); Tiến sĩ Chính trị học Đại học Minnesota, Hoa Kỳ (1977)
Hiện là Phối Hợp viên Ngân Sách Liên Bang của Bộ Tài chánh tiểu bang Minnesota. (Dịch chương 9-14, 16, 18 và 20).

[**] Sách này được chuyển dịch từ cuốn *The Palace File* – do Cung Thúc Tiến và Nguyễn Cao Đàm – với một số những thay đổi do Nguyễn Tiến Hưng; Chu Xuân Viên nhuận sắc.

Chúng tôi xin cảm tạ những tác giả sau đây đã cho phép trích dẫn và in lại

Richard Nixon, *Hồi Ký Nixon*; đăng ký 1978 do Richard Milhous Nixon; cho phép trích dẫn bởi Warner Books, Inc.

Henry Kissinger, *Những năm tại Bạch Cung;* đăng ký 1979 do Henry A. Kissinger; cho phép trích dẫn bởi Little, Brown and Co.

Những năm xáo trộn; đăng ký bởi Henry A. Kissinger; cho phép trích dẫn bởi Little, Brown and Co.

Đăng ký:

Sách này đã được đăng ký năm 1986 bởi tác giả Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold J. Schecter. Tác giả giữ bản quyền. Không phần nào trong sách này được xử dụng hoặc in lại bất cứ hình thức nào, nếu không có sự ưng thuận của tác giả trên giấy tờ, trừ việc trích dẫn một vài câu vắn tắt dùng trong các bài điểm sách và bình luận.

Ấn hành lần thứ nhất:

(Bản đồ: George Colbert; Copy editor: Ana Adelman)

Muốn biết thêm chi tiết:

(1): Phần Anh Ngữ: Xin liên lạc Harper & Row Publishers, Inc. 10 E. 53rd St., New York., N. Y. 1002

(2): Phần Việt Ngữ: C & K Promotions, Inc.

818 N. Broadway, #211. Los Angeles, CA 90012 Tel: (213) 620-9618 / 620-0195

Thư Viện Quốc Gia Hoa Kỳ:

Nguyễn, Gregory Tiến Hưng, 1935.

Gồm sách trích dẫn - index:

1 - Chiến tranh Việt Nam, 1961-1975 – Lịch sử ngoại giao. 2. Việt Nam Liên lạc ngoại giao Hoa Kỳ. 3. Hoa Kỳ – Ngoại giao Việt Nam. 4. Nixon, Richard M, 1913 – Thư tử trao đổi. 5. Ford, Gerald R. 1913 – Thư từ trao đổi. 6. Nguyễn Văn Thiệu, 1923 – Thư từ trao đổi

I. - Schecter, Jerrold L. — II. - Đề sách

DS 557.7 N.42 1986 959.704'32 86-45333

ISBN 0-06-015640-6

---

86 87 88 90 RRD 10 9 8 7 6 5 4 3 2 1

ấn bản việt ngữ

Kính tặng

Những anh hùng đã thành tâm hy sinh cho Tổ Quốc và tranh đấu cho Tự Do trong suốt 30 năm trời (1945-1975), và còn nữa, trong tương lai của Dân Tộc Việt bất khuất.

lời mở đầu
(ấn bản việt ngữ)

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
(Nguyễn Du)

Ngày 25 tháng 3-1954, chính phủ Pháp cử Tổng tham mưu trưởng quân đội, tướng Paul Ely, đi Washington để cầu cứu Hoa Kỳ can thiệp bằng không lực vào chiến trường Đông Dương, đồng thời gấp rút tiếp viện đoàn quân viễn chinh Pháp với phương tiện để đương đầu với lực lượng của Việt Minh được Trung Cộng yểm trợ đang thao túng tiền đồn Điện Biên Phủ. Tổng thống Eisenhower từ chối. Điện Biên Phủ thất thủ và chiến tranh Đông Dương thứ nhất đã chấm dứt.

Đúng hai mươi mốt năm sau, cũng cùng ngày đó (25 tháng 3-1975), chính phủ Việt Nam Cộng hòa gửi một mật thư – do chính tác giả soạn thảo – tới Tòa Bạch Cung để yêu cầu Hoa Kỳ can thiệp với pháo

đài bay B-52, cũng như gấp rút gửi quân viện giúp ngăn chận những đoàn quân Bắc Việt đang cùng với xe tăng T-54 của Nga Xô tràn qua sông Thạch Hãn. Tổng Thống Ford làm ngơ; Đà Nẵng thất thủ và chiến tranh Đông Dương thứ hai đã chấm dứt.

Trong hai cuộc chiến đã có nhiều điểm giống nhau, nhiều điểm tương tự. Nhưng điểm trùng hợp quan trọng nhất đã là vai trò chủ yếu của Hoa Kỳ tại chiến trường Việt Nam. Người Pháp đã không thể chiến đấu tại Đông Dương trong những năm 1950-1954 nếu không có Hoa Kỳ yểm trợ tới 75 phần trăm ngân sách chiến tranh của họ. Nước Việt Nam Cộng hòa đã không thể thành lập và kéo dài được trên 20 năm nếu Hoa Kỳ không giúp Thủ tướng Ngô Đình Diệm ổn định tình hình miền Nam sau khi quân đội Pháp đã rút, để thành lập Đệ Nhất Cộng Hòa, rồi sau đó yểm trợ những chính phủ kế tiếp của Đệ Nhị Cộng Hòa. Thế nhưng, cũng vì vậy mà miền Nam đã phải hầu như hoàn toàn lệ thuộc vào Hoa Kỳ, cả về kinh tế lẫn quân sự. Sở dĩ có sự lệ thuộc đó, một phần lớn cũng là do tính chất của cuộc chiến: Bắc Việt được Trung Cộng và Nga Xô tối đa yểm trợ. Đặc biệt là vai trò của Nga Xô trong những năm cuối cùng. Sự yểm trợ đó còn kéo dài tới ngày nay, và Việt Nam đã lọt hẳn vào quỹ đạo của Xô Viết.

Sau hai mươi năm chiến tranh, với một số tổn thất là một triệu rưỡi người (8 phần trăm dân số), trong đó có một nửa triệu tử thương, nước Việt Nam

Cộng hòa đã sụp đổ. Đồng ruộng bỏ trống, xóm làng tan hoang! Người ra đi đầy nước mắt, kẻ ở lại tù đày, tang tóc.

Quốc Gia hưng vong
Thất phu hữu trách!

Nhân dân miền Nam đã phải trả một giá quá đắt cho những sự yếu kém, tham nhũng, và lầm lỗi của một số các nhà lãnh đạo, cũng như những chia rẽ, hiềm khích và thiếu cố gắng của chính họ. Tất cả những trách nhiệm đó, và những vấn đề nội bộ của Việt Nam, chắc chắn sẽ được lịch sử phê phán minh bạch và đúng mức mà không ai có thể trốn thoát trách nhiệm của mình.

Nhưng còn những yếu tố ngoại lai?

Vì một tình cờ lịch sử, kẻ viết cuốn sách này đã được chứng kiến những gì xẩy ra ở đằng sau hậu trường bang giao Việt-Mỹ trong những năm cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, trên cương vị một người làm việc tại Dinh Độc Lập, bên trong nội các, và đã tham dự những cuộc họp tối cao Việt-Mỹ.

Tập hồ sơ mật mà Tổng Thống Thiệu đã giữ kín trong phòng riêng của ông tại lầu ba Dinh Độc Lập sau cùng đã được trao cho tác giả hai tháng trước khi mất nước. Với con mắt một chuyên viên đã quen thuộc với tinh thần dân chủ và cởi mở của Hoa Kỳ, chúng tôi đã hết sức bỡ ngỡ khi đọc toàn bộ những tài liệu trong hồ sơ này.

Chúng tôi đã rất tiếc là không được biết nó sớm

hơn để hy vọng có thể khai thác một cách hữu hiệu trong nỗ lực cầu viện. Hồ sơ đó, nếu không được cứu vớt thì đã bị tan biến theo mây khói, và một số chứng cớ lịch sử quan trọng sẽ không bao giờ được tiết lộ. Hồ sơ cho ta những dữ kiện chính yếu để hiểu biết chính sách của Hoa Kỳ đối với chúng ta trong suốt 5 năm cho tới buổi hoàng hôn của nền Cộng Hòa.

Dựa vào những dữ kiện đó, cùng với những kinh nghiệm bản thân, chúng tôi đã bỏ ra 10 năm trời để nghiên cứu và sau đó, cùng với Jerrold Schecter đào sâu vấn đề cũng như để có thể phỏng vấn tất cả các nhân vật liên hệ cả Việt lẫn Mỹ, đặc biệt là Tổng Thống Thiệu, Tổng Thống Ford, Tiến sĩ Kissinger, các Tổng trưởng Quốc Phòng Laird, Richardson, Schlesinger, Ngoại trưởng Haig, các viên chức cao cấp của CIA và hoàn thành cuốn sách. Tổng Thống Nixon đã từ chối cuộc phỏng vấn vì lý do sức khỏe.

Để kỷ niệm đúng một "Giáp" là 12 năm phải xa lìa quê hương, chúng tôi xin trình bày cùng độc giả kết quả của công cuộc nghiên cứu đó và xin cùng đồng bào soi sáng cho công luận thế giới một số sự thật mà từ trước tới nay đã bị che dấu.

Đối với cá nhân chúng tôi, "Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập" được soạn thảo với một giới hạn rất rõ rệt: nó chỉ hướng về mối tương quan Mỹ-Việt – ở thượng cấp – dưới thời đại của Tổng Thống Nixon và Ford về phía Mỹ và Tổng Thống Thiệu về phía Việt Nam. Và như vậy, nó không có tham vọng đề cập một cách

sâu rộng tới các vấn đề chính trị nội bộ của Việt Nam Cộng hòa, một địa hạt mà tác giả không có khả năng để phân tích và bình luận.

Trong những năm tranh đấu giữa các môi trường đại học cả ở Việt Nam lẫn Hoa Kỳ, cũng như trong những năm liên lạc với Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa bằng thư tín rồi tới những năm làm Phụ tá Kinh tế tại Phủ Tổng Thống và Tổng trưởng Kế hoạch, chúng tôi đã hoàn toàn giữ vai trò của một chuyên viên kinh tế, và một phần nào, chuyên viên về Hoa Kỳ để đóng góp một viên gạch cho công cuộc xây dựng đất nước, yểm trợ cho những chiến sĩ cầm súng tại chiến trường.

Viết cuốn sách này, chúng tôi có hai mục đích rõ rệt: đó là làm cho dân chúng Hoa Kỳ hiểu rõ hơn về cuộc chiến Việt Nam và nhận thức được một lý do quan trọng trong những lý do đưa tới sự sụp đổ của miền Nam. Bởi vậy cuốn **The Palace File** đã được xuất bản hồi tháng 11, 1986. Hy vọng rằng danh dự của Việt Nam Cộng hòa, đặc biệt là của những chiến sĩ đã hy sinh tranh đấu sẽ được vãn hồi một phần nào trước con mắt khắt khe của công luận quốc tế. Hiểu rõ những oan ức của Việt Nam Cộng hòa cũng sẽ làm cho nhân dân Hoa Kỳ bớt đặt vấn đề với chúng ta là đã di cư sang đây để ăn nhờ ở đậu. Nếu được khai thác đúng mức, nó sẽ còn có thể gây được thiện cảm giúp chúng ta tranh đấu cho những đồng bào

còn bị tù đày gian khổ và yểm trợ cho vấn đề đoàn tụ gia đình của thân nhân chúng ta.

Mục đích thứ hai của chúng tôi là đóng góp vào việc soi sáng một phần nào cho lịch sử về cuộc bang giao Việt-Mỹ. Lịch sử đó không thể chỉ để cho các tác giả Hoa Kỳ hoặc ngoại quốc viết, hoặc do Cộng sản viết. Một ích lợi cụ thể ngay trước mắt là nó sẽ giúp cho các em học sinh, sinh viên Việt Nam có tài liệu nghiên cứu và nhìn vấn đề Việt Nam một cách rõ ràng hơn. Cho tới nay, các em chỉ có thể vào thư viện Hoa Kỳ đọc sách về Việt Nam do các tác giả Hoa Kỳ và ngoại quốc viết. Các em lại còn có thể bị sai lầm khi xem những phim tài liệu về Việt Nam (như chương trình 10.000 ngày hay chương trình 13 phim "Việt Nam, Lịch Sử Bằng T.V". hay phim Platoon); một số phim tài liệu đã do các hãng ngoại quốc thực hiện với tài liệu do Cộng sản cung cấp.

Hy vọng rằng cuốn sách này chỉ là một bước đầu cho những công trình nghiên cứu khác của các bạn bè đồng hương xa gần, để chúng ta cùng nhau đóng góp cho lịch sử và cùng nhau thu lượm những bài học đã được viết bằng máu và nước mắt cho các thế hệ mai sau.

Hoa Thịnh Đốn, Xuân Đinh Mão

lời cảm tạ
(ấn bản việt ngữ)

Bao nhiêu bạn bè, cộng sự viên, quí vị xa gần đã khích lệ và giúp chúng tôi thực hiện cuốn sách này. Thật vậy, nếu không có những khích lệ và yểm trợ đó, thì hầu như nhiều lúc chúng tôi đã phải bỏ cuộc. Nhất là trong những năm xáo trộn sau khi Sài Gòn sụp đổ. Trong tinh thần đã cùng tủi nhục, cùng hy sinh, cùng hoạt động với nhau, chúng tôi xin gởi đến quí vị và quí bạn tất cả lòng ưu ái và biết ơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ đặc biệt những bạn sau đây đã giúp thực hiện ấn bản Việt Ngữ:

– Hứa Chấn Minh, người đã theo đuổi công việc trong nhiều năm và khích lệ không ngơi;

– Cung Thúc Tiến và Nguyễn Cao Đàm: kiên nhẫn và công phu chuyển dịch cuốn The Palace File trong một thời gian kỷ lục;

– Tony B. Chan, Stephen Kow đã hăng say lãnh nhận trách nhiệm xuất bản và làm công việc đó cho kịp thời;

– Chu Xuân Viên đã dành nhiều thì giờ đọc bản dịch để sửa đổi và góp ý kiến;

– Nguyễn Mạnh Hùng và Lê Lai đã góp nhiều ý kiến;

– Các bạn: N. Văn Đào, Trần Minh Đức, Huỳnh Đạo Nghĩa, Vũ Chính Trực, Đỗ Ngọc Hiển, Nguyễn Văn Liêm, Lê Ái, Lê Ân, Trần Trung Lương, Lâm Duy Tiên, Vũ Thụy Hoàng, và Nguyễn Kim Khánh đã luôn luôn yên ủi, khuyến khích đế khỏi nản chí;

– Hoàng Mạnh Hùng - Dũng và toàn thể nhân viên nhà in The Prynters (San Jose, CA) đã làm việc đêm ngày để xuất bản cho kịp;

– Trịnh Thị Thuận đã kiên tâm đánh máy.

Chúng tôi xin kính mến và cảm tạ Cha Mẹ, Các Anh, Chị, Em trong gia đình (Phong, Cảnh, Chinh, Phượng, Loan, Trí, Quy, và Bá, Mai) đã nuôi dưỡng và đúc khuôn tư tưởng cũng như lập trường của chúng tôi trong bao nhiêu năm.

Ngọc Hiếu, người vợ đã nâng đỡ và chia xẻ vất vả trong việc hoàn thành cuốn sách; cùng chịu đựng với bố là Christine, Daniel và Michael.

Lời cảm tạ sau cùng nhưng nhiều ý nghĩa của tác giả dành cho quí đồng hương đang cầm cuốn sách này trong tay. Hy vọng rằng nó đã nói lên được một phần, tuy nhỏ bé, những suy tư và tâm tình của mỗi người chúng ta sau biến cố tháng 4-1975.

(ấn bản anh ngữ)

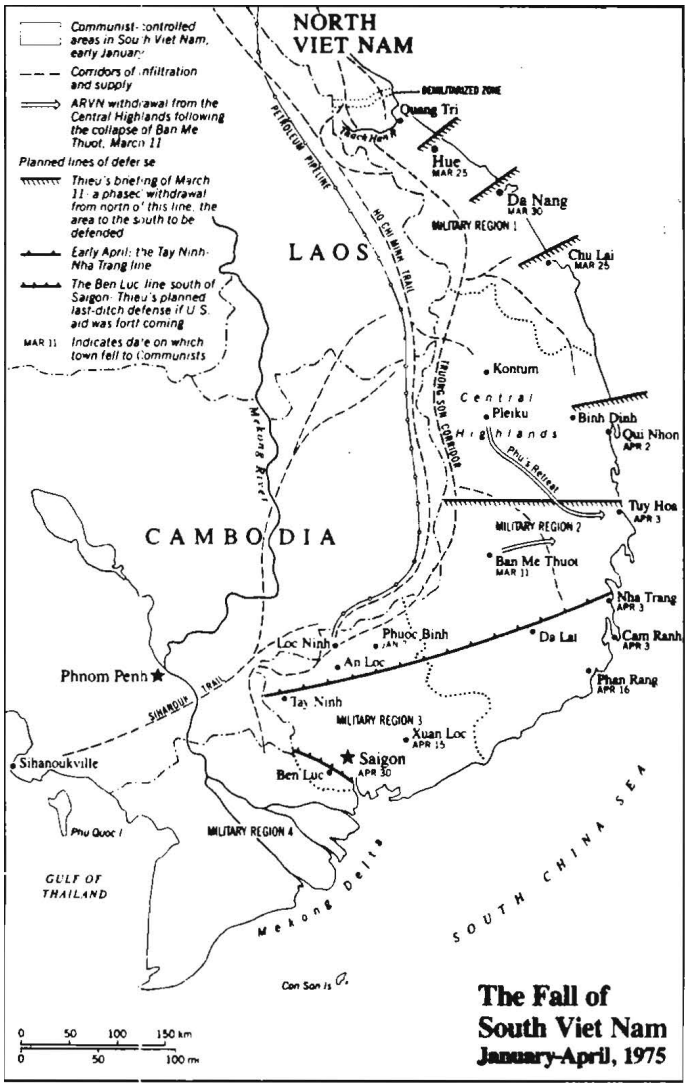
Nguyễn Tiến Hưng xin cảm ơn Earhart Foundation đã giúp nghiên cứu vào mùa hè 1977 và 1980. Chúng tôi xin thành tâm đa tạ quý vị Giáo Sư Nguyễn Mạnh Hùng, anh Chu Xuân Viên, các ông John Negroponte, Richard Solomon, Philip Schwartz, Miriam G. Schecter, Evelind Schecter, Steven Schecter, Kate Schecter, Air Roth, Doveen Schecter, Barney Schecter, Christine Hưng, Daniel Hưng, và Michael Hưng; cô Judy Protas, anh Micheal Shafer đã đọc và bàn định một phần bản thảo và Catherine Bamberger đã nỗ lực đánh máy và sửa chữa tập sơ thảo. Chúng tôi cũng xin cảm ơn Giáo sư Harley Hindrichs là người đã giới thiệu để chúng tôi gặp nhau. Luật sư Nguyễn Văn Đào, các anh Nguyễn Ngọc Bích, Cung Tiến và Lê Lai đã giúp nhiều ý kiến xây dựng và khích lệ những cố gắng. Các ông Seyntour Hersh, Tad Szullc và David Home Kennerly đã cộng tác một cách hữu hiệu. Giáo sư và bà Lien

Fu Huang, các giáo sư Yuan li-Wu, Leland B. Yeager, George Horton, và bà Jane Nutter đã cho nhiều kinh nghiệm và yểm trợ. Bà Francine Krasowska đã đánh máy những cuộc phỏng vấn từ các băng âm thanh. Bà Martha Albershardt giúp chúng tôi sắp đặt bản thảo cuối cùng và những ghi chú.

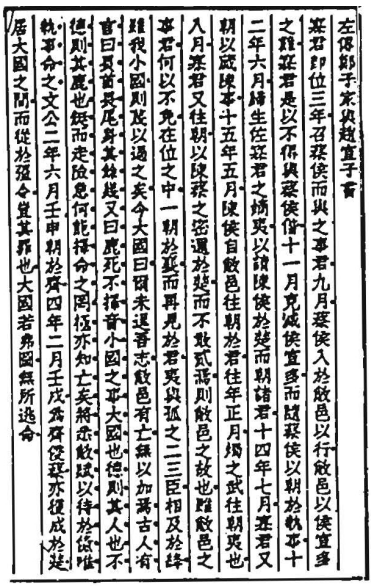
Tại nhà xuất bản Harper & Row, chúng tôi xin đi tạ ông Michael Bessie và Edward Burlingame, đã luôn thúc đẩy nỗ lực hoàn thành cuốn sách cho sớm. Ông Buz Wyeth, chủ bút đã khéo léo hướng dẫn và đề nghị lối hành văn cũng như bố cục; cô Debra Orensten đã giúp những ý kiến quý giá, cũng như cô Ann Adelman.

Therese Hưng và Leona Schecter, người đại diện chúng tôi với nhà xuất bản, đã yểm trợ và chỉ trích trong lúc viết thành sách. Hai bà đã góp những ý kiến xây dựng đồng thời sửa soạn những bữa ăn thân mật để chúng tôi có thể cộng tác với nhau đắc lực hơn, và để chúng tôi hiểu rõ hơn khía cạnh con người cũng như lịch sử cuốn sách. Nếu không có những chỉ trích đó thì cuốn sách chắc đã được hoàn thành sớm hơn rồi.

Chúng tôi xin cảm ơn tất cả những bình luận, chỉ trích và góp ý kiến trên đây. Tuy nhiên, trách nhiệm cuối cùng là hoàn thành do tác giả lãnh nhận.



Miền Nam sụp đổ
tháng Giêng - tháng Tư 1975



Thư Trịnh Tử Gia viết cho Triệu Tuyên Tử (Trích trong *Tả Truyện*, 600 năm trước Tây Lịch).

tâm sự người xưa

Nay đại quốc phán bảo: "Các ngươi đã không xứng ý ta"! Nhưng tiểu quốc đã hiến dâng mọi sự cho đại quốc! Chẳng còn gì hơn mà tiểu quốc có thể làm. Người xưa có nói, khi phục vụ một đại quốc, tiểu quốc có thể được coi như một con người hoặc như một con nai. Nếu đại quốc lấy nhân đức đối xử thì tiểu quốc được nhờ. Mà nếu trái lại, thì tiểu quốc đành phải chấp nhận số phận của con nai kia bị săn đuổi. Còn sự nguy hiểm nào nữa mà tiểu quốc chưa chấp nhận? Và số phận chờ đợi, nào đâu có do tiểu quốc lựa chọn.

dẫn nhập
tòa bạch cung
hoa thịnh đốn

Ngày 16 tháng 10, 1972

Thân gửi Tổng Thống Thiệu,

Tôi đã yêu cầu Tiến sĩ Henry Kissinger chuyển đến Ngài lá thư riêng này liên quan đến những cuộc đàm phán hiện thời với Bắc Việt, dường như đang tới giai đoạn chót.

Như Ngài đã biết, trong suốt bốn năm của chính quyền tôi, Hoa Kỳ đã quyết tâm đứng sau chính phủ Ngài và nhân dân Việt Nam trong sự ủng hộ mà chúng tôi dành cho cuộc đấu tranh dũng cảm của họ chống lại xâm lăng và bảo vệ quyền tự quyết về tương lai chính trị của họ...

Riêng đối với tôi, thì điều khoản quan trọng nhất của hiệp định này, ngoài những khía cạnh quân sự của nó, là chính phủ Ngài cùng các lực lượng quân sự và định chế chính trị của Việt Nam Cộng hòa sẽ còn nguyên vẹn sau khi cuộc đình chiến được thi hành. ***Trong thời kỳ tiếp theo sau đình chiến, Ngài có thể***

hoàn toàn yên tâm rằng chúng tôi sẽ tiếp tục cung cấp cho chính phủ Ngài một sự yểm trợ đầy đủ nhất, kể cả viện trợ kinh tế và bất cứ viện trợ quân sự nào phù hợp với những điều khoản ngưng chiến của Hiệp Định này.

Kính thư
(kt) Richard Nixon

Ngày 14 tháng 11, 1972

... Nhưng điều quan trọng hơn những gì chúng tôi viết trong hiệp định về vấn đề đó là những gì chúng tôi sẽ hành động trong trường hợp kẻ thù tái diễn xâm lược. ***Tôi tuyệt đối cam đoan với Ngài rằng, nếu Hà Nội không tuân theo những điều kiện của Hiệp định này, thì tôi cương quyết sẽ có hành động trả đũa mau lẹ và ác liệt.***

Kính thư
(kt) Richard Nixon

Ngày 5 tháng giêng, 1973

... Vào lúc chúng tôi bước vào các cuộc đàm phán sắp tới, tôi hy vọng rằng hai quốc gia chúng ta sẽ biểu lộ một mặt trận thống nhất...

Nếu Ngài quyết định, và tôi tin tưởng rằng Ngài sẽ quyết định, đi với chúng tôi, thì tôi xin cam kết với Ngài là sẽ tiếp tục hỗ trợ cho Việt Nam Cộng hòa trong

thời kỳ sau hòa giải và chúng tôi sẽ phản ứng với toàn sức mạnh, nếu Bắc Việt vi phạm cuộc hòa giải đó.

Kính thư
(kt) Richard Nixon

Ngày 17 tháng 1, 1973

... Nơi đây, tôi xin nhắc lại những gì tôi đã nói với Ngài trong những lá thư trước của tôi: ***Nền Tự Do và Độc Lập của Việt Nam Cộng hòa vẫn còn là một mục tiêu tối cao của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ****. Tôi đã cống hiến đời tôi cho mục tiêu này trong suốt sự nghiệp chính trị, và trong bốn năm qua tôi đã liều mình gánh chịu nhiều hậu quả quốc nội và quốc tế để theo đuổi nó. Chính là để biện minh cho những mục tiêu hỗ tương của chúng ta mà tôi đã cương quyết theo đuổi đường lối hiện nay của tôi...*

Tôi xin một lần nữa tuyên bố những lời cam kết ấy trong lá thư này:

– Thứ nhất, chúng tôi chỉ thừa nhận chính phủ của Ngài là chính phủ hợp pháp duy nhất tại Việt Nam.

– Thứ hai, chúng tôi không thừa nhận quyền ở lại của quân đội ngoại quốc trên phần đất miền Nam Việt Nam.

– Thứ ba, Hoa Kỳ sẽ phản ứng mãnh liệt đối với những vi phạm Hiệp định...

Kính thư
(kt) Richard Nixon

Cuốn sách này là một công trình biên khảo về liên hệ giữa những viên chức cao cấp nhất của Hoa Kỳ và Nam Việt Nam trong khoảng tám năm cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa. Bởi lẽ, hai Tổng Thống, Nixon và Thiệu đã gặp nhau chỉ có ba lần trong thời kỳ đó, Ford và Thiệu không hề gặp nhau sau khi Ford nhậm chức Tổng Thống cho nên những cuộc tiếp xúc ở cấp cao nhất đã chỉ tiến hành qua vị Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn, hoặc qua những cộng sự viên tại mỗi thủ đô, nhất là những cuộc thăm viếng của phụ tá Tổng Thống đặc trách an ninh Quốc Gia, Henry Kissinger và người phụ tá của ông là Alexander Haig. Nhưng liên hệ Việt-Mỹ không hẳn chỉ có thế.

Đây là lần đầu tiên chúng tôi muốn đưa ra ánh sáng sự kiện là còn có một đẳng cấp tiếp xúc hết sức quan trọng nữa. Đó là sự trao đổi thư tín riêng giữa hai quốc gia, theo đó, Hoa Kỳ chính thức công nhận những cam kết đối với Việt Nam Cộng hòa.

Một vài trích dẫn trên đây của Richard Nixon gửi cho Nguyễn Văn Thiệu đã nằm trong hai mươi bảy lá thư và thông điệp Nixon viết trong khoảng thời gian ba năm liên tiếp. Mặc dầu chúng đề cập đến nhiều việc và nhiều vấn đề, nhưng hầu như mọi lá thư đều nhắc lại cái chủ đề là Hoa Kỳ cam kết sẽ quyết tâm yểm trợ Việt Nam Cộng hòa cả kinh tế, quân sự lẫn chính trị.

Chỉ trong vòng hai-mươi-bốn tiếng đồng hồ lên kế vị chức vụ Tổng Thống sau khi Nixon từ chức ngày 9 tháng 8, 1974, chính Gerald Ford đã viết ngay

cho Thiệu khẳng định rằng: ***"những cam kết hiện hữu mà dân tộc chúng tôi đã hứa hẹn với quí quốc trong quá khứ, nó vẫn còn hiệu lực và sẽ hoàn toàn được tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi"***. Sau đó, Ford đã viết thêm vài bức thư nữa, trong đó ông ta tái xác định yểm trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam Cộng hòa.

Dựa vào những lời cam kết ấy, ngày 20-3-1975, sau khi quân Bắc Việt đã tràn qua sông Thạch Hãn, Tổng thống Thiệu viết một lá thư cầu cứu xin Hoa Kỳ tôn trọng những cam kết và gấp rút yểm trợ Việt Nam Cộng hòa. Lá thư đó do Tiến sĩ Hưng thảo và gửi cho Tổng thống Ford qua tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn, đề ngày 25 tháng 3, 1975 chỉ một tháng trước ngày Sài Gòn thất thủ. Bức thư nội dung như sau:

Thân gửi Tổng Thống,

Xin cảm ơn Ngài về bức thư đề ngày 22 tháng 3, 1975 của Ngài.

Trong lúc tôi viết bức thư này cho Ngài thì tình hình quân sự tại Nam Việt đang hết sức khẩn trương và cứ mỗi giờ qua lại càng trầm trọng hơn.

Sự bất quân bình trong cán cân lực lượng của hai bên đã ngả về phía quân Bắc Việt, cũng như những lợi điểm chiến lược mà chúng thu thập được trong hai năm qua, đã đưa tới tình trạng khủng hoảng hiện nay, nhất là tại vùng I và II Chiến Thuật, như Ngài hẳn đã biết. Những áp lực nặng nề đang đè xuống tất cả phần còn lại của lãnh thổ quốc gia chúng tôi, và chính Sài Gòn cũng đang bị đe dọa.

Bởi vậy, nếu không có được những biện pháp mạnh và mau chóng về phía Ngài nhằm tái lập sự quân bình lực lượng thì chúng tôi khó mà ngăn chặn được sự tiến quân của các lực lượng Cộng sản, để giữ vững phòng tuyến, hầu đẩy lui được lực lượng xâm lăng.

Ý đồ của Hà Nội là dùng Hiệp định Paris để đánh chiếm miền Nam bằng quân sự thì chúng tôi đã biết rõ ngay từ lúc còn đang thương thảo Hiệp định này. Chắc Ngài còn nhớ chúng tôi đã ký (Hiệp định ấy), chẳng phải vì chúng tôi đã ngây thơ tin ở thiện chí của kẻ thù, mà chỉ vì chúng tôi đã tin tưởng vào lời cam kết long trọng của Hoa Kỳ là sẽ bảo vệ hòa bình tại Việt-Nam.

Theo những lời cam kết vững chắc lúc ấy, chúng tôi đã được hứa hẹn rằng Hoa Kỳ sẽ trả đũa nhanh chóng và mãnh liệt khi có bất cứ vụ vi phạm Hiệp định nào của kẻ thù.

Chúng tôi đã coi những lời cam kết đó là bảo đảm quan trọng nhất cho Hiệp định đình chiến. Chúng tôi tin lời cam kết đó là tối quan trọng cho sự sống còn của chúng tôi.

Thưa Tổng Thống,

Trong giờ phút hết sức khẩn trương này, lúc mà sinh mệnh của miền Nam tự do đang lâm nguy và hòa bình đang bị đe dọa nghiêm trọng, tôi xin long trọng yêu cầu Ngài thi hành hai biện pháp cần thiết sau đây:

– Ra lệnh cho phi cơ B-52 dội bom trong một thời gian ngắn nhưng thật mãnh liệt xuống những noi

tập trung quân và căn cứ hậu cần của địch tại Nam Việt Nam, và

– Cung ứng khẩn cấp cho chúng tôi những phương tiện cần thiết để ngăn chận và đẩy lui cuộc tấn công.

Chỉ có hai hành động này mới có thể chận đứng được kẻ thù khỏi xé nát những mảnh giấy còn lại của Hiệp định Paris.

Thưa Tổng Thống,

Một lần nữa, tôi muốn kêu gọi đến Ngài, đến uy tín cửa chính sách ngoại giao Hoa Kỳ, và nhất là khiếu nại tới lương tri của nhân dân Hoa Kỳ.

Tôi lấy làm phấn khởi khi thấy vào lúc mới nhiệm chức Tổng Thống, chính Ngài đã mau chóng xác định lại những bảo đảm và tiếp tục chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ (đối với Việt Nam) cũng như minh định hiệu lực của những cam kết hiện hữu. Tôi tri ân Ngài về việc Ngài (đã nói, rằng sẽ) quyết tâm tôn trọng hoàn toàn những cam kết đó trong nhiệm kỳ của Ngài. Như Ngài đã nhận định thật đúng, những bảo đảm này đặc biệt thích hợp với (trường hợp) Việt Nam Cộng hòa.

Biết bao thế hệ dân chúng Nam Việt Nam sau này được sống trong tự do không bị Bắc Việt thống trị, sẽ mang ơn về những hành động mau lẹ của Ngài và về lòng kiên trì của dân tộc Hoa Kỳ vĩ đại.

Kính thư

(kt) Nguyễn Văn Thiệu

Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Ford nhận được thư của ông Thiệu, cùng với thư cầu cứu của Chủ tịch Thượng và Hạ viện Việt Nam Cộng hòa (xin xem phụ lục) nhưng hoàn toàn im lặng, không có hồi âm mà cũng không cho quốc hội và nhân dân Hoa Kỳ hay. Ông lên máy bay đi Palm Spring chơi golf và hai tuần sau, Đà Năng thất thủ.

chương I
khúc quanh lịch sử

Buổi sáng Sài Gòn hôm ấy, nắng chói chang và nóng bức, không khí nặng nề, mùi của khói xe hơi pha trộn với mùi mía ủng và những thoáng hương nhài. Nguyễn Tiến Hưng, trong bộ đồ màu lam thẫm mà anh ưa nhất ra khỏi căn nhà của bà mẹ anh tại đường Phan Đình Phùng, nơi anh đã cư ngụ từ ngày ở Mỹ về, và bước vào chiếc công xa Peugeot màu đen. Hôm ấy, là ngày 15 tháng Chín 1971; lần đầu tiên anh được mời đến hội kiến với Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa tại Dinh Độc Lập. Lúc xe lướt ngang qua những hàng cây me dọc đại lộ Thống Nhất, anh sực nhớ hồi còn là một sinh viên, anh đã thường phải ngừng lại đợi trên chiếc xe Mô-bi-lét trong khi cảnh sát lấy những trục kẽm gai chắn đường để cho các viên chức cao cấp ra vô dinh. Hôm ấy, anh khỏi cần đợi. Bây giờ anh đã là một giáo sư kinh tế học tại Hoa Kỳ, và từ hai năm qua, anh đã từng viết thư cho ông Thiệu, để tham luận về tình

hình chiến tranh cũng như đề nghị những biện pháp mới để phục hồi nền kinh tế Việt Nam.

Khi thấy chiếc công xa, lính phòng vệ trong Dinh, thân hình vạm vỡ, cao lớn, trong những bộ quân phục trắng với giây biểu chương vàng, găng tay trắng và mũ bê rê đen, từ từ mở cánh cổng sắt đồ sộ phía trước Dinh. Cổng này là di tích của thời Pháp thuộc; khi ấy, Phủ Tổng Thống là nơi cư ngụ của viên Toàn quyền Đông Dương người Pháp. Dinh Độc Lập đã được xây lại sau lần bị tàn phá nặng nề trong vụ ném bom đảo chánh chống lại Tổng Thống Ngô Đình Diệm năm 1962. Sau đó, Tổng Thống Diệm dọn sang dinh Gia Long ở cho tới cuộc đảo chánh tháng 11 năm 1963.[1] Chính Tổng Thống Thiệu, hồi ấy còn là một đại tá chỉ huy Sư đoàn 5 Bộ Binh đã dẫn đầu cuộc tấn công đó.

Những khẩu M-16 trên vai lính phòng vệ bóng loáng trong ánh nắng nung nấu in hằn lên những trạm canh, có hình mái chùa dọc theo hàng dậu sắt bao quanh Dinh. Hai chiếc phi cơ trực thăng nằm yên trên vườn cỏ. Thấy xe tới, đội phòng vệ thoắt đứng vào thế nghiêm và bồng súng chào Hưng, như thể chào một vị đại sứ hay tổng trưởng nội các. Viên giám đốc nghi lễ mang kính trắng trong bộ tây phục màu đen, đón chào anh và đưa anh lên hàng cầu thang uốn cong trải thảm dầy, dẫn tới những cánh cửa khổng lồ bằng kính của phòng tiếp khách ở lầu hai.

Lúc hai người bước vào bên trong, khí lạnh của máy điều hòa không khí làm tăng vẻ yên tĩnh bao trùm các bộ bàn ghế cổ kính sang trọng. Phòng khách được trang hoàng với những bộ ghế mun chạm trổ, những bàn sơn mài và những bộ tủ. Một bức bình phong khảm xà cừ của Trung Hoa tạo thành một bối cảnh cho cặp ngà voi được chưng trên hai giá cũng bằng gỗ mun. Dọc một hành lang có bầy những bình pha lê cắm đầy hoa glay-ơn vàng, đỏ. Đó là lối đưa tới phòng làm việc của Tổng Thống Thiệu.

Trong bầu không khí đầy nghi thức lúc đó, Hưng bỗng có cảm thấy e ngại. Ở vào tuổi ba mươi lăm người nhanh nhẹn, nồng nhiệt, đôi mắt nâu sáng ngời khi nói chuyện, anh có một vẻ hăng say và thành khẩn trẻ trung. Thế nhưng khi sắp giáp mặt ông Thiệu, anh cảm thấy không được tự nhiên. Anh tự hỏi, là một quân nhân, ông Thiệu sẽ có phản ứng thế nào đối với một giáo sư kinh tế học? Ông có phải là một nhà độc tài lạnh lùng, xa cách như báo chí Mỹ mô tả? Hay ông chỉ ưa độc thoại như thói quen của ông Diệm?[2] Dù đã sống mười ba năm ở Mỹ, Hưng vẫn còn nặng tinh thần Khổng Giáo, một niềm tôn kính đối với vị lãnh đạo quốc gia – người mà anh sắp sửa bàn bạc một số đề nghị hết sức quan trọng.

Một người cận vệ mặc quân phục mở cửa văn phòng của ông Thiệu, viên giám đốc nghi lễ bước vào và giới thiệu anh với Tổng Thống Thiệu là "Giáo su Hưng". Điều này làm anh hài lòng, bởi lẽ, theo

truyền thống, kẻ sĩ chiếm địa vị cao nhất trong thứ bậc xã hội tứ dân cổ truyền. Tổng Thống Thiệu bước tới, bắt chặt tay Hưng, ông nói với một nụ cười tươi: "Bây giờ mình mới thực sự gặp nhau"!

Lúc ấy, chỉ có một mình ông Thiệu trong phòng. Trước đó, Hưng cứ tưởng sẽ có nhiều phụ tá khác trong buổi gặp mặt. Họp tay đôi thế này, anh cảm thấy thoải mái hơn. Anh có thể nói trực tiếp không qua người trung gian. Cảm tưởng thứ nhất của Hưng là ông Thiệu có vẻ rắn rỏi, nhưng dè dặt và nghiêm nghị. Với đôi mắt sáng quắc, ông Thiệu ngó thẳng vào mắt Hưng, như dọ dẫm. Anh nghĩ: ông này đang coi tướng mình đây, chắc muốn xem mình có phải là làm cho "Xịa" hay đến cầu cạnh việc gì không?

Hưng nhìn thẳng vào mắt ông Thiệu, như thể đáp lại sự dò xét đó. Khuôn mặt ông tròn trĩnh, không vết nhăn hay vẻ lo âu. Chỉ một vài sợi tóc bạc tô điểm hai mái tóc đen chải chuốt. Ông mặc một bộ quần áo kaki, sơ-mi ngắn tay. Ông ra hiệu mời anh ngồi vào một trong hai ghế bành bọc gấm đối diện nhau ở một góc xa của căn phòng, giữa hai ghế là một bàn nhỏ bằng gỗ gụ. Thế là hai người ngồi xuống để khởi sự một mối liên hệ có ảnh hưởng sâu xa tới cuộc đời của Hưng từ đó.

Hưng sinh trưởng tại Thanh Hóa, Bắc Việt. Thân phụ anh là một điền chủ Công Giáo mộ đạo, người huyện Nga Sơn. Gia đình có chín người con sống trong một căn nhà gạch ba tầng duy nhất tại xã Điền

Hộ. Tháng năm 1954, vào lúc quân Pháp bại trận tại Điện Biên Phủ, Hưng mới mười tám tuổi. Anh được tin là bộ đội Việt Minh từ các căn cứ gần làng sắp sửa tràn xuống. Cha anh vừa là điền chủ, vừa là tín đồ Công Giáo, ắt không tránh khỏi nguy hiểm cho tính mạng. Hưng bèn khuyên cha là cả gia đình phải bỏ trốn ngay tức khắc. Bằng đường bộ, họ đi theo các toán quân rút lui, những đoàn nông dân băng qua những lằn đạn bắn sẻ, chạy tới bờ biển cách đó mười hai dặm. Sau cả đêm chạy bộ, gia đình Hưng mệt lả, và Hưng là người con trai lớn tuổi nhất có mặt lúc đó nên đã phải lãnh trách nhiệm di tản. Anh đổi hai thỏi vàng lấy một con thuyền tam bản nhỏ để ra khơi. Sau nhiều giờ lênh đênh trên sóng, gia đình anh gặp một chiếc tàu Pháp và được vớt lên khoang bằng thang giây bên cạnh tàu. Cùng với gần một triệu dân tỵ nạn khác, gia đình Hưng di tản vô Nam, đến Sài Gòn. Hưng sống tại đây được bốn năm. Anh đang theo học đại học, thì được học bổng Smith-Mundt sang Hoa Kỳ năm 1958 để theo đuổi môn kinh tế học.

Anh tốt nghiệp với văn bằng Tiến Sĩ tại Đại học Virginia là nơi anh theo học với hai vị giáo sư Warren Nutter và James Schlesinger, hai ngôi sao sáng đối chọi nhau trong phân khoa Kinh tế trước khi họ rời lên Hoa Thịnh Đốn, phục vụ trong chính phủ Nixon. Tại Hoa Kỳ, Hưng dùng tên thánh của mình là Gregory (Giáo Hoàng Gregory Đệ Nhất, 590-604), do một vị linh mục trong làng đặt cho anh lúc rửa

tội. Sau khi tốt nghiệp, anh đang sửa soạn trở về Sài Gòn để nhận chức Giám Đốc Hối đoái, thì cuộc đảo chánh 1963 đã làm đảo lộn kế hoạch của anh. Anh ruột Hưng là Nguyễn Hữu Chỉnh, một viên chức cao cấp trong chính quyền Ngô Đình Diệm đã bị liên lụy và khuyên anh chưa nên về quê hương vội. Anh nhận một chức giảng sư tại Đại Học N.C. Wesleyan, sau đó, chuyển sang Đại học Trinity, rồi Đại học Howard ở Hoa Thịnh Đốn. Trong môi trường của đại học, anh đã bắt đầu tìm mọi cơ hội để chống lại phong trào phản chiến. Năm 1966, anh gia nhập Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), phụ trách chương trình kinh tế cho các nước cựu thuộc địa Pháp tại Phi Châu.

Tháng Ba 1968, trong một chuyến đi công tác ở Gambia cho Quỹ Tiền Tệ Quốc tế, anh bật nghe trên làn sóng ngắn của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ, tin Tổng Thống Lyndon Johnson sẽ không ra tái tranh cử nữa. Anh linh cảm thấy ngay một thay đổi lớn trong chính sách của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam. Sau chuyến công tác đó, anh quyết định rời Quỹ Tiền tệ, quay về vói cuộc đời dạy học. Đó là môi trường mà anh nghĩ có thể cho phép anh tích cực hoạt động chính trị giúp nước một cách đắc lực hơn – bởi lẽ anh không được quyền làm chính trị trong cương vị một công chức quốc tế. Mùa hè 1969, Hưng thảo bức thư đầu tiên gửi Tổng Thống Thiệu. Trong thư, anh phân tách sự chống đối chiến tranh của sinh viên Hoa Kỳ và thái độ thù nghịch của báo chí Mỹ đối với

ông Thiệu cũng như các tướng lãnh bị buộc tội tham nhũng. Lá thư của anh được Tướng Trần Văn Đôn chuyển đạt. Tướng Đôn là một nhân vật trong Quốc Hội, cũng là người mà ông Thiệu đã yêu cầu nhận chức vụ đại sứ lưu động không chính thức.

Hưng rất thường gặp giáo sư Warren Nutter, lúc ấy đã trở thành Phụ tá Bộ Trưởng Quốc Phòng, đặc trách An Ninh Quốc Tế và là cánh tay mặt của Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird. Anh gửi cho ông Thiệu một loạt phúc trình đề nghị những biện pháp khắc khổ, nhằm ổn định nền kinh tế bị lạm phát vì chiến tranh. Do những tiếp xúc riêng, Hưng biết rằng vấn đề rút quân của Hoa Kỳ đang có chiều hướng tăng gia tốc. Anh giải thích cho ông Thiệu biết về những áp lực nặng nề đối với Nixơn do nhóm sinh viên chống quân dịch và phản chiến muốn chấm dứt chiến tranh Việt Nam ngay tức khắc. Vụ Vệ quốc binh bắn chết bốn sinh viên và làm bị thương chín người khác tại Đại học Kent ở Ohio ngày 4 tháng 5, 1970, trong một cuộc biểu tình phản đối cuộc tấn công vượt biên sang Cam-bốt tháng trước, đã trở thành một biểu tượng của tinh thần "chết cho chính nghĩa" trong giới thanh niên Mỹ.[3]

Hành động này chỉ làm cho ngọn lửa chống đối chiến tranh càng bùng lên dữ dội hơn, cũng như sự xuất bản tập "Tài liệu Ngũ Giác Đài" mà một nhóm chuyên viên tại bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ đã tiết lộ cho tờ *New York Times*.

Thế rồi, ngày 15 tháng 7, 1971, Tổng Thống Nixon đã làm cả thế giới ngạc nhiên khi ông loan báo chuyến bay bí mật sang Bắc Kinh của Henry Kissinger, vị Phụ tá An Ninh Quốc Gia tại Bạch Cung – chuyến đi dọn đường cho cuộc thăm viếng của chính Nixon bảy tháng sau đó, vào tháng Hai, 1972. Những năm mà Trung Cộng công khai tố cáo Hoa Kỳ là con "hổ giấy", là "tên trùm đế quốc chủ nghĩa", nay sắp sửa chấm dứt. Hoa Kỳ rồi đây sẽ phải thay thế mối lo sợ xâm lược của Trung Cộng tại Đông Nam Á bằng một chính sách mới gồm ba điểm: hòa hoãn với Nga, khai thác những mối tranh chấp giữa Nga và Trung Cộng và bình thường hóa quan hệ với Trung Cộng.[4] Ý đồ của Nixon, do Kissinger đang thi hành, là kéo Trung Quốc vào một quan hệ xây dựng mới và rút khỏi cuộc chiến tại Việt Nam. Ông sẽ kêu gọi sự giúp sức của cả Nga lẫn Tầu nhằm thuyết phục Bắc Việt, là Hoa Kỳ thành thực muốn chấm dứt chiến tranh.

Sự đảo ngược táo bạo hai-mươi-hai năm thù nghịch giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng, là một khúc quanh lớn trong chính sách Mỹ. Nó đã làm cho các đồng minh không hề được tham khảo, bàng hoàng và lo ngại.

Tin này khiến ông Thiệu vô cùng sửng sốt. Ông muốn biết chiến lược của Nixon sẽ ảnh hưởng đến Việt Nam ra sao. Trước hết, ông muốn xác định xem có phải Nixon đã nản chí và bỏ rơi lập trường chống

Cộng của mình hay không. Tìm trong tập hồ sơ về những bài diễn văn của Nixon, mà ông thường lưu giữ, ông rút ra một bài mà ông còn nhớ.[5] Lời lẽ bài đó, còn bám chặt ký ức ông. Cuộc chiến tranh Việt Nam, như Nixon đã nhận định năm 1965: "*Là một sự đương đầu – chẳng phải là giữa Việt Nam Cộng Hòa và Việt Cộng hay giữa Hoa Kỳ và Việt Cộng – mà chính là giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng.*

Nếu Hoa Kỳ bỏ rơi Việt Nam, Á Châu sẽ bỏ rơi Hoa Kỳ và Thái Bình Dương sẽ trở thành một biển đỏ. Đó mới là nguyên tắc chính. Ta nên ngăn chận sự xâm lược của Trung Cộng tại Việt Nam lúc này hay là chờ cho đến khi những rủi ro sẽ lớn hơn nhiều nữa"?[6]

Cho đến nay, trước khi có lời loan báo bất ngờ của Nixon, sự cam kết của Hoa Kỳ đối với Việt Nam được xây dựng trên nền tảng là Mỹ muốn ngăn chặn Trung Cộng, không để cho lan tràn xuống Đông Nam Á. Nó bắt nguồn từ hồi Tổng Thống Eisenhower chấm dứt chiến tranh Triều Tiên năm 1953 và giúp Pháp chống lại Hồ Chí Minh.

Người ta thường gọi đó là "Thuyết Đô-mi-nô", như Eisenhovver đã phác họa: Nếu một nước tại Á Châu đổ, thì các nước khác đổ theo như một hàng quân bài đô-mi-nô.

Suy luận như vậy, ông Thiệu lo ngại rằng vì quyền lợi của các cường quốc, Việt Nam sẽ có thể bị hy sinh. Vì người Mỹ không còn coi Trung Cộng là đối thủ chính của mình tại Á Châu nữa, ông nghĩ, họ

sẽ thôi không còn căn cứ chính sách Á Châu của họ vào việc ngăn chận làn sóng đỏ Trung Cộng ngay tại Việt Nam và như vậy chắc chắn họ sẽ muốn rút khỏi Việt Nam, để mặc cho miền Nam đơn thương độc mã đương đầu với miền Bắc có Nga đứng đằng sau.

Mối băn khoăn của ông Thiệu về chính sách mới này của Hoa Kỳ lại càng tăng thêm khi ông thấy hành động và thái độ của Kissinger trong chuyến viếng thăm Sài Gòn hồi tháng bảy vừa qua (trên đường đi Trung Quốc). Tuy bề ngoài mang vẻ một chuyến đi làm quen với Á Châu, nhưng Kissinger đã tới nơi đúng vào lúc Sài Gòn đang chuẩn bị cho cuộc bầu cử Tổng Thống vào mùa thu tới. Kissinger theo đúng lập trường chính thức của Hoa Kỳ là đứng ngoài vòng và không ủng hộ ứng cử viên nào hết. Để thực hiện lập trường đó, ông đã đến gặp các đối thủ của Thiệu và các nhà lãnh đạo phe đối lập trong hàng ngũ Phật giáo và các đoàn thể lao động. Ông Thiệu cho hành động này của Kissinger có nghĩa là Mỹ đã thôi không ủng hộ mình. Ông còn nhớ những biến cố bạo động năm 1963, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ và sát hại trong một cuộc đảo chánh, chỉ một thời gian sau những buổi họp giữa Đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge và những nhà sư Phật giáo chống đối ông Diệm. Thiệu cho rằng sự can thiệp của Kissinger vào diễn trình chính trị ở Sài Gòn là một nỗ lực ngầm phá quyền uy của mình, và ông liền đặt Lữ đoàn Phòng vệ Phủ Tổng Thống trong tình trạng báo động.[7]

Sau khi chuyến đi Trung Hoa được loan báo, ông Thiệu lại càng ngờ vực hơn nữa. Liệu Kissinger đã có thỏa hiệp ngầm nào với Châu Ân-lai chưa? Hắn có ghé Hà-Nội trước khi thăm Bắc-Kinh không? Việt Nam Cộng Hòa sẽ đóng vai trò nào trong chiến lược quân bình toàn cầu của Mỹ sau khi Hoa Thịnh Đốn tái lập quan hệ bình thường với Bắc-Kinh? Đó là những câu hỏi luẩn quẩn trong đầu ông Thiệu hồi ấy.[8] Mặc dù họ chỉ gặp nhau trong phút chốc, nền tảng của sự ngờ vực giữa Kissinger và Thiệu đã được xây nên từ đó. Ông Thiệu về sau có nói riêng với Hưng và một số phụ tá thân cận của ông là, Mỹ đang đi kiếm một nhân tình mới trẻ đẹp hơn và Nixon bây giờ đã tìm được tiểu thư Tầu. Ông ta không còn muốn thấy nhân tình cũ bám theo mình nữa. Em bé Việt đã bị chê già và xấu rồi".[9]

Chỉ vài ngày sau khi Nixon loan báo chuyến vi hành bí mật của Kissinger qua Trung Quốc, ông Thiệu nhận được một bức thư của Hưng giục ông chuẩn bị đưa sáng kiến hòa bình của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ra bàn hội nghị trước khi Nixon lên đường. Hưng cảnh cáo rằng Việt Nam Cộng Hòa phải tránh đừng để bị cuốn đi theo chiều gió lốc của sự thay đổi chính sách Hoa Kỳ. Chính vì lý do này mà ông Thiệu đã mời anh về Sài Gòn.

Ngồi đối diện nhau lần đầu tiên trong văn phòng ông Thiệu, ông hỏi Hưng với giọng nói có âm hưởng

của miền Trung: "Ông là giáo sư ở Mỹ. Theo ông, thì người Mỹ đang định làm trò gì"?

Hưng đáp: "Thưa Tổng Thống, tôi nghĩ họ đang bỏ rơi mình rồi"!

Thiệu trừng trừng nhìn Hưng, giật mình vì câu đáp thẳng thừng của anh. Hưng tiếp: "Người Mỹ thẩm định mọi việc bằng một balance sheet, một bên ghi tích sản, một bên ghi tiêu sản, và họ lấy con số kết toán để xác định chính sách".

Ông Thiệu có vẻ không hiểu. Hưng bèn rút cuốn sổ tay ra và vẽ một bản đối chiếu chi thu, liệt kê trong hai cột những thí dụ về tài sản và nợ nần của Việt Nam đối với chính sách đối ngoại và đối nội của Hoa Kỳ. Anh giảng giải: "Cho đến lúc này, thì Việt Nam vẫn được coi là một "tích sản"; nhưng bây giờ thì đã trở thành một "tiêu sản". Ông Thiệu mỉm cười và gật đầu như có vẻ đồng ý. Hưng nói tiếp: "Nixon là người vẫn còn ủng hộ Tổng Thống và ủng hộ Việt Nam Cộng hòa, nhưng ông ta đang bị áp lực nặng nề. Tôi không biết Nixon còn có thể chịu đựng được bao lâu nữa. Việt Nam đã trở thành một gánh nặng cho chính cá nhân ông ta. Áp lực quần chúng đòi chấm dứt chiến tranh bây giờ đã quá nặng, miền Nam cần phải tự mình tìm lấy sáng kiến để đi đến hòa bình. Chỉ bằng những sáng kiến ấy, ta mới không bị chỉ trích là ngoan cố và mới có thể lấy được hậu thuẫn của dân chúng Mỹ.

Hưng cũng đã biết đến chính sách "Bốn không"

của ông Thiệu đối với Bắc Việt: không thừa nhận Cộng sản, không trung lập hóa miền Nam, không lập chính phủ liên hiệp, và không nhượng đất cho Cộng sản. Gợi ý rằng ông Thiệu nên đề nghị tái lập giao thương giữa miền Bắc và miền Nam như một bước đầu để tiến đến thống nhất bằng hòa bình là một thay đổi lớn trong chính sách. Hưng đã nêu ý kiến này trong các lá thư viết cho ông Thiệu. Bây giờ, anh quyết định sẽ đi vào các chi tiết cách thực hiện ý kiến ấy, dựa vào công thức Đức quốc là "Hai vùng trong một đơn vị kinh tế". Hưng nói: "Trên bình diện chính trị, sẽ có hai miền Bắc và Nam; nhưng trên bình diện kinh tế, ta sẽ tiến đến một thị trường chung". Hưng cố tránh không nói đến "một quốc gia" mà chỉ nói đến một thị trường chung cho toàn cõi Việt Nam. Ông Thiệu sẽ phải chính mình khởi sự cuộc tấn công ngoại giao, nếu không sẽ bị chính trị đại cường áp đảo. Hưng muốn thuyết phục ông Thiệu hãy tỏ ra mềm dẻo hơn và đi bước trước, phải nghiêm chỉnh muốn điều đình với Bắc Việt trên căn bản quyền lợi hỗ tương. Hưng lập luận rằng cho dù Bắc Việtcó gạt bỏ ý kiến giao thương đi nữa, sáng kiến này cũng sẽ thay đổi được phần nào hình ảnh cứng rắn và bất thỏa hiệp của ông Thiệu.

Ông Thiệu bắt đầu lấy giấy ghi chép. Được thể Hưng lại đề nghị thêm là Sài Gòn nên đi bước trước, mời Bắc Việt cùng tài thiết đường hỏa-xa Nam Bắc để buôn bán với nhau và cùng chung sức thực hiện

những dự án phát triển sông Cửu Long. Kế hoạch này đã được Liên Hiệp Quốc ủng hộ, tốn khoảng hai tỷ Mỹ kim, nó có thể cung cấp điện lực cho tất cả các nước ở Đông Dương, kể cả Bắc Việt.

Hưng ngạc nhiên thấy mình nói chuyện được dễ dàng với ông Thiệu. Báo chí Mỹ thường mô tả ông, là độc tài và tham nhũng. Một mình với Hưng, Thiệu đã không có cử chỉ cao ngạo, lại có vẻ tự tin và bình tĩnh.

Tuy nhiên Hưng cũng đã nhận thấy nơi ông Thiệu một cá tính thận trọng, đa nghi. Dù có vẻ bình tĩnh, ông thường xuyên chớp mắt khi nói chuyện, để lộ cho Hưng thấy dấu hiệu một lo âu hay xáo trộn nào đó bên trong. Ông không phê bình gì những quan điểm anh vừa trình bày, mà chỉ nói: "Ý kiến của giáo sư có nhiều hứa hẹn", và yêu cầu Hưng viết một bài diễn văn để ông xử dụng trong cuộc tranh cử sắp tới. Ông Thiệu cũng nhờ Hưng thử bàn ý kiếm tái lập giao thương ấy với các viên chức Mỹ khi trở lại Hoa Thịnh Đốn. Anh băn khoăn: Sáng kiến hiệp thương phải là một cử chỉ đơn phương của Việt Nam Cộng hòa chứ sao lại lệ thuộc vào người Mỹ? Nghĩ vậy, nhưng anh nhận lời đề nghị của ông Thiệu.

Cuộc họp mặt gần chấm dứt. Hưng nhận thấy ông Thiệu có vẻ quan tâm, lo ngại. Đây là lúc ông Thiệu cần phải có một chiến lược mới để đối phó với các phe đồng minh của mình. Anh để ý thấy ông Thiệu bỗng ngưng bặt, mắt nhìn xa xôi. Anh biết rằng ông

Thiệu rất cần có sự giúp đỡ của Hoa Kỳ; quả là tình trạng tuyệt vọng của một kẻ sắp bị chết đuối nên ông đã phải liều nắm lấy cái cọc tái lập giao thương và nhờ cậy một giáo sư Việt Nam tại Mỹ làm người biện hộ cho mình.[10]

Chuyến viếng thăm đầu tiên của Hưng đã nhằm đúng vào lúc ông Thiệu đang ra tranh cử, với một lối vận động không lấy gì hào hiệp cho lắm. Bất chấp những loạt phản đối của Hoa Kỳ về sự độc diễn, ông Thiệu vẫn không chịu bỏ ý định đơn phương tranh cử của mình năm 1971. Nhóm phụ tá của ông đã thao túng Quốc Hội thân chính hồi đó để thông qua một đạo luật đòi mỗi ứng viên Tổng Thống phải lấy một chữ ký ủng hộ của ba-mươi-mốt tỉnh trưởng mới được ra tranh cử. Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ lấy được đủ số chữ ký cần thiết, nhưng lại nộp đơn trễ. Tối Cao Pháp Viện tuyên bố ông Kỳ hợp pháp, nhưng ông quyết định không ra tranh cử, người Mỹ rất muốn có một ứng viên đối lập chống lại ông Thiệu, nên đã tài trợ cho Đai tướng Minh để ông này có ngân khoản vận động tranh cử. Ông Thiệu có bằng cớ là tướng Minh đã chuyển khoản tiền đó từ Paris qua một trương mục của mình tại Đông Kinh Ngân Hàng ở Sài Gòn. Nhưng khi tướng Minh xét mình không thể nào địch nổi ông Thiệu, ông bèn ôm lấy tiền mà không tranh cử nữa.[11]

Ông Thiệu về sau tiết lộ rằng ông đã lập luận đại với Đại Sứ Bunker là cần phải ba tháng mới thay

đổi được luật bầu cử Tổng Thống và mất thêm ba tháng nữa để vận đông tranh cử. Trong thời chiến, sáu tháng đó có thể làm xáo trộn luật pháp và trật tự. Vì vậy, ông Thiệu đã quyết định thà làm phật lòng Hoa Kỳ còn hơn là nhường chỗ cho một ứng viên mà ông cho là có thể đưa miền Nam tới một chính phủ liên hiệp với cộng sản.[12]

Thực ra, ông Thiệu và những người thân cận của ông đã không thực tâm tin vào lợi ích của những cuộc bầu cử dân chủ trong một nước vừa lạc hậu, vừa đang bị chiến tranh tàn phá. Họ quan niệm quyền bính theo nghĩa Thiên Mệnh trong học thuyết Khổng Tử, theo đó, người lãnh đạo phải biết cách duy trì quyền lực là sứ mạng của Trời cho không khác gì người theo đạo Calvin tin ở ân sủng của Thượng Đế và luật tiền định. Một vị tổng trưởng trong nội các đã có lần giải thích như thế này: "Đôi khi chúng tôi đã đồng ý với người Mỹ (để thành lập các định chế dân chủ) chỉ để làm họ vui lòng mà thôi".[13]

Sau này, có lần ông Thiệu tiết lộ với Hưng rằng: "*Các tướng lãnh hồi đó không ai muốn có bầu cử sau khi lên nắm chính quyền vào năm 1965, nhưng người Mỹ cứ đòi phải có. Một hôm Tướng Kỳ, hồi đó là Thủ Tướng, đang đi thăm miền Tây, có một ký giả hỏi: "Bao giờ mới có được một chính phủ dân sự"?, ông Kỳ đáp. "Khoảng hai năm nữa. Chúng tôi sẽ tiếp tục chính phủ quân sự trong hai năm". Ông Thiệu nhớ lại là câu đáp này của ông Kỳ làm người Mỹ hoảng sợ vì*

đợi như vậy thì quá lâu. "Hai tuần sau đó – ông Thiệu nói – Phật giáo và sinh viên biểu tình đòi một chỉnh phủ dân sự". Ông tiếp: "Hễ lúc nào anh thấy Đại sứ Mỹ tới gặp và yêu cầu tôi làm một việc gì đó mà tôi không làm, thì đúng hai tuần sau anh sẽ thấy có biểu tình hoặc báo chí chống đối".[14]

*

* *

Hưng thảo diễn văn phác họa đề nghị giao thương Nam Bắc và ông Thiệu đọc bài này ở Sài Gòn ngày 1 thảng 10, 1971, chỉ có hai hôm trước ngày bầu cứ. Bài diễn văn được báo chí Sài Gòn đăng tải rộng rãi, và được coi là một sáng kiến hay của ứng cử viên Thiệu. Giới truyền thông Mỹ thì không thấy ai chú ý đến đề nghị này. Tại Hoa Thịnh Đốn, Hưng đi vận động cho đề nghị ấy và được giới thiệu đến Philip Habib, lúc bấy giờ là phụ tá Ngoại Trưởng đặc trách Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Habib nói với anh: "Ý kiến hay đấy, nhưng quá muộn rồi". Lúc ấy, Hưng không hiểu tại sao Habib lại nói như vậy. Sau này, khi được biết về những cuộc mật thương giữa Kissinger và Hà Nội, thì anh mới hay rằng cái thời mà ta hy vọng có được sự trao đổi trực tiếp giữa Sài Gòn và Hà Nội đã qua rồi.

Trong một nỗ lực nhằm xoa dịu Nixon và cải thiện hình ảnh mình tại Mỹ đã bị làm hoen mờ vì màn độc diễn, ông Thiệu tuyên bố sẽ quay về với đời sống dân sự sau khi hòa bình được vãn hồi.[15]

Tranh cử một mình, nên ông đã chiếm được 94 phần trăm số phiếu của những người thực sự đi bầu, ước khoảng 87 phần trăm số cử tri hợp lệ, theo thông cáo chính thức; thế nhưng, cũng có nhiều nghi vấn về các con số này.[16] Ông Thiệu nghĩ rằng ông đã được trao "Thiên Mệnh" thêm bốn năm nữa. Ông không biết rằng ông đã phải trả một giá quá đắt, là mất đi một số hậu thuẫn của quốc hội cũng như của giới báo chí Mỹ vì đã tranh cử một mình.

Tháng Chạp năm đó, ông Thiệu lại mời Hưng trở về Sài Gòn. Lần này, viên sĩ quan của Phủ Tổng Thống đã lên tận máy bay đón anh xuống mà không cần qua thủ tục nhập cảnh. Chuyến trở về lần thứ hai này, Hưng có nhiều thì giờ hơn để: tìm lại thành xưa phố cũ. Sau mười ba năm sống ở Mỹ, anh thấy cái gì ở Sài Gòn cũng có vẻ nhỏ bé hơn xưa. Thành phố mến yêu của Hưng ngày nào với những đại lộ thênh thang, những công thự đồ sộ của thời Pháp thuộc, có vẻ như đã co đi, rút lại. Chỉ có chiến tranh là vươn lớn thôi. Khi được thấy Sài Gòn lần đầu tiên vào năm 1954, hồi anh mới đến tỵ nạn, thì thành phố này đối với Hưng là cả một sức sinh động, đầy nhựa sống, đầy diễm lệ, với biết bao vận hội đầy hứa hẹn. Những càn nhà gạch quét vôi màu vàng nhạt, với những mái đỏ, là phong cách của Nam Kỳ, tên gọi cũ mà người Pháp đặt cho phần đất này của Việt Nam. Sài Gòn là thủ đô của miền Nam phong phú, với đời sống dễ dàng nhờ ở những lớp phù sa mà

Cửu Long giang cuốn tới: giòng sông của Chín con Rồng. Theo thần thoại, thì rồng tượng trưng cho một sinh lực tốt lành. Từ cao nguyên Tây Tạng, phía bên kia dãy Hy Mã Lạp Sơn, sông Cửu Long cuốn chảy chừng trên một ngàn dặm; khi tới miền Nam thì chia làm nhiều nhánh uốn hình trông như chín con rồng, tạo nên đồng bằng Cửu Long. Nước sông mầu mỡ, đã cho miền Nam có đến ba vụ gặt mỗi năm: "nước sông dâng lên cá lội vô bờ". Gạo lúc nào cũng đủ ăn và còn dư để bán cho miền Bắc và Trung nghèo khó.

Hưng tin chắc rằng phần lớn căn nguyên của chiến tranh đã bắt nguồn từ sự khác biệt giữa hai nền kinh tế Nam và Bắc. Ngay từ thời thơ ấu ở ngoài Bắc, anh đã được thấy những áp lực của nhu cầu sinh sống gây ra bởi sự thiếu thực phẩm tại phía bắc vỹ tuyến 17.

Trong một bữa ăn trưa tại Dinh Độc Lập một hôm sau lễ Giáng Sinh, Hưng nói với ông Thiệu rằng một trong những lý do chính khiến Hà Nội đã chuyển từ một mức chiến tranh thấp sang toàn lực chinh phục miền Nam là: Miền Bắc, sau năm 1954, đã bị cắt đứt mất vựa lúa ở miền Nam. Anh nhắc lại để ông Thiệu nhớ rằng chỉ một thời gian ngắn sau khi chia đôi đất nước, Hà Nội đã cố trèo kéo Tổng Thống Diệm vào bàn hội nghị để nói chuyện mậu dịch lúa gạo. Anh còn kể lại những chuyện đã xẩy ra ngay tại quê anh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa hồi anh còn nhỏ.

Năm 1945, vi tình hình nội thương gián đoạn

do thế chiến gây ra, lúa gạo không còn được chở từ Nam ra Bắc nữa. Người ta ước lượng khoảng từ 1 triệu rưỡi đến 2 triệu người, lối 12 phần trăm dân số Bắc Việt hồi ấy đã bị chết đói, phần lớn ở Thanh Hóa và các tỉnh nghèo đói lân cận, kể cả Nghệ An, nơi sinh của Hồ Chí Minh và của cuộc Cách Mạng vô sản Việt Nam.[17]Năm ấy, Hưng mới lên chín. Cứ mỗi sáng chủ nhật thân phụ anh sai anh ra đứng ngoài cổng để giữ trật tự cho đám nông dân đói kéo từng đợt vào sân để xin ăn. Mỗi người, bất kể tuổi tác, được phát một tô cháo loãng ăn cho có sức để đi tiếp sang một làng khác và tìm đến một nhà hảo tâm khác. Có người yếu quá, không còn lết được đến làng bên cạnh nữa.

Hưng còn nhớ một buổi tối, sau khi đã cho người nghèo đói ăn, anh ngồi ăn cùng gia đình. Bữa ăn chỉ có cơm và mấy miếng gà luộc. Người em trai anh ném một miếng xương xuống đất cho chó. Bỗng nhiên, từ ngoài cổng có một cụ già gầy yếu nhẩy qua hàng rào chạy tới và giật khúc xương rồi chạy đi. Hình ảnh đó đã in sâu vào trí óc anh.

Một hôm khác, sau khi cha Hưng đánh thức anh em Hưng dậy để đi lễ sáng, anh đã phải đi trước ra cổng để dẹp sang một bên những xác người đã chết đói trong đêm qua, còn nằm rải rác ngay phía ngoài cổng, để có lối đi. Ở nhà thờ, thân phụ anh thường bảo các con phải cầu nguyện cho lúa được mùa, cho đê đừng vỡ, và cho lụt khỏi xẩy ra; quan trọng hơn cả

là phải cầu sao cho lúa gạo chóng được chở từ Nam ra Bắc.

Có những hôm, anh thấy toán tuyên truyền Việt Minh đi lảng vảng ở ngoài nhà thờ. Một tên to lớn nhất và mặt mũi hung tợn nhất bọn, tay cầm ống loa, chờ đến lúc cả nhà thờ đang yên lặng cầu nguyện, bèn hô lớn vào ống loa:

Đồng bào hãy vùng dậy!
Quyết tâm theo Bác Hồ.
Nông dân sẽ có đất,
Người nghèo sẽ có ăn.
Gạo lúa sẽ đầy sân
Đà đảo địa chủ / Đả đảo cường hào ác bá!

Thầy chủ tế bèn ra lệnh cho đám nhi đồng trong nhà thờ hát lớn tiếng hơn để lấn át những tiếng hô hào bên ngoài. Đến cuối buổi lễ thì bọn Việt Minh đã rút lui về những rặng núi xa xa, nhưng lời nhắn nhủ của chúng thì còn ở lại. Mỗi ngày cha Hưng mỗi lo ngại thêm về nạn đói và cách mạng. Toán thanh niên cách mạng càng hay về làng thì cụ lại càng ở nán lại trong nhà thờ lâu hơn để cầu nguyện.

Rồi "Cách Mạng Tháng Tám" bùng nổ, và nông dân đã hoàn toàn hưởng ứng lời hứa hẹn "lúa gạo đầy sân" của "Bác Hồ". Suy luận như vậy, Hưng tin rằng chính cái lời hứa này và nạn đói năm 1954 đã đưa Cộng sản Việt Nam lên nắm được chính quyền chứ không phải là lý tưởng quốc gia như ngoại quốc thường nghĩ. Và chính là nhờ ở những tô cháo loãng

bố thí cho nông dân mà cha Hưng đã khỏi bị mất đầu. Nông dân quanh vùng đã mang ơn sự cứu giúp ấy nên không đưa cụ ra trước Tòa án Nhân Dân được thành lập để xét xử địa chủ. Thoạt đầu, cụ hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Minh vì nghĩ họ chỉ chống Pháp. Cụ còn cho phép con cái đi theo "Bác Hồ" và cổ võ cho cách mạng bằng cách hát những bài hát cách mạng trong những buổi mít tinh trong làng. Hưng kể lại với ông Thiệu rằng anh vẫn còn thuộc lòng bài hát "Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng"? Bà mẹ anh cũng đã ủng hộ nữ trang bằng vàng của cụ, và được bầu làm Chủ tịch ủy ban Tuần lễ Vàng của huyện, đi quyên vàng cho bác Hồ để có tiền mua súng đạn chống Pháp. Té ra, y đã dùng số vàng đó đút lót cho ông tướng Lư Hán của Trung Hoa Quốc Gia hồi đó đang kiểm soát phần bắc Bắc Việt vào mùa Thu năm 1945 để ông này thôi không ủng hộ các đảng phái quốc gia nữa.[18]

Ông Thiệu lắng nghe câu chuyện của Hưng kể và nói chính ông cũng đã mục kích vụ đói 1945. Nhưng làng của ông – thuộc tỉnh Phan Rang, Trung Việt, cách Sài Gòn 218 dặm – đã may mắn hơn vì gần duyên hải, và dân làng có thể đánh cá mà ăn.

Ông Thiệu hỏi: "Tại sao ông nghĩ là Hà Nội sẽ đáp ứng đề nghị giao thương của mình"? Hưng đáp: "Vì ngay sau khi chia đôi đất nước năm 1954, họ đã nhiều lần đòi thương lượng về lúa gạo. Hè năm 1955, tôi đã từng thuộc lớp sinh viên học sinh đi

biểu tình khắp các phố Sài Gòn hô lớn "Đả đảo hiệp thương với miền Bắc"! Chúng tôi đã phá khách sạn Majestic là nơi mà phái bộ Bắc Việt đến điều đình hiệp thương. (Viên trưởng phái bộ Văn Tiến Dũng đã may mắn lắm mới trốn thoát được. Tên này đã thề là sẽ trở lại Sài Gòn bằng xe thiết giáp, và quả nhiên vậy: y đã chỉ huy cuộc tổng tấn công miền Nam vào tháng Tư năm 1975.)

Sau buổi hàn huyên này, ông Thiệu đã ra lệnh cho phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ở Hòa đàm Paris ghi thêm vào bản đề nghị mới nhất với Hà Nội khoản có thể tái lập giao thương giữa hai miền.

Vào lúc ấy – khoảng đầu tháng Giêng 1972 – những mật đàm giữa Kissinger và Lê Đức Thọ tại Paris chưa được công bố. Cứ theo những lời loan báo công khai, thì chỉ có một buổi họp chính thức giữa bốn phe Bắc Việt, Việt Nam Cộng hòa, Việt Cộng, và người Mỹ, mỗi tuần một lần tại Trung Tâm Hội Nghị Quốc Tế thuộc Bộ Ngoại Giao Pháp ở Đại lộ Kléber, Paris. Nhưng thực ra, đó chỉ là một diễn đàn để tuyên truyền mà thôi, chứ không hoàn tất được cái gì cụ thể cả. Bắc Việt không hề đáp ứng lời đề nghị tái giao thương của ông Thiệu.

Trong vòng bí mật, Kissinger đã gặp riêng Lê Đức Thọ từ tháng chín năm 1969. Dù ông Thiệu đã đồng ý trên nguyên tắc về những vụ họp mật ấy, ông cũng không khỏi mỗi ngày mỗi thêm e ngại vì lẽ Kissinger đã chỉ cho ông biết vắn tắt diễn tiến những cuộc

thảo luận qua những lần thuyết trình sơ lược của Đại sứ Bunker. Ông Thiệu đã gửi cho Kissinger một loạt văn thư nhấn mạnh rằng sự rút quân của cả hai bên Mỹ và Bắc Việtlà một điều kiện tiên quyết để ngưng bắn, nhưng Kissinger đã trả lời rất mập mờ. Chính sự mập mờ này làm ông Thiệu nghi rằng Kissinger sẽ thỏa hiệp với Bắc Việt mà không tham khảo với ông.

Chỉ vài ngày sau buổi gặp gỡ thứ nhất giữa Hưng và ông Thiệu, hồi tháng chín, sự lo ngại của ông Thiệu đã thành sự thật. Đại Tướng Alexander Haig, phụ tá của Kissinger, tới Sài Gòn theo lệnh của Nixon để báo tin cho ông Thiệu biết về một lập trường mới và bí mật của Hoa Kỳ, sẽ được trao cho phái đoàn của Bắc Việt ở Paris vào ngày 20 tháng 11. (Thực ra, đề nghị này đã được đưa cho Bắc Việt rồi mà ông Thiệu không được thông báo).[19] Sau nhiều tháng bất mãn và bực dọc về sự ngoan cố của Bắc Việt đòi những khía cạnh chính trị và quân sự của cuộc hòa đàm phải được gắn liền với nhau, Hoa Kỳ đã phải nhượng bộ.[20] Kissinger bèn đề nghị, và Nixon chấp thuận, một điều khoản đòi tổ chức một cuộc bầu cử tổng thống mới tại miền Nam trong vòng sáu tháng sau khi ký hiệp định hòa bình. Cuộc bầu cử sẽ được tổ chức bởi một ủy ban bầu cử có đại diện của cả ba lực lượng chính trị, kể cả Cộng Sản, dưới sự giám sát quốc tế. Một tháng trước khi bầu cứ, Tổng Thống Thiệu sẽ phải từ chức và chức vụ của ông sẽ phải do Chủ Tịch Thượng viện kiêm nhiệm.

Mặc dù đã thất bại trong mưu toan tạo cơ hội cho ứng viên đối lập đương đầu với ông Thiệu, Kissinger giờ đây đã phác họa được một kế hoạch mới để buộc ông Thiệu rời bỏ chính quyền. Kế hoạch này tế nhị hơn việc trực tiếp đòi ông Thiệu từ chức. Ông Thiệu coi đề nghị của Mỹ là một điều sỉ nhục, nhưng lúc ấy, ông đã phải chấp nhận là vì ông đã bị Kissinger đưa vào thế kẹt. Nếu ông tỏ ra bướng bỉnh trước ngày bầu cử, thì Kissinger cũng có thể trả đũa bằng một cuộc đảo chính. Ngoài ra, ông tin rằng kế hoạch của Mỹ đã chỉ là một lập trường để thương lượng, và Bắc Việt chắc sẽ bác bỏ[21] vì hệ thống độc đảng của Cộng Sản không hề cho phép bầu cử Tổng Thống. Mặc dù căm giận về nước cờ này của Kissinger – một nước cờ nhằm hạ uy quyền của mình và hủy bỏ chính phủ Việt Nam Cộng hòa – ông Thiệu vẫn một mực bình tĩnh với Haig. Công khai lớn tiếng với đồng minh chính yếu của mình chẳng có ích lợi gì. Ông vẫn không nghĩ rằng Nixon đang muốn bỏ rơi mình, dù rằng với Kissinger thì càng ngày ông càng thêm ngờ vực.[22] Ông không thể tự mình để cho tình đồng minh rạn nứt công khai.

Ông Thiệu thường hay ví von những vấn đề giữa Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ với quan hệ phu phụ – "Vợ chồng cãi cọ nhau là lẽ thường. Và cãi nhau xong rồi thì đâu có trở thành thù địch của nhau. Không những vậy, vợ chồng chỉ nên cãi nhau trong phòng ngủ mà thôi, sau khi đã khóa kín cửa lại. Và

không bao giờ được để cho con cái trông thấy cha mẹ chúng xô xát nhau. Đối với bằng hữu cũng vậy. Vì quyền lợi của ta, vì quyền lợi của Hoa Kỳ, ta nên tránh mọi vụ xích mích công khai, chỉ có lợi cho Cộng sản".[23]

Những cuộc gặp gỡ chỉ Kissinger và Lê Đức Thọ được thông báo vắn tắt cho Đại sứ Bunker, để sau đó, ông này tóm trình lại cho ông Thiệu. Kissinger tránh mọi đường giây thông tin bình thường của Bộ Ngoại Giao để phòng bị lộ, nhưng cũng là để cho các ngoại giao chuyên nghiệp khỏi phê phán hành động của mình. Với sự chấp thuận của Nixon, ông đã thu gọn những cuộc mật đàm vào một vòng nhỏ hẹp, tự mình hứa hẹn hoặc nhượng bộ mà không bị bộ máy hành chánh làm trở ngại. Phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại Paris đã không hề được thông báo gì về những cuộc họp kín giữa Kissinger và Lê Đức Thọ cho mãi đến khi Tổng Thống Nixon tuyên bố, vào tháng Giêng 1972, rằng đã có những cuộc mật đàm ấy.

Phía Việt Nam Cộng hòa không hề biết rằng trong những cuộc mật đàm giữa Kissinger và Lê Đức Thọ ngày 16 tháng 8, 1971, Hoa Kỳ đã hứa sẽ rút hết quân đội Mỹ trong vòng chín tháng sau khi có hiệp định. Như vậy, nếu hiệp định được ký vào cuối tháng 11-1971, thì quân Mỹ sẽ ra khỏi Việt Nam vào khoảng mồng 1 tháng 8, 1972.

Kể từ khi tướng Haig đưa cho ông Thiệu kế hoạch

mật đòi ông từ chức, ông nhận thức được rằng qua những cuộc mật đàm giữa Kissinger và Bắc Việt tại Paris, lập trường của Hoa Kỳ đang trên đà giảm sút đáng lo ngại. Kissinger lại không hề thông báo cho ông biết chi tiết nội dung các buổi hòa đàm, và điều này, khiến ông rất băn khoăn.

Ông Thiệu lại càng lo ngại thêm khi thấy chuyện Hoa du của Nixon sắp đến kề. Ông nghi rằng những nhượng bộ của Kissinger với Bắc Việt có liên quan với những trông đợi về sự thành công của Nixon tại Bắc Kinh. Một lần ông Thiệu đã hỏi Hưng là Nixon tin cậy ở Kissinger nhiều hay ít, và anh đáp rằng kể từ khi có chuyến đi bí mật qua Trung Quốc, Kissinger đã "lên như diều". Ông Thiệu hỏi: "Nếu nghe thấy được dự tính nào của ông này, nhớ cho tôi biết". Sau cuộc gặp gỡ, Thiệu còn viết thư riêng cho Nixon nhắc lại mối quan tâm của ông đối với một cuộc ngưng bắn trước khi quân Bắc Việt rút lui; ông cũng phát biểu riêng với Đại Sứ Bunker những e ngại của mình. Bunker đã trấn an ông là không có sự thay đổi nào trong chính sách của Mỹ, nhưng Thiệu lại muốn được nghe thẳng từ Nixon. Ông bắt đâu nghi rằng Kissinger chì trình lại với Nixon sau khi đã làm những nhượng bộ với Bắc Việt, và không thảo luận trước với mình hoặc với Nìxon. Ông còn sợ rằng Nixon đã không trực tiếp can dự vào những chi tiết của chính sách Hoa Kỳ về Việt Nam.

Ông Thiệu muổn liên lạc thẳng với Nixon. Ông

hy vọng rằng lá thư riêng ông gửi cho Nixon có thể mở ra được một đường dây liên lạc riêng không đi qua Kissinger, hoặc ít nhất có thể cho Nixon biết được những lo ngại của mình. Ông không muốn cho Kissinger trở thành một lực lượng áp đảo trong liên hệ giữa Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn; ông nhất định sẽ không để cho một viên cố vấn Tổng Thống ngăn cách ông khỏi Nixon, người mà ông tin là sẽ không bao giờ phản bội Việt Nam.

Ngày 2-1-1972, ông Thiệu nhận được lá thư riêng đầu tiên của Tổng Thống Hoa Kỳ. Việc lá thư tới tay ông đúng vào dịp đầu năm Tây lịch được coi như một điềm tốt.

Ellsworth Bunker, vị đại sứ nhã nhặn và lịch thiệp, đích thân tới trao lá thư tận tay và được ông Thiệu tiếp đón rất niềm nở. Theo truyền thống Khổng Giáo, ông Thiệu đã một mực kính trọng vị đại sứ này vì tuổi tác (lúc đó ông Bunker bẩy mươi bẩy tuổi) và kinh nghiệm. Rất khôn ngoan và nhã nhặn, ông Bunker không bao giờ để cho cảm xúc lấn át những chỉ thị của Hoa Thịnh Đốn. Ông Thiệu biết ông là một người chính trực. Dù biết ông không có thẩm quyền gì và "chỉ là một kẻ đưa tin", nhưng ông Thiệu vẫn kính nể Bunker.

Sau khi trao đổi lời chúc đầu năm, Đại sứ Bunker – cao gần hai mét – từ từ ngồi xuống chiếc ghế bành ngoại khổ trong văn phòng của ông Thiệu và nói: "*Thưa Tổng Thống, như Ngài biết, Tổng thống Nixon*

sắp viếng thăm Trung Quốc. Trước khi đi, Tổng thống Nixon muốn chia sẻ với Ngài một vài ý nghĩ. T. T. chúng tôi muốn tôi cam kết với Ngài rằng chuyến đi Trung Quốc này sẽ có lợi cho Việt Nam cũng như cho cả Á Châu. Tôi vừa nhận được lá thư này từ tòa Bạch Ốc gửi đến Ngài".

Bunker trao lá thư cho ông Thiệu, được gửi qua bằng tín hàm Ngoại giao, ông cảm ơn Bunker và lấy con dao có cán sơn mài mầu đen mở phong bì và đọc lá thư thật nhanh trong vài phút. Đó là lần đầu tiên ông Thiệu nhìn thấy chữ ký của Nixon trên giấy viết thư chính thức, loại giấy dầy, nặng, có in chữ "Toà Bạch Cung" ở đầu trang. Trước khi đứng dậy cáo lui, Bunker lại cam kết một lần nữa với ông Thiệu về thiện chí của Nixon. Sau khi Bunker đã ra về, ông Thiệu mới cẩn thận đọc lại lá thư.

Thưa Tổng Thống,

Nhân lúc đang chuẩn bị cho chuyến đi Bắc Kinh sắp tới của tôi để gặp gỡ và nói chuyện với cấp lãnh đạo của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc, tôi muốn chia xẻ với Ngài một vài ý nghĩ của tôi về những cuộc đàm thoại tôi trông đợi sẽ diễn ra ở đó.

Mục đích chính của những cuộc đàm thoại này là làm sáng tỏ lập trường của chính phủ chúng tôi và của chính phủ Trung Quốc về những vấn đề hiện đang làm hai bên ngăn cách, và để thiết lập một phương tiện truyền thông liên tục. Những khác biệt giữa hai bên thì sâu xa và phức tạp và sẽ không thể giải quyết được

một cách dễ dàng. Tuy nhiên, tôi hy vọng rằng những cuộc đàm thoại này ở Bắc Kinh sẽ là một bước lớn thứ nhất đưa tới việc làm nhẹ bớt những căng thẳng lâu năm giữa Trung Hoa và Hoa Kỳ, đó là một diễn biến có thể mang lại lợi ích trường cửu cho Á Châu và cho toàn thể thế giới.

Những cuộc đàm phán này sẽ chỉ nhằm vào những vấn đề song phương giữa Trung Quốc và chúng tôi; nó bao gồm nhiều vấn đề. Do những khác biệt cố hữu giữa hai bên, vấn đề liên hệ ngoại giao chính thức sẽ không được đặt ra. Ngài có thể tuyệt đối yên tâm rằng tôi sẽ không làm một thỏa hiệp nào tại Bắc Kinh có hại cho các quốc gia khác hoặc về những vấn đề liên quan đến các quốc gia khác. Ngài cũng nên biết rằng những cam kết hiệp ước mà Hoa Kỳ đã thiết lập với các nước khác sẽ không chịu ảnh hưởng gì bởi chuyến viếng thăm của tôi.

Giả sử vấn đề chiến tranh Việt Nam có được nêu lên ở Bắc Kinh, tôi xin cam đoan với Ngài rằng tôi sẽ đưa ra lập trường của Hoa Kỳ và của Việt Nam Cộng hòa một cách minh bạch và mạnh mẽ là cuộc chiến tại Việt Nam phải được kết thúc bằng những cuộc thương lượng trực tiếp với Hà Nội, hoặc nếu không được như thế, thì bằng khả năng mỗi ngày mỗi lớn của Việt Nam Cộng hòa để tự vệ chống lại sự xâm lược của Hà Nội.

Tôi muốn cấp lãnh đạo Trung Quốc hiểu rõ rằng hai chính phủ chúng ta đứng vững với nhau về vấn đề sinh tử này.

Riêng về chuyện viếng thăm của tôi tại Mạc-Tư-Khoa vào tháng 5, 1972, tôi muốn nói rõ là Hoa Kỳ không hề có ý định dàn xếp qua mặt những nước bạn và đồng minh của mình trong bất cứ vấn đề nào liên quan đến an ninh của họ. Thí dụ chưa hề bao giờ có, và sẽ không bao giờ có, những cuộc thương lượng song phương Hoa Kỳ - Xô Viết về sự đồng rút quân khỏi Âu Châu. Tuy nhiên, tôi hy vọng rằng một vài tiến bộ cụ thể nào đó sẽ được thực hiện, hoặc trước, hoặc trong thời gian thăm viếng của tôi tại Mạc-Tư-Khoa, trong các lãnh vực song phương như kiểm soát vũ khí và liên hệ kinh tế.

Trong dịp Ngài khởi sự nhiệm kỳ thứ hai của Ngài, xin Ngài nhận nơi đây lời chúc tụng của tôi cho những chương trình kinh tế và quân sự của Ngài được tiếp tục thành công. Xin Ngài tiếp tục tin cậy ở sự trợ giúp của Hoa Kỳ trong nỗ lực của Ngài, nhằm mang lại hòa bình cho Việt Nam và xây dựng một nền thịnh vượng mới cho dân tộc Việt Nam.

Kính thư

(kt) Richard Nixon

Mới đầu, ông Thiệu có vẻ hài lòng với những lời lẽ trong lá thư. Đoạn chót, hứa hẹn sẽ hỗ trợ liên tục của Hoa Kỳ trong nhiệm kỳ thứ hai của ông, đặc biệt làm ông yên tâm sau khi ông đã gây nên những bất bình về việc độc diễn trong cuộc bầu cử vừa qua. Nixon cũng không hề nhắc đến những mối căng thẳng gây ra bởi đề nghị mới của Hoa Kỳ với Hà Nội

buộc ông Thiệu từ chức một khi đã có hòa giải. Lá thư đã chỉ đặt nặng những cuộc "đàm thoại" giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc và giảm bớt căng thẳng với Nga Sô. Nixon đã nhận định rằng sẽ không thể có vấn đề nối lại bang giao chính thức với Trung Cộng và "không làm một thoả thuận nào tại Bắc Kinh" mà có hại cho các quốc gia khác hoặc về những vấn đề có liên quan đến các quốc gia khác.

Đọc thư Nixon, Thiệu nhớ lại buổi gặp gỡ của họ lần đầu, năm 1967. Hồi đó, Nixon còn là một luật sư đại diện cho hãng nước ngọt Pepsi-Cola, đi thăm viếng Á Châu nhằm chuẩn bị cho cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1968. Nixon đến gặp Thiệu, hồi ấy còn là Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân. Hai người gặp nhau tại dinh Gia Long; trong dịp này ông Thiệu nói với Nixon về ước muốn của ông là đoàn kết dân tộc để chống Cộng và trở thành tự túc và tự lực. Lúc đó, Nixon đã không hề nói đến nhu cầu hòa giải với Trung Cộng. Ông còn nhấn mạnh lập trường chống Cộng của mình và nhắc cho Thiệu nhớ lại sự ủng hộ của ông đối với chiến tranh Đông Dương và chính ông đã chủ trương dội bom Điện Biên Phủ hồi còn làm Phó Tổng thống cho Eisenhower năm 1954.[24] Hai người rất hợp ý nhau, và ông Thiệu đã thán phục sự thấu hiểu vấn đề Á Châu cũng nhu sự thông thạo về chính sách đối ngoại của Nixon. Thiệu nhận thấy ở Nixon một con người có danh dự. Ông nói với các

cố vấn của ông: "*Nếu Nixon nói giúp ai, là ông ta sẽ làm. Ông ta sẽ cố làm cho được*".[25]

Dù nghĩ vậy, bản chất đa nghi của ông Thiệu vẫn làm ông thắc mắc. Chính sách Mỹ, dựa trên căn bản là ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc tại Đông Nam Á, liệu có đang thay đổi gì không. Giờ đây, Mỹ đang ve vãn Trung Cộng và mọi dấu hiệu đều cho thấy một sự chuyển hướng của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa, ngược hẳn với những lời hứa hẹn và cam kết trong thư, ông Thiệu suy đoán rằng quả như Hưng đã nói, dưới cặp mắt cấp lãnh đạo Mỹ, Việt Nam Cộng hòa đã từ một của cải biến thành của nợ rồi. Chuyến Hoa du của Nixon đã là một đòn bất ngờ, có thể là một cái "hạn" mà Thiệu phải trải qua trong năm Tý, là năm tuổi của ông; các nhà chiêm tinh đã khuyên ông nên thận trọng trong năm nay. Ông tự yên ủi mình rằng, dù sao chăng nữa thì lá thư của Nixon đã hứa sẽ "đứng vững với nhau" về vấn đề giải quyết cuộc chiến Việt Nam và cam kết rằng Hoa Kỳ sẽ không "giao dịch qua mặt những nước bạn và đồng minh trong bất cứ cách thế nào có thể liên quan đến quyền lợi an ninh của họ". Ông Thiệu đưa lá thư của Nixon cho Hoàng Đức Nhã đọc và hai người cùng duyệt lại ván bài. (Nhã là em họ, đồng thời cũng là bí thư của ông Thiệu). Ông Thiệu bắt đầu nhiệm kỳ thứ hai cũng là sứ mệnh thứ hai mà ông cho là Trời đã trao phó.[26] Liên hệ giữa Thiệu và Nixon trong tư thế Tổng Thống đang bước vào

năm thứ năm, và năm 1972, Nixon sẽ ra tranh cử tổng thống thêm một nhiệm kỳ nữa. Chuyến Hoa du của Nixon là một lá bài lớn trong cuộc tái tranh cử của ông ta, và ông Thiệu thừa biết là cứ mỗi cuộc bầu cử Tổng Thống ở Mỹ là lại có nhiều nỗ lực mạnh mẽ để chấm dứt chiến tranh.

Đối với ông Thiệu, cũng như đối với những người thân cận của ông, thì tuần lễ du hành của Nixon tại Bắc Kinh là tuần lễ đã làm biến đổi cục diện Việt Nam vậy.[27]

chương II
nixon và thiệu: 1 món nợ chính trị

Nguyễn Văn Thiệu tin rằng Richard Nixon đã mắc ông một món nợ chính trị khi ông không chịu ủng hộ sáng kiến hòa bình của Tổng Thống Lyndon Johnson ngay trước kỳ bầu cử Mỹ năm 1968. Dù không công khai tuyên bố, ông Thiệu vẫn chắc chắn rằng việc ông từ chối không tham dự những cuộc hòa đàm với Bắc Việt và Việt Cộng khi Johnson ngưng dội bom Bắc Việt vào ngày 31-10-1968, đúng năm ngày trước cuộc bầu cử, đã đóng một vai trò quyết định trong sự thắng lợi của Nixon đối với Hubert Humphrey.[1]

Ông Thiệu tin rằng nếu Humphrey đắc cử thì Mỹ sẽ đơn phương ngưng dội bom Bắc Việt và nhượng bộ Mặt Trận Giải Phóng (MTGP). Ông giải thích: "Humphrey thắng cử sẽ có nghĩa là chính phủ liên hiệp trong vòng sáu tháng; còn nếu Nixon thắng, thì ít ra cũng có hy vọng".[2]

Ông Thiệu còn giữ một ấn tượng rất rõ rệt về

Hubert Humphrey. Ấn tượng này thành hình trong buổi gặp gỡ lần đầu năm 1967, hồi Humphrey còn đang làm Phó Tổng Thống. Lúc đó, T.T Johnson cử Humphrey sang dự lễ nhậm chức Tổng Thống của ông Thiệu. Sau phần nghi lễ, Humphrey vào gặp Thiệu ở Dinh Độc Lập, có phụ tá của ông Ted Van Dyk, và Đại sứ Ellsworth Bunker tháp tùng. Humphrey ngỏ ý với Thiệu rằng, ông rất lo ngại về sự Mỹ hóa cả chiến tranh lẫn kinh tế của Việt Nam. Ông nói:

– Ngài cần biết về tình hình chính trị ở Hoa Kỳ, hiện nay đã đến lúc cần phải có một giai đoạn chuyển tiếp để Việt Nam có thể tự lực tự cường.

– Vâng, chúng tôi hiểu – ông Thiệu đáp – nhưng chúng tôi cũng biết là quý ông cần ở lại đây với mức độ hiện tại.

Humphrey nhắc lại mối quan tâm của ông, và nói:

– Thêm vài năm nữa với cùng một mức độ viện trợ quân sự và kinh tế như hiện nay thì chắc không thể có.

Ông Thiệu lắng tai nghe; tàn điếu thuốc Gauloise hút dở của ông rớt xuống tấm thảm dầy. Nhưng ông không nói gì thêm, và cuộc họp mặt chấm dứt.

Ra đến bên ngoài, trên bậc thềm Dinh Độc Lập, Humphrey hỏi Bunker: "Tôi có tàn nhẫn quá với ông ta không"? Bunker đáp: "Không, ông ta cần được nghe như thế".

Ngay lúc đó, thì một trái pháo của Việt Cộng câu ngay vào Dinh rớt nổ ngay trên sân cỏ. Humphrey và

Bunker chúi đầu chạy vào chiếc limousine đang chờ sẵn, và đoàn xe phóng thẳng về tòa Đại Sứ. Thiệu và Humphrey trở thành thù địch kể từ hôm đó.[3]

Sáu tháng sau, vào tháng Năm 1968, Cyrus Vance, đại diện Hoa Kỳ và Hà Văn Lâu, đại diện Hà Nội, đến họp tại Paris để thảo luận về chi tiết những cuộc Hòa đàm về chiến tranh Việt Nam. Đại Sứ Bunker đã tốn nhiều thì giờ cố thuyết phục ông Thiệu cùng tham dự hòa đàm với Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng (MTGP). Thiệu đồng ý nói chuyện với Bắc Việt, nhưng không chịu MTGP. Ông nói với Bunker rằng Việt Cộng là con đẻ của Hà Nội. Nếu để bọn chúng tham dự vào các cuộc hội đàm như một thực thể riêng rẽ, thì đó sẽ là bước đầu đi đến một chính phủ liên hiệp, và tiếp theo là sự cáo chung của thể chế dân chủ tại miền Nam. Ông Thiệu không chịu chấp nhận liên hiệp cũng như không chịu bất cứ một công thức nào có thể đưa đến liên hiệp. Ông cho rằng, người Mỹ đã sai lầm khi họ đề nghị ông nên nói chuyện với Cộng Sản ngay từ khoảng giữa thập niên sáu mươi. Ông nói: "Năm 1966, Đại Sứ Cabot Lodge đến thăm tôi, ông khoác tay lên vai tôi và nói: "Hồ Chí Minh đâu có đến nỗi nào. Có thể, ông ta sẽ trở thành một Titô thứ hai cũng nên". Mỹ muốn mình lập một chính phủ liên hiệp với cộng sản. Họ muốn lấy giải pháp ở Lào áp dụng cho Việt Nam, nhưng hai bên đâu có giống nhau".

Ông Thiệu cho người Mỹ là ngây thơ. Hồi năm

1967, nhân một chuyến viếng thăm Sài Gòn, Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert McNamara có nói với ông Thiệu: "Chúng tôi (Hoa Kỳ) cần có một cuộc bầu cử để thương lượng với Bắc Việt". Thật là khó hiểu! Đang lúc đổ quân sang Việt Nam để chiến đấu, và trong khi tướng tá Mỹ đang muốn chiến thắng thì McNamara lại đi sau hậu trường nói chuyện điều đình! Bunker biết rõ về lịch sử của Cộng Sản Việt Nam, nhưng vẫn cứ làm áp lực với ôngThiệu. "Áp lực quần chúng Mỹ đã buộc Tổng Thống chúng tôi phải hành động. Phải có một cuộc hòa đàm để chứng tỏ với Quốc Hội và dân chúng Hoa Kỳ là chúng ta – cả Hoa Thịnh Đốn lẫn Sài Gòn – đều muốn hòa bình", ông nói với Thiệu như vậy.[4]

Ông Thiệu chơi lá bài "lửng lơ con cá vàng", không hề nói "không" với Bunker, mà luôn nói "có, vói điều kiện". Trong một buổi nói chuyện trên đài truyền hình, ông nhắc lại những gì ông đã nói với Bunker: "Sài Gòn sẽ đồng ý để Hoa Kỳ ngưng dội bom, nếu như Hà Nội bảo đảm là quyết định này sẽ đưa tới những cuộc thương lượng có kết quả". Lúc Bunker đòi ông Thiệu ký tên vào một bản thông cáo chung với Johnson để tuyên bố ngưng ném bom, thì ông Thiệu chần chừ. Ông nhờ Bunker chuyển lời đến Johnson là, dù có đồng ý trên nguyên tắc, ông muốn Hà Nội cam kết sẽ cùng xuống thang chiến tranh, ông muốn Hà Nội cam kết sẽ thương lượng thẳng với chính phủ Sài Gòn. Sau hết, ông muốn Hà

Nội phải đồng ý là MTGP sẽ không được tham dự hội nghị với tư cách một phái đoàn riêng biệt.[5]

Ông Thiệu lo rằng Hoa Thịnh Đốn đã bị mắc vào bẫy mà Hà Nội gài để buộc Sài Gòn phải thương thuyết trực tiếp với MTGP như một kẻ ngang hàng. Giữ không cho MTGP được coi như cùng vai vế với Việt Nam Cộng hòa đã là một yếu tố cần thiết trong sách lược thương thuyết của ông Thiệu. Ông đã mang điều kiện đó sang Honolulu khi ông tới gặp Johnson ở đó hồi tháng Bẩy 1968. Đó là: ông sẽ thương lượng thẳng với Hà Nội, chứ không bao giờ chịu thương lượng với kẻ được ủy nhiệm của Hà Nội để thay chúng thống trị tại miền Nam.

Suốt trong tháng Mười 1968, ông Thiệu đã cố gắng trì hoãn quyết định ngưng ném bom của Johnson, và việc loan báo sẽ có Hòa đàm Paris cho thật lâu, cốt để cho Nixon có thêm thì giờ. Ông viện cớ là ông còn phải tham khảo ý kiến Hội đồng An Ninh Quốc Gia và Quốc Hội, theo đúng tinh thần dân chủ mà ông đã học được của người Mỹ. Ông biết rằng, Johnson sẽ có thể lấy quyết định đơn phương, cho nên ông không công khai phản đối đề nghị của Johnson, mà chỉ phản đối những chi tiết.

Những người liên lạc của ông Thiệu tại Hoa Thịnh Đốn gồm đại sứ Bùi Diễm, và người bạn của ông là bà Anna Chennault, gốc Trung Hoa, quả phụ của Tướng Claire Chennault, người đã chỉ huy đoàn Phi Hổ, một nhóm tình nguyện của Mỹ chiến đấu

chống Nhật hồi Đệ Nhị Thế Chiến. Sau khi chồng chết năm 1958, bà thay thế ông làm một quản trị viên của hãng hàng không Phi Hổ và giữ liên lạc mật thiết với Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan. Bà thường bay qua Đông Nam Á trong những chuyến công tác cho hãng Phi Hổ, thường hay thăm viếng Sài Gòn và đến gặp ông Thiệu.

Ông Thiệu mê cái nhạy cảm chính trị và thương mãi của Anna Chennault, cũng như sự giao thiệp rộng rãi của bà ở Hoa Thịnh Đốn. Bà đóng một vai trò chủ yếu trong nhóm "Vận động cho Trung Hoa" (China Lobby) và gây quỹ tranh cử cho đảng Cộng Hòa. Bà Chennault ra vào tự do trong chính giới ở Hoa Thịnh Đốn và rất hãnh diện về những sự quen biết của mình ở đó. Bà gặp Nixon lần đầu tiên vào năm 1954, khi ông này sang thăm Đài Loan với tư cách Phó Tổng Thống. Năm 1960, bà hoạt động cho nhóm vận động tranh cử tổng thống của Nixon chống Jack Kennedy.

Anna Chennault thăm viếng Sài Gòn rất thường xuyên trong năm 1968, để thông tin cho ông Thiệu về sự tranh cử của Nixon và về những quan điểm của ông này đối với Việt Nam. Bà nói với ông Thiệu rằng Nixon sẽ là một người ủng hộ Việt Nam mạnh mẽ hơn Humphrey nhiều. Sau này, bà kể lại: "Ông Thiệu bị phe Dân Chủ làm áp lực nặng. Công việc của tôi hồi ấy là cố giữ cho ông ta đừng đổi ý kiến".

Năm 1968, với tư cách là Chủ tịch nhóm Phụ Nữ

Cộng Hòa ủng hộ Nixon, bà Chennault đã sắp xếp để Bùi Diễm được gặp Nixon tại tư gia ở Đại lộ thứ Năm, Nữu Ước, vào mùa đông năm 1967. Nixon đã nói với Bùi Diễm là nếu có tin tức gì cứ đưa cho bà Chennault và bà này sẽ phúc trình thẳng cho John Mitchell, hồi ấy phụ trách ban vận động tranh cử cho Nixon. Trong buổi gặp gỡ ấy, Nixon hứa hẹn là nếu thắng cử, sẽ coi vấn đề Việt Nam là ưu tiên số 1, và "bảo đảm sẽ dành cho Việt Nam một sự đối xử thuận lợi hơn là phe Dân Chủ.[6]

Ông Thiệu không mấy tin cậy Bùi Diễm, mà ông cho là chỉ trung thành với Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ. Thế nên ông đã phái sứ giả riêng của ông sang Hoa Thịnh Đốn tiếp xúc với bà Chennault, và ông cũng trông cậy vào người anh ruột là Nguyễn Vàn Kiểu, hồi đó là Đại sứ tại Đài Loan. Bà Chennault thường hay nhắn tin tức cho ông Thiệu qua ông Kiểu.

Trong tuần lễ chót trước ngày bầu cử, John Mitchell "hầu như mỗi ngày" liên lạc với bà để thuyết phục ông Thiệu đừng tham dự hòa đàm Paris. Cả hai đều biết là cơ quan Điều Tra Liên Bang (FBl) lén nghe điện thoại, và bà nói đùa Mitchell: "Ai đang nghe đầu giây bên kia"? Mitchell thì không cho câu giỡn đó là hài hước, và nói: "Bà nên dùng điện thoại công cộng, đừng nói chuyện ở sở". Lời nhắn nhủ mà Mitchell chuyển cho bà thì lúc nào cũng giống như nhau: "Đừng để cho ông Thiệu qua Paris".[7]

Một vài ngày trước bầu cứ, Mitchell điện thoại

cho bà, nhờ chuyển một thông điệp khác cho ông Thiệu. "Anna, tôi nói đây là theo lệnh của Nixon. Điều quan trọng là những người bạn Việt của chúng ta cần phải hiểu rõ quan điểm của đảng Cộng hòa, và tôi mong bà giải thích cho họ biết như thế".[8]

Giữa lúc bà Chennault khuyên ông Thiệu "cố thủ", thì Henry Kissinger cố vấn Nixon rằng: Johnson đang chuẩn bị ngưng dội bom, và sẽ tung con bài bất ngờ này ra trước ngày bầu cử.[9] Trong tập hồi ký, Nixon tiết lộ một văn thư của Haldeman thuật lại báo cáo của Kissinger gửi Mitchell như sau: "Nguồn tin của chúng tôi (Kissinger) cho việc chống đối ngưng ném bom là không thực tế, nhưng khuyên ta phải để tâm tới sự kiện là việc đó có thể xẩy ra – nghĩa là ta nên tiên liệu trước việc đó – và nhất định là ta phải chuẩn bị cho cái lúc mà việc đó xẩy ra. Nguồn tin của chúng tôi vô cùng quan ngại về những nước cờ sắp tới của Johnson, và tiên đoán rằng Johnson sẽ có một hành động nào đó trước ngày bầu cử".(Hồi này Kissinger đang làm cố vấn về chính sách đối ngoại cho Nelson Rockefeller và giúp ý kiến cho phe Nixon.[10]

Mặc dù nhận được đầy đủ phúc trình của CIA và FBI về những cuộc điện đàm giữa bà Chennault và Sài Gòn, Johnson quyết định không công bố việc ấy ra mà cứ tiến hành sáng kiến của mình.[11]

Ông Thiệu vẫn tiếp tục không nhúc nhích, nhưng luôn luôn cho cảm tưởng mập mờ rằng có thể ông sẽ chịu theo. Bunker mắc mưu Thiệu, phúc trình với

Hoa Thịnh Đốn là nếu chờ thêm ít hôm nữa, chính phủ Sài Gòn có thể sẽ ngồi vào bàn hội nghị. Dùng chiến thuật đánh lạc hướng, ông Thiệu cử một phái đoàn ba mươi người đi trước sang Paris, để thu xếp chỗ ở và chuẩn bị cho sự tham dự sau này của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa.

Sau một phiên họp với Thủ Tướng Tân Tây Lan là Keith Holyoke hồi cuối tháng Mười, Thiệu lại ra một thông cáo chung đại ý nói ông không hoàn toàn gạt bỏ sự tham dự của Việt Cộng, miễn là họ phải là một thành phần trong phái đoàn Hà Nội, và không có một cương vị ngang hàng với Việt Nam Cộng hòa.[12]

Thiệu cứ đong đưa như thế, khi thì đưa ra những phản đối mới, khi thì rút lại những trở ngại chiến thuật, và lần nào cũng mất hai ba ngày mới giải quyết xong.

Nixon thì mỗi lúc một lo hơn khi thấy Johnson nắm được sáng kiến và tiếp tục "cầm cân nẩy mực".[13] Ngày 26 tháng Mười, Nixon quyết định công bố một nhận định về hòa đàm như sau:

"*Trong ba mươi sáu giờ qua, tôi nghe nói có rất nhiều cuộc hội họp ở tòa Bạch Cung và ở các nơi khác về vấn đề Việt Nam. Tôi nghe nói rằng các viên chức cao cấp trong chính quyền đang rất bận rộn để đạt tới việc thỏa hiệp ngưng oanh tạc và tiếp theo là ngưng bắn. Trong những ngày gần đây, những việc đó được coi như là đúng. Tôi còn... nghe nói rằng hoạt động bận rộn ấy là một mưu toan khinh bạc vào phút*

chót của Tổng Thống Johnson để cứu vãn ứng cử viên Humphrey. Điều này thì tôi không tin là đúng.[14]

Khi ngày bầu cử gần kề và áp lực gia tăng, Johnson bèn triệu vị chỉ huy quân sự tại Việt Nam, Đại tướng Creighton Abrams, về Hoa Thịnh Đốn để tham khảo. Abrams đáp xuống căn cứ không quân Andrews vào lúc nửa đêm ngày 29 tháng Mười, và đi ngay tới Bạch Cung. Vào lúc 2 giờ 30 sáng, Johnson triệu tập một phiên họp giữa các cố vấn cao cấp của mình trong Phòng họp Nội Các. Sau khi duyệt lại tình hình quân sự từng chi tiết, Johnson ngó thẳng mặt Abrams trong giây lát, rồi nói: "Đây là giờ phút nghiêm trọng. Theo những gì Đại Tướng được biết, thi Đại tướng có ngần ngại hay dè dặt gì không về việc ngưng ném bom Bắc Việt"?

– Dạ không, Abrams đáp.

– Nếu là Tổng Thống, thì Đại Tướng có sẽ làm như thế không?

– Tôi không ngần ngại gì hết. Tôi biết làm thế sẽ gây nhiều phê phán trong dư luận. Nhưng tôi nghĩ làm như thế là phải. Làm như thế là đúng.[15]

Giữa lúc đang họp thì có người cho biết rằng Đại sứ Bunker vẫn chưa gặp được ông Thiệu để buộc ông này thỏa thuận dứt khoát. Bunker cho hay rằng, phía Việt Nam Cộng hòa đòi có thêm thời giờ; họ chưa tổ chức được phái đoàn để gửi qua Paris cho kịp ngày 2 tháng Mười Một như T.T Johnson đã hy vọng có thể dàn xếp.

Buổi họp chấm dứt trước 5 giờ sáng. Abrams về nhà ngủ, trong khi Dean Rusk trở lại Bộ Ngoại Giao để gọi dây nói cho Bunker ở Sài Gòn. Bởi lẽ hai thủ đô cách nhau 12 tiếng đồng hồ, và Sài Gòn đã về chiều, nên Bunker có thể cho ông biết được những gì đã xẩy ra trong ngày. Lúc 6 giờ 15 sáng, Johnson lại triệu tập 1 buổi họp khác trong phòng họp Nội các cùng với các cố vấn thảo luận về những hoạt động hậu trường của Bà Chennault. Hiện diện trong buổi họp có Ngoại Trưởng Dean Rusk và Bộ Trưởng Quốc Phòng Clark Clifford.

Clifford nổi giận và với cung cách đàng hoàng nhất của một luật sư, ông phàn nàn rằng sự trì hoãn vào phút chót của Việt Nam Cộng hòa là một hành động "đáng trách cứ và hoàn toàn không có lý do chính đáng".[16] Johnson thì chỉ thị cho Rusk nói với Bunker là Hoa Kỳ đã sẵn sàng tiến hành phiên họp ngày mồng 2 tháng Mười Một với BắcViệt tại Paris mà không cần có Thiệu. Nhưng Bunker cố thúc giục Johnson hoãn lại việc loan báo ngưng dội bom chừng hai-mươi-bốn tiếng nữa và hoãn hòa đàm Paris đến ngày mồng 4 tháng Mười Một để cho Sài Gòn thêm thời giờ tổ chức phái đoàn tham dự hội nghị. Johnson nói với các cố vấn: "Tôi bằng lòng hoãn lại vụ này một, hay hai hôm nhưng sau đó là hết đồng minh". Rồi Johnson gửi cho ông Thiệu 1 thông điệp riêng giục ông tham gia hòa đàm với Hoa Kỳ ở Paris. Vào buổi trưa ngày 30 tháng Mười, Johnson nhận

được hồi âm của ông Thiệu. Đó là một cú tránh né tài tình. Ông Thiệu nói sẽ chấp nhận nếu các điều kiện của ông đưa ra được thỏa mãn.[17]

Tới đây, thì Johnson quyết định hành động một mình. Ông ấn định ngày giờ loan báo việc ngưng oanh tạc là 8 giờ tối ngày 31 tháng Mười và quyết định này sẽ có hiệu lực mười hai giờ sau đó. Buổi họp ở Paris đầu tiên được định vào ngày 6 tháng Mười Một, một ngày sau bầu cử. Johnson đã hy vọng suốt ngày hôm đó là thế nào Thiệu cũng thỏa thuận để đưa ra một thông cáo chung. Bunker họp liên miên với Tổng thống Thiệu, Phó Tổng Thống Kỳ và Ngoại Trưởng Thành "để cố san bằng những dị biệt". Nhưng chỉ con một giờ trước khi lên TV, Johnson được Bunker thông báo rằng, ông Thiệu vẫn còn đòi duyệt xét lại. Không thể trì hoãn thêm nữa, Johnson bèn công bố quyết định ngưng oanh tạc Hà Nội và khai mạc Hòa đàm Paris nới rộng. Để che đậy tình hình, ông nói "Đại diện chính phủ Việt Nam Cộng hòa nếu muốn tham dự thì cứ việc tự do".

Tại Sài Gòn, ông Thiệu, phản ứng bằng cách tự tách mình ra khỏi quyết định ngưng oanh tạc. Ông tuyên bố đó là một quyết định "đơn phương" của Hoa Kỳ. Phản ứng này đã khiến cho tác dụng chính trị của nước cờ Johnson đối với cử tri Mỹ giảm bớt đi và hy vọng hòa bình cũng mờ nhạt. Đồng thời ông Thiệu vẫn nói riêng với Bunker rằng ông sẽ không làm gì để đảo lộn sáng kiến hòa bình của Johnson,

ông sẽ tham gia hội nghị nếu MTGP không phải là một phái đoàn thương thuyết riêng biệt. Lá bài chót của Thiệu sẽ là bài diễn văn dự định đọc vào ngày Lễ Quốc Khánh, mồng 1 tháng 11 (ngày 31 tháng 10, giờ Hoa Thịnh Đốn).

Khi Johnson tuyên bố ngưng oanh tạc Bắc Việt, Humphrey vô cùng phấn khởi, ông cho đó là sự hỗ trợ cho lập trường chấm dứt chiến tranh mà ông đã cổ võ trong mấy tháng vận động tranh cử. Humphrey muốn chấm dứt chiến tranh và làm nguôi dịu phong trào phản chiến đang chia rẽ quần chúng và cấp lãnh đạo. Giờ đây, trong những ngày chót, Johnson lại đi được một nước cờ tuyệt diệu, vừa chấm dứt chiến tranh, vừa bầu lên được một người kế vị thuộc đảng Dân Chủ. Hôm sau ngày Johnson tuyên bố, tờ *Washington Post* tường thuật là "phản ứng sơ khởi của cấp lãnh đạo chính trị thuộc cả hai đảng là lời loan báo ngưng oanh tạc của Tổng Thống Johnson đêm qua sẽ có thể làm tăng hy vọng cho đảng Dân Chủ để giữ lại được Toà Bạch Cung và đa số trong Quốc Hội trong cuộc bầu cử vào Thứ Ba tới". Humphrey thì được báo này mô tả là "nghiêm nghị và nhẹ nhõm", hy vọng hành động của Johnson sẽ mang lại "hòa bình trong danh dự".

Nếu như Humphrey cảm thấy phấn khởi, thì chắc Nixon phải là rầu rĩ lắm; thế nhưng không. Vì biết được Thiệu đang toan tính gì ở Sài Gòn, ông rất mừng khi thấy phe Dân Chủ đang sa vào cái bẫy mà

chính họ giăng ra. Nixon biết là Thiệu sẽ không chịu đi Paris, vậy mà phe Dân Chủ lại thổi phồng viễn ảnh hòa bình bằng cách gắn liền việc ngưng oanh tạc với Hoà đàm Paris dự định vào ngày 6 tháng 11. Ngày 21 tháng 10, tổ chức thăm dò dân ý Gallup đã đoán là Nixon sẽ dẫn đầu Humphrey tám điểm (44% và 36%). Nhưng, chiều mồng 2 tháng 11, chỉ hai ngày sau khi Johnson công bố ngưng oanh tạc, thì "sóng gió nổi lên, và Nixon chỉ dẫn đầu Humphrey có hai điểm thôi (42% và 40%)".[18]

Bằng một nước cờ láu cá, Nixon đã chuyển cái thế bại sang thế thắng, ông còn thổi phồng hy vọng hòa bình cho to thêm nữa, vì biết rằng chính Thiệu sẽ làm nó xẹp xuống, và ông sẽ có lợi khi cử tri Mỹ vỡ mộng và bắt đầu hoài nghi lá bài hòa bình của Johnson. Trong một cuộc mít-tinh lớn tại Madison Square Garden, đúng vào ngày ngưng oanh tạc, Nixon tuyên bố rằng ông sẽ "không nói bất cứ điều gì có thể phá vỡ cơ hội đưa đến hòa bình". Nixon còn nói ông tin rằng việc Johnson ngưng dội bom sẽ "mang lại một vài tiến bộ" tại Hòa đàm Paris ngày 6 tháng 1 sắp tới. Thực ra, Nixon đã thừa biết Thiệu sẽ không tham gia các cuộc thương thuyết tại Paris, nên ông giăng lưới cho Humphrey và Johnson vấp ngã.

Ông Thiệu dự định đọc diễn văn trong một phiên họp lưỡng viện Quốc Hội Việt Nam Cộng hòa vào mồng 1 tháng 11. Buổi chiều trước hôm đó, nhân dịp lễ Quốc Khánh ông mở một cuộc tiếp tân khoản đãi

ngoại giao đoàn tại Dinh Độc Lập. Nhớ lại buổi đó, ông kể: "Không thấy ông già Bunker nói chuyện với ai hết, mà cứ đến chỗ tôi nói về bài diễn văn tôi sắp đọc ngày mai. Bunker hỏi tôi nhiều lần là "mọi việc êm xuôi cả chứ, Tổng Thống"? Tôi trả lời "Cố nhiên, cố nhiên, mọi việc đều êm xuôi".

Bunker lấy làm hài lòng và nâng ly chúc tụng tự do cho Việt Nam Cộng hòa. Ông Thiệu đã làm cho Bunker tưởng lầm và báo cáo về Hoa Thịnh Đốn là Sài Gòn sẽ tham gia các cuộc Hòa đàm Paris, là ông Thiệu sẽ loan báo quyết định đó trong bài diễn văn đọc trước Quốc Hội vào ngày hôm sau. Riêng Thiệu, thì đã dùng đủ mọi cách để giấu kín nội dung bài diễn văn đó: nào là tự tay mình viết bản thảo, nào dùng ba người thư ký khác nhau để đánh máy, mỗi người đánh một số trang không theo thứ tự nào hết để không người nào có thể đọc được tất cả bài diễn văn.[19] Sáng thứ bảy, mồng 1 tháng 11, một buổi sáng êm ả ở Sài Gòn, khí trời khô ráo và dễ chịu vì mùa mưa vừa hết. Trên đường từ Dinh Độc Lập tới Quốc Hội, Thiệu đã hơi lo, có thể ông sẽ bị CIA ám sát nếu Johnson và Humphrey biết trước được là ông sẽ phản thùng và bác bỏ kế hoạch hòa bình của Hoa Kỳ, ngầm phá hoại cơ hội thắng cử của Humphrey. Một khi đã công khai loan báo quyết định của mình trước Quốc Hội, Thiệu chẳng những sẽ làm tư thế của Johnson giảm xuống một cách hữu hiệu, mà còn

tránh được thảm họa có thể xẩy ra cho mình nếu như người Mỹ quyết định lật đổ ông.

Ngồi sừng sững ngay hàng ghế đầu trong Quốc Hội, Đại sứ Bunker – người được báo chí Việt Ngữ mệnh danh là "ông già tủ lạnh" – bây giờ có vẻ thoải mái và luôn luôn mỉm cười, sau một tháng bàn cãi khó khăn và dằng dai với các nhà lãnh đạo Việt Nam.

Khi ông Thiệu tới, thì các máy thu hình của ba hệ thống truyền hình Mỹ đều quay cả về phía ông và cử tọa đồng loạt đứng dậy vỗ tay, chỉ ngưng khi nhạc cử lên bản quốc thiều.

Lúc bắt đầu nói, ông Thiệu có vẻ xúc động rõ rệt, nhưng cương quyết. Sau phần mở đầu ngắn ngủi, ông cất cao tiếng nói; bằng một giọng đanh và sắc, ông đòi Bắc Việt trực tiếp đàm phán với Việt Nam Cộng hòa. Việt Cộng sẽ chỉ tham gia như một thành phần của phái bộ Bắc Việt mà thôi. Nhấn mạnh từng chữ, ông nói: "Chính phủ Việt Nam Cộng hòa rất tiếc là không thể tham dự những cuộc hòa đàm sơ bộ hiện nay tại Paris". Cả Quốc Hội nghe đến đó đều đồng loạt đứng dậy vỗ tay lớn, thật lâu. Đèn chiếu và máy quay phim bỗng đổ dồn về phía Bunker. Sau này, ông Thiệu kể lại: "Tôi còn nhìn thấy rõ là Bunker lúc ấy cố làm ra vẻ bình tĩnh mà không được. Ông toát cả mồ hôi ra. Nhìn gương mặt ông, tôi không khỏi ái ngại, nhưng tôi không thể làm gì khác hơn được. Tôi không thể chấp nhận tình trạng có thể đưa mình đến chỗ liên hiệp với Cộng Sản".[20] Bài diễn văn của ông

Thiệu kéo dài hai-mươi-bẩy phút và bị những tràng pháo tay làm gián đoạn mười tám lần. Quyết định này của ông đã là một tin quan trọng.[21]

Bài diễn văn Quốc Khánh của Thiệu là một nước cờ then chốt mà chính Nixon đã thủ mưu, và biết được trước rằng nó sẽ làm dư luận rối loạn thêm về hành động của Johnson. Lời tuyên bố của ông Thiệu đã tạc được những hàng tít lớn trên báo chí, khiến cử tri Mỹ bắt đầu nghi ngờ về viễn ảnh hòa bình. Tờ *Washington Post* đăng tít hàng đầu: "NAM VIỆT NAM TẨY CHAY HÒA ĐÀM NGÀY 6 THÁNG 11", và phần tin của bài báo ghi rằng "hậu quả hành động của Thiệu là làm người ta nghi ngờ về những nước cờ của Mỹ nhằm mở những cuộc thương thuyết với Cộng sản để chấm dứt chiến tranh".

Ông Thiệu tin rằng hành động của ông chỉ ba hôm trước ngày bầu cứ, đã có ảnh hưởng quyết định tới kết quả cuộc bầu cứ. Người ta bắt đầu nghi ngờ hiệu quả của thủ đoạn của Johnson cũng như đặt nhiều câu hỏi về sự chính trực của ông. Có thể đó là một thủ đoạn chính trị. Như sứ gia Theodore White đã nhận định trong cuốn *The Making of The Presidency 1968*:

"Giá như hòa bình đã hiển nhiên như một sự thực trong ba ngày chót của cuộc bầu cử năm 1968, thì Hubert Humphrey có thể đã đắc cử; có thể ông ta đã là một Tổng Thống thiểu số, nhưng dù sao cũng là Tổng Thống. Thế nhưng, qua những xáo trộn của

ba ngày chót đó, người ta thấy rằng vụ ngưng ném bom bắt đầu sáng Thứ Sáu, chắc không thể nào làm ngưng được máu người Mỹ vẫn đổ ở Á Châu; và dư luận quần chúng đang thuận lợi cho Humphrey, bỗng nhiên lại ngả về phía Nixon".[22]

Chính T.T Johnson cũng viết trong hồi ký của ông *The Vantage Point*, rằng hành động của ông Thiệu đã làm Humphrey thất cử.[23]

Trong tập hồi ký, Nixon tỉnh bơ như mình không dính líu gì về vụ ông Thiệu phản thùng, và viết: "Vụ ngưng ném bom chắc chắn đã làm cho sự ủng hộ ông Humphrey vụt tăng lên vào phút chót, nhưng sự hớn hở của phe Dân Chủ đã bị nhạt dần ngày 2-11, khi Tổng Thống Thiệu loan báo là chính phủ ông sẽ không tham gia những cuộc thương thuyết mà Johnson đề nghị". Khi không chịu ủng hộ Johnson trong bài diễn văn đọc ở Quốc hội, ông Thiệu "đã cho người ta cái cảm tưởng rằng kế hoạch của Johnson đã được đưa ra quá gấp gáp và được thi hành quá yếu".[24]

Ông Thiệu kể lại: "Đối phó với Hà Nội, và Hoa Thịnh Đốn cùng một lúc đâu có dễ. Chống lại áp lực vô cùng nặng nề của Mỹ và rồi cố giữ cho đến cùng thì quả thật là khó khăn và liều lĩnh".[25] Trong ba ngày nghiêm trọng trước cuộc bầu cử ấy, áp lực còn tăng thêm nữa, và Johnson gửi một điệp văn riêng cho ông Thiệu thúc giục "chúng ta không nên bỏ nhau trong giờ phút nghiêm trọng này".[26]

Sau bài diễn văn, ông Thiệu hết sức bồn chồn, sợ Humphrey vẫn có thể thắng cử. Vì khác biệt mười hai tiếng đồng hồ, cho nên mãi tới tối hôm sau ngày bầu cử mới có tin từ Mỹ là Nixon đã đích thực thắng cử. Hoàng Đức Nhã chạy vội vào tư phòng của ông để báo tin. Ông Thiệu nói với Nhã: "Hay lắm! Giờ đây, ít nhất thì mình cũng đã mua thêm được thời gian; khi tân Tổng Thống nhậm chức rồi, ông sẽ còn phải học hỏi, và mình cũng được nới cẳng đôi chút".[27]

Nixon được 43,4 phần trăm tổng số phiếu toàn quốc, so với 42,7 cho Humphrey, nghĩa là hơn chỉ có nửa triệu phiếu. Dư luận đã cho rằng nếu như ngày bầu cử nhằm vào Thứ Bảy hay Chủ Nhật, thì có thể Nixon đã thua; giá như ngày bầu cử đã được tổ chức một tuần lễ muộn hơn, thì Nixon có thể thắng hơn từ một triệu đến năm triệu lá phiếu.[28] Ông Thiệu đã đóng một vai trò quan trọng trong việc triệt hạ nỗ lực của Johnson nhằm trợ giúp Humphrey.[29] Thắng lợi của Thiệu lại được diễn ra ở Paris: ngay bữa sau ngày bầu cử, hòa đàm Paris đã bị đình hoãn.

Nhưng niềm phấn khởi của ông Thiệu chẳng được dài lâu. Đại sứ Bunker và cả Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ vô cùng bực tức về ông. Ông cảm thấy rằng mình đã hơi quá tay. Một tuần sau bầu cử, ngày 11-11, Nixon (lúc ấy chưa chính thức nhậm chức) tới thăm Johnson tại Bạch Cung và được phúc trình về chính sách đối ngoại. Cuối phiên họp, khi bàn về Việt Nam, Nixon nói ông đã cam kết với Johnson

rằng "Chính phủ Johnson không những có thể hành động nhân danh chính quyền hiện nay mà còn nhân danh cả toàn quốc, và như thế có nghĩa là nhân danh cả chính quyền (của Nixon) sau này nữa". Báo chí lập tức giải thích câu nói này của Nixon là để "làm áp lực" đối với ông Thiệu.[30]

Nghe vậy, bà Chennault vô cùng tức giận, cho rằng Nixon đã phản bội ông Thiệu sau khi đã được sự yểm trợ quan trọng của ông này trong kỳ bầu cử vừa qua.[31] Chỉ vài ngày sau khi Nixon thắng cử cố vấn của Nixon là Mitchell đã điện thoại yêu cầu bà nói với ôngThiệu nên tham dự các cuộc hòa đàm ở Paris. Bà Chennault từ chối. Bà còn nhớ khi trước, Mitchell đã gọi các cuộc hòa đàm Paris là "giả mạo", xúi ông Thiệu đừng tham dự, mà bây giờ lại trở mặt, cho việc ông Thiệu gửi đại diện sang Pháp là quan trọng. Nixon đã hoàn toàn đảo ngược lập trường.[32] Ông yêu cầu Thượng Nghị Sĩ Everett Dirksen gọi giây nói cho Đại Sứ Bùi Diễm, và ông này liền trở về Sài Gòn, mang theo thông điệp của Nixon. Ở Sài Gòn, ông Thiệu lại không lấy thế làm quan tâm. Sau này theo như Nhã giải thích: "Chúng tôi cho là Nixon lúc ấy đang chờ thời, để mặc cho Johnson làm những công việc dơ bẩn. Các chính trị gia là như vậy và chúng tôi đâu có chờ phép lạ ở Nixon. Họ chỉ sẽ giúp mình nếu mình phục vụ cho mục tiêu của họ".[33]

Ngày 12 tháng 11, Bộ Trưởng Quốc Phòng Clark Clifford công khai biểu lộ sự tức giận đối với ông

Thiệu bằng cảnh cáo rằng nếu Thiệu không tham dự hòa đàm Paris, Hoa Kỳ sẽ hành động đơn phương, cứ cho tiến hành hội nghị mà không cần đến Việt Nam Cộng hòa. Ở Sài Gòn, lời cảnh cáo của Clifford lại được giải thích là Johnson đang nổi xung lên với Thiệu và có thể quyết định lật đổ ông. Thôi thì đủ loại tin đồn được tung ra về hành động sắp tới của Johnson. Ông Thiệu rất quan ngại là có thể đảo chính trước khi Johnson rời Tòa Bạch Cung. Ông ra lệnh cho lữ đoàn Phòng vệ Dinh phải đề cao cảnh giác và khuyên Nhã nên vào Dinh ngủ để khỏi bị cô lập hóa nếu như có đảo chính. Trước đây, tất cả Nội Các của ông Thiệu, kể cả địch thủ của ông là Nguyễn Cao Kỳ, đã nhất tề làm hậu thuẫn cho ông khi ông kháng cự lại Johnson, nhưng giờ đây lại có thêm nhiều áp lực khác. Lời chỉ trích ông Thiệu công khai của Clifford có ngụ ý muốn nói với tất cả hai phía Bắc và Nam Việt, là Mỹ đang chuẩn bị cách chức ông này. Ông Thiệu kể lại: "Nếu Johnson lật đổ tôi trước khi Nixon nhậm chức, thì cái đó hẳn là một giải pháp êm đẹp nhất cho Nixon: ông ta khỏi phải đích thân lật đổ tôi. Tôi đâu có căn cứ chính sách của tôi vào một cá nhân duy nhất, mà vào chính sách của Hoa Kỳ. Tôi biết chính sách của Hoa Kỳ là thương lượng để đạt cho được một chính phủ liên hiệp ở miền Nam, chứ không phải thắng lợi quân sự. Tôi không hề bao giờ có ảo tưởng là chính sách Nixon nhằm giúp ta thắng Bắc Việtvề mặt quân sự". Nixon nhậm chức

chính thức và không còn hăm dọa gì thêm nữa đối với Thiệu, nhưng ám ảnh bị lật đổ giống như anh em họ Ngô năm 1963 vẫn còn đó, và đã trở thành một yếu tố then chốt, dù không nói ra, trong cuộc đời chính trị của ông. Ông Thiệu tin rằng những hành động phá Johnson và Humphrey của mình đã tránh cho Sài Gòn không bị cộng sản cưỡng chiếm ít ra là thêm bốn năm nữa. Ông lấy làm hãnh diện là đã bẻ gẫy được kế hoạch hòa bình của Johnson 1968; và sau này, nhớ lại "những ngày vô cùng khó khăn năm 1968; áp lực của Mỹ đè lên ta không phải là nhỏ".[34]

Riêng đối với Nixon, Thiệu thấy ông là một nhà lãnh đạo chống cộng có nhiều kinh nghiêm đối ngoại và có một thành tích đáng kính nể. Ông cũng đã đọc cẩn thận bài tham luận của Nixon đăng trên tạp chí *Foreign Affairs* tháng 10-1967, "Á Châu sau Việt Nam", trong đó Nixon đã cảnh cáo:

"Nếu không có Mỹ can thiệp ở Việt Nam, thì Á Châu ngày nay đã là một lục địa khác hẳn... Những biến cố ở Việt Nam đã khiến cho Bắc Kinh khỏi dòm ngó những mục tiêu tiềm tàng khác như Ấn Độ, Thái Lan và Mã Lai Á. Những biến cố đó cũng đã mua thêm được thời giờ vô cùng cần thiết cho các chính phủ yếu thế khác. Thời giờ khiến cho họ có thể đối phó với những vụ nội loạn của chính họ trong khi vẫn đẩy mạnh được sự phát triển chính trị, kinh tế và quân sự".

*

* *

Nguyễn Văn Thiệu trông đợi và đặt nhiều kỳ vọng ở cuộc gặp gỡ Nixon tại đảo Midway ngày 8-6-1969, lần đầu tiên kể từ khi ông này đắc cử. Thiệu tin rằng ông đã có một vị thế vững vàng, rằng ông có thể trông cậy ở sự yểm trợ và một vài đền đáp nào đó của Nixon đối với ông. Giờ đây, ông có được một người chống cộng hạng nặng ngồi trong Tòa Bạch Cung, người đó lại mang một món nợ chính trị đối với ông. Dù ông Thiệu có ý thức được là Nixon sẽ bị áp lực trong nước đòi giảm bớt cam kết của Mỹ tại Việt Nam, ông nghĩ rằng vẫn còn có cách xoay sở và Nixon vẫn sẽ ủng hộ mình như trước.

Mùa Xuân năm đó thật đầy gian nan. Cuối tháng hai, Bắc Việt mở một cuộc tấn công toàn quốc, làm thiệt hại 453 người Mỹ trong tuần lễ đầu, 336 người tuần lễ thứ hai, và 351 người tuần lễ thứ ba. Quân lực Việt Nam Cộng hòa tổn thất trên 500 người mỗi tuần. Trong khi Nixon và các cố vấn còn bàn luận là có nên đáp ứng bằng cách dội bom các căn cứ Bắc Việt ở Cam Bốt hay không, thì Bắc Việtlại tăng thêm áp lực và phóng hỏa tiễn vào Sài Gòn. Sau cùng, ngày 18 tháng 3, Nixon ra lệnh cho B-52 tấn công khu vực nghi là có căn cứ của Bắc Việt ở Cam Bốt, cách biên giới Nam Việt chừng ba dặm.

Ngày 14 tháng 4, một phi công EC-121 của Hải Quân Hoa Kỳ loại có cánh quạt, thường dùng để bay trinh sát trên vùng biển Nhật Bản, bị các máy bay MIG của Bắc Hàn tấn công và bắn rớt trong hải

phận quốc tế cách bờ biển khoảng 90 dặm. Chiếc máy bay chở một phi hành đoàn gồm 30 Hải quân, một Thủy Quân Lục Chiến, và sáu tấn dụng cụ kiểm thính; mục đích là theo dõi các vị trí đóng quân của Bắc Hàn để tránh cho Nam Hàn khỏi bị tấn công bất ngờ. Không có một người nào trong phi hành đoàn sống sót.

Đó là khủng hoảng quan trọng thứ nhất mà Nixon phải đối phó. Ngày đầu, ông được trình hai hành động để lựa chọn: Trả đũa bằng cách dội bom phi trường của Bắc Hàn, hoặc tiếp tục các phi vụ EC-121 có chiến đấu cơ hộ tống. Trong nội các đã không có sự nhất trí về cách đáp ứng. Bộ Ngoại Giao, do William Rogers lãnh đạo chỉ muốn đáp ứng một cách ôn hòa. Không ai thực sự muốn dùng võ lực cả.[35] Trong một cuộc họp báo ngày 18-4 tại Tòa Bạch Cung, Nixon loan báo rằng Hoa Kỳ vẫn tiếp tục các chuyến bay trinh sát đó. Quốc Hội và báo chí lập tức khen ngợi ông là biết tự kiềm chế. Thực ra, thì khi bàn bạc về biện pháp đáp ứng giữa Nixon, Kissinger, và Haig đã có một đề nghị dùng cơ hội này để dằn mặt Bắc Việt. Họ nhớ lại rằng sau khi nhậm chức Tổng Thống năm 1953, Eisenhovver đã đe dọa Bắc Hàn là sẽ leo thang cuộc chiến nếu họ không đồng ý đình chiến.[36] Như vậy, Nixon có thể ra lệnh dội bom phi trường Bắc Hàn để cảnh cáo Bắc Việt rằng nếu không chịu thương thuyết nghiêm chỉnh ở Paris thì cũng sẽ phải chịu một cuộc leo thang tương tự.

Liên Xô cũng sẽ được thông báo rằng Hoa Kỳ phải làm một hành động mạnh không phải để leo thang mà để chấm dứt chiến tranh. Thế nhưng sau cùng, Nixon quyết định không dội bom Bắc Hàn, nhưng lại ra lệnh oanh tạc căn cứ Bắc Việt ở Cam Bốt. Cả Hà Nội lẫn Nam Vang đều không có phản ứng nào sau vụ oanh tạc và chính quyền Hoa Kỳ cũng không hề công bố gì về vụ oanh tạc ấy.[37]

Nixon về sau tiếc là đã không trực tiếp trả đũa Bắc Hàn. Ông nói với Kissinger: "Lần này bỏ qua, nhưng lần sau chúng sẽ biết tay".[38] Sau này Nixon nói với Haig rằng không đáp ứng mau và mạnh vụ Bắc Hàn tấn công phi cơ EC-121 "đã là quyết đoán sai lầm nhất trong thời gian tôi làm Tổng Thống, kể cả vụ Watergate". Tướng Haig giải thích rằng Nixon đã bỏ lỡ cơ hội quý báu trong mấy tuần lễ đầu nhiệm kỳ Tổng Thống của mình để dằn mặt Bắc Việt một cách quyết liệt.[39] Dù rằng vụ EC-121 đã có ảnh hưởng tới phương cách Nixon đối xử với Bắc Việt về sau này, tại Midway, người ta có cảm tưởng rằng ông thật tình muốn xuống thang chiến tranh.

Nixon chọn Midway vì lẽ ông sợ các cuộc náo loạn phản chiến ở Hoa Thịnh Đốn có thể làm hội nghị thất bại. Ông Thiệu yêu cầu họp ở Honolulu, nhưng Kissinger và Nixon không muốn địa điểm này bởi lẽ Thiệu đã có lần gặp Johnson ở đó.[40] Đảo Midway, tuy nổi tiếng nhờ chiến thắng của Hải Quân Hoa Kỳ đối với Hạm Đội Thái Bình Dương của Nhật hồi Đệ

II Thế chiến, ngày nay chỉ còn là một nơi hẻo lánh, một trạm để máy bay lấy xăng, và là nơi cư ngụ của từng đoàn chim hải âu. Căn nhà của vị chỉ huy Hải Quân Mỹ, địa điểm họp, được tô thêm một nước sơn mới và tăng cường chút ít đồ đạc. Nhưng từ khởi đầu các việc chuẩn bị cho cuộc họp mặt Nixon-Thiệu đã không mấy suôn sẻ. Trước tiên, hai bên đã tranh luận về địa điểm họp. Rồi phía Hoa Kỳ yêu cầu ông Thiệu đến Midway trước Nixon. ông Thiệu không chịu, đòi Nixon là chủ phải có mặt ở đó trước khách. Thế rồi Hoa Kỳ giảng giải rằng ông Thiệu có thể bị mệt sau chuyến bay dài nên đến Midway một đêm trước để nghỉ ngơi. Thiệu từ chối: "Tôi sẽ mang giường lên máy bay để ngủ ở đó".

Sau cùng, mọi việc được sắp xếp để Nixon sẽ tới trước và đón Thiệu. Lúc gần tới Midway, Nhã điện thoại cho Giám đốc Báo chí Ronald Ziegler – trên máy bay chở Ni xon – Ziegler cam đoan là Nixon sẽ đáp xuống trước. Té ra, ông Thiệu tới nơi, thì máy bay của Nixon hãy còn cách xa Midway mười lăm phút nữa!

Bốn chiếc ghế được xếp thành một hàng ngang trong phòng khách dùng làm phòng hội nghị: Chiếc thứ tư, chân cao hơn và lưng cũng cao hơn, được dành cho Richard Nixon. Ông Thiệu nửa buồn cười, nửa tức giận. Không nói một lời, ông nhìn sang phòng ăn bên cạnh, rồi bước vô lấy một chiếc ghế cùng cỡ với ghế của Nixon, mang sang đặt trước

mặt Nixon, rồi ông ngồi đối diện với Tổng Thống Hoa Kỳ, cùng ngang tầm mắt. Về sau ông kể lại: "Sau cuộc họp ở Midway có người bạn Mỹ cho tôi biết là Kissinger đã hết sức ngạc nhiên".

Ông Thiệu đã đề nghị ông và Nixon nên họp riêng, nhưng Nixon đòi phải có cả Cố vấn An Ninh Quốc Gia, Henry Kissinger. Nixon giải thích: "Tôi cần Tiến sĩ Kissinger". Ông Thiệu bèn nói: "Thế thì tôi cũng sẽ mang theo cố vấn của tôi". Hai bên đành thỏa thuận là ông Thiệu cùng vào phòng họp có Phụ tá Ngoại giao Nguyễn Phúc Đức đi kèm.

Trước khi đi Midway, ông Thiệu đã biết rằng Nixon sẽ có thể đề nghị bắt đầu rút quân Mỹ ra khỏi Việt Nam. Để chận trước sự bất đồng ý kiến tại Midway, ông Thiệu bèn nắm lấy thế chủ động và đề nghị Hoa Kỳ "tái phối trí" các lực lượng Mỹ theo tinh thần bài diễn văn ngày 14-5 mới đây của chính Nixon đã đề nghị là hai bên, Hoa Kỳ và Bắc Việt, cùng triệt thoái một lúc. Đây là hành động điển hình của ông Thiệu, ông thường hay "đánh phủ đầu" người khác – "Lúc ấy, tôi thấy nên xài chữ tái phối trí thay vì rút quân để giảm thiểu tối đa tác dụng của việc này đối với bọn Bắc Việt". Nixon đồng ý, nhưng giải thích với Thiệu là ông cần có thêm thời giờ để phát triển một chiến lược về Việt Nam.[41] Ông Thiệu đáp lại: "Tôi biết là các ông sẽ ra đi, nhưng trước khi ra đi, các ông nên để lại một cái gì làm kỷ niệm cho tình bạn, một cái gì giúp chúng tôi chứ"? Ngoài ra,

ông Thiệu còn yêu cầu Nixon cung cấp ngân khoản và đồ trang bị để tổ chức thêm hai sư đoàn tổng trừ bị, một sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến và một sư đoàn Nhảy Dù để Việt Nam Cộng hòa có được một số quân trừ bị có thể di chuyển mau lẹ từ vùng này sang vùng khác khi tấn công các lực lượng Bắc Việt. Hai sư đoàn mới đó cũng là để phần nào lấp khoảng trống do sự triệt thoái của Hoa Kỳ gây ra. Thế nhưng, cho đến ngày mất nước, hai sư đoàn này chẳng bao giờ được thành hình cả.

Tại Midway, cả Nixon lẫn Thiệu đều chơi phé chính trị. Thiệu thì cố lấy cho được càng nhiều càng tốt mà không chấp nhận kế hoạch triệt thoái hoàn toàn quân đội Mỹ. Ông nghĩ tới một giải pháp kiểu Đại Hàn với một vùng phi quân sự làm trái độn giữa Bắc và Nam Việt. Ông hy vọng rằng ít nhất cũng còn lại hai sư đoàn quân Mỹ khoảng 40.000 người sẽ được đóng ở đó để ngăn chặn quân Bắc Việt tràn xuống.[42]

Còn Nixon thì đề nghị Mỹ bắt đầu tiếp xúc mật với Hà Nội ở cấp thượng đỉnh. Thiệu đồng ý với điều kiện là ông phải được thông báo về mọi cuộc thảo luận chính trị. Ông nghĩ rằng các cuộc mật đàm của Mỹ phải nhắm vào việc đưa Hà Nội và Sài Gòn ngồi vào bàn hội nghị, chứ không phải Mỹ sẽ coi miền Nam như kẻ phụ thuộc để hòa giải theo điều kiện của Mỹ.[43]

Sau buổi họp, Nixon đề nghị với ông Thiệu là cả

hai sẽ qua rạp chiếu bóng trong căn cứ Hải Quân để cùng đưa ra bản tuyên bố với báo chí. Đi bộ một quãng ngắn dưới ánh nắng như thiêu đốt, ông Thiệu bước vào một căn nhà tôn trong đó có một sân khấu làm vội vàng, tạm bợ. Đứng trên bục gỗ có mang ấn triện Tổng Thống trong mười lăm phút, Nixon trả lời các câu hỏi của báo chí. Rồi ông Thiệu được mời lên, không chuẩn bị mà cũng không được báo trước, để trả lời bằng tiếng Anh. Ông thấy thủ tục hơi kỳ cục. Ông vừa ngạc nhiên, vừa bực mình, nhưng không phản đối, và rồi cũng trả lời các câu hỏi bằng tiếng Anh trong mười lăm phút.

Nixon vô cùng hể hả về kết quả cuộc gặp gỡ. Thế là lần đầu tiên kể từ khi Thủy Quân Lục Chiến đổ bộ Đà Nẵng ngày 6 tháng 3, 1965, quân đội Mỹ sẽ triệt thoái khỏi Việt Nam.[44] Về phía ông Thiệu, cuộc gặp gỡ đã khiến ông lúng túng và băn khoăn. Ông đã mong đợi một sự đối xử tốt đẹp hơn, một sự báo ân xứng đáng với món nợ chính trị mà Nixon đã mắc với ông. Cuộc họp đã gây nhiều rắc rối, nó có vẻ như là ông đã được mời tới đó cốt để tô điểm cho uy tín của Nixon và Kissinger, cũng như để giải quyết những vấn đề chính trị của chính họ mà thôi.

Trên đường trở về Sài Gòn, ông Thiệu ghé Đài Bắc để gặp Tưởng Giới Thạch, Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc, nạn nhân đầu tiên của những cuộc chiến tranh chống Cộng tại Á Châu, và là người đã có nhiều kinh nghiệm sống với Hoa Kỳ. Máy bay của

Hãng Pan Am chở ông Thiệu đáp xuống phi trường Đài Bắc vào một buổi trưa nóng bức, oi ả. Đoàn xe đi thẳng tới khách sạn Hoa Viên là nơi ông sẽ ngủ lại đêm. Ít khi mà Tưởng Tổng Thống lại đến khách sạn thăm tân khách, nhưng họ Tưởng rất mến phục ông Thiệu, nên việc ông tới gặp ông Thiệu trưa hôm đó đã được coi là một cử chỉ ủng hộ.

Sau khi họ bắt tay nhau thật chặt, và khi không có ai đứng quanh, họ Tưởng nói với ông Thiệu là ông rất muốn biết những gì đã được đem ra thảo luận tại Midway. Vì hai người đã thường gặp nhau trước kia, họ Tưởng bèn hỏi ông Thiệu bằng một giọng thì thào: "Như vậy là Mỹ sắp rút lui khỏi Việt Nam, phải không? Tại sao ông lại để họ làm như vậy?" Họ Tưởng rất quan ngại là việc triệt thoái của Mỹ ở Việt Nam sẽ có một ảnh hưởng bất lợi cho Đài Loan, ông Thiệu mạnh dạn đáp: "Chắc Ngài biết là khi Nixon quyết định triệt thoái thì tôi đâu có thể làm gì được. Cũng như là khi Eisenhower, Kennedy và Johnson quyết định nhẩy vào Việt Nam, thì những vị lãnh đạo tiên nhiệm của tôi đâu có thể nói gì được.[45]

Một khi biết là ta chẳng thể thay đổi được quyết định của người Mỹ, thì ta cứ lợi dụng tình hình được đến đâu hay đến đó. Bởi vậy, chúng tôi còn đề nghị một cuộc triệt thoái trong tương lai khi Nixon bắt đầu giải thích là nếu ông phải duy trì mức quân hiện thời tại Việt Nam sẽ hết sức khó khăn cho ông ta! Ông ta cũng phác họa cho biết là sẽ phải đối phó với

một Quốc Hội chống đối, báo chí, và với sinh viên biểu tình đả phá. Tôi đã đồng ý với đợt rút quân Mỹ đầu tiên bởi vì Tổng Thống Nixon có nói với tôi là ông đang có nhiều vấn đề khó khăn, và sự triệt thoái 25.000 quân Mỹ sẽ chỉ có tính cách tượng trưng mà thôi. Nixon bảo tôi, ông chỉ coi đó như một thủ đoạn đánh vào dư luận quần chúng và ông ta đồng ý gọi nó là một cuộc "tái phối trí" thay vì "rút quân". Ông ta còn nói là ông ta cần sự hậu thuẫn của dư luận và Quốc Hội Hoa Kỳ. Nhưng tôi cũng đã nhấn mạnh rằng ông phải cẩn thận, đừng để cho Hà Nội coi việc rút quân đó là một dấu hiệu nhu nhược của Mỹ".

Họ Tưởng hỏi: "Nixon đã nhượng bộ lại Việt Nam Cộng hòa những gì?

Thiệu đáp: "Ông đã hứa với tôi tám năm yểm trợ mạnh mẽ. Bốn năm yểm trợ quân sự trong nhiệm kỳ đầu và bốn năm yểm trợ kinh tế trong nhiệm kỳ hai. Ông ta có nói tới chương trình Việt Nam hóa về mặt quân sự trong nhiệm kỳ đầu và Việt Nam hóa về mặt kinh tế trong nhiệm kỳ hai. Khi mà hầu hết quân Mỹ đã rút lui rồi thì quân đội Bắc Việtcũng sẽ phải ra khỏi miền Nam, lúc đó thì Sài Gòn ắt phải đủ mạnh để tự phòng vệ. Hoa Kỳ chỉ cần yểm trợ vật chất mà thôi". Họ Tưởng gật đầu đồng ý. Ông Thiệu còn giải thích rằng Nixon đã hoàn toàn đồng ý về điều kiện là sự triệt thoái quân đội Mỹ và Bắc Việt phải có tính cách hỗ tương. Ông Thiệu cho đó là một nhượng bộ lớn của Việt Nam Cộng hòa, bởi lẽ trong lần gặp gỡ

Tổng Thống Johnson ở Manila mới sáu tháng trước đây cả hai bên đã đồng ý rằng Hà Nội phải rút quân khỏi miền Nam nửa năm khi người Mỹ rút. Đến đây ông Thiệu mở cặp lấy ra một hồ sơ nhỏ. Ông nói: "Nixon đã đồng ý với tôi về nguyên tắc căn bản, thiết yếu của việc thương thuyết với Bắc Việt". Ông đưa cho họ Tưởng coi bản văn bài diễn văn của Nixon ngày 14 tháng 5, 1969 trên đài truyền hình Mỹ, đề nghị những điều khoản thỏa hiệp về thương thuyết. Ông chỉ cho họ Tưởng thấy những giòng chữ ông đã gạch dưới: "Chúng tôi đã gạt bỏ việc Hoa Kỳ triệt thoái đơn phương, hoặc việc chấp nhận tại Paris những điều khoản che dấu sự thua trận".

Hai người nói chuyện thân mật, chậm rãi. Họ Tưởng nhắc lại kinh nghiệm của chính ông với người Mỹ hai-mươi-năm trước đây lúc ông bị cộng sản đánh bại và buộc phải chạy sang Đài Loan. Trước khi ông rời lục địa, người Mỹ đã làm áp lực bắt ông phải liên hiệp với Mao Trạch Đông. Cả hai đều hiểu rõ nguy cơ liên hiệp với Cộng sản. Họ Tưởng khỏi cần dạy ông Thiệu điều đó. Kinh nghiệm của ông Thiệu đã dạy ông bằng quy luật thứ nhất của Hồ Chí Minh, là thanh toán không thương tiếc mọi thành phần chống đối.

Lịch sử tranh đấu giành độc lập của dân tộc Việt Nam có biết bao nhiêu trường hợp những lãnh tụ quốc gia bị Cộng sản phản bội hoặc thủ tiêu. Trong những năm hình thành phong trào Cộng Sản Việt

Nam, họ Hồ đã phản bội cụ Phan Bội Châu, một lãnh tụ Quốc Gia được kính nể, với mật vụ Pháp. Năm 1925, cụ Phan hoạt động tại Thượng Hải, chủ trương một thể chế dân chủ cộng hòa cho Việt Nam qua tổ chức chính trị của cụ là Việt Nam Duy Tân Hội, nhóm này khuấy động nhằm chấm dứt chủ nghĩa thực dân Pháp và giành độc lập cho Việt Nam.

Cụ Phan liên kết với các phần tử đấu tranh khác ở Á Châu và còn được nhiều người biết đến hơn là họ Hồ. Tổ chức của cụ cũng là một đối thủ đáng sợ hơn là Hội Thanh Niên Cách Mạng Việt Nam của Hồ, lúc đó, vừa được thành lập. Họ Hồ xâm nhập tổ chức của cụ Phan ở Hương Cảng và móc nối với Nguyễn Công Viên – một nhà cách mạng khác – để khuynh đảo cụ Phan và nhóm Quốc gia của cụ. Họ Hồ còn dàn xếp mời cụ Phan đến họp tại vùng nhượng địa của Pháp tại Hương Cảng. Khi Cụ vừa tới thì mật thám Pháp ập tới bắt cụ. Hồ và kẻ đồng mưu, Viên, chia nhau số tiền 100.000 đồng Đông Dương (tương đương với 56.000 mỹ kim hồi đó) là tiền treo thưởng do thực dân Pháp. Cụ Phan bị dẫn độ về nước xét rồi bị kết án quản thúc tại gia ở Huế, và mất tại đây mười lăm năm sau.

Họ Hồ, kể từ những ngày sơ sinh của phong trào cộng sản, đã tạo ra một mô thức nhằm vô hiệu hóa và thủ tiêu bất cứ phe nhóm nào mà y sợ sẽ phải chia sẻ quyền hành. Mô thức ấy còn nguyên vẹn ba tháng sau khi Cộng Sản chiếm Sài Gòn hồi tháng 4-1975,

khi Hà Nội bắt đầu loại dần mọi dấu vết của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (Việt Cộng) và chính phủ Cách Mạng Lâm Thời.[46]

Họ Hồ tiếp tục khuynh đảo phong trào Quốc gia của cụ Phan Bội Châu bằng cách đem nộp cho Pháp những nhà ái quốc Việt Nam khác. Hồi đó, phong trào Quốc Gia thường hay gửi thanh niên sang Trung Quốc để được huấn luyện về cách mạng. Những người đã được tuyển mộ phải gửi hai tấm hình của mình cho Nguyễn Công Viên trước khi ra đi. Thanh niên nào hưởng ứng sự kêu gọi của họ Hồ và gia nhập Hội Thanh Niên Cách Mạng thì được bí mật đưa về Việt Nam an toàn. Còn ai không chấp nhận lý tưởng Cộng sản và trung thành với chính nghĩa Quốc Gia, thì bị Pháp bắt ngay lúc vừa vượt biên trở về nước. Nguyễn Công Viên đã cho họ Hồ biết tin là một sinh viên "không đủ tư cách" nào đó, sắp hồi hương, đồng thời cho tòa lãnh sự Pháp ở Hương Cảng biết đầy đủ chi tiết lộ trình và một tấm hình của sinh viên ấy, để đổi lại một khoản tiền thưởng.[47]

Khi họ Hồ lên nắm chính quyền hồi tháng 8-1945, y đã thanh toán hàng ngũ lãnh đạo phe Quốc Gia không Cộng sản ở Việt Nam một cách có hệ thống và tàn bạo.[48] Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7-1946, Võ Nguyên Giáp đã thực hiện một cuộc ruồng bắt toàn quốc mọi lãnh tụ Quốc Gia, và công an Việt Minh đã tới chiếm trụ sở của các đảng phái đối lập.[49]

Thế nên, khi ông Thiệu nghe thấy chữ "liên hiệp"

là lập tức ông liên tưởng đến thành tích của Cộng sản Bắc Việt đã dùng vũ lực tiêu diệt mọi phong trào cũng như nhân vật chống đối, và tước đoạt mọi quyền tự do công dân của họ.[50] Ông thừa biết rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ là một công cụ của Bắc Việt, ông sợ rằng liên hiệp với Mặt Trận sẽ giống như bắc một cái cầu cho Hà Nội bước vào miền Nam để rồi nắm quyền kiểm soát. Vì vậy, trước khi bàn về giải pháp chính trị nào, ông đòi quân đội Bắc Việt phải triệt thoái khỏi miền Nam trước đã. Một chính phủ liên hiệp mà không đi đôi với sự rút quân Bắc Việt khỏi miền Nam sẽ chẳng khác chi một chiến thắng của Cộng Sản. Ông thường nhắc nhở người Mỹ rằng trong thời chiến tranh Đại Hàn, quân đội Bắc Hàn cũng đã phải rút về bắc vỹ tuyến 38 trước khi khởi sự thương thuyết. Chừng nào Bắc Hàn còn ở dưới vỹ tuyến 38 là chiến tranh vẫn còn tiếp diễn. Ông nhấn mạnh: "Các ông phải đòi Bắc Việt rời khỏi miền Nam – như Tổng Thống Johnson đã đòi – trước khi thương thuyết bắt đầu, thay vì thương thuyết để rút quân".[51]

Tuy ông sẵn sàng thảo luận về giao thương với Bắc Việt như Nguyễn Tiến Hưng đề nghị, nếu miền Bắc đáp ứng thuận lợi, ông cũng nói riêng với họ Tưởng rằng liên hiệp với sự hiện diện của quân đội Bắc Việt tại miền Nam, là một điều tuyệt đối không thế thương thảo. Trong bài diễn văn đọc ở Quốc Hội, một tuần trước hội nghị Midway, ông đã chặn đầu

Nixon bằng cách nói huỵch toẹt công bố quan điểm của mình. Nixon khôn khéo đã không đả động gì đến liên hiệp ở Midvvay. Nixon nói với Thiệu tốt hơn hết là nên tách các vấn đề quân sự ra khỏi vấn đề chính trị. Vấn đề quân sự then chốt là làm cách nào thương lượng được việc triệt thoái song phương của cả Bắc Việt lẫn Hoa Kỳ ngõ hầu giảm thiểu sự có mặt của Mỹ tại Việt Nam xuống mức có thể chấp nhận được tại Quốc Hội. Và điều này cũng sẽ mua thêm được thời giờ để củng cố quân đội của Việt Nam Cộng hòa. Dù sao chăng nữa, như Nixon đã hứa hẹn, thì khi quân Mỹ rút về, quân Bắc Việt cũng sẽ rút theo cùng một lúc.

Ông Thiệu và Tưởng Giới Thạch đàm luận một giờ lâu hơn dự định khiến họ Tưởng không kịp về tư dinh thay quần áo để dự tiệc khoản đãi ông Thiệu tối hôm đó. Ông bèn phái sĩ quan tùy viên về tư dinh lấy bộ quân phục mang đến khách sạn để thay quần áo ở đó và tiếp tục cuộc đàm thoại.

Trong bữa tiệc chiều hôm đó, họ Tưởng đã nâng ly chúc tụng Việt Nam Cộng hòa. Chúc tụng ông Thiệu có được can đảm và quyết tâm giữ cho Đông Nam Á khỏi bị Cộng sản thống trị. Bàn tiệc thịnh soạn kèm với rượu quý Trung Hoa khiến ông Thiệu bớt căng thẳng hơn và hai người bàn về đặc điểm của cách nấu ăn của Trung Quốc so với của Đài Loan; và cả hai đều đồng ý rằng các món ăn ở đảo cũng giống như các món ở lục địa, nhưng có phần ngon hơn. Họ

Tưởng lịch thiệp và hiếu khách, nhưng phải cáo lui sớm vì nay đã già yếu. Thấy bữa tiệc kết thúc sớm, ông Thiệu cũng cảm thấy nhẹ nhõm sau buổi họp khá dài lúc ban chiều.

Nhưng đến lúc ngả lưng, ông thấy khó chợp mắt. Cuộc đàm thoại với họ Tưởng buổi chiều hôm ấy cứ tái diễn trong óc. Đúng, có thể sau này ông phải đối diện với lời cảnh cáo của họ Tưởng về chiều hướng của Mỹ muốn giải quyết những vấn đề quân sự bằng liên hiệp chính trị. Ông tự hỏi: Tại sao bây giờ Nixon làm Tổng Thống mà họ Tưởng vẫn còn quan ngại về Việt Nam? Hiển nhiên là nhà lãnh đạo Trung Hoa Quốc Gia đã nghi ngờ ý định của Nixon.

Về sau nghĩ lại, ông thấy cuộc gặp gỡ ở Midway đã không mấy tốt đẹp như ông hy vọng lúc ban đầu. Tại sao Nixon đã bác bỏ đề nghị của Việt Nam Cộng hòa là họp ở Hoa Thịnh Đốn hoặc Honolulu? Honolulu là một trung tâm quan trọng, nơi có tổng hành dinh của Bộ Tư Lệnh Thài Bình Dương (CINCPAC); ngó ra biển xanh lơ thấy Trân Châu Cảng và sức mạnh của Hải quân Mỹ, nơi này mới thật là nơi lý tưởng để tỏa phóng quyền lực của Hoa Kỳ. Hẻo lánh và tiêu điều, đảo Midway quả đã là một lựa chọn kỳ khôi.[52]

Mới một năm trước đây, hồi tháng 7-1968, Thiệu gặp Lyndon Johnson ở Honolulu. Vị TổngThống Hoa Kỳ này đã cam kết tiếp tục ủng hộ Việt Nam Cộng hòa "chừng nào còn cần và muốn sự giúp đỡ ấy". Johnson cũng đã thừa nhận lời cam kết "không áp đặt một

chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn". Hay là ông Thiệu đã sai lầm khi ủng hộ Nixon thay vì Humphrey? Ông không cần họ Tưởng nhắc nhở về những nguy cơ của một chính phủ liên hiệp; vấn đề là làm sao thuyết phục được Mỹ. Ông phân vân không biết làm cách nào bầy tỏ cho Nixon và Kissinger hiểu thấu những mối lo ngại của ông.

*

* *

Nguyễn Văn Thiệu xuất thân từ một gia đình dòng dõi hết sức khiêm nhượng. Ông sinh ngày 24 tháng Chạp, 1924; theo thầy tướng số thì nhằm đúng giờ Tý, tháng Tý và năm Tý – là một tuổi có điềm tốt theo tử vi.[53] Là con út trong một gia đình bảy người con, mọi người đều gọi ông là cậu Tám (theo tục miền Nam, người cha trong gia đình được gọi là cả, người con đầu lòng là Hai).

Cha của ông, mồ côi từ năm mười một tuổi, đã sống với một người chú ở vùng quê, và phải đi chăn bò để kiếm ăn. Ông Thiệu kể: "Ông cụ đã thành một thứ cowboy. Hồi đó, không có đường sá nhiều, cho nên thường khi cụ dẫn đàn bò từ tỉnh này sang tỉnh khác để bán, dọc đường có khi mất đến một nửa", về sau, cụ dành dụm đủ tiền mua được hai mẫu ruộng, rồi lấy vợ, đẻ con. Gia đình bốn trai, ba gái. Từ lúc lên năm, ông Thiệu đã được mẹ giao cho bán bánh tét ở ngoài chợ làng. Mẹ ông đêm đêm nấu bánh, sáng sớm ông bưng thúng ra chợ bán. Ông bán đủ

tiền mua vật liệu cho nồi bánh ngày hôm sau, và được lãi chút đỉnh. Hồi nhỏ ông rất mê bóng tròn, nên thường láu lỉnh để dành chút tiền kiếm được để mỗi chiều chủ nhật bỏ chợ đi coi đá bóng. Buổi chợ hôm đó, ông lấy bánh ra ăn và còn cho bạn ăn nữa. Sau trận đá, ông về đưa đủ số tiền bán bánh ngày hôm đó cho mẹ, giống như mỗi ngày khác, mà không hề nói với bà là ông đã đi coi đá banh.

Ông kể lại rằng hồi còn ở trung học, ông là một học sinh khá xuất sắc, học cả Pháp lẫn Anh Ngữ. Sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống, ông đã học được của cha ông những đức tính của Nho gia.[54] Cụ còn dậy cho ông lúc nào cũng phải tính toán trước cho kỹ, chớ liều lĩnh. Một hôm, cụ có việc phải ra ngoài Bắc. Cụ bèn xách khăn gói đi ra ga xe lửa lúc xẩm chiều, ngủ đêm ở đó, kệ cho muỗi cắn và thửa biết mãi đến trưa hôm sau xe lửa mới khởi hành. Khi cha về, ông Thiệu hỏi sao cụ ra ga sớm thế. Cụ đáp: "Người chờ xe chứ xe đâu có chờ người". Chính là nhờ cha mà ông đã học được cái tính ăn chắc từng bước một, luôn luón nghi ngờ và dè dặt – là các đặc tính đã đeo đuổi ông suốt cuộc đời.

Kinh nghiệm bản thân ông đối với sức mạnh của Mỹ đã đến với ông năm 1954, hồi cuối chiến tranh thế giới, khi có nhiều đợt phi cơ Mỹ đến dội bom làng ông, lúc ấy đang bị quân đội Nhật chiếm đóng, ông còn nhớ là đã có rất nhiều thiệt hại nhân mạng,

và ông đã tiếp tay một toán cứu trợ đi bới tìm kẻ sống sót dưới những đống gạch vụn.

Cũng vào khoảng thời gian ngay trước khi Đệ II Thế Chiến chấm dứt, ông gia nhập mặt trận Việt Minh chiến đấu chống Pháp, và từ đó, bắt đầu ý thức được sự tàn bạo của Cộng Sản Bắc Việt. Sau khi thoát ly Mặt trận Việt Minh và chạy vào Sài Gòn, ông ghi tên gia nhập khóa I sĩ quan trường sĩ quan Việt Nam tại Huế.

Phục vụ trong quân đội Việt Nam, ông được tiếng là một sĩ quan thông minh và nhiều tham vọng, cấp chỉ huy ngang hàng còn nhớ đến khả năng làm kế hoạch hành quân cũng như công tác tham mưu của ông. Năm 1952, ông thành hôn với Nguyễn Thị Mai Anh, con gái một tín đồ Công Giáo nổi tiếng miền Tây và chính ông sau đó, năm 1957, cũng chịu lễ rứa tội.

Khi cuộc đảo chính chống ông Diệm bùng nổ năm 1963, ông được coi là một ngôi sao đang lên trong quân đội. Hồi đó, ông chỉ huy Sư đoàn 5 Bộ Binh, căn cứ tại Biên Hòa và sự ủng hộ của ông đã được coi là tối hệ trọng cho việc đảo chính thành công. Sau đảo chính, ông là một trong nhóm sĩ quan trẻ tuổi cấp lãnh đạo, nắm giữ các địa vị then chốt trong quân lực và làm áp lực buộc nhóm tướng lãnh thế hệ cũ phải về hưu. Sau khi tướng Nguyễn Khánh bị đẩy ra khỏi quân đội và chính quyền vào tháng Hai 1965, ông Thiệu vận động khôn khéo để được

bầu làm chủ tịch Hội đồng Quân nhân, rồi Quốc Trưởng ("Chủ tịch ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia") với Thiếu Tướng Nguyên Cao Kỳ là Thủ Tướng ("Chủ tịch ủy Ban Hành Pháp Trung Ương"). Như vậy, ông Thiệu đã dọn đường để được chọn ra tranh cử Tổng Thống vào tháng Chín 1967,[55] hơn một năm trước cuộc tranh cử của Nixon.

*

* *

Trên chuyến bay ngắn từ Đài Loan về Sài Gòn, ông Thiệu duyệt lại trong đầu cuộc gặp gỡ vừa qua ở Midway. Không, chẳng có gì phải sợ cả, ông kết luận như thế. Nixon chắc sẽ không phản bội Việt Nam; ông ta chắc chống cộng còn dữ hơn là Johnson. Thiệu đã giáp mặt Johnson ở Manila và Honolulu, và thấy ông là một người tính tình khó khăn. Johnson không chịu lắng nghe và có vẻ hống hách. Không hề có thảo luận, bàn cãi gì hết. Johnson một mình lấy quyết định, và thế là xong. Tại Manila, LBJ cũng đã ngồi trong một chiếc ghế đặc biệt, lớn hơn ghế mà các Tổng Thống khác đã ngồi.[56] LBJ làm ông Thiệu nhớ đến một tướng lãnh người Mỹ khác là John w. O'Daniel (tục danh là "Mike sắt") mà hồi 1954 đã được Tổng Thống Eisenhovver chỉ định làm chủ tịch phái bộ cố vấn và viện trợ quân sự Hoa Kỳ đầu tiên tại Việt Nam. Năm 1955, trong một cuộc thảo luận sôi nổi với một tướng lãnh Việt Nam Cộng hòa, O'Daniel đã quát tháo: "Ai chi tiền là người ấy chỉ

huy".[57] Giữa ông Thiệu và LBJ đã không hề có một trao đổi thư tín nào hết, ngoài lá thư Johnson yêu cầu ông "đừng bỏ nhau" trước tuyển cử Mỹ 1968.

Với Nixon thì khác. Ông này có một phong cách và phương pháp của một luật sư, trình bầy vấn đề có luận lý, mạch lạc, thứ tự và nắm vững được mọi khía cạnh của vấn đề. Ông biết lắng nghe người khác và cỏ vẻ hiểu rõ vấn đề, và biết đưa ra giải pháp thực tế. Ông Thiệu cảm thấy là Nixon hiểu rõ chính sách đối ngoại cũng như Á Châu hơn là Johnson. Mà cũng chẳng lạ gi, bởi vì tất cả sự nghiệp của Nixon đã được xây trên chủ thuyết chống cộng. Ông là một trong những người đầu tiên chủ trương kiềm chế làn sóng đỏ Trung Hoa. Ông là người đầu tiên chủ trương dùng không lực Hoa Kỳ để phá vòng vây Điện Biên Phủ năm 1954, hồi còn là Phó Tổng Thống. Thế nhưng, trên hết, ông Thiệu cho rằng Nixon đã mang nợ ông về cuộc bầu cử năm 1968.

Ít lâu sau cuộc gặp gỡ ở Midway, được biết Nixon sắp thăm viếng vùng biển Đông, ông Thiệu bèn yêu cầu ông ta ghé thăm Sài Gòn, như một cử chì biểu lộ sự ủng hộ của mình. Nixon không trả lời ngay, nhưng sau quyết định vào giờ chót sẽ ngừng chân bất ngờ ở Sài Gòn có Kissinger tháp tùng trong chuyến công du hồi tháng 7-1969, chỉ một tháng sau hội nghị Midway. Chuyến viếng thăm đầu tiên, và duy nhất đó của một Tổng Thống Mỹ tại Dinh Độc Lập đã làm tăng thêm uy tín của ông Thiệu; người

ta có cảm tưởng là Nixon đã áp triện bảo chứng cái "Thiên Mệnh" của ông – cái sứ mệnh mà Hoa Thịnh Đốn đã quy định. Thế nhưng, khi hai người nói chuyện riêng, Nixon đã lặp lại những gì ông đã nói ở Midway: ông ta khởi sự rút quân để được lòng quần chúng Mỹ.

Ông Thiệu kể lại: "Tôi hiểu ý Nixon. Nhưng ông ta không hề nói với tôi là sẽ có một lịch trình triệt thoái tuần tự do Mỹ chủ động. Ông chỉ nói đến những khó khăn trong nước, mà ông đang gặp phải, và yêu cầu tôi tiếp tay. Ông ta nói: "Hãy giúp chúng tôi, để chúng tôi giúp các ông". Tôi đáp: "Tôi sẽ giúp ông để ông giúp chúng tôi". Nixon còn cam kết lần nữa là sự triệt thoái sẽ được Bắc Việt thi hành một cách song phương và phải phù hợp với khả năng tự vệ của miền Nam, cũng như mức độ viện trợ quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ cho miền Nam". Ông Thiệu còn nhớ lời Nixon nói: "Chúng ta đã đi một bước đầu khá dài để mở rộng cánh cửa hòa bình rồi, bây giờ thì đến lượt phe bên kia phải đáp ứng".[58] Ông Thiệu nói là ông cũng đã hơi nghi là Hoa Kỳ sẽ đơn phương rút quân, bất chấp những hứa hẹn của Nixon, nhưng "lúc đó tôi vẫn còn đặt tin tưởng và kỳ vọng vào người bạn đồng minh vĩ đại ấy". Dù sao thì trong bài diễn văn ngày 14 tháng 5, khi công bố kế hoạch hòa bình mới, Nixon cũng đã tuyên bố:

"*Một đại cường quốc không thể không giữ lời hứa của mình. Một dân tộc lớn phải xứng đáng với lòng tín*

nhiệm của các dân tộc khác. Khi nói đến duy trì hòa bình, thì 'uy tín' chẳng phải là một từ ngữ trống rỗng. Ở đây tôi không nói đến tự ái hay khí khái rởm – mấy thái độ này không có chỗ đứng trong chính sách của ta. Mà tôi muốn nói tới lòng kính nể của một dân tộc đối với chính nghĩa của một dân tộc"...[59]

Thế nhưng ông Thiệu vẫn nghĩ đến viễn tượng bị bội phản. Ông tự hỏi, không biết cái không khí đầy tin tưởng sẽ kèo dài được bao lâu? Trong tập hồi ký sau này, Kissinger cũng xác nhận cái linh cảm đó của ông Thiệu, nói rằng sau cuộc gặp gỡ giữa Nixon và Thiệu ở Sài Gòn, "rõ ràng là chúng ta đang đi trên con đường rút khỏi Việt Nam bằng ngả thương thuyết nếu có thể, bằng ngả đơn phương triệt thoái nếu cần thiết".[60]

Ông Thiệu muốn dành cho Nixon một cuộc tiếp tân nhỏ nhưng thật thịnh soạn tại Dinh Độc Lập, nhưng vì lý do an ninh đã phải chờ cho đến giờ chót trước khi Nixon tới, mới cho mời một số giới hạn các nhân viên cao cấp cùng với các phu nhân đến dự. Các bà được dịp ăn mặc lộng lẫy và tô điểm khoe khoang khiến Kissinger lác cả mắt.

Sau khi nâng ly rượu xâm banh chúc tụng Việt Nam Cộng hòa, các động cơ trực thăng bắt đầu nổ, cánh quạt bay ầm ầm mỗi lúc một nhanh, dường như để khẳng định lại một lần nữa sức mạnh và sự hiện diện của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Ông Thiệu tiễn Nixon và Kissinger ra tận chỗ phi cơ đậu ở sân cỏ

trước dinh, mỉm một nụ cười và giơ tay vẫy chào lúc chiếc trực thăng của Tổng Thống Hoa Kỳ bốc thẳng lên nhanh, bay về hướng Bắc, lướt trên những mái ngói đỏ của thành phố.

Ngày hôm đó, 30 tháng 7-1969, Nixon đã không hề tiết lộ cho ông Thiệu biết rằng ngay sau lúc đó, Kissinger đã trực chỉ qua Paris để khởi sự các cuộc họp bàn lén lút với Cộng Sản Bắc Việt.

chương III
những đổi chác bí mật

Mặc dù Kissinger "đi đêm" với Bắc Việt tại Paris, hai năm đầu nhiệm kỳ Tổng Thống của Nixon đã là hai năm thuận lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Nixon dường như đã bảo vệ miền Nam trên mọi trận tuyến. Với chương trình Việt hóa và với sự cung ứng đầy đủ vũ khí, tinh thần quân đội Việt Nam Cộng hòa đã lên rất cao. Ông Thiệu dường như hòa hợp được với chiến lược mới của Mỹ và với chủ thuyết Nixon, là Hoa Kỳ sẽ chỉ viện trợ kinh tế và quân sự cho bất cứ đồng minh nào muốn chống xâm lược mà không trợ giúp nhân lực.[1] Được sự ủng hộ của Nixon, ông Thiệu đã thực hiện những chương trình bình định nông thôn và cải cách ruộng đất được đa số hoan nghênh.

Vụ Tết Mậu Thân (1968), đã dần phai mờ trong trí nhớ mọi người. Cộng sản đã chịu nhiều tổn thất nặng nề về nhân lực và đã không thể mau chóng thay thế quân số cũng như đồ trang bị. Cuộc hành quân

vượt biên đánh vào Cam Bốt của Hoa Kỳ và Việt Nam mùa Xuân 1970, đã là một thắng lợi quân sự lớn lao cho Sài Gòn, dù rằng nó đã làm mồi cho trận bão lửa chính trị chống lại Nixon do nhóm biểu tình phản chiến ở Mỹ gây ra. Bộ chỉ huy của Bắc Việt tại Mỏ Vẹt, vùng giữa Miên và Việt, đã bị tiêu hủy. Cuối 1970, sự tin tưởng của ông Thiệu đã lên cao tới độ ông lạc quan tuyên bố rằng Việt Nam Cộng hòa đang "bước vào giai đoạn hậu chiến".[2]

Sang năm 1971, ông Thiệu nhận thức được là sẽ có nhiều thử thách và nguy hiểm, nhưng vẫn tin là có thể đối phó được. Để chứng minh tinh thần lạc quan đó, trong dịp Tết ông đã cho phép dân chúng đốt pháo – lần đầu tiên kể từ Tết Mậu Thân.

Thử thách thứ nhất trong năm 1971 là cuộc hành quân Lam Sơn 719 – một ám danh lấy từ chiến thắng lịch sử ở Chi Lăng năm 1427 khi nghĩa quân đất Lam Sơn đánh bại đại quân xâm lược của nhà Minh. Dù chương trình Việt hóa đã được gần hai năm, nó vẫn chưa hề bị thử thách lần nào, nên Hoa Kỳ yêu cầu quân lực Việt Nam Cộng hòa mở một cuộc hành quân "lùng và diệt địch" đánh thẳng vào những căn cứ hậu cần và điểm xuất quân của Bắc Việt vào đường mòn Hồ Chí Minh tại Tchepone bên Lào. Thiệu cảm thấy là phải chứng minh cho Hoa Kỳ thấy rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa đã trưởng thành và có thể đảm nhiệm các cuộc hành quân tấn công mà cho tới hồi đó phần lớn vẫn do quân lực Hoa Kỳ đảm nhận.

Mặc dù vẫn còn băn khoăn lo ngại, ông đã xử dụng hai sư đoàn thiện chiến nhất của Việt Nam Cộng hòa, là sư đoàn Dù và Thủy Quân Lục Chiến.[3] Người Mỹ chỉ cho không lực yểm trợ. Sau 4 ngày đầu, các lực lượng của Việt Nam Cộng hòa đã gặp sức chống cự mãnh liệt của quân đội Bắc Việt, và cuộc hành quân bị sa lầy. Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã không có được sự yểm trợ của không quân Mỹ như đã hứa hẹn. Phía Hoa Kỳ viện lẽ các nhân viên điều-không của Việt Nam Cộng hòa vì nói tiếng Anh không rành nên bị trục trặc trong việc kêu gọi những phi vụ oanh tạc Mỹ. Tướng Võ Nguyên Giáp của Bắc Việt xua thêm quân trừ bị và đổ vào chiến trường tới 36 ngàn quân, kể cả hai sư đoàn Thiết giáp được trang bị với xe tăng Nga Sô để chiến đấu với lực lượng tấn công của miền Nam chỉ gồm có 25 ngàn người. Bất cứ quân miền Nam di chuyển tới nơi nào, là quân đội Bắc Việt đã chờ sẵn ở đó để phục kích.

Cục trưởng Cục Chiến Tranh Tâm Lý thuộc quân lực Việt Nam Cộng hòa hồi ấy có nói với tùy viên của ông rằng kế hoạch hành quân Lam Sơn đã do người Mỹ soạn thảo và đưa cho Đại tướng Cao Văn Viên ký (Tướng Viên là Tổng Tham Mưu Trưởng). Đã không hề có việc soạn thảo kế hoạch hoặc phối hợp thực sự và hữu hiệu giữa Mỹ và Việt. Ngoài ra, những trì hoãn trong việc chấp thuận kế hoạch do người Mỹ làm ra đã đưa đến những tiết lộ bí mật khiến Giáp biết được và bẻ gẫy các cuộc hành quân.[4] Ông Thiệu

muốn ngăn không cho Bắc Việt có thể tấn công các lực lượng Việt Nam Cộng hòa tại Tchepone nên đề nghị với Mỹ cho ông di chuyển một sư đoàn ra Bắc Việt, phía trên vỹ tuyến 17, gần Vinh, như một chiến thuật đánh lạc hướng địch. Nhưng Mỹ không chấp thuận. Ông cho rằng chiến thuật này chắc chắn sẽ đảm bảo được thắng lợi tại Tchepone và bắt buộc Bắc Việt phải giữ lại thêm nhiều quân tại miền Bắc để phòng cuộc đại tấn công từ miền Nam đánh ra.[5]

Nếu như Thiệu đã chậm chạp trong sự quyết định đổ thêm quân, thì ông lại rất mau lẹ nhận ra được rằng ông đã bị sa bẫy. Ông ra lệnh cho tướng Hoàng Xuân Lãm, vị chỉ huy cuộc hành quân, tiến chiếm Tchepone nhưng không cố thủ ở đó vì ông sợ một vụ Điện Biên Phủ thứ hai: lực lượng của mình bị cầm chân tại một tiền đồn bất khả bảo vệ và không có đường tiếp tế. Bởi vậy, ông đã ra lệnh cho tướng Lãm: "Anh vào đó đái một cái rồi ra ngay".[6] Cuộc hành quân chấm dứt 44 ngày sau khi bắt đầu. Con số tổn thất khá cao – gần 8 ngàn người – đã là một yếu tố làm suy nhược tinh thần quân đội Việt Nam Cộng hòa.

Theo ông Thiệu, thì chính một số quân Mỹ mới là những kẻ đào ngũ trước, không phải quân đội Việt Nam Cộng hòa. Nhưng phía người Mỹ cho rằng, quân đội Việt Nam Cộng hòa đã "rớt" trong cuộc trắc nghiệm của chương trình Việt Nam hóa.

Trong phần nhận định về cuộc hành quân Lam

Sơn, Henry Kissinger viết trong tập hồi ký của ông rằng tướng William Westmoreland đã không chịu đưa 4 sư đoàn Mỹ tấn công Tchepone vì cho là quá mạo hiểm trong khi Việt Nam Cộng hòa đã chỉ xử dụng không đầy hai sư đoàn để chiếm giữ Tchepone.[6] Kissinger đổ tội cho ông Thiệu là đã ra lệnh cho vị chỉ huy phải thận trọng khi di chuyển quân về phía Tây và chấm dứt cuộc hành quân ngay sau khi số tổn thất lên tới ba ngàn người.[7] Ông Thiệu quả quyết rằng ông không hề ra lệnh như thế bao giờ. Ông giải thích: "Nói rằng một nhà quân sự ấn định trước số quân tổn thất là một điều phi lý. Tiến sĩ Kissinger quá giàu tưởng tượng khi ông ta nói vậy. Mình không thể chuyển quân quá xa về phía Tây vì lẽ mình không thể đi quá tầm có thể di tản thương binh. Kissinger nói rằng mình rút quân mà không cho Mỹ biết! Làm sao mà Mỹ lại không biết khi mình rút đi hơn mười ngàn quân"?[8]

Theo ông Thiệu, thì lý do của sự thất bại là vì thiếu phi cơ trực thăng Mỹ. "Ba ngày sau khi mở cuộc hành quân, Mỹ đã tổn thất nhiều phi công trực thăng, và nếu không có không lực và hỏa lực yểm trợ thì họ không chịu tiếp tục hạ cánh để di tản thương binh kịp thời và trọn vẹn! Đó là một vấn đề nan giải cho quân mình. Mình không thể di chuyển được lính bị chết cũng như lính bị thương. Điều này có ảnh hưởng chẳng những đến tinh thần binh sĩ, mà còn ảnh hưởng đến cả diễn tiến cuộc hành quân nữa".[9]

Tổng Thống Nixon phái tướng Alexander Haig qua Việt Nam vào giữa lúc đang có chiến dịch Lam Sơn để nhận định tình hình. Haig nhớ lại rằng: "Lam Sơn đã tiêu diệt mất những thành phần ưu tú của lục quân Việt Nam, còn nghiêm trọng và thiệt hại hơn là người ta tưởng hồi bấy giờ. Lối điều khiển cuộc hành quân của chúng tôi lúc đó rất là sai lầm. Vai trò hướng dẫn và yểm trợ của Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa lúc đó đã không được thực hiện chi vì đang có những bất hòa nội bộ ở Ngũ Giác Đài"![10] Để trắc nghiệm chương trình Việt hóa chiến tranh, Ngũ Giác Đài đã không chịu cho quân đội Mỹ tham dự cuộc hành quân, sự yểm trợ mà quân đội Việt Nam đã quen thuộc và mong đợi thì nó đã không tới.

Ông Thiệu cố tránh không đổ tội cho người Mỹ. Có người đưa cho ông coi một bức hình trên các báo Mỹ chụp một người lính Việt Nam đang bám chặt lấy chân phi cơ trực thăng để thoát khỏi chiến trường, trông như một chú thỏ hốt hoảng. Dưới bức hình có ghi chữ "Thỏ đế" (Rabbit: người nhát gan. LND). Nhớ lại bức hình ấy, ông Thiệu nói: "Tôi chỉ cười thôi. Tôi khinh bỉ hết sức. Trong mấy chục ngàn quân, chỉ một người làm như thế; ấy thế mà báo chí (Mỹ) buộc tội cho tất cả quân lính Việt Nam Cộng hòa là nhát như thỏ đế. Rồi lại ỉm đi cái sự thật là một số phi công trực thăng Mỹ đã thiếu tinh thần chiến đấu trong cuộc hành quân đó".[11]

Cái không khí tự tin của hồi đầu năm 1971 đã

tan biến khi số thương binh của chiến dịch Lam Sơn chiếm hết giường tại các quân y viện. Ở Sài Gòn, sự thất bại của Lam Sơn bắt đầu đẻ ra những tin đồn trong các quán ăn, phòng trà, là ngày tàn của Thiệu sắp tới. Giữa những bài ca buồn về cuộc chiến, người ta loan tin là Mỹ sẽ đưa ra một "ứng cử viên hòa bình" trong cuộc bầu cử Tổng Thống Việt Nam vào tháng 10 tới. Vào lúc đêm khuya, tiếng ca êm đềm của Khánh Ly, người ca nữ được ưa chuộng của Sài Gòn, vẳng lên trong một phòng trà ở đường Tự Do, than vãn:

Tôi có người yêu
Chết trận A Sao
Tôi có người yêu, nằm chết cong queo,
Chết vào lòng đèo, chết cạnh gầm cầu,
Chết nghẹn ngào mình không manh áo!
...

Và cách đó vài khu phố, ở vùng Chợ Cũ nghèo nàn hơn, Duy Khánh, một ca sĩ chuyên hát dân ca, cũng phản ảnh được tinh thần đang xuống lúc đó:

Nay anh trấn tiền đồn Bến Hét,
Ngày mai anh băng rừng qua Hạ Lào...
Vai mang súng trận đầu nón sắt
Thì anh đâu dám bảo em đợi chờ
Và tương lai, anh nào đâu có gì em ước mơ! (Tình người đầu non)

Thế nhưng số mệnh chính trị của Thiệu dường như vẫn còn vượng sau thất bại Lam Sơn. Sang năm

mới, 1972, ông sẽ bắt đầu nhiệm kỳ 4 năm nữa, và người Mỹ sẽ phải hoặc nói chuyện với ông, hoặc dùng võ lực bắt ông từ chức. Ông kiên nhẫn đợi nước cờ tiếp theo của Hoa Kỳ.

Ngày 25 tháng Giêng, 1972, để chuẩn bị cho chuyến viếng thăm Trung Cộng vào tháng Hai và cuộc họp thượng đỉnh với Brezhnev vào tháng Năm, Nixon công bố một đề nghị hòa bình toàn diện, cả chính trị lẫn quân sự, với Bắc Việt. Các cuộc mật đàm với Hà Nội đã sa lầy, và với cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ sắp diễn ra vào mùa Thu, Nixon quyết định nắm lấy thế công. Lần đầu tiên ông tiết lộ rằng Kissinger đã họp kín mười hai lần với Bắc Việt tại Paris kể từ tháng 8, 1969.[12] Đối với ông Thiệu, thì cái phần đáng lo ngại nhất trong bài diễn văn của Nixon là không thấy ông này nói gì đến điều khoản tiên quyết là Hoa Kỳ lẫn Bắc Việt đều phải rút khỏi miền Nam. Tất cả kế hoạch quân sự của Nixon chỉ đòi "các lực lượng bên ngoài" phải hoàn toàn rút lui, thế thôi.[13] Ngoài ra, Nixon còn công bố đề nghị mật mà Haig đã đưa cho ông Thiệu hồi tháng Chín: Là Tổng Thống và Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa sẽ từ nhiệm một tháng trước khi có các cuộc bầu cử mới, sẽ được tổ chức trong vòng sáu tháng sau khi ngưng bắn!

Dù rằng Nixon đã bác bỏ yêu cầu chính trị của Bắc Việt là đòi ông Thiệu phải từ chức như một điều kiện tiên quyết để hòa giải, Thiệu cho rằng để

nghị mới của Mỹ (buộc ông từ chức) thực ra đã có tác dụng tương tự. Trong bài diễn văn, Nixon cũng không hề đá động đến kế hoạch mà ông đã nói riêng với ông Thiệu là sẽ vận động Nga và Trung Cộng làm áp lực với Bắc Việt bằng cách giảm viện trợ vũ khí cho Hà Nội và thúc giục Hà Nội phải thương thuyết nghiêm chỉnh.[14]

Một ngày trước khi Nixon đọc bài diễn văn trên đài truyền hình, Đại sứ Bunker đến trao cho ông Thiệu một bản sao toàn văn bài đó và yêu cầu ông tán thành và bình luận. Ông Thiệu nói là ông cần có thời giờ để nghiên cứu rồi ông cho gọi bí thư Hoàng Đức Nhã vô dinh gặp ông.

Nhã đã được ông Thiệu tin cậy và coi là một chuyên gia về Hoa Kỳ kể từ khi ông Thiệu nhậm chức Tổng Thống vào năm 1967. Là em họ, và đã từng sống với gia đình ông Thiệu từ hồi ông này còn là chỉ huy trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt (Nhã theo học trung học ở tỉnh này), Nhã luôn luôn kêu ông Thiệu bằng anh. Sau này qua Mỹ học tại Đại Học Oklahoma về ngành kỹ sư cơ khí. Nơi đây, Nhã đã nhiễm được những phong cách, dáng điệu, cũng như những tiếng lóng của người Mỹ. Về sau, ông theo học cao học tại Đại học Pittsburgh về phát triển kinh tế, chính trị và hành chánh.

Khi trở về Sài Gòn năm 1968, Nhã được ông Thiệu trao cho chức Bí Thư Tổng Thống. Đối với ông Thiệu, thì Nhã đã thoả mãn được hai nhu cầu quan

trọng: ông muốn có một người ông có thể tin cậy được và lại hiểu người Mỹ, và theo truyền thống Á Đông, muốn bổ nhiệm người trong họ vào những chức vụ quan trọng. Việc bổ nhiệm Nhã cũng còn làm cân bằng được những vụ bổ nhiệm người bên họ vợ ông nữa. Nhã chia sẻ nhiệm vụ với Nguyễn Phú Đức, người tốt nghiệp Đại học Harvard, và là phụ tá đặc biệt của ông Thiệu, đặc trách ngoại giao.

Mặc dù Nhã có nhiều tài năng, một số chính khách cả Việt lẫn Mỹ đã coi anh như là người thiếu kinh nghiệm, kiêu ngạo, và hay lạm dụng quyền thế. Họ cho rằng Nhã đã được địa vị ấy chỉ vì có họ với ông Thiệu. Cái phong cách lấc cấc kiểu "Mỹ con" của Nhã đã khiến nhiều người dị nghị. Có người còn phê bình rằng giữa thời chiến mà Nhã lái một chiếc xe Mustang bỏ mui, rồi một chiếc xe Mercedes, ngông nghênh diễu qua các phố phường Sài Gòn. Đó là biểu hiệu của phô trương và đặc quyền.

Chiều ngày 24 tháng Giêng, Nhã tới dinh Độc Lập và được ông Thiệu trao cho bản sao kế hoạch tám điểm của Nixon. Đọc xong, Nhã nhận thấy là ông Thiệu không thể công khai bác bỏ các đề nghị hòa bình đó.[15] Anh tự hỏi: Dân chúng Mỹ sẽ nói sao nếu như ông Thiệu bác bỏ? Gia dĩ còn mấy tiếng đồng hồ nữa là Nixon sẽ đọc bài diễn văn đó, làm gì có thời giờ thảo luận nội dung kế hoạch ấy với Hoa Thịnh Đốn? Nhã bèn khuyên ông Thiệu: "Bây giờ mình đừng nói gì cả. Nếu mình nói điều chi có

ý chống đề nghị, thì dư luận Mỹ sẽ coi mình là xấu chơi. Họ sẽ bảo: Đây là một ý kiến rất xây dựng có thể giải quyết toàn bộ vấn đề, mà tại sao các ông lại phản đối? Các ông chỉ lo cho quyền hành của mình hơn là cho hòa bình".

Ông Thiệu quyết định không công khai thách thức Nixon vì ông không tin là cộng sản sẽ chấp thuận kế hoạch Nixon đề nghị tổ chức các cuộc bầu cử mới, theo kiểu Cộng Sản. Hơn nữa, kế hoạch ấy vẫn còn nhắc đến sự triệt thoái của "những lực lượng bên ngoài".

Nhã đánh thức ông Thiệu dậy lúc 6 giờ sáng và đưa ông coi bản thảo một thông cáo mới: "Sau khi nghiên cứu kế hoạch hòa bình vừa được Tổng thống Nixon loan báo, chúng tôi nhiệt thành ủng hộ và sẽ làm tất cả mọi thứ để bảo đảm là sẽ có hòa bình". Ông Thiệu đồng ý cho công bố.

Dù công khai chấp nhận các đề nghị của Nixon, bên trong ông Thiệu đã hết sức bực mình về "cung cách xử lý trịch thượng như vậy". Ông Thiệu đã không hẳn là được tham khảo ý kiến, mà chỉ được thông báo... Cũng nên nhớ, đây là lần đầu tiên Việt Nam Cộng hòa được biết chi tiết những cuộc họp kín giữa Kissinger và Bắc Việt, và biết được các kế hoạch của Nixon.[16]

Ông Thiệu thừa hiểu rằng 1972, là năm bầu cử ở Hoa Kỳ, rằng áp lực đòi chấm dứt chiến tranh đang mỗi ngày mỗi gia tăng tại đó. Kể từ năm 1969, khi

Nixon gặp ông tại Midway, quân số Mỹ tại Việt Nam đã được giảm từ nứa triệu xuống chỉ còn 69.000 người, tính đến ngày 1-5-1972. Ông Thiệu sẵn sàng chấp nhận chủ thuyết Nixon nếu Hoa Kỳ tăng thêm viện trợ. Ông cần số viện trợ này để tăng cường quân lực Việt Nam Cộng hòa, bù đắp vào số quân đội Mỹ rút lui. Ông cần ngân khoản và trang bị cho hai sư đoàn trừ bị mới mà ông vẫn muốn thiết lập thêm. Hiện Việt Nam Cộng hòa chỉ có một sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến và một sư đoàn Dù làm lực lượng tổng trừ bị mà thôi, nghĩa là khoảng 20.000 quân. Số quân còn lại đang bị cầm chân tại bốn vùng chiến thuật và tại Sài Gòn. Không còn quân trừ bị nào khác đế phản công nếu như Bắc Việt tiến qua biên giới. Trong khi đó, quân đội Hoa Kỳ đã triệt thoái nhanh hơn là lịch trình đã được thông báo ở hội nghị Midway. Trong một buổi nói chuyện với Đại sứ Bunker, ông Thiệu đề nghị may cho mỗi người lính Hoa Kỳ sắp về nước một bộ com-lê dân sự nếu như họ để lại bộ quân phục, giầy và súng của họ cho một người lính Việt Nam Cộng hòa. Ông còn dám cho Hoa Kỳ thuê vịnh Cam Ranh trong chín-mươi-chín năm. Bunker từ khước lịch sự, giải thích rằng Hoa Kỳ không muốn có một căn cứ thường trực tại Việt Nam. Ông Thiệu bèn cảnh cáo: "Các ông có nó trong tay, nếu quăng đi, Nga sẽ tới lượm tức thì".[17]

Điều làm ông Thiệu ray rứt hơn cả là, trong sáng kiến hòa bình mới, Nixon đã chuồn nhẹ ra khỏi

vụ triệt thoái song phương. Chuyển từ lập trường cứng rắn đòi cả Mỹ lẫn Bắc Việt triệt thoái sang lập trường mềm yếu hơn, mơ hồ hơn, là triệt thoái "các lực lượng bên ngoài"[18] làm cho Bắc Việt có thể giải thích họ không phải là "bên ngoài", nên sẽ không phải rút. Nixon lại tuyên bố quân đội Hoa Kỳ sẽ triệt thoái "sáu tháng trước các lực lượng bên ngoài khác". Như vậy, quả là chính sách Mỹ đã đi đúng một vòng tròn: Kể từ lúc Johnson đòi Bắc Việt phải rút quân *trước khi Mỹ rút*, cho đến bây giờ, Nixon lại tự cống hiến *rút quân trước cả Bắc Việt*.

Sự thực thì đề nghị này đã được bí mật đưa ra trong cuộc tiếp xúc tay đôi Thọ - Kissinger tại Paris tám tháng trước, ngày 30-5-1971.[19] Trong tập hồi ký, Kissinger vẫn khăng khăng cả quyết rằng ông Thiệu "đã biết – và đã chấp thuận – đề nghị ngày 31-5 của chúng tôi, là bác bỏ việc ấy, triệt thoái hỗ tương; bây giờ ông Thiệu lại bảo rằng bất cứ một sự thay đổi nào được tuyên bố công khai cũng sẽ làm tình hình trong nước ông ta suy yếu đi".[20]

Phải chấp nhận một người tự xưng là đại diện cho Việt Nam Cộng hòa là Kissinger trong cuộc thương thuyết mật, ông Thiệu đã ở vào một thế kẹt. Thế nhưng ông vẫn không tin là Nixon bỏ rơi Việt Nam Cộng hòa, dù rằng mỗi ngày ông mỗi nghi ngờ Kissinger thêm,[21] vì đã không hề được phúc trình đầy đủ chi tiết về các cuộc mật đàm.[22] Cho tới khi được đọc bài diễn văn của Nixon, ông Thiệu vẫn tin

rằng các cuộc gặp gỡ bí mật chỉ là một phần của toàn bộ những cuộc thương thuyết chính thức đang diễn ra ở Paris mà thôi, và Kissinger có nhiệm vụ là "đẩy Bắc Việt ra khỏi miền Nam trong khi Mỹ rút lui". Ông đã hy vọng là Kissinger sẽ phát biểu lập trường của Việt Nam Cộng hòa với Bắc Việt. Ngờ đâu, các đề nghị của Kissinger dường như đã ngả về gần với lập trường Bắc Việt hơn. Biết được nhược điểm trong tư thế của Mỹ, ngày 27 tháng Giêng, Bắc Việt bèn leo thang bác bỏ đề nghị của Mỹ và công bố kế hoạch hòa bình chín điểm của họ, đòi Hoa Kỳ nhượng bộ thêm nhiều khoản nữa.[23] Chẳng hạn: Hoa Kỳ phải định một ngày chắc chắn để triệt thoái hoàn toàn, và toàn bộ chính phủ Sài Gòn, không riêng gì Thiệu, đều phải từ chức. Trong nỗ lực nhằm chia rẽ Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn, Cộng sản triệu tập một cuộc họp báo ở Paris, mục đích là để "nói thêm chi tiết" chín điểm đó. Những chi tiết đó gồm việc đòi ông Thiệu từ chức, giải tán quân đội Việt Nam Cộng hòa và các lực lượng cảnh sát, và chấm dứt chương trình bình định trước khi có thể bắt đầu thương thuyết về một chính phủ liên hiệp!

Bị giáng đòn bất ngờ ấy – sau khi có bài diễn văn tháng Giêng – ông Thiệu bèn yêu cầu Nixon cam kết là sẽ "không có đổi chác bí mật" nào nữa.

Trước khi Nixon bay qua Trung Quốc, ông Thiệu lại viết thư cho ông này kêu gọi đừng chấp nhận đòi hỏi của Hà Nội và ngỏ ý là ông sẵn sàng cộng tác với

Hoa Kỳ để có thể tìm được một giải pháp. Trong thư, ông Thiệu cảnh cáo Nixon về những nguy cơ của sự liên hiệp với Cộng sản, bởi lẽ đó chỉ là một bước ngắn đưa đến mục tiêu tối hậu của họ là chinh phục toàn thể Đông Dương, ông báo trước cho Nixon biết rằng phe cộng tại Đông Dương – mà theo ông Thiệu thì gồm cả Trung Quốc, Nga Xô và Bắc Việt– sẽ coi bất cứ một giải pháp nào đưa tới sự thống trị toàn vùng Đông Dương chỉ là một sự ngừng bước chiến lược", ông cũng nhấn mạnh rằng dù có được hay không một hiệp định hoà bình với Hà Nội, khả năng tự vệ của Việt Nam Cộng hòa vẫn là chìa khóa cho một nền hòa bình lâu dài tại Á Châu.

*

* *

Nixon viếng thăm Trung Quốc tử ngày 21 đến 28 tháng Hai, 1972 – đó là tuần lễ mà ông cho là "đã thay đổi cả thế giới". Trong các cuộc nói chuyện với Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, Nixon đã nói rõ là chiến trận Việt Nam phải được chấm dứt sớm chừng nào hay chừng ấy.

Hoa Kỳ và Trung Quốc mỗi bên tuyên bố quan điểm riêng biệt của mình về Việt Nam trong bản Thông cáo Thượng Hải, nhưng lúc tiếp xúc riêng, Nixon nói thẳng với họ Chu là ông muốn rút quân khỏi Việt Nam để đổi lấy việc thả tù binh Mỹ và một cuộc ngưng bắn! Ông nói: "Giá như tôi có thể ngồi đối diện với bất cứ ai là người lãnh đạo Bắc Việt,

và giá như hai bên có thể thương thuyết một cuộc ngưng bắn và trả lại tù binh chúng tôi, thì tất cả quân đội Mỹ sẽ được triệt thoái khỏi Việt Nam trong vòng sáu tháng kể từ ngày đó".[24] Trong bản thông cáo, đại diện Trung Quốc, thận trọng không đả kích trực tiếp quan điểm của Mỹ về Việt Nam, nhưng cũng không nói là sẽ ngưng tiếp viện quân sự và kinh tế cho Hà Nội.[25] Theo các tài liệu thương thuyết mật, thì chính Kissinger khi nói chuyện với họ Chu, đã mở đường để Trung Cộng thấy (và nhắn lại cho Bắc Việt) rằng Hoa Kỳ không còn đòi hỏi việc cả Bắc Việt phải rút quân cùng với Mỹ ra khỏi miền Nam.[26]

Quan hệ mới giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc chủ yếu được xây trên việc xử dụng sức mạnh của Hoa Kỳ tại Á Châu để ngăn chận chủ nghĩa bành trướng Xô-viết chống Trung Quốc.[27] Nói khác đi, Trung Quốc bây giờ đã coi Liên Xô là mối đe dọa lớn hơn Hoa Kỳ. Hoa Kỳ sẽ là một sức mạnh để quân bình ảnh hưởng Xô-viết tại Á Châu, về mặt chính trị, Trung Quốc ủng hộ chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam, và dù rằng họ Chu đã thận trọng không chỉ trích Bắc Việt, chính Trung Quốc lại mong có một chính phủ liên hiệp tại miền Nam để Hà Nội sẽ không thể hoàn toàn thống trị miền Nam cũng như Lào và Căm Bốt.

Khi từ Trung Quốc trở về, Nixon biết là cần phải trấn an ông Thiệu. Ông bèn phái Marshall Green, Phụ tá Ngoại trưởng đặc trách Đông Nam Á và Thái Bình Dương sang tường trình cho ông Thiệu về

chuyến Hoa du của mình, đồng thời hồi âm lá thư của ông Thiệu viết hồi tháng Giêng. Green tới gặp ông Thiệu tại dinh Độc Lập ngày 8-3-1972.

Tuy nhiên, cả phụ tá Green lẫn Ngoại trưởng William Rogers đều đã không được Kissinger và Nixon cho họp chung với Chu và Mao ở Bắc Kinh. Bộ Ngoại giao được giao phó việc thương thuyết những thỏa hiệp về kinh tế và văn hóa, trong khi Kissinger cùng 1 nhân viên khác trong Hội đồng An Ninh Quốc Gia là Winston Lord, thì tham dự với Nixon trong các phiên họp về chiến lược và về việc nối lại bang giao Mỹ-Hoa.[28] Tuy ông Thiệu đã biết rõ vai trò ngoại vi của Green, ông cố làm ra vui vẻ và đón tiếp sứ giả của Nixon một cách niềm nở. Sau phiên họp nội các ngàý 1 tháng Ba, Ngoại trưởng Trần Văn Lắm tuyên bố là "chúng tôi hoàn toàn ủng hộ chuyến đi của Tổng Thống Nixon. Không ai có thể chối cãi là nó đã giúp tạo được một không khí bớt căng thẳng". Chính phủ Sài Gòn tỏ ra hài lòng với sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với lập trường của mình như đã ghi trong thông cáo Thượng Hải.[29]

Green thấy ông Thiệu lạc quan. Dù không được dự những cuộc họp chung với Mao và Chu, ông được Nixon cho phép trấn an ông Thiệu là đã không có một đổi chác bí mật nào hết. Ông Thiệu đọc nhanh lá thư của Nixon và sau đó, hai người thảo luận về nội dung lá thư. Đó là lá thư duy nhất mà Green mang theo trong chuyến viếng thăm Đông Nam Á

để lược trình cho đồng minh Hoa Kỳ về chuyến đi Trung Quốc của Nixon.

Trong thư đề ngày 5-3-1972, Nixon khen ngợi "đề nghị hào hiệp và xứng danh 1 chính khách" của ông Thiệu là sẽ từ chức trước khi có cuộc bầu cử Tổng Thống mới; Nixon cũng đồng ý với lập trường của Thiệu nói rằng khả năng tự vệ của Việt Nam Cộng hòa "là chìa khóa cho một nền hòa bình dài lâu trong vùng. Tôi xin Ngài vững tâm là tôi cũng cùng một quan điểm ấy". Tổng Thống Hoa Kỳ còn chia xẻ quan điểm của ông Thiệu là mưu đồ của phe Cộng sản không thể nào ít hơn là sự hoàn toàn thống trị Đông dương, "một sự khả dĩ mà thực sự ta phải đề phòng". Nixon viết tiếp:

"***Xin Ngài có thể yên tâm rằng tôi sẽ làm mọi việc trong quyền hạn của tôi để cho những hy sinh to lớn của hai dân tộc Việt và Mỹ sẽ không trở thành vô ích***".

Nixon nói rằng những cuộc thảo luận với các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã "rất thành công" và "đã được tập trung vào những vấn đề song phương giữa Hoa Kỳ và Trung Hoa". Để trấn an ông Thiệu, Nixon viết thêm:

"***Chúng tôi đã không thương lượng điều gì đằng sau lưng những người bạn của Hoa Kỳ; đã không có sự đổi chác bí mật nào***. *Khi thảo luận với Trung Quốc, chúng tôi đã đặt lập trường của chúng tôi vững chắc trên nguyên tắc là Hoa Kỳ sẵn sàng thi hành*

những cam kết của mình (đối với đồng minh). Khi các cuộc thào luận đề cập tới Đông Dương, tôi đã trình bày lập trường của Hoa Kỳ minh bạch và cương quyết, như đã được phản ảnh trong thông cáo ngày 27 tháng Hai"...

Trong phần két, Nixon lập lại sự ủng hộ mạnh mẽ của ông đối với ông Thiệu:

"***Xin Ngài tin tưởng rằng Ngài sẽ tiếp tục nhận được sự cảm thông - ủng hộ và trợ giúp vật chất của Hoa Kỳ trong lúc mà nhân dân miền Nam đang ra sức chống xâm lăng để được an ninh và xây dựng một niềm hòa bình công chính và trường cửu***".

Phụ tá Green rời Sài Gòn hài lòng với phản ứng công khai của Việt Nam Cộng hòa đối với chuyến đi Trung Quốc của Nixon. Ông cũng hài lòng về tinh thần lên cao của ông Thiệu: "Trong buổi gặp gỡ, Tổng Thống Thiệu dường như còn lạc quan hơn là thực tế đã minh chứng".[30]

Đối với ông Thiệu, thì đoạn thư của Nixon viết rằng ông ta sẽ làm "mọi việc trong quyền hạn của tôi để cho những hy sinh to lớn của hai dân tộc Việt và Mỹ sẽ không trở thành vô ích" đã gây một tác dụng mạnh, cho tới lúc bấy giờ, thì ông đã chỉ được trấn an miệng về sự ủng hộ của Mỹ. Giờ đây, ông đã có được một lời hứa, do chính một vị tổng thống viết xuống bằng giấy trắng mực đen, căn cứ trên máu của quân sĩ Việt và Mỹ. Đó cũng là một chủ đề mà Nixon sẽ nhắc đi nhắc lại trong các thư tín sau này ông viết

cho Thiệu. Ông Thiệu đã cân nhắc những mạng sống và của cải mà người Mỹ đã đổ vào cuộc chiến, rồi kết luận rằng sự đầu tư của Mỹ tại Việt Nam đã lên cao đến mức khó mà có thể thay đổi chính sách. Phía miền Nam không tài nào tưởng tượng được là quốc gia mạnh nhất thế giới ấy lại có thể chấp nhận sự bại trận trước Bắc Việt, một quốc gia vẻn vẹn hai-mươi-hai triệu người và không có lấy một cơ sở kỹ nghệ.

Người Việt tại miền Nam đa số đã không phản đối sự hiện diện của người Mỹ tại Việt Nam, và đã vô cùng cảm phục công trình xây cất mà họ thiết lập tại đây. Người Mỹ có hệ thống truyền thông riêng, kho tiếp liệu riêng, rồi hàng không, rồi xa lộ. Căn cứ của Mỹ tại vịnh Cam Ranh đã được coi như một mỏ neo chiến lược ghim chặt Hoa Kỳ với Việt Nam Cộng hòa. Đây là căn cứ mà Nga hằng ao ước, và trong lịch sứ đã từng là hải cảng tiếp tế dầu cho hạm đội của họ trong chiến tranh Nga-Nhật, 1904-1905. Người Mỹ đã tốn trên 2 tỷ Mỹ kim xây một căn cứ hải quân và không quân chung quanh hải cảng thiên nhiên ấy, mà chính các cường quốc Tây Phương cũng đã từng thèm muốn kể từ thế kỷ mười chín. Đó là một địa điểm toàn hảo: Nào bến tầu, nước sâu, nào cầu lấy dầu thay nhớt, nào sân bay, nào câu lạc bộ. Cam Ranh có đủ mọi thứ, từ nhà máy làm nước đá cho đến biệt thự một tầng xây cất đặc biệt để đón tiếp quan khách cấp Tổng Thống. Toàn khu có chừng 5,000 tòa nhà. Với hệ thống ra đa bao trùm vùng cao

nguyên ở Ban Mê Thuột để bảo vệ căn cứ, Cam Ranh là một lợi thế chiến lược không đâu bằng tại Đông Nam Á.

Xa lộ bốn đường xe chạy riêng biệt từ Sài Gòn đến Biên Hoà, dài khoảng 25 dặm Anh, đã là một kỳ công kỹ thuật khác mà người Việt thuờng nêu lên làm thí dụ khi nói về cam kết chiến lược của Hoa Kỳ tại miền Nam. Người ta đoán chừng rằng nếu có chiến tranh với Trung Cộng, xa lộ này sẽ được dùng làm bãi đáp cho phi cơ phản lực Mỹ. Rồi có tới cả năm chục phi trường Mỹ được xây trên toàn lãnh thổ nữa: "Xây nhiều như thế làm gì nếu không là để ở lại cho đến cùng"?

Người Việt còn lý luận rằng, ngoài mạng sống đã mất và Mỹ kim đã xài, Hoa Kỳ còn các vấn đề căn bản là danh dự, uy tín và thể diện nữa. Người Việt không thể hình dung nổi việc Hoa Kỳ có thể sẵn sàng chấp nhận thua trận tại miền Nam hoặc rút lui trong những điều kiện bất thuận lợi. Hưng còn nhớ mãi câu nói thường xuyên tại Sài Gòn: "Mỹ không thể nào bỏ Việt Nam". Người Việt đã coi Mỹ là kẻ đại thắng trong Đệ II Thế chiến, rồi trong chiến tranh Triều Tiên. Mỹ là siêu cường quốc đã bắt Liên Xô phải thoái lui trong vụ khủng hoảng hỏa tiễn ở Cuba. Hầu hết, các cấp tướng lãnh Việt Nam cũng đã nhận thức như thế. Tư Lệnh Không quân Trần Văn Minh nói: "Tôi đã không hề mường tượng được là bạn chúng tôi có thể phản bội và bỏ rơi chúng tôi.

Tôi nghĩ đến Bá Linh và Triều Tiên. Và tôi thấy Mỹ đã bảo vệ họ ra sao. Tôi nghĩ rằng chúng tôi cũng là một trong các tiền đồn của tự do trên thế giới".[31]

Tuy nhiên, ông Thiệu vẫn còn quản ngại về chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Nixon và thắc mắc tại sao ông này đã phải xác nhận quá nhiều là không hề có đổi chác bí mật nào hết. Để có được ảnh hưởng tại Việi Nam, Trung Quốc chắc đã đứng sau lưng chính phủ Cách Mạng Lâm thời, vì thông cáo Thượng Hải cũng nói là họ ủng hộ chính phủ Cách mạng Lâm thời.[32]

Vì quan tâm muốn biết những gì đã thực sự xẩy ra tại cuộc gặp gỡ Bắc Kinh, ông Thiệu cử Hoàng Đức Nhã qua Hoa Thịnh Đốn vào tháng Hai để dò xét thêm về ý đồ của Mỹ đối với Việt Nam Cộng hòa và tìm hiểu chính sách mới của Nixon đối với Trung Quốc.

Tại Hoa Thịnh Đốn Nhã tìm đến Hưng, giải thích mục đích chuyến công du của mình rồi nói: "Mình ở nhà cứ như là ếch ngồi đáy giếng".

Khi Hưng hỏi tại sao ông Thiệu lại chịu từ chức trước khi có tổng tuyển cử mới, Nhã đáp: "Mỹ làm áp lực quá"!

Trở về Sài Gòn, Nhã thuật lại cho ông Thiệu nghe những chuyện dò la của mình và những nhận xét của Hưng, cho rằng chuyến thăm Hoa lục đã là một thành công lớn của Nixon và Trung Quốc không còn được coi là mối đe dọa chính tại Đông Nam Á nữa.

Hoa Kỳ đã lợi dụng được mối lo sợ của Trung Cộng đối với Liên Xô. Việt Nam Cộng hòa thì bị mắc kẹt ở giữa vào trong ván bài xì phé tay ba này giữa Hoa Kỳ, Trung Cộng và Liên Xô. Hưng còn nói với Nhã là, theo mình, Việt Nam từ nay sẽ ít được Hoa Kỳ chú tâm đến hơn trước và không còn là một ưu tiên quan trọng trên bảng kết toán chiến lược toàn cầu nữa. Hưng giục Nhã thuyết phục ông Thiệu rằng Sài Gòn nên nắm thế chủ động chứ đừng chỉ có chống đỡ, Việt Nam Cộng hòa phải đưa ra những biện minh hợp lý hơn cho mình tại Mỹ. Nhã còn trình với ông Thiệu là hai người đã hợp ý nhau và ông khâm phục sự hiểu biết của Hưng về tình hình bên Mỹ.

Ông Thiệu muốn tìm một sáng kiến ngoại giao sau chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Nixon và sau khi đã nghiên cứu kỹ hơn nội dung lá thư của Nixon. Ông bèn quyết định mời Hưng về Sài Gòn để tham khảo.

*
* *

Từ trên không nhìn xuống, khi chiếc máy bay chở Hưng tới biên giới Việt Nam, những ruộng lúa xanh rì ngay ngắn từng hàng trông có một vẻ thật êm đềm, yên ổn. Nhưng khi gần tới Sài Gòn, những nghĩa trang mới mọc lên chung quanh thành phố bất chợt nhắc lại cho anh cường độ cuộc chiến đã gia tăng gấp bội kể từ chuyến hồi hương mấy tháng tnrớc. Thường thường khi máy bay tới thì trời đã

tối; nhưng lần này tới nơi vào giữa lúc hoàng hôn, anh đã thấy được toàn cảnh thành phố Sài Gòn đang trải ra phía dưới: những mái ngói đỏ, những căn nhà vàng và nâu nhạt nằm kiều diễm giữa những hàng phượng vĩ trong ánh nắng chiều đang rộ nở những chùm hoa rực rỡ sắc vàng, sắc đỏ.

Xuống phi trường Tân Sơn Nhứt, trời nóng bức và ẩm thấp cái nóng nung nấu dường như bốc hơi ngùn ngụt phủ mờ cả hoàng hôn. Phi trường chật ních những phi cơ không vận C-130 sơn màu ngụy trang nâu điểm lục. Hưng cảm thấy được nhịp độ chiến tranh đang gia tăng ngay nơi những chiếc trực thăng đang bốc lên hoặc đáp xuống ở một góc xa phi trường, tiếng động cơ ầm ầm nổ, chen lẫn tiếng cánh quạt quay tít vang dội trên nền trời đỏ một màu máu.

Nửa khuya, một tiếng nổ long trời làm Hưng thức giấc nhỏm dậy trong căn nhà riêng của gia đình anh ở đường Phan Đình Phùng. Mẹ anh bảo mọi người chui xuống gậm giường, vì cụ tưởng đâu là Cộng sản pháo kích, cứ như là những năm loạn thời nào ở ngoài Bắc; hễ nghe thấy tiếng súng nổ là cụ cũng đã thúc giục các con như vậy. Tiếng phi cơ bay lượn chung quanh thành phố kéo dài suốt đêm, nhưng sau tiếng nổ lớn ấy, không nghe thấy tiếng súng nào khác nữa.

Sài Gòn dậy thật sớm, mới năm giờ sáng đã thấy tiếng tiếng xe gắn máy nổ rền, rộn rã trên đường phố, làm Hưng cũng tỉnh dậy theo. Thấy mình nằm

dưới thay vì trên giường anh không khỏi bật cười. Anh gọi dây nói vào dinh Độc Lập để thông báo là mình đã tới, nhưng đầu giây bên kia cho biết là Bắc Việt vừa tấn công miền Nam *qua vùng phi quân sự ở Đông Hà* và đang tiến mạnh. Vì thế, cuộc họp mặt giữa anh và ông Thiệu đã được hoãn lại – văn phòng của Tổng Thống dặn anh rằng lối chiều anh nên gọi lại để biết thêm về những chuyển biến quân sự. Tin này, làm Hưng sửng sốt trong một thoáng. Anh thấy ngay là mối hy vọng của anh về sáng kiến tái lập giao thương với Bắc Việt đã tiêu tan cùng với vụ xâm lăng đó.

Ngoài việc đánh phá Việt Nam Cộng hòa, hành động của Bắc Việt dường như còn có mục đích gián chỉ cả Trung cộng lẫn Liên xô – mà Nixon sẽ thăm viếng vào tháng 5 tới – là họ đừng hy sinh quyền lợi của Hà Nội bằng cách ủng hộ việc Hoa Kỳ muốn đi tới các cuộc hòa đàm nghiêm chỉnh hơn. Bắc Việt đã dựa vào kinh nghiệm ở Genève năm 1954 là họ không thể thắng lợi được ở bàn hội nghị những gì họ đã không đạt được ở chiến trường.

Hồi tháng 11-1971 sau khi chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Nixon được loan báo, chính Phạm Văn Đồng đã hy vọng chặn trước việc bang giao Mỹ-Hoa, nên đã sang thăm Bắc Kinh. Trong một buổi họp căng thẳng với Mao Trạch Đông, Đồng thúc Mao đừng đón tiếp Nixon. Mao nói rằng chính những thắng lợi của Bắc Việt đã khiến Nixon phải qua Hoa Lục.

Rồi họ Mao trích dẫn một câu tục ngữ Trung Hoa, đại ý nói: "Nếu cán chổi của ta ngắn quá, không thể với tới con nhện trên cánh tủ cao kia, thì ta nên để nó nằm yên chỗ đó". Lời Mao nhắn nhủ đã rõ ràng: Hà Nội không nên đi tìm một sự toàn thắng ở miền Nam. Mao hàm ý là Bắc Việt không có đủ tài nguyên để quét sạch quân Mỹ, vì thế nên bằng lòng với một giải pháp nhỏ hơn là sự triệt thoái hoàn toàn của Mỹ. Đồng đáp: "Xin lỗi chủ tịch, nhưng cán chổi Việt Nam đủ dài để quét sạch mọi loài cẩu trệ ấy ra khỏi Việt Nam".[33] Bác bỏ lời cảnh cáo của Trung Cộng và làm như không biết đến cuộc họp thượng đỉnh sắp tới của Nixon và Brezhnev, Bắc Việt đã quyết định tiến hành cuộc tổng tấn công mùa Xuân.

Nixon rất giận dữ khi tin Bắc Việt tấn công qua vùng phi quân sự tới tòa Bạch Cung ngày 30-3. Đó là sự bất ngờ, bởi chương trình Việt hóa đang tiến hành tốt đẹp và trong khoảng ba tháng đầu năm 1972 Hoa Kỳ đã cho rằng Hà Nội không thể mở được một cuộc tấn công như vậy. Thế nhưng về phía Việt Nam Cộng hòa thì ít ngạc nhiên hơn. Ông Thiệu có nhớ lại là cứ năm nào có bầu cử Tổng Thống ở Hoa Kỳ là Bắc Việt cũng gia tăng mức hoạt động. Cuộc tấn công Tết Mậu Thân, 1968 đã ảnh hưởng lớn đến chính tình ở Mỹ; và ông Thiệu đã tin rằng năm nay, 1972 Bắc Việt sẽ có một hành động tương tự.

Ba sư đoàn Bắc Việt, khoảng 30.000 người với trên 200 xe tăng Nga T-54 yểm trợ, đã dẫn đầu cuộc

tấn công. Sau đó, Bắc Việt lại mở thêm ba mặt trận nữa. Lực lượng tấn công trước sau gồm mười bốn sư đoàn và hai mươi sáu trung đoàn độc lập, tổng cộng lối 150.000 người. Nixon ra lệnh oanh tạc dữ dội các đường tiếp tế và kho vật liệu Bắc Việt. Trong một phiên họp tại văn phòng riêng, Nixon phàn nàn với các phụ tá của ông là Halderman và Erlichman, về thời tiết xấu tại Bắc Việt lúc bấy giờ, khiến phi cơ oanh tạc khó hoạt động. "Biết được lời cầu nguyện nào thì cầu xin đi... cho trời quang đãng. Lũ khốn kiếp sẽ được ăn bom như chưa ai bao giờ thấy. Nhưng thời tiết phải tốt cái đã"![34]

Chiều ngày 1 tháng 4, Hưng được mời đến nghe thuyết trình quân sự tại Dinh Độc Lập. Cộng sản đã đoạt được nhiều xe tăng M-48 của Quân lực Việt Nam Cộng hòa tại Lộc Ninh gần biên giới Cam Bốt và tại Đông Hà. Chúng ví ngọn súng vào đầu chiến sĩ lái xe tăng Việt Nam Cộng hòa bắt họ trở đầu xe nã súng bắn vào chính quân mình. Đó cũng là lần đầu tiên Bắc Việt có thể dùng xe tăng mở một cuộc tấn công đại quy mô. Chiến tranh du kích đã bước vào một giai đoạn mới, biến thành chiến tranh đại quy mô. Tất cả các đồ trang bị và quân cụ đều do Nga chế tạo và đã được đưa vào Bắc Việt từ năm 1971.[35] Để mặc cho Nixon và Kissinger muốn nói đến hòa hoãn thì cứ việc nói, Nga Xô đã đánh lá bài riêng của họ là đổ thêm tiếp liệu chiến trận cho Hà Nội.

Ông Thiệu tiếp Hưng một tuần sau cuộc tấn công,

vào lúc tình hình quân sự đang đen tối: ông Thiệu nhắc lại sự thỏa thuận giữa Johnson với Hà Nội về điều kiện ngưng ném bom năm 1968: Hà Nội không được tiến quân qua vùng phi quân sự chừng nào Hoa Kỳ vẫn còn ngưng dội bom. Vì có sự thỏa thuận này mà ông Thiệu đã cho sư đoàn 3 Bộ binh do tướng Giai chỉ huy mới thành lập và hãy còn yếu trú đóng phía dưới vùng phi quân sự. Sư đoàn này đã bị lực lượng xâm lăng Bắc Việt áp đảo mau chóng. Chúng chiếm Đông Hà, Quảng Trị, rồi mặt khác tiến qua vòng đai phòng thủ bên ngoài thị xã Kontum. Quy mô tấn công của Bắc Việt cũng như quy mô của hỏa lực đã làm thay đổi cán cân lực lượng. Thương thuyết không còn đặt thành vấn đề nữa cho đến khi nào cán cân đó trở lại thế quân bình. Đồng thời chương trình Việt hóa đã bị thử thách nghiêm trọng.

Trong buổi gặp gỡ lần này, ông Thiệu và Hưng bàn về vụ xâm lăng của Bắc Việt, mà không hề đả động gì đến vấn đề giao thương. Ông Thiệu cho Hưng biết lực lượng xâm chiếm của Bắc Việt dùng vũ khí tối tân, như trọng pháo 130 ly và xe tăng T-54. Ông nói: "Mình cần phải có ngay đồ trang bị mới thật khẩn cấp. Mỹ phải gởi thêm xe tăng M- 48, hỏa tiễn chống chiến xa loại TOW (*) và đại bác 175 ly. Tệ nhất là mình không còn quân trừ bị. Mình cần Hoa Kỳ yểm trợ để tổ chức thêm hai sư đoàn trừ bị.

(*) Tubular-launched, Optically tracked, Wire guided.

Ông dặn Hưng "cố tìm mọi cách nói chuyện với mọi người bạn của ta ở Hoa Thịnh Đốn, còn tôi sẽ liên lạc với Tổng Thống Hoa Kỳ qua đường dây riêng".

Các bản phúc trình gửi Hoa Thịnh Đốn về thành tích chiến đấu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa lúc đó đã làm nhiều người chán nản. Tướng Creighton Abrams, Tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại miền Nam hồi đó, đánh điện về Mỹ nói rằng rất có thể Việt Nam Cộng hòa đã mất hết ý chí chiến đấu, và như thế chắc là ngày chót đã gần kề.[36] Nixon muốn giữ vững tinh thần ông Thiệu để củng cố ý chí chiến đấu của Việt Nam Cộng hòa, bèn gửi một bức mật điện ngắn qua Đại sứ Bunker, như sau:

"*Trong giờ phút khó khăn này cho Ngài và cho các lực lượng dũng cảm của Ngài, xin Ngài an tâm là chúng tôi sẽ tiếp tục hỗ trợ nhân dân Việt Nam đầy can đảm trong cuộc bảo vệ quê hương của họ. Điều tối hậu sẽ quyết định hậu quả của cuộc tranh đấu này là ý chí và tinh thần của nhân dân miền Nam Việt Nam. Hà Nội không thể thắng nổi trừ khi chúng bẻ gẫy được tinh thần của nhân dân miền Nam.*

Tôi tin tưởng rằng Ngài sẽ tiếp tục duy trì sự lãnh đạo đầy nhiệt huyết của Ngài để bảo đảm được sự sống còn của miền Nam như một quốc gia độc lập".

Trong cuốn nhật ký ghi ngày 2 tháng 5, Nixon đã viết:

"*Tôi cho điều tối quan trọng là chúng ta đừng để bị trách nhiệm về sự nản chí của ông Thiệu vào lúc khó*

khăn này, khi mà nhiều tin dữ đang từ mặt trận gửi về. Vấn đề đích thực là trong khi địch sẵn sàng chịu hy sinh để thắng, thì người miền Nam lại không chịu trả một giá tương đương để tránh khỏi thua. Và, như Haig đã nhận xét, mọi không lực trên thế giới cũng như mọi cuộc dội bom xuống Hà Nội, Hải Phòng sẽ không cứu được miền Nam Việt Nam, nếu như dân miền Nam không thể cố thủ được vị trí của mình".[37]

Ngày 5 tháng 4, Nixon lại viết thư cho ôngThiệu nhằm trấn an và củng cổ tinh thần Việt Nam Cộng hòa. Lá thư là một kiểu mẫu về đường lối của Nixon một mặt thận trọng cổ võ, một mặt thúc giục ông Thiệu cố gắng hơn. Lá thư lời lẽ như sau:

Kính gửi Tổng Thống Thiệu:

Vào giờ phút đầy thử thách lớn lao này cho nhân dân Việt Nam, tôi xin Ngài biết cho là Ngài được sự ủng hộ trọn vẹn nhất của tôi với tư cách Tổng Thống Hoa Kỳ và Tổng Tư Lệnh quân lực Hoa Kỳ.

Việc Hà Nội tràn qua đường phân ranh tạm thời của năm 1954 là một vi phạm trắng trợn và đầy sỉ nhục chẳng những đối với Hiệp định Genève 1954 mà cả với những điều kiện (Hoa Kỳ và Bắc Việt) đã thoả thuận năm 1968 để (Hoa Kỳ) ngưng oanh tạc (Bắc Việt), và những hành vi khác liên quan đến việc sử dụng sức mạnh của Hoa Kỳ đối với Bắc Việt.

Ngài có thể tin chắc rằng Hoa Kỳ hoàn toàn đứng đằng sau hỗ trợ những nỗ lực anh hùng của dân tộc Ngài trong công cuộc bảo vệ xứ sở họ. Tôi xin cam

đoan với Ngài rằng trong những ngày và tuần sắp tới chúng tôi sẽ không ngần ngại thi hành thêm bất cứ biện pháp quân sự nào cần thiết để yểm trợ cuộc tranh đấu mãnh liệt và dũng cảm hiện thời của quý quốc. Chúng ta không thể để cho cuộc xâm lược mở rộng và trắng trợn của Hà Nội tiếp diễn mà không bị trừng phạt.

Xin Ngài cho phép tôi nhân dịp này biểu tỏ lòng ngưỡng mộ không ngừng và sâu xa của tôi về sự lãnh đạo của Ngài trong những giờ phút khó khăn này, cũng như về lòng dũng cảm của nhân dân miền Nam đang chống cự các cuộc tấn công của Hà Nội. Tôi tin chắc rằng, với sự hỗ trợ của chúng tôi, Ngài sẽ thành công khắc phục được mọi đe dọa hiện nay của các lực lượng Hà Nội và rồi cuối cùng chúng ta sẽ đạt được mục tiêu chung là một nền hòa bình công chính và trường cửu.

Kính thư

(kt.) Richard Nixon

Lá thư đã là 1 chất kích thích tố cần thiết cho ông Thiệu, và ông chuyển đến tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa và Thủ tướng Trần Thiện Khiêm đọc. Đó là lá thứ 3 Nixon viết cho ông và nó đã đến thật đúng lúc.

Các lá thư đó đã mang đến cho ông một vẻ thần bí của quyền lực để ông đem sử dụng với các tướng lãnh và các nhân viên nội các chính phủ ông; chúng chứng tỏ rằng ông đã được Mỹ ủng hộ và có thể tiếp xúc ngang hàng với một vị Tổng thống Mỹ: trong

mấy thư kia, Nixon đã nhắc đi nhắc lại tới việc yểm trợ và ngưỡng mộ "sự lãnh đạo của Ngài". Thư từ là tượng trưng cho một hình thức liên lạc cao nhất giữa các quốc gia; nó có một tính chất hợp pháp hơn hẳn bản chất nhất thời của những cuộc đàm thoại và chỉ thị bằng miệng do một vị đại sứ hay một viên chức cao cấp chuyển đến. Trao đổi thư tín như thế làm ông Thiệu được xếp ngang hàng với Nixon. Lời nói của vị Tổng thống nhân danh một quốc gia hùng cường nhất thế giới đã được chính thức ghi chép lại, và lời hứa đã được chính thức áp triện son.

Nixon yểm trợ lời nói của mình bằng nhiều hành động mạnh. Ngày 1 tháng 4, ông ra lệnh dội bom lãnh thổ Bắc Việt trong vòng hai-mươi-lăm dặm phía trên vùng phi quân sự. Trong vòng hai tuần lễ, ông ra lệnh oanh tạc tới tận vỹ tuyến 20. Không lực Hoa Kỳ đã ồ ạt yểm trợ quân đội Việt Nam Cộng hòa. Trực thăng có khả năng tiêu diệt xe tăng địch đã tới tấp bay tới chiến trường để phản công. Hai chiếc tuần dương hạm và tám chiếc khu trục hạm gấp rút trực chỉ biển Nam Hải để bắn phá từ ngoài biển vào những lực lượng Bắc Việt đương ồ ạt xâm lăng miền Nam.

Ngày 17 tháng 4, ông Thiệu hồi âm Nixon, cảm ơn ông này về "phản ứng mau lẹ" với cuộc xâm lăng của Bắc Việt, và nói tiếp: "... tôi nghĩ rằng cuộc tấn công hiện thời là khởi đầu một nỗ lực lớn nhất của Hà Nội trước khi quyết định hoặc sẽ chấp nhận một hòa

giải, hoặc để cho chiến tranh tàn dần đi. Cho nên nó có thể kéo dài suốt năm nay, là năm bầu cử tại Hoa Kỳ". Ông còn nhấn mạnh đến những vũ khí tinh xảo mới mà Bắc Việt đang sử dụng – xe tăng, hỏa tiễn, và trọng pháo có tầm xa – và đòi "Hoa Kỳ tăng cường và gia tốc viện trợ" nhằm tối tân hóa quân lực Việt Nam Cộng hòa, nhất là không quân.

Đây là lúc phải có hành động quân sự. Ông Thiệu phải củng cố lại lực lượng và chặng đường tiếp quân Bắc Việt. Ông bèn nhờ cậy đến một quân nhân chuyên nghiệp giỏi nhất mà ông có được, Tướng Ngô Quang Trưởng, và bổ nhiệm Tướng này vào chức vụ Tư lệnh Quân Khu I ở mặt phía Bắc. Tướng Trưởng là một vị chỉ huy tác chiến nổi tiếng là liêm chính và trung trực, và là người đã dẹp tan được Việt Cộng trong vụ tấn công Tết Mậu Thân. Cao, gầy và căng thẳng, ông giống như một con lò xo cuốn chặt, dường như luôn luôn sẵn sàng bật ra để tấn công. Dù là một vị tướng lãnh có nhiều công trạng, ông vẫn không hề có tham vọng chính trị, mà chỉ là một quân nhân chuyên nghiệp. Sinh trưởng tại miền Nam, vùng đồng bằng Cửu Long, tướng Trưởng có những liên hệ tốt với các cố vấn Mỹ. Thường xuyên đích thân ra ngoài chiến trường, ông còn rất thương binh sĩ. Dưới sự lãnh đạo của tướng Trưởng, quân đội Việt Nam Cộng hòa ở Vùng 1 đã được củng cố, và cuộc chiến đấu đẫm máu với số tổn thất cao cho cả hai bên đã xẩy ra hồi tháng 5.[38]

Vào giữa lúc Việt Nam Cộng hòa đang tìm cách chặn đứng cuộc xâm lăng của Bắc Việt thì Nixon chuẩn bị cho cuộc họp thượng đỉnh sắp tới với Brezhenev ở Mạc-tư-khoa. Nixon nghĩ rằng ông sẽ phải thương thuyết với nhà lãnh đạo Xô-viết trong một thế yếu nếu như cuộc tấn công của Bắc Việt nghiền nát luôn cả sự cam kết của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa. Ông bèn cho nghiên cứu việc thả mìn xuống hải cảng Hải Phòng và dội bom những căn cứ quân sự quan trọng tại Bắc Việt. Kissinger được chỉ thị gặp kín với giới lãnh đạo Xô-viết trước hội nghị, tại thủ đô Liên-xô để dọn đường và sắp xếp chương trình nghị sự, được dự trù từ 20 đến 25 tháng 4. Chuyến đi của Kissinger bí mật đến độ Đại sứ Mỹ tại Mạc-tư-khoa, Jacob Beam, cũng không được thông báo về sự hiện diện của Kissinger tại thành phố này mãi cho đến khi ông này sắp trở về. Nixon chi thị cho Kissinger phải đòi Brezhnev cho bằng được một cuộc hòa giải vấn đề Việt Nam "như một điều kiện tiên quyết cho bất cứ đề tài nào khác".[39] Sẽ không thể có một thoả thuận cho tới khi nào Mạc-tư- khoa thuyết phục được Hà Nội phải chấm dứt chiến tranh bằng thương thuyết.

Nhưng thật đáng buồn, không tuân hành chỉ thị của Nixon, Kissinger không làm áp lực với Nga về vấn đề Việt Nam mà lại chỉ hối hả thương lượng về một hiệp ước kiểm soát vũ khí hạch nhân chiến lược mà thôi.[40]

Trong các cuộc thảo luận mật với Brezhnev tại Dom Pryomov (nhà khách trên đồi Lê-nin ngó xuống sông Mạc-tư-khoa), Kissinger đã cung hiến cho Bắc Việt qua trung gian của Nga một số nhượng bộ hết sức quan trọng, sau này trở thành căn bản cho Hiệp định Paris tháng Giêng năm 1973. Kissinger nói với Brezhnev là Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận một cuộc ngưng bắn tại chỗ để đổi lấy sự rút lui hết sức giới hạn của Bắc Việt, đó là chỉ cần rút hết số quân xâm nhập miền Nam kể từ lúc chúng khởi sự tấn công ngày 31 tháng 3 mà thôi. Còn số quân xâm nhập trước (khoảng 200.000) có thể ở lại tại chỗ. Đây là lần đầu tiên Hoa Kỳ minh thị rõ ràng đồng ý cho phép quân Bắc Việt ở lại miền Nam. Nhượng bộ này đã được đưa ra mà không có sự thỏa thuận của Việt Nam Cộng hòa; đây là lần đầu tiên Hoa Kỳ đã nhắn nhe với Hà Nội qua Mạc-tư-khoa, là họ đang bắt đầu từ bỏ cái nguyên tắc triệt thoái song phương đã thỏa thuận với Việt Nam Cộng hòa trước kia.[41]

Trong quá khứ, khi nào Hoa Kỳ dùng chữ "ngưng bắn tại chỗ", chữ này đã có hàm ý là cuộc ngưng bắn sẽ là khởi điểm cho các cuộc thương thuyết tiếp theo bao gồm cả sự "triệt thoái song phương" tất cả các lực lượng Bắc Việt lẫn Hoa Kỳ. Ông Thiệu cũng đã luôn luôn nhắc nhở Bunker và Kissinger rằng "Chỉ khi nào Hà Nội đồng ý rút quân ra khỏi miền Nam thì mới có được ngưng bắn".[42] Và trước khi Kissinger đi Mạc-tư-khoa, Hoa Kỳ cũng đã chỉ nói bóng gió là

cho phép Bắc Việt duy trì quân tại miền Nam. Đề nghị của Mỹ ngày 25-1-1972 đã cố ý mơ hồ, kêu gọi "sự triệt thoái các lực lượng bên ngoài ra khỏi Đông Dương, và thi hành nguyên tắc quy định rằng mỗi quân lực của các quốc gia Đông Dương phải ở bên trong ranh giới nước mình".

Từ Mạc-tư-khoa trở về, Kissinger mang theo thông điệp của Brezhnev cho biết Bắc Việt sẵn sàng thương thuyết hòa giải. Các vị phụ tá trong Tòa Bạch Cung cũng nói là "Brezhnev cho chúng tôi hiểu thông điệp này thực sự quan trọng chứ không chỉ là một dấu hiệu".[43] Trong bài diễn văn đọc trên đài truyền hình ngày 26-4, Nixon tuyên bố: "Chúng tôi tái tục các cuộc đàm phán tại Paris với kỳ vọng là những cuộc thảo luận hữu ích này sẽ đưa tới tiến bộ nhanh chóng, qua mọi ngã, mọi đường giây hiện có".

Đến ngày 1 tháng 5, giữa lúc đang bận rộn chuẩn bị cho cuộc họp thượng đỉnh sắp tới với Brezhnev. Nixon nhận được một lá thư của nhà lãnh đạo Xô-viết yêu cầu Hoa Kỳ đừng có thêm hành động quân sự nào khác nữa tại Bắc Việt, bởi lẽ "chúng sẽ làm giảm cơ hội thành công của hội nghị thượng đỉnh".[44] Nixon bèn trả lời cứng rắn, nhận định rằng "ảnh hưởng (với Bắc Việt) mà Liên Xô đã hứa hẹn, nếu quả đã được thi hành, cho đến nay đã tỏ ra vô dụng".[45]

Buổi chiều ngày hôm đó, sau khi dự một bữa tiệc khoản đãi các phóng viên, ký giả, tại Tòa Bạch Cung, Kissinger lên máy bay qua Paris gặp phái đoàn Bắc

Việt để họp kín. Ông thấy bọn chúng đã vô cùng "hỗn xược và không thể chịu nổi" đến độ ông phải bỏ ngang buổi họp ra về. Riêng đối với Nixon, thì "đó là cơ may cuối cùng cho Hà Nội. Lúc bấy giờ, tôi quyết định là cần phải đánh bại cuộc xâm lăng của Bắc Việt".[46] Và Nixon nhất định cho tiến hành việc thả mìn xuống Hải Phòng. Dù biết là cuộc họp thượng đỉnh có thể gặp trở ngại lớn, Nixon cho rằng mình không thể đi Mạc-tư-khoa giữa lúc đang thua trận. Ông nhận định: Thả bom và đặt mìn là biện pháp hay nhất – một biện pháp không những không đẩy Nga vào thế kẹt, mà lại có thể tiếp tục gây áp lực với Bắc Việt bằng cách chận đường tiếp tế.

Nixon triệu tập gấp một buổi họp để thảo luận về hành động này và tác dụng của nó đối với cuộc họp thượng đỉnh; vào họp có Kissinger, Haldeman, Bộ trưởng Ngân khố John Connally, và Alexander Haig (phụ tá của Kissinger). Nixon nói: "Hội nghị thượng đỉnh chẳng có giá trị nếu như ta phải trả một giá là mất Việt Nam. Bản năng tôi bảo tôi rằng nước này thà để mất cơ hội họp thượng đỉnh còn hơn là thua trận".[47] Kissinger thì hầu như quả quyết rằng nếu Nixon thả mìn Hải Phòng thì Nga sẽ hủy bỏ hội nghị Thượng đỉnh. Nhưng ý kiến của Kissinger bị John Connally và Bộ Trưởng Tư Pháp John Mithchell gạt bỏ. Hai người này thúc giục Nixon cứ ra lệnh thả bom và đặt mìn, cam đoan rằng hành động này sẽ không phá hoại cuộc gặp gỡ sắp tới.[48] Dường như

phải dung hòa giữa hai phía, Nixon quyết định lén đài truyền hình Mỹ ngày 8 tháng 5 để loan báo việc đặt mìn các vùng biển Bắc Việt và tiếp tục dội bom xuống Bắc Việt, nhưng đồng thời ông cũng gài thêm một đề nghị hòa bình, "ngưng bắn tại chỗ", và không nhắc gì tới việc đòi Bắc Việt phải rút quân khỏi miền Nam! Đồng thời với vụ leo thang chiến tranh này, Nixon lại đặt sẵn trên bàn bản đề nghị ngưng bắn tại chỗ đã thảo ngày 31-5-1971. Như Nixon sau này viết trong tập hồi ký của mình, đề nghị hòa bình ấy đã trở thành điểm quy chiếu cho những điều kiện của cuộc hòa giải tối hậu vào tháng Giêng 1973.[49]

Nixon thông báo cho ông Thiệu biết kế hoạch đặt mìn hải cảng Hải Phòng trong một bức thư do Đại Sứ Bunker chuyển giao ngày 9 tháng 5. Trước đó đã không hề có một sự tham khảo nào khác. Nixon cho rằng ông Thiệu sẽ đồng ý với "một đường lối hành động mới nhằm chấm dứt cuộc chiến này". Nội dung bức thư như sau:

Trong bài diễn văn tôi đề nghị sẽ loan báo hai chính phủ chúng ta đã quyết định rằng cuộc xâm lược của Bắc Việt phải được đối phó bằng hành động nhằm ngăn chận việc tiếp liệu cho quân Bắc Việt ở trong Nam. Tôi sẽ loan báo là tôi đã ra lệnh cho thả mìn xuống những hải lộ đưa vào các cửa khẩu Bắc Việt và đã chỉ thị cho các lực lượng Hoa Kỳ ngăn cản việc tiếp liệu cho Bắc Việt bằng đường biển bên trong vùng hải phận mà họ nhận là thuộc quyền lãnh thổ của họ.

Đường xe lửa và những phương tiện chuyên chở khác cũng sẽ bị ngăn chận.

Các hành động nói trên sẽ tiếp diễn cho đến khi nào hội đủ các điều kiện sau đây: thực hiện một cuộc ngưng bắn có sự kiểm soát quốc tế trên toàn cõi Đông Dương và (Bắc Việt phải) thả tù binh (Hoa Kỳ).

Trong bài diễn văn, tôi sẽ nhận định rằng, khi nào các điều kiện nói trên đã được đáp ứng, chúng tôi sẽ ngưng mọi hành động vũ lực trên khắp lãnh thổ Đông Dương và các lực lượng Hoa Kỳ sẽ được rút khỏi Nam Việt Nam trong vòng bốn tháng.

Thưa Tổng Thống,

Như cả hai chúng ta đều biết, xứ sở Ngài cũng như xứ sở tôi không hề bao giờ tìm cách bắt Hà Nội phải chịu một sự thất bại quân sự. Chúng ta luôn luôn cố gắng chấm dứt cuộc xung đột qua ngã thương thuyết cách nào đặng cho nhân dân miền Nam Việt Nam còn được cơ hội quyết định tương lai mình mà không bị bên ngoài cưỡng ép hay can thiệp. Dù thi hành những biện pháp mà tôi sẽ loan báo tối nay, một cuộc hòa giải bằng thương thuyết vẫn là đường lối chúng tôi ưa chuộng hơn, nhưng Hà Nội đã đưa ra cho chúng tôi những điều kiện tiên quyết tuyệt đối không thể chấp nhận được và sự thách thức quân sự của họ đối với Ngài và đồng minh của Ngài không cho phép một lựa chọn nào khác hơn là đáp ứng theo đường lối mà ta sẽ phải làm.

Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng những biện pháp mà

tôi sẽ loan báo tối nay sẽ được nhân dân và Quân lực của Ngài hoan nghênh như một thái độ nghiêm chỉnh về sự quyết tâm của chúng tôi giúp họ tự bảo vệ và là một cơ hội để dứt khoát đẩy lui cuộc xâm lăng do các lực lượng Hà Nội tung ra ngày 30 tháng 3. Điều quan trọng là những biện pháp đó nhằm bảo vệ xứ sở Ngài cần được coi là đã được thi hành sau khi tham khảo với Ngài và song hành cùng với những nỗ lực tự vệ của chính dân tộc Ngài. Cho nên, tôi tin chắc Ngài sẽ đồng ý với ý định của tôi là liên kết chính phủ Ngài với những biện pháp tôi đề nghị sẽ loan báo.

Tuy nhiên, cũng xin phép Ngài cho tôi nói rằng trong tinh thần hữu nghị và ngay thẳng vẫn thường là đặc tính của mối quan hệ giữa chúng ta, tôi nghĩ rằng Không lực và Hải lực Hoa Kỳ, phân tích đến cùng, chỉ là những yếu tố phụ thêm chứ không phải quyết định cho trận chiến hiện đang diễn ra ác liệt tại xứ sở Ngài. Yếu tố quyết định sẽ là thành tích mà nhân dân và quân lực Việt Nam Cộng Hòa đạt được trong cuộc kháng cự lại thách thức họ đang phải đương đầu.

Cho nên tôi muốn nhân dịp này thúc giục Ngài và nhân dân Ngài lợi dụng cơ hội do các biện pháp tôi loan báo tối nay sẽ mang đến để tăng cường thêm nữa nỗ lực chống quân xâm lăng Bắc Việt, để lấy lại thế chủ động chống lại các lực lượng chính quy của họ và dành lại số dân và lãnh thổ đã tạm thời mất về tay họ. Sẽ thật khó mà giải thích được cho nhân dân Hoa Kỳ, sau khi tôi đã lấy những biện pháp đó, nếu như quân

lực Việt Nam Cộng hòa không hoàn thành nhiệm vụ một cách hăng hái hơn và nếu như nhân dân miền Nam Việt Nam không được động viên tinh thần cho tình trạng khẩn cấp này.

Chúng tôi sẽ vô cùng quan tâm theo dõi những biến chuyển trên bộ tại miền Nam Việt Nam trong những ngày và tuần sắp tới, và tôi tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo cương quyết của Ngài, dân tộc anh hùng của xứ Ngài sẽ thắng được sự xâm lược của Hà Nội.

Xin trân trọng kính chào Ngài

Kinh thư

(kt) Richard Nixon

Ông Thiệu hoan nghênh nhận được tin Mỹ thả mìn Hải Phòng và oanh tạc Bắc Việt. Quả vậy, ông đã quá phấn khởi về bức điệp văn của Nixon mà không hiểu được những khía cạnh tinh tế trong đề nghị hòa bình mới của Nixon. Ông cho rằng đề nghị ngưng bắn của Mỹ chỉ là khởi điểm cho một cuộc hòa giải toàn bộ, và chung kết dẫn tới sự triệt thoái hỗ tương.

Trong bản dịch sang Việt ngữ của lá thư Nixon, ông Thiệu đã viết "tám điểm" ở ngoài lề, bên cạnh câu của Nixon đòi phải thỏa mãn các điều kiện ông này đưa ra trước khi ngưng oanh tạc. Như vậy, chứng tỏ là ông Thiệu cho rằng Nixon vẫn còn muốn nói đến tám điểm trong kế hoạch hòa bình ngày 25 tháng Giêng kể cả cái ngôn ngữ tuy mơ hồ nhưng vẫn còn nói về việc triệt thoái cả hai phe Bắc Việt và Mỹ. Bởi trong kế hoạch đó Hoa Kỳ còn kêu gọi "rút

lui các lực lượng bên ngoài khỏi Đông Dương". Dù ngôn ngữ đã được làm nhẹ bớt đi, nó vẫn còn chỗ trống để muốn giải thích cách nào cũng được, và ông Thiệu nhất định muốn đòi cho ngôn ngữ mạnh mẽ hơn để cho cuộc hòa giải tối hậu sẽ không cho quân Bắc Việt ở lại miền Nam.

Thực ra, ông Thiệu có hay đâu lập trường của Hoa Kỳ đã thay đổi rồi! Hoa Kỳ đã sẵn sàng chấp nhận một cuộc ngưng bắn tại chỗ, bỏ hẳn khoản triệt thoái hỗ tương, và không duy trì một lực lượng thặng dư quân đội Mỹ nào tại miền Nam như họ đã từng làm ở Âu Châu và Triều Tiên.[50]

Quá khích động về việc Hoa Kỳ leo thang chiến tranh, thả mìn Hải Phòng và dội bom miền Bắc, ông đã không để ý đến lời lẽ tuy mơ hồ nhưng đã bao hàm một sự thay đổi lớn trong lập trường của Mỹ, nó phản ảnh các nhượng bộ bí mật mà Kissinger đã nói riêng với Brezhnev tại Mạc-tư-khoa trước đây: trong thư, Nixon chỉ đòi Bắc Việt có hai điều kiện, đó là ngưng bắn và thả tù binh Mỹ!

Chiến lược của Nixon là bổ khuyết các cuộc hòa đàm bằng cách củng cố Việt Nam Cộng hòa qua chương trình Việt Nam hóa. Trên lý thuyết, hai đường lối này có thể đi song song và bổ sung lẫn nhau. Thế nhưng, trên thực tế, chúng lại tương tranh với nhau và ngầm phá hoại nhau. Đối với Sài Gòn, thì chương trình Việt Nam hóa là chìa khóa cho sự sống còn và tạo nên được một khả năng tự vệ chống

lại miền Bắc. Còn đối với miền Bắc thì việc chi mà phải nhượng bộ vì đằng nào thì Hoa Kỳ cũng đang gấp rút triệt thoái rồi.

Trong lúc chương trình Việt Nam hóa đang thành công và quân đội Việt Nam Cộng hòa sắp tiến tới chỗ tự lực tự cường thì mật đàm tại Paris lại ngầm phá và chặt chân, chặt tay họ: thật là trống Nixon đánh xuôi, kèn Kissinger thổi ngược!

chương IV
những đe dọa ám sát

Mặc dù Hải Phòng đang bị thả mìn và những mục tiêu quân sự quanh Hà Nội đang bị dội bom, Leonid Brezhnev vẫn quyết định cho tiến hành hội nghị Thượng đỉnh với Richard Nixon. Brezhenev đã quan tâm đến thỏa ước vũ khí chiến lược và mậu dịch với Hoa Kỳ hơn là đến cuộc chiến của Bắc Việt tại miền Nam Việt Nam; ngoài ra, ông cũng muốn làm giảm ảnh hưởng chuyến viếng thăm Hoa lục trước đây của Nixon.[1] Tại hội nghị thượng đỉnh, diễn ra từ 22 tháng 5 đến 1 tháng 6, có bốn phiên họp riêng về Việt Nam kể cả một phiên nhục mạ nhau tàn tệ ở ngôi nhà nghỉ mát của Brezhnev: nơi đây tất cả ba nhà lãnh đạo Liên Xô – Brezhnev, Kosygin và Podgorny – đều nặng lời chỉ trích Hoa Kỳ về việc leo thang chiến tranh cũng như việc Hoa Kỳ ủng hộ Tổng thống Thiệu. Thiệu bị Kosygin gọi xách mé là "người gọi là Tổng Thống miền Nam Việt Nam đó...

kẻ chẳng do ai lựa chọn đó". Nixon trả miếng ngay, hỏi là: "Thế ai đã lựa chọn tên Chủ tịch Bắc Việt"?

Kosygin đáp: "Toàn thể nhân dân". Nixon bảo Kosygin cứ nói tiếp.[2] Kosygin nói xong, Podgorny lại tiếp tay tấn công. Nixon biện hộ hành động thả mìn Hải Phòng của mình, và cho cấp lãnh đạo Xô-viết biết rằng kể từ khi Bắc Việtkhởi sự tấn công đến lúc đó đã có "30.000 thường dân miền Nam, kể cả đàn bà và trẻ con, bị Bắc Việt giết hại bằng vũ khí Xô-viết". Họ ngồi lắng nghe nhưng làm ngơ, rồi ngưng họp, lên lầu, ngồi vào bàn tiệc linh đình, ăn uống, pha trò, cười nói, kể chuyện – "cứ làm như là phiên họp gay gắt vừa rồi ở dưới nhà đã không hề xảy ra".[3]

Kissinger cũng họp với Ngoại trưởng Gromyko ngày 25 tháng 5. Lập trường của Nga xô là họ có thể hứng chịu tình trạng hiện tại, nghĩa là chấp nhận để Mỹ dội bom miền Bắc, ủng hộ Saigòn, và giữ quân đội tại miền Nam cho đến khi nào có được hòa giải. Kissinger cho biết là không nhất thiết Mỹ sẽ phải tiếp tục dội bom cho tới khi nào mọi tù binh Mỹ được trả về hết. Điều này trái ngược với bài diễn văn của Nixon hai tuần trước đó, lúc ông loan báo là vụ dội bom và thả mìn sẽ tiếp tục chừng nào tù binh Mỹ còn bị giam giữ.

Kissinger còn bảo Gromyko rằng Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận một ủy hội bầu cử ba phe tại miền Nam Việt Nam , gồm chính phủ Sài Gòn, Việt Cộng, và phe Trung Lập. Trước đó, trong đề nghị mật, Hoa

Kỳ đã chỉ nói đến một cơ quan độc lập đứng ra tổ chức "một cuộc bầu cử tổng thống". Ông Thiệu đã phản đối ủy hội ba phe, vì cho như thế là hợp thức hóa chính phủ Cách mạng Lâm thời và đưa đến một chính phủ liên hiệp. Mạc-tư-khoa đồng ý chuyển lời tới Hà Nội.

Ở Hoa Thịnh Đốn, Hưng có nhiệm vụ thuyết phục những người ủng hộ Việt Nam Cộng hòa là cuộc tấn công của Bắc Việt còn có thể đẩy lui được. Hưng mang theo thỉnh cầu của Thiệu xin viện trợ xe tăng M-48, hỏa tiễn chống tăng TOW, trọng pháo 175 ly, và phương tiện để tổ chức thêm hai sư đoàn trừ bị. Lá thư yêu cầu viện trợ này đã được trao tận tay cho Warren Nutter tại Ngũ Giác Đài. Hưng cũng còn thường xuyên gặp Tiến sỹ Edward E. Elson, vị mục sư tuyên úy tại Thượng viện Hoa Kỳ cũng là mục sư riêng của cố T.T Eisenhower. Là một nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng thuộc giáo phái Presbyterian, mục sư Elson đã từng thăm viếng Việt Nam năm 1967, khi ông tham dự phái đoàn tổng thống Hoa Kỳ gửi sang quan sát cuộc bầu cử tổng thống Việt Nam. Trong dịp ấy, ông đã có cảm tưởng thuận lợi cho Việt Nam Cộng hòa. Hưng thường gặp mục sư Elson tại phòng ăn nhỏ của Thượng viện để thảo luận xem có cách nào giúp cho các thượng nghị sĩ Hoa Kỳ "hiểu được rõ hơn về quyền lợi của Mỹ tại Việt Nam". Hưng thăm dò thấy rằng vẫn còn cơ hội tiếp tục quân viện, nhưng nếu quân đội Việt Nam

Cộng hòa không chận đứng được cuộc tấn công dịp lễ Phục Sinh (1972) của Bắc Việt, thì Mỹ sẽ hết tin tưởng ở miền Nam và giảm dần sự yểm trợ.

*

* *

Sau Hội nghị Thượng đỉnh ở Mạc-tư-khoa, Kissinger bay qua Bắc Kinh gặp Chu Ân Lai để lược trình về những cuộc gặp gỡ vừa qua với cấp lãnh đạo Nga, và vận động Trung Hoa giúp hòa giải ở Việt Nam. Ngày 6 tháng 6, Lê Đức Thọ loan báo sẽ đồng ý mật đàm thêm nữa với Kissinger nếu Hoa Kỳ đưa ra các đề nghị đình chiến mới và tái nhóm hòa đàm Paris. (Cuộc hòa đàm Paris chính thức tại Trung tâm Hội nghị Quốc-tế ở Đại lộ Kléber đã bị Hoa Kỳ đình chỉ ngày 26 tháng 3 vì phe Cộng sản không chịu thương thuyết nghiêm chỉnh). Trong thời gian Kissinger họp với họ Chu ngày 16 tháng 6 tại Bắc Kinh, thì Nikolai Podgorny, một thành viên cao cấp trong Bộ chính trị, qua Hà Nội tường trình cho Bắc Việt về Hội nghị Thượng đỉnh. Kissinger thúc giục họ Chu thuyết phục Hà Nội nên uyển chuyển hơn về những đòi hỏi của họ. Tập hồ sơ mật của Hoa Kỳ về phiên họp này còn gồm cả bản tóm tắt các cuộc đàm thoại triết lý giữa Kissinger và họ Chu nữa. Kissinger lập luận với họ Chu là Bắc Việt tham quá, muốn được tất cả mọi thứ ngay một lúc. Kissinger nói khích là Hà Nội đã sợ tiến trình của lịch sử. Ông hỏi họ Chu tại sao Hà Nội lại sợ lịch sử đến thế, và

tại sao họ không thể coi toàn bộ quá trình ấy như hai giai đoạn riêng biệt. Giai đoạn một, theo Kissinger là để Mỹ giải kết ra khỏi Việt Nam; giai đoạn hai là sau đó, lịch sử sẽ tự nó diễn tiến tại Việt Nam. Như vậy, Kissinger đã nói khéo là Hà Nội sẽ tha hồ mà vùng vẫy. Kissinger còn than phiền với Chu rằng Bắc Việt đòi Hoa Kỳ lật đổ một người bạn – điều mà Hoa Kỳ không bao giờ làm. Kissinger cố vận động để Trung cộng thủ một vai trung gian trong cuộc điều đình giữa Hà Nội và Hoa Thịnh Đốn.

Trong các cuộc đàm thoại với họ Chu, Kissinger đã cố đặt nhẹ tầm quan trọng của Việt Nam đối với chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Ông chỉ bàn về quân bình chiến lược thế giới, nào mối đe dọa từ phía Liên Xô, nào tìm cách hỗ tương giữa quyền lợi của Hoa Kỳ và quyền lợi của Trung Hoa tại Á Châu.[4]

Sau khi Kissinger trở về Mỹ phúc trình, Nixon quyết định cử tướng Haig qua Sài Gòn để trình bầy cho ông Thiệu biết về Hội nghị Mạc-tư-khoa và chuyến đi Bắc Kinh của Kissinger. Chính Kissinger và Winston Lord, phụ tá của ông đã đích thân thảo bản tóm lược những điểm cần trình bày với ông Thiệu. Tất nhiên trong bản văn này Kissinger không đả động gì đến việc ông nói riêng với các nhà lãnh đạo Liên-xô cũng như việc ông nhờ họ Chu làm trung gian với Hà Nội.

Tới Sài Gòn, Haig không thảo luận gì về việc thay đổi lập trường của Hoa Kỳ chấp nhận ngưng

bắn tại chỗ để cho quân Bắc Việt được ở lại miền Nam. ông chỉ mô tả đề nghị thương thuyết mới của Hoa Kỳ, mà nội dung đã được trình bày trong bài diễn văn ngày 9 tháng 5 của Nixon và sẽ được chính Kissinger chuyến đến tay Thọ vào ngày 19 tháng 7. Kế hoạch này kêu gọi ngưng bắn, trả tù binh, quân Hoa Kỳ rút lui trong vòng bốn tháng, và ông Thiệu từ chức trước khi có bầu cử Tổng Thống. Như lời Haig giải thích cho ông Thiệu: "Hoa Kỳ đã cố phối hợp những biện pháp cứng rắn trên mặt trận quân sự với một thái độ uyển chuyển, công bình trên mặt trận thương thuyết"[5]

Ông Thiệu nói với Haig rằng Hà Nội đã không phải chịu một áp lực nào bắt họ điều đình. Quan niệm của ông về ngưng bắn khác với Kissinger. Ông cho rằng, những vấn đề chưa giải quyết phải được thương lượng trước, rồi mới thi hành ngưng bắn được. Ngưng bắn mà không có thỏa ước nào trước sẽ chỉ đưa tới vi phạm và sẽ rất khó, nếu không nói là không thể kiểm soát. Nhưng trong tập hồi ký, Kissinger lại cho rằng ông Thiệu "đã khôn khéo bác bỏ những gì chúng tôi đã đề nghị, với sự tán thành của ông ấy, kể từ ngày 7-10-1970, và những gì Tổng thống (Hoa Kỳ) đã tái xác nhận ngay hôm mới đây, ngày 5 tháng 8".[6] Ông Thiệu thì xác quyết rằng ông không hề bao giờ chấp nhận việc quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam. Nhưng nghiên cứu kỹ hồ sơ ghi lại những nhận định của Nixon và bình luận của

Kissinger trong các cuộc họp báo ta thấy là Kissinger nói láo, vì triệt thoái hỗ tương vẫn là mục tiêu công khai của Hoa Kỳ.[7] Chỉ sau khi Hiệp định Paris đã được ký kết, Kissinger mới công khai xác nhận rằng những thay đổi trong cách diễn tả những nhận định của Nixon về hỗ tương triệt thoái đã báo hiệu một sự thay đổi trong lập trường của Hoa Kỳ.

Trong lúc Kissinger cố vận động gấp rút một hòa giải chính trị, cả Bắc lẫn Nam Việt vẫn còn chờ xem cuộc tranh đấu quân sự sẽ được giải quyết trên chiến trường ra sao. Tháng tư, khi gặp lại ông Thiệu, Hưng được biết là Cộng sản đang cố đạt cho được một chiến thắng quân sự quyết định để có thể bước vào những cuộc thương thảo chung kết với một tư thế mạnh hơn. Cuối tháng 6, Hưng viết cho ông Thiệu một lá thư cho biết rằng do ảnh hưởng của báo chí, dư luận Mỹ cho rằng Việt Nam Cộng hòa đang thua Bắc Việt. Anh viết: "Tôi có cảm tưởng người Mỹ tin rằng sắp có một Điên Biên Phủ thứ hai". Hưng nhấn mạnh tầm quan trọng của một chiến thắng dứt khoát để đảo ngược tình thế, nếu không, sự ủng hộ của Mỹ chắc sẽ giảm dần. Được thư Hưng, ông Thiệu ra lệnh cho tướng Trưởng gấp rút chiếm lại thị xã Quảng Trị.

Kissinger họp với Thọ ở Paris ngày 19 tháng 7, trong sáu tiếng rưỡi, ông đã biết điều kiện ông Thiệu đặt ra là bất cứ một cuộc ngưng bắn nào cũng phải gắn liền với việc rút hết quân Bắc Việt khỏi miền

Nam trong vòng ba tháng; khi đàm phán, Kissinger quyết định không cho Thọ biết mối bất đồng lớn này giữa ông và ông Thiệu, "vì lẽ nó không liên quan gì đến các cuộc thương thuyết lúc ấy đang bế tắc".[8] Ngày 1 tháng 8, hai người lại gặp nhau tại Paris trong khoảng tám tiếng nữa, một phiên họp dài nhất. Phía Bắc Việt bắt đầu đưa ra một số "nhượng bộ" và đề nghị tăng tốc độ thời biểu thương thuyết;[9] Bunker phúc trình cho ông Thiệu là "phe bên kia không đưa điều gì mới, chỉ duyệt lại lập trường của họ mà thôi".[10] Bản phúc trình ngắn ngủi chưa đầy một trang của vị Đại sứ này còn quả quyết rằng cuộc họp mặt "đã không tạo thêm diễn biến nào mới". Thế nhưng, trong tập hồi ký, Kissinger lại trích dẫn một tờ trình dài của ông viết cùng ngày cho Nixon giải thích tại sao "Ta đã tới gần hòa giải hơn bao giờ hết; quá trình thương thuyết của ta không thể chê vào đâu được, và ta vẫn còn cơ hội tạo được một nền hòa bình trong danh dự".[11]

Ngày 17 tháng 8, Henry Kissinger cùng với nhóm phụ trách thương thuyết về Việt Nam tới Sài Gòn để họp bàn với Tổng Thống Thiệu về những cuộc thảo luận sắp tới giữa Kissinger và Thọ tại Paris, ngày 15 tháng 9. Nhóm thương thuyết của Nixon đã được lựa chọn căn cứ vào lòng trung thành, sức chịu đựng và hiểu biết chuyên môn. Người chuyên trách về Việt Nam là John Negroponte, một chuyên viên ngoại giao trẻ tuổi, đẹp trai, xuất thân từ Đại học

Yale (khóa 1960), biết tiếng Việt và đã có sáu năm kinh nghiệm tại Sài Gòn và tại các cuộc hòa đàm Paris chính thức, trước khi được tuyển làm chuyên viên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia năm 1970. Trong số thân cận với Kissinger tại Hội đồng có Winston Lord, lúc ấy mới ba-mươi-tư tuổi, một chuyên viên ngoại giao thông minh hăng say, nhưng khiêm tốn, chuyên viên về Trung Quốc có lẽ vì có vợ người Trung Hoa, con gái của một cựu viên chức Trung hoa Quốc gia. Hai người gặp gỡ nhau hồi còn là sinh viên trường Luật và Ngoại giao Pletcher, Đại học Tufts, tại Boston. Hồi đầu người ta biết đến tên Winston Lord chỉ vì là con trai của Mary Lord, một phụ nữ giầu có trong ủy ban Quốc gia đảng Cộng hòa, và là người đàn bà đầu tiên được cử làm đại diện Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc. Nhưng về sau, ông nổi tiếng là một phụ tá có tài và trung thành của Kissinger, lúc nào cũng hăng say, tươi cười, luôn luôn có sẵn trong tay tờ phúc trình tóm lược đầy đủ lập trường và quan điểm, hoặc một bản thông cáo chung, nhanh chóng và rõ ràng. Lord và Peter Rodman, một phụ tá khác lúc ấy mới hai-mươi-tư, trông giống như một cặp hiệp sĩ samurai – có kẻ xấu miệng nói là chó giữ nhà cho Kissinger. Rodman, tốt nghiệp Luật ở Đại học Harvard, làm phụ tá hành chánh cho Kissinger năm 1969, có tài về nghiên cứu, tổ chức, và viết lách. Lúc nào người ta cũng thấy Rodman, ôm một cặp sách đựng tài liệu tối mật và chưa hề bao giờ trễ nãi

trong việc đem điện tín và... nước cam tươi đến cho Kissinger mỗi sáng. Cùng với một toán nữ thư ký tận tụy gồm Julie Pineau, Irene Derus, Laura Simkis, và Wilma Hall, nhóm người ấy đã là một đội thương thuyết đáng kính nể.

Các cuộc hội họp với ông Thiệu không đưa tới đâu. Sài Gòn có tin đồn là Kissinger qua để cưỡng ép Việt Nam Cộng hòa chấp nhận hòa bình. Ông Thiệu cảm thấy có thế hơn nhờ cuộc phản công thắng lợi của quân sĩ dưới quyền chỉ huy của Tướng Trưởng: mùa hè vừa qua Tướng này đã đánh bại quân Bắc Việt với sự yểm trợ của không lực Mỹ. Tướng Trưởng đang chuẩn bị tái chiếm Quảng Trị, để đưa cán cân quân sự trở về vị thế trước cuộc tấn công. Một nửa lực lượng xâm chiếm Bắc Việt, lối 75.000 người, đã bị chết hoặc bị thương. Đại sứ Bunker cho Kissinger biết rằng cuộc phản công thắng lợi đó đã khiến Việt Nam Cộng hòa rất miễn cưỡng trong việc thương thảo với Hà Nội. Theo lời ông Bunker, ông Thiệu dường như "thật sự sợ hòa bình".[12]

Kissinger và Thiệu giống như hai người, "ông nói gà bà nói vịt". Như Kissinger đã viết trong hồi ký:

"*Cuộc đối thoại giữa Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn diễn tiến như một vở bi kịch Hy-lạp, trong đó mỗi bên vì theo đuổi những nhu cầu riêng của mình, đã tạo ra những gì mà chính họ lại khiếp sợ nhất. Bởi lẽ, trong chủ yếu, cả hai bên đều đúng. Thiệu là một nhà ái quốc và một người rất thông minh. Ông đã phục vụ*

xứ sở ông trong một cuộc chiến tàn khốc với khả năng và lòng tận tụy. Ông đã không đáng để phe phản chiến Mỹ chất chứa lên đầu những lời sỉ nhục như một lối thoát cho sự ẩn ức của họ và như một cái cớ để biện minh cho sự đầu hàng mà họ muốn chính phủ họ phải chấp nhận. Thế nhưng những đòi hỏi của ông, hầu như đã hoàn toàn đối lập với đòi hỏi của chúng ta".[13]

Ông Thiệu cương quyết phản đối ý kiến của Kissinger là đề nghị chính phủ liên hiệp của Hà Nội phải được giải quyết qua một ủy ban Liên hiệp ba phe. Nếu như Kissinger coi đây là một cách che giấu vấn đề liên hiệp thì ông Thiệu lại coi nó là cách hợp thức hóa yêu sách của Cộng sản đòi cho Việt Cộng được tham dự vào chính quyền miền Nam trên căn bản bình đẳng.

Sau này, khi viết hồi ký, Kissinger lại giở giọng khoan dung đối với ông Thiệu. "Mục tiêu của ta là danh dự; ta có thể đánh liều cho hòa bình, như người ta thường nói. Nhưng vấn đề của ông Thiệu là sự sống còn; ông và dân tộc ông sẽ bị bỏ rơi ở lại vô hạn định sau khi chúng ta rút đi; ông không thể có cài xa xỉ là được quyền sai lầm".[14]

Trong buổi gặp gỡ tại Sài Gòn, ông Thiệu chợt hỏi Kissinger về điểm khẳng định sự triệt thoái cả hai bên đã được ghi trong bức điệp văn mà ông gửi cho Hoa Kỳ ngày 13- 4-1972: "Chúng tôi đã thông báo cho quí ông biết là chúng tôi không thể đồng ý thay đổi lập trường về việc triệt thoái cả hai bên Bắc Việt

lẫn Hoa Kỳ".

Ám chỉ lần họp ở Mạc-tư-khoa, Kissinger đáp: "Thưa Tổng Thống, tôi đã không có cách nào làm các nhà lãnh đạo Nga-xô chấp nhận được lập trường của Ngài".

Ông Thiệu khăng khăng: "Chúng tôi muốn sự rút lui song phương được tái khẳng định là lập trường của chúng ta".

Kissinger đáp: "Chúng tôi sẽ cố, nhưng không biết họ có sẽ chấp nhận hay không".[15]

Sau này ông Thiệu nhớ lại rằng qua chuyến viếng thăm Sài Gòn của Kissinger ông mới biết dường như lập trường của Hoa Kỳ về vấn đề triệt thoái đã được đặt nhẹ bớt. Ông còn thấy được là Kissinger đã đổi chác với Hà Nội sau lưng mình. Ông cũng nhất định không nhượng bộ về chính phủ liên hiệp. Ông nói: "Điều mình muốn hỏi đó không phải là thương thuyết theo kiểu ủy nhiệm (cho Kissinger), mà là có cơ hội thương thuyết thẳng với Bắc Việt. Nếu không, mình sẵn sàng tiếp tục chiến tranh với sự giúp đỡ của Mỹ".[16]

Trong buổi họp, để làm cho ông Thiệu tin mình hơn, Kissinger còn nêu lên ý kiến là Việt Nam Cộng hòa cứu xét một kế hoạch đột kích miền Bắc để Bắc Việt phải kéo quân ở trong Nam về. Tới đây thì ông Thiệu mới biết là Kissinger nói láo. Ông còn nhớ hồi dự định mở chiến dịch Lam Sơn năm 1971, ông đã đề nghị Quân lực Việt Nam Cộng hòa thả quân

xuống Bắc Việt chung quanh căn cứ tiếp liệu ở Vinh, lối 160 cây số phía Bắc vùng phi quân sự, để đánh lạc hướng địch, thì người Mỹ đã bác bỏ ý kiến ấy.

Nhã giải thích: "Khi Kissinger đề cập đến vấn đề tấn công ra Bắc Việt, mình thấy giống như gạ cho con nít ăn kẹo. Mình đâu có thèm để ý, coi đó như chuyện khôi hài thôi".

Cùng trong buổi họp ấy phía Việt Nam Cộng hòa cực lực phản đối đề nghị của Hoa Kỳ về một ủy ban Hòa giải Dân tộc. Kissinger nói: "Tôi sẽ sang nói với Lê Đức Thọ lần nữa ở Paris rằng đó là lập trường mà quí ông đã đồng ý".[17] Kissinger rời Sài Gòn ngày 19 tháng 8, "tưởng rằng hai bên đã hợp ý", vì phía Sài Gòn có vẻ như đã dễ dãi hơn.

*

* *

Tại Miami, ngày 22 tháng 8, Đại hội đảng Cộng hòa đề cử Nixon vào nhiệm kỳ thứ hai, và lúc đó vấn đề chiến tranh Việt Nam đang là một đề tài sôi bỏng trong chiến dịch tranh cử. Còn bốn tuần nữa là đến ngày họp ở Paris, nhưng ông Thiệu chần chừ không muốn cho Bunker gặp mình. Ông cũng không trả lời giác thư của Kissinger trước khi Bunker bay qua Honolulu họp với Kissinger và Nixon ngày 31 tháng 8.

Tại Honolulu, theo Kissinger, Bunker quả quyết với Nixon rằng Hoa Kỳ đang đi đúng đường. Kissinger đã coi Bunker như "lương tri" của Hoa Kỳ, và trông

cậy vào vị đại sứ này để biết xem phía Hoa Kỳ có đi xa quá hay không. Cũng theo Kissinger, ông có nói với Bunker: "Ta đã không hy sinh ngần ấy năm trời để bây giờ lại phản bội. Nếu ông thấy không hợp lý, thi ta sẽ thay đổi. Và ta sẽ trả bất cứ giá nào cần phải trả". Bunker tái xác nhận quan điểm của mình, cho rằng chính sách Hoa Kỳ như vậy là đúng, và, Kissinger nói, quả đã là chính sách duy nhất có thể có được lúc ấy.

Việc ông Thiệu không chịu gặp Bunker làm Kissinger lo ngại, vì nếu ông cứ ì ra, các cuộc thương thuyết với Bắc Việt sẽ chậm lại. Kissinger bèn thảo một lá thư cho Nixon ký ở Honolulu và đưa Bunker mang về Sài Gòn. Lá thư được ký ngày 31 tháng 8, và tới tay ông Thiệu ngày 6 tháng 9, một ngày sau khi Bunker trở lại thủ đô Việt Nam Cộng hòa.[18]

Trong thư Nixon không đả động gì tới việc ông Thiệu đã làm ngơ, mà chỉ nói:

"*Tôi rất lấy làm vui sướng khi nhận được phúc trình đầy đủ và cập nhật của Đại sứ Bunker cho biết những quan điểm của Ngài về các cuộc hòa đàm hiện đang tiến hành*"... Nixon thông báo cho Thiệu biết rằng Hoa Kỳ đã sửa đổi chút đỉnh lập trường của mình, và Bunker "*sẽ thảo luận với Ngài về ý kiến của chúng tôi trong chi tiết. Xin Ngài hãy coi ông ta như người phát ngôn của tôi*". Nixon viết tiếp:

Bước vào giai đoạn tế nhị hiện nay của thương thuyết, nhân danh bản thân tôi, ***tôi xin dứt khoát***

quả quyết với Ngài một lần nữa về nền tảng của lập trường Hoa Kỳ: Hoa Kỳ đã không kiên trì từ bao lâu nay, với sự hy sinh của bao nhiêu mạng sống người Mỹ, để thay đổi lập trường vào mấy tháng chót của năm 1972. Lúc này đây, chúng tôi sẽ không làm điều gì mà ba năm rưỡi trước đây, chúng tôi đã từ chối không làm. Nhân dân Mỹ biết rằng Hoa Kỳ chẳng thể mua được hòa bình hay danh dự, hoặc chuộc lại được những hy sinh của mình với cái giá phải trả là bỏ rơi một đồng minh dũng cảm. Điều này tôi không thể làm và sẽ không bao giờ làm.

Nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta hiện giờ là cộng tác mật thiết với nhau, trên căn bản hoàn toàn cởi mở và tín nhiệm, như chúng ta đã cộng tác thật là đắc lực suốt mấy năm nay. Mục tiêu của chúng ta là một mục tiêu chung và hỗ tương. Tôi đã chỉ thị cho Đại sứ Bunker duy trì một sự tiếp xúc chặt chẽ nhất với Ngài, để đảm bảo có được những cuộc tham khảo tỉ mỉ và kỹ lưỡng với Ngài ở mọi giai đoạn. Tôi tin rằng để nghị mới của chúng ta phản ảnh thật rõ ràng điều này: chúng ta đã cống hiến mọi nhượng bộ chính đáng cho một tiến trình chính trị công bình. Nếu phe bên kia bác bỏ những đề nghị ấy, thì điều này sẽ chứng tỏ, ngay đối với kẻ hoài nghi nhất, rằng trở ngại cho một cuộc hòa giải không phải là một nhà lãnh đạo (ám chỉ Thiệu) mà chính là vì họ cứ khăng khăng đòi cho được tại bàn hội nghị những gì mà họ chẳng thể thắng được tại phòng bỏ phiếu cũng như nơi chiến trường. Nếu

họ chấp nhận đề nghị của chúng ta, thì họ phải chấp nhận chính phủ Ngài như 1 thànhphần thương thuyết, và Ngài sẽ được hoàn toàn bảo vệ bằng cách hiện diện trọng mọi diễn đàn.

Sau hết, thưa Tổng Thống, tôi xin được một lần nữa bày tỏ với Ngài lòng ngưỡng mộ của nhân dãn Mỹ đối với sự dũng cảm và thành tích của nhân dân và quân lực Việt Nam Cộng hòa trong cuộc bảo vệ thắng lợi của họ chống lại cuộc xâm lăng của Bắc Việt, và đối với sự lãnh đạo xuất sắc của Ngài. Lòng can đảm và tinh thần đoàn kết của nhân dân Ngài là bảo đảm tối hậu cho nền tự do của họ. Nhưng nếu ta muốn thành công trong chặng đường cuối cùng của cuộc hành trình lâu dài này, ta phải hoàn toàn tín nhiệm lẫn nhau. Chúng ta không nên trao cho kẻ thù, do mối bất hòa giữa chúng ta, những gì mà ta đã ngăn được do tình đoàn kết của đôi bên.

Với những lời chúc tụng tốt đẹp nhắt của riêng tôi.

Kính thư

(kt.) Richard Nixon

Nỗ lực trấn an và cam kết đó của Nixon, trên nền tảng "sắt đá" của lập trường Hoa Kỳ, nào "nhân danh bản thân tôi", nào "dứt khoát", nào Hoa Kỳ sẽ không bao giờ làm ô danh bao nhiêu sinh mạng người Mỹ đã mất, nào Hoa Kỳ sẽ sẽ không bao giờ bỏ rơi một đồng minh dũng cảm, v.v. làm ông Thiệu rất cảm kích. Nixon lại còn lập lại cái lý thuyết "Mỹ đầu tư" nữa: Mỹ đã tiêu xài quá nhiều mạng sống rồi, không

thể bỏ cuộc chạy trốn được nữa. Lập trường của Mỹ tại bàn hội nghị đã được bảo đảm bằng máu người Mỹ. Mặc dù ngờ vực Kissinger (chính là người đã thảo lá thư, mà ông Thiệu không hay), ông Thiệu vẫn tin rằng quan điểm của mình về cách đối phó với Cộng Sản đã được vị Tổng Thống Hoa Kỳ hậu thuẫn.

Sau khi đọc xong lá thư Nixon và thảo luận về đề nghị của Mỹ, ông đưa cho Bunker phần đề nghị của Sài Gòn đối với kế hoạch mà Kissinger đã trình bày trong cuộc thăm viếng ngày 17 tháng 8. Bunker đánh điện về Hoa Thịnh Đốn cho biết ông có cảm tưởng là ông Thiệu có thể sẽ đồng ý đi theo, và Kissinger ngợi khen Bunker về những kết quả "đầy phấn khởi". Thực ra thì ông Thiệu đã chỉ né tránh Bunker mà thôi. Ông vẫn không thay đổi quyết định không cho Cộng sản một chỗ đứng tại miền Nam qua việc thừa nhận Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc, ông cũng giữ vững lập trường là không có lực lượng thứ ba hợp pháp tại miền Nam, mà chỉ có một mặt trận chính trị đối lập do Hà Nội thiết lập và duy trì. Có nhiều thành phần chống đối ông một cách hợp pháp, ông đồng ý, chẳng hạn như giới lý thuyết gia, văn nghệ sĩ, luật sư, bác sỹ, nhưng trừ MTGP và tổ chức kế vị của Hà Nội. Thừa nhận các tổ chức này, có nghĩa là cho Cộng sản cái sức mạnh chính trị mà họ đã không đoạt được ở chiến trường. Báo chí Hoa Kỳ chỉ trích ông Thiệu về việc những người thuộc "lực lượng thứ ba" không được đối xử tốt bởi lẽ ông tin rằng họ đã bị Cộng sản kết nạp. Thường

có những liên lạc giữa MTGP và nhóm người thuộc "thành phần thứ ba" cũng như với một số viên chức cả trong quân đội lẫn chính phủ. Mối dây liên lạc gia đình chặt chẽ của người Việt vẫn còn mạnh. Nhiều gia đình đã thường xuyên tiếp xúc mật với thân nhân phía Cộng sản. Con gái ông Thiệu (Tuấn Anh) chẳng hạn, đã mời một người bạn đến dự lễ cưới mình, và người bạn này lại chính là con gái của Trương Như Tảng, nguyên bộ trưởng Tư pháp của chính phủ Cách mạng Lâm thời. Cả gia đình Tảng ở lại Sài Gòn lúc ông này vô bưng, và bà Thiệu đã nuôi con gái (tên Loan) của Tảng ăn học tại Hoa Kỳ.[19]

Đặt vấn đề liên hiệp, có lần ông Thiệu đã phàn nàn với Hưng: Trước hết, Bắc Việt lo làm sao đuổi được hết Mỹ ra khỏi Việt Nam. Chúng muốn cho Mỹ cơ hội dàn xếp hòa bình, rồi để Mỹ rút về khỏi bị mất mặt. Sau đó, chúng muốn có một chính phủ liên hiệp để chắc ăn là Hoa Kỳ sẽ không thể trở lại được Việt Nam nữa. Bắc Việt cách mình có mấy trăm cây số, còn Hoa Kỳ thì cách xa mười ngàn dặm".[20]

Ngày 13 tháng 9, ông Thiệu bác bỏ đề nghị của Mỹ về thành phần Ủy ban Hòa giải Dân tộc, "chẳng phải vì cái đó làm lo ngại, mà vì ông ta chưa sẵn sàng ngưng chiến", theo lời Kissinger trong tập hồi ký.[21] Hồ sơ Dinh Độc Lập về sau cho thấy là Kissinger đã chỉ nói có nửa câu chuyện, ông ta đã quên, hay cố tình không nói đến sự kiện là đề nghị của Mỹ đã cho MTGP một địa vị ngang hàng với Sài Gòn, bằng cách

dự liệu "ba thành phần của ủy ban Hòa giải Dân tộc sẽ có tỷ lệ ngang nhau". Trong bản phản đề nghị ngày 9 tháng 9, ông Thiệu đã đòi ủy ban ấy gồm có "đại diện của mỗi lực lượng và khuynh hướng chính trị, tôn giáo tại miền Nam Việt Nam, kể cả MTGP". Theo như Việt Nam Cộng hòa thì MTGP đã chỉ là một trong các lực lượng chính trị mà thôi chứ không phải là một lực lượng có ưu thế hơn, ngang hàng với chính phủ Sài Gòn.

Cảm nghĩ thật sự của Kissinger về ông Thiệu được bộc lộ trong tập hồi ký:

"*Láo xược là áo giáp của kẻ yếu; nó là một phương cách đem lại can đảm khi phải đối diện với sự hoảng sợ của chính mình. Nhưng bây giờ tôi mới thấy rõ điều này hơn là trước kia. Hồi tháng 9-1972, phái bộ Việt Nam – đồng minh của chúng ta – đã làm tôi uất ức bằng cái lối mà người Việt đã thường dùng để hành hạ đối thủ to con hơn. Sau một tháng trao đổi ý kiến, Thiệu đã cố thủ trên một điểm quá ngoại vi đối với thành quả cuối cùng, và chúng tôi chắc không thể nào biện minh được với dân chúng Mỹ, nếu như phá vỡ cuộc thương thuyết chỉ vì cái điểm ấy. Giá như chúng tôi đã chấp nhận sự hướng dẫn của Thiệu, thì nền ngoại giao phối hợp sẽ không còn nữa; và chắc là chúng tôi đã rơi vào tình trạng bị tố cáo là đã cho phép Thiệu được quyền phủ quyết tuyệt đối chính sách của Hoa Kỳ*".[22]

Sau cùng, Kissinger đã được Nixon cho phép cứ

tiến hành mà không cần có sự chấp thuận của Việt Nam Cộng hòa.[23]

Ngày 15 tháng 9, ba ngày trước thời hạn chót do Tổng Thống Thiệu ấn định, quân lực Việt Nam Cộng hòa dưới sự chỉ huy của tướng Trưởng đã chiếm lại được Quảng Trị, thị xã duy nhất mà Bắc Việt đã chiếm trong cuộc tấn công mùa Xuân.

Cũng ngày đó, ở Paris, Kissinger gặp Thọ và như ông viết lại, ông "tin chắc rằng Lê Đức Thọ đang đi đến chỗ tách rời các vấn đề quân sự khỏi các vấn đề chính trị, như chúng tôi muốn. Hà Nội, sau ngần ấy đường đất, sớm muộn gì cũng sẽ đưa ra cái lập trường đuối nhất của họ".[24] Nhưng thực ra, chính Hà Nội đề nghị một kế hoạch mới, mười điểm của riêng họ; đề nghị của Mỹ không hề được thảo luận gì tới! Bắc Việt lần này đòi thiết lập một "Chính phủ Hòa hợp và Hòa giải Dân tộc Lâm thời" gồm ba thành phần bằng nhau, được coi là "Chính phủ trung ương cho toàn miền Nam Việt Nam". "Chính phủ" này sau được đổi tên là "Hội đồng" nhưng nhiệm vụ thì vẫn vậy!

Trong tập hồi ký, suy nghĩ lại, Kissinger thú nhận rằng giá như ông đã chấp nhận cách viết theo ông Thiệu về thành phần Hội đồng Hòa giải thì có lẽ khôn ngoan hơn, vì như vậy "có lẽ giảm bớt được sự nghi ngờ của Thiệu với quan điểm hai bên khác nhau như thế chắc sẽ có lúc không thể nào ngăn chận được sự

đổ vỡ cuối cùng. (Vả lại) trong cuộc thương thuyết, cách viết đó chẳng làm thay đổi được gì".[25]

Một lần nữa, ông Thiệu lại thấy mình mắc kẹt trong cái bẫy bầu cử Mỹ. Vì tình hình quân sự đã cải thiện, người Mỹ sẽ ép ông phải thương thuyết. Chiến lược của ông lúc ấy là đoạt được thắng lợi quân sự bằng cách chiếm lại lãnh thổ đã mất, rồi buộc Bắc Việt phải rút lui. Thế nhưng Mỹ lại chỉ muốn đạt được một cuộc ngưng bắn rồi rút quân mà thôi. Năm 1968, ông Thiệu đã cù nhầy trong một thời gian vừa đủ lâu để hòa đàm Paris không khởi sự được trước dịp bầu cử; lần này, ông sẽ lại cố tìm cách ngăn người Mỹ không cho nhượng bộ quân sự và chính trị. Ông cho rằng Mỹ vẫn không hiểu được bản chất, mối đe dọa cũng như sự kết ước của Bắc Việt. Quan niệm về thời gian của Hà Nội khác với Hoa Thịnh Đốn; Cộng sản sẵn sàng chiến đấu bao lâu họ còn nhận được tiếp tế của Liên Xô và Trung Cộng. Cuộc đọ sức đua trí chừng nào chưa có kết quả ngã ngũ trên chiến trường thì không thể nào giải quyết được bằng một hòa giải thương thuyết. Ông Thiệu còn có cảm tưởng Kissinger mong có được hòa bình hơn là Nixon. Ông cũng theo dõi kết quả những cuộc thăm dò dư luận Mỹ và thấy rằng dân Mỹ càng ngày càng ủng hộ cách xử lý cuộc chiến của Nixon, và Nixon đang dẫn đầu trong cuộc đua với McGovern vào Tòa Bạch Cung (tháng 11 năm 1972). Cho nên ông lập luận rằng đây không phải là lúc để Mỹ làm những nhượng bộ tai

hại, nhất là giữa lúc Việt Nam Cộng hòa đang chiến đấu hữu hiệu trên chiến trường. Chính Nixon cũng có ý muốn đợi bầu cử xong mới kết thúc cuộc chiến bằng biện pháp cực mạnh. Thế nhưng Kissinger lại muốn dàn hòa trước ngày bầu cử (7-11-1972)[26]

Ngày 16 tháng 9, Bunker xin đến gặp ông Thiệu để phúc trình về phiên họp giữa Kissinger và Thọ ở Paris. Dịp này, ông Thiệu trao cho Bunker hồi âm lá thư ngày 31 tháng 8 của Nixon. Trong thư, ông Thiệu ngỏ lời tán thành mọi điểm tổng quát của Nixon, nhưng cảnh cáo là không nên nhượng bộ thêm nữa: "Không nên khuyến khích Cộng sản áp dụng cái phương pháp đã vừa xảo quyệt lại vừa ít tốn kém hơn, là chiếm cứ các nước khác bằng những cái gọi là giải pháp thương thuyết và chính trị. Vì vậy, nhượng bộ Cộng sản một cách không hợp lý sẽ chỉ khuyến khích họ ngoan cố hơn và tiếp tục theo đuổi ý đồ xâm lăng mà thôi".[27] Ngày hôm sau, ông còn nhắc lại cho Bunker là: hoặc Bắc Việt đang cố đi tới một thỏa ước trên nguyên tắc trước ngày bầu cử, hoặc họ chưa biết chắc chiến lược của Mỹ ra sao. Rồi trong một bài diễn văn tại Huế, ông tuyên bố: "Không ai có quyền thương thuyết giùm, hay chấp nhận bất cứ một giải pháp nào" ngoại trừ nhân dân miền Nam Việt Nam. Kissinger một lần nữa lại tìm cách khuyến dụ ông tham dự hòa đàm. Ngày 23 tháng 9, dường như lo Thiệu tiết lộ những phẫn nộ của ông trước ngày tuyển cử, Kissinger gửi cho Bunker một bức điện văn dài:

"*Cũng Cần để Thiệu hiểu rằng trong cái giai đoạn rất nhạy cảm trước mắt, thái độ mà người ta thấy rõ được của ông ta về thương thuyết có thể có một ảnh hưởng lớn đến chiến lược của Hà Nội. Nếu như Thiệu thật tình lo ngại ta dàn xếp vội vã, thì ông ta cũng nên hiểu rằng sự biểu lộ những khác biệt giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn (lúc này) có thể tạo ra hậu quả thực tế là đẩy Hà Nội đến chỗ thỏa thuận nhanh chóng trong mật đàm, nhằm khai thác cái mà họ cho là rạn nứt giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa, và do đó (có thể xẩy ra) những xáo trộn chính trị tại Sài Gòn... Cho nên điều thiết yếu là Thiệu phải sát cánh với ta để hai bên có thể chứng tỏ với Hà Nội là mình đoàn kết*".

Nhắc tới "xáo trộn chính trị tại Sài Gòn" cũng là một cách nhắn khéo với Thiệu là đừng có quá trớn. Ngày 26 và 27 tháng 9, Kissinger gặp Thọ trong một buổi họp quan trọng tại căn nhà trước kia của họa sĩ lập thể người Pháp, Fernand Léger, số 108 Đại lộ Leclerc nằm trong vùng ngoại ô Gif-sur-Yvette, cách Paris chừng 24 cây số về phía tây nam. Căn nhà vùng quê quét vôi màu trắng, cửa chớp màu lục, và mái ngói màu da cam này đã được Đảng Cộng Sản Pháp cho Leger dùng làm tư gia, rồi sau này cho Bắc Việt xử dụng. Các cuộc thương thảo đã diễn ra quanh chiếc bàn phủ dạ màu lục đặt giữa phòng khách, có treo đầy tranh sặc sỡ của Leger. Không khí thảo luận trở nên cởi mở hơn, và Bắc Việt đã nhượng bộ đôi chút về một cuộc ngưng bắn trên toàn cõi Đông

Dương. Phẩm chất các món ăn trưa, lúc nghỉ họp, cũng đã được cải thiện hơn. Cộng sản đãi khách nào caviar, nào tôm, nào bánh phòng tôm, nào chả giò, với rượu ngọt và rượu vang trắng.[28]

Kissinger vô cùng phấn khởi khi ông trở về Hoa Thịnh Đốn tường trình với Nixon. Trong số những đề nghị của Cộng sản cần được xét đến là sẽ không có bầu cử Tổng Thống miền Nam Việt Nam, mà chỉ có các cuộc bầu cử một Hội đồng Lập hiến. Kissinger khuyến nghị Nixon nên chấp thuận đề nghị ấy, vì như thế (không có bầu cử tổng thống) ông Thiệu khỏi cần từ chức! Ông còn đưa ra ý kiến "chúng ta có thể yêu cầu ủy ban Hòa giải Dân tộc duyệt lại hiến pháp một năm sau khi có hiệp định hòa bình, cho đúng với các điều khoản ghi trong hiệp định, "Tôi cho đây là đường hướng hành động an toàn nhất vì Sài Gòn lúc đó sẽ có quyền phủ quyết tuyệt đối trong ủy ban ấy".[29]

Kissinger một là bịp bợm, hai là không ý thức được sự kiện này: đề nghị của Thọ chỉ là một mánh lới khéo léo che đậy nhằm phá hủy cơ cấu căn bản của nền dân chủ của Việt Nam Cộng hòa – đó là hiến pháp và bầu cử tổng thống. Chế độ Cộng sản không hề có bầu cử tổng thống, và bầu cử của họ ở cấp Hội đồng Lập hiến mà thôi. Cơ quan này bổ nhiệm chính phủ. Như vậy thể chế dân chủ miền Nam trong đó Tổng Thống và Phó Tổng Thống được dân chúng bầu lên sẽ bị mặc nhiên loại bỏ.

Khi biết được diễn biến này, ông Thiệu lo ngại Kissinger có thể đưa ra nhượng bộ tương tự, bèn gửi cho Bunker một bức giác thư, ngày 26 tháng 9, ghi rõ các phản đối của chính phủ Sài Gòn. Nếu Kissinger vẫn cứ khăng khăng đi xa hơn lập trường của Nixon đã được hai bên đồng ý, thì "chúng tôi sẽ buộc phải minh xác, trước công luận và công khai biện hộ quan điểm của chúng tôi về các vấn đề này".[30]

Buổi họp tiếp theo giữa Kissinger và Bắc Việt được dự trù vào ngày 8 tháng 10, và Đại tướng Haig được phái sang Sài Gòn để thảo luận về những việc bất ngờ có thể xẩy ra trong cuộc họp ấy. Ngày 2 tháng 10 ông Thiệu tiếp Haig trong hai giờ liền, và tỏ ra rất nhã nhặn. Ngày hôm sau, ông hủy bỏ phiên họp tiếp theo. Thế rồi, ngày 4 tháng 10, trong một phiên họp bất ngờ và khác thường, ông mời Haig tới đối chất với toàn thể Hội đồng An ninh Quốc gia của mình và gay gắt tấn công hầu như tất cả mọi khía cạnh của đề nghị Mỹ; có lúc ông đã ứa nước mắt vì uất ức. Ông Thiệu sỉ vả Kissinger, người mà ông cho là đã "không thèm" đếm xỉa "gì đến quan điểm của Sài Gòn khi thương thuyết với Hà Nội". Sau đó, Haig mô tả hình thức quốc nội mà Nixon đang phải đối phó. Haig giải thích: Nếu Cộng sản đưa ra một đề nghị hợp lý, phải chăng, mà Nixon lại bác bỏ, thì Cộng sản sẽ có thể đổ lỗi cho ông Thiệu là cản trở hòa bình.

Trước khi Haig ra về, ông Thiệu trao cho ông một bức giác thư, tóm lược lập trường của Việt Nam

Cộng hòa để Kissinger tham khảo cho buổi họp vô cùng quan trọng sắp tới với Thọ tại Paris. Ông Thiệu thúc giục Hoa Kỳ nên "tránh đừng để cho phe bên kia có cảm tưởng là chúng ta cần phải đạt tới một sự thỏa thuận nào đó trong một thời hạn nào đó". (Ngụ ý phải có hiệp ước trước tuyển cử Mỹ) và đòi được thông báo khi chính phủ Hoa Kỳ "đã tìm được một quan niệm nào mới về cuộc hòa giải"…

Trong hồi ký, Nixon viết: "Tôi đã thông cảm với lập trường của Thiệu". Khoảng 120.000 quân Bắc Việt đã vượt qua vùng phi quân sự xuống miền Nam trong cuộc tấn công hồi lễ Phục Sinh, 31 tháng 3 và sau đó, vẫn còn ở lại miền Nam.

Nixon còn viết rằng:

"*Ông Thiệu tất nhiên đã phải nghi ngờ bất cứ kế hoạch nào nhằm rút quân Mỹ mà không đòi hỏi một sự rút quân tương ứng từ phía Bắc Việt... Tôi gửi cho ông Thiệu một thông điệp riêng: "Tôi xin cam đoan chắn chắn với Ngài rằng sẽ không bao giờ có một hiệp định nào mà những điều khoản của nó lại sẽ không được thảo luận riêng với Ngài trước đỏ một thời gian lâu.*

Tuy nhiên, vì biết cái khuynh hướng hành động bướng bỉnh của ông ta, tôi đã nhắc nhở ông ta về những hiểm họa vốn nằm sẵn trong việc khuấy động tình hình quốc nội của ông ta cũng như của chúng ta".[31]

Nhật ký của Nixon như ta vừa thấy, chỉ nói lờ mờ đến "hiểm họa vốn nằm sẵn trong việc khuấy

động tình hình quốc nội" tại Việt Nam cũng như tại Hoa Kỳ, thế nhưng trong lá thư riêng gửi cho Thiệu, Nixon đã minh thị rõ ràng hơn. **Ông công khai đe dọa là có thể có đảo chánh hay tệ hơn** nếu không chịu chấp nhận những điều khoản mà Kissinger đã đưa ra. Ngày 6 tháng 10, Bunker trao tay cho ông Thiệu thông điệp riêng của Nixon. Trong thư, Nixon một lần nữa lại vừa đe dọa vừa hứa hẹn, vừa cố trấn an Thiệu, lại vừa cảnh cáo rằng ông ta sẽ có thể bị lật đổ nếu không cộng tác: Nixon nhắc đến vụ đảo chính Ngô Đình Diệm năm 1963, và nhắc đến ý định của chính Johnson năm 1968 muốn lật đổ Thiệu (vì đã không chịu cộng tác). Bức mật điện như sau:

Ngày 6 tháng 10, 1977

- Tôi đã thảo luận với Đại tướng Haig về kết quả các buổi họp giữa ông ta với Ngài và các cộng sự viên của Ngài tại Sài Gòn. Hiển nhiên là giữa chúng ta hiện có một số bất đồng ý kiến nghiêm trọng, nhưng cần phải hiểu rõ là những bất đồng ý kiến này chỉ có tính cách chiến thuật chứ không có tính cách một khác biệt căn bản về các mục tiêu mà cả hai nước chúng ta đều theo đuổi – (nghĩa là) bảo tồn một cơ cấu không Cộng sản tại miền Nam Việt Nam, cơ cấu mà chúng ta đã cùng nhau kiên trì xây dựng, (cơ cấu mà) sự lãnh đạo quả cảm của Ngài đã bảo tồn được bất chấp những thử thách hết sức khó khăn. Vì thế, tôi xin cam đoan chắc chắn với Ngài rằng sẽ không bao giờ có một hiệp định nào mà những điều khoản của nó lại sẽ không được

thảo luận riêng với Ngài trước đó một thời gian lâu. Điều này đặc biệt áp dụng cho các phiên họp sắp tới tại Paris. Trong các phiên họp này, Tiến sỹ Kissinger sẽ thăm dò xem phe bên kia muốn đưa ra những an ninh cụ thể nào làm căn bản cho những cuộc thảo luận tiếp theo về chính trị, sẽ được tiến hành sau khi tham khảo ý kiến Ngài. Liên quan đến vấn đề này, tôi xin Ngài cố áp dụng mọi biện pháp để tránh sinh ra sau này một không khí có thể đưa tới những biến cố tương tự ***như biến cố mà chúng tôi đã ghê tởm năm 1963 và chính bản thân tôi cũng đã kịch liệt phản đối năm 1968.*** *Cũng vì lý do ấy, tôi hy vọng rằng Ngài sẽ không áp dụng các biện pháp phòng ngừa chống lại những gì sẽ phát sinh từ các cuộc đàm phàn đó. Tôi xin cam đoan với Ngài rằng chúng sẽ không bao giờ xẩy ra mà không có sự tham khảo đầy đủ, kịp thời, và hoàn toàn, giữa chúng ta.*

Tuy nhiên, đồng thời ở một thời điểm nào đó trong diễn trình (thươmg thuyết), vì muốn tuyên truyền hay vì một lý do nào khác, rất có thể kẻ thù sẽ công bố chi tiết những cuộc mật đàm. Chiến thuật Hoa Kỳ cho đến giờ này đã được thiết kế để đối phó với việc bấy giờ ấy. Đại tướng Haig báo tôi biết rằng Ngài sẽ viết cho tôi trong tương lai gần đây. Tôi mong được tiếp nhận thông đạt đó và hy vọng Ngài sẽ có cơ hội cứu xét những điều nói trên đây trước khi hoàn tất lá thư.

Tổng thống Richard M. Nixon

Bức thông điệp trên đây đã làm ông Thiệu vô

cùng e ngại. Tại sao bỗng nhiên Nixon lại nói tới "những cuộc thỏa thuận tiếp theo về chính trị"? như vậy, chắc là Hoa Kỳ sắp chấp nhận liên hiệp với Cộng Sản. Tại sao Nixon lại dọa dẫm đảo chính ông bằng cách nhắc tới biến cố 1963? Và rồi 1968? Thiệu hiểu ngay là nghị trình của hai bên đang sắp va chạm nhau, và phía Mỹ đang vội vã chạy xô tới mục tiêu của họ: 1 hiệp định hòa bình trước bầu cử. Và chắc rồi cũng chẳng có "tham khảo" một cách thực sự với Việt Nam Cộng hòa như Nixon hứa.[32] Đặc biệt là Thiệu bắt đầu lo cho chính ông vì Nixon đã nói thẳng thừng đến "biến cố mà chúng tôi đã ghê tởm năm 1963".

*

* *

Ám sát là cơn ác mộng vẫn chập chờn trong đầu óc Nguyễn Văn Thiệu kể từ khi có cuộc đảo chính chống Ngô Đình Diệm hồi đầu tháng 11 năm 1963. Dạo đó, ông đang là Tư lệnh Sư đoàn 5 BB đóng tại Biên Hòa (cách Sài Gòn chừng 24 cây số). Ông được Đại tướng Dương Văn Minh kêu về Sài Gòn và yêu cầu tham gia đảo chánh: Tướng Minh, Tham Mưu trưởng Lục quân, vừa được bổ vào chức vị vô quyền hành là Cố vấn đặc biệt. Trước đó, ông Thiệu cũng đã được Đỗ Mậu (phụ trách an ninh quân đội cho ông Diệm) mời tham dự nhóm đảo chánh, nhưng ông đã từ chối. Vói ông Minh lại khác, ông Thiệu đã là phụ tá cho ông này trước khi chỉ huy Sư đoàn 5,

và hai người cũng đã gần gũi nhau. Thiệu kể lại là ông nói với Minh rằng ông thấy đảo chính không có lợi gì trừ khi thỏa mãn được một số điều kiện, như là "nhu cầu tăng quân viện và kinh viện của Hoa Kỳ để đánh cộng sản". Thứ hai, ông Thiệu đòi phải tiếp tục chiến đấu cộng sản, không được lập chính phủ liên hiệp hay trung lập. Thứ ba, ông đòi thiết lập một chính phủ quân nhân để điều khiển việc nước. Thứ tư, ông yêu cầu không được giết anh em Diệm, Nhu. "Minh và các tướng lãnh khác đồng ý với hai điểm đầu, nhưng không chấp nhận việc thành lập một chính phủ quân nhân, và mập mờ về yêu cầu đừng giết ông Diệm".[33]

Ông Diệm lúc đó đã vô cùng muốn thoát khỏi sự kiềm tỏa của Mỹ và liều lĩnh đến độ ông tìm cách điều đình riêng với Bắc Việt. Ý tưởng điều đình trực tiếp giữa Bắc và Nam Việt sau rốt đã trở thành cái điểm mà cả Hoa Thịnh Đốn lẫn Hà Nội đều chống đối, nhưng năm 1963, Hà Nội đã sẵn sàng cứu xét. Để thăm dò cơ hội, Diệm và Nhu mời Mieczlaw Maneil (Trưởng phái bộ Ba-lan trong ủy hội Kiểm soát Quốc tế) đến gặp và yêu cầu ông ta thử tiếp xúc với Hà Nội qua đại sứ Pháp, Roger Lalouette.

Bắc Việ tbằng lòng gặp Ngô Đình Nhu. Cuộc gặp gỡ xẩy ra trong lúc Nhu bề ngoài giả bộ đang đi săn tại vùng cao nguyên. Tháp tùng Nhu chỉ có Cao Xuân Vỹ, phụ tá đáng tin cậy nhất, hồi đó đứng đầu đoàn Thanh niên Cộng hòa. Hai người lấy xe jeep giả bộ đi

lùng theo vết chân nai và lợn rừng, nhưng thực ra lại về vùng duyên hải gặp đại diện Bắc Việt tại Khánh Hoà. Nhu đề nghị Bắc Nam tái lập liên lạc bưu điện và quan hệ kinh tế như một bước đầu dần dần đưa đến thống nhất hòa bình. Ông cũng đề nghị mở lại đường xe lửa Hà Nội – Sài Gòn. Nhu tình nguyện đưa vợ con lên chuyến xe lửa đầu tiên ra Hà Nội để làm chứng cho thiện chí của hai anh em ông. Chỉ cấp tướng lãnh Sài Gòn mới được biết về những tiếp xúc sơ bộ này, và sau đó, ông Nhu lại còn khoe khoang về "thành tích" ấy nữa. Tướng Trần Văn Đôn nhớ lại một bữa cơm tối, ông Nhu uống thật nhiều rượu, và khi say đã ba hoa: "Bắc Việt chỉ điều đình với một người tại miền Nam mà thôi. Người đó là tôi".[34]

Có điều lạ là chính Nhu lại cho người Mỹ biết ông đã tiếp xúc với Hà Nội mùa thu năm 1963, lúc mà quan hệ giữa Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ sút giảm. Nhu mời Trung tá CIA Lucien Conein đến dinh gặp ông, và trong buổi nói chuyện, "với những tuần trà và độc thoại tràng giang", Nhu nói rằng "đang đổi chác với Bắc Việt". Conein bị Nhu thu hút; ông mô tả Nhu là "tên bướng bỉnh thông minh. Tôi nghi là cha này muốn dọa dẫm chúng tôi. Chả muốn Hoa Kỳ tin rằng, chả có thể điều đình với Bắc Việt, và chả có một đường đi khác, khỏi cần đến chúng tôi".[35]

Khi Nhu tiết lộ ngầm cho báo chí Mỹ biết ông đã nói chuyện với miền Bắc, thì tác dụng đã đúng như ý ông mong muốn. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ vô

cùng tức giận. Nhu đã đi quá trớn, đã với quá tầm tay mình.[36] Mỹ bèn quyết định là ông này phải bước xuống, và yêu cầu ông Diệm phải cách chức hoặc cất bớt quyền hạn của người em mình. Ngày 24-8-1963, Hoa Thịnh Đốn đánh điện cho Đại sứ Henry Cabot Lodge ở Sài Gòn, chỉ thị rằng nếu ông Diệm không chịu cách chức Nhu, "chúng tôi sẵn sàng chấp nhận cái hàm ý hiển nhiên làm chúng tôi không còn ủng hộ ông Diệm nữa. Ông (Đại sứ) cũng có thể cho các cấp chỉ huy quân sự liên hệ biết rằng chúng tôi sẽ trực tiếp ủng hộ họ trong bất cứ thời kỳ chuyển tiếp nào mà cơ cấu chính quyền trung ương sụp đổ".[37]

Khi liên hệ với Hoa Kỳ suy sụp, hai anh em Diệm-Nhu còn làm nhiều nỗ lực khác để thỏa hiệp với Bắc Việt. Họ hy vọng đạt được một thỏa ước dứt khoát với Hà Nội vào cuối năm 1963. Trần Văn Đĩnh cho hay: Lúc ấy ông đang phục vụ tại Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Hoa Thịnh Đốn, được triệu về Sài Gòn để gặp ông Diệm và nhu. Hồi còn là tổng lãnh sự tại Rangoon (từ 1958 đến 1961), Đĩnh đã liên lạc với đại diện Bắc Việt ở Miến Điện. Ông đã được Bắc Việt biết tới từ hồi còn ở trong mặt trận Việt Minh tại Trung Việt và Lào. Đĩnh nhớ lại là ông Diệm đã vô cùng căm giận người Mỹ, ra chỉ thị cho Đĩnh điều đình ngưng bắn với Hà Nội, thỏa thuận cho quân đội Hoa Kỳ triệt thoái, và chấp nhận đại diện Mặt trận Giải phóng Dân tộc trong chính phủ miền Nam, và rồi bầu cử – có thể trong vòng một năm – với sự

tham gia của Mặt trận Giải phóng.[38] Đĩnh dự trù gặp đại diện Bắc Việt tại Tân-Đề- Li vào đầu tháng 11, 1963, nhưng sứ mạng của ông đã chết từ trong trứng vì vụ đảo chánh cuối năm ấy.

Trước khi xẩy ra cuộc đảo chánh, ông Thiệu còn nhớ là "Mỹ đã tạo điều kiện cho quân đội ta nổi loạn. Nhiên liệu đạn dược, thuốc men, cái gì cũng thiếu. Minh nghĩ rằng Mỹ chống ông Diệm, nhưng họ vẫn ủng hộ quân đội và một chính phủ dân sự mới, một khi ông Diệm đã bị lật đổ. Viện trợ Mỹ đã luôn luôn là một thanh gươm Damoclès kề trên cổ mình. Cứ hễ khi nào Mỹ muốn gì, là họ làm áp lực với mình bằng cách, hoặc dọa rút quân viện hoặc hứa cho thêm quân viện".

Ông Thiệu kể lại rằng lúc đảo chính gần tới, Đại tướng Minh lo ngại ông Diệm biết được âm mưu nên đề nghị cho ám sát bằng cách bắn trộm lúc ông ta đang ngồi trên xe hơi ra phi trường Tân Sơn Nhất. Khi đối chất với tướng Minh, ông Thiệu phản đối kế hoạch đó. "Ám sát thì đâu có phải là coup d'etat. Đâu có phải việc của quân đội là đi ám sát. Làm gì rồi mình cũng sẽ phải giải thích với dân chúng. Mình là người hào hiệp, đâu có phải là phường ám sát, hay giết người".[39]

Một ngày trước đảo chính, phe tướng lãnh vẫn còn băn khoăn do dự. Tướng Trần Thiện Khiêm, Tham mưu trưởng Liên quân, tới bộ chỉ huy của Tướng Tôn Thất Đính, Tư lệnh Quân khu III và

vùng Sài Gòn, là người được anh em Diệm-Nhu tín cẩn, cố thuyết phục Đính bỏ kế hoạch đảo chính, Khiêm vừa nói vừa rơm rớm nước mắt: "Mình nên tới gặp Tổng Thống, xin cụ tha thứ và cố bảo vệ cho cụ"! Đính đáp: "Trễ rồi, chính anh đã ký lệnh chuyển quân rồi mà".[40]

Buổi chiều ngày hôm đó, Tướng Dương Văn Minh và Đại tướng Paul Harkins, Tư lệnh Bộ chỉ huy Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam, đến gặp Đính, cả hai đều khuyên Đính nên bỏ. Harkins, lúc đó hành động theo sáng kiến riêng, đã phản đối cuộc đảo chánh trong các buổi họp ở tòa Đại sứ Mỹ, và cũng đã đánh điện về Hoa Thịnh Đốn cho biết như vậy.

Đính bảo Minh: "Các Tướng đã thảo kế hoạch còn tôi chỉ có thi hành. Rút lại bây giờ trễ rồi". Tới đây, Minh bèn nói: "Được rồi, được rồi thì ta cứ tiến hành".[41]

Dường như cảm thấy sự nguy hiểm, chính hai anh em Diệm-Nhu cũng đã chuẩn bị kế hoạch riêng để dàn cảnh một vụ đảo chánh giả, có mật hiệu là "Bravo 1". Đính được Diệm-Nhu giao cho vai trò khởi xướng đảo chánh giả để rồi bắt gọn các tướng lãnh nào ló mặt ra, nhưng sau Đính đã phản bội Diệm-Nhu. Tương kế tựu kế, Đính cho di chuyển các lực lượng thân ông Diệm ra ngoài

Sài Gòn, và cho các tướng tá âm mưu đảo chánh thật vào phố. Sư đoàn 5 của ông Thiệu bề ngoài được lệnh đi hành quân chống Việt Cộng ồ vùng Hố Bò

giữa Tây Ninh và Thủ-dầu-một, cách Sài Gòn 25 cây số. Nhưng khi lực lượng của ông Thiệu tới Thủ-dầu-một, họ bèn đổi hướng tiến về Sài Gòn.

Đêm đảo chánh, ông Thiệu được giao trách nhiệm chiếm Phủ Tổng Thống. Vì muốn ngăn cản chồng, vợ ông đã bỏ thuốc ngủ vào cà-phê ông, nhưng rồi ông vẫn thức dậy được như thường, và mặc dù còn ngái ngủ, ông đã tới tấn công Dinh Gia Long , tuy hơi trễ.[42] Hai anh em Diệm-Nhu lúc đó đã chạy trốn vào Chợ Lớn, ẩn náu tại nhà Mã Tuyên, một thương gia Tầu, ở đường Đốc Phủ Thoại. Vì được chuẩn bị từ trước, ngôi biệt thự này đã được trang bị một hệ thống liên lạc khẩn cấp, có đường dây điện thoại nối với Phủ Tổng Thống, nên khi các tướng lãnh nói chuyện, với Diệm đêm đó, họ đã không hề biết là ông ta không có mặt trong Dinh. Quân phòng vệ trong Dinh không biết hai anh em ông đã đi khỏi, vẫn tiếp tục cầm cự suốt đêm.

Quá nửa khuya về sáng, ngày mùng 1 tháng 11, ông Thiệu hạ lệnh tấn công Dinh Gia Long. Một sĩ quan tùy viên của ông Diệm, có nhiệm vụ bảo vệ Dinh, điện thoại với Tướng Khiêm cho biết hai ông Diệm và Nhu đã trốn, và yêu cầu ngưng tấn công. Khiêm ra lệnh bắt đầu hàng, nhưng sĩ quan và quân phòng vệ còn chần chừ vì đã được lệnh không được đầu hàng. Quân ông Thiệu chiếm được Dinh lúc tảng sáng.[43] Thấy hai anh em Diệm-Nhu đã bỏ trốn, quân lính bèn tranh nhau cướp đồ cổ, lấy rượu Whisky

của Nhu uống, và chia nhau quần áo của bà Nhu. Trước cảnh tượng hỗn loạn phi pháp đó, ông Thiệu lấy gậy chì huy phang túi bụi vào đám lính để lấy lại trật tự. Tám giờ rưỡi sáng, mùng 1, ông Thiệu trở về Bộ Tổng tham mưu, nơi điều khiển cuộc đảo chính.

Sau một đêm ngủ tại nhà Mã Tuyên, Diệm và Nhu thức dậy lúc 5 giờ sáng và cùng nhau cầu nguyện. Hai anh em ăn sáng giản dị: bánh bao nhân xá xíu, "tỉm xắm", và cà-phê. Rồi ông Diệm thay bộ áo linh mục Cơ-đốc, mà ông đã giả trang lúc chạy vào Chợ Lớn, sang một bộ đồ tây phục. Vào lúc 6 giờ 45 sáng, ông gọi dây nói cho tướng Khiêm ở Tổng thống Tổng tham mưu, cho biết nơi ông đang ẩn náu và yêu cầu cho xe chở ông tới Tổng thống Tổng tham mưu để thảo luận về vấn đề bàn giao quyền hành cho các tướng lãnh. Ông Khiêm muốn đích thân tới đón ông Diệm, nhưng Tướng Minh can, nói rằng ông đã ra lệnh cho Tướng Xuân, Thiếu tá Nghĩa, và đại úy Nhung đi đón rồi. Mã Tuyên cho tài xế lái một xe hơi nhỏ chở hai anh em Diệm-Nhu tới nhà thờ cha Tam ở Chợ lớn, nơi đây, hai anh em đồng ý sẽ đầu hàng các tướng lãnh đảo chính và chờ được hộ tống về Tổng tham mưu.[44]

Vừa về tới Tổng tham mưu, ông Thiệu trông thấy chiếc xe thiết giáp M-113 chở Diệm-Nhu từ Chợ lớn tới đang nằm trong sân. Ông bảo người tài xế mở cửa hậu. Trên sàn sắt lênh láng máu là hai ông Diệm và Nhu, trên người đầy vét thương của đạn bắn và vết

dao đâm.[45] Ông Thiệu bàng hoàng cả người và buồn nôn vì ghê tởm. Ông giở nón ra và cúi đầu trước hai thi thể.[46] Sau này ông nói: "Giá như tôi tìm được hai ông ở Dinh, thì tôi đã có thể công khai mời họ về Tổng tham mưu trên xe Jeep trần. Sẽ không một ai dám giết công khai cả".

Hình ảnh xác chết hai anh em Diệm-Nhu nằm co quắp giữa vũng máu trên sàn xe thiết giáp M-113 đã ám ảnh ông Thiệu từ đó. Và cũng từ lúc đó, ông đã luôn luôn sợ bị ám sát, nhất là ám sát do Mỹ xúi giục hoặc được Mỹ tán thành. Cuộc lật đổ, rồi sát hại Diệm-Nhu là bằng chứng cho ông Thiệu tin rằng nếu người Mỹ không hài lòng với một nhà lãnh đạo Việt Nam nào, họ sẽ không ngần ngại loại bỏ người đó đi bằng bạo lực. Mặc dù đã có sự bất đồng ý kiến giữa các tướng lãnh về việc nên hay không nên giết Diệm-Nhu, chẳng một ai có kế hoạch nhất định nào để đưa hai người ra khỏi nước an toàn. Theo Lucien Conein, thì họ chỉ dự trù đưa hai người đến một lều đi săn của chính phủ ở Pleiku cho đến khi nào có máy bay đưa họ ra khỏi Việt Nam.[47] Trong buổi gặp mặt lần chót lúc 4 giờ 30 chiều ngày 1 tháng 11 năm 1963, Đại sứ Lodge nói với ông Diệm rằng ông lo cho sự an toàn tính mạng của ông ta, rằng ông có nhận được một bản phúc trình nói là "những người đang đảm trách hoạt động hiện giờ sẵn sàng đưa dẫn Ngài và em Ngài an toàn ra khỏi nước nếu Ngài từ chức. Ngài có nghe tin này chưa?"

Ông Diệm đáp: "Chưa, ông có số điện thoại của tôi đó".

Lodge nói: "Vâng, có. Nếu tôi có thể làm được gì cho sự an toàn của Ngài, xin Ngài cứ gọi tôi".[48]

Vì tài dàn xếp của ông Nhu và khả năng của ông Diệm tránh thoát được các vụ đảo chính trước mà các tướng lãnh đã sợ rằng, trừ khi đã thanh toán được cả hai, họ sẽ không có cách nào thành công. Mùa hè 1961, khi có nhiều tin đồn về đảo chánh chống ông Diệm các nguồn tin Việt Nam của Schecter ở Sài Gòn đã cho biết rằng phe đảo chính nghĩ là thành công duy nhất chống Diệm là giết được ông này đi, nếu không ông Diệm sẽ dùng mọi cách để trở lại chính quyền. Lần này, đơn vị thiện chiến Phòng vệ Dinh đã chuẩn bị phản kích phe tướng tá lãnh đạo đảo chính ở Bộ Tổng tham mưu, nhưng buổi xế trưa ngày 1 tháng 11 (1963) vì tự tin, ông Diệm nghĩ vẫn có thể điều đình với các tướng lãnh nên đã không cho tấn công. Ông nói với viên chỉ huy phó lực lượng phòng vệ: "Nếu các em đánh, quân đội cả hai bên sẽ chết. Thà là giết Cộng sản. Nếu ta chiến đấu, thì chiến đấu chống Cộng Sản. Dành đạn mà giết Cộng Sản. Tôi sẽ cho coi mấy ông Tướng đó muốn chi. Rồi thì chính phủ sẽ cải tổ theo ý họ".[49]

Lần đảo chính này cấp tướng tá đã quyết định là không còn thỏa hiệp với ông Diệm nữa, vả lại họ được Mỹ tán thành. Ai cho lệnh giết ông Diệm đến nay vẫn còn là đề tài bàn cãi, nhưng tướng Đôn,

người âm mưu then chốt chống Diệm, quả quyết đó là tướng Minh. Khi nghe tin hai anh em ông Diệm bị giết, Đôn vội chạy tới văn phòng Khiêm, nơi đó có cả tướng Minh đang họp. Đôn hỏi tại sao hai ông chết? Bằng "một giọng kiêu ngạo, hách dịch" Minh đáp: "Mà chết thì có sao"? Ngay lúc đó thì tướng Xuân – chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Quang Trung, có nhiệm vụ hộ tống hai anh em Diệm, Nhu về Tổng tham mưu – mở cửa xông vào phòng. Không biết có ông Đôn đứng một bên, Xuân quay phía Minh chào kiểu nhà binh và trình ông bằng tiếng Pháp: "Mission accomplie" ("nhiệm vụ đã hoàn tất").[50]

Sau cuộc đảo chính, Tướng Đôn đã là người thăng cấp cho ông Thiệu lên hàng tướng. Một sĩ quan đẹp trai, học ở Pháp, Đôn nổi tiếng về tài quân sự và tài chiều chuộng phái nữ; các phụ nữ mê ông thường gọi ông là "Tướng galant". Có một thời, ông đã là người nhiều mưu trí, phe nào cũng có liên lạc. Ông Thiệu đã tôn trọng ý kiến cũng như tài biện hộ của Đôn cho trường hợp Việt Nam Cộng hòa với giới lãnh đạo Mỹ và Pháp.

Cuộc đảo chánh năm 1963 đã được ông Thiệu coi là một bài học cho ông về những gì có thể xẩy tới cho hàng ngũ sĩ quan Việt Nam khi họ tuân lệnh và làm hài lòng người Mỹ. Cuộc đảo chánh còn là một yếu tố làm ông đặt nặng lòng trung thành trong hàng ngũ sĩ quan của chính ông. Giới chỉ trích Thiệu ở Sài Gòn cho rằng chính vì lòng trung thành của Cao

Văn Viên đối với ông Diệm trong cuộc đảo chánh mà Thiệu đã chọn tướng này vào chức vụ Tổng Tham Mưu trưởng Liên quân. Hồi đảo chánh, ông Viên là một sĩ quan thuộc binh chủng Nhảy dù giữ chức vụ Biệt Bộ Tham Mưu trưởng Phủ Tổng thống. Có lẽ ông là người duy nhắt đã có can đảm từ chối không chịu tham gia đảo chánh và bị câu lưu tại bộ Tổng tham mưu. Trước đó, ông Viên đã đồng ý để hai anh em ông Diệm-Nhu ẩn náu tại nhà riêng của mình. Khi nhận được điện thoại từ Phủ Tổng Thống, bà Viên nói rằng chồng bà đã bị bắt và nhà bà thì đang bị theo dõi. Chính vì được tin này mà Diệm và Nhu đã chạy vào Chợ Lớn để đi trốn.

Mặc dù trên chiến trường là một sĩ quan Nhảy Dù tác chiến giỏi, ông Viên bị chỉ trích là tầm thường về kế hoạch tham mưu và thiếu mưu lược. Thế mà ông cũng đã phục vụ ông Thiệu suốt tám năm với tư cách Tổng Tham Mưu Trưởng – từ năm 1967 cho đến khi ông rời khỏi Sài Gòn, một ngày trước khi miền Nam sụp đổ, với lý do là đang có âm mưu ám sát ông.

*

* *

Trong các buổi nói chuyện với Hưng ở Luân Đôn năm 1976, ông Thiệu đã bầy tỏ những mối lo sợ của mình về ám sát. Vụ ông Diệm bị giết đã ghi một mối hằn sâu đậm vào cách ông Thiệu nhận thức người Mỹ và đường lối hoạt động của họ. Dù có nhiều liên hệ tốt trong khi làm việc với người Mỹ, và dù trong

số bạn ông cũng có một vài viên chức CIA Hoa Kỳ ở Sài Gòn, như Stuart E. Methven, nhưng nói chung ông luôn luôn lánh xa họ. Ít khi ông giao thiệp với Đại sứ Hoa Kỳ ngoài giờ làm việc, họa chăng có thể chỉ giữ những liên hệ đứng đắn và hình thức mà thôi.

Ông tin rằng nếu làm phật lòng Mỹ tới mức nào đó, ông có thể sẽ bị loại bỏ – hoặc do bàn tay một thích khách hoặc do chính các tướng lãnh của mình được Mỹ khuyến khích. Ông đã không ý thức được rằng sự ghê tởm và kinh hoàng của công chúng Mỹ về vụ ám sát ông Diệm đã tạo ra được một sự kiềm chế khiến chính phủ không thể cho tái diễn một lối cư xử tương tự. Mặc dù không bao giờ để sự sợ hãi của mình lộ ra ngoài, ông Thiệu đã thường hay lo là Mỹ đang tìm cách loại bỏ mình nhất là năm 1968, khi ông công khai phản đối sáng kiến hòa bình của Johnson. Ông biết rằng Mỹ đã đặt máy nghe lén trong các văn phòng của ông ở Dinh, và ông sống trong tình trạng thường trực lo âu cho tính mạng mình. Tại Luân Đôn, có lần ông nói với Hưng: "Tôi chỉ có thể thấy thoải mái trên sân chơi quần vợt thôi. Lúc bỏ cây vợt xuống, là ám ảnh đảo chánh lại quay trở lại".

Khi đọc đến đoạn thư Nixon viết ngày 6-2-1972, về "biến cố tương tự như biến cố mà chúng tôi đã ghê tởm năm 1963", trong óc ông bỗng lóe lên hình ảnh chiếc xe bọc sắt M-113 có chứa xác chết 2 anh em Diệm ngày trước. Và rồi đến đoạn nói về "những

biến cố mà chính bản thân tôi cũng đã kịch liệt phản đối năm 1968", thì ôngThiệu tin chắc là sau cuộc bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ năm ấy, Mỹ đã có mưu toan thanh toán ông. Trong bài diễn văn từ chức ngày 21-4-1975, ông nhắc nhở cho dân chúng Việt Nam như sau: "Xin đồng bào nhớ rằng năm 1968 áp lực người Mỹ không phải là nhỏ... Hồi đó, tôi đã nói với đồng bào, nếu đồng bào tin vào ý đồ chính trị của Mỹ thì đồng bào sẽ mất hết. Bây giờ, đồng bào đã hiểu hồi năm 1968 tôi đã muốn nói gì"?

Thật vậy, việc ông Thiệu sợ có đảo chính năm 1968 trước ngày lễ nhậm chức của Nixon (tháng 1-1969) đã không hẳn là không có lý do. Theo một tường thuật của William Buckley (*) được kể lại trong cuốn The Price of Power, "Giá phải trả Quyền Lực" của Seymour M. Hersh, thì ngay sau cuộc bầu cử 1968, Henry Kissinger đã báo động cho Nixon, qua Buckley, là: "Nên thông báo cho Nixon biết rằng có thể mục tiêu của (Clark) Clifford là lão sẽ bỏ rơi Thiệu trước khi Nixon chính thức nhậm chức". Kissinger nói thêm: "Nếu Thiệu chịu chung số phận với Diệm, thì tất cả các dân tộc trên thế giới sẽ nghĩ rằng làm kẻ thù của Mỹ có thể là nguy hiểm, chứ làm bạn với

(*) Ông này đã bị bắt và sát hại do quân khủng bố ở Lebanon, năm 1986: ông là một trong những người mà Tổng thống Reagan muốn cứu khi Reagan cho phép bán súng cho Iran gây ra cuộc khủng hoảng Iran-Contras, kéo dài tới 1987.

Mỹ chắc chắn là chết". Buckley bèn điên thoại cho Frank Shakespeare, và ông này tức thì dàn xếp với cố vấn của John Mitchell để ông gặp Kissinger; chính từ cuộc gặp gỡ này mà Kissinger đã được bổ nhiệm vào chức Phụ tá Tổng Thống Đặc Trách An Ninh Quốc gia.[51] Một bài tường thuật khác, đăng trong báo Survey (Thăm dò) ở Luân Đôn năm 1980, của Edward J. Rosek, người có nhiều liên lạc mật thiết với phe Nixon – mà Hersh cũng đã kể – tiết lộ rằng giữa khoảng năm 1971, "Buckley kể cho bạn ông ở Ngũ Giác Đài về chuyện Kissinger khai với mình trong điện thoại là có nghe nói chính quyền Johnson đang dự định ám sát Thiệu". Thế nhưng Buckley sau này lại khẳng định với Hersh là điều đó sai". "Không có nói gì đến ám sátcả".[52]

Robert Komer, hồi đó phụ trách cơ quan yểm trợ Dân sự vụ và Phát triển Nông thôn của Hoa Kỳ tại Việt Nam, còn nhớ rằng "có thể có một số tờ trình đề nghị phải loại bỏ Thiệu, nhưng không ai thấy cả".[53] Còn nhân vật chính là Clark Clifford (Bộ trưởng Quốc phòng) khi được tác giả phỏng vấn, lại trả lời lơ mơ rằng "tôi không có tin tức độc lập nào" (một cách nói quanh) về các kế hoạch dẹp bỏ ông Thiệu cả. Ông giải thích với đúng cung cách một luật sư: "Hoa Kỳ cho rằng việc đó không thuộc địa hạt của mình. Chúng tôi muốn giải kết, chứ không muốn xử dụng thêm quyền hành và ảnh hưởng. Chúng tôi muốn họ nhận lãnh lấy trách nhiệm cuộc chiến của

họ. Hồi ấy, tôi thấy rõ là Thiệu không quan tâm đến việc chấm dứt chiến tranh và hai bên rõ ràng đã đi đến một ngã ba đường. Chúng tôi muốn rút ra mà ông ta lại không muốn chúng tôi rút. Do đó mà đã có những mưu toan làm trì hoãn tiến trình hòa bình".[54]

Nếu như năm 1968, Nixon và Kissinger đã cứu thoát ông Thiệu, thì năm 1969 chính họ lại được nhân viên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (HĐANQG) trao cho một danh sách để lựa chọn phương cách để lật đổ ông ta. Ngày 21-10-1969, hai chuyên viên của HĐANQG là Roger Morris và Anthony Lake viết một phúc trình cho Kissinger lập luận rằng chương trình Việt Nam hóa đã thất bại và chung qui Hoa Kỳ sẽ bắt buộc phải triệt thoái đơn phương. Họ khuyến cáo Kissinger nên nhượng bộ Bắc Việt về những điểm chính và thử đề nghị một "chính phủ lâm thời tại Sài Gòn được cả hai bên chấp nhận", "có nhiệm vụ giám sát một cuộc bầu cử mới tại miền Nam. Cộng sản sẽ được bảo đảm một vai trò chính trong chính phủ lâm thời ấy. Morris và Lake nói thêm: "Ta phải sẵn sàng xử dụng những biện pháp áp đặt cuộc hòa giải bất chấp sự phản đối của Sài Gòn. Những mối lợi sẽ trông thấy có thể biện minh cho những biện pháp mà ta chưa hề nghĩ tới kể từ năm 1963". Khi được Seymour Hersh phỏng vấn. Morris xác nhận là đã ám chỉ vụ ám sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Morris nói: "Tôi bảo Tony (Lake) rằng hai đứa mình

phải cho Henry (Kissinger) hiểu rõ là ta sẵn sàng thanh toán Thiệu.[55]

Lúc mối liên hệ giữa ông và cặp Kissinger-Nixon trở nên căng thẳng nhất, ông Thiệu đã có một hành vi có vẻ như một sự trối trăng, mâu thuẫn với bản tính người quân nhân. Ngày 18-1-1973, từ sáng tới tối, ông làm lễ cưới và tiệc mừng cho cô Tuấn Anh, con gái của ông, với Nguyễn Tấn Triệu, con trai ông Chủ tịch Hàng Không Việt Nam, tại Dinh Độc Lập. Dường như ông muốn thu xếp mọi việc gia đình cho xong xuôi êm đẹp để phòng bị chuyện không hay có thể xẩy tới cho ông.

Ông Ngô Đình Nhu cũng đã họp đủ mặt gìa đình một tháng trước khi có đảo chánh. Nhu dặn dò người con trưởng, Ngô Đình Trác, hồi đó mười lăm tuổi, là phải sẵn sàng dìu dắt, săn sóc gia đình nếu có gì xẩy đến cho ông.[56]

Ông Thiệu tin rằng, vụ ám sát hai anh em Diệm, Nhu đã là một lỗi lầm lớn, làm thiệt hại cho miền Nam Việt Nam khá nặng về mặt tinh thần, cũng như về tiến bộ quân sự và kinh tế. Ông nói: "Sau đảo chánh, chính sách chẳng có, lãnh đạo cũng không". Tôi bèn trở về Sư đoàn tôi để chiến đấu với Cộng Sản. Một thí dụ về những lỗi lầm của chính phủ quân nhân (sau đảo chánh) là tướng Minh dẹp bỏ chương trình ấp chiến lược. Dẹp đi mà không nghiên cứu hay điều tra gì cả, mà chỉ vì nó đã dính líu đến nhà Ngô. Ông Minh còn bỏ cả chương trình Thanh Niên

Cộng Hòa cũng vì những lý do tương tự. Ông Thiệu tiếp: "Tướng Giáp đã vỗ tay lớn khi nghe tin những vụ này. Vụ đảo chánh và sự dẹp bỏ chương trình ấp chiến lược đã mang lại cho miền Nam hai năm xáo trộn, và trong thời gian đó, Việt cộng đã có thời giờ gây thêm sức mạnh. Đến 1965, thì mình đã gần quỵ rồi, và phải có quân Mỹ đổ vào mới khỏi rơi vào tay Cộng Sản. Hồ Chí Minh đã lầm lớn năm 1965 khi không chịu điều đình với Hoa Kỳ. Hồi đó, Hoa Kỳ đã chấp nhận một chính phủ liên hiệp rồi, nhưng Bắc Việt không chịu ngồi vào bàn thương thuyết. Họ cho Hoa Kỳ là một con hổ giấy, không dám đáp ứng thử thách quân sự".[57]

Cái chết của ông Diệm đã là động cơ phát sinh ra một chuỗi đảo chánh và chống đảo chánh; chúng chỉ ngưng với cuộc bầu cử tổng thống năm 1967 và với sự quân bình quyền thế trong phe phái quân nhân giữa Thiệu và Kỳ: Tướng Kỳ đã được bầu làm Phó Tổng Thống cho Thiệu, từ đó tới khi tan rã năm 1975, miền Nam được cai trị bởi cấp tướng lãnh; những tin đồn và dọa dẫm coup d'etat dường như đã trở thành một phương cách hành động tại Saigòn. Âm mưu và phản âm mưu đã làm rạn nứt sự đoàn kết ở cấp lãnh đạo và làm cho tư thế của Sài Gòn yếu đi tại Hoa Kỳ. Dân chủ đã chỉ là phụ thuộc, quan hệ quyền bính trong hàng ngũ sĩ quan cao cấp trong quân đội mới là quan trọng. Các định chế dân chủ như Thượng viện, Hạ viện và Tối cao Pháp viện chỉ

có rất ít quyền hành, và chỉ có tính cách tô son điểm phấn cho chế độ hơn là các cơ quan chỉ đạo quốc gia. Ngay cả quan niệm về dân chủ cũng đã được coi như một thể chế của Mỹ, không thích hợp với hoàn cảnh và văn hóa Khổng Mạnh tại Việt Nam. Quan niệm riêng giữa cá nhân, sự trung thành với gia đình, sự tín cẩn bằng hữu, vẫn còn quan trọng hơn cả luật pháp và những định chế của nhà nước.

Sở dĩ nắm vững được quyền hành trong một thời gian là vì Thiệu được Mỹ ủng hộ, có tài chia rẽ các Tướng để trị, lại biết cách khéo léo đặt người của mình tại các địa phương. Người Mỹ có ảnh hưởng nhiều trong việc đề bạt, đề cử, hay từ chối, các sĩ quan Việt Nam vào những chức vụ then chốt. Các sĩ quan dung mạo bảnh bao, nói được tiếng Anh hay tiếng Pháp, thì được thăng cấp như diều, nhưng không nhất thiết là những người có khả năng hơn cả. Những qui tắc của tư cách chuyên nghiệp đã nhường chỗ cho lòng trung thành cá nhân. Người Mỹ, khi tán thành cuộc đảo chánh chống Diệm, đã cho thấy rằng những định chế mà chính họ khuyến khích phát triển đó đã không thể chịu đựng nổi sức căng thẳng của chiến tranh.

Ông Thiệu đã phải một mặt đối phó với Mỹ, chỉ huy quân đội, kiểm soát chính phủ, mặt khác điều khiển cuộc chiến tranh với Bắc Việt. ông tự coi mình là người vừa phải chiều lòng người Mỹ, lại vừa phải tìm ra giải pháp cho những vấn đề quá khó khăn của

một quốc gia trong chiến tranh và một xã hội khe khắt. Giữa một cuộc chiến đòi hỏi kỷ luật và đoàn kết quốc gia, thì ông lại chỉ dựa vào những người ông biết chắc là sẽ trung thành với ông. Trung thành đã trở thành tiêu chuẩn then chốt. Kết quả là, một số người nắm địa vị quan trọng nhất đã chỉ biết dạ, vâng, không dám phê phán, mà vợ, con, anh em thì thường hay lạm dụng địa vị của chồng, cha, anh để làm giàu, ông Thiệu đã phải vừa duy trì quyền hành của mình, vừa cố cải tiến. Cho nên nhiều khi ông đã chần chừ, tránh né hay trì hoãn quyết định để ngăn cản một sự xung đột có thể hủy hoại quyền lực của chính ông.

Hàng năm, ngày mồng 1 tháng 11, ngày mà hai anh em ông Diệm, Nhu bị lật đổ và sát hại, lại là ngày Quốc Khánh của Việt Nam, một ngày nghỉ lễ chính thức. Với tư cách Tổng Thống, ông phải mở tiệc khoản đãi ngoại giao đoàn và quan khách. Nhưng cùng ngày đó, trong ngôi nhà nguyện nhỏ bé tại Dinh Độc Lập, hai vợ chồng ông dự một lễ tưởng niệm riêng cho Tổng Thống Diệm, và cầu nguyện cho linh hồn người quá cố được bình an. Vị linh mục làm lễ có lần hỏi về ý cầu xin trong buổi lễ. Ông Thiệu đáp: "Xin cho linh hồn Người sớm được về noi Diễm Phúc, và xin Người cầu cho chúng tôi trong giờ nguy khốn này". Ông Thiệu muốn an ủi ông Diệm nơi thế giới bên kia, của tổ tiên ông – nhưng ông cũng đang cầu nguyện vừa cho ông Diệm lẫn cho chính mình.

chương V
mưu đồ của kissinger

Vào lúc năm giờ chiều ngày 17-10-1972, ông Thiệu ra lệnh cho Bộ Tổng tham mưu gấp rút chuyển về Sài Gòn một tập tài liệu vừa bắt được của Việt Cộng, tìm thấy dưới hầm một tên chính ủy thuộc tỉnh Quảng Tín. Được chở khẩn cấp bằng máy bay nhẹ, rồi máy bay trực thăng qua Đà Nẵng, các tài liệu này về tới bàn giấy ông Thiệu lúc nửa đêm. Ông vội vã đọc, hết sức sửng sốt vì nhận ra ngay rằng cán bộ cộng sản, trong một tỉnh lỵ cô lập ở miền Trung, còn biết được nhiều chi tiết về Hòa đàm Paris hơn là chính mình.

Tập tài liệu mang tên "Chỉ dẫn tổng quát về ngưng chiến", có nội dung dường như lấy từ bản sơ thảo hiệp định lúc ấy đang được Kissinger và Lê Đức Thọ thương lượng tại Pháp, và tiết lộ những nhượng bộ cơ bản của Kissinger. Cho đến lúc ấy, Thiệu chưa hề biết gì đến bản dự thảo cuối cùng của hiệp định, và chẳng được Kissinger thông báo

gì về chi tiết cả.[1] Vậy mà tại một tỉnh lỵ hẻo lánh xa xôi, phía nam Đà Nẵng, quân, cán Cộng sản đã đang bắt đầu học tập các tài liệu đó rồi, và dựa vào đó để chuẩn bị hành quân. Nổi bật nhất phải kể đến chi tiết liên quan đến chiến lược và chiến thuật của Bắc Việt nhằm duy trì lực lượng tại miền Nam sau khi có tuyên bố đình chiến.

Tài liệu cộng sản còn nói rõ là Mỹ đã đồng ý cho phép quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam sau khi ngưng bắn. Quân đội Mỹ sẽ rút lui hoàn toàn. Kissinger đã đồng ý để cho Bắc Việt vô Nam qua ngã vùng Phi Quân Sự và như vậy đó sau này tự do tiếp tế cho quân lính họ. Tài liệu học tập còn có khoản thành lập một Hội đồng Hòa hợp và Hòa giải Dân Tộc mà tác dụng chính chỉ là để triệt hạ chính phủ Sài Gòn. Ông Thiệu cho đây là một chính phủ liên hiệp trá hình. Sau này, kể lại, lúc đọc xong tập tài liệu, ông nói: "Đó là lần đầu tiên tôi biết được là mình đã bị qua mặt. Người Mỹ nói với tôi là vẫn còn đang thương thuyết, là chưa có gì dứt khoát cả, thế mà bên kia đã có đầy đủ tin tức rồi".[2]

Chẳng những tài liệu tịch thu chứa đựng những điểm mà sau này trở thành nguyên văn của Hiệp định Paris, chúng còn ra lệnh cho Việt Cộng phải thi hành một kế hoạch ba giai đoạn nhằm nắm thế chủ động và vi phạm hiệp định, trong cả lời lẫn ý:

Giai đoạn I: Giai đoạn chuẩn bị, trước đình chiến, kêu gọi cán bộ học tập và ghi nhớ những điều khoản

và học cách giải thích chúng cách nào có lợi. Cán bộ được chỉ thị chuẩn bị trình bày những điều khoản của hiệp định cho dân chúng biết hoặc tranh luận với đối phương. Phải xung công tất cả máy may để may cờ Việt Cộng: Những lá cờ nầy trong ngày đình chiến sẽ được treo trước cửa mỗi nhà, trong mỗi ấp, xóm, trên mỗi ngọn đồi. Như vậy Bắc Việt sẽ chứng minh được với các cơ quan kiểm soát quốc tế là chỗ nào họ cũng có mặt. Đồng thời các đơn vị lớn của cộng sản phải tấn công để ghìm chân các lực lượng Sài Gòn. Các lực lượng vùng và địa phương quân cộng sản phải được phân tán ra thâm nhập mọi ấp, mọi vùng đông dân cư, chận mọi trục giao thông, và nằm tại chỗ cho tới khi nào có đại diện quốc tế đến.

Giai đoạn II: Cách thực thi trong ngày đình chiến. Ba ngày trước khi đình chiến, mỗi đơn vị cộng sản phải hành quân giành dân lấn đất. Phải giữ lấy đất đã chiếm được và treo cờ Mặt trận giải phóng ở đó. Phải chuẩn bị các cuộc biểu tình đòi chính phủ Sài Gòn thi hành ngưng bắn và cho quân lính trở về gia đình họ. Biểu tình đòi thực hiện các quyền tự do di chuyển, hội họp, và bãi bỏ quân dịch và giới nghiêm. Các đơn vị tuyên truyền võ trang phải đẩy mạnh những hành động xúi giục, khích động, bằng cách giải thích hiệp định, kêu gọi binh sĩ Quân lực Việt Nam Cộng hòa ngưng chiến đấu, nghỉ phép, hoặc về thăm nhà và đào ngũ.

Giai đoạn III: Trong giai đoạn sau đình chiến,

hay giai đoạn củng cố, phải giữ chặt và củng cố mọi thắng lợi đã đạt được. Tùy kết quả của hai giai đoạn đầu mà lấy thêm hành động mới, nhưng mục tiêu là tiến tới việc triệt hạ chính phủ Thiệu, đồng thời tiếp tục tuyên truyền nâng cao uy tín cộng sản và đòi tôn trọng và thực thi hiệp định Paris.

Ông Thiệu đã phải giật mình khi đọc những tin trên. Điều ông lo sợ nhất – là một vụ đổi chác bí mật – đã trở thành sự thực. Chỉ mới hai tuần trước, ngày 4 tháng 10, ông đã trao một giác thư cho tướng Haig ở Sài Gòn để đem về cho Kissinger, nhắc nhở ông về những nguyên tắc điều đình căn bản mà hai bên đã thỏa thuận: "Nếu chính phủ Hoa Kỳ lại đi tới được một quan niệm mới nào về hòa giải, xin vui lòng thông báo cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa biết".[3] Rồi lá thư đề ngày 6-10 của Nixon sau đó cũng đã cả quyết với ông rằng sẽ không lấy một quyết định nào trong lúc thương lượng "mà không có sự tham khảo hoàn toàn, đầy đủ, và kịp thời giữa chúng ta".

Trong một tháng, ông Thiệu tự nhiên thấy mọi việc ăn khớp với nhau. Phạm Đăng Lâm, đại sứ Trưởng phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại Paris, mới đây có báo động cho ông là Mỹ và Bắc Việt, sau nhiều phiên họp mật, dường như đã đi tới một thoả thuận. Sau đó, Nixon lại viết thư ngày 6 tháng 10 có vẻ như chận phủ đầu. Tại sao lại chọn đúng lúc nầy mà đe dọa ông "để tránh xẩy ra một bầu không khí có thể đưa tới những biến cố tương tự như những

biến cố mà chúng tôi ghê tởm hồi 1963, và bản thân tôi đã chống đối kịch liệt hồi 1968"? Hơn nữa, lá thư chiếu lệ đề ngày 14-10 do Bunker viết cho ông chỉ dài hơn một trang nói về nội dung các cuộc họp giữa Kissinger và Thọ trong 4 ngày từ 8 đến 11 tháng 10, đã không hề nhắc đến sự thỏa thuận nào hết.[4]

Bây giờ, ông Thiệu mới nhìn ra ý đồ của Kissinger: Nghĩa là cho diễn lại vở tuồng 1968, gấp rút điều đình trước ngày bầu cử Hoa Kỳ. Kissinger lại sắp qua Sài Gòn mang theo một thỏa ước giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt. Và chỉ mấy hôm trước khi ông đi, Nixon đã viết thơ cho ông Thiệu dọa đảo chính, như vậy chắc là để dọn đường cho ông. Trái với lời hứa của Nixon, đã không hề có 1 sự tham khảo có ý nghĩa nào với Việt Nam Cộng hòa về những điểm then chốt tối hậu của thỏa ước đó. Việt Nam Cộng hòa đã không hề được xem bản văn, hoặc yêu cầu bình luận chi tiết bất cứ phần nào trong dự thảo chót của hiệp định.

Vừa phẫn nộ vừa buồn bực, ông Thiệu mời một số nhân vật chính trong chính phủ tới họp để bàn về sự phản bội của Mỹ và tìm cách phản ứng với chuyến thăm viếng sắp tới của Kissinger. Trong số những người được mời có Phó Tổng thống Trần Văn Hương, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, Đại tướng Cao Văn Viên, và ông Hoàng Đức Nhã.

Hành động của Hoa Kỳ quả là những đòn đau giáng xuống miền Nam Việt Nam. Sau khi đã hứng chịu tổn thất trên 1 triệu người – 6 phần trăm dân

số – trong bao nhiêu năm qua ngày nay quân lực Việt Nam Cộng hòa đã lấy lại được thế chủ động và chiến đấu rất can cường trên khắp chiến trường chống cộng sản Bắc Việt. Họ đang chuẩn bị để duy trì thế mạnh đó. Vậy mà sau một trang dài những hứa hẹn, nào "không đổi chác bí mật", nào "không (dàn xếp) sau lưng đồng minh", nào "sẽ tham khảo đày đủ", Kissinger lại sắp sửa bay qua mang theo một đề nghị chứa đầy những nhượng bộ chết người.

Trước khi qua Sài Gòn, Kissinger được Nixon dặn dò là phải coi những cuộc họp với Thiệu như một "canh xì phé", trong đó Kissinger phải dấu kỹ "con tẩy" cho đến phút chót. Như lời Kissinger sau này giải thích: "Chẳng hạn tôi không nên đưa ngay cho ông Thiệu coi cái phần chính trị của hiệp định. Tôi phải "giả bộ" nói làm sao để ông Thiệu nghĩ rằng Hà Nội đã yêu sách rất nhiều, nhiều hơn là sự thật họ đòi".[5]

Kissinger tới Sài Gòn ngày 18 tháng 10; sáng hôm sau, ông tới ngay Dinh Độc Lập với một đoàn tùy tùng đông đảo, gồm cả nhân viên an ninh, trông chẳng khác chi phái đoàn đi tháp tùng một vị quốc trưởng hơn là một ông đặc sứ. Đã không ngạc nhiên trước cảnh tượng đó, ông Thiệu còn lộ sự hờn giận của mình bằng cách để Kissinger và đoàn tùy tùng ngồi đợi mười lăm phút trong phòng tiếp khách, ngay trước mặt nhóm ký giả và nhiếp ảnh đã tụ họp ở đó từ trước để theo dõi cuộc viếng thăm. Và khi Kissinger được Thiệu tiếp, người ta đã không thấy

có sự vồn vã, thân mật nào hết: Thiệu đã tỏ ra cách biệt và lạnh lùng. Vừa gặp mặt, Kissinger liền trao tay cho Thiệu lá thư của Nixon đề ngày 16-10-1972, dường như với dụng ý khai mào cuộc gặp gỡ và để cho biết là mình được Nixon hoàn toàn tín nhiệm. Lá thư đầy xúc động:

Thân gửi Tổng Thống Thiệu,

Tôi đã yêu cầu Tiến sỹ Kissinger chuyển đến Ngài lá thư riêng nầy liên quan đến những cuộc đàm phán hiện thời với Bắc Việt, dường như đang tới giai đoạn chót.

Như Ngài biết, suốt bốn năm dưới quyền tôi, Hoa Kỳ đã đứng vững đằng sau chính phủ Ngài cùng nhân dân Việt Nam Cộng Hòa và ủng hộ sự đấu tranh dũng cảm của họ nhằm chống xâm lăng và bảo toàn quyền tự quyết về tương lai chính trị của mình.

Những biện pháp quân sự chúng tôi đã sử dụng và chương trình Việt Nam hóa, những hành động kịch liệt chúng tôi đã thi hành năm 1970, nhằm tiêu diệt sào huyệt địch tại Cam Bốt, những cuộc hành quân tại Lào năm 1971 và biện pháp chống Bắc Việt tháng Năm mới đây, đã hoàn toàn minh chứng cho sự ủng hộ vững chắc của chúng tôi. Tôi khỏi cần nhấn mạnh rằng, trong số những biện pháp vừa kể, có nhiều biện pháp đã không được nhiều người ủng hộ tại Hoa Kỳ nhưng chúng lại cần thiết.

Tại bàn thương thuyết chúng tôi đã luôn luôn bám chặt lấy nguyên tắc là không bao giờ thương lượng

với Bắc Việt một giải pháp nào có thể định đoạt trước tương lai chính trị của miền Nam. Chúng tôi trước sau vẫn triệt để tôn trọng lập trường là duy trì chính phủ dân cử và bảo đảm cho nhân dân tự do Việt Nam cơ hội quyết định tương lai mình.

Cho tới gần đây, phe thương thuyết Bắc Việt vẫn còn bám chặt lấy lập trường cố hữu của họ là bất cứ cuộc dàn xếp nào về chiến tranh cũng sẽ phải bao gồm sự từ chức của Ngài và sự giải tán của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cùng những định chế dân chủ liên hệ.

Tuy nhiên, lúc này dường như chính vì sự kết hợp của lòng kiên trì, sự dũng cảm của chính phủ Ngài cũng như các lực lượng chiến đấu của Việt Nam Cộng hòa, cùng với những biện pháp mạnh mà Hoa Kỳ đã áp dụng ngày 8 tháng Năm, 1972, thêm vào với kiên tâm của riêng chúng tôi tại bàn hội nghị, nên nó đã đưa tới một chuyển hướng sâu xa căn bản tại Hà Nội. Qua những cuộc gặp gỡ mới đây giữa Tiến sỹ Kissinger và phái đoàn Bắc Việt tại Paris, mỗi ngày người ta càng thấy rõ là cấp lãnh đạo tại Hà Nội đã sẵn sàng chấp thuận ngưng bắn trước khi đòi giải quyết vấn để chính trị tại miền Nam Việt Nam. Đây quả là một sự đảo ngược quan trọng trong chủ trương của họ và chắc là nó phải tiêu biểu một quyết định về phía họ, quyết định mà ta không nên coi nhẹ. Vì họ biết rõ nhược điểm của các lực lượng chính trị của họ tại miền Nam, cho nên đối với họ, mục tiêu chính trị của họ tất phải mang nhiều rủi ro lớn.

Hậu quả của sự thay đổi chiến lược này đã đưa tới một tình huống trong đó chúng tôi và phe thương thuyết Hà Nội đã thỏa thuận về một bản văn quy định một cuộc đình chiến, sự triệt thoái những lực lượng đồng minh còn lại, sự trao đổi tù binh và sự tiếp tục tồn tại của chính phủ Ngài cùng những định chế dân chủ (của miền Nam) sau khi cuộc ngưng bắn có hiệu lực. Thêm vào chính văn kiện ấy, chúng tôi còn đạt được một số cam kết riêng tư với Hà Nội nhằm mục đích thoả mãn những mối quan tâm về an ninh của xứ sở Ngài, mà việc thực thi những cam kết ấy chúng tôi coi như một phần chủ yếu của hiệp định này.

Tiến sỹ Kissinger sẽ giải thích cho Ngài với đầy đủ mọi chi tiết những điều khoản trong hiệp định đề nghị mà ông ta mang theo, và vì thế tôi sẽ không bàn gì thêm trong bức điệp văn này. Tuy nhiên, tôi rất muốn Ngài hiểu rằng tôi tin chúng ta không còn lựa chọn hợp lý nào khác hơn là chấp nhận hiệp định ấy. Nó tiêu biểu cho sự chuyển hướng lớn về phe bên kia, và tôi tin chắc rằng sự thực thi (hiệp định ấy) sẽ cho phép Ngài và dân tộc Ngài có thể tự bảo vệ và quyết định vận mạng chính trị của miền Nam Việt Nam.

Riêng đối với tôi, thì điều khoản quan trọng nhất của hiệp định, ngoài những khía cạnh quân sự của nó, là chính phủ Ngài cùng quân lực và những định chế chính trị của Việt Nam Cộng hòa sẽ còn nguyên vẹn sau khi cuộc ngưng bắn đã được tôn trọng. Trong thời kỳ tiếp theo sau đình chiến. Ngài có thể

được hoàn toàn an tâm là chúng tôi sẽ tiếp tục cung cấp cho chính phủ Ngài sự yểm trợ đầy đủ nhất, kể cả viện trợ kinh tế và bất cứ viện trợ quân sự nào phù hợp với những điều khoản đình chiến của Hiệp định này.

Tôi công nhận rằng sau bao nhiêu năm chiến tranh, một cuộc hòa giải sẽ mang đến cho sự nghiệp lãnh đạo của Ngài, và nhân dân Ngài một thử thách vô cùng lớn lao. Tất cả chúng ta đều công nhận rằng cuộc xung đột giờ đây sẽ chuyển đến một hình thức khác, một hình thức đấu tranh chính trị, trái với tranh chấp quân sự công khai; nhưng tôi tin chắc rằng với khôn ngoan và kiên trì, chính phủ Ngài cũng như nhân dân Nam Việt Nam sẽ đáp ứng được thử thách mới đó. Trong nỗ lực ấy, Ngài sẽ có được sự ủng hộ tuyệt đối của tôi, và tôi xin Ngài biết rằng tôi tin tưởng trong giai đoạn mới này, sự lãnh đạo liên tục mà Ngài dành cho vận mạng miền Nam Việt Nam thật vô cùng cần thiết.

Sau hết, tôi phải nói rằng, nếu như ta đã có thể mạo hiểm trong chiến tranh, thì tôi tin là ta cũng phải mạo hiểm trong hòa bình. Ý định của chúng tôi là quyết tâm tôn trọng những điều khoản trong các hiệp định và thỏa thuận ký kết với Hà Nội, và tôi biết rằng đó cũng là thái độ của chính phủ Ngài. Chúng tôi đòi phải có qua có lại, và đã cảnh giác cho cả họ lẫn các đồng minh lớn của họ biết rõ như thế. Tôi xin cam kết với Ngài rằng bất cứ một sự bội tín nào về phía họ

cũng sẽ bị chúng tôi lên án khắt khe nhất và nó sẽ có những hậu quả trầm trọng nhất.

Nhân dịp này, tôi xin phép Ngài cho tôi được nhắc lại những tình cảm kính trọng sâu xa nhất của cá nhân tôi và lòng ngưỡng mộ đối với Ngài và những người bạn chiến đấu của Ngài.

Kính thư

(kt.) Richard Nixon.

Dưới chữ ký, Nixon còn thêm một đoạn viết tay:

"*Tiến sỹ Kissinger, Đại tướng Haig và tôi đã thảo luận rất lâu về đề nghị này. Cá nhân tôi tin đó là đề nghị thuận lợi nhất mà ta có thể đạt được, và* ***nó thỏa mãn được điều kiện tuyệt đối của tôi là Việt Nam Cộng hòa phải tồn tại như một quốc gia tự do****. Những bình luận của Tiến sỹ Kissinger được sự hậu thuẫn hoàn toàn của tôi*".

Ông Thiệu đọc hết lá thư, nhưng không một lời bình luận. Rồi ông mời Kissinger sang phòng Ước đoán Tình hình, có cửa thông sang văn phòng ông, để gặp Hội đồng An ninh Quốc gia.[6] Kissinger yêu cầu được ba mươi phút để trình bày bản hiệp định.

Kissinger nhấn mạnh các phần chính trị của hiệp định mà ông tin là có lợi cho Việt Nam Cộng hòa. Ông cam đoan Hoa Kỳ sẽ duy trì các căn cứ không quân tại Thái Lan và giữ Đệ thất Hạm đội ngoài khơi để ngăn chặn Bắc Việt tấn công. Kissinger hứa tiếp tục kinh viện và quân viện cho Việt Nam Cộng hòa. Trong khi đó, ông tin rằng những thỏa thuận ngầm

giữa Liên Xô và Trung Cộng sẽ giảm bớt xuống nhiều nguồn tiếp liệu chiến cụ cho quân đội Bắc Việt. Theo ông, đây là lúc thuận lợi để đi tới một hiệp ước với Cộng sản vì dù sao chăng nữa, Việt Nam Cộng hòa cũng đã có quân lực trên một triệu người và kiểm soát được 85 phần trăm dân số. Ông tin tưởng rằng Việt Nam Cộng hòa sẽ phát triển và thịnh vượng trong thời kỳ hậu chiến. Kissinger không đi vào các chi tiết về những gì còn phải giải quyết với Hà Nội, và cũng không cho Thiệu biết một thời khóa biểu mật mà ông ta đã đồng ý với Bắc Việt – là họ sẽ ký tắt vào bản hiệp định tại Hà Nội chỉ một tuần lễ sau đó, vào ngày 24 tháng 10.[7]

Trình bày xong, Kissinger trao cho ông Thiệu một phó bản duy nhất của hiệp định, bằng Anh ngữ. Thiệu ra hiệu cho Nhã tới, đứng sau ghế Thiệu, đọc bản văn trong lúc Kissinger trình bày các điều khoản của hiệp định. Nhã ghé tai ông Thiệu nói thầm: "Đây đâu phải là những điều mà mình trông đợi! Hãy cứ nói vài điều vớ vẩn nào đó, để lấy thêm thời giờ suy nghĩ".

Về sau Nhã nhớ lại: "Tôi kinh ngạc hết sức! Tất cả những điểm Việt Nam Cộng hòa đề nghị, rồi phản đề nghị, đều đã bị gạt ra ngoài... Tôi khựng lại vì ngạc nhiên, nhưng cố không để lộ ra mặt".

Ông Thiệu cũng kinh ngạc và cũng cố giữ trong lòng. Về sau ông nói với Hưng là ông căm phẫn với Kissinger đến độ ông muốn "đấm cho anh ta một quả

vào miệng". Thế nhưng ông cố tự kiềm chế, và yêu cầu Kissinger cho một bản tiếng Việt của hiệp định. Kissinger nói không có, nhưng sẽ kiếm trong hồ sơ một bản. Thiệu cám ơn Kissinger về "phần trình bày hay", và nói thêm: "Cho tôi thời giờ suy nghĩ. Ta sẽ hội lại lúc năm giờ chiều". Thiệu hứa sẽ nghiên cứu cẩn thận bản tiếng Anh trước khi đó.

Buổi họp chấm dứt trong tinh thần thân hữu, và Kissinger có đôi chút phấn khởi, về phần Thiệu, ông lập tức chỉ thị cho Nhã phân tích toàn bộ đề án, và phải xong lúc 3 giờ chiều để có thể thảo luận trước phiên họp năm giờ. Sau này Nhã kể lại: "Tôi vội cho in thành nhiều bản và mời Ngoại trưởng Lắm, cố vấn Nguyễn Phú Đức và Đại sứ Phượng đến dùng cơm trưa với tôi tại nhà hàng La Cave. Ngồi vào bàn, tôi hỏi ngay, "Quí vị nghĩ thế nào"? Họ nói "Không đến nỗi nào. Chúng tôi tưởng còn tệ hơn nữa". "Thế nào là không đến nỗi nào? Quí vị đã đọc kỹ chưa"?

Nhã để ý là không có khoản nào nói đến việc rút quân Bắc Việt; ngoài ra hiệp định chỉ nói tới "ba quốc gia Đông Dương" ý muốn nói là chỉ có một nước Việt Nam, Lào và Cam Bốt. Về phía Bắc Việt, thì chúng vẫn cho Việt Nam Cộng hòa, quốc gia thứ tư, với thủ đô ở Sài Gòn, là không được kể như một chính phủ hợp pháp.

Nhã hỏi tiếp: "*Quí vị có thấy chữ* ***National Council of Reconciliation*** *trong đó không? Tôi sẽ hỏi họ xem cái này là cái gì trong bản Việt ngữ*".[8]

Không có bản tiếng Việt, mọi người đều phải nghiên cứu bản tiếng Anh, rồi đến dự phiên họp khẩn của Hội đồng An ninh Quốc gia vào lúc ba giờ như đã dự liệu. Hội đồng quyết định có năm điểm chính cần được minh xác.

Năm giờ chiều hôm đó, Kissinger và Bunker trở lại Dinh Độc Lập để gặp Thiệu. Kissinger có vẻ rất "hăng". Thiệu lịch sự, nhưng nhất định cứ hỏi bằng tiếng Việt, cho Nhã thông ngôn, để giữ cho buổi họp ở cấp lễ nghi, hình thức. Ông nói: "Chúng tôi đã phân tích sơ qua, và chúng tôi muốn hỏi một vài điểm cần được minh xác, rồi sau đó, chúng tôi cần có thêm thời giờ để nghiên cứu bản văn, cả tiếng Việt, lẫn tiếng Anh". Rồi ông hỏi thêm: "À, còn ba quốc gia Đông Dương mà ông nói đến là những quốc gia nào vậy"? Kissinger, không để lỡ một giây đáp liền: "Thưa Ngài, chắc là thơ ký đánh máy sai đó".[9]

Bản tiếng Anh nói đến "ba dân tộc Đông Dương" – ám chỉ Lào, Cam Bốt và một nước Việt Nam. Thiệu nhất định không chấp nhận công thức ấy. Hội nghị Genève đã thừa nhận bốn quốc gia, trong đó có hai Việt Nam: Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Việt Nam Cộng Hòa; sự việc nầy đâu có thể thay đổi. Thiệu còn nhất định không chịu cho Mặt Trận Giải Phóng được xưng là đại diện cho miền Nam Việt Nam.

Kissinger giải thích rằng sự nhắc nhở "ba dân tộc Đông Dương" là một sơ ý, là lỗi đánh máy! Ông dám nói như vậy dù là bản dự thảo nhắc nó đến hai ba

lần, và được viết xuống vừa bằng chữ (three) và bằng con số 3. Ông Thiệu còn quan tâm đặc biệt đến định nghĩa của Hội Đồng Hòa hợp và Hòa giải Dân tộc. Nhiều lần trong bản văn, danh xưng nầy được gọi là một "cơ cấu hành chánh"; nếu đứng về ngôn ngữ Việt Nam thì "cơ cấu hành chánh" và "cơ cấu chính quyền" rất giống nhau và ý nghĩa của nó rất dễ được hiểu lầm là chính phủ liên hiệp trá hình.

Kissinger giải thích rằng Hội đồng sẽ không có quyền hành của một chính phủ, mà chỉ có nhiệm vụ "cố vấn", thi hành những gì đã được các phe phái đồng ý. Nó không phải là chính phủ liên hiệp. Kissinger khăng khăng: "Nó chỉ là một hội đồng bé nhỏ tí ti. Nó không có quyền hành. Nó chỉ là một cơ quan tư vấn thôi".

Còn quân đội Bắc Việtthì sẽ ra sao khi một hiệp định Paris đã được ký kết?

Kissinger đáp, sẽ không có sự thâm nhập thêm nữa của quân đội từ miền Bắc, và quân lực Việt Nam Cộng hòa, với quân số 1 triệu 100 ngàn người, sẽ chẳng việc gì mà phải sợ sự hiện diện của 140 ngàn quân Bắc Việt.

Được hỏi tại sao lại không có đoạn nào nói rõ về sự rút quân Bắc Việt, thì Kissinger giải thích: Ờ, thì như quí ông biết, chúng tôi đã thảo luận điều đó với Bắc Việt và họ không chấp nhận cho nên chúng tôi nghĩ là không nên để nó vào (bản văn), để khỏi làm hỏng bầu không khí"!

Điều đó làm ông Thiệu giận nhất trong phần trình bày của Kissinger. là ông nầy cứ khăng khăng cho hiệp định là "một thắng lợi to lớn nhất có thể đạt được, và là một sự sụp đổ của lập trường Bắc Việt". Nhã kể lại câu nói của Kissinger như sau: "Lê Đức Thọ đến nói với tôi rằng đó là nhượng bộ đau đớn nhất mà hắn phải chịu, nhưng vì lợi ích hòa bình nên hắn đã phải nhường tôi, và hắn còn khóc nữa".

Nhã nhận xét: "Câu nói là Cộng sản khóc làm chúng tôi sửng sốt! Cộng sản đâu có biết khóc! Hoặc giả Kissinger ngây thơ, hoặc ông ta cho mình là ngu".

Đến đây, ông Thiệu đề nghị một buổi họp ở cấp tiểu nhóm với Ngoại trưởng Lắm sáng hôm sau để thảo luận vào chi tiết bản hiệp định. Kissinger đồng ý.

Dường như để "đấm mõm", Kissinger và Bunker lại xin họp riêng với Thiệu, Cao Văn Viên, và Đại tướng Creighton Abrams, người đứng đầu cơ quan viện trợ quân sự Mỹ (MAV/V) để thảo luận về việc gấp rút tăng cường tiếp liệu quân cụ cho Sài Gòn trước khi có ngưng bắn. Các loại trang bị sẽ được gửi qua Sài Gòn trước ngày ký kết hiệp định và sẽ được thay thế trên căn bản một-đổi-một, theo các điều kiện đã quy định trong hiệp ước.

*

* *

Trước khi khảo sát đề nghị mà Kissinger mang từ Paris qua, điều hệ trọng nhất là phải xét xem giữa ông nầy và Nixon có những khác biệt nào về cách

giải quyết chiến tranh Việt Nam. Kissinger dự định đi Hà Nội bí mật để ký tắt vào bản hiệp định ngày 24 tháng 10 trước khi Nixon công bố. Ông cho rằng bầu cử tổng thống là giai đoạn chót của một chu kỳ chính trị, là lúc để Hoa Kỳ hồi sinh. Chấp nhận những nhượng bộ chính trị để chấm dứt chiến tranh sẽ dễ dàng hơn nếu được thi hành trước nhiệm kỳ hai của Nixon. Cái phong cách cá nhân của Kissinger bị nhiều người trong chính tòa Bạch Cung chỉ trích, và Haldeman, đổng lý văn phòng của Nixon, lúc ấy đang phát động một chiến dịch nhằm áp lực Kissinger trở về cương vị "cố vấn" của mình, đồng thời nâng cao vai trò chủ yếu của Nixon trong các cuộc thương thuyết. Haldeman e ngại rằng Kissinger muốn qua mặt Nixon và làm mờ đi hình ảnh chủ chốt của một vị Tổng Thống trong những quyết định về chính sách đối ngoại. Còn Kissinger thì lại rất "nhậy cảm" về những chí trích ấy và mang nhiều kỳ vọng cho chính vai trò của mình trong nhiệm kỳ hai. Ông muốn tạo thêm ảnh hưởng của mình bằng cách tuyên bố cho cả thế giới là ông đã mang lại hòa bình cho Việt Nam.

Kissinger còn có một nghị trình riêng tư cho nhiệm kỳ hai nữa: Nào giảm mức độ căng thẳng với Liên Xô, nào bình thường hóa quan hệ với Trung Cộng. Việt Nam làm ngáng trở những mục tiêu dài hạn của ông ta – chừng nào Việt Nam còn là một vấn đề, thì khó mà tiến tới được.

Kissinger cho là cá nhân ông ta đang bước vào một giai đoạn lịch sử. "Chính khách phải hành động như thể là trực giác của mình đã là kinh nghiệm, như thể là khát vọng của mình đã là chân lý". Ông đã viết như thế trong *A World Restored*, "Một thế giới được phục hồi", một tập nghiên cứu về Metternich.[10] Nhận định đó đã là nguyên tắc chỉ đạo cho chính ông trong thời gian ngồi ở một văn phòng nhỏ, ở góc "Cánh Tây" Tòa Bạch Cung. Trong một cuộc phỏng vấn do nữ ký giả người Ý, Oriana Fallaci, thực hiện, Kissinger giải thích rằng sở dĩ ông có được sức mạnh là nhờ ở lối hành động theo riêng ý mình. Ông đã tự hãnh diện: "Điểm chính là lúc nào tôi cũng hành động một mình. Người Mỹ thích cái đó vô cùng. Người Mỹ thích hình ảnh một gã chăn bò dẫn đầu một toán di dân, một mình trên lưng ngựa đi đầu, thủng thẳng tiến vô một tỉnh lỵ, một thị xã; chỉ mình với ngựa thôi, không có gì khác. Có thể là không có cả súng nữa là vì gã không cần bắn. Gã chỉ hành động bằng cách là ở đúng chỗ, vào đúng lúc, thế thôi. Nói gọn hơn, gã là một cowboy (Western)".[11]

Đơn thân độc mã là một phần tạo nên phong cách của Kissinger, thế nhưng ông cũng đã phải khó nhọc để chiêu phục cảm tình của những kẻ có thể chống đối mình. Ông quyết tâm dẫn đường cho đoàn xe ngựa Mỹ ra được khỏi Việt Nam, vì chỉ khi nào từ giã nơi nầy rồi thì ông mới có thể tiến đến việc thực hiện mưu đồ lớn của mình.

Trong một bữa ăn với một nhóm chủ bút của tạp chí TIME và FORTUNE tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, ngày 29- 9-1972, Schecter ngạc nhiên về sự Kissinger bác bỏ cả Bắc lẫn Nam Việt. Ông nói: "Vấn đề của chúng ta với người Việt Nam là bên nào cũng cho là mình đang thắng; và khoan hồng chẳng hề là đặc tính của họ". Rồi ông đánh giá Thiệu và Thọ ngang nhau, cùng Việt Nam như nhau về lối suy tưởng cũng như cách xử sự – cả hai đều gớm khiếp như nhau. Đó là lần đầu tiên Kissinger nói đến hai phe bằng cùng một lập luận: một dấu hiệu rõ ràng là Hoa Kỳ đang áp dụng một thái độ xa cách với Thiệu và tìm cách triệt thoái quân đội khỏi miền Nam. Kissinger tiếp: "Trong thực chất, chiến tranh đã tàn rồi. Chẳng một ai thắng cả. Người Mỹ không còn quyền lợi gì ngoại trừ ra đi với phẩm cách. Thọ là một tên cuồng trí không biết được đâu là con đường quốc nội bình thường mà đi theo". Nhận xét cuối cùng này quả như một lời tiên tri và chứng tỏ Kissinger đã có một hiểu biết sâu xa về tên lãnh đạo Bắc Việt nầy.

Kissinger khẳng định rằng người Việt rất khác, "óc của họ làm việc khác với óc ta". Tiến sỹ Eric Wulff, người đứng đầu phân khu Tâm Bệnh tại Đại học Freiburg, Tây Đức, và là người đã lập ra chương trình Tâm bệnh học tại Đại học Huế, tin rằng trí óc người Việt tạo dựng được những hiện thực ngay ở trong những tình huống huyền thoại, hoang đường. Kissinger nói Wulff có lần đã bảo ông rằng đối với

người Việt, những sự việc có thật trong đời sống thường ngày không tương ứng với thực tế như ta nhận thức, mà tương ứng với một chuỗi thần thoại, "Vấn đề chính bây giờ là tìm cho ra đâu là những huyền thoại mà người Việt cảm thấy có liên hệ trong một tình huống nào đó." Riêng Kissinger cần phải tìm xem cái gì mà miền Nam Việt Nam chấp nhận là thực tế, bởi lẽ đối với Hoa Kỳ thì thực tế là chiến tranh phải chấm dứt.

Như thế, đối với ông ta, tâm trạng và phong thái đã rõ rệt. Hoa Kỳ đã làm những gì có thể làm tại Việt Nam; bây giờ là lúc giải kết trong danh dự. Kissinger giải thích:

Người Việt Nam là 1 giống người khó tính, bướng bỉnh và đa nghi".

Vào một lúc khác cũng trong bữa ăn trưa ấy Kissinger nói rằng giải pháp lý tưởng là thỏa thuận với Bắc Việt trước khi có bầu cử, nhưng đợi khi nào bầu cử xong mới tuyên bố kết quả điều đình. Hedley Donovan, chủ biên của tạp chí TIME, một người hằng cảm phục Kissinger, nghe đến đây không chịu nổi nữa, ông bèn thuyết cho Kissinger một hồi về tầm quan trọng của sự chính trực trong tiến trình bầu cử, và về những tai hại có thể xẩy ra nếu như điều đình chỉ vì cuộc bầu cử. Kissinger miễn cưỡng đồng ý.[12]

Thế rồi Kissinger bay sang Paris để cố xoay cho được một hiệp định trước ngày bầu cử, hy vọng

có thể tái lập ảnh hưởng của mình trong Tòa Bạch Cung bằng cách đóng góp vào sự thắng cử của Nixon. Kissinger đã nghĩ rằng, Nixon dự định đưa Đại sứ Hoa Kỳ tại Tây Đức, Kenneth Rush, lên thay thế William Rogers trong chức ngoại trưởng, chức vụ mà ông rất ham muốn, bởi Nixon vẫn ngưỡng mộ Rưsh về vai trò của ông này trong cuộc thương thuyết Berlin.[13]

Mặt khác, nếu phân tích kỹ thì thấy Nixon đã lập thời khóa biểu cho mình căn cứ vào sức mạnh chính trị, còn thời khóa biểu của Kissinger thì dựa vào tham vọng cá nhân và tham vọng trí thức riêng của ông ta. Cả hai đều hay nói đến hòa bình trong danh dự và tầm quan trọng của việc chấm dứt chiến tranh một cách danh dự. Trong bài viết cho tạp chí FOREIGN AFFAIRS, số ra tháng 1-1969, bàn về thương thuyết Việt Nam, Kissinger đã nói: "Bất kể lý do tại sao ta dính líu vào Việt Nam, bất kể những phán đoán về hành động của ta, chấm dứt cuộc chiến tranh một cách danh dự là một điều tối cần thiết cho hòa bình thế giới". Nhưng nói một đàng, làm một nẻo. Thực ra, Kissinger chỉ muốn có một cuộc đình chiến trong danh dự mà thôi, ông chỉ muốn có một "decent interval", một khoảng cách thời gian giữa lúc Mỹ rút lui và lúc sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa, làm sao cho phải chăng, coi được là được rồi. Còn Nixon không hề công khai chấp nhận quan điểm đó. Ông chỉ nói đến «*Thắng lợi hòa bình*",

có nghĩa là tiếp tục yểm trợ cho Việt Nam Cộng hòa, và mong cho miền Nam Việt Nam được tồn tại lâu hơn. Kissinger thì luôn lo ngại về nhóm bạn bè của ông trong giới đại học sẽ nhìn mình như đang thủ vai xu nịnh, o bế những quan điểm chính trị cứng rắn của Nixon, như một vú em trí thức, một hàng thần Do-thái trong một triều đình Đức là bộ Tham mưu tại Tòa Bạch Cung hồi bấy giờ. Kissinger có cái tài dùng ngôn ngữ lịch thiệp và tài hùng biện kênh kiệu. Trước mặt nhóm bằng hữu có khuynh hướng tự do, và trước mặt ký giả, ông đóng vai trò thiện nhân giữa bọn hung thần của Nixon. Ông còn cố tránh xa bọn này nữa. Điều làm cho H.R. Haldeman rất bực tức, vì Haldeman muốn cho Kissinger xử sự giống như bất cứ nhân viên nào khác nghĩa là phải nhận chịu ép mình dưới kỷ luật của mình trong chức vụ đổng lý. Dưới mắt đám bầy tôi trung của Nixon thì dường như Kissinger quan tâm đến hình ảnh của chính mình hơn là đến hình ảnh của Tổng Thống và điều này đã bị Haldeman ra mặt công kích trong tòa Bạch Cung.

Kissinger đã từng làm việc cho Nelson Rockefeller trong kỳ bầu cử tổng thống năm 1968 và đã được Rockefeller trả lương kể từ giữa thập niên 1950. Hồi còn làm cho Rockefeller, trước khi Nixon được đề cử năm 1968, Kissinger cố nói: "Nội tất cả những người ra tranh cử, Richard Nixon là kẻ nguy hiểm nhất nếu trở thành Tổng Thống".[14]

Dưới mắt Kissinger, Nixon là một kẻ lạ mặt lạnh lùng, xa cách và tự bản chất là một con người không hấp dẫn.(*) Trước mặt Nixon, thì Kissinger là một nịnh thần, luôn luôn thận trọng, không bao giờ dám công khai chống đối Tổng Thống. Ông áp dụng nhiều mánh khóe để đoạt được sự tín cẩn của Nixon. Trong hầu hết mọi trường hợp, thực chất của vấn đề không quan trọng bằng sự kiện là chính Kissinger kiểm soát được vấn đề ấy qua sự ủng hộ của Nixon. Đôi khi Kissinger còn yêu cầu người khác lấy một lập trường mà ông biết là có thể đối lập với quan điểm của Tổng Thống chỉ nhằm mục đích làm cho lập trường của họ bị yếu đi dưới mắt Nixon. Ông còn không ngần ngại bóp méo lập trường của mình để có thể hạ đối thủ.

Điển hình là vụ Nixon quyết định thả mìn Hải Phòng hồi tháng 5, 1972. Ngoại trưởng William Rogers được triệu hồi từ Âu Châu về họp với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia. Kissinger điện thoại cho Thứ trưởng Ngoại giao Alexis Johnson, nói rằng ông đang cố ngăn trở Tổng Thống không nên thả mìn, viện lý là có thể làm lỡ cơ hội họp thượng đỉnh với Mạc-tư-khoa mà lúc đó, ông tin rằng đã hơn 9 phần 10 có phần thuận lợi. Ông cho là chính John Mitchell và John Connally đã bầy mưu ra vụ thả mìn, và

(*) Đó là cái cách Kissinger nói với Schecter về Nixon khi Schecter còn làm phóng viên cho tờ Time tại Tòa Bạch Cung.

"chúng mình phải trông cậy ở Ngoại trưởng Rogers để thay đổi ý kiến Tổng Thống trong phiên họp với HĐANQG dự liệu vào sáng Thứ Hai tới. Laird sẽ không làm được việc đó bởi ông này luôn luôn đứng về mọi phe trong mọi vấn đề".[15]

Khi Rogers và Johnson gặp nhau, viên Ngoại trưởng nói ông không tin là Kissinger chống việc thả mìn. Johnson bèn điện thoại với Kissinger một lần nữa và được ông này xác nhận lại là ông thực sự chống thả mìn; theo Johnson, Kissinger còn có vẻ nản chí về đường lối của Nixon. Kissinger dịp này cũng giục Johnson thuyết phục Ngoại trưởng Rogers nên nói thẳng ý kiến chống đối việc thả mìn trong phiên họp tới. Johnson sau này thuật lại: "Henry nói ông không có ý định nói thẳng ý kiến mình ra vì là một phụ tá ông ta không muốn chống đối Tổng Thống trong một buổi họp công khai".[16]

Vậy mà trong chính tập hồi ký của mình, Kissinger đã kể lại nào ông đã đồng ý với việc thả mìn Hải Phòng, nào ông có được sự ủng hộ của Connally. Tại phiên họp An ninh Rogers trước đã định ủng hộ Nixon, bây giờ lại không có lập trường vững chắc, và Kissinger thuật lại là Rogers đã "Dùng dằng nước đôi"! Hiển nhiên là ông đã thành công trong việc vô hiệu hóa Rogers.[17] Và như vậy, hiển nhiên là ông đã không ngay thẳng với một vị Ngoại trưởng, nhân viên chuyên nghiệp cao nhất của ngành Ngoại Giao. Kissinger đã không ngay thẳng ngay cả với Nixon về

mật đàm tại Paris. Trong thâm tâm, ông muốn tìm đến một giải pháp khiến Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam và lấy tù binh về mà thôi, trong khi Nixon thì luôn luôn nói đến nhu cầu "Chiến thắng được hòa bình". Trong cuốn sách nghiên cứu về hòa đàm Việt Nam, Allan Goodman có trích dẫn lời một nhân viên trong nhóm thương thuyết của Kissinger đã tiết lộ về mục đích của Kissinger: Ông chỉ muốn một cuộc hòa giải điều đình "mà Hà Nội sẽ ký kết để trả lại tù binh và chấm dứt sự can thiệp của Hoa Kỳ là đủ còn Nixon thì "tin rằng con đường duy nhất để chấm dứt chiến tranh bằng thương thuyết là chứng tỏ cho cả Hà Nội lẫn Sài Gòn biết rằng Sài Gòn có thể thắng được cuộc chiến này".[18]

Nixon nhấn mạnh đến công cuộc Việt Nam hóa và sự yểm trợ của Hoa Kỳ. Ông đã chứng minh lời nói bằng việc làm... việc tăng cường khả năng quân sự Sài Gòn tiến hành không gián đoạn. Vụ đột kích Cam -Bốt hồi tháng 5-1970, vụ thả bom bí mật miền Bắc năm 1971, và cuộc hành quân phá trung tâm tiếp liệu Bắc Việt tại Tchepone, Lào năm 1971: Tất cả những sự việc này đều gia tăng cơ hội sống còn của Sài Gòn.

Nhưng trong khi những biện pháp trên được thực hiện thì cuộc mật đàm lại đi ngược chiều hẳn: Nó có tác dụng trói tay, trói chân quân đội Việt Nam Cộng hòa và làm tiêu tan cơ hội sống còn của miền Nam. Bởi vậy chương trình Việt Nam hóa và công cuộc

điều đình không bổ sung cho nhau như Nixon đã đề ra và trình cho Quốc Hội năm 1970.[19]

Trên lý thuyết, Nixon và Kissinger cùng đi với nhau, nhưng nếu như cùng hướng đến một mục tiêu, thì họ lại thường đi theo hai ngã khác nhau.[20] Nixon nhấn mạnh chương trình Việt hóa, Kissinger nhấn mạnh điều đình. Kissinger đặt kỳ vọng nhiều ở thương thuyết, Nixon thì không. Như Kissinger sau nầy than phiền: "Thảo nào Nixon đã luôn luôn hoài nghi thương thuyết. Trong chuyến công du vòng quanh thế giới của tôi, ông ta cứ dồn đến tôi những bức công văn đòi phải có lập trường cứng rắn hơn tại Paris, cái đó đã đưa đẩy sự việc sớm đến giai đoạn khủng hoảng".[21]

Trái với điều tin tưởng của Kissinger là ông có thể thuyết phục được Hà Nội, để họ đi tới thỏa hiệp, Nixon đã coi điều đình chỉ là một cách để Hà Nội nới rộng cuộc tranh đấu giành thắng lợi cho Cộng sản. Kissinger nhìn thương thuyết theo một khuôn khổ ngoại giao cổ truyền, nghĩ rằng Bắc Việt sẽ sẵn sàng đáp ứng áp lực ngoại giao từ Bắc Kinh và Mạc-tư-khoa. Mặc dù ông thường nói đến cuồng tín ý thức hệ của Hà Nội, Kissinger lại coi nhẹ các yếu tố này khi thấy tiện lợi cho mình trong ý đồ thành đạt những cứu cánh chính trị tức thời. Nixon thì đặt nhẹ thương thuyết và đặt nặng sức mạnh quân sự. Trong bản phúc trình gửi Quốc Hội về chính sách đối ngoại Hoa Kỳ năm 1972, Nixon nói: "Bắc Việt coi thương

thuyết như một ngả đường khác đưa đến thắng lợi, chứ không phải một sự thỏa hiệp với đối thủ. Đối với họ, thương thuyết là sự mở rộng thêm cuộc đấu tranh quân sự bằng những phương tiện khác, thay vì là một nỗ lực nhằm dung hòa giữa hai lập trường của hai bên".[22]

Tổng Thống Hoa Kỳ coi chương trình Việt hóa như một con đường lựa chọn khác, không lệ thuộc vào Hà Nội. Khi ông kêu gọi "Đa số người Mỹ thầm lặng" ủng hộ ông, ngày 3-11-1969, Nixon đã giải thích rằng ông cần đến sự ủng hộ của họ để đi tìm "một nền hòa bình công chính bằng cách hòa giải thương thuyết nếu có thể hoặc bằng cách tiếp tục thi hành kế hoạch Việt Nam hóa nếu cần thiết".

Nixon còn muốn rằng kế hoạch của ông sẽ "chấm dứt chiến tranh và phục vụ chính nghĩa hòa bình, chẳng những tại Việt Nam mà còn ở Thái Bình Dương và trên thế giới nữa".[23] Trong lá thư riêng gửi ông Thiệu trước hôm đi Trung Hoa, Nixon cũng lặp lại sự ủng hộ của ông đối với ước muốn điều đình trực tiếp với Bắc Việtcủa Việt Nam Cộng hòa cũng như yểm trợ khả năng tự vệ đang tăng trưởng của Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Trái với Nixon, Kissinger không tin tưởng vào chương trình Việt Nam hóa, coi nó chỉ như rnột khích lệ để Hà Nội thương lượng với ông mà thôi. Ông cho rằng chương trình đó, do Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird quan niệm và thúc đẩy, chỉ là để

làm dịu những chống đối chiến tranh. Ông tin rằng chương trình Việt Nam hóa còn có thể làm yếu đi vị trí thương lượng của mình, cho nên ông đã tranh đua với Laird để giành được sự thuận ý của Nixon.

Trong tập hồi ký sau này, Nixon cũng nhận định rằng chương trình Việt hóa càng thành công thì thương thuyết càng sa lầy. Một phụ tá của Kissinger kể lại: "Henry tin rằng Sài Gòn càng tỏ ra mạnh hơn bao nhiêu thì cơ hội để cho Hà Nội ký kết lại càng mong manh hơn bấy nhiêu".[24]

Nếu như Nixon coi chương trình Việt hóa như một phương tiện mang lại cho Sài Gòn thời gian để phát triển khả năng tự vệ, thì Kissinger lại chỉ coi nó như một cách để chặn họng ông Thiệu cho khỏi chỉ trích Hoa Kỳ. Theo ông, Việt hóa là một phương tiện "để bảo đảm rằng khi đạt được một thoả hiệp rồi, thì Sài Gòn khỏi còn lý do để mà cãi là nó tới quá sớm".[25]

Trước khi ông vô Bạch Cung, khi phê phán về những lỗi lầm của chính quyền Johnson về Việt Nam, Kissinger đã biện luận rằng "đường lối ngoại giao của ta và những biện pháp quân sự được thực hiện đã cô lập với nhau".[26] Đây là một sai lầm mà Kissinger chắc chắn là ông sẽ tránh được; thế nhưng các cuộc mật đàm tại Paris lúc ấy chẳng có liên hệ gì đến công cuộc Việt Nam hóa đang được Ngũ Giác Đài hoạch định và thi hành tại Sài Gòn. Kissinger còn phê bình rằng khi Tổng thống Johnson nói muốn điều đình "vô điều kiện, bất cứ lúc nào, bất

cứ nơi nào" với Hà Nội, thì Johnson đã mất sự uyển chuyển và "cho phe bên kia quyền lựa chọn thời gian thương thảo".[27] Thế nhưng chính Kissinger cũrg vấp phải sai lầm ấy khi ông định thời hạn chót để có một hiệp định là cuộc bầu cử tháng 11, 1972: Ông ta đã nhượng cho cộng sản một lợi điểm vô cùng to lớn.

Kissingger luôn luôn là kẻ chủ trương thương thuyết hơn là tranh chấp, nghĩ rằng chương trình Việt hóa có thể khuyến khích Bắc Việt thương thảo. Bởi vậy, đối với ông việc tăng cường quân đội Việt Nam Cộng hòa không phải để giúp miền Nam nhưng chỉ là để bắt buộc Bắc Việt phải thỏa hiệp tại bàn thương thuyết mà thôi, ông giải thích trong tập hồi ký: "Chúng ta cần có một chiến lược khiến cho việc tiếp diễn chiến tranh sẽ không trở nên hấp dẫn nữa đối với Hà Nội bằng cách đi tới hòa giải". Thế nhưng ông đã không nhận ra được là Hà Nội đã chỉ có một mục đích chủ yếu: "Việc toàn bộ quân Mỹ đơn phương rút khỏi Việt Nam". Năm 1969, khi Nixon loan báo rút 25 ngàn quân Mỹ về, Hồ Chí Minh đã đòi "một sự rút lui tổng quát, toàn diện và vô điều kiện".[28] Trong bài chúc thư trước khi chết, Hồ cũng đã trối trăng cho đàn em như vậy.[29] Cho nên Bắc Việt không bao giờ chịu nhượng bộ trên bàn hội nghị về vấn đề Mỹ phải đơn phương rút quân; và như vậy có điều đình cũng vô ích mà thôi! Len lén đi đêm với Hà Nội, Kissinger chỉ có thể gặp ma. Trong những cuộc mật đàm, Kissinger đã sơ hở để

cho Lê Đức Thọ thấy rõ yếu điểm của Mỹ là khao khát có được một chữ ký của y và một "hiệp đinh đình chiến" để còn tuyên bố với nhân dân Hoa Kỳ là mình đã tìm được hòa bình và danh dự. Kissinger đã ngẫu nhiên cho Hà Nội cơ hội làm cao, đặt thêm hết điều kiện này đến điều kiện khác.

Trong hai năm ròng, Kissinger đã lãng phí thời giờ, tập trung vào việc triệt thoái cả hai bên coi như là giải pháp then chốt, thế rồi sau cùng hoàn toàn nhượng bộ.

Năm 1968, trước khi nhậm chức, ông ngây thơ tin rằng Hà Nội sẽ phải điều đình việc triệt thoái quân đội Mỹ, vì họ "không thể bắt" Mỹ làm như thế được.[30] Nhưng ông không biết rằng khi Mỹ tuyên bố rút lui 25 ngàn quân (tại Midway, năm 1969) Hà Nội đã không thấy đó là một khích lệ để cũng rút quân về miền Bắc như ông tưởng trong cuộc họp mặt lần đầu tiên với Xuân Thủy ở Paris. Kissinger bảo hắn là "Hoa Kỳ đã làm một số hành động có ý nghĩa, đơn phương, để tỏ thiện chí: Chúng tôi đã ngưng tăng viện. Chúng tôi đã loan báo việc triệt thoái đơn phương 25 ngàn người, và chúng tôi đã hứa là sẽ còn triệt thoái thèm nữa". Kissinger tưởng là đến phiên Hà Nội phải đáp đúng,[31] cứ như kiểu điều đình Tây Phương: bên này nhường rồi tới phiên bên kia nhường. Nhưng không, chương trình rút quân của Mỹ đã bị mắc kẹt trong tiến trình chính trị quốc nội và Kissinger không thấy rằng Bắc Việt đã nhận định

ngay là Mỹ sẽ phải tiếp tục rút lui, bất chấp họ có nhượng bộ hay không.

Quả vậy, họ càng kiên nhẫn bao nhiêu thì càng ít quân Mỹ để phải đối phó bấy nhiêu. Mỹ rút quân về càng nhiều, thì Hà Nội càng ít "tưởng lệ" để mà điều đình. Mỹ càng xuống thang thì Cộng sản càng leo thang yêu sách.

Còn về phía Việt Nam Cộng hòa, thì kế hoạch Việt Nam hóa mang lại cho mình phương tiện phát triển được một khả năng tự vệ lớn hơn. Lệnh tổng động viên được ban bố để tăng quân số Quân lực Việt Nam Cộng hòa lên đến 1 triệu 1 trăm ngàn người. Đồ trang bị Mỹ được nhanh chóng chở tới bằng máy bay; gần một triệu súng M-16 được yêu cầu từ lâu nhưng mãi lúc đó mới được phân phối, để thay thế các loại súng M-1 và Garrand lỗi thời (không thể nào sánh được với súng AK-47 của Bắc Việt, do Trung Cộng viện trợ). Hoa Kỳ còn cung ứng 12.000 khẩu đại liên M-60 và 40.000 súng phóng lựu M-79. Năm 1969, chương trình lãnh đạo đã được 100.000 cán bộ quân và dân sự; trên 1.000 người, kể cả phi công, được gửi sang Hoa Kỳ mỗi năm để theo học các lớp huấn luyện cao cấp. Đến năm 1970, chính phủ đã có thể loan báo rằng Việt Nam Cộng hòa đã chính thức "bước sang giai đoạn hậu chiến".[32] Kỹ năng tác chiến và khả năng toàn diện của Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã được cải thiện lớn lao vào năm 1971, dù rằng lúc đó 80 phần trăm quân Mỹ đã rút về.

Chương trình bình định, một thành tố khác của kế hoạch Việt hóa, cũng đã tiến triển tốt dưới hình thức chương trình Phượng Hoàng, dưới quyền điều khiển của Cơ quan Tình Báo Trung Ương (CIA) và William Colby. Trong khoảng thời gian 1969-71, theo Colby chương trình Phượng Hoàng đã giảm bớt được 67.000 quân phiến cộng, trong đó 21.000 tên bị giết trong các năm đó. Số còn lại hoặc trở về làng hoặc bị coi như tù binh. Dưới chiến dịch ấy, dân làng được cung cấp vũ khí và huấn luyện cách thức nhổ tận gốc bộ máy Việt Cộng địa phương, và ngăn không cho chúng di chuyển từ xã nọ sang xã kia.[33] Địa phương quân, 300.000 người, và Nghĩa quân 250.000 cũng được Hoa Kỳ vũ trang. Tới năm 1970, 80 phần trăm các lực lượng nầy đã được cung cấp vũ khí tự động. Ngay đầu năm 1971, Nixon đã báo cáo như sau trong bản phúc trình gửi Quốc hội về chính sách đối ngoại:

Vào giữa năm 1969, các chỉ số cho thấy khoảng 40 phần trăm dân số vùng nông thôn đã thuộc quyền kiểm soát của miền Nam Việt Nam, 50 phần trăm dưới ảnh hưởng của cả hai bên, và mười phần trăm thuộc quyền kiểm soát của bên kia. Gần đây, các tỷ lệ nói trên đã lần lượt là 65 phần trăm, 30 phần trăm và 5 phần trăm. Nếu lấy con số 6 triệu dân thành thị của miền Nam, tất cả đều thuộc quyền chính phủ kiểm soát, cộng với trên bẩy triệu dân số nông thôn vừa nói trên, thì có khoảng 80 phần trăm tổng số dân miền Nam Việt Nam hiện do chính phủ kiểm soát.[34]

Nhưng thật là rủi ro! Đang khi Việt Nam Cộng hòa lớn mạnh và bắt đầu nắm lấy thế chủ động và chiếm phần ưu thế, thì Kissinger lại tới Sài Gòn để bắt phải chấp nhận một cuộc "ngưng bắn tại chỗ", cho phép quân Bắc Việt ở lại miền Nam. Bọn chúng sẽ không bị tập kết vào những vùng có phân ranh giới rõ ràng, mà sẽ được tự do ở đâu ở đó, tại bất cứ nơi nào mà chúng thiết lập được vị trí, như những "đốm da beo". Người ta bèn gọi đó là ngưng bắn kiểu "da beo". Bốn năm qua, dân chúng miền Nam đã được vũ trang và huấn luyện để chống Cộng. Giờ đây họ sẽ được lệnh chấp nhận sự có mặt của Việt Cộng và cho phép chúng được tự do đi lại trong các vùng thôn quê. Người miền Nam đã từng được huấn luyện để tiêu diệt Cộng sản, bây giờ lại được lệnh chấp nhận cho chúng sống chung. Điều ấy phát sinh ra trong dân gian nhiều câu nói cay đắng, chẳng hạn: "Trước kia mình vô rừng để săn thú. Bây giờ mình lại phải ôm thú trong tay và ngủ với chúng".[35]

Ông Thiệu sau này ví von việc Hoa Kỳ bắt buộc chấp nhận cho Bắc Việt để quân lại miền Nam như buộc chủ nhà phải chấp nhận một kẻ trộm vừa bị chộp quả tang trong phòng ngủ mình. Ông kể câu chuyện: Có người kêu cảnh sát đến bắt kẻ trộm; "Lúc cảnh sát tới, họ vẫn không đuổi được tên trộm ra khỏi nhà. Thấy khó quá, viên cảnh sát trưởng bèn đút súng vô bao rồi khuyên người chủ nhà: 'Hắn đâu đến nỗi nào! Tại sao ông không thử cố sống chung

với hắn đi? Ít lâu sau chắc rồi hắn sẽ nhớ nhà và sẽ về với gia đình hắn đấy'! Dĩ nhiên ít lâu sau tên trộm sẽ nhảy lên giường hiếp vợ mình".[36]

*

* *

Với tâm trạng đó, ông Thiệu tìm cách đối phó với Kissinger sau buổi họp mặt ban đầu là 19 tháng 10, 1972. Ông yêu cầu Kissinger đến họp với các thành viên HĐANQG tại nhà riêng Ngoại trưởng Trần Văn Lắm, tại đường Hồng Thập Tự vào sáng thứ Sáu, ngày 20 tháng 10 lúc 10 giờ. Đến lúc đó, thì phía Việt Nam đã có dịp nghiên cứu bản văn hiệp định *bằng tiếng Việt d*o John Negroponte, phụ tá của Kissinger, trao cho hôm trước. Đọc bản tiếng Việt (do Cộng sản thảo), phía Việt Nam Cộng hòa đã thấy rõ ràng những mối lo âu của mình là có căn cứ.

Kissinger đã chấp nhận bản dự thảo tiếng Việt với tất cả thuật ngữ của Cộng sản, và nó khác hẳn bản Anh ngữ. Bắc Việt quả đã dùng chữ, "cơ cấu chính quyền" để mô tả Hội- đồng Hòa-hợp và Hòa-giải Dân-tộc, và các lực lượng Mỹ được gọi bằng một từ ngữ cố tình xúc phạm là "quân Mỹ".

Một đoạn khác trong bản tiếng Việt kêu gọi Mỹ và các "chư hầu" phải rút lui.

Trước khi phiên họp bắt đầu, quanh một bàn ăn dài bằng gỗ mun, Ngoại trưởng Lắm, người Công Giáo, đọc 1 lời cầu nguyện: "Xin Chúa ban ơn cho những người đang có mặt tại đây làm việc đắc lực

đem lại hòa bình cho Việt Nam". Phía Việt Nam Cộng hòa phản đối, đòi minh xác tổng cộng hai-mươi-ba điểm. Một cuộc đấu khẩu sôi nổi được diễn ra. Trong số hai-mươi-ba điểm, Kissinger nói chỉ có 8 điểm là là đáng được minh xác thôi. Buổi họp kết thúc vào lúc trưa.

Tới Dinh, Nhã vào gặp Thiệu giữa lúc ăn trưa. Ông bảo Nhã ngồi xuống cùng ăn. Nhã nói: "Em không có thời giờ ăn đâu. Việc này nghiêm trọng lắm". Thiệu hỏi cái gì nghiêm trọng. Nhã liền đọc một danh sách dài những khác biệt giữa Việt Nam và Kissinger. Sau này Nhã kể lại: "Càng đọc thêm mình càng thấy ổng hết muốn ăn luôn". Nhã giục ông Thiệu đòi thêm thời giờ nghiên cứu bản hiệp định, và đề nghị: "Xin anh bỏ buổi họp năm giờ đi". Thiệu đáp: "Nhưng mình đã lỡ hứa rồi"!

Cùng một lúc, ông Thiệu lại nhận ngay được những báo cáo khẩn từ các bộ Tư Lệnh quân đoàn cho biết địch đang tập trung theo đúng những chỉ thị ghi trên những tài liệu tịch thu. Nếu như ông Thiệu cứ tiếp tục tiến hành ký tắt vào bản hiệp định, thì chắc sẽ có ngay một cuộc tấn công của địch trên toàn lãnh thổ trước khi có cuộc ký kết chính thức tại Paris. Sự việc này hình như đã được dàn xếp tháng trước với Kissinger tại Paris rồi. Nhã nói: "Mình phải triệu tập tất cả các tỉnh trưởng về Sài Gòn sáng ngày mai, và em sẽ lấy đó làm cái cớ để hoãn cuộc họp với Kissinger". Thiệu quyết định không cho Kissinger

biết về những tài liệu tịch thu, vì ông muốn để xem Kissinger sẽ nói gì về những điều kiện ông ta đã thỏa thuận với Bắc Việt; ngoài ra Thiệu không muốn cho Kissinger có dịp để cãi rằng đó chỉ là chiến dịch phản tuyên truyền của Cộng sản. Thiệu nghĩ rằng đối chất Kissinger với những tài liệu tịch thu đó thì chỉ gây thêm căng thẳng mà thôi.[37]

Bốn giờ chiều, Nhã gọi điện thoại cho Đại sứ Bunker nói rằng buổi họp với Thiệu sẽ phải hủy bỏ. "Tôi rất tiếc, nhưng một số biến cố bất ngờ vừa xẩy đến; địch đang tập trung quân. Chúng tôi đang gọi tất cả các tỉnh trưởng và Tư lệnh quân đoàn về Sài Gòn để họp vào sáng mai".

Bunkei hỏi, điềm nhiên: "Thế bao giờ sẽ họp vào ngày mai"?

Nhã đáp: "Tôi sẽ tìm cách thông báo cho Ngài sau".

Bunker yêu cầu được nói chuyện với Thiệu, nhưng Nhã nói: "Xin Ngài tha lỗi, vì tình hình khẩn cấp, Tổng Thống đã ra chỉ thị cắt hết mọi liên lạc. Ông không muốn nói chuyện điện thoại với bất cứ ai. Tôi sẽ gọi lại Ngài chừng nào tôi được biết thời giờ Tổng Thống có thể gặp lại Ngài được".

Sau đó mấy tiếng đồng hồ, lúc Nhã đang ở tư thất Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, anh nhận được điện thoại của Bunker. Bunker hỏi: "Chúng tôi có thể tới gặp Tổng Thống lúc này được không? Chúng tôi sắp rời tòa Đại sứ ngay bây giờ đây".

Nhã nói: "Trong Dinh chưa chuẩn bị. Chúng tôi có một số việc khác khẩn cấp, Ngài chưa thể gặp được Tổng Thống lúc này! Tôi thực sự không muốn quí vị lên xe rồi tới cổng Dinh lại không thể vào được, vì tôi đã được Tổng Thống chỉ thị là ông ta không muốn gặp ai chiều nay hết".

Đại sứ Bunker, lúc này mới nổi giận, vì đã bị Kissinger áp đảo tinh thần, lắp bắp: "Anh đâu có thể làm như vậy được". Kissinger bèn giật lấy ống nói: "Đây là Tiến sĩ Kissinger".

Nhã đáp: "Thưa ông mạnh giỏi"?

Kissinger gặng hỏi: "Tại sao chúng tôi lại không được gặp Tổng Thống?"

Nhã đáp: "Như tôi vừa mới giải thích cho Đại sứ Bunker, tôi rất tiếc là Tổng Thống không thể gặp quí vị lúc này. Ông ta sẽ gặp quí vị ngày mai"!

Kissinger nói: "Tôi là Đặc sứ của Tổng Thống Hoa Kỳ. Anh thừa biết là tôi không thể được đối xử như một nhân viên chạy vặt".

Nhã trả lời: "Chúng tôi không bao giờ coi ông là một nhân viên chạy vặt, nhưng nếu ông nghĩ như vậy, thì tôi đâu có thể làm gì được".

– Tôi đòi được gặp Tổng Thống!

– Xin ông cho phép tôi được nhắc lại lần nữa điều mà tôi vừa thưa với ông. Tôi xin lỗi.

Kissinger trao ống nghe cho Bunker. Ông này dằn mặt: "Khôn hồn thì anh nên gọi lại cho tôi".[38] Sau này người ta mới hiểu tại sao Kissinger phải vội vã

vô Dinh: vì ông muốn Thiệu đồng ý để còn kịp đi Hà Nội ký tắt vào bản thảo hiệp định với Phạm Văn Đồng như ngày giờ đã định (tức 24 tháng 10, 1972)

Lúc đó, Kissinger lại có thêm một vấn đề khó khăn nữa muốn thanh minh cho ông Thiệu. Phóng viên Arnaud de Borchgrave vừa thực hiện được một cuộc phỏng vấn với Phạm Văn Đồng dành riêng cho tạp chí NEWSWEEK, và vừa rời Hà Nội bay qua Vạn Tượng. Cuộc phỏng vấn khẳng định ý đồ của Bắc Việt là coi Hội- đồng Hòa-hợp và Hòa-giải Dân tộc là một chính phủ liên hiệp. Muốn gửi bài về New York cho kịp hạn chót, De Borchgrave đã yêu cầu Đại sứ Hoa Kỳ ở Vạn Tượng, G. McMurtie Godley, cho phép ông sử dụng đường giây liên lạc của Sứ quán. Để có đi có lại, ông chuyển cho Đại sứ Gordley một bản văn ghi đầy đủ tại chỗ cuộc phỏng vấn, cũng như các phần nói chuyện ứng khẩu của Đồng. Chỉ nội hai giờ sau, Kissinger đã được đọc bài phỏng vấn đó tại Sài Gòn. Ông hết sức bực mình vì âm mưu đã bại lộ!

Trong bài phỏng vấn, Đồng được hỏi về vai trò của Thiệu trong một chính phủ liên hiệp ba bên. Đồng đáp: "Thiệu đã bị những biến cố mới đây bỏ xa rồi. Và những biến cố thì có hướng đi riêng của chúng". Sau khi ngưng bắn sẽ có *hai* quân đội và *hai* cơ cấu hành chánh, "và trong tình trạng mới ấy, họ sẽ phải tự dàn xếp lấy một chính phủ liên hiệp chuyển tiếp ba bên và ổn định tình hình sau khi Mỹ rút quân".

Về sau, Kissinger lại tiết lộ cho báo chí rằng ông rất bực tức chỉ vì ông tin rằng chính phủ liên hiệp đâu có phải là giải pháp mà ông đã "thương lượng" ở Paris?[39] Sự thực là tuy ông không "thương lượng" nhưng ông đã để mặc cho Hà Nội tự giải thích Hội đồng đó là một chính phủ liên hiệp.

Sau khi đánh điện gửi bài về Mỹ, de Borchgrave bay qua Sài Gòn và điện thoại cho Tướng Trần Văn Đôn để nhờ dàn xếp một cuộc phỏng vấn ông Thiệu: "Sẽ quả là một điều ngạc nhiên đối với chúng tôi nếu ông Thiệu đã đồng ý ký bản hiệp định mà Phạm Văn Đồng vừa tiết lộ cho tôi biết nội dung khi tôi phỏng vấn ông ta ngày 18 tháng 10".[40] Đôn liền gọi Nhã và nhờ thu xếp hộ cho de Borchgrave phỏng vấn. Đôn cũng nói sơ qua về cuộc phỏng vấn Phạm Văn Đòng của NEWSWEEK, nhưng ông không có bản văn trong tay.

Xế trưa thứ Sáu, Kissinger lại điện thoại vào Dinh đòi gặp Thiệu, vì ông muốn cho Thiệu coi bài phỏng vấn Đồng và đồng thời giải thích với Thiệu rằng ở Paris ông đã không hề thương lượng về một chính phủ liên hiệp. Qua máy nói, Kissinger bảo Nhã là vừa có "một biến chuyển mới, và tôi cần phải thưa truyện với Tổng Thống". Nhưng Nhã không đổi ý, và yêu cầu Kissinger nán chờ thêm.

Mười giờ sáng hôm sau, thứ bảy, 21-10, Kissinger và Bunker được mời đến gặp Thiệu. Trong hai tiếng đồng hồ họp, Kissinger không nói gì đến bài phỏng

vấn của de Borchgrave. Thiệu lại không biết là Kissinger đã có bài phỏng vấn, nên chỉ duyệt lại kết quả buổi họp sáng thứ Sáu với Ngoại trưởng Lắm và HĐANQG. Trong số 23 thay đổi mà Việt Nam Cộng hòa yêu cầu, Kissinger quả quyết rằng có lẽ chỉ có thể giải quyết được 16 thôi, số còn lại phải để nguyên vì chúng đưa ra "những đòi hỏi quá đáng, không thể thỏa mãn được".[41] Các điểm chính là sự hiện diện của quân đội Bắc Việt tại miền Nam và cương vị của Hội đồng Hòa hợp và Hoà-giải Dân-tộc trong tư cách một cơ quan chính quyền. Tới đây, nhân viên văn phòng Tổng thống bước vào đưa một mật điện từ tòa Đại sứ Hoa Kỳ chuyển sang. Đó là một thông điệp của Nixon gửi cho Thiệu qua Kissinger. Kissinger đọc cho Thiệu nghe thông điệp vừa nhận được. Bức điện tín của Nixon giục Thiệu ký hiệp định và dọa rằng nếu không sẽ cắt viện trợ:

Nếu như Ngài thấy hiệp định này không thể chấp nhận được vào lúc này, và nếu như phe bên kia quả thực đã cố gắng hết sức để thỏa mãn những đòi hỏi (của chúng ta), thì, theo ý kiến tôi, quyết định của Ngài sẽ mang đến những tác dụng nghiêm trọng nhất đối với khả năng của tôi tiếp tục yểm trợ Ngài và chính phủ miền Nam Việt Nam.[42]

Thật là khéo dàn cảnh. Kissinger trao bức điện văn cho Thiệu, nhưng Thiệu chỉ mìm cười mà không đọc. Nhã cầm lên một bản, đọc qua rồi trả lại cho Bunker, và nói "Cám ơn". Buổi họp không

một tiến triển, nhưng Kissinger đứng dậy ra về vẫn hí hửng là Thiệu chắc chắn sẽ chấp nhận bản hiệp định. Một phiên họp khác được định vào sáng Chủ nhật lúc 8 giờ.

Sáu giờ sảng Chủ-nhật, từ tòa Đại sứ Hoa Thịnh Đốn điện về, có đầy đủ bản văn phỏng vấn Đồng của de Borchgrave. Đọc xong bài phỏng vấn, Thiệu giận tím ruột, ông đã bảo Kissinger nhiều lần là Hà Nội coi Hội đồng ấy như một chính phủ liên hiệp thực sự, và giờ đây, ông đã có bằng chứng Bắc Việt đòi cho Mặt trận giải phóng cái quyền có một cơ cấu hành chánh riêng tại miền Nam, để rồi đi đến một chính phủ liên hiệp, với sự hậu thuẫn của tất cả lực lượng quân đội Bắc Việt để lại. Cuộc ngưng bắn "da beo" sẽ là căn bản cho một chính quyền đối nghịch. Hội đồng sẽ chính là cơ cấu để thực hiện chiến lược đó. Và đây là bằng chứng công khai.[43]

Nhưng Thiệu quyết định không đưa "bằng chứng" ấy cho Kissinger coi, mà muốn xem chính ông này sẽ có nêu lên không: "Chúng tôi chơi trò mèo rình chuột với Kissinger, và đợi xem ông ta sẽ nói gì, ông không hề đả động gì hết (về bài phỏng vấn Đồng)".[44] Sau bốn-mươi-lăm phút họp vô kết quả, Thiệu nói với Kissinger là ông không thể ký các hiệp ước theo những điều kiện hiện hữu. Thế nhưng Kissinger lại có cảm tưởng rằng Thiệu đang tìm cách dàn xếp theo ý mình muốn và lúc ra về cảm thấy phấn khởi. Ông đánh điện ngay cho Nixon,

rất lạc quan: "Tôi nghĩ là chúng tôi đã tìm được lối thoát".[45] Khi Kissinger bay qua Nam Vang, Bunker tiếp tục hội họp với phía Việt Nam Cộng hòa và thông báo tòa Bạch Cung rằng cả ông lẫn Kissinger đều thấy lạc quan sau khi họp với Thiệu. Bunker còn quả quyết rằng Bắc Việt đã thất bại trong nỗ lực giành đất trước khi ngưng chiến.

Trong cùng ngày, khi họp với HĐANQG, ông Thiệu cũng trấn an họ là sẽ không chấp nhận công thức liên hiệp, và ông tin chắc rằng Kissinger đã bị Hà Nội lừa.

Tại thủ đô Hoa Kỳ, Hưng cũng đã đọc bài phỏng vấn Đồng, đăng tải trong tờ Newsweek. Đọc xong, Hưng thấy những lo sợ trước kia của mình đã đúng: Mỹ sẽ dàn xếp với Hà Nội một công thức chính phủ liên hiệp. Mùa hè vừa qua, lúc tình hình quân sự tại miền Nam đã sáng sủa và Hà Nội dường như có nhiều thiện chí thương thuyết hơn, Hưng đã cố gắng một lần nữa vận động cho một cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa hai miền Nam-Bắc. Lúc ấy, Hưng chưa thấy được hướng đi rõ rệt của những cuộc thương thảo giữa Kissinger và Thọ, cho nên, trong tuyệt vọng, anh đã tin rằng tái lập giao thương có thể là một lối thoát cho Việt Nam Cộng hòa đi thẳng với Bắc Việt bên ngoài khuôn khổ hòa đàm Mỹ-Bắc Việt. Ít ra, thì cái sáng kiến ấy cũng sẽ có tính cách tuyên truyền, rất lợi cho chính phủ Sài Gòn, vì tỏ ra là mình không ngoan cố. Để mở đường, ngày 24-9-1972, Hưng đã

viết cho tờ *Washington Post* một bài bình luận dài hơn một trang nhan đề "Nam Bắc bắt tay để buôn bán". Trong bài đó, anh nhấn mạnh tầm quan trọng của sự giao thương và coi nó như một yếu tố của hòa đàm: "Việc tái lập cộng tác kinh tế giữa hai miền Nam , Bắc phải được cứu xét nghiêm chỉnh trong cuộc thương thảo hiện nay". Sau đó, anh còn gửi cho ông Thiệu một lá thư giục phải có sẵn một giải pháp hòa bình trong đó có vấn đề thông thương trước khi Kissinger tới Sài Gòn. Anh cho rằng, nếu Sài Gòn được Hoa Kỳ thỏa thuận cho thương thuyết thẳng với Hà Nội, thì sẽ đỡ thiệt hại cho miền Nam hơn vì vẫn còn nhiều phương thức thảo luận khác.

Trong lúc Kissinger đang ở Nam Vang họp với Tổng Thống Cam Bốt Lon Nol, thì các viên chức Hoa Kỳ đi các nước Đông Nam Á thông báo cho Thái Lan, Đại Hàn, và Lào là Việt Nam Cộng hòa đã đồng ký kết hiệp định. Tại Sài Gòn, theo chỉ thị của Kissinger, các viên chức tòa Đại sứ Mỹ cũng đi phao tin Thiệu sẽ ký!

Trong buổi gặp gỡ với Lon Nol tại Nam Vang, Kissinger còn nói năng như thể Thiệu đã hoàn toàn tán thành bản hiệp ước. Lon Nol bèn mở Champagne để chúc mừng. "Thế là hòa bình sắp tới. Chúng ta sẽ uống mừng cho hòa bình và ca ngợi Tiến sĩ Kissinger đã thành công trong sứ mạng của ông".[46]

Sau khi gặp Lon Nol, Kissinger bay ngay về Sài Gòn để kịp giờ họp với Thiệu một lần nữa vào chiều

Chủ nhật 22-10. Trước đó, Thiệu đã quyết định sẽ không thay đổi lập trường.[47]

Trở về Sài Gòn, Kissinger cảm thấy "rộn rực về viễn ảnh thành công" vì đã được Lon Nol tán thành các kế hoạch của mình. Ông cùng Bunker đi thẳng vào Dinh Độc Lập gặp Thiệu. Nhưng tới nơi, Thiệu đã đón ngay bằng một câu trách móc (bằng tiếng Việt): "Tôi không đồng ý về việc một số nhân viên của quí vị đi nói khắp Saigòn là tôi đã ký. Tôi chưa ký kết gì cả. Tôi không phản đối hòa bình, nhưng tôi chưa nhận được một trả lời thỏa đáng nào về quí vị, cho nên tôi sẽ không ký". Rồi Thiệu nhắc lại ba phản đối chính: Sự hiện diện tiếp tục của quân Bắc Việt tại miền Nam, tính cách liên hiệp của Hội đồng Hòa-hợp và Hòa-giải, và việc Bắc Việt không tôn trọng vùng Phi Quân Sự như một biên giới giữa hai miền. Bắc Việt khăng khăng cho là không có phân cách nào giữa Nam và Bắc; Việt Nam là một lãnh thổ. Cứ theo lời lập luận ấy, thì quân Bắc Việt đâu có xâm chiếm miền Nam và vì vậy đâu có bắt buộc phải trở về Bắc hay rút khỏi miền Nam. Cho nên, đối với Thiệu, thừa nhận vùng Phi Quân Sự, coi nó như ranh giới Nam Bắc là điều tối quan trọng cho lập luận của mình đòi quân Bắc Việt phải triệt thoái khỏi miền Nam và trở về quê quán của họ.

Kissinger nổi giận đùng đùng bảo Thiệu là ông đã thành công ở Bắc Kinh, ở Mạc-tư-khoa, ở Paris, mà bây giờ Thiệu lại trở thành "chướng ngại hòa

bình", "Nếu Ngài không ký, chúng tôi sẽ xúc tiến một mình", Kissinger đe dọa như vậy.

Không kiềm chế được nữa, Thiệu buộc tội Kissinger là đã "thông đồng" với Nga Xô và Trung Cộng để bán đứng miền Nam Việt Nam. Sau này Thiệu kể lại: "Tôi vừa kinh ngạc vừa bực tức. Chính quyền Mỹ đã không phải là một đồng minh có danh dự. Họ đã không cần sự thỏa thuận của Việt Nam Cộng hòa. Mỹ đã phản bội mình. Mình bị ép buộc phải nhận lấy một thất bại, mà không làm gì khác được (mà không ký hiệp định). Anh có thể tưởng tượng được không? Kissinger bảo tôi là Nga đã nói với ổng rằng Bắc Việt sẽ không chấp nhận triệt thoái, và Hoa Kỳ đã đồng ý... nói như thế thì còn ra thể thống gì nữa".[48]

Thiệu nhất định không muốn dính líu gì tới vụ đổi chác này của Kissinger, vì ông không thấy có gì lợi cho miền Nam hết, ngoài thảm họa ở phía chân trời. Tất cả nỗi căm giận nén lại trong lòng Thiệu lúc đó mới bùng ra, và ông nói với Kissinger:

Kể từ khi Hoa Kỳ yêu cầu tôi từ chức và còn mặc cả với tôi về ngày giờ từ chức, nếu tôi không phải là một quân nhân thì tôi đã từ chức rồi. Bởi vì tôi thấy những người tôi coi là bạn đã thiếu tình nghĩa với tôi. Nhưng tủi nhục cá nhân dù lớn đến mấy nữa, tôi cũng sẽ tiếp tục chiến đấu. Điều thỏa mãn nhất cho tôi là lúc mà tôi có thể ký vào hiệp ước hòa bình. Tôi chưa hề nói với ai là người Mỹ đã yêu cầu tôi từ chức, vì như vậy,

họ sẽ chia sẻ mối tủi nhục đó với tôi, nhưng tôi đã làm như là tự mình lấy quyết định đó.[49]

Nhất định không chịu thua, Kissinger đáp:

Tôi cảm phục sự can đảm, lòng hy sinh và tính anh hùng được biểu lộ trong bài diễn văn của Ngài. Tuy nhiên, là một người Mỹ tôi không khỏi bực bội về câu phát biểu của Ngài cho là chúng tôi đã thông đồng với Xô Viết và Trung Quốc. Làm sao Ngài có thể quan niệm được như vậy mà khi Tổng Thống (Nixon) ngày 8 tháng 5 đã liều cả tương lai và chính trị của mình để giúp Ngài. Khi chúng tôi thảo luận với Xô Viết và với Trung Quốc, đó là để làm áp lực với họ, để họ làm áp lực với Hà Nội. Chúng tôi thực tâm tin rằng bản hiệp định đề nghị này bảo tồn được nền tự do của Nam Việt Nam – nguyên tắc của chúng tôi đã giống như nguyên tắc của Ngài, và chúng ta đã bảo vệ chúng. Ngài chỉ có một vấn đề, Tổng Thống Nixon có nhiều vấn đề khác! Không một người Mỹ nào sẽ hiểu được việc Ngài tin là chúng tôi đã phá hoại Ngài, chứ đừng nói gì đến Tổng Thống Nixon.

Còn về chi tiết: chúng tôi đã không công nhận quyền Bắc Việt được ở lại miền Nam. Chúng tôi đã sử dụng ngôn ngữ của hiệp định Genève, vì chúng tôi nghĩ đó là phương cách tốt nhất để đi đến được một giải pháp thực tiễn. Giá như chúng tôi muốn bán đứng quí vị, thì chắc đã có nhiều cách dễ dàng hơn để hoàn thành việc đó rồi![50]

Ông Thiệu không hề động tâm khi thấy Kissinger

phật ý. Còn Kissinger thì thay đổi chiến thuật, lúc thì làm vẻ tức giận, lúc thì ngọt ngào, nhưng chẳng đi đến đâu. Nhã thông ngôn rút ngắn những câu trả lời của Kissinger, khiến ông ta còn giận hơn nữa[51]: "Tại sao tổng thống của anh lại đóng vai trò kẻ tử vì đạo như thế? Ông ta đâu có cái chất liệu làm nên người tử vì đạo"?

Thiệu cười gằn và vẫn đáp bằng tiếng Việt: "Tôi đâu có định làm kẻ tử vì đạo. Tôi là người theo chủ nghĩa quốc gia và tôi đang cố là một người thực tiễn, muốn có những câu trả lời cho những điểm hợp lý".

Càng nghe Kissinger giải thích thêm, Thiệu càng nổi giận, nhưng ông nén lại, xoay lưng đi và ngó lên bức bản đồ Việt Nam lớn treo trên tường phòng Ước đoán Tình hình, nơi đang họp. Sau này Thiệu kể lại: "Bổn phận của Mỹ là chiến đấu với đồng minh của mình, chứ đâu phải là một *avocat du diable* (thầy biện hộ cho ma quỷ). Kissinger đến với mình không như người bạn cùng chiến đấu, mà để biện hộ cho chính nghĩa của Bắc Việt. Ông ta cho tôi cái cảm tưởng là ông đại diện cho Hà Nội chứ không phải cho Hoa Kỳ. Ông đâu có về phe mình mà về phe Lê Đức Thọ để biện hộ cho lập trường của tên này. Ông còn bào chữa cho Bắc Việt. Đó mới là cái lạ. Tại sao một người bạn Mỹ cùng chiến đấu lại bào chữa cho kẻ thù? Tôi không hiểu ông ta làm việc cho ai. Cho chúng ta hay cho Bắc Việt? Đáng lẽ Tiến sĩ Kissinger đã nên tới Sài Gòn cùng

làm việc với mình ngay từ hồi đầu, bày ra chiến lược và ủng hộ nhau mới phải".[52]

Thiệu cho rằng Việt Nam Cộng hòa hiểu Bắc Việt hơn Mỹ, rằng Kissinger đã bị Thọ đánh lừa, hoặc đã có trao đổi bí mật gì với Hà Nội. Ông cố gắng giải thích cho Kissinger là ông không làm cản trở hòa bình, nhưng hiệp định là "một vấn đề sinh tử cho nước tôi". Thiệu càng tỏ ra cứng rắn, thì Kissinger lại càng nổi giận: "Đây là sự thất bại ngoại giao lớn nhất trong sự nghiệp của tôi".[53] Thiệu cũng bực tức hỏi: "Sao ông vội đi tranh giải hòa bình Nobel đến thế"?[54]

Kissinger quay lưng đi không đáp. Bunker, lúc này cũng đã nổi nóng, bèn tiếp tục cuộc đàm thoại: "Vậy thì, thưa Tổng Thống, lập trường chót của Ngài là không ký, phải không"?

Thiệu nói: "Vâng, đó là lập trường cuối cùng của tôi. Tôi sẽ không ký và tôi xin Ngài thông báo cho Tổng thống Nixon biết như thế. Xin quí vị trở về Hoa Thịnh Đốn và nói với Tổng Thống Nixon rằng tôi cần được trả lời".

Nhất quyết không chịu để cho bao nhiêu nỗ lực của mình tan vỡ, Kissinger yêu cầu Thiệu cùng họp thêm một lần chót trước khi rời Sài Gòn vào sáng thứ Hai, ngày 23-10.

Thiệu hỏi: "Để làm gì"?

Kissinger đáp: "Báo chí vẫn còn nghĩ là chúng ta gần đi tới được một giải pháp, vậy ta nên có một buổi

họp ngắn để chứng tỏ rằng đang có sự tham khảo giữa các đồng minh".

Thiệu nói: "Được rồi, nếu việc đó có thể giúp quí vị được chút nào, thì sáng mai ta có thể có một buổi họp ngắn, năm phút".

Tám giờ sáng hôm sau, khi hai bên gặp nhau lại, sự việc đã rõ là Thiệu sẽ không thay đổi ý kiến. Ông trao cho Kissinger một lá thư riêng gửi Nixon, trong đó, ông tóm lược những điểm phản đối của Việt Nam Cộng hòa, nhắc lại rằng ông muốn ký kết một hiệp định hòa bình, nhưng chỉ với những điều kiện thỏa đáng và khi nào đến đúng lúc. Trước khi từ giã, Kissinger yêu cầu Thiệu: "Tôi yêu cầu có một sự đồng ý giữa chúng ta là không tiết lộ cho báo chí biết bất cứ điều gì đang diễn tiến. Hãy làm như chúng ta đã có được một buổi họp xây dựng". Kissinger bắt tay Thiệu và vội vã ra về.

Tới Phi trường Tân Sơn Nhất, Kissinger đã thấy một đám ký giả và nhiếp ảnh viên chực sẵn. Ông ngừng lại vài phút. Có một phóng viên hỏi: "Chuyến đi này có được việc không"?

– Được việc.

– Có xây dựng không?

– Xây dựng. Như bất cứ lần nào tôi đến đây.

– Ông có trở lại đây nữa không?

Ông không đáp, mà chỉ nhoẻn miệng cười ngoại giao nổi tiếng của mình.[55]

Thiệu chỉ thị cho Nhã soạn một bản nhận định

mô tả "bốn ngày thảo luận xây dựng để đi đến một cuộc hòa giải". Rồi ông triệu tập Hội đồng An ninh Quốc gia. Bằng những từ ngữ lạnh lùng, không xúc cảm, ông tóm lược những điểm bất đồng ý kiến trong mấy buổi họp cuối cùng với Kissinger và Bunker. Ông nói: "Ta sẽ không kỳ kết trừ khi nào đã có được những sửa đổi". Sau buổi họp này, Thiệu gặp Nhã riêng trong Dinh. Nhã hỏi: "Bây giờ mình sẽ làm gì ? Đây là lúc phải có hành động cứng rắn. Chắc là khi về tới Hoa Thịnh Đốn, Kissinger sẽ gọi báo chí đến và bảo họ rằng mình làm trở ngại hòa bình. Ông ta sẽ nói là mình chơi xấu, không có thiện chí. Vậy mình phải hành động trước".

Thiệu hỏi: "Hành động trước cách nào? Nếu nói ra những gì mình đã thảo luận, thì mình sẽ là người bội ước với Kissinger".

Nhã đề nghị ông Thiệu lên đài truyền hình thảo luận về kế hoạch hòa bình mới nhất của Hà Nội, theo như cuộc phỏng vấn Phạm Văn Đồng đã được đăng tải trên báo chí, và chỉ nên giới hạn vào kế hoạch đó thay vì nói đến những điểm ghi trong bản dự thảo hiệp định: "Vì những điểm này trong thực chất tương tự như bản văn Kissinger mang qua Sài Gòn, ta có thể chỉ tấn công mưu đồ của Cộng sản và ngụ ý rằng đó là những gì mình đã thảo luận với Kissinger... Đó là lối lẩn tránh vấn đề rất khéo. Mình sẽ dùng chính kỹ thuật của Kissinger: Lấy gậy ông đập lưng ông".[56]

Kissinger lúc đó đang nổi tiếng về những màn hấp dẫn giống như truyện điệp viên: ông giả bộ đi Pakistan rồi lén sang Bắc Kinh gặp Chu Ân Lai (mở đường cho Nixon), đi Franfurt (Đông Đức) rồi vòng quanh sang Paris; tới nhà tướng Walters ở Paris với bí danh là tướng Harold A. Kirshman; buổi chiều đi ăn cơm với đào ciné, ban đêm đi họp với Lê Đức Thọ. Người ta đã gọi ông là James Bond của Nixon. Lần này ông muốn từ Sài Gòn bay thẳng ra Hà Nội, bí mật ký tắt vào bản hiệp định với Phạm Văn Đồng, rồi sau đó, ngay khi ông còn ở Hà Nội, Nixon sẽ từ Hoa Thịnh Đốn tuyên bố hòa bình trong danh dự, trước ngày tuyển cử. Được như vậy thì sẽ vinh hạnh cho ông biết bao nhiêu, cả thế giới sẽ vô cùng bỡ ngỡ.

Nhưng ông đã vỡ mộng và giận dữ, ông thề: "Tôi sẽ không trở lại miền Nam Việt Nam nữa"!

chương VI
hòa bình giả mạo

Trước khi rời Sài Gòn, Kissinger đã gửi một điện văn ngày 22 tháng 10 cho Nixon nói là vẫn hy vọng "có thể" giữ nguyên chương trình đã định, tức chuyến đi Hà Nội. Nhận được điện văn, Nixon tưởng lầm là Thiệu đã đồng ý. Nhưng rồi cùng ngày đó, ông lại nhận được một điện văn thứ hai, trong đó Kissinger chửi Thiệu thậm tệ: "Những yêu sách của tay này gần như là điên khùng" Nghe vậy, Nixon quyết định triệu hồi Kissinger về Hoa Thịnh Đốn. Tức giận, ông cảnh cáo Thiệu: "Nếu chiến tranh còn tiếp tục ở mức độ hiện nay trong sáu tháng nữa, thì Quốc hội sẽ cắt ngân khoản viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa".[1] Trước đó hai hôm, ngày 21-10, ông đã gửi điện văn yêu cầu Nixon cho phép ông cứ đi Hà Nội, dù Sài Gòn phản kháng hiệp định, nhưng Nixon đã cản ông lại. Chỉ còn hai tuần lễ nữa là bầu cử; Nixon lưu ý Kissinger là hòa giải hấp tấp quá, mà không có sự ủng hộ của Thiệu, sẽ là một trở ngại

chính trị. Nixon muốn giải quyết vấn đề Việt Nam sau khi bầu cử. Tại Sài Gòn, Thiệu thắc mắc không hiểu tại sao với một bản hiệp định hoàn toàn bất lợi cho VNCH như vậy, mà Nixon lại có thể viết cho ông rằng hiệp định đó đã "thoả mãn điều kiện tuyệt đối của tôi là chính phủ Việt Nam Cộng Hòa phải được tồn tại như một quốc gia tự do". Bản tính vốn đa nghi, ông liền đoán rằng Kissinger đã không cho cả Nixon biết hết sự thật. Theo những tài liệu bắt được của Cộng sản mà Thiệu đã được đọc (nhưng không hề thảo luận với Kissinger), thì Bắc Việt đã tuyên bố thắng lợi hoàn toàn đối với Mỹ và miền Nam.[2] Sự giải đoán của Bắc Việt hoàn toàn trái ngược với những gì Nixon đã viết và Kissinger đã giải thích. Thiệu nhất định là Bắc Việt đã có kế hoạch vi phạm hiệp định ngay cả trước khi nó có hiệu lực. Ông biết là Cộng sản sẽ dùng hiệp định làm hậu thuẫn cho một chính phủ liên hiệp, sẽ được thành lập với chính phủ Sài Gòn sau này.

Vì Thiệu đã có kinh nghiệm với bầu cử Mỹ năm 1968, nên ông tin rằng, càng kiên trì bao nhiêu sẽ càng có lợi bấy nhiều. Nixon có vẻ chắc chắn thắng McGovern. Khi đã thắng lợi lớn rồi, Nixon sẽ thực hiện những lời đã hứa trong thư dễ dàng hơn, và sẽ ít bị áp lực hòa giải theo điều kiện của Hà Nội hơn. Ông cho rằng cố không để cho con nước triều của mấy tuần lễ cuối cùng vận động tranh cử Hoa Kỳ lôi cuốn đi còn là một đường lối chính trị khôn

ngoan nữa. Chống lại một cuộc hòa giải do Mỹ sắp đặt, Thiệu được nhiều giới ở Saigòn ủng hộ. Nhưng các cố vấn của ông biết rằng không thể nào kiên trì dai dẳng đến vô tận. Nếu không chịu cộng tác, Mỹ sẽ cắt viện trợ, dùng vũ lực đẩy Thiệu đi, hoặc tiến hành cuộc hòa giải một mình.[3]

Cách Hoa Kỳ điều khiển các cuộc thương lượng hòa bình đã phá hủy uy tín của Việt Nam Cộng Hòa. Kissinger đã vi phạm qui luật chủ yếu của chính ông ta đã đặt ra về cách điều đình với người Việt Nam. Trong bài viết cho tạp chí *Foreign Affairs (Ngoại giao)* tháng Giêng 1969, viết trước khi được chỉ định vào chức Phụ tá An Ninh Quốc Gia (nhưng xuất bản sau khi nhậm chức), Kissinger đã nhận xét như sau:

"Để sống còn, phe người Việt đã học cách tính toán – hầu như do bản năng của họ thế quân bình lực lượng thực có . Nếu các cuộc điều đình cho họ cảm tưởng chỉ là một sự đầu hàng trá hình, thì sẽ chẳng còn gì để mà thương lượng... cho nên tất cả mọi phe đều cho rằng cách thực hiện các cuộc thương lượng cũng quan trọng gần như điều được thương lượng. Cách bố trí, dàn cảnh lúc bước vào cuộc điều đình, xem cái gì được hòa giải trước và theo cách lối nào, không thể tách rời khỏi thực chất của những vấn đề sẽ được điều đình.[4]

Vậy mà phong cách thương lượng của Kissinger đã làm cho Việt Nam Cộng hòa trở thành bù nhìn của Mỹ trước mắt thế giới. Vụ đơn phương ngưng oanh tạc, những đề nghị và nhượng bộ của Mỹ trong

diễn trình thương thảo (đàm phán bí mật) là những lý do khiến nhân dân miền Nam Việt Nam quan tâm và lo ngại. Rất hiếm có khi nào Việt Nam Cộng hòa được yêu cầu tham dự vào giai đoạn thảo kế hoạch phát triển những lập trường của Hoa Kỳ, đôi khi Thiệu được cho coi một đề nghị mật của Bắc Việt và một phản đề nghị của Mỹ. Ông có được mời bình luận và có nêu lên những phản đối, nhưng phần lớn đã bị làm ngơ.

Quan điểm của Việt Nam Cộng hòa về việc phải tùy thuộc vào sự thương lượng của Mỹ được tóm lược trong một bức giác thư "**Tối mật / Tế nhị**" gửi cho Kissinger đề ngày 26 tháng 9-1972, và trao cho Đại sứ Bunker cùng ngày. Bức giác thư có đoạn như sau:

Về những điều cơ bản cho một cuộc hòa đàm nhất là về những khía cạnh chính trị của nó, quan điểm đã được cân nhắc của chính phủ Việt Nam là: Một hòa giải trong danh dự chỉ có thể đạt được nếu như song song với việc Việt Nam hóa chiến tranh sẽ có cả việc Việt Nam hóa hòa bình. Nói khác đi, phải làm cho phe bên kia chấp nhận rằng vai chủ động trong cuộc hòa giải là chính phủ Việt Nam Cộng hòa, và họ phải thương lượng trực tiếp với chúng tôi để đi tới một giải pháp hòa bình.

Chúng tôi tin rằng khi điều khiển những cuộc đàm phán sơ khởi năm 1968 mà không có sự tham dự của Việt Nam Cộng hòa, chính phủ Hoa Kỳ được coi như đồng ý với sự mô tả vai trò mà tuyên truyền Cộng sản

đã đưa ra nhiều năm nay, nghĩa là Hoa Kỳ là một kẻ xâm lược ở cả Nam lẫn Bắc, và chính phủ miền Nam chỉ là một "bù nhìn" của Hoa Kỳ dựng lên, cốt để thực hiện "chủ nghĩa thực dân mới" mà thôi!

Những cuộc đàm phán sơ khởi ở Paris bắt đầu hồi tháng 3-1968 mà chúng tôi không được dự, đã đặt Hoa Kỳ vào một vị trí khó xử, đã cho phép Hà Nội liên tiếp nắm lấy thế công khi mô tả Hoa Kỳ là kẻ "xâm lược".

Đáng lẽ phải chịu trách nhiệm về sự xâm lược miền Nam, Hà Nội lại có thể đảo ngược vai trò và tự cho mình là nạn nhân "anh hùng" của "xâm lược Hoa Kỳ". Kết quả là Hà Nội đã khăng khăng từ khước nguyên tắc hỗ tương qua lại trong việc xuống thang chiến tranh với luận điệu rằng kẻ "xâm lược Hoa Kỳ" không có quyền đòi hỏi sự đổi chác qua lại, một cách nói tương đương với các câu nhận định của ta là "xâm lược không được đền đáp".[5]

Ở Sài Gòn dân chúng cũng buồn hận khi thấy trong lúc Hoa Kỳ phát ngôn thay cho Việt Nam Cộng hòa, thì Liên Xô đã không hề điều đình giùm cho Bắc Việt. Trái lại, người Nga đã đề cao khách hàng của mình, bênh vực quyền lợi cũng như nhấn mạnh sự "độc lập" của Bắc Việt. Cựu ngoại trưởng, Vương Văn Bắc có lần than phiền: "Trong mọi hội nghị quốc tế, phe Cộng luôn luôn đề cao vai trò của Việt Cộng, trong khi Hoa Kỳ không làm gì nhiều để ủng hộ Sài Gòn, lại còn hạ bệ xuống nữa là khác". Vì lẽ Việt Nam Cộng hòa không được thương lượng

trực tiếp với Bắc Việt về sự sống còn của mình, cho nên các nhà ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã khó chiếm được sự kính trọng của các nước. Ở Sài Gòn, người ta đã hài hước gọi những buổi họp công khai giữa Bắc và Nam tại Trung Tâm Hội Nghị Quốc tế trên Đại lộ Kléber ở Paris là những màn "hát tuồng" so với những cuộc thảo luận mật giữa Kissinger và Thọ tại Gif-sur-Yvette. Ông Bắc phàn nàn: "Nơi mà chúng tôi gặp riêng với đại diện của Bắc Việt tại hòa đàm là trong phòng vệ sinh của trung tâm đường Kléber. Nhưng những tay này bao giờ cũng đi từng nhóm 2 hoặc 3 người một, dù là vô phòng vệ sinh".

Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh, trong cuốn *Vietnamization and the Cease-Fire (Việt Nam hóa và cuộc Đình chiến*"), nhận định: "Mỗi một nhượng bộ của Hoa Kỳ tại bàn hội nghị lại gây ra một cơn sốt tại miền Nam, và trong tình huống đó thử hỏi ai có thể giải thích được tất cả sự thật cho đám quần chúng đang bối rối đó? Sáng kiến được Hoa Kỳ phô trương một cách hữu hiệu lại làm lu mờ đi chính nghĩa Việt Nam Cộng hòa và làm lợi cho tuyên truyền Cộng sản". Hinh còn công nhận rằng, nếu như đại đa số dân chúng miền Nam không ưa chuộng Cộng sản, thì "đồng thời họ cảm thấy đau lòng khi nhận thấy chính nghĩa quốc gia đã không đủ mạnh để đưa tới lòng tín ngưỡng hết sức cần thiết cho sự tiếp tục hy sinh và tranh đấu. Bởi thế, trên mặt trận chính trị và

tâm lý, Việt Nam Cộng hòa đã bị rơi vào một vị thế bấp bênh và bất lợi".[6]

Còn đối với Kissinger, thì vấn đề là làm sao giữ cho cả hai phe Bắc và Nam đi đúng hàng, ngồi đúng chỗ. Khi nói chuyện riêng tư, ông ta thường ví hai phe như hai con cọp đứng giữ thăng bằng trên ghế trong chuồng thú của gánh xiệc, mà chính ông thủ vai người dạy thú, quất roi đen đét để bắt con nào bướng bỉnh phải làm trò theo ý muốn. Ông nhận xét: "Khi một con đứng tại chỗ, thì con kia lại nhẩy đi chỗ khác. Giá như chỉ có Hoa Kỳ và Bắc Việt thì có lẽ dễ đi tới thỏa thuận hơn".[7] Rồi Kissinger lịch sự giải thích để hợp lý hóa hành động của mình:

Lý tưởng ra, có lẽ ta phải cho Thiệu nhiều thời giờ hơn để chuẩn bị cho những gì sắp tới. Nhưng... tôi không tin rằng một thời biểu thong thả hơn, và tham khảo sớm hơn, đã có thể thay đổi hành vi của ông ta. Đó là cái chất liệu của bi kịch, chứ không phải là một sai lầm nhỏ mọn trong sự tính toán của con người. Tới điểm đó, thì cả hai bên đã chọn lấy lối đi riêng và thể nào cũng phải đụng độ nhau. Cái lô-gic trong lập trường của Thiệu đòi hỏi một tư thế bất chấp, không khoan nhượng để chứng tỏ là Hoa Thịnh Đốn và Hà Nội không thể quyết định số phận của mình được cũng giống như phương sách của Hà Nội đối với ta, cứ thúc đi nhanh tới hòa giải, một phần nhằm mục đích chứng minh rằng Thiệu là bù nhìn của ta. Bất cứ chúng tôi làm gì, Thiệu cũng đã vận động để lấy thêm thời gian

và tìm được cách đương đầu với chúng tôi – mà sự thực ông ta đã làm như thế với Haig và tôi trong mấy chuyến sang gặp trước đây rồi.[8]

Thiệu chối bỏ điều đó, và quả quyết rằng nòng cốt của vấn đề là Kissinger không hề bao giờ coi Việt Nam Cộng hòa là một đồng minh cả. Thiệu đã nghi ngờ Kissinger kể từ lần họp ở Midway. Sau này ông kể lại: "Tại Midway, khi thấy lối xếp các ghế ngồi và khi được gọi sang họp báo mà không được biết trước, tôi đã nghĩ thầm, "Tổng Thống một đại cường quốc đâu có làm mấy cái lặt vặt này. Tổng Thống ai mà làm những cái đó! Mình phải đối xử cảm tình với một người Tổng Thống khác chớ! Tôi nghĩ đó là do Kissinger, chớ không phải do Nixon hay do viên Đại tá Hải quân kia. Kể từ khi thấy những thủ đoạn, những trò chơi xỏ lá đó, tôi cho ông ta (Kissinger) không phải là một người trung thực".[9]

Thiệu không thể chấp nhận được sự kiện là Kissinger đã tự ý đổi chác với Bắc Việt rồi chỉ xin sự đồng ý của Nixon mà thôi. Từ khi gặp nhau ở Midway, ông vẫn hiểu Nixon muốn nói là sẽ có những cuộc tham khảo nghiêm chỉnh trước khi điều đình với BV: "Giá như ông ta (Kissinger) đã gặp tôi trước khi thương lượng và giá như Mỹ và Việt Nam đã cùng hành động như đứng về một phe để đổi chác với Hà Nội, thì tôi đã tin cậy ổng rồi. Tôi nghi ông ta từ khi ổng nói là đã được Nixon thỏa thuận. Trên nguyên tắc, tôi phải tin chớ, nhưng tôi đòi phải

có chữ ký của Nixon trên một lá thư nào đó, khẳng định những điểm quan trọng nhất. Cứ hai, ba ngày lại có một lá thư! Tôi là người cẩn thận. Tôi nghi là Kissinger làm trước rồi mới phúc trình Nixon sau. Tôi có cảm tưởng là ông ta nhân danh Nixon để đáp thư vì lẽ ông muốn được làm kiến trúc sư, người tạo dựng nên cơ đồ. Tôi đã muốn biết ý kiến thực sự của Tổng Thống Hoa Kỳ đối với những quyết định trầm trọng ra sao. Đôi khi mình cứ tự hỏi không hiểu "Kissinger làm việc cho ai"?[10]

Thiệu bắt đầu đi các nơi đọc diễn văn, và gặp các giới lãnh đạo chính trị, để phê bình bản dự thảo hiệp định cũng như tiết lộ từng phần hiệp định cho họ biết. Báo chí Sài Gòn đăng tải phản ứng của ông đối với bản dự thảo, lên án Bắc Việt đòi ngưng bắn để củng cố lực lượng của họ và thành lập một chính phủ liên hiệp. Sau khi trở thành một thành phần của một chính phủ ba phe trong vòng sáu tháng, họ sẽ "tiếp diễn chiến tranh cực kỳ dữ dội hơn để đi tới toàn thắng".[11]

Bất chấp Bunker ngăn cản, Thiệu lên đài truyền thanh và truyền hình ngày 24-10 để trấn an dư luận, lúc đó đang xôn xao vì những tin đồn đại lan rộng, và mong được dân chúng ủng hộ. Trong bài nói chuyện dài hai tiếng, ông bác bỏ mọi hình thức liên hệ và sự có mặt của 300.000 quân BV tại miền Nam.[12] Ông đề nghị Sài Gòn và Hà Nội thương thuyết trực tiếp với nhau để giải quyết vấn đề quân sự, rồi Sài Gòn

và chính phủ Cách Mạng Lâm Thời thương thuyết một giải pháp chính trị. Để phòng khi có ngưng bắn, Thiệu thúc giục dân chúng nên "chuẩn bị để... chúng ta không rơi vào một vị trí bất lợi. Cho nên chúng ta đã hoạch định những biện pháp lôi kéo nhân dân trở về và bảo vệ xứ sở ta, quét sạch lực lượng địch và bảo đảm an toàn trên những trục giao thông... cũng như an ninh trong xã, ấp... Tôi cũng đã ra lệnh cho bóp chết ngay từ trong trứng nước mọi âm mưu của Cộng Sản, nhằm gieo rắc rối loạn và xúi giục nổi loạn, và hạ tầng cơ sở Cộng sản phải được càn quét nhanh chóng và không thương tiếc"...[13]

Trong nỗ lực ve vãn các giới chức tại Sài Gòn, Kissinger bây giờ thay đổi chiến thuật: ông tìm cách trấn an những người chung quanh Thiệu là sự ủng hộ của Hoa Kỳ dành cho Việt Nam Cộng hòa vẫn còn mạnh và chỉ thị cho tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn dùng lá bài viện trợ để mua chuộc. Tướng Trần Văn Đôn, lúc đó là Chủ tịch Ủy ban Ngoại giao Quốc hội kể lại rằng Charles Whitehouse, Phó Đại sứ đến gặp ông và bảo: "Hiệp định này cũng có khía cạnh tốt của nó. Nên ký đi: Chỉ là một mảnh giấy thôi, và sẽ chẳng thay đổi được gì đâu. Rồi Ngài sẽ thấy"![14] Whitehouse và Phụ tá Ngoại trưởng William H. Sullivan cũng đến tiếp xúc với Thủ tướng Trần Thiện Khiêm và Ngoại trưởng Trần Văn Lắm với các khuyến nghị là, tốt hơn hết, đừng nên thách thức người Mỹ và cũng đừng hoàn toàn bác bỏ các đề

nghị của họ. Ở cấp thấp hơn, nhân viên tòa Đại sứ cũng đi gặp các viên chức Việt Nam Cộng hòa và chiêu hàng món hiệp định ấy. Họ nhắn nhủ là cuộc ngưng bắn sẽ được tôn trọng và đừng lo ngại về sự có mặt của quân BV tại miền Nam, vì nó sẽ tan dần đi. Vì có thể chúng sẽ nhớ nhà, bị bệnh sốt rét ngã nước, bị chứng sâu quảng chân, hay thổ tả, hoặc sẽ đào ngũ sang phía Việt Nam Cộng hòa.[15] Người nào cũng được nghe một câu giải thích có tính cách dụ khị. Tướng lãnh thì được họ dụ là bản hiệp định chỉ là một mảnh giấy; điều thực sự đáng kể là việc Tổng Thống Hoa Kỳ sẵn sàng ủng hộ Việt Nam Cộng hòa bằng võ lực quân sự. Các nhà ngoại giao như Vương Văn Bắc, lúc đó là Đại sứ tại Anh quốc, thì được Kissinger dụ rằng: "bản hiệp định cung ứng một căn bản hợp pháp để Hoa Kỳ yểm trợ Việt Nam Cộng hòa mà trước đó chưa hề có". (Ngoài chức vụ Đại sứ, Bắc còn là chuyên viên pháp lý của Việt Nam Cộng hòa tại hội đàm Paris). Kissinger lập luận: "Từ trước đến giờ, sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa chỉ căn cứ vào những lời tuyên bố chính trị của các vị Tổng Thống kể từ Eisenhower trở đi; như thế thì chúng tôi đâu có được cơ sở pháp luật nào để biện luận với Quốc hội đòi thêm viện trợ cho Việt Nam? Bây giờ, chúng tôi cần có một tài liệu hợp pháp để yêu cầu Quốc hội tiếp tục viện trợ". Bắc sau này nghĩ rằng, lập luận của Kissinger nghe cũng hợp lý, và còn cho là Kissinger "có thể trở thành một

luật sư lỗi lạc".[16] Lúc đó ở Sài Gòn, Kissinger còn cho Nhã xem một quyển sổ địa chỉ màu đen mà ông bỏ túi, trong đó có rất nhiều địa chỉ của các nữ minh tinh Hollywood. Ông dụ Nhã: "Khi nào ký xong hiệp định, anh sang Mỹ chơi, tụi mình đi du hý"! Đại úy Nguyễn Phú Lâm ở Phủ Tổng Thống kể rằng, Kissinger biết tính tướng Đặng Văn Quang thích quà bánh nên gửi tặng một đồng hồ mạ vàng.

Vì trục trặc ở Sài Gòn, Kissinger đã không tới Hà Nội để ký như đã hứa hẹn với Lê Đức Thọ. Dù Nixon đã gửi 2 điện văn cho Phạm Văn Đồng để cắt nghĩa sự sai hẹn, Hà Nội lo là mình đang bị gài vào một cạm bẫy của Mỹ. Giữa một buổi họp mặt, Kissinger nhận xét là "Bắc Việt sợ bị lừa còn hơn sợ bị thua".[17] Vì vậy họ đã phản ứng; vào lúc 5 giờ 30 sáng 26 tháng 10, Kissinger đang ngủ bỗng nhiên được đánh thức dậy vì có tin đài phát thanh Hà Nội đã phổ biến đầy đủ chi tiết bản dự thảo hiệp định, bằng tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh, và còn nói rõ là Kissinger đã hứa đi Hà Nội ký rồi, mà bây giờ lại sai hẹn. Ông bèn xin hội ngay với Nixon tại tòa Bạch Cung lúc 7 giờ sáng, hai người đồng ý là Kissinger sẽ triệu tập một cuộc họp báo lúc 10 giờ ngay sáng hôm đó.

Cuộc họp báo của Kissinger tại toà Bạch Cung ngày 26 tháng 10 đã là một biến cố lạ – lần đầu tiên ông ta được Nixon cho phép xuất hiện trước máy truyền hình và lời nói được ghi vào biên bản chính thức. Dường như cả hai người đều bị bất chợt

và không có thời giờ sửa soạn kịp để đáp ứng Bắc Việt. Thế nhưng đó chỉ là một đòn phép tòa Bạch Cung. Thực ra, họ đã chỉ đợi cho Bắc Việt đánh bài tẩu mã và bầy sẵn chiến thuật đối phó với một tình huống tương tự. Ngay từ hôm 6 tháng 10, trong thư riêng viết cho Thiệu, Nixon đã cảnh cáo về một biến cố tương tự ("... ta không thể đoán chắc là tại một thời điểm nào đó trong diễn trình thương thuyết, vì tuyên truyền hay vì lý do nào khác, rất có thể kẻ thù sẽ công bố chi tiết những cuộc mật đàm. Chiến thuật của Hoa Kỳ cho đến nay đã được sắp đặt để chú tâm tới việc bất ngờ đó").

Phòng thuyết trình đầy nghẹt ký giả, ai cũng bối rối và hoài nghi. Kissinger bình tĩnh và có vẻ một giáo sư giảng bài lúc ông nói tiếng Anh bằng cái giọng Đức nặng của ông ta. Ông làm ra vẻ rất tự tin bề ngoài, hứa sẽ giải thích cuộc hòa đàm hiện đã tới đâu về mặt thủ tục, thực chất cuộc thương thuyết ra sao, cũng như "từ đây ta sẽ đi về đâu".

Bằng cái lối lừa bịp cực giỏi, Kissinger tuyên bố: "Chúng tôi tin rằng hòa bình hiện nay đang ở trong tầm tay. Chúng tôi tin rằng một hiệp ước đang ở trong tầm mắt thấy, căn cứ vào đề nghị ngày 8 tháng 5 của Tổng Thống, và vào một vài sửa đổi đề nghị ngày 25 tháng Giêng của chúng tôi, một đề nghị công bằng cho tất cả mọi phe". Thực ra, Kissinger lúc ấy đã tuyên bố với niềm lạc quan của một kẻ tuyệt

vọng. Ông cứ khăng khăng cãi rằng chỉ còn phải giải quyết một vài vấn đề kém quan trọng hơn mà thôi.

Các ký giả bèn nêu lên câu hỏi, tại sao ông đã không đạt được một hòa giải tương tự bốn năm trước đây? Thực tế, đó là câu hỏi đầu tiên nêu lên với Kissinger. Ông đáp loanh quanh: "Không thể đạt được hiệp ước này bốn năm trước đây là vì phe bên kia cứ kiên quyết không chịu thảo luận việc tách rời các vấn đề chính trị ra khỏi các vấn đề quân sự, bởi vì họ đã luôn luôn đòi phải giải quyết vấn đề chính trị với chúng ta, và đòi chúng ta phải quyết định trước tương lai của miền Nam Việt Nam trong một cuộc điều đình với Bắc Việt".[18]

Coi xong cuộc họp báo, Hưng đã phải sửng sốt về kiêu ngạo cũng như sự bất chấp dư luận thế giới của Kissinger khi quả quyết rằng những nhượng bộ của ông ta là một thắng lợi cho Hoa Kỳ và VNC Vậy mà không một ai đứng lên chất vấn. Ngay sau cuộc họp báo, Hưng gửi một phúc trình cho Thiệu, phân tích những điều khoản ghi trong bản hiệp định như đài Hà Nội đã loan báo. Anh viết: "Luận điệu của Kissinger là thái quá, là xúc phạm. Theo quan điểm của VNCH, thì tương lai chính trị của miền Nam thực đã bị quyết định rồi! Tôi không thấy có một khác biệt lớn nào giữa những điều khoản của bản dự thảo hiệp định hiện nay và 10 điểm Cộng sản đề nghị với chính quyền Nixon 4 năm trước đây vào ngày 8 tháng 5, 1969". Hà Nội đã thành công trong

việc đòi được thỏa mãn tất cả mọi yêu sách của mình, đôi khi còn được nhiều hơn cả yêu sách trước kia nữa. Điều khoản thứ hai của bản dự thảo hiệp định là một thí dụ điển hình: Nó đã bắt Mỹ phải rút quân trong vòng 60 ngày, trong khi theo như yêu sách cũ của Cộng sản năm 1969, thì chỉ đòi Mỹ rút đi chứ không đặt ra 1 thời hạn nào nhất định. (Xin coi phụ lục B để so sánh 10 điểm của Hà Nội và bản hiệp định cuối cùng).

Sau khi nghiên cứu bài tuyên bố trên đài phát thanh Hà Nội, và phần lược giải của Kissinger, Thiệu viết thư thẳng cho Nixon gay gắt phiền trách hành động của Kissinger. Ông cũng chỉ trích thời biểu Kissinger đi Hà Nội đã hoạch định với Cộng sản mà không tham khảo với ông. Kissinger có nói rằng chỉ cần thêm một phiên thảo luận nữa, kéo dài ba hay bốn ngày, với Bắc Việt mà thôi, nhưng Thiệu đòi không được đặt ra một thời hạn nào cả.[19] Sự khiếu nại này của Thiệu có ý định chia rẽ Nixon và Kissinger và cho Nixon biết là Kissinger đã vượt qua chỉ thị của chính Nixon, thế nhưng nó đã không có kết quả. Bực tức về giọng điệu của bức giác thư, Kissinger quyết định không để cho một Tổng Thống Việt Nam hạ uy tín mình trước mặt Nixon; ông bèn đích thân thảo lá thư Nixon hồi âm Thiệu, ngày 29-10, được Đại sứ Bunker trao tay ngày 31-10, nội dung như sau:

Kính thưa Tổng Thống:

Tôi vừa cẩn thận đọc xong bức giác thư đề ngày

28-10-1972, nhan đề: "Giác thư về bài phát thanh của Hà Nội ngày 26-10-1972, và về phần lược giải cho báo chí cho TS Kissinger ngày 26-10-1972". Như tôi đã thông báo cho Ngài biết, TS Kissinger đã phát ngôn và sẽ tiếp tục phát ngôn thay mặt tôi. Đã không hề có và sẽ không có, một sự phân biệt nào giữa quan điểm của ông ta và quan điểm của tôi. Như tôi đã viết cho Ngài trong lá thư đề ngày 16 tháng 10, "Những lời bình luận của TS Kissinger có được sự hậu thuẫn hoàn toàn của tôi".

Đặc biệt tham chiếu các điểm nêu lên trong bức giác thư nói trên, chúng tôi ngạc nhiên khi thấy Ngài yêu cầu chúng tôi phải bình luận về những điều xác nhận xuất phát từ Đài phát thanh Hà Nội. TS Kissinger đã giải thích đầy đủ và nói rõ rằng Hoa Kỳ "sẽ còn nghiên cứu thêm nữa" những gì đã thảo luận với đại diện của Việt Nam Cộng Hòa. Bởi vậy, chính phủ Nam Việt Nam chẳng nên tự hỏi tại sao những thời hạn hoạch định lý thuyết (ngụ ý chuyến đi của Kissinger) lại chỉ được thông báo cho Hà Nội; sự thực hiển nhiên là nó chỉ có tính cách tạm bợ, chưa chắc chắn và trong thực tế đã không có một thời điểm nào được thực hiện cả. (ngụ ý Kissinger đã không đi *Hà Nội).*

Đối với những điều quan tâm của Ngài về các bức thư thông điệp của tôi đề ngày 20 tháng 10 và 22 tháng 10 gửi cho Thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, xin Ngài nhớ lại rằng TS Kissinger đã đặc biệt nói tới nội dung của các thông điệp đó trong khi thảo luận

với Ngài tại Sài Gòn. Các thông điệp đó, trong chủ yếu, liên quan đến *ba vấn có liên hệ đến Lào và Cam Bốt. Đối với Nam Việt Nam, chúng tôi đã thông báo cho Hà Nội biết là chúng tôi bác bỏ mọi yêu sách về sự từ chức của Ngài, và nhấn mạnh đến các điều khoản thay thế và tù binh như Ngài đã thấy. Đối với Lào và Cam Bốt, chúng tôi đã đòi những đảm bảo về sự chấm dứt cuộc xung đột tại hai quốc gia này. TS Kissinger, với sự hiện diện của Đại sứ Bunker, có nói với Ngài rằng, trong thư hồi âm của họ, Bắc Việt nhượng bộ tất cả các điểm đó. Tôi coi như là Ngài đã được thông báo đầy đủ.*

Về hiện trạng của bản dự thảo hiệp định, TS Kissinger đã long trọng cam kết với Ngài là sẽ cố giành được tối đa những thay đổi phản ảnh quan điểm được phát biểu với ông ta trong chuyến thăm Sài Gòn. Đối với câu nói đến "ba" quốc gia Đông Dương, TS Kissinger đã giải thích cho Ngài rằng việc dùng (chữ) "ba" chỉ là một sơ suất và chúng tôi đòi Bắc Việt gạch bỏ chữ đó trong bản văn hiện thời.

Đối với Hội Đồng Hòa Giải Dân Tộc, TS Kissinger đã giải thích thật rõ ràng trong buổi họp báo cũng như trong khi hội đàm với Ngài, là nó không có những nhiệm vụ của một chính quyền. Mọi giới quan sát Mỹ cũng như ngoại quốc đã *đều thấy ý nghĩa đích thực của nó – chỉ là một phương sách giữ thể diện cho Cộng sản để che đậy sự thất bại của họ trong các đòi hỏi về một chính phủ liên hiệp và sự từ chức của Ngài mà*

thôi. Cho nên tôi thực không hiểu được tại sao chính phủ Ngài lại cứ muốn mô tả Hội đồng ấy như một cơ cấu có tính cách một chính quyền. Việc nhắc đi nhắc lại những lời bình luận sai lạc bởi quí viên chức có thể làm xảy ra điều mà chúng ta đã hết sức tranh đấu để tránh khỏi.

Lập trường của chúng tôi sẽ tiếp tục là chúng ta có thể chấp nhận được một "cơ cấu hành chánh" mà trong Anh ngữ rõ ràng ám chỉ, tính cách tư vấn chứ không phải chính quyền. Chúng tôi sẽ bác bỏ danh từ dịch thuật của Bắc Việt, có thể ám chỉ rằng cơ cấu đó được họ cho là có những quyền hành hay nhiệm vụ của một chính phủ. Đây chính là điều mà TS Kissinger đã muốn nói khi ông bàn đến các vấn đề ngôn ngữ trong cuộc họp báo. Đây là điều mà chúng tôi sẽ minh xác khi gặp Bắc Việt lần tới. Chúng tôi đã chọn các đặc tính mơ hồ ngữ học đó của câu nói để đem lại cho tất cả mọi phe một lối thoát mà vẫn giữ được thể diện. Ngài và tôi hiểu nó muốn nói gì rồi.

Buổi họp báo của TS Kissinger đã được thực hiện theo chỉ thị chi tiết của tôi. Ông ta cố gắng hết mình để tránh cho Ngài khỏi bị mô tả như là một chướng ngại của hòa bình với hậu quả không thể tránh được là Quốc Hội sẽ cắt ngân khoản Hoa Kỳ tài trợ dành cho Việt Nam Cộng hòa, và tạo ra những trở ngại thật to lớn cho việc Hoa Kỳ tiếp tục yểm trợ Ngài và chính phủ Ngài. Sự chỉ trích liên tiếp từ Sài Gòn chỉ có thể phá hoại cố gắng đó. Chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ

lực để xây dựng một mặt trận đoàn kết, nhưng nỗ lực đó sẽ vô ích, nếu không có sự cộng tác của cộng sự viên của Ngài.

Ngoài mấy thí dụ nêu trên, tôi không thể quên lưu ý Ngài về đường lối nguy hiểm mà chính phủ Ngài đang đi theo. Ngài đã biết sự cam kết vững chắc của tôi với nhân dân miền Nam Việt Nam và với cá nhân Ngài. Như TS Kissinger và Đại sứ Bunker đã thông báo Ngài rõ, tôi xin nhấn mạnh sự cam kết đó *bằng cách sẽ gặp Ngài trong vòng một hay hai tuần lễ sau khi ký kết bản hiệp định. Tôi tin rằng tương lai tùy thuộc vào sự đoàn kết hiện có giữa chúng ta và vào mức độ mà ta có thể chứng tỏ quyết tâm rõ rệt* để thực *hiện những gì cần thiết trong những ngày sắp tới hòng bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh những điều khoản của hiệp định. Nếu tình đoàn kết của chúng ta đã là chủ yếu cho sự thành công từ trước tới nay trong chiến tranh, thì nó cũng sẽ là đảm bảo tốt nhất cho thành công tương lai khi mà cuộc đấu tranh sẽ tiếp tục trong một khuôn khổ có tính cách chính trị hơn. Tuy nhiên, nếu như chiều hướng bất hòa rõ ràng giữa chúng ta còn tiếp diễn, thì căn bản chủ yếu của sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với Ngài và chính phủ Ngài sẽ bị phá hủy. Về phương diện này, những lời bình luận của quí Ngoại trưởng rằng Hoa Kỳ đang thương lượng một sự đầu hàng quả là vừa có hại vừa bất công và không đúng đắn.*

Xin Ngài an tâm là những quyết định *cuối cùng*

của tôi về những sắp xếp hòa bình không hề bị ảnh hưởng bởi cuộc bầu cử tại Hoa Kỳ, và Ngài chớ nên nuôi dưỡng ảo tưởng là chính sách của tôi nhằm sớm mang lại hòa bình sẽ thay đổi *sau cuộc bầu cử…*

Thưa Tổng Thống, tôi khẩn khoản xin Ngài một lần nữa duy trì tình đoàn kết thiết yếu mà suốt bốn năm qua đã từng là đặc điểm tiêu biểu cho mọi quan hệ giữa chúng ta cũng như nó đã là căn bản cho sự thành đạt của ta từ trước đến nay. Tình trạng chia rẽ sẽ làm tôi mất hết khả năng duy trì sự yểm trợ cần thiết mà chính phủ và nhân dân Ngài phải có trong những ngày sắp tới, sự yểm trợ mà tôi quyết tâm cung ứng. Sự sốt sắng cộng tác sẽ có nghĩa là ta sẽ đạt được hòa bình xây dựng trên một hiệp định *mà tôi cho là có thể thi hành được – nhất là khi nó đi kèm với những điều khoản bổ sung mà chúng ta chắc chắn sẽ có. Từ căn bản đó, chúng ta có thể tin tưởng và đoàn kết tiến tới chỗ giành được những mục tiêu hỗ tương của hòa bình và đoàn kết cho Nhân dân miền Nam Việt Nam anh dũng.*

Kính thư

(kt) Richard Nixon

Trong giọng điệu và nội dung, lá thư này khác hẳn những lá thư trước đó. Kissinger, người thảo lá thư, đã vô cùng bực tức ông Thiệu, cho nên lời lẽ vừa gay gắt, đe dọa, lại vừa hầu như tuyệt vọng. Lời năn nỉ đoàn kết được nói đến bảy lần. Không còn thấy nhắc đến lòng tín nhiệm lẫn nhau nữa, mà

chỉ là một sự ăn miếng trả miếng rất thực tế không hiệp định, khỏi viện trợ . Giải đoán theo cách hiểu ngầm, người ta thấy mối quan tâm của Hoa Thịnh Đốn là nếu Thiệu cứ tiếp tục tấn công, chỉ trích thì Nixon có thể sẽ bất lợi trong các cuộc thăm dò dư luận cũng như ở phòng bỏ phiếu. Năm 1968, ứng cử viên Nixon đã năn nỉ Thiệu đừng tham dự hòa đàm Paris; bốn năm sau, ông lại dùng áp lực bắt Thiệu đổi hướng. Phía Việt Nam Cộng hòa bây giờ mới thấy rõ Humphrey, Nixon và Kissinger thảy đều hành động theo cùng một động lực – tham vọng và quyền lợi chính trị của chính cá nhân mình. Hiển nhiên, động lực đó đã không còn phù hợp với quyền lợi của Việt Nam Cộng hòa nữa.

Trong cuộc phỏng vấn của Arnaud de Borchgrave chính Phạm Văn Đồng đã rất chính xác và huỵch toẹt, không hề nhắc đến Hội đồng Hòa giải Dân tộc, chỉ nói tới ba phe Việt Nam – Sài Gòn, Hà Nội và MTGP – sẽ cùng nhau dàn xếp để tiến tới một chính phủ "liên hiệp chuyển tiếp". Thiệu đã dùng bài phỏng vấn đó làm bằng chứng về ý đồ thực sự của Bắc Việt tại miền Nam. Cả Bắc lẫn Nam Việt đã đồng ý rằng Hội Đồng Hòa Hợp và Hòa-giải là công thức cho 1 chính phủ liên hiệp; vậy mà Kissinger lại khăng khăng cho rằng Hội đồng sẽ chỉ là một cơ quan tư vấn không có quyền pháp lý (như ông ta đã mệnh danh, "Chỉ là một hội đồng nhỏ nhoi,nghèo nàn thôi".

Kissinger còn hỏi tại sao Thiệu cứ phải lo ngại về Hội đồng này: "Chính phủ Sài Gòn có quyền phủ quyết cơ mà! Cho dù có quyền phủ quyết, VNCH sẽ ở vào thế hết sức kẹt vì nếu cứ phủ quyết hoài những đề nghị của phía Cộng Sản thì Sài Gòn sẽ bị kết án là ngoan cố.

Vẫn cố dấu mọi chuyện cho kín đáo, cả Nixon lẫn Kissinger không ai tiết lộ lá thư trên đây gửi cho Thiệu. Kissinger thì tiếp tục làm áp lực đẩy nhanh, đẩy mạnh tới chỗ kết thúc được một bản hiệp định. Ông cũng cảm thấy rằng nếu chưa có được hòa giải sau khi thắng cử, sẽ khó nói chuyện với Nixon và chắc ông này sẽ tăng thêm yêu sách đối với Bắc Việt.

Không có được sự thỏa thuận của Thiệu, Nixon có thể bị buộc tội là bán đứng một đồng minh. Thiệu không phải là không biết về cái thế tiến thoái lưỡng nan này của Nixon. Sau này, cuối năm 1979, ông có tuyên bố với tạp chí Đức *Der Spiegel* là: Điều mà Kissinger và chính phủ Hoa Kỳ hồi đó thực sự muốn là rút lui càng mau càng tốt và lấy được tù binh của Mỹ về. Họ chỉ muốn phủi tay cho xong mọi chuyện rồi ù té chạy làng. Tuy nhiên, trong lúc phủi tay chạy làng như thế, họ lại không muốn bị nhân dân Việt Nam và thế giới buộc tội là bỏ rơi chúng tôi. Đó là tình trạng khó xử của họ".[20] Và, thế là Thiệu quyết định cứ lỳ ra.

Khi đi vận động tranh cử, Nixon đã dùng cuộc họp báo của Kissinger cho mục đích riêng của mình;

ông cho báo chí biết rằng các cuộc hòa đàm vẫn còn tiến hành đều đặn, và ông tin rằng "chúng ta sẽ thành công giành được mục tiêu của ta, là hòa bình trong danh dự, chứ không phải hòa bình trong đầu hàng, tại Việt Nam. Tuy vẫn còn một số khác biệt cần được giải quyết, tôi tin rằng chúng ta có thể, và sẽ được giải quyết".[21]

Nixon quyết tâm không để cho vấn đề VN lấn át chiến dịch tranh cử của mình. Tuy nhiên, hình như ông đã nhận thức được những hiểm họa cho miền Nam nếu cứ nhất quyết đòi họ phải ký bản dự thảo hiệp định ngay lúc đó. Sau này, ông có ghi lại một trang nhật ký của ông viết vào lúc Kissinger còn ở Sài Gòn: "Một số tin tình báo cho biết, chúng (Bắc Việt) đã ra chỉ thị cho cán bộ chúng giết hết mọi đối thủ trong vùng chúng kiểm soát một khi có loan báo đình chiến. Đây sẽ là một cuộc tắm máu tàn sát, và đó là điều ta phải xét đến khi làm áp lực ông Thiệu chấp nhận một cuộc dàn xếp chính trị, mà theo chúng tôi, tất nhiên là hợp lý nhưng cũng phải biện minh được về mặt an ninh".[22]

Phân tích và nhận xét về những biến cố lúc đó, Hưng tin rằng Kissinger và Nixon đã phạm một sai lầm chiến lược khi họ tìm cách chấm dứt chiến tranh qua các cuộc thương thuyết bí mật. Chẳng những thương lượng mật đã ngầm phá hoại Việt Nam Cộng hòa và hạ thấp tư thế của chính phủ Sài Gòn, nó làm Hoa Kỳ mang tiếng là điều đình sau

lưng đồng minh nữa. Uy tín cá nhân của Kissinger mỗi ngày lại một buộc chặt với sự thành công hay thất bại của các cuộc hòa đàm; bởi vậy, ông ta đã bị mắc kẹt không thể gỡ ra mà không phải trả một giá thật đắt cho uy tín riêng của mình. Sự việc này thật rõ ràng khi ông ta trở về Hoa Kỳ ngay sau chuyến viếng thăm Sài Gòn mà không được Nixon cho phép thực hiện "chặng đường chót" của cuộc hành trình, nghĩa là bay ra Hà Nội để thảo luận nốt các chi tiết cuối cùng rồi ký tắt vào bản dự thảo hiệp định ngày 24 tháng 10.

Kissinger khăng khăng muốn đi Hà Nội, vào đúng lúc mà cuộc tấn công "mùa hè đỏ lửa" của BV đã bị đẩy lui, và vào lúc, rõ ràng là Nixon sẽ đại thắng trong cuộc tuyển cử tới. Kissinger muốn có được một hiệp định trước tuyển cử để gắn liền sứ mạng lịch sử của ông với việc thắng cử của Nixon. Bởi vậy, dù Việt Nam Cộng hòa và Nixon đang ở thế mạnh, ông đã lùi bước trước đòi hỏi của Bắc Việt và bằng lòng giải quyết cả hai khía cạnh: quân sự lẫn chính trị.

Ngay từ hồi khởi sự điều đình, Hà Nội đã có hai mục đích chính: quân Mỹ phải rút khỏi miền Nam, và thành lập một chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn làm phương tiện nắm quyền kiểm soát miền Nam sau này. Mục đích thứ nhất đã là yếu tố quan trọng nhất trong chiến lược của họ. Sự kiện này đã được chính Nguyễn Cơ Thạch, Bộ trưởng ngoại giao của Hà Nội xác nhận với ký giả Hersch sau ngày Sài Gòn thất

thủ: "Tôi phải nói với ông điều này: cái quan trọng nhất của chúng tôi là Mỹ phải rút quân. Điều thứ hai là họ phải bằng lòng cho tất cả quân đội chúng tôi ở lại miền Nam".[23]

Dựa trên kinh nghiệm với Pháp, Bắc Việt đòi hỏi sự triệt thoái của Mỹ phải được thi hành với một lập trường hết sức cứng rắn; nó gồm bốn yếu tố: Đơn phương, mau lẹ, toàn bộ và vĩnh viễn. Dần dần, từng bước một, Hoa Kỳ đã nhượng bộ cả bốn.

Thoạt tiên Hoa Kỳ bắt đầu với "nguyên tắc không thể lay chuyển được", là cả hai bên Bắc Việt và Hoa Kỳ, cùng rút quân khỏi miền Nam. Điều này được Nixon tuyên bố rõ ràng ngày 8- 5-1969. Trong suốt hai năm Hoa Kỳ giữ vững lập trường này. Thế rồi ngày 31-5-1971, Kissinger ngầm đưa ra một kế hoạch mới: Lần đầu tiên Hoa Kỳ bỏ hẳn yêu sách triệt thoái song phương để đổi lấy lời cam kết của Bắc Việt là sẽ không đổ thêm quân vào miền Nam, Lào và Cam Bốt. Theo Kissinger, sở dĩ ông đã bỏ hẳn lập trường cố hữu đó vì ông đã cho thực hiện một số nghiên cứu mà kết quả cho biết là Sài Gòn có thể đối phó được với sự hiện diện tiếp tục của quân Bắc Việt tại miền Nam nếu như không có tiếp liệu và yểm trợ tiếp tục cho chúng từ bên ngoài. Chính là căn cứ vào những bản nghiên cứu này mà Kissinger đã thúc giục Nixon đổi lập trường.[24]

Theo ý kiến của Thiệu và các giới chức Sài Gòn Kissinger đã phạm một sai lầm chiến thuật nghiêm

trọng ngay từ hồi đầu là: đã tập trung nỗ lực điều đình vào việc rút quân thay vì coi chính việc rút quân là một điều kiện tiên quyết cho mọi cuộc điều đình.

Theo Thiệu, vỹ tuyến 17 là biên giới Bắc-Nam, phân cách hai quốc gia khác nhau. Vậy mà dường như Kissinger đã chấp nhận yêu sách của B đòi rằng Việt Nam là một quốc gia, và chỉ có ba quốc gia tại Đông Dương: Việt Nam, Lào và Cam Bốt. Khi VNCH vạch điểm này ra cho Kissinger thấy, thì ông này cho đó chỉ là một "sơ xuất", và hứa sẽ bỏ đi trong dự thảo tiếp theo.

Nỗi khổ cực bị khép vào vai trò đồng minh lép vế, đã làm cho chính phủ Sài Gòn hết sức đau lòng. Lối trình diễn độc tấu, lại là thứ độc tấu có kỹ thuật cao của Kissinger khiến Sài Gòn cảm thấy vừa căm giận, vừa bất lực trước sự bóp méo lịch sử của ông ta. Giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn lúc đó có biết bao nhiêu là bất đồng ý kiến sâu xa về nội dung các điều khoản của hiệp định, thế mà đứng trước máy truyền hình và dư luận thế giới, Kissinger cứ vẫn gọi những khác biệt đó là "một số điều còn mơ hồ", một "vấn đề ngữ học" hay là một "vấn đề kỹ thuật". Kissinger còn nói là đoạn đường dài nhất đã đi qua rồi, "và những gì hiện làm trở ngại đường đi đến thỏa những vấn đề tương đối kém quan trọng hơn những gì đã được dàn xếp". Đúng là "cả vú lấp miệng em".

Kissinger đã ma-nớp được giới báo chí Mỹ, và lại ít người bỏ ra thời giờ để phân tích những thay đổi

trong lập trường của Mỹ. Về vấn đề rút quân chẳng hạn, Hoa Kỳ đã đổi từ rút quân cả hai bên sang rút quân có một bên (Mỹ); lịch trình triệt thoái đổi từ vô hạn định tới chín tháng, xuống sáu tháng, rồi ba tháng, rồi xuống sáu-mươi ngày.

Khi Phạm Văn Đồng xác nhận với Kissinger rằng, đúng thế, Hội đồng Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc chính là một chính phủ liên hiệp, như Việt Nam Cộng hòa đã cảnh cáo, thì Kissinger vẫn cứ chối bay, không chịu nhận. Thiệu vẫn không hiểu tại sao Kissinger vẫn cứ nói đó không phải là một công thức chính phủ liên hiệp trong khi cả hai bên tranh chấp, Sài Gòn lẫn Hà Nội, đã đều quả quyết chính là liên hiệp. Theo bản văn của hiệp định dự thảo do Hà Nội tiết lộ và loan báo trên đài phát thanh Hà Nội, mà chính Kissinger khẳng nhận là đúng, thì mọi quyền lực trao cho Hội đồng này đúng là những quyền lực của một chính phủ liên hiệp lâm thời do Hà Nội đề nghị từ ngày 9-5-1969.

Về phần Thiệu. Ông hiểu ngầm những lời năn nỉ của Nixon về "tình đoàn kết" có nghĩa là "đoàn kết lúc này" vì một khi cuộc bầu cử đã đi qua, thì Việt Nam Cộng hòa sẽ phải chịu đựng thêm nhiều áp lực mới nữa, giống y như hồi 1968.

chương VII
những gì chúng tôi sẽ làm

Một ngày sau khi vẻ vang thắng cử (với gần 61 phần trăm số phiếu, chưa có ứng cử viên đảng Cộng Hòa nào thắng lớn được như vậy trong lịch sử Hoa Kỳ), Nixon lại viết cho Thiệu một lá thư dài để mở lại cuộc đối thoại về bản dự thảo hiệp định chấm dứt chiến tranh. Tướng Haig được ủy nhiệm đem lá thư sang Sài Gòn và giải thích cho ông Thiệu rõ ý định của Nixon. Kissinger đã hằn học về lời tố cáo của Thiệu, gọi bản hiệp định là một sự "đầu hàng". Về phần Thiệu, ông cũng đã không chịu đựng được Kissinger thêm nữa, vì tin rằng vị Cố vấn An ninh Quốc gia này đã chỉ hành động theo nghị trình riêng của mình với sự đồng lõa của Bắc Việt. Thiệu muốn nói chuyện thẳng với Nixon. Ông cho phát động trong giới báo chí Sài Gòn một chiến dịch gán cho Kissinger cái lỗi là đã không thông báo chính xác quan điểm của Việt Nam Cộng hòa cho Nixon. Sau lần thất bại vừa rồi, Kissinger không còn mặt mũi

nào trở lại Sài Gòn lần nữa, nên Nixon đã chọn Haig đi thay thế, để vừa xoa dịu, vừa khuyến khích Thiệu. Nixon trọng cái đức tính cứng cỏi của người quân nhân này, và cũng khéo léo dùng ông ta để "chơi" lại Kissinger. Nixon có thể tin cậy Haig sẽ phục tùng mệnh lệnh ông và không có một mưu cầu riêng tư nào khác hơn là lên lon. Ông cũng là người biết xét đoán tính nết người khác và có vẻ hiểu được Thiệu. Hồi tháng 10-1972, trong một bài phỏng vấn đăng trên tờ *Time*, Haig mô tả ông Thiệu là "*người*" phức tạp, có khả năng, và sắc sảo. *Ông ta thích làm việc với một số rất ít người, và có tính đa nghi. Ông rất có ý thức và hay lưu tâm đến sự sống còn của mình, thế nhưng lại mềm dẻo và dễ thuyết phục. Đường lối hành động của ông ta là đi trước mọi vấn đề liên quan đến cuộc điều đình. Ông ta là một nhà điều khiển chính trị giỏi, và là một người yêu nước. Thiệu không nhất thiết là người được yêu mến tại Sài Gòn, nhưng giới công chức lại rất kính nể ông ta. Trong đoản kỳ, tôi không thấy ai có thể thay thế ông ta được*".[1]

Haig tới Sài Gòn ngày 10 tháng 11, 1972, và đi ngay đến Dinh Độc Lập để trình lá thư Nixon, cũng lại do chính Kissinger thảo. Haig là một sứ giả lý tưởng. Vẻ gồ ghề, dáng điệu góc cạnh nhà binh của ông ta làm Thiệu thấy thoải mái. Haig đã từng phục vụ tại Việt Nam hồi 1966-67, trong chức vụ tiểu đoàn trưởng và được cả Lục quân HK lẫn chính phủ VNCH tưởng thưởng huy chương về sự dũng

cảm trong khi tác chiến. Với kinh nghiệm đầu tay, Haig hiểu biết tình hình quân sự tại Việt Nam, và qua các cuộc nói chuyện, Thiệu đã thấy Haig có thiện cảm với chính nghĩa của Việt Nam Cộng hòa hơn là Kissinger. Tuy nhiên, ông chỉ là một người đưa tin, không quyền hành gì cả, dù rằng có ảnh hưởng với Nixon.

Haig nói với Thiệu rằng Tổng thống Nixon đã quyết tâm đi tới chỗ ký kết nhưng cũng rất muốn thỏa mãn những yêu sách của Sài Gòn. Trong phần phụ giải theo chỉ thị của Nixon, Haig khôn khéo nhấn mạnh ở điểm Thiệu phải có sáng kiến chính trị và tâm lý để tiến tới việc tái thiết miền Nam và củng cố quyền lực của mình. Phần thưởng cho sự cộng tác với Hoa Kỳ sẽ là một cuộc họp mặt với Nixon. Dù Nixon vừa thắng cử lớn, nhưng về vấn đề Việt Nam thì Hạ Viện Hoa Kỳ không còn kiên nhẫn, và Thượng Viện thì lại "bồ câu" hơn cả trước ngày bầu cử. Nếu không có được một dàn xếp nào trước khi Quốc hội tái nhóm vào tháng Giêng 1973, và nếu Thiệu bị coi như một chướng ngại vật cho Hòa bình, thì Thượng viện sẽ cắt ngân quỹ viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa.[2]

Trước khi Haig tới Dinh Độc Lập với Đại sứ Bunker, Thiệu đã bảo Nhã duyệt lại một "kế hoạch ý đồ", đoán xem Haig sẽ có những đề nghị gì mới để liệu cách đối phó. Tới một cao điểm của phiên họp, Thiệu cho biết không thể chấp nhận Hiệp định Paris

nếu không sửa đổi thêm. Haig đã toan nổi nóng, mắt nheo lại và hít thêm không khí đầy ngực. Nhưng rồi lấy lại bình tĩnh, ông ôn tồn nói với Thiệu là nếu không đồng ý với Hiệp định, Hoa kỳ sẽ bắt buộc phải "có hành động tàn bạo". Dù không quen với những lời đe dọa lỗ mãng ấy, Bunker vẫn thản nhiên như không, chỉ nhích cặp lông mày lên một chút. Dù Thiệu đã đoán trước sẽ có một đe dọa nào đó, ông chỉ biết cười xòa, mà không yêu cầu Haig giải thích thêm lời đe dọa ấy. Haig coi bộ bứt rứt khi Thiệu không trả lời mà cũng không hỏi han thêm.[3]

Lần này, lá thư của Nixon, đề ngày 18 tháng 11, 1972 có lời lẽ cứng rắn hơn, gay gắt hơn những lá thư viết trước kỳ bầu cử. Nhưng nếu Nixon đe dọa, thì ông ta cũng lại hứa hẹn thêm. Một vài đoạn điển hình:

Kính thưa Tổng Thống,

Trước hết, tôi phải phát biểu nỗi thất vọng của tôi về điều mà tôi coi là một chiều hướng nguy hiểm trong mối liên hệ giữa hai quốc gia chúng ta, một xu hướng chỉ mang tới hậu quả là phá hoại những mục tiêu chung của chúng ta, và làm lợi cho kẻ địch. Những sự bóp méo, đả kích liên tiếp bản Hiệp định đã không công bình mà còn có tính cách chủ bại. Những sự xuyên tạc và đả kích đó vẫn còn dai dẳng bất chấp nhiều phản kháng của chúng tôi, kể cả lá thư ngày 29 tháng 10 của tôi gửi Ngài. Chúng đã làm cho tôi bối rối và gây cho tôi nhiều trở ngại.

Trong những lần liên lạc trước, và trong những

cuộc trình bày của TS Kissinger, và Đại sứ Bunker, chúng tôi đã giải thích nhiều lần tại sao ***chúng tôi coi bản dự thảo Hiệp định ấy là hợp lý; chúng tôi tiếp tục tin tưởng rằng nó phản ảnh những nhượng bộ của phe bên kia, nó bảo vệ nền độc lập của Nam Việt Nam, và cho phép nhân dân Việt Nam quyết định lấy tương lai chính trị cho chính mình****. Ngài cũng đã được thông báo đầy đủ về công cuộc tái thiết các khí cụ hiện đang được thực hiện để tăng cường các lực lượng của Ngài trước khi có đình chiến. Tôi đã rất nhiều lần gửi đến Ngài những bảo đảm chắc chắn chống lại trường hợp hiệp định có thể bị vi phạm. Tôi đã ngỏ ý muốn gặp Ngài một thời gian ngắn sau khi hiệp định được ký kết để biểu dương lại sự ủng hộ tiếp tục của chúng tôi. Tôi khỏi cần kể lại rất nhiều lập luận, giải thích, và những công tác đã được thực hiện. Chúng vẫn còn có hiệu lực.*

Tôi thiển nghĩ là Ngài có hai lựa chọn chủ yếu. Ngài có thể dùng sự ủng hộ của dân chúng mà Ngài đã thâu lượm được do những hành động mới đây để tuyên bố ***đã có thắng lợi quân sự mà bản Hiệp định phản ảnh****; Ngài có thể cộng tác với đồng minh mạnh nhất của Ngài để mang lại thắng lợi chính trị do những điều kiện hiện hữu mang tới. Ngài có thể nắm lấy sáng kiến chính trị và tâm lý bằng cách hoan nghênh bản Hiệp định và thi hành những điều khoản của nó theo một đường lối tích cực. Trong trường hợp này, tôi xin nhắc lại lời mời của tôi để gặp Ngài, một thời gian*

ngắn sau khi ký hiệp định, để nhấn mạnh sự hợp tác mật thiết liên tục giữa chúng ta.

Lựa chọn thứ hai là Ngài vẫn tiếp tục con đường mà dường như Ngài đang theo đuổi hiện nay. Theo ý tôi, thì điều đó sẽ có lợi cho kẻ địch và sẽ mang đến những hậu quả vô cùng trầm trọng cho cả hai dân tộc ta. Nó sẽ là một thảm họa cho dân tộc Ngài.

Thưa Tổng Thống, tôi xin Ngài cho Đại tướng Haig biết ta có thể yên tâm tiến hành trên căn bản này không? Chúng tôi hiện đã tới một giai đoạn mà tôi cần biết đích xác liệu Ngài có sẽ tiếp tay với chúng tôi trong nỗ lực mà Tướng Haig sẽ phác họa với Ngài không, hay là chúng tôi phải trù liệu các đường lối hành động khác mà tôi tin rằng sẽ thiệt hại cho quyền lợi của cả hai quốc gia chúng ta.

Tôi hy vọng Ngài và chính phủ Ngài sẵn sàng cộng tác với chúng tôi. Có rất nhiều công tác chuẩn bị cần được thực hiện và chúng tôi tin rằng các toán đặc nhiệm Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa phải khởi sự làm việc với nhau để chúng ta sẽ ở vào tư thế tốt nhất có thể có, ngõ hầu thi hành bản hiệp định.

Tôi hoàn toàn tin rằng nhân dân Ngài, quân lực Ngài và chính bản thân Ngài đã dành được một thắng lợi lớn mà bản dự thảo Hiệp định sẽ xác nhận.

Ý định của tôi là sẽ xây dựng trên những thành quả đó. Tôi muốn được cộng tác với Ngài và chính phủ Ngài trong nhiệm kỳ thứ hai của tôi để bảo vệ tự do tại miền Nam – trong thời bình, cũng như ta

đã từng cộng tác trong nhiệm kỳ thứ nhất của tôi để bảo vệ nó trong thời chiến.

Trong bốn năm qua, Ngài và tôi đã là hai đồng minh thân thiết, trên bình diện cá nhân cũng như quân sự. Sự liên minh này sẽ đưa chúng ta tới một vị trí khiến kẻ địch đang thỏa thuận với những điều kiện mà bất cứ một quan sát viên vô tư nào cũng đã nói là không thể có được bốn năm trước đây. Sự liên minh của chúng ta và những thành quả của nó đã được xây dựng trên sự tin cậy lẫn nhau. Nếu Ngài tiếp tục tin cậy chúng tôi, thì cùng nhau chúng ta sẽ thành công.

Kính thư

(kt) Richard Nixon

Sau khi Haig rời Dinh Độc Lập, Thiệu đọc lại lá thư một lần nữa rồi viết lên đầu thư: "Đọc cho Hội đồng và Task force (Toán đặc nhiệm) làm việc trên những điểm này". Ông còn đánh ba dấu hỏi ở lề trái lá thư, chỗ viết "Những sự bóp méo và đả kích liên tiếp bản hiệp định đã không công bình mà còn có tính cách chủ bại".[4]

Thiệu mất tinh thần về sự thay đổi giọng điệu của Nixon, nhất là câu mở đầu, "một chiều hướng nguy hiểm trong mối liên hệ". Nhưng ông cũng không cảm thấy bị đe dọa bởi "hai lựa chọn chủ yếu" và mặc dù Nixon đã đặt hết lên vai ông "những hậu quả vô cùng trầm trọng cho cả hai dân tộc ta"... (và) một thảm họa cho dân tộc Ngài". Ông quyết định là đã đến lượt mình phải tham dự điều đình, và nếu như

Kissinger vẫn còn ở chức vụ thương thuyết gia, ông sẽ vẫn đưa ra yêu sách của Sài Gòn. Thiệu tiếp tục cưỡng lại Kissinger một phần cũng vì được Hưng cho biết là Kissinger đang hơi yếu thế, và bị nhóm viên chức trong văn phòng Tổng Thống Nixon cô lập hóa (Báo chí Mỹ nói bóng gió là có sự nứt rạn trong tòa Bạch Cung, và chính vợ Haldeman đã than phiền với một người bạn Việt của Hưng về hành động của Kissinger trong các cuộc hòa đàm).[5] Chống lại kế hoạch hòa bình của Kissinger cũng đã có một phản ứng mạnh từ phía lãnh đạo quân sự Mỹ như Hải quân Đô đốc Thomas Moore, chủ tịch tham mưu trưởng liên quân, và Đại tướng Westmoreland, hồi đó là Tham mưu trưởng Lục quân, phe bảo thủ, như Warren Nutter chẳng hạn, hồi đó là Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng cũng chống kế hoạch của Kissinger. Trong chính quyền Nixon hồi đó đã không hề có thảo luận liên bộ về kế hoạch này.

Thiệu đã tin rằng nếu cứ kiên trì giải thích cho Hoa Thịnh Đốn hiểu được tính cách giết người của bản hiệp định đối với Việt Nam Cộng hòa, thì Nixon sẽ thông cảm và đòi duyệt lại Hiệp định Paris. Ông nhất định không cho là Nixon đã thành thật khi nói rằng Việt Nam Cộng hòa "*đã giành được một thắng lợi lớn mà bản dự thảo hiệp định sẽ xác nhận*".Tuy nhiên ông muốn giải đoán lá thư theo quan điểm riêng của mình. Chẳng hạn, câu Nixon hứa "*bảo đảm chắc chắn chống lại trường hợp hiệp định có thể*

bị vi phạm". " *Bảo đảm*" *đã* trở thành từ ngữ then chốt đối với Việt Nam Cộng hòa. Bởi vậy chính phủ Sài Gòn bèn phác họa một số yêu sách liên quan đến những bảo đảm về sự hiện diện của quân Bắc Việt tại miền Nam, việc tôn trọng vùng Phi Quân Sự, và sự hiện hữu của cơ chế quốc tế kiểm soát đình chiến.

HĐANQG họp với Haig đòi thiết lập một danh sách liệt kê những vấn đề ưu tiên. Thiệu chuyển cho Haig một lá thư lặp lại những yêu sách của Việt Nam Cộng hòa và đòi phải minh xác những vấn đề then chốt nói trên.

Ông cố bấu víu vào những đoạn tích cực trong lá thư Nixon. Chẳng hạn: "… *cộng tác với Ngài và chính phủ Ngài trong nhiệm kỳ thứ hai của tôi để bảo vệ tự do tại miền Nam – trong thời bình cũng như ta đã từng cộng tác trong nhiệm kỳ thứ nhất của tôi để bảo vệ nó trong thời chiến*".

Thiệu nghĩ cách chiếm sự thông cảm của Haig trong tư thế một quân nhân, nên hỏi: "Đại tướng Haig, Ngài là một tướng lãnh. Tôi cũng là một tướng lãnh. Ngài có bao giờ thấy bất cứ một hiệp ước hòa bình nào trong lịch sử thế giới mà kẻ xâm lăng lại được phép ở lại trong lãnh thổ mà họ đã xâm chiếm không? Thí dụ như liệu Ngài có sẽ cho phép quân Nga ở lại Hoa Kỳ và rồi nói là quí vị đã đạt được một hiệp ước hòa bình với Nga không"?[6]

Thiệu sau này nói là Haig đã không trả lời nói: "Trả lời làm sao nổi – điều phi lý như thế thì trả

lời làm sao nổi"? Thiệu nhận định con người nhà binh ở Haig thì kém lý thuyết hơn, do đó ít ngây thơ hơn là Kissinger khi phải đối phó với Cộng sản. Sợ là Kissinger đã bị Bắc Việt đánh lừa, bịp bợm, nên Thiệu cố kéo Haig về phe mình. Thiệu biết là Nixon muốn Mỹ ra khỏi Việt Nam vì áp lực dư luận và còn nhiều việc khác phải làm trong nhiệm kỳ hai, nhưng đâu có với cái giá là bỏ rơi miền Nam Việt Nam. Lý do không hẳn là vì Nixon đã cam kết gì với Thiệu hay với miền Nam Việt Nam, mà chính là uy tín và danh dự của Hoa Kỳ trong vị trí một đại cường thế giới.

Haig trở về Hoa Thịnh Đốn, mang theo thư của Thiệu và tin tưởng rằng rốt cuộc Thiệu sẽ đi theo. Ngày 12 tháng 11, ông phúc trình cho Nixon: "Hiện giờ chúng ta đang phải đối phó với một tình thế nguy ngập. Thiệu nhất định đặt uy tín của ông ta lên cùng một chỗ với uy tín của toàn thể chính phủ ông ta... cho nên tôi nghĩ rằng, nếu ta cứ giữ một lập trường hoàn toàn không hợp lý với ông ta, thì có thể sẽ bắt buộc ông ta phải lâm vào chỗ tự sát chính trị. Trong trường hợp đó, tôi không chắc là quyền lợi của ta sẽ được phục vụ tối đa; cho nên tôi đề nghị một giải pháp nghe dễ sợ hơn, là cố giải quyết vấn đề đó với Thiệu cho đến phút chót".[7]

Nixon đồng ý với phân tích của Haig "rằng cái giá phải trả để giữ Thiệu lại tất nhiên là nhiều rủi ro, nhưng tôi không tin là không thể chấp nhận được trong giai đoạn này". Ngày 8 tháng 12 đã được định

là thời hạn chót để ký Hiệp định tại Paris. Nếu như vẫn không thể thuyết phục được Thiệu chịu ký vào lúc đó thì Nixon quyết định sẽ ký với Bắc Việt một bản hiệp định riêng biệt.[8] Nixon bây giờ lấy một giọng điệu ôn hòa hơn. Ngày 14 tháng 11, ông gửi cho Thiệu một phúc thư và điện báo sang Sài Gòn cho Bunker bảo trao lá thư vào tối ngày 14 tháng 11. Lá thư có nội dung kêu gọi Việt Nam Cộng hòa cộng tác bằng cách viết rõ ra về "bảo đảm tuyệt đối" của Hoa Kỳ trước khi điều đình tái tục tại Paris giữa Kissinger và Thọ vào ngày 20 tháng 11. Các đoạn chính lá thư như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Qua lá thư của Ngài và qua phúc trình riêng của Đại tướng Haig, tôi hiểu rằng mối quan tâm chính còn lại của Ngài đối với bản dự thảo hòa bình là tình trạng của lực lượng Bắc Việt hiện nay ở Nam Việt Nam. Như Tướng Haig đã giải thích với Ngài, chúng tôi có ý định đối phó với vấn đề này bằng cách, thứ nhất, thêm vào bản dự thảo hiệp định một điều khoản đòi giảm quân và giải ngũ các lực lượng của cả hai bên tại Nam Việt Nam... và đòi số quân nhân giải ngũ trở về quê quán họ.

Tôi sẽ không nhắc lại hết ở đây những gì tôi đã viết trong lá thư gửi Ngài ngày 8 tháng 11, nhưng tôi xin được tái khẳng định nội dung chủ yếu của nó và nhấn mạnh một lần nữa quyết tâm của tôi muốn đi tới một hiệp định sớm sủa, đại để như lịch trình mà Tướng

Haig đã giải thích với Ngài. Tôi phải rất thành thực giải thích là mặc dù chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để đạt được những thay đổi trong bản hiệp định mà Tướng Haig đã thảo luận với Ngài, và những thay đổi phụ mà Đại sứ Bunker sẽ trao đến Ngài, chúng tôi không thể trông đợi là có thể đạt được tất cả. Thí dụ, nếu giả định rằng chúng tôi sẽ có thể đạt được những bảo đảm tuyệt đối mà Ngài hy vọng có được về vấn đề quân đội Bắc Việt thì không thực tế.

Nhưng quan trọng hơn rất nhiều những gì chúng tôi nói trong hiệp định về vấn đề này là những gì chúng tôi sẽ làm trong trường hợp kẻ địch tái diễn xâm lược. Tôi tuyệt đối cam đoan với Ngài rằng: nếu Hà Nội không tuân theo những điều kiện của Hiệp định này, thì tôi cương quyết sẽ có hành động trả đũa mau lẹ và ác liệt.

Tôi tin rằng bản hiệp định hiện có là một hiệp định, trong chủ yếu, hợp lý, và nó còn phải trở nên hợp lý hơn nữa nếu như chúng ta thành công trong việc lấy được một số những thay đổi mà chúng ta đã thảo luận. Sự bảo đảm lớn nhất cho thành công là tiến tới hoàn cảnh mới này với lòng tin tưởng và cộng tác...

Trên hết chúng ta nên ghi vào tâm khảm những gì thực sự duy trì được bản hiệp định: ***Chẳng phải là một điều khoản đặc biệt nào đó trong bản hiệp định mà là sự quyết tâm của cả hai chúng ta để duy trì các điều khoản của nó. Tôi xin nhắc lại những bảo đảm của chính tôi với Ngài là Hoa Kỳ sẽ phản ứng***

thật mạnh mẽ và mau lẹ đối với bất cứ vi phạm hiệp định nào. *Nhưng để thực thi điều này một cách hữu hiệu, điều quan trọng là tôi phải có được hậu thuẫn của dân chúng, và chính phủ Ngài phải đừng tỏ ra như một trở ngại cho một nền hòa bình mà công luận Hoa Kỳ giờ đây hoàn toàn mong muốn. Chính vì lý do này, mà tôi khẩn khoản yêu cầu Ngài nhận một bản hiệp định mà tôi tin là đi đôi với danh dự và công lý, một hiệp định mà ta có thể làm cho trở nên an toàn bằng sự quyết tâm chung của chúng ta.*

Nhà tôi cùng tôi xin gửi đến Phu Nhân và Ngài những lời kính thăm nồng hậu nhất. Cả hai chúng tôi đều mong được gặp Ngài và quí Phu nhân lần nữa tại nhà riêng của tôi ở California một khi nền hòa bình công chính mà chúng ta đã tranh đấu từ bao lâu nay rốt cuộc đã hoàn thành.

Kính thư,

(kt) Richard Nixon

Lá thư này cho thấy Nixon đã trả lời về ba mối lo ngại chính của Thiệu: sự hiện diện của quân đội Bắc Việt tại miền Nam, cơ chế kiểm soát, và những vi phạm hiệp định của Bắc Việt Ông trấn an Thiệu rằng cơ chế kiểm soát đình chiến "*tự nó không thể quan trọng bằng quyết tâm của chúng ta bảo đảm cho hiệp định được thi hành và sự cảnh giác của chúng ta đối với viễn tượng nó bị vi phạm*". Thiệu thấy hơi yên tâm, vì trong một lá thư mà Nixon đã nhắc lại hai lần là hiệp định tự nó chẳng quan trọng bằng những gì

Hoa Kỳ sẽ làm, nhất là về sự hiện diện tiếp tục của quân đội Bắc Việt: Nixon và Kissinger đã thôi không lập luận là đám quân đó sẽ "tan dần đi" nữa, nhưng bây giờ nhấn mạnh đến những bảo đảm, đến tầm quan trọng của những hành động mà Mỹ sẽ đối phó để bắt phải tôn trọng đình chiến. Ông Thiệu đã gạch dưới những câu Nixon viết về quyết tâm trả đũa của Hoa Kỳ một khi Bắc Việt vi phạm, và ở lề lá thư còn đánh hai dấu đậm để nhấn mạnh những điểm đó. Ông cũng để ý đến câu chào hỏi thân mật của Nixon ở đoạn cuối lá thư, mà lần đầu tiên ông nhận được.

Giọng điệu ôn hòa của lá thư cũng làm ông yên lòng một phần nào, nhưng ông vẫn muốn thấy những bảo đảm ấy được viết ra một cách rõ ràng hơn nữa, trên giấy trắng mực đen. Những hứa hẹn riêng tư của Nixon quả có trấn an, nhưng Thiệu lại chẳng thể công bố ra được.

Ngày 18 tháng 11, hai ngày trước khi hòa đàm tái nhóm tại Paris, Thiệu mời Đại sứ Bunker đến và trao cho ông ta một bức giác thư đề nghị sáu-mươi-chín sửa đổi cho bản hiệp định. Gần như điều khoản nào cũng có ghi một câu phản đối, trong đó mục đích là tố cáo với Nixon là Kissinger đã cẩu thả, hoặc bị Bắc Việt lừa bịp hoặc đã nhượng bộ Bắc Việt.

Đồng thời Thiệu đề nghị gửi Phụ tá ngoại giao Nguyễn Phú Đức, qua Hoa Thịnh Đốn để giải thích về những sửa đổi cần thiết. Biết rằng, Kissinger sắp lên đường qua Paris để gặp Thọ, Thiệu hy vọng rằng

sứ giả của mình có thể gặp được Nixon ở Hoa Thịnh Đốn mà không có sự hiện diện của Kissinger; cùng lắm, chỉ có tướng Haig là người còn có thiện cảm với miền Nam.

Thế nhưng, Kissinger lại cho việc Thiệu đề nghị gửi một sứ giả qua Mỹ là "một cái tát vào mặt tôi và là một chiến thuật tránh né lì lợm vì không có cách nào một người sứ giả có thể đến kịp Hoa Thịnh Đốn trước khi tôi phải khởi hành". Muốn giữ chặt lấy quyền kiểm soát các cuộc thương thuyết, Kissinger nhất định yêu cầu Nixon để ông có mặt trong buổi họp. Theo Kissinger, thì Nixon đã "gửi Thiệu, một lá thư lạnh lùng, cảnh cáo là những thay đổi đó không thể nào đạt được tất cả, và từ chối không tiếp một sứ giả cho đến khi nào các cuộc thương lượng với Hà Nội sắp tới được hoàn tất".[9]

Thực ra, lá thư đã có lời lẽ rất là hòa dịu. Nội dung lá thư ngày 18 tháng 11 đó như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi đã hết sức cẩn thận đọc bức giác thư ngày 18 tháng 11 của chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Tôi tin chắc Ngài đã thừa hiểu những khó khăn xẩy cho chúng tôi khi Ngài đưa ra một danh sách đòi rất nhiều những sửa đổi khác sau khi đã có biết bao đề nghị sửa đổi mà chúng ta đã thảo luận. Dù sao chăng nữa, tôi sẽ chỉ thị cho TS Kissinger tìm cách để đưa ra những đề nghị của Ngài một cách tối đa. Tuy nhiên, tôi phải xin giải thích với Ngài rằng, thứ nhất nếu viết vào hiệp định

một cách rõ ràng về vấn đề quân đội Bắc Việt tại miền Nam thì có điều bất lợi là như thế ta đã hợp thức hóa bất cứ lực lượng nào còn ở lại và, thứ hai, như chúng tôi đã nói nhiều lần việc đó hiển nhiên không thể đòi được. Thêm nữa, vào lúc này không thể nào thay đổi được thành phần của Ủy Ban Kiểm Soát Quốc tế. Còn về những thay đổi khác, TS Kissinger sẽ trình bày cho quí Đại sứ (của Ngài tại Paris) biết về những nhượng bộ nào đã đạt được vào buổi chiều mỗi ngày.

Chỉ thị của tôi cho TS Kissinger là làm áp lực tối đa để đưa ra những đề nghị của Ngài. Tuy nhiên, tôi phải xin giải thích là sẽ không thể hủy bỏ bản hiệp định hoặc đồng ý với những đề nghị chồng chất thêm nữa của Ngài khi những đề nghị đó cũng sẽ đưa tới cùng một hậu quả (là hủy bỏ hiệp định). Cho nên có thể là không thể đòi hết được tất cả mọi sự sửa đổi như Ngài muốn.

Riêng về đề nghị gửi một sứ giả qua Hoa Thịnh Đốn, tôi tin rằng, sau hai chuyến viếng thăm của TS Kissinger và ba chuyến của Đại tướng Haig, ba lá thư riêng của tôi cùng vô số những trao đổi qua Đại sứ Bunker cũng như tất cả mọi bức thông điệp của Ngài mà tôi đã được đọc, chúng tôi đã có đầy đủ những đề nghị của Ngài về cuộc thương thuyết trong giai đoạn này. Cho nên, tôi thiển nghĩ rằng, cơ hội thuận tiện nhất để tôi gặp sứ giả của Ngài là ngay sau cuộc họp tới ở Paris, khi chúng ta đã có được một số vấn đề mới để cứu xét chung. Bởi thế, nếu Ngài lựa chọn ông

Đức làm sứ giả của Ngài thì tôi xin đề nghị ông nên qua Hoa Thịnh Đốn trên chuyến máy bay cùng với TS Kissinger ngay sau khi chấm dứt cuộc thảo luận sắp tới tại Paris. Mặt khác, nếu như Ngài chọn Ngoại trưởng Lắm làm vị sứ giả của Ngài, thì tôi đề nghị ông đó qua Paris ngay và tham dự các cuộc thảo luận tiếp theo mọi phiên họp trong ngày và rồi cùng trở về Hoa Thịnh Đốn với TS Kissinger để họp với tôi.

Một lần nữa, tôi khẩn khoản xin Ngài liên kết với chúng tôi trên đường hướng mà tôi quyết chí theo đuổi. Một lần nữa, tôi cũng phải xin Ngài hiểu rõ mối nguy hiểm lớn lao khi Ngài làm mất sự ủng hộ của quần chúng tại Hoa Kỳ, với tất cả những rủi ro cho sự tiếp tục nỗ lực chung của chúng ta. Lẽ tất nhiên chúng ta sẽ liên lạc mật thiết sau khi các cuộc hòa đàm tại Paris hoàn tất.

Kính thư,

(kt) Richard Nixon

Kissinger đã dằn mặt Thiệu, bắt sứ giả Việt Nam Cộng hòa phải cùng đi máy bay với mình về Mỹ để cùng gặp Nixon ! Thiệu thất vọng là Nixon không tiếp ông Đức trong thời gian Kissinger đi vắng. Thế nhưng, ông không còn cách nào khác hơn là chấp nhận phản đề nghị của Nixon. Trên trang hai của lá thư Nixon (mà bản văn đã được Đại sứ Bunker chuyển đạt tới ông ngày 19 tháng 11), Thiệu viết chỉ thị cho Đức là "*đi kịp thời*", cùng mang tài liệu theo và theo dõi tại Ba-lê".

Sau này, trong tập hồi ký, Nixon đã tiết lộ mối quan tâm của ông về áp lực của Kissinger đối với Thiệu. Nixon quyết định sẽ cứ tiến hành không cần sự thỏa thuận của Thiệu, đồng thời ông cũng muốn kiềm chế Kissinger: "Như tôi đã bảo Henry khi ông ta bắt đầu đi các nơi lầm bầm thanh minh là trong trường hợp này (Hoa Kỳ khỏi phải e ngại về Thiệu vì) ta đã có một thành tích hết sức tốt đẹp (với ông ta) rồi. Tôi nói, Henry, ta không nên quan tâm đến việc là dựa trên thành tích thì ta đã đúng. Điều ta quan tâm tới là cứu vãn miền Nam Việt Nam và đó là lý do tại sao ta đã phải tạm thời hòa hoãn với Thiệu càng nhiều càng hay bởi lẽ quyền lợi của ta là làm thế nào cho miền Nam Việt Nam tồn tại và hiện nay Thiệu dường như là người lãnh đạo duy nhất có thể đưa tới chiều hướng đó".[10]

Kissinger tới Paris ngày 19 tháng 11, và họp phiên thứ nhất với Thọ vào ngày thứ Hai, 20-11-1972, tại ngôi nhà cũ của họa sĩ Léger ở Gif-sur-Yvette, ngoại ô Paris. Phe Việt Nam Cộng hòa lập một toán đặc nhiệm để theo dõi hòa đàm. Ba Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Hoa Thịnh Đốn, London, và tại Hòa đàm Paris đều có mặt. Đức và Nhã cũng được cử qua Pháp, với nhiệm vụ phụ tá các đại sứ và thảo một lá thư cho Nixon để Đức mang qua Hoa Thịnh Đốn sau khi kết thúc tuần hội họp với Bắc Việt. Trước khi đi, Nhã đã xin Thiệu ký tên ở nhiều chỗ khác nhau trên năm trang giấy in con dấu Tổng Thống. Làm như

thế, khi đánh máy trên trang chót, chữ ký của Thiệu sẽ ở vào đúng chỗ, và không ai sẽ biết là lá thư đã được ký sẵn ở Sài Gòn.[11]

Thiệu cũng yêu cầu Tướng Trần Văn Đôn hồi ấy là chủ tịch Ủy Ban Quốc phòng tại Quốc hội, chuẩn bị qua Paris, và mời Hưng cùng qua đó để theo dõi. Đôn được rất nhiều người trong cộng đồng Việt Nam ở Paris biết đến, và có nhiều tiếp xúc mật thiết với các giới cao cấp tại bộ Ngoại giao Pháp. Thiệu muốn Hưng sang Paris để làm việc với Đôn và phân tích những điểm tinh tế, những ẩn ý của bản hiệp định. Ông Thiệu hồi đó có rất ít nhân viên phụ trách công tác nghiên cứu, nhất là loại nghiên cứu văn bản như Hưng đã làm. Với một căn bản giáo dục Hoa Kỳ, anh đã được huấn luyện cách tham khảo, cách phân tích và phân biệt những sắc thái tế nhị trong ngữ ý. Cho nên Thiệu đã được cung ứng đầy đủ những bản nghiên cứu chi tiết của anh về các lập trường của Hà Nội cũng như những bản so sánh với những yêu sách có trước hoặc với những lập trường và những lời tuyên bố khác nhau của Hoa Kỳ.

Lợi dụng các ngày nghỉ lễ Tạ Ơn tại Hoa Kỳ, anh rời Đại học Howard và bay qua Paris. Trước khi đi, Hưng gặp Warren Nutter tại nhà hàng Trader Vic trong khách sạn Hilton ở Hoa Thịnh Đốn để thăm dò quan điểm của chính quyền Nixon sau khi có vụ họp báo của Kissinger. Nutter bèn tỏ lộ sự bất mãn của ông đối với những sự việc đang xẩy ra. Ông nói:

"Tôi thật sự là bối rối. Chẳng còn biết được cái gì đang xảy ra nữa. Kissinger đã cứ ôm nó khư khư một mình. Chỉ có mình ông ta biết mà thôi. Nhưng tôi có thể cam đoan với anh là Việt Nam vẫn còn được nhiều thiện cảm của rất nhiều người trong chính phủ". Nutter bảo Hưng là ông sẽ rời khỏi chính quyền Nixon trong nhiệm kỳ hai vì ông cảm thấy sự hữu hiệu của mình tại Ngũ Giác Đài đã chấm dứt, lại nữa ông có thể giúp ích được cho Việt Nam Cộng hòa nhiều hơn nếu ở ngoài chính quyền. Ông than phiền rất nhiều về cung cách Kissinger chi phối những quyết định quan trọng và gạt bỏ những người khác ra khỏi diễn trình ấy. Nutter kể rằng ngay từ hồi đầu của chính quyền Nixon, năm 1969, Kissinger đã có một quan điểm đầy thành kiến về chính phủ Sài Gòn mà ông cho là yếu kém và không hữu hiệu; Kissinger không tin tưởng gì vào Việt Nam Cộng hòa ngay từ đầu. Nutter nói rằng, khi phân tích và nhận định về tương lai của hai chính thể ở Việt Nam, Kissinger đã kết luận rằng một chế độ cảnh-sát-trị như Bắc Việt được tổ chức giỏi hơn chế độ miền Nam và hữu hiệu hơn miền Nam vì họ có thể kiểm soát được dân chúng một cách đồng nhất và bằng cách hủy diệt tất cả mọi chống đối. Nutter còn giải thích ông có cảm tưởng là không bao giờ Kissinger đã kính nể chính phủ Nam Việt Nam cả. Rồi Nutter thêm: "Thử hỏi làm sao mà có thể điều đình một cách hữu hiệu cho những gì mình không tin tưởng? Tôi cũng chưa chắc

là Kissinger có thực sự yêu chuộng nền dân chủ Hoa Kỳ và sự quan trọng của tính cách cởi mở của dân chủ Hoa Kỳ hay không?" Hưng ngạc nhiên về lời bình luận này, và nói: "Làm sao một vị giáo sư lỗi lạc của Đại học Harvard lại có thể không thấu hiểu nền dân chủ Hoa Kỳ"? Nutter đáp: "Không phải thế. Ông ta rất hiểu lý thuyết về dân chủ, còn hơn cả anh, hơn cả tôi nữa, nhưng có một sự trung thành với các phương pháp dân chủ và yêu quí nó, lại là một chuyện khác".[12]

Trên chuyến bay đêm sang Paris, Hưng uống cà phê đen và ngậm sâm để tỉnh ngủ và có sức viết một tờ trình tỷ mỷ cho Thiệu, trong lúc vừa lo lắng, vừa mệt lả, anh đã viết với nhiều xúc cảm: "Tôi xin Tổng Thống biết là trong giờ phút khắc khoải này, chúng tôi nghĩ tới và cầu nguyện cho Tổng Thống. Chúng tôi cầu xin để Tổng Thống kiên trì và nhất định bảo vệ quyền lợi của VN với bất cứ giá nào". Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng bản dự thảo hiệp định, Hưng đã tin chắc chắn là nó chứa đựng những mầm hủy diệt của miền Nam Việt Nam. Anh quyết tâm góp sức với chính phủ Việt Nam Cộng hòa để tranh đấu làm sao cho Nixon đừng gạt bỏ miền Nam ra ngoài lịch trình của Hoa Kỳ trong nhiệm kỳ hai của ông.

Khi tới phi trường Orly, bất ngờ anh lại gặp Nhã vừa ở Sài Gòn tới. Sau chuyến bay dài dằng dặc từ Sài Gòn, mặt Nhã trông tái nhợt, áo quần xốc xếch. Hai người buồn rầu nói chuyện về việc Kissinger đã

"bán đứng" lập trường của Việt Nam Cộng hòa, và về nhu cầu phải tìm cách để chuyển đạt sự lo âu ấy tới thẳng Nixon.

chương VIII
đi tìm một ranh giới

Ngồi tại Monceau, một khách sạn nhỏ bé và khiêm nhượng bên tả ngạn sông Seine, Nhã kể cho Hưng nghe việc ông Thiệu đã có ý định đích thân sang gặp Nixon. Nixon đã từ khước, nhưng đồng ý tiếp sứ giả của Thiệu là Nguyễn Phú Đức, tại Washington, sau loạt thương lượng này. Thiệu đã không muốn chấp nhận một hiệp định trước khi có cơ hội biện hộ lập trường của mình trực tiếp với Nixon. Ông không tin là Kissinger đã phúc trình đầy đủ chi tiết và ý nghĩa của bản hiệp định một cách trung thực và chính xác với Tổng Thống Hoa Kỳ.

Thiệu thất vọng và lo ngại, vì Nixon đã muốn đình lại cuộc gặp gỡ đó cho tới khi nào ký kết hiệp định Paris xong. Sau này ông kể lại: "Tôi đã muốn gặp mặt Nixon để giải thích cho kỹ, cho rõ lập trường của mình... Tôi cũng muốn coi xem có giải pháp nào khác nữa không, vì tôi không tin là Kissinger đã phúc trình cho Nixon đầy đủ. Tôi muốn biết xem tay

đó nói láo những gì, và im đi những gì... Với tư cách Tổng Thống, làm sao Nixon có thể mặt nhìn mặt mà nói với tôi: đó là một hiệp định tốt, có lợi cho Việt Nam Cộng hòa và tôi phải ký vào đó"?[1] Thiệu nhận thấy rằng bản hiệp định đã đi ngược hẳn với những gì Nixon viết trong các lá thư, nhất là khi Nixon nói rằng nó sẽ thỏa mãn "các điều kiện tuyệt đối" của ông ta về sự tồn tại của miền Nam Việt Nam tự do và độc lập. Tại Sài Gòn, báo chí địa phương được Dinh Độc Lập khuyến khích, bắt đầu gọi Hiệp định Paris là một cuộc "bán đứng", một "án tử hình", và một "hiệp định đầu hàng".

Sau phiên họp sơ khởi ngày 20 tháng 11 với Thọ, Kissinger thấy phấn khởi, cho là có thể đi tới được hòa giải; nhưng rồi sự phấn khởi đó đã tan đi nhanh chóng vì sau buổi đó, Thọ lại bắt đầu leo thang. Kissinger và Nixon đã hy vọng rằng Hà Nội sẽ coi cuộc thắng cử của Nixon là một khích lệ để giải quyết những vấn đề còn lại và đi tới chỗ thỏa hiệp trước khi Nixon có thể trở nên cứng rắn hơn sau khi đã bắt đầu nhiệm kỳ hai vào tháng Giêng tới. Thế nhưng Bắc Việt đã suy đi tính lại, lầm tưởng là có thể đã bị Mỹ đánh lừa. Họ đã tưởng đổi chác như thế là xong, là có thể ký tắt vào bản dự thảo hiệp định tại Hà Nội ngày 24 tháng 10 được rồi, và chính thức ký kết ngày 31 tháng 10 đã qua. Khi Thiệu không chịu và Kissinger trở về Washington, Bắc Việt cho là họ đã bị mắc vô cạm bẫy: Nixon đã rút lại những gì

Kissinger đã thỏa thuận và đang tìm cách sửa đổi các điều khoản của hiệp định.[2]

Vì trước kia giải thích hiệp định quá lỏng lẻo, nên Kissinger bây giờ bị mắc kẹt trước những yêu sách chi tiết của Việt Nam Cộng hòa, đòi thay đổi và minh thị lại một số điều khoản. Nhưng với mưu lược cao cường, Kissinger làm theo lệnh Nixon là đưa ra một số đòi hỏi của Việt Nam Cộng hòa cho Thọ, nhưng ông lại ngầm cho Thọ hiểu rằng đó không phải là đòi hỏi của Hoa Kỳ! Sau đó, ông đưa ra những yêu sách tối thiểu của Nixon để Thọ có thể thấy rõ khác biệt giữa hai danh sách sửa đổi.[3] Ngụ ý của ông là Bắc Việt chỉ cần thỏa mãn Nixon mà thôi. Điều quan trọng mà Nixon đòi hỏi là vùng Phi Quân Sự (DMZ) (*) giữa hai miền Nam-Bắc ở vỹ tuyến 17 phải được tôn trọng và thừa nhận là một ranh giới như Thiệu đòi. Nhưng sau này, khi viết hồi ký, Kissinger lại lấy điểm và giải thích: "Trong hiệp định, chúng tôi đã muốn nhắc đến điểm này (DMZ) – dù có mơ hồ, dù có ý bóng gió, dù có gián tiếp cách nào đi nữa – để hai miền Việt Nam sẽ phải sống hòa bình với nhau, và không để bên nào sẽ áp đặt giải pháp của mình lên bên kia bằng võ lực".[4] Tới ngày 23 tháng 11, nhằm ngày lễ Tạ Ơn, người ta thấy rõ là Thọ đang cố thủ và nhất định không nhượng bộ trước những yêu cầu thay đổi của Kissinger. Thọ cãi rằng Kissinger

(*) Demilitarized Zone

hồi tháng 10 đã đồng ý bản hiệp định dự thảo rồi, sao bây giờ lại phải sửa đổi?

Phía Việt Nam Cộng hòa cũng bất mãn với Kissinger không kém. Cả Hưng lẫn tướng Đôn đang có mặt tại Paris lúc đó, đều nghe nói là Kissinger đã bắt đầu cư xử rất thân mật với phe Bắc Việt và còn quà cáp họ nữa. Kissinger đã o bế Thọ và tặng vài cuốn sách có hình chụp của trường Harvard để chuẩn bị cho hắn sau này, một khi hiệp định đã được ký kết, sẽ được mời tới đó giảng một khóa hội thảo về chủ nghĩa Mác-Lê, như Kissinger đã đề nghị. Còn Xuân Thủy, anh chàng có máu mê cá ngựa này, cũng là phụ tá của Thọ, thì được một hình đầu ngựa bằng pha-lê Steuben. Hiển nhiên, Kissinger đã dùng quà cáp để tạo không khí thân mật và giảm bớt những ức đoán đang cho là hòa đàm có thể thất bại.

Trong tập thể cộng đồng người Việt tại Paris, nhiều tin đồn đại lan rộng nói là Kissinger bắt đầu giao du với phái đoàn Bắc Việt và dự những buổi tiệc linh đình do Bắc Việt khoản đãi vào những lúc cuộc thương lượng tới giai đoạn chót. Hưng còn nghe nói rằng cả Bắc Việt lẫn Kissinger đã bất bình về bài xã luận của anh đăng tải trên tờ nhật báo *International Herald Tribune*, xuất bản ở Paris, số ra ngày 20 tháng 11. Bài viết mang nhan đề "Dàn xếp chiến tranh theo điều kiện của Hà Nội", cho thấy Bắc Việt đã dùng Kissinger cách nào để yêu sách của họ được chấp nhận. Sau khi so sánh kỹ lưỡng mười điểm mà hồi

đầu Mặt trận giải phóng đưa ra ngày 8-5-1969, với đề nghị và bản văn Hiệp định Paris do đài Hà Nội loan tải, Hưng kết luận rằng tất cả mười điểm nguyên thủy của Mặt trận giải phóng đều đã có chứa đựng trong bản dự thảo hiệp định. Hưng lập luận: "Luận điệu cho rằng Hà Nội đã bỏ đi hai yêu sách một liên quan đến "chính phủ liên hiệp" và một đến "quyền phủ quyết đối với vấn đề nhân sự của chính phủ hiện hữu" – rất đáng nghi ngờ".[5]

Kissinger chỉ muốn làm sao thu vén cho xong các cuộc thương lượng cho kịp thời hạn chót là 22 tháng Chạp, để hồi hương tù binh Mỹ vào dịp lễ Giáng Sinh. Sau khi họp với Thọ mỗi ngày, ông đồng ý họp với phái đoàn Việt Nam Cộng hòa để lược trình kết quả thảo luận. Cứ mỗi tối, sau cơm chiều, ba ông Đại sứ Việt Nam Phạm Đăng Lâm, trưởng phái đoàn hòa đàm Paris; Vương Văn Bắc từ London và Trần Kim Phượng, từ Washington – rời văn phòng khiêm tốn của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại đại lộ Raymond Poincaré ở quận 8, lái xe tới tư thất của Đại sứ Mỹ tại số 41 Faubourg Saint Honoré, một tòa lâu đài có vườn lịch sự, trước là trang viện của nhà họ Rothschild (giòng họ chủ ngân hàng và tỷ phú ở Pháp). Tại đây vào khoảng chín giờ mỗi tối, Kissinger hoặc Tướng Haig tường trình sơ qua cho ba đại sứ Việt Nam Cộng hòa những diễn tiến điều đình với phái đoàn Bắc Việt trong ngày.

Kissinger giữ một thái độ thực tế, mực thước.

Ông cho biết đại khái phiên họp trong ngày đã được nhóm ở đâu, thảo luận những gì (nhưng rất là "chung chung"). Có một lần không kiềm được nỗi bực mình, ông hỏi phe Việt Nam Cộng hòa là "tại sao lại cần đến những ba đại sứ để canh chừng tôi, hay có lẽ để canh chừng lẫn nhau"?

Mấy đại sứ VNCH có cảm tưởng là Kissinger đã chỉ cho họ hay những vấn đề ngoại vi, có tính cách kỹ thuật và tránh thảo luận những vấn đề trọng tâm, thực chất. Sau này, Vương Văn Bắc kể lại: Xừ Kissinger "cứ nói vòng vo tam quốc" hoặc nhặt ra những chi tiết lặt vặt, chẳng hạn như mình sẽ ký ra sao, và cứ lải nhải mãi chuyện ấy, hoặc vấn đề nghi thức ngoại giao và cơ chế kiểm soát; còn thì rất là lơ mơ về các vấn đề then chốt như quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam hay sự hình thành một chính phủ liên hiệp". Kissinger còn cứ khăng khăng là sự hiện diện của các đơn vị chính quy Bắc Việt tại miền Nam "có thể kiềm chế được". Ông ta còn muốn dụ Đại sứ Lâm về phe mình, nói là: "Việt Nam không có ai là bạn ở Washington hết, trừ tôi".[6]

Tướng Haig thì trực tiếp hơn và thẳng thắn hơn. Khi BV bắt đầu rút lại những nhượng bộ lúc trước họ đã đồng ý, Haig đổ lỗi cho phái đoàn Việt Nam Cộng hòa đã không mềm dẻo hơn. Đại sứ Phượng kể lại: "Vấn đề của chúng tôi hồi đó là liệu Mỹ có thực sự nêu lên những phản đối của Việt Nam Cộng hòa với Bắc Việt hay không. Chúng tôi thường yêu

cầu Mỹ làm cái này, cái kia, thì họ cứ nói "chúng tôi đã làm rồi mà phe Bắc Việt không chấp nhận". Làm thế nào mình biết được là họ có đưa ra phản đối hay không? Trong các thông cáo chung, người Mỹ luôn luôn nói rằng mình thủ vai chính trong các cuộc thương thảo, nhưng đâu có! Mình theo dõi rất yếu các cuộc điều đình (mật), cho nên chẳng có cách nào kiểm soát được là Mỹ đã làm gì".[7]

Lâm trưởng phái đoàn Việt Nam Cộng hòa, nói rằng ông biết được nhiều hơn về những hoạt động bên trong phiên họp qua những nguồn tin tản mác khắp cộng đồng người Việt tại Paris. Những mối giây liên hệ và lòng trung thành với gia đình vẫn còn mạnh hơn cả ý thức hệ chính trị. Trong các quán ăn Việt Nam thơm phức và ngụt khói cũng như trong những quán cà phê vỉa hè chung quanh khu Maubert-Mutualité ở tả ngạn sông Seine, nơi người Việt đủ mầu sắc chính trị thường tụ họp, có tin là phe Bắc Việt lúc ấy đang bắt đầu cứng rắn lại trong lập trường hòa đàm của họ.

Paris có một sức quyến rũ đặc biệt với người Việt Nam; sự quyến rũ ấy bắt nguồn từ một liên hệ vừa yêu vừa ghét giữa người Việt và người Pháp dưới thời Pháp thuộc. Tại Việt Nam, Paris đã là chìa khóa mở cửa cho sự giầu sang, và quyền quí. Đối với thanh thiếu niên, Paris còn là một trung tâm quyến rũ và huy hoàng của văn hóa Pháp. Các nhà thơ lãng mạn Pháp đã có thời làm giới văn học Việt Nam từ Nam

ra Bắc bị mê hoặc. Hưng vẫn còn thuộc lòng một trong những bài thơ bất hủ của Verlaine, bài nổi tiếng mở đầu với mấy câu: Il Pleut sur la ville | Comme il pleure dans mon cœur (Mưa rơi trên thành phố | Như mưa khóc trong hồn tôi). Không khí Paris xưa nay đã là nguồn cảm hứng vô tận cho một số thi sĩ và nhạc sĩ Việt Nam, thí dụ như một bài ca phổ biến kể chuyện buổi chia tay đẫm lệ giữa một sinh viên Việt và một thiếu nữ Pháp, dưới ánh đèn vàng của ga Lyon chẳng hạn. Vườn Lục Xâm Bảo, nơi lá mùa thu phủ vàng lộng lẫy và rơi rụng trên vai trần những tượng cẩm thạch trắng, cũng là nơi sinh viên Việt Nam thường tới tụ họp để thảo luận về luật, về chính trị, về cách mạng, và tình ái. Một căn bản học vấn Pháp, từ thủ đô Paris đem về đã có một thời bảo đảm được địa vị xã hội trong giới thượng lưu, và một công việc với lương cao bổng hậu tại quê nhà.

Nền giáo dục Pháp đặt nặng khoa học nhân văn, nghệ thuật, luật và triết học; nó ít chú trọng đến khoa học và kỹ thuật. Trong thời Pháp thuộc, đa số người Việt thường ưa học "thuốc": dược và y. Cựu ngoại trưởng Bắc giải thích: "Giống người Pháp, người Việt yêu mến một bản *sonate* hơn là một phát minh (khoa học)". Người Pháp đã để lại một di sản về quan niệm luật pháp và một hệ thống đại nghị, nhưng trong thực tế, những cái đó chưa hề được phép bắt rễ tại Việt Nam bao giờ.

Người Pháp cai trị Việt Nam trên tám mươi năm

trời bằng cách chia lãnh thổ thành ba phần với ba tên gọi tách biệt: "*Tonkin*" ở miền Bắc, "*Annam*" ở miền Trung và "*Cochin-Chine*" ở miền Nam. Mỗi phần đã có một hệ thống pháp luật và hành chánh riêng rẽ, khiến cho người Pháp đã có thể làm trầm trọng thêm những dị biệt địa dư và văn hóa giữa Bắc, Trung và Nam. Phương sách đó đẻ ra những dị biệt và lòng trung thành với địa phương, sau này đã gây ra biết bao nhiêu phiền nhiễu và cản trở cho Việt Nam Cộng Hòa.

Tại Paris, đám sinh viên Việt nghèo thường sống ở khu tả ngạn, trong những khách sạn nhỏ bé, rẻ tiền hay trong cư xá sinh viên, tại những ngõ hẻm gần Đại học Sorbonne. Họ thường tụ tập tại những quán ăn ít tốn kém như "Le Maubert", gần công trường Maubert, trên phố Montagne Sainte-Geneviève. Nhỏ bé và tối tăm, quán cơm này bán giá rẻ mạt cho sinh viên Việt Nam. Quán ăn đã được chính phủ Bắc Việt trợ cấp, coi như một hình thức tuyên truyền để lấy cảm tình và hậu thuẫn của sinh viên, khiến họ chống lại chính phủ Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ. Là nơi hẹn hò để "đấu láo" và tung tin đồn, Le Maubert bán thức ăn đã rẻ, lại còn phát truyền đơn Cộng Sản.

Khỏi nói, trong những ngày Paris là nơi diễn ra hòa đàm, cộng đồng người Việt đã chia thành hai phe rõ rệt. Ngôi nhà thờ cổ, đổi tên là Maubert Mutualité, tại công trường Maubert, đã là nơi tụ họp biểu tình và mít-tinh của cả hai bên. Mít-tinh thường được tổ

chức liên tiếp nhau, hết phe này, đến ngay phe kia, và các phe ủng hộ Bắc hay Nam thường hò hét chửi rủa nhau ngay trên đường phố; họ mang biểu ngữ, hô khẩu hiệu, giơ đấm dọa nạt nhau, và ẩu đả đổ máu xẩy ra là chuyện thường.

Hưng ở khách sạn "Studia", số 51 Đại lộ Saint-Germain, ngay trung tâm khu Đại học Sorbonne, để có thể bắt liên lạc với giới trẻ Việt Nam. Anh ở một căn phòng nhỏ, lầu thứ năm, có ban công nhìn ra những hàng cây xanh dưới phố với một cảnh trí cổ xưa in dấu trên những mái nhà màu xám và những ống khói lò sưởi bằng sành đã đen đi với thời gian. Ông chủ khách sạn có bà con làm việc cho cả hai chánh phủ, Bắc lẫn Nam, nên đã là một "ống dẫn" tin đồn tuyệt hảo. Hưng đã không thể nhịn cười khi nghe ông ta kể rằng ông có một "người bà con" làm việc cho phái đoàn BV; khi trở về Hà Nội, anh này đã phải đánh bóng nhoáng đôi giầy đang đi để trả lại cho chính phủ; người khác trong phái đoàn khi nào qua Paris sẽ được mượn lại.

Những ngày ở Paris, Hưng đã có dịp đi thu thập ý kiến và tin đồn. Lượm lặt đây đó những sự kiện và những mẩu chuyện tưởng như rời rạc và cô lập, anh đã có thể đem so sánh rồi đúc kết lại để đi tới một khái niệm tổng quát về những cuộc hòa đàm giữa Mỹ và Bắc Việt lúc đó.

Cứ cách một ngày anh và Tướng Đôn lại ăn trưa với Đại sứ Phạm Đăng Lâm tại quán ăn "Pieds de

Cochon" ở khu Les Halles. Lâm thường gọi nửa tá oursins (cầu gai) ăn sống, với một ly rượu vang trắng, "để lấy lại sức mà quần thảo với Kissinger". Lâm cũng nói với anh và Đôn là "chẳng biết chuyện gì đang xảy ra tại Gif-sur-Yvette ngoại trừ qua (những tin đồn) của cộng đồng Việt Nam".

Hưng nhớ lại trong giới Việt kiều quốc gia tại Paris lúc đó, người ta bắt đầu thắc mắc là có phải Kissinger đã nhập phái đoàn Bắc Việt rồi không? Tâm trạng của họ là một tâm trạng bực dọc và tuyệt vọng: Ngay đến chính vận mạng của mình cũng không do mình nắm được! Kissinger thì đang mối mai giùm họ với Bắc Việt, thế nhưng họ lại chẳng có cách gì để cưỡng lại mà không bị mất sự ủng hộ của "đồng minh" Hoa Kỳ.

Đến ngày 24 tháng 11, sau bốn ngày họp, Kissinger đánh điện cho Nixon đề nghị hai lựa chọn: Hủy bỏ hòa đàm và tái oanh tạc, hoặc hòa giải với những sửa đổi đã được đồng ý. Trong tập hồi ký sau này, Kissinger giải thích: "Tất nhiên tôi đâu có cách nào biết được là Hà Nội sẽ chấp nhận điều đó hay không; tôi (chỉ) chắc chắn là Sài Gòn sẽ bác bỏ. Tôi đã không đưa ra một đề nghị nào giữa hai lựa chọn: đó là triệu chứng của một liên hệ giữ miếng nhau giữa Nixon và tôi".[8]

Nguyễn Phú Đức rời Sài Gòn đến Paris ngày 24 tháng 11, không mang theo chỉ thị nào mới, mà chỉ có nhiệm vụ theo dõi cuộc hòa đàm và sau đó mang

thư của Thiệu tới gặp Nixon. Đức là một nhà ngoại giao lịch thiệp, trạc tứ tuần, con nhà giầu và độc thân. Đồng nghiệp ông ta còn nhớ là hồi còn làm ở tòa Đại sứ Việt Nam tại Washington, ông đã nhất định không chịu lái xe hơi, và ngày ngày từ nhà đi bộ đến tòa Đại sứ, tay luôn luôn cầm theo chiếc dù. Sau khi tốt nghiệp luật ở Đại học Harvard, ông vào làm ở Bộ ngoại giao và được cử làm đệ nhất tham vụ đặc trách chính trị tại tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Mỹ, rồi trở về Sài Gòn giữa thập niên 60. Năm 1966, khi ông Thiệu được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quân nhân, và bắt đầu tiếp xúc với quan khách ngoại quốc, Đức được cử làm tùy viên cho Thiệu. Đến khi ông Thiệu lên chức Tổng Thống, Đức được thăng lên chức Phụ tá ngoại giao. Đức là một nhà phân tích thận trọng và chính xác, nhưng khác với Kissinger, ông chỉ có một quyền hành giới hạn và chỉ phục vụ với tư cách một chuyên viên kiên trì, quả quyết và trung thành. Rất thận trọng trong việc đưa ra ý kiến, ông đã không có một cái nhìn lớn, rộng, ngoại giao và lý thuyết như Kissinger.[9] Ông đã bằng lòng đóng vai trò một phụ tá cao cấp trong Dinh Độc Lập; Thiệu đã trông cậy vào ông và tin cẩn ông, nhưng không hề trao cho một trách nhiệm lớn nào.

*
* *

Khi Đức từ Paris sửa soạn đi Hoa Thịnh Đốn để gặp Nixon, thì qua tình báo, Kissinger đã biết được

rằng ông Thiệu đang "cố tình làm bế tắc như xưa".[10] Ngày 23 tháng 11, Nixon lại gửi cho Thiệu một thông điệp, cùng với con dấu **Tối mật / Tế nhị**, qua sự chuyển đạt của Đại sứ Bunker. Lá thư với lời lẽ hằn học và đe dọa:

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi càng ngày càng kinh ngạc và e ngại về những vận động báo chí xuất phát từ Sài Gòn. Có những luận điệu vô căn cứ là cộng sự viên của tôi đã không thông báo cho tôi chính xác về quan điểm của Ngài, cho nên Ngài đã phải cử sang Washington một đặc sứ để hoàn thành công tác ấy. Những lời chỉ trích vô căn cứ đối với bản dự thảo hiệp định lại vẫn còn đang tiếp tục và càng ngày càng gia tăng.

Thêm nữa, tôi còn kinh ngạc về chiến thuật trì hoãn mà phái đoàn của Việt Nam Cộng hòa đang áp dụng với chúng tôi tại Paris. Đã rõ ràng là đại diện của Ngài ở đó đã không tìm được kịp thời những câu trả lời mà chúng tôi cần phải có nếu muốn trình bày đầy đủ quan điểm của Ngài trong các cuộc thương thuyết, kể cả những Nghị định thư có liên quan đến bản dự thảo hiệp định, mà chúng tôi đã chuyển đến chính phủ Ngài tại Sài Gòn khoảng hai tuần lễ trước đây.

Như tôi đã thưa với Ngài trong các lá thư của tôi đề ngày 8, 14 và 18 tháng 11, tôi sẽ tiếp xúc mau lẹ để đi tới một giải pháp cuối cùng nếu chúng tôi có thể kết thúc được tại Paris một bản hiệp định chót, khả dĩ có thể chấp nhận được trong tuần này. Vì đã có những

văn thư rõ ràng của tôi và những thông điệp do các đại diện tôi chuyển đến Ngài trong nhiều tuần lễ qua, nên bất cứ sự trì hoãn nào nữa về phía Ngài sẽ chỉ có thể giải thích như một nỗ lực của Ngài để hủy bỏ hiệp định. Sự việc này sẽ có một hậu quả hết sức tai hại tới khả năng của tôi trong việc tiếp tục yểm trợ Ngài và chính phủ Ngài.

Tôi mong được gặp quí sứ giả tại Washington ngay khi nào các phiên họp ở Paris đã kết thúc, nhưng trong lúc này, tôi phải khẩn khoản xin Ngài một lần chót này là chớ tự mình làm cho chúng ta nghịch nhau mà không có cách nào cứu vãn lại được. Nếu đường lối hành động hiện nay còn tiếp tục và nếu Ngài không cùng chúng tôi ký kết với Hà Nội một hiệp định thỏa đáng, thì xin Ngài phải hiểu rằng tôi sẽ cứ tiến hành với bất cứ giá nào.

Kinh thư

(kt) Richard Nixon

Vào ngày thứ Bảy, ngày 25 tháng 11, Kissinger lại gặp Thọ lần nữa, và cuộc thương thảo đến chỗ bế tắc. Các phiên họp đã được hoãn lại đến mồng 4 tháng Chạp. Phía Việt Nam Cộng hòa mừng rỡ. Tại Hà Nội, tờ *Nhân Dân*, trong một bài xã luận ký tên "Người Bình luận" – bút hiệu của Bộ Chính trị – hỏi rằng có phải hành động của Kissinger tại Paris đã là "một đòi hỏi ta phải hoàn toàn xét lại vấn đề hay chăng? Đây có phải là một mánh khóe để kéo dài các cuộc thảo luận với hy vọng che đậy những hành vi

leo thang và kéo dài chiến tranh để tiếp tục theo đuổi một thắng lợi quân sự ảo tưởng hay không"?

Kissinger trở về Washington. Nguyễn Phú Đức họp riêng với toán đặc nhiệm tại Paris để soạn thảo một lá thư dài hai-mươi-lăm trang mang chữ ký của Thiệu, để gửi cho Nixon trong nỗ lực phá vỡ kế hoạch của Kissinger và lấy được thiện cảm của Nixon.

Ngày 29 tháng 11, Đức và Đại sứ Phượng được Kissinger đưa vào Bạch Cung để trình – như Kissinger mô tả "một lá thư hết sức dài và hùng biện của Thiệu gửi Nixon".[11] Trong thư, Thiệu kể lại những nhượng bộ của Sài Gòn đã phải chấp nhận trong những năm qua với lời hứa hẹn của Hoa Kỳ là sẽ không bắt Sài Gòn phải nhận thêm một nhượng bộ nào nữa. Nhưng Mỹ đã bội ước. Thiệu còn nói ông có thể khiếu nại với dư luận thế giới nếu những đòi hỏi "chính đáng" của Việt Nam Cộng hòa không được thỏa mãn.[12] Trong hồi ký, Kissinger sau này nhận định rằng "tất nhiên, Thiệu nói đúng, điều bi thảm là những gì Thiệu coi là áp lực quá quắt của chúng tôi thì lại bị nhiều người chỉ trích là chưa đủ và còn coi ta là ngoan cố thô bỉ. Chúng tôi đã phải chèo lái trong cái vực biển chia cách đó: chấp nhận quan điểm của Thiệu vào giờ phút muộn màng lúc đó ắt sẽ bảo đảm sự sụp đổ của mọi ủng hộ còn lại tại quốc nội".[13] Kissinger đã quên không viết là lúc ấy, ông đang muốn khuyến khích một cái nhìn tiêu cực về Thiệu trong các cuộc gặp gỡ riêng tư với giới báo chí Mỹ.

Nixon quyết tâm thuyết phục Thiệu là bản hiệp định cần phải được ký kết, không thể trì hoãn thêm nữa, và giữa ông ta với Kissinger không có một dị biệt nào hết. "Chúng tôi hồi ấy nghĩ rằng, nếu trình bầy thẳng thắn một cách tàn bạo cho Đức biết (tình hình) thì Thiệu chắc chắn sẽ phải nhận thức được cái bấp bênh trong tư thế của ông ta và mối nguy cơ ông sẽ gặp phải nếu bị bỏ rơi. Tôi nói với ông Đức rằng không phải là vấn đề thiếu thông cảm với tình trạng khó khăn của Sài Gòn, nhưng ta phải đương đầu với thực tế của tình hình. Nếu ta không chấm dứt chiến tranh bằng cách ký kết hòa giải trong phiên họp tới ở Paris, thì khi tái nhóm vào tháng Giêng, Quốc hội sẽ chấm dứt chiến tranh bằng cách cắt giảm viện trợ".[14]

Lấy giọng điệu tàn nhẫn, Nixon giải thích là không thể có con đường nào khác cho Hoa Kỳ lựa chọn. Ông nói là Hội đồng Hòa giải Dân tộc chẳng thể mô tả là một chính phủ liên hiệp được, bởi nó là một tổ chức được điều hành theo nguyên tắc nhất trí (nghĩa là bất cứ quyết định nào cũng cần phải có cả 3 bên đồng ý mới được), chỉ có vai trò tư vấn, được các phe đồng tuyển lựa, và có rất ít nhiệm vụ đặc thù. Ông nói là Hoa Kỳ không thể quay trở lại được nữa, và dù thái độ của Sài Gòn thế nào đi chăng nữa, nó cũng không định đoạt được kết quả của các cuộc đàm phán, mà còn có thể ảnh hưởng đến khả năng của Hoa Kỳ cung ứng viện trợ cho Việt Nam Cộng

hòa sau khi đình chiến, và khả năng của Hoa Kỳ bảo đảm cho hiệp định.

Ông Đức nhất định bám chặt lấy những chỉ thị đã nhận được, ông ngồi nghe cẩn thận và khẳng định là Việt Nam Cộng hòa không hề có ý muốn đương đầu, chống chọi. Sau đó, Nixon đề nghị Kissinger và Đức hội với nhau để tìm một "giải pháp thực tế". Đức gặp Kissinger hai lần, và hội với Nixon một lần nữa. Nixon trấn an Đức rằng ông tin chắc Hoa Kỳ sẽ có đủ khả năng để phát giác nếu Bắc Việt còn xâm nhập xuống miền Nam. Rồi ông bàn đến những kế hoạch để đối phó với những trường hợp Bắc Việt vi phạm đình chiến, kế hoạch đã được các tham mưu trưởng liên quân Hoa Kỳ soạn thảo để phòng hờ những vi phạm đó. Một lần nữa, Nixon lại cảnh cáo là nếu thỏa hiệp không được ký kết, Quốc Hội có thể sẽ cắt viện trợ vào khoảng giữa tháng Giêng.[15]

Đó là lần đầu tiên Nixon và Kissinger phác họa cho Việt Nam Cộng hòa biết một kế hoạch quân sự tối mật nhằm theo dõi các đơn vị, căn cứ của quân Bắc Việt kể cả sau ngưng bắn. Nixon cho hay là sẽ có một hệ thống liên lạc nối liền Đệ Thất Không lực Hoa Kỳ tại "NKP" (tiếng lóng của quân sự để gọi căn cứ không quân Nakorn Phanom ở Thái Lan) với Sài Gòn và bộ tư lệnh bốn vùng chiến thuật ở miền Nam. Các tư lệnh quân lực Việt Nam Cộng hòa sẽ có thể trực tiếp liên lạc với tư lệnh Đệ thất Không lực

Hoa Kỳ là Tướng John W. Vogt, tại căn cứ Thái Lan và các mục tiêu sẽ được cập nhật hóa hàng tuần.

Kế hoạch mật này đã có một tác dụng lớn khiến Thiệu yên tâm là Hoa Kỳ thực sự cam kết bắt Bắc Việt tôn trọng hiệp định. Thiệu còn được thông báo rằng từ Thái Lan, máy bay chiến thuật sẽ được phóng đi tấn công B và những cuộc oanh tạc bằng B-52 sẽ được phối hợp với VNCH nếu Bắc Việt vi phạm thỏa hiệp.[16]

Trong các lá thư gửi cho Thiệu, rồi trong buổi họp với Đức, Nixon đã lập đi lập lại hoài hoài rằng Hoa Kỳ cam kết sẽ quyết tâm bắt Bắc Việt phải tôn trọng đình chiến và trả đũa nhanh chóng và mạnh mẽ nếu Bắc Việt vi phạm hiệp định. Theo ông, thì việc này còn quan trọng hơn cả hiệp định nữa. Đường giây liên lạc nối với căn cứ Hoa Kỳ tại Thái Lan là một bảo đảm cụ thể dưới mắt Thiệu, và ông chắc chắn là nó sẽ được xử dụng.

Trở về sứ quán sau cuộc gặp gỡ với Nixon, Đức bảo Nhã là ông và Phượng có cảm tưởng Nixon đã ngạc nhiên về nội dung lá thư mới được chuyển tới. Dù Nixon đã không thay đổi lập trường, phía Việt Nam tin rằng mình đã chiếm được sự chú tâm của Tổng Thống Hoa Kỳ đến những mối quan tâm của Sài Gòn và đã đặt Kissinger vào thế thủ, ngoài ra, còn mua thêm được thời giờ trước khi ký kết hiệp định. Nói cách khác, Nixon đã bắt buộc phải lựa chọn giữa Hà Nội và Sài Gòn.

Đức bay về Sài Gòn phúc trình cho Thiệu về chuyến đi Hoa Kỳ, nhưng Thiệu vẫn không đáp ứng gì. Phía Hoa Kỳ, Nixon bèn tham khảo với Kissinger và nói rằng ông tin Thiệu đang chơi trò "thi gan lì", và Hoa Kỳ có lẽ không còn lựa chọn nào khác hơn là tấn công ông Thiệu.[17]

Ngày mồng 4 tháng Chạp, hòa đàm tái nhóm tại Paris. Người ta nhận thấy ngay là Bắc Việt đang tự kìm hãm và sẽ khó mà đi tới được thỏa hiệp. Trong một phiên thảo luận riêng giữa Kissinger và Thọ, Thọ buộc tội Hoa Kỳ là đang cố gắng củng cố "chính quyền bù nhìn" ở Sài Gòn. Cứ thêm một nhượng bộ mới, hắn lại rút lại hai nhượng bộ cũ. Bắc Việt sợ rằng bản hiệp định đã bị tháo gỡ ra hết và họ nghi ngờ lòng thành thực của Mỹ. Kissinger bèn đánh điện cho Mạc-tư-khoa và thúc Liên Xô dùng uy thế để áp lực Hà Nội; Nga khuyên Hoa Thịnh Đốn nên kiên nhẫn. Phó Tổng Thống Agnew chực sẵn ở Washington đợi tin mới từ Paris để bay qua Sài Gòn, thảo luận về bản dự thảo hiệp định chót với Thiệu. Kissinger vẫn thúc bách mọi phe lấy ngày 22 tháng Chạp làm hạn chót.

Ngày 7 tháng Chạp, Kissinger và Thọ lại gặp nhau trong bốn tiếng đồng hồ nữa, và Kissinger cảm thấy là triển vọng thỏa hiệp đang xa mờ dần. Dường như đã ý thức được lập trường của Nixon sau khi gặp Đức là muốn có bảo đảm chắc chắn cho VNCH với những cam kết sẽ trả đũa BV nếu họ vi phạm đình

chiến, Kissinger khôn khéo điện từ Paris về cho Nixon nói lại luận điệu cũ là tuy Hà Nội sẽ không bao giờ từ bỏ mộng thôn tính miền Nam nhưng họ sẽ đổi chiến lược từ quân sự sang chính trị và chỉ hướng về tranh đấu chính trị mà thôi. Điều này thì chắc là lọt tai Nixon: ông cho là Sài Gòn đủ sức tranh đấu chính trị, còn nếu Hà Nội đánh lớn, thì ông sẽ can thiệp. Điện tín của Kissinger như sau:

Sau khi thăm dò thêm ý định của Hà Nội, bây giờ ta đã thấy hiển nhiên là họ đã không hề từ bỏ những mục tiêu hay tham vọng của họ đối với Nam Việt Nam. Điều họ đã làm là quyết định thay đổi chiến lược bằng cách chuyển từ chiến tranh quy ước và chủ lực sang một chiến lược chính trị và nổi dậy trong khuôn khổ dự thảo hiệp định.

Cho nên, chúng ta không thể trông đợi một nền hòa bình trường cửu tiếp theo sau một hiệp định đã hoàn thành, mà chỉ là một sự chuyển hướng trong cách thức tranh đấu của Hà Nội mà thôi. Có lẽ chúng ta sẽ có ít cơ hội duy trì thỏa ước mà không có được một sự chuẩn bị mau nhạy rõ rệt về phía Hoa Kỳ, để bắt tôn trọng các điều khoản: sự chuẩn bị đó thực sự sẽ bị thử thách bất cứ lúc nào. Cho nên, chúng ta còn lại có câu hỏi tôi đã nêu lên hồi đầu, là: tiếp tục chiến đấu bằng cách hủy bỏ thỏa hiệp bây giờ có tốt hơn là bị bắt buộc phải có phản ứng sau này, một phản ứng được biện minh bằng sự vi phạm một hiệp định đã được long trọng ký kết hay không.[18]

Tuy nói thế cho lọt tai Nixon, nhưng Kissinger lại dần dần đưa Nixon tới chỗ chấp nhận đề nghị của ông là cứ xúc tiến đi đến thỏa hiệp, và Nixon đã đồng ý, nói rằng ông muốn bất cứ một thoả hiệp nào hơn là đình hoãn. Ông chỉ thị cho Kissinger cố tìm cho được "đôi chút" tiến bộ trong bản dự thảo tháng Mười.[19] Theo lệnh Nixon, Kissinger trở lại thương lượng với Thọ để tới một thoả hiệp. Nixon đã ấn định thời hạn chót là Ngày Nhậm Chức, 20 tháng Giêng, 1973, để ký kết với Hà Nội.[20] Nixon muốn đi vào nhiệm kỳ thứ hai của mình trong ánh hào quang của hòa bình.

Sau vài phiên họp với Thọ, Kissinger đã đề nghị hai lựa chọn cho Nixon. Lựa chọn một: Hoa Kỳ sẽ đồng ý đi tới một thoả hiệp ngay tức thì với những điều kiện tốt nhất có thể thương lượng được. Lựa chọn hai: Hoa Kỳ sẽ bỏ Thiệu nhưng vẫn oanh tạc Bắc Việt cho tới khi nào Hà Nội đồng ý trả lại tù binh Mỹ đổi lấy sự rút quân hoàn toàn của Mỹ. Mới đầu, Nixon tán thành lựa chọn Một, nhưng rồi ông nghĩ lại, và gửi công điện báo ngay cho Kissinger là ông có thể gián đoạn cuộc hòa đàm, lấy cớ là cho các phe thương nghị thời giờ tham khảo chính phủ mỗi bên. Được công điện đó, Kissinger dọa Thọ là "sẽ có những hành động mạnh như hành động ngày 8 tháng 5" – lúc Nixon đã cho lệnh oanh tạc Hà Nội và thả mìn bến Hải Phòng.[21]

Trong mười ngày họp tối quan trọng này, vấn đề

khó khăn nhất là tình trạng của vùng Phi Quân Sự phân cách Bắc-Nam. Thiệu nhất định đòi vùng Phi Quân Sự phải được thừa nhận là khu vực chia đôi Bắc-Nam, như thế để miền Nam ít nhất cũng có được một ranh giới và như vậy mới chính thức hóa sự phân biệt giữa hai miền. Đối với Bắc Việt, không công nhận vùng Phi Quân Sự làm ranh giới hai bên cũng là một điều hết sức quan trọng. Vì họ vẫn chủ trương là chỉ có một nước Việt Nam và như thế quân đội của họ muốn đóng ở đâu thì đóng, không có vấn đề rút quân ra khỏi miền Nam. Thiệu sợ rằng nếu Bắc Việt không chịu thừa nhận tính bất khả xâm phạm của vùng Phi Quân Sự, chúng sẽ chuyển quân vào miền Nam để tiếp tay với những lực lượng đã có sẵn ở đó và mở một cuộc tấn công đại qui mô chinh phục miền Nam. Lo ngại của ông đúng vì Thọ nhất định không chịu công nhận vùng Phi Quân Sự và đòi quyền di chuyển dân và quân đội qua ngã đó.[22]

Ngày 14 tháng Chạp, Thọ nói là phải trở về Hà Nội để tham khảo và lấy chỉ thị của Bộ Chính Trị về vấn đề này.[23] Ngày 15-12, Kissinger bay trở về Washington, trong lòng rầu rĩ. Trước khi lên máy bay, ông nói với Đại sứ Phượng (ra phi trường tiễn chân): "Tôi sẽ có hành động kịch liệt". Phượng bay về Sài Gòn ngày 16-12 để phúc trình cho Thiệu. Đến đây, thì dường như Thiệu đã đạt được một thắng lợi chiến thuật.

Về đến nơi, Kissinger vào gặp Nixon và Haig tại

văn phòng riêng của Tổng Thống. Cả hai người này đang lưỡng lự và ưu tư về việc ký kết thoả ước trước những lời phản đối của Thiệu cũng như sự ngoan cố của Bắc Việt.

Vai trò của Haig thật khó mà xác định. Thiệu thấy ông ta là một người phân tích tình hình rất sắc bén, lại cũng đồng ý với mình về hiểm họa cho Việt Nam Cộng hòa nếu vùng Phi Quân Sự bị bỏ ngõ. Haig đóng hai vai trò: Một vị tướng đã từng phục vụ tại Việt Nam và sắp trở thành Tham mưu trưởng Lục Quân Hoa Kỳ, và một đặc sứ của Nixon phải sang Sài Gòn. Sau này, Thiệu nhận xét: "Khi đội mũ Tướng, Haig nghĩ như tôi. Khi đội mũ đặc sứ của Nixon, ông ta thi hành công việc của một đặc sứ".[24]

Ngày 14 tháng Chạp, tại tòa Bạch Ốc, Haig tán thành việc oanh tạc miền Bắc trên vỹ tuyến 20 bằng B-52, lập luận rằng chỉ có thể đấm một quả mạnh mới có thể kéo Hà Nội trở lại bàn hội nghị. Kissinger lý luận rằng có hai lựa chọn duy nhất: Hoặc oanh tạc ồ ạt miền Bắc, hoặc "để cho sự việc dở dang, thương lượng không kết quả, chiến tranh kéo dài, chia rẽ trong nước, và sự tổn thất chồng chất thêm. Không còn lựa chọn nào khác nữa".[25] Thực ra, theo sự tính toán của Sài Gòn, Kissinger đã chỉ có hai lựa chọn: hoặc làm một cái gì quyết liệt tại Sài Gòn, hoặc dội bom Bắc Việt. Miền Nam e ngại sẽ có một vụ đảo chính chống Thiệu nếu ông vẫn không chịu ký bản hiệp định vào hạn chót mà Nixon đã ấn định là ngày

nhậm chức Tổng Thống kỳ hai, tức ngày 20 tháng Giêng, 1973.

Ngày 16 tháng Chạp, 1972, Kissinger triệu tập một cuộc họp báo ở Washington, và công khai ra hiệu cho cả Hà Nội lẫn Sài Gòn biết rằng Tổng Thống Nixon đã quyết tâm đi tới thỏa hiệp. Hướng về phía Việt Nam Cộng hòa ông nói: "Đối với Sài Gòn, chúng tôi có sự thiện cảm và lòng trắc ẩn riêng với nỗi đau khổ của nhân dân họ cũng như với mối quan tâm của chính phủ họ. Nhưng nếu chúng tôi có thể đạt được một thỏa hiệp mà Tổng Thống xét thấy là công chính, thì chúng tôi sẽ tiến hành tới chỗ đó". Hướng về Hà Nội, Kissinger nói: "Mục tiêu căn bản của chúng tôi đã được tuyên bố trong cuộc họp báo ngày 26 tháng 10. Chúng tôi muốn chấm dứt chiến tranh, một sự chấm dứt mang nhiều ý nghĩa hơn là một cuộc đình chiến. Chúng tôi muốn chuyển từ tình trạng thù địch sang tình trạng bình thường hóa, từ bình thường hóa sang cộng tác. Nhưng chúng tôi sẽ không đi đến một hòa giải nếu nó là một hình thức trá hình của sự tiếp tục chiến tranh và nếu nó gián tiếp mang tới những gì mà chúng tôi đã luôn luôn nói là sẽ không thể chấp nhận được".

Trong phần giải đáp câu hỏi, có ký giả hỏi Kissinger là liệu có phải tình hình đã lại quay trở về như hồi đầu rồi không? Kissinger đáp: "Không phải. Chúng tôi có một thoả ước đã hoàn tất được 99 phần trăm nếu nói về mặt bản văn". Đây là một mánh khóe

lừa bịp cổ điển của Kissinger: Tránh né sự thực mà không trực tiếp nói dối. Kissinger đã tránh né không xác định cái "một phần trăm" còn lại: chính là vấn đề sinh tử liên quan đến vùng Phi Quân Sự. Được hỏi một phần trăm còn lại đó là cái gì, Kissinger đáp: "À, mà quí vị biết đấy, tôi đã gặp nhiều rắc rối khi tôi dùng con số. Cho nên xin đừng bắt tôi đưa ra con số nữa. Nó là một bản hiệp định trong nội dung đã hoàn tất, nhưng tôi không thể nói ra được. Nhưng tự nó, nó không phải là một vấn đề. Vấn đề bây giờ là vấn đề như tôi đã trình bầy trong cuộc họp báo".[26]

Ngày 17 tháng Chạp, Nixon hạ lệnh cho mở chiến dịch "Linebacker II" cho B-52 tái tục oanh tạc BV và thả mìn xuống hải cảng Hải Phòng. Trong vòng 24 giờ, 129 máy bay khổng lồ B-52 dội bom xuống những mục tiêu quân sự quanh Hà Nội, trong khi đó, các oanh tạc cơ B-111 tấn công các căn cứ phi cơ MIG.

Cùng lúc làm áp lực quân sự với Bắc Việt, Nixon thảo cho "Thiệu một là thư với lời lẽ nặng nề nhất từ xưa tới nay". Lá thư do chính Nixon đọc cho thư ký riêng của mình đánh máy, đề ngày 17 tháng Chạp, và được đưa cho Tướng Haig đích thân trao đến tay Thiệu ở Sài Gòn. Mới đầu, Nixon định cử Phó Tổng Thống Agnew, hoặc Bộ Trưởng Quốc Phòng Laird, hoặc nguyên Bộ trưởng Ngân khố Connally qua Sài Gòn, nhưng sau cùng quyết định "Haig vẫn là kẻ có nhiệm vụ đưa thông điệp tới tay Garcia".[27] ("Garcia"

là tên lóng đặt cho Thiệu). Haig điện báo Sài Gòn trước khi đi, yêu cầu được họp riêng với Thiệu, chứ không muốn gặp tất cả Hội đồng An ninh Quốc gia.[28] Sứ mạng của Haig là thông báo cho Thiệu biết về việc dội bom Bắc Việt như một yếu tố khích lệ để ông ta ký kết hiệp định.

Trong lá thư, Nixon dùng những lời lẽ mạnh nhất từ trước tới nay:

Sứ mạng của Tướng Haig lúc này là biểu hiệu cho sự cố gắng cuối cùng của tôi để giải thích cho Ngài về nhu cầu phải có một hành động chung giữa chúng ta và truyền đạt đến Ngài ý định không thể thay đổi được của tôi là sẽ cứ tiến hành. ***Hay hơn cả là được sự cộng tác của Ngài, nhưng nếu cần thiết, tôi sẽ tiến hành một mình****. Tôi đã yêu cầu Tướng Haig phải lấy bằng được câu trả lời của Ngài về đề nghị của tôi, một đề nghị tuyệt đối tối hậu về phía tôi, để chúng ta chung sức cố tìm cho được một cuộc dàn xếp theo những đường lối mà tôi đã chấp thuận,* ***còn không thì chúng ta sẽ mỗi người đi theo đường lối riêng của mình****. Để kết luận. tôi xin nhấn mạnh rằng:* ***Tướng Haig qua Sài Gòn không phải với mục đích thương lượng với Ngài nữa đâu****. Đã đến lúc chúng ta phải biểu dương một mặt trận đoàn kết trong lúc thương lượng với kẻ địch,* ***và Ngài phải quyết định ngay bây giờ là có còn muốn tiếp tục liên minh với chúng tôi nữa hay không, hay Ngài muốn tôi đi tìm một thỏa hiệp riêng rẽ với kẻ địch, để chỉ phục vụ quyền lợi***

cho Hoa Kỳ mà thôi.

Thiệu đọc lá thư hai lần, rồi ngẩng lên nhìn Haig. Quả không còn nghi ngờ gì dụng ý của lá thư nữa. Haig không tới đây để điều đình, mặc cả, mà rõ ràng là để bắt buộc ông ký vào bản hiệp định. Ông nói với Haig: "Như vậy, tôi nghĩ rằng Tổng thống Nixon đã yêu cầu tôi ký một thoả hiệp theo đó, Hoa Kỳ tiếp tục yểm trợ Việt Nam Cộng hòa chứ không phải chỉ ký vào một hiệp định đình chiến"? Haig cảm động và đáp lại rằng: "là một quân nhân và là người vốn quen thuộc với mánh khóe xảo trá của Cộng Sản, tôi đồng ý với sự nhận định của Ngài".[29]

Thiệu soạn thảo lá thư trả lời Nixon để đưa Haig cầm về Washington, vẫn nhất mực thách thức "đề nghị tuyệt đối tối hậu" của Nixon. Trong thư, ông lại phát biểu mối quan tâm sâu xa của VNCH về sự hiện diện tiếp tục của quân đội BV tại miền Nam và yêu cầu Mỹ *cam kết bảo đảm một lần nữa*.

Thiệu trao cho Haig lá thư đã dán kín, để biểu lộ lòng bất mãn của mình với Haig, vì người quân nhân này tuy đã hiểu được sự xảo quyệt của Cộng Sản, nhưng đã không có hành động nào giúp nói lên những lời ông cảnh cáo về ý định thực sự của Bắc Việt. (Thông thường, thư của Thiệu trao cho Haig vẫn để ngỏ, để Haig có thể truyền ngay về Washington từ phòng mật mã của sứ quán Mỹ.).

Trong thư, Thiệu đã khôn khéo không nói thẳng là sẽ từ khước việc ký kết thỏa hiệp. Ông vẫn muốn

tranh thủ thêm thời giờ và thêm những điều kiện thuận lợi hơn.[30] Khi trở về tới Washington, Haig báo cáo với Nixon là dường như Thiệu đã tuyệt vọng.

Vụ dội bom khởi sự ngày 18 tháng Chạp, 1972 xẩy ra giữa lúc Quốc Hội Hoa Kỳ nghỉ lễ Giáng Sinh, cho nên đã không có một phản ứng chính thức nào từ phía "Đồi Capitol". Nixon thì đang ở Key Biscane, Florida, quyết tâm tiếp tục dội bom bất chấp sự công phẫn trong nước và ở ngoại quốc.

Khi nghe được tin này, Hưng cảm thấy nhẹ người: dường như bất ngờ mà cuộc họp giữa Nguyễn Phú Đức và Nixon đã thành công trong việc giải thích lập trường và quan điểm của Việt Nam Cộng hòa với Hoa Kỳ. Như thế, Nixon sẽ bắt buộc Bắc Việt phải rút lui khỏi miền Nam. Trong một thoáng qua, dường như Hoa Kỳ đã quyết tâm làm thay đổi chiều hướng chiến tranh để giành thắng lợi cho Sài Gòn.

Vụ dội bom chỉ tạm ngưng 1 ngày duy nhất: lễ Giáng Sinh. Trong suốt thời gian oanh tạc, được chấm dứt vào ngày 30 tháng Chạp, Hoa Kỳ mất ba mươi phi cơ, kể cả 15 chiếc B-52, tất cả đều bị hạ bởi những dàn hỏa tiễn địa-không (SAM) của Cộng Sản. Đó là lần thứ nhất mà Bắc Việt đã hạ được nhiều B-52 đến thế. Chỉ sau ba ngày dội bom, sáu chiếc B-52 đã bị bắn rớt trong một đêm. Tướng John C. Meyer, lúc đó điều khiển Bộ Tư lệnh Không quân Chiến lược (SAC), bèn gọi cho Tướng Vogt ở Thái Lan nói: "Ta phải làm một cái gì mới được! Bọn này

đang lấy hỏa tiễn đánh mình, mình phải làm một cái gì chứ!" Vogt và Meyer đồng ý rằng vấn đề cần phải làm là tiêu hủy khả năng ráp hỏa tiễn của Bắc Việt. Hỏa tiễn đã được bốc lên từ tầu Nga, đậu ngoài khơi chuyển xuống sà-lan, rồi từ sà-lan chở lên bộ. Sau đó, ban ngày chúng được chở bằng xe vận tải tới một xưởng ráp nhỏ ở phía đông nam Hà Nội, và ban đêm chuyển tới các vị trí đặt giàn SAM để phóng lên khi có B-52 tấn công. Vogt sau này kể lại: "Mọi khả năng điện tử của ta cũng không thể làm cho phi cơ B-52 loại được những hỏa tiễn ấy. Chúng cứ cháy đỏ lên rừng rực và phóng thẳng tới phi cơ".[31]

Tướng Meyer xin Washington chấp nhận cho B-52 phá xưởng ráp SAM, nhưng không được phép, vì lẽ xưởng đó ở ngay trong một khu đông dân cư, và phi cơ B-52 lại phải dội bom từ độ cao, vào lúc thời tiết xấu. Chắc chắn sẽ gây nhiều tổn thất dân sự và chưa chắc xưởng ráp có thể bị dội trúng. Sau Vogt được cho phép tấn công bằng F-4, oanh tạc chính xác hơn, và lập tức xưởng ráp đã bị phá hủy. Sau loạt dội bom ấy, khả năng phòng không bằng hỏa tiễn đã giảm xuống rõ ràng, và có báo cáo cho biết Bắc Việt đã cạn hết nguồn tiếp liệu hỏa tiễn SAM và đang xuống tinh thần rất nhanh. Các nguồn hỏa lực khác của Hà Nội thì không hiệu quả, và Bắc Việt loan báo số tổn thất lên tới 1.318 thường dân.[32]

Nixon ngồi lì chịu trận, mặc cho dư luận chỉ trích vụ tái oanh tạc. Ông tin rằng, một cuộc biểu dương

lực lượng lúc đó rất cần thiết để bắt Bắc Việt phải dàn hòa. Không khí thủ đô Washington mù mịt, đầy bất trắc và lo ngại rằng diễn trình hòa bình đã bị tiêu hủy. David Broder, viết trong *The Washington Post* nhắc lại một câu nói của Kissinger trong một bữa ăn sáng với báo chí vào mấy ngày đầu nhiệm kỳ thứ nhất của Nixon: "Việt Nam có lẽ sẽ là một trong những vấn đề bi thảm mà ai đụng tới nó cũng bị tiêu".

Ký giả đoàn tại Tòa Bạch Ốc đã được mệnh danh là "đoàn âm binh tận thế" (gloom and doom brigade), và Kissinger thì luôn luôn bị nhân viên văn phòng đổng lý, thân cận với Bob Haldeman, bắn tỉa. Nixon quyết định "lì lợm", và các phụ tá quanh ông được giao phó nhiệm vụ phóng chiếu một hình ảnh vững tin và quyết tâm. Tùy viên báo chí của Nixon, Ron Ziegler, tâm sự với đám ký giả là "cứ khi nào tình thế gay go, Nixon lại càng bình tĩnh và tự tin", và còn nhắc lại sự tiên đoán sai lầm trước đây của họ cho rằng vụ thả mìn Hải Phòng và dội bom Hà Nội hồi tháng 5, đã có thể khiến Liên Xô hủy bỏ cuộc họp thượng đỉnh.

Sau khi Sài Gòn sụp đổ, người Bắc vô Nam kể lại rằng tinh thần miền Bắc đã xuống kinh khủng khi B-52 dội bom dịp lễ Giáng Sinh, và Hà Nội đã thực sự hết hỏa tiễn để phòng không. Một số người quen biết, hoặc thân thích của các thành viên Mặt trận giải phóng sau này đã nói với Châu Kim Nhân, cựu

Tổng trưởng Tài chánh trong chính phủ Thiệu là giá như vụ dội bom chỉ tiếp tục thêm một tuần lễ nữa thì Hà Nội chắc chắn sẽ phải quỵ và hiệp định hòa bình đã có nhiều thay đổi lớn. Có người có bà con ngoài Bắc bảo rằng, họ đã chuẩn bị sẵn cờ trắng để đầu hàng, vì tin rằng chiều hướng chiến tranh đã bất chợt đảo ngược.[33] Chính viên Tư lệnh cuộc oanh tạc, tướng John Vogt cũng mô tả các cuộc dội bom đó là "một thắng lợi rất quan trọng", khiến Bắc Việt bắt buộc phải trở lại bàn hội nghị. Ông nói: "Chính Kissinger đã bảo với tôi rằng chúng đang quỵ và rất muốn dàn xếp".[34] Nhưng vào lúc BV gần đầu hàng, thì Kissinger lại muốn ngưng dội bom, vì ông chỉ muốn họ ký hiệp định mà thôi. Quả vậy, vụ dội bom đã có một tác dụng lớn đối với thái độ của Bắc Việt về việc sắp đặt thời gian dàn xếp.

Ngày 18 tháng Chạp, Kissinger đã đánh điện cho Hà Nội than phiền rằng chính phủ họ đã "trì hoãn hòa đàm một cách cố ý và không đứng đắn", và đề nghị một ngày để họp lại. Trong lúc B-52 còn đang dội bom, ngày 22 tháng Chạp Kissinger lại đề nghị hai bên tái nhóm ngày 3-1-1973. Nếu Hà Nội đồng ý, Hoa Kỳ sẽ ngưng oanh tạc vào ngày 31 tháng Chạp và trong suốt thời gian hội nghị. Ngày 26 tháng Chạp, sau một vụ dội bom dữ dội nhất, Hà Nội đồng ý gặp lại phái đoàn Hoa Kỳ vào ngày 8 tháng Giêng tại Paris "với một thái độ thương thuyết nghiêm chỉnh... để dàn xếp những vấn đề còn lại với phe Hoa Kỳ". Trong

Tòa Bạch Ốc và toàn thể nội các Nixon, trừ tướng Haig, không một ai khác muốn Nixon tiếp tục dội bom. Sau này Haig nhận định: "Tôi không nghi ngờ một mảy may nào hết là giá như hồi đó toàn dân Mỹ đã có được ý chí và đồng tâm để tiếp tục dội bom, thì chúng tôi đã có thể quy định được những điều kiện khiến quân Bắc Việt phải rút lui khỏi miền Nam. Tôi tin là chúng tôi sẽ đòi được khoản đó". Haig nói rằng ông đã là người duy nhất trong số các cố vấn của Nixon giục phải tiếp tục oanh tạc: "Trong cái giai đoạn vô cùng khó khăn đó, sự chống đối kịch liệt đến cái độ mà tất cả mọi người cố vấn cho Tổng Thống trừ Al Haig này ra, kể cả những tay lúc trước kia đã luôn luôn tỉnh táo tán thành hành động mạnh khi cần đến, ai ai cũng gọi cho Tổng Thống, hàng ngày, hàng giờ, khuyên chấm dứt oanh tạc. Những lời khuyến cáo đó còn được dựa trên những nhận định rằng chừng nào Quốc Hội tái nhóm, rất có thể họ sẽ đưa ra nhiều hạn chế về quyền hạn của Tổng Thống; những hạn chế ấy sẽ làm cho việc dàn xếp được một cuộc hòa giải trở nên như một cuộc tự sát quốc gia".[35]

Có dấu hiệu cho thấy là một khi Quốc Hội tái nhóm, Nixon sẽ gặp phải nhiều chống đối không cho tiếp tục oanh tạc nữa. Ngày 6 tháng Giêng, Nixon hội với Kissinger ở Trại David để thảo luận về chiến lược thương thuyết ở Paris. Vì nhiều áp lực, Nixon không còn muốn tái tục oanh tạc nữa. Trong hồi ký,

ông viết rằng một khi thương thuyết tái nhóm, "tất nhiên Henry sẽ tiếp tục thủ vai cứng rắn, ra hiệu cho phe bên kia biết là tôi có thể ra lệnh ném bom trở lại ở khu vực Hà Nội, mặc dù tôi có bảo với ông ta rằng về mặt hoạch định nội bộ ta không thể coi đó là một lựa chọn có thể thành tựu được".[36]

Giữa lúc chuẩn bị dàn xếp với Hà Nội, Nixon vẫn tiếp tục thuyết phục cho Thiệu đổi ý kiến. Ông đã dùng vụ dội bom để báo cho cả Sài Gòn lẫn Hà Nội biết là giai đoạn dàn xếp đã tới.

Ngày 5 tháng Giêng, 1973, Nixon lại viết thư cho Thiệu, và một lần nữa cam kết với Việt Nam Cộng hòa bằng ngôn ngữ rõ ràng, không còn dè dặt gì nữa.

Thưa Tổng Thống,

Thư này để hồi âm lá thư đề ngày 20 tháng Chạp, 1972 của Ngài.

Không có điều gì quan trọng hiện nay mà tôi có thể thêm vào thông điệp trước đây của tôi, kể cả lá thư đề ngày 17 tháng Chạp, trong đó, ý kiến và ý định của tôi đã được phát biểu rõ ràng. Về vấn đề quân đội Bắc Việt, chúng tôi sẽ lại cố trình bày quan điểm của Ngài với phe Cộng sản như chúng tôi đã mạnh mẽ trình bày trong bất cứ dịp nào khác. Kết quả chắc chắn là họ sẽ bác bỏ đề nghị của Ngài một lần nữa. Chúng tôi đã giải thích cùng Ngài rất nhiều lần lý do tại sao chúng tôi tin rằng vấn đề quân đội Bắc Việt có thể kiểm chế được theo (các điều khoản của) hiệp định, và tôi không thấy cần phải nhắc lại tất cả mọi lý luận ở đây.

Chúng tôi sẽ tiến hành ở Paris tuần tới, theo những đường hướng mà Tướng Haig đã giải thích cùng Ngài. Do đó, nếu Bắc Việt thỏa mãn được những điều quan tâm của chúng tôi về hai vấn đề còn lại trong hiệp định liên quan đến vùng Phi Quân Sự và phương pháp ký kết, và nếu chúng ta có thể dàn xếp một guồng máy kiểm soát đình đình chiến khả dĩ chấp nhận được, thì chúng tôi sẽ xúc tiến việc ký kết hiệp định. Nhưng hậu quả trầm trọng nhất sẽ xẩy ra nếu như chính phủ Ngài tự ý bác bỏ hiệp định và tách rời khỏi Hoa Kỳ. Như tôi đã thưa trong thư đề ngày 17 tháng Chạp của tôi, tôi tin chắc sự từ khước tiếp tay với chúng tôi của Ngài sẽ là một sự chuốc lấy thảm họa – nó sẽ phá hủy tất cả những gì mà chúng ta đã cùng nhau tranh đấu để đạt được trong mười năm qua. Nhất là nó sẽ không thể bào chữa được, bởi lẽ chúng ta sẽ mất đi một lựa chọn khác công chính và danh dự.

Vào lúc chúng tôi bước vào tuần thảo luận mới này, tôi hy vọng rằng hai quốc gia chúng ta sẽ biểu dương một mặt trận đoàn kết. Điều khẩn thiết nhất cho các mục tiêu chung của chúng ta là chính phủ Ngài đừng có thêm hành động nào khiến công tác của chúng ta phức tạp thêm và khiến khó giành được sự chấp thuận của mọi phe về cuộc dàn xếp. Chúng tôi sẽ thông báo với Ngài về các cuộc thương thảo qua những cuộc lược trình hàng ngày với Đại sứ Lâm.

Tôi chỉ có thể nhắc lại ở đây những gì tôi đã rất thường viết cho Ngài: Bảo đảm tốt nhất cho sự tồn tại

của miền Nam Việt Nam là sự đoàn kết của hai quốc gia chúng ta, sự đoàn kết đó sẽ bị nguy hại trầm trọng nếu Ngài cứ nhất định đi theo con đường hiện nay của Ngài. Hành động của Quốc Hội kể từ khi tái nhóm hiển nhiên đã chứng minh được phần nào lời chúng tôi đã báo trước.

Nếu Ngài quyết định, và tôi tin tưởng Ngài sẽ quyết định, tiếp tay với chúng tôi, tôi xin bảo đảm với Ngài rằng tôi sẽ tiếp tục yểm trợ Ngài trong giai đoạn hậu chiến, và chúng tôi sẽ đáp ứng bằng toàn thể sức mạnh của Hoa Kỳ nếu như Bắc Việt vi phạm hiệp định. Cho nên, một lần nữa tôi xin kết thúc thư này bằng lời kêu gọi Ngài hãy sát cánh với chúng tôi.

Kính thư

(kt) Richard Nixon

Như vậy, đối với Việt Nam Cộng hòa, Nixon đã nhân danh Hoa Kỳ long trọng tuyên bố là sẽ trả đũa Bắc Việt với toàn thể sức mạnh của mình, nếu họ tấn công miền Nam. Bảo đảm đó được thành hình khi Tổng Thống ở vào cương vị mạnh mẽ nhất Nixon vừa đại thắng cuộc tổng tuyển cử, ông lại vừa cho B-52 ném bom xuống Hà Nội.

Bởi vậy, VNCH đã chấp nhận lời hứa bảo đảm của Nixon rất nghiêm chỉnh. Sau vụ dội bom dịp lễ Giáng Sinh, Sài Gòn tin rằng Nixon đã sẵn sàng dùng B-52 để bắt Bắc Việt tôn trọng hiệp định Paris. Sau này, trước khi miền Nam sụp đổ, Hưng còn nhớ rõ các viên chức Việt Nam Cộng hòa nói lại là họ đã rất

phấn khởi vì hứa hẹn của Nixon hồi đó. "Toàn thể sức mạnh" ắt phải có nghĩa là dùng B-52 oanh tạc Hà Nội, Ngoại trưởng Trần Văn Lắm đã giải thích: "Ta không còn lời định nghĩa hay giải đoán nào khác nữa, 'Toàn thể sức mạnh' chẳng thể có nghĩa là dùng bom nguyên tử trong trường hợp Bắc Việt được. Chính là B52 đó"! "Toàn thể sức mạnh" là hành động tương tự như các vụ dội bom hồi tháng Năm (Linebacker I) và hồi Giáng Sinh (Linebacker II)". Cả phó Tổng thống Hương lẫn Thủ tướng Khiêm cũng thường hay nhắc đến lời cam kết của Nixon như lời hứa được phát biểu lúc Nixon đã tới đỉnh cao của quyền lực, vì vừa mới đắc cử lớn nhiệm kỳ hai – lớn nhất kể từ cuộc bầu cử Eisenhower năm 1952. Ngoại trưởng Bắc thì khẳng định rằng phe Việt Nam Cộng hòa không có cách nào biết được là Nixon đã không còn muốn dùng B-52 nữa. Sau này ông cho rằng "vụ ném bom hồi Giáng Sinh đã được coi như hành động làm hậu thuẫn cho lời cam kết của Nixon là sẽ 'trả đũa mau lẹ và nghiêm khắc' và phản ứng với 'toàn thể sức mạnh' nếu Hà Nội vi phạm hiệp định".[37] Việt Nam Cộng hòa nhận thức rằng Nixon đã nhân danh chính phủ và nhân dân Mỹ khi làm cam kết đó. "Đó là vấn đề giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa, chớ đâu phải là lời cam kết giữa cá nhân ông Nixon và cá nhân ông Thiệu đâu". Phó Tổng thống Hương đã nhận xét như thế khi Thiệu đưa cho ông đọc lá thư ngày 5 tháng Giêng của Nixon.

Riêng Thiệu, tuy vẫn không hài lòng với những điều khoản trong hiệp định, nhưng ông cũng đã phấn khởi về những lời bảo đảm của Nixon. Ông nói với HĐANQG: "Hoa Kỳ đâu có cho ta một lựa chọn nào khác, ngoại trừ nếu ta ký, thì viện trợ sẽ tiếp tục, và có lời cam đoan sẽ trả đũa nếu hiệp định bị vi phạm. Nếu không, họ sẽ bỏ kệ cho hai bên muốn làm gì nhau thì làm. Kissinger đối xử với cả hai nước Việt Nam như thù nghịch. Ông tự coi ông là người ngoại cuộc trong các vụ thương thảo ấy, và không phân biệt giữa Nam Việt là đồng minh, và Bắc Việt là kẻ địch. Người Mỹ đã để cho cuộc chiến trở thành chiến tranh của họ; khi họ thích chiến tranh, họ đẩy nó đi tới. "Khi họ muốn ngưng chiến, họ bắt cả hai bên phải ngưng. Khi người Mỹ muốn nhẩy vô, mình không có lựa chọn, và bây giờ, họ sẵn sàng bỏ đi, mình cũng không níu áo họ lại được". Sau vụ dội bom dịp lễ Giáng Sinh, Thiệu tâm sự với HĐANQG bằng một câu khôi hài đầy cay đắng: "Giá như Kissinger có được cái quyền dội bom Dinh Độc Lập để bắt tôi ký hiệp định, chắc ông ta sẽ không ngần ngại gì mà không làm".[38]

chương IX
mật ước riêng

Sau lần dội bom Giáng Sinh, Kissinger gặp Thọ bốn tiếng rưỡi đồng hồ ở Paris ngày 8 tháng Giêng, 1973. Dường như Hà Nội đã sẵn sàng thỏa hiệp. Thọ chấp nhận sự mặc cả của Kissinger về khoản vùng Phi Quân Sự và việc ký bản hiệp định. Bắc Việt thật ra chấp nhận cùng một bản văn mà họ đã từ chối hồi tháng mười một. Nhưng dù Hà Nội đang ở thế yếu, Kissinger cũng không đòi phải thay đổi về điều khoản cho phép quân Bắc Việt ở lại miền Nam Việt Nam. John Negroponte chuyên viên của Kissinger về Việt Nam, lý luận với ông rằng vụ dội bom Giáng Sinh đã tạo nên một thực tại quân sự và chiến thuật mới. Hoa Kỳ phải đòi cho được những điều kiện có lợi hơn cho bản thỏa hiệp, nhất là vấn đề then chốt là quân Bắc Việt phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Negroponte đề nghị với Kissinger không nên điều đình vội vã với Bắc Việt và phải biết lợi dụng tình hình mới. Nhưng Kissinger trả lời rằng Tổng Thống

Nixon đã ra lệnh phải kết thúc bản hiệp định trước ngày 20 tháng Giêng. Nixon muốn bắt đầu nhiệm kỳ mới không còn chiến tranh nữa. Negroponte thổ lộ với bạn bè rằng: "Ta đã dội bom Bắc Việt để bắt họ phải chấp nhận những nhượng bộ của ta".[1]

Trong khi đó, ở Washington, Hưng thấy phía Việt Nam Cộng hòa hầu như không còn được ai giúp đỡ nữa. Chiều hướng chung là ký bản hiệp định, và cho phép quân Bắc Việt ở lại miền Nam Việt Nam. Tuyệt vọng, anh tổ chức một cuộc biểu tình ở trước tòa Bạch Ốc với một nhóm nhỏ người Việt, kể cả gia đình của anh, chưng khẩu hiệu đòi hỏi "Xin đừng bán đứng Việt Nam" và "Hãy hồi hương cả quân đội Bắc Việt nữa!" Không có sự đáp ứng của phái bảo thủ xưa nay thường vẫn ủng hộ Việt Nam Cộng hòa. Khi đi qua tòa nhà cạnh tòa Bạch Ốc, tòa nhà mà Hưng cho là có văn phòng của Kissinger, lòng căm giận vô cùng của anh nổi lên đối với con người mà anh cho là đã sẵn sàng bán đứng đất nước của mình. Lòng anh bị dầy vò bởi cái giọng Đức nặng trịch của Kissinger trên máy truyền hình, và cái lối ông ta nói tiếng "Vuy" (We, chúng tôi) có tính cách đế quốc, bao gồm cả Hoa Kỳ lẫn miền Nam Việt Nam. Hưng cực kỳ phẫn nộ khi nghe Kissinger tuyên bố Việt Nam Cộng hòa đã đồng ý về khoản cho quân Bắc Việt ở lại miền Nam Việt Nam. Anh cảm thấy phải làm một cái gì để đối phó Kissinger. Anh sửa soạn một bản phân tách tất cả những đề nghị của Hoa Kỳ

từ trước tới nay, nhấn mạnh đến việc cùng triệt thoái cả quân Mỹ lẫn quân Bắc Việt ra khỏi miền Nam Việt Nam. Anh đến gặp dân biểu John R. Rarick để xin đăng bản văn của anh vào Công Báo Quốc Hội. Hưng cũng tìm cách cho đăng bài trình bầy quan điểm của mình trên tờ *The Washington Post,* nhưng họ cho rằng anh vừa có bài trên số chủ nhật, có bài nữa thì hơi sớm.[2] Rarick, còn chút thiện cảm, bèn cho đăng bài của anh "Vấn Đề Then Chốt của cuộc Hoà Đàm" vào Công Báo Quốc Hội ngày 15-1-1973.[3]

Hưng tới gặp nghị sĩ Zablocki, chủ tịch Ủy Ban Ngoại Giao Hạ Viện, là người đã ủng hộ Tổng thống Diệm rất nhiều, để xin giúp đỡ. Anh thổ lộ với Zablocki về nỗi tuyệt vọng của mình cho rằng Nixon và Kissinger đã nói láo về việc mang lại "hòa bình trong danh dự" cho Miền nam Việt Nam. Anh không có cách gì để trình bày quan điểm nầy với công luận Hoa Kỳ cả. Hai người thảo luận về bài của Hưng vừa đăng trong Công Báo và một bài khác đăng trên tờ *Washington Post "Settling the War on Hanoi's Terms" (Chấm dứt chiến tranh bằng* những *điều kiện do Bắc Việt đề ra.*) Zablocki tỏ vẻ thông cảm với lập trường của Việt Nam Cộng hòa. Nhưng đến khi Hưng nhờ giúp đỡ, ông ta nói: "Phần đông dân chúng Hoa Kỳ cho rằng chiến tranh Việt Nam là một lầm lẫn của chính phủ Hoa Kỳ". Anh đáp: "Thật ra đó không hẳn là một làm lẫn. Các ông vào VN để cầm chân Trung Cộng trong hai thập niên 50 và 60, và các ông đã

thành công. Và giả dụ như đây là một lầm lẫn thật, thì ta không làm một sự lầm lỗi rồi vác chân bỏ chạy. Ta phải chấp nhận hậu quả về những lỗi lầm của mình. Ví như ông không làm người phụ nữ mang thai rồi cuốn dù". Zablocki tránh né không trả lời trực tiếp. Ông ta cười và hứa sẽ nêu mối quan tâm của Hưng với các bạn đồng viện. Hưng kinh ngạc vì không có ai làm sáng tỏ trường hợp Miền Nam Việt Nam với báo chí Hoa Kỳ cả.

Khi anh yêu cầu tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Washington, cho đăng bài của mình trên những tờ báo lớn của Hoa Kỳ bằng cách trả tiền họ như đăng quảng cáo vậy, để trình bày lập trường của Việt Nam Cộng hòa, thì anh được trả lời là tòa Đại sứ không có ngân quỹ để làm việc này. Khác với trường hợp của Trung Hoa Dân Quốc hay Đại Hàn, Việt Nam Cộng hòa không có phương tiện và không có ai ở Washington để biện hộ lập trường của mình. Hưng nghĩ lại thầm phục khi nhìn thấy hình chụp những khuôn mặt chính trị lớn treo trên tường trong gian phòng thanh lịch của bà Chennault ở khách sạn Watergate. Hình bà chụp chung với những Tổng Thống Nixon, Johnson, Kennedy và những nhân vật khác như Kissinger, bộ trưởng tư pháp John Mitchell, chủ tịch Hạ Viện Tip O'Neill. Ông Thiệu không có ai để đóng vai trò này cho ông, và bây giờ thì muộn rồi. Hưng cảm thấy cay đắng và uất ức vô cùng khi nghe Kissinger nhấn mạnh việc Việt Nam

Cộng hòa đã đồng ý với bản hiệp định mà ông đang thương lượng với Bắc Việt.(3) Bây giờ thì muộn rồi. Nixon đã quyết định bắt buộc ông Thiệu ký bản Hiệp Định Paris.

Ngày 14 tháng Giêng, trước khi ngưng tất cả các cuộc dội bom và thả mìn Bắc Việt vô thời hạn, Nixon viết cho ông Thiệu. Ông ra lệnh cho Tướng Haig sang Sài Gòn trao lá thư của ông, buộc Thiệu ký bản thỏa ước. Trước khi Haig lên đường, Nixon nói với Kissinger về quyết định của ông bắt ông Thiệu phải đồng ý. Nixon nói: "Nếu nói đến phũ phàng, thì anh chưa thấy đâu, nếu tên chó đẻ đó (son of a bitch) không chịu theo ta, anh cứ tin đi".[4]

Sáng ngày 14, tháng Giêng, Haig gặp Thiệu ở Dinh Độc Lập và trình lá thư của Nixon hăm dọa sẽ ký bản Hiệp Định Paris vào ngày 27, tháng Giêng, dù phải ký một mình nếu cần. Nixon đe dọa nhưng một lần nữa, tóm lược mật ước của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa:

Tôi nhất quyết cho phê chuẩn bản Hiệp Định vào ngày 23 tháng Giêng, sẽ ký vào ngày 27, tháng Giêng, 1973 ở Paris. Tôi sẽ làm việc đó dù phải làm một mình. ***Trong trường hợp đó, tôi sẽ công khai tố cáo chính phủ của Ngài làm cản trở cho công cuộc vãn hồi hòa bình ở Việt Nam. Kết quả không tránh khỏi sẽ là việc cúp viện trợ quân sự và kinh tế ngay lập tức, mà dù có sự thay đổi về nhân sự trong chính phủ của Ngài cũng không thể cứu vãn được****. Tuy nhiên, tôi hy*

vọng rằng sau tất cả những gì cả hai quốc gia chúng ta đã cùng chia sẻ và chịu đựng trong cuộc chiến này, chúng ta sẽ cùng đứng lại với nhau để tạo dựng và gặt hái kết quả của hòa bình.

Để theo đuổi mục tiêu này, tôi muốn nhắc lại những cam kết của tôi đã trình bày với Ngài nhiều lần. Khi ký kết bản Hiệp Định, tôi sẽ nhấn mạnh rằng chính phủ Hoa Kỳ sẽ chỉ công nhận chính phủ của Ngài là chính phủ hợp pháp ở Miền Nam Việt Nam. Chúng tôi sẽ không nhìn nhận quyền có mặt của bất cứ quân đội ngoại quốc nào trên mảnh đất miền Nam. ***Chúng tôi sẽ phản ứng mãnh liệt trong trường hợp bản Hiệp định bị vi phạm. Cuối cùng tôi muốn nhấn mạnh đến những cam kết tiếp tục của chính phủ Hoa Kỳ đối với tự do và tiến bộ của nước Việt Nam Cộng hòa. Tôi quyết định sẽ tiếp tục viện trợ đầy đủ kinh tế và quân sự cho Việt Nam Cộng hòa****.*[5]

Qua bức thư này, ta thấy Nixon nói với Thiệu rằng, Hoa Kỳ không chấp nhận sự có mặt của quân Bắc Việt ở Miền Nam, nhưng thực ra đó chỉ là trên nguyên tắc, vì trên thực tế Hoa Kỳ chỉ lờ mờ kêu gọi việc triệt thoái những "lực lượng ngoại bang" và Điều Một của Hiệp Định đã nói rõ: Việt Nam là một quốc gia thống nhất.[6] Nixon vừa dọa dẫm, vừa hứa hẹn với Thiệu. Nếu không chịu ký thì sẽ cắt viện trợ. Nhưng Nixon lại tóm lược những cam kết hết sức rõ ràng sẽ không công nhận sự có mặt của quân đội ngoại quốc ở miền Nam, sẽ phản ứng mạnh trong

trường hợp Hiệp Định bị vi phạm, và sẽ tiếp tục viện trợ kinh tế và quân sự đầy đủ cho Việt Nam Cộng hòa. Ông Thiệu ghi nhận cẩn thận lời lẽ của Nixon trong bức thư này vì nó nhắc đến việc "*thay đổi nhân sự*". Trong "tự điển chính trị" về mối bang giao Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa, "thay đổi nhân sự" là lời nói nhẹ trùng nghĩa với việc lật đổ chính phủ. Năm 1963, khi việc chuẩn bị lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm đang tiến hành ráo riết, Tổng thống Kennedy, trong buổi phỏng vấn của Walter Cronkite, đài CBS, có nhắc đến sự cần thiết phải "*thay đổi nhân sự*" trong chính phủ Việt Nam Cộng hòa.[7]

Ông Thiệu quan tâm đến số phận của minh sẽ tương tự như vậy. Ông cho nhóm Hội Đồng An Ninh Quốc Gia để thảo luận lá thư của Nixon và bàn phương cách đối phó. Ông liếc mắt một vòng quanh Phòng Tình Hình trong Dinh Độc Lập để thăm dò ý kiến; quan điểm chung là "Ồ, nếu Mỹ họ muốn vậy, ta nên ký". Họ ca ngợi lòng can đảm của ông Thiệu. Thủ Tướng Khiêm nói: "Tổng Thống quyết định như thế nào đi nữa, chúng tôi cũng ủng hộ Tổng Thống". Tướng Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng: "Thưa Tổng Thống, Quân Đội sẵn sàng đợi lệnh". Những người mà ông Thiệu chọn để lãnh đạo quốc gia này đều chấp nhận ý kiến của ông. Họ thiếu sáng kiến, viễn tượng và can đảm để công khai thách thức ông. Có lẽ đây là một trong những dịp hiếm hoi để Thiệu tự hỏi tại sao mình lại chọn những người như thế này

vào địa vị lãnh đạo trong chính phủ. Như Nhã đã kể lại, có cả một mớ những câu trả lời "mũ ni che tai", nhưng không một ai đưa ra ý kiến phải hành động ra sao cả. "Ông nào cũng so vòi cả".[8]

Từ ngày gặp Kissinger ở Sài Gòn tháng mười năm ngoái, ông Thiệu đã nhận được nhiều đề nghị từ nhiều giới ở Sài Gòn và thư của Hưng là ta nên đánh đổi việc đòi triệt thoái quân Bắc Việt ra khỏi miền Nam lấy sự cam kết của Hoa Kỳ bảo vệ hòa bình ở Việt Nam. Mặc dầu lời lẽ cứng rắn và dọa dẫm thẳng thừng trong lá thư của Nixon, nhất là việc đòi hỏi phải trả lời trong đêm ngày 17 tháng giêng, Thiệu không chịu nhường bước. Thay vì phải trả lời Haig ngày hôm sau, ông gửi một lá thư niêm phong cho Nixon, đòi hỏi một số thay đổi trong bản Hiệp Định sắp ký. Haig quay lại tòa Đại sứ Mỹ, mở lá thư xem và chuyển về tòa Bạch Ốc ngay bằng đường vô tuyến. Haig mô tả lá thư là "cứng nhắc và không nhượng bộ".

Không còn chần chừ được nữa. Nixon và Kissinger trả lời ngay cùng ngày. Haig và Bunker chuyển đến cho Thiệu ngay. Nixon quyết định tranh thế thượng thủ, nhưng ông ta vẫn muốn trấn an Thiệu. Mặt khác, tiếp tục dọa dẫm về hậu quả nếu ông Thiệu không chịu ký. Bức thư đó có rội dung như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi đã nhận được lá thư của Ngài đề ngày 17, tháng Giêng, 1973 và tôi đã nghiên cứu kỹ lưỡng là thư ấy.

Tôi phải lập lại với Ngài những gì tôi đã nói với Ngài trước đây. ***Tự do và độc lập của nước Việt Nam Cộng hòa vẫn luôn luôn là mục tiêu trọng đại trong chính sách ngoại giao Hoa Kỳ****. Tôi đã theo đuổi mục tiêu này trong suốt cuộc đời chính trị của tôi và trong bốn năm trời nay, tôi đã lãnh nhiều hậu quả trầm trọng trong nước cũng như ngoài nước, vì theo đuổi những mục tiêu này. Chính vì để bảo vệ những mục tiêu chung của chúng ta mà tôi phải nhất quyết chọn đường lối hành động này.* ***Tôi cả quyết rằng việc từ chối ký bản Hiệp Định này sẽ đưa đến việc cắt đứt mọi viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa****. Do đó, tôi sẽ cho tiến hành việc phê chuẩn vào ngày 23 tháng giêng và sẽ ký kết vào ngày 27, tháng giêng, 1973 bản Hiệp Định mà Tướng Haig đã trình lên Ngài. Như vậy, chỉ còn có một lựa chọn trước mắt: chúng ta muốn hay không muốn tiếp tục mối bang giao gắn bó đã giúp chúng ta nhiều trong suốt thời chiến...*

Để làm cho bản Hiệp Định được chặt chẽ thêm, như đã đề cập đến trong bức thư của tôi đề ngày 14, tháng giêng, chính phủ của Ngài sẽ được tăng cường về phương diện an ninh và chính trị để chuẩn bị cho việc ngưng bắn...

Như tôi đã có dịp thưa với Ngài nhiều lần, vấn đề chính yếu ở đây không còn là vấn đề chơi chữ trong bản văn, mà là vấn đề cộng tác giữa hai nước chúng ta trong thời kỳ hậu chiến và nhu cầu tiếp tục yểm trợ cho Việt Nam Cộng hòa của Hoa Kỳ. Tôi đang phải

tranh đấu cho sự yểm trợ đó. Nếu Ngài khước từ ký vào bản Hiệp Định, tôi sẽ không còn cách nào giúp đỡ chính phủ Việt Nam Cộng hòa nữa. Quốc Hội và dư luận Hoa Kỳ sẽ trói chặt tay tôi. Vì thế, đây là lúc chúng ta phải đoàn kết để bảo vệ quyền lợi chung của hai quốc gia chúng ta.

Như Tướng Haig đã trình với Ngài, tôi đang chuẩn bị gởi phó Tổng Thống Agnew qua Sài Gòn để thảo luận với Ngài về mối quan hệ giữa hai nước chúng ta trong thời hậu chiến. Ông Agnew sẽ rời Washington vào ngày 28, tháng giêng, một ngày sau khi bản Thoả Hiệp ký kết. Trong chuyến công du này, Phó Tổng Thống Agnew sẽ công khai cam kết những gì tôi đã trình với Ngài. Tôi xin nhắc lại những cam kết đó như sau:

– Trước hết, Hoa Kỳ công nhận chính phủ của Ngài là chính phủ duy nhất hợp pháp ở miền Nam Việt Nam;

– Thứ hai, Hoa Kỳ không công nhận quyền có mặt của quân ngoại quốc trên lãnh thổ miền Nam;

– Thứ ba, Hoa Kỳ sẽ phản ứng mãnh liệt nếu bản Hiệp định bị vi phạm.

Hơn nữa, tôi muốn được hội kiến riêng với Ngài ba hay bốn tuần sau ở tại San Clements, California, để chúng ta có dịp công khai nhắc lại mối hợp tác giữa hai nước và sự cam kết của Hoa Kỳ. Dựa vào những cam kết đó, tôi hy vọng Ngài sẽ vui lòng cùng chúng tôi ký bản Hiệp Định. Vì tính cách trọng đại của vấn đề

này và những hậu quả của nó trong tương lai, tôi đã chỉ thị cho Tướng Haig phải trở lại Sài Gòn vào sáng ngày thứ bẩy, 20 tháng giêng, 1973. Đây có lẽ là dịp chót để chúng tôi được biết lập trường của Ngài và để xem chúng tôi có tiến hành cùng với Ngài được không. Chương trình diễn tiến đã định, không thể thay đổi được nữa. Tiến sĩ Kissinger sẽ phê chuẩn bản Thỏa Hiệp ở Paris ngày 23, tháng giêng. Tôi sẽ thông báo cho dân chúng Hoa Kỳ ngay buổi chiều hôm đó và lễ ký kết sẽ nhằm ngày 27 tháng giêng, 1973. Nếu Ngài không chịu hợp tác, chính phủ Việt Nam Cộng hòa sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn về những hậu quả của nó.

Để kết thúc, tôi xin thưa rằng tôi rất thán phục tinh thần bảo vệ quyền lợi quốc gia của Ngài. Tôi công nhận rằng bản Hiệp Định này không được hoàn hảo, nhưng trong trường hợp hiện tại, đây là cơ hội tốt nhất ta nắm được. Tôi đã giải thích tại sao ta phải ký lúc này.

Tôi cho rằng Ngài có hai lựa chọn chính yếu: một là, tiếp tục cản trở việc ký kết, đó là hành động có vẻ lẫm liệt nhưng thiển cận; hai là, dùng bản Hiệp Định như một phương tiện để xây dựng một căn bản mới cho nền bang giao Hoa Kỳ - Việt Nam Cộng hòa. Tôi không cần phải nói Ngài cũng biết rõ đây là con đường duy nhất để bảo vệ mục tiêu chung của chúng ta.

Trân trọng

(kt) Richard Nixon

Ông Thiệu đọc lá thư kỹ càng, góp nhặt cả những

đe dọa và hứa hẹn, cố tìm ra căn bản những cam kết của người Hoa Kỳ. Ông ta hài lòng vì câu của Nixon: "Tự do và độc lập của Việt Nam Cộng hòa vẫn luôn luôn là mục tiêu trọng đại trong chính sách ngoại giao Hoa Kỳ". Với đà triệt thoái quân đội Hoa Kỳ từ hơn nửa triệu xuống còn hai mươi ngàn vào ngày 1, tháng 12, 1972, ông Thiệu muốn được bảo đảm bằng những lời cam kết chắc chắn là Hoa Kỳ không thay đổi lập trường về Việt Nam Cộng hòa. Thì đây, đầy đủ cả. Nixon hứa hẹn đủ điều. Về việc "cắt đứt mọi viện trợ", Thiệu nhớ lại hồi năm 1963, khi ông còn là Tư lệnh Sư đoàn 5 ở Biên Hòa, Mỹ cắt viện trợ để làm áp lực với ông Diệm, sư đoàn ông bị ảnh hưởng nặng nề. Đó cũng là một trong những lý do ông theo phe lật đổ ông Diệm. Cái trớ trêu cùng một cảnh ngộ, Thiệu chưa quên.[9]

Tuy nhiên, Thiệu vẫn không chịu ký, trả lời Bunker rằng ông ta muốn suy nghĩ thêm về lá thư Nixon. Bunker và Haig cảm thấy Thiệu muốn chần chừ cho đến ngày lễ nhậm chức nhiệm kỳ hai của Nixon, nhằm ngày 20, tháng giêng. Nixon cũng tiên đoán như vậy.[10]

Thiệu nhận ra rằng lời lẽ cứng rắn trong lá thư ngày 17, tháng giêng của Nixon là một tối hậu thư. Đến ngày hẹn của Nixon, ông ta vẫn cho tiến hành lễ thành hôn của con gái ông là Tuấn Anh ở ngay Dinh Độc Lập. Ngày 19, tháng giêng, vì lễ cưới dài dòng nên ông Thiệu có cớ để nói là không có thì giờ gặp

đại sứ Bunker. Buổi lễ được cử hành ở trong Dinh, rồi cả gia đình ra nhà thờ Đức Bà làm lễ chính thức Công giáo. Trước khi đó, Nhã được gọi ra để nói chuyện với Đại sứ Bunker bằng điện thoại. Bunker muốn được Thiệu trả lời ngay. Nhã trách Bunker về sự thiếu tế nhị này. "Đây là một ngày vô cùng trọng đại của Tổng Thống Thiệu. Ông có thể đợi cho đến khi buổi lễ xong xuôi được không? Đây là ngày lễ thành hôn người con gái độc nhất của ông mà ông cũng không được một vài giờ yên tĩnh. Tôi sẽ gọi lại Đại sứ".

Ông Thiệu gặp Bunker một mình nửa giờ đồng hồ ngay buổi tối hôm đó. Khi gặp Thiệu một mình, Bunker đắc lực hơn là khi có mặt những người khác. Sau buổi họp, Thiệu nói với Nhã rằng: "Họ làm áp lực mình hơn, nhưng cũng hứa hẹn nhiều hơn". Bunker đưa ra những lý lẽ hùng hồn để ông Thiệu có thể giúp Nixon thuyết phục Quốc Hội Hoa Kỳ. Bunker nhắc lại tất cả những hứa hẹn của Nixon nếu Thiệu chịu ký bản Hiệp Định Paris.[11]

Sau buổi họp với Bunker, Thiệu bảo Nhã ở lại ăn cơm chiều một mình với ông. Trong tư thái suy tư, Thiệu nói: "Họ không để mình có lựa chọn nào khác hơn: hoặc ký, hoặc cắt viện trợ. Mặt khác, ta cũng được Nixon hứa hẹn quyết bảo vệ Miền Nam Việt Nam. Ta sẽ thuận ký, và sẽ không để Nixon nuốt lời hứa được".

Nhã hỏi: "Liệu mình có thể tin Nixon được

không"? "Ông ta là người biết giữ danh dự. Ta nên tin ông ấy". Sau đó, hai người bàn kế hoạch buộc Nixon phải tỏ thái độ về vụ triệt thoái quân Bắc Việt ra khỏi miền Nam.

Haig trở lại Sài Gòn ngày 20, tháng giêng, sau khi ghé Hán Thành và Bangkok. Ông Thiệu vẫn chưa chịu ký. Ông ta lại giao cho Haig cầm lá thư về cho Nixon, bầy tỏ sự nguy hiểm của việc để quân Bắc Việt ở lại miền Nam. Ông đề nghị thay lời lẽ trong bản văn, ghi rõ việc triệt thoái cả quân Bắc Việt lẫn quân đội các nước khác ra khỏi miền Nam. Haig thuyết phục Thiệu là bản văn sẽ được hiểu như vậy, nhưng bây giờ thay đổi lời lẽ thì muộn quá rồi. Ông Thiệu nhất định bắt Haig cầm lá thư về cho Nixon. Nixon trả lời ngay trong ngày. Bunker đưa lá thư cho Thiệu, trong đó, Nixon cố gắng thuyết phục Thiệu một lần nữa như sau:

*"**Mặc dầu không có điều khoản nào riêng biệt trong bản văn về vấn đề này, nhưng bản Hiệp Định có rất nhiều đoạn liên quan đến việc rút quân của Bắc Việt. Sự tiếp tục có mặt của quân Bắc Việt ở miền Nam là bất hợp pháp, và nếu Bắc Việt mang quân thêm vào là vi phạm bản Hiệp định Paris**".*

Nixon dẫn ra nhiều đoạn văn rải rác trong bản thỏa hiệp để chứng tỏ điều này. Khi hồi tưởng lại chuyện này, ông Thiệu có nói: "Đối với Cộng Sản, giấy trắng mực đen còn chưa ăn thua gì, huống chi bây giờ ông Nixon bảo tôi tin vào sự hiểu ngầm của

các điều khoản lặt vặt, rải rác trong bản văn".[12] Bên phía Việt Nam, nhận thấy lối giải thích của Nixon có phần mù mờ khúc mắc. Ngôn ngữ không có nghĩa gì đối với Cộng Sản, ngoại trừ lối diễn kịch của họ. Bắc Việt nhất định nắm lấy Điều Một của bản Thỏa Hiệp, cho rằng Hoa Kỳ đã tôn trọng sự thống nhất lãnh thổ Việt Nam; có nghĩa là Bắc và Nam là một quốc gia duy nhất, và như thế, quân Bắc Việt có quyền ở lại miền Nam. Lúc đó chỉ còn một ngày trời, không còn thì giờ để bàn cãi điều này nữa.

Thiệu thất vọng, cố bám víu cho đến phút cuối, tức là ngày lễ nhậm chức của Nixon, ngày 20 tháng giêng.

Trong buổi họp ngày hôm đó với các cố vấn thân cận, ông Thiệu nói đã đến lúc phải quyết định có công nhận bản Thỏa Hiệp hay không. Mọi người im lặng. Ông nói: "Hãy triệu tập Hội Đồng An Ninh Quốc Gia ngay tối nay để tôi thông báo tình thế này cho họ". Theo chương trình của Nixon. Ngoại trưởng Trần Văn Lắm sẽ phải đi Paris ngay ngày hôm sau. Trong buổi họp Hội Đồng An Ninh, mọi người đều sốt sắng đồng ý với ông Thiệu. Ông cho họ biết một là ông từ chối ký, để nhất đán trở thành một thứ anh hùng dân tộc; hai là, ký và sẽ tìm cách cứu nguy quốc gia sau. Mặc dầu vẫn còn bất đồng ý sâu xa, Thiệu cảm thấy Nixon có phần nói rõ ràng hơn về những cam kết của Mỹ đối với Việt Nam. Ông biết rằng, không có cách chi có thể tóm đuôi và bắt Mỹ kéo dài trận chiến mãi.[13] Thiệu chỉ còn mong chờ vào

danh dự lời nói của Nixon. Vì chữ tín của người trị quốc, lời nói của họ phải như đinh đóng cột mới được. Trong những lá thư viết cho Thiệu, Nixon luôn luôn nhắc đến những cam kết một cách kỹ lưỡng. Thiệu thu thập tất cả những lá thư và coi đó như là nền tảng của cuộc bang giao Việt-Mỹ. Thiệu hy vọng rằng phương châm của Khổng Tử "Quân Tử Nhất Ngôn" áp dụng cho cả vị Tổng Thống Hoa Kỳ nữa.

Nixon đã nhiều lần viết cho ông để quả quyết rằng những hy sinh xương máu của chiến sĩ Việt-Mỹ không thể trở thành vô ích được. Lời cam kết của Nixon cũng làm cho Thiệu tin rằng, vì danh dự Nixon không nỗi nào vỗ về rồi bỏ chạy. Thiệu cho rằng ông phải tin vào vị Tổng Thống của Hoa Kỳ vì không còn trông chờ vào đâu được nữa; ông cũng đã tranh đấu cho được sự nhượng bộ về khu Phi Quân Sự. Nixon hứa sẽ tuyên bố công khai về điều khoản này. Thiệu còn nghĩ khi vị Tổng Thống Hoa Kỳ đã công bố điều gì thì không thể rút lời được nữa. Như Khổng Tử đã nói: "Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy".[14]

Thiệu cất những lá thư đó trong phòng ngủ và giữ gìn rất cẩn thận. Đối với ông, nó là một thứ vương mệnh tượng trưng cho quyền lực, là sợi dây liên lạc chính thức của ông với Mỹ, nói tóm lại, nó là một mật ước riêng, giữa ông và Nixon, giữa Việt Nam Cộng hòa và chính phủ Hoa Kỳ, bên ngoài khuôn khổ Hiệp Định Paris.

Thiệu tưởng Tổng Thống Hoa Kỳ cũng cai trị nước Mỹ như ông cai trị nước Việt Nam vậy. Tổng Thống Hoa Kỳ là vị lãnh tụ tối cao. Mặc dầu được dân bầu, chứ không phải nhận lãnh Thiên Mệnh, ông ta cũng vẫn phải chịu trách nhiệm cho mọi cam kết của mình. Thiệu có biết tới sự phân quyền giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp của Hoa Kỳ. Thế nhưng, như phần lớn người Việt Nam, Thiệu không hiểu rõ trên thực tế, hệ thống dân chủ phức tạp đó làm việc ra sao. Ông tiếp tục trông cậy vào Nixon như một vị tư lệnh tối cao không có gì ràng buộc cả.

Ngày 20, tháng giêng, Nixon gởi tối hậu thư cho Thiệu, bắt trả lời trước 12 giờ trưa ngày 21, tháng giêng, giờ Washington. Trong thư, Nixon nói sẽ gặp các nhà lãnh Đạo Quốc hội Hoa Kỳ vào tối ngày 21, tháng giêng để trình bầy đường lối hành động. Nếu ông Thiệu không trả lời đúng giờ đã ấn định, Nixon sẽ ra lệnh cho K issinger đơn phương phê chuẩn bản Thỏa Hiệp. Trong trường hợp đó, dù ông Thiệu có theo sau, vấn đề viện trợ cũng sẽ bị giảm bớt nhiều.

Cũng như lần trước, lá thư lại mang tính chất vừa dọa dẫm vừa hứa hẹn. Lần này, Bạch Ốc đã vận động hai nghị sĩ Barry Goldwater và John Stennis, từ lâu vẫn ủng hộ Việt Nam, công khai dọa cắt viện trợ nếu Sài Gòn không chịu đi theo đường lối Nixon. Trong những phiếu trình cho Thiệu, Hưng đã liệt nghị sĩ Goldwater vào hàng ủng hộ Việt Nam hăng hái nhất. Hưng đã nói với ông Thiệu là chính anh đã giúp

Warren Nutter cố vấn cho Goldwater về chính sách Hoa Kỳ ở Việt Nam từ cuộc tranh cử Tổng Thống 1963. Nixon nghĩ rằng mang tên Goldwater trong lá thư gửi Thiệu sẽ làm cho Thiệu hiểu rằng cả những người ủng hộ Việt Nam hăng hái nhất cũng đã quay lưng đi rồi.

*
* *

Cuối cùng, ông Thiệu chịu nhượng bộ. Ngày 21 tháng giêng, ông gọi đại sứ Bunker và nói: "Tôi đã làm hết mình. Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được cho xứ sở tôi". Nixon trong tập hồi ký có ca ngợi lòng can đảm của ông: "Mặc dầu hành động của ông ta đã gây nhiều điều khó khăn nhưng tôi phải ngưỡng mộ tinh thần của ông ta".[15] Tuy Nixon đã lỡ dịp công bố mở đầu nhiệm kỳ hai của ông vào ngày 20 tháng 1, 1973 bằng hòa bình, nhưng kết liễu cuộc chiến Việt Nam cũng gần kề. Ông có thể thu xếp xong chiến tranh Việt Nam và trong nhiệm kỳ hai, chú trọng vào việc bang giao với Trung Cộng. Ông có thể xây dựng hòa bình thực sự ở Trung Đông. Ưu tiên chính sách ngoại giao Nixon sẽ đặt trọng tâm vào giai đoạn hai của hội đàm tài giảm vũ khí hạch nhân, hỗ tương giảm quân tại Trung Âu, và chú trọng vào hội nghị An Ninh Âu Châu. Những chia rẽ nội bộ và xích mích về vấn đề Việt Nam sẽ qua đi. Lúc đó, chưa có dấu hiệu gì về vụ Watergate cả.

Ngày 22, tháng giêng, Nixon viết cho Thiệu khen

ngợi *"Với lòng can đảm và kiên trì, Ngài đã bảo vệ được quyền lợi của dân tộc Việt Nam trong công cuộc theo đuổi mục tiêu duy trì tự do và độc lập"*. Mọi việc đều êm đẹp cả. Nixon cho biết sẽ thông báo cho Quốc Hội biết về lập trường của Việt Nam Cộng hòa và hứa sẽ gửi thư cam kết trên giấy tờ như Thiệu yêu cầu. Nixon tuyên bố Hoa Kỳ sẽ chấp nhận quan điểm của ông Thiệu về việc quân Bắc Việt ở lại miền Nam là không hợp pháp. Nixon sẽ lên đài truyền hình ngày 23 khẳng định sự đoàn kết thiết yếu giữa Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ, và tuyên bố về việc Ngoại Trưởng Việt Nam Cộng hòa Trần Văn Lắm sẽ đích thân tham dự vào giai đoạn chót của cuộc hòa đàm. Thật ra, ông Lắm chẳng bao giờ được tham khảo gì cả, ngoại trừ những chi tiết kỹ thuật. Lời rao đó tuy khôi hài, nhưng bề ngoài vẫn quan trọng cho việc Nixon tuyên bố có hòa bình trong danh dự. Nixon chỉ thị thêm rằng Kissinger sẽ hội ý tham khảo chặt chẽ với Lắm ở Paris.

*

* *

Trong bầu trời xám ngắt lạnh lẽo và mưa sụt sùi của buổi chiều ngày thứ Ba 23 tháng giêng, hồi 12 giờ 45, Kissinger và Lê Đức Thọ phê chuẩn Hiệp Định Paris tại Trung Tâm Hội Nghị Quốc Tế, khách sạn Majestic, đại lộ Kléber. Hai bên giằng co về số trang và so sánh bản văn rồi phê chuẩn vào 36 chỗ trong bản Thỏa Hiệp và phụ bản. Kissinger ký bằng

hai chữ Hoa Kỳ nối liền và Lê Đức Thọ ký vỏn vẹn "Thọ". Kissinger dùng một số bút mực và tặng cho bộ tham mưu của ông mỗi người một cái. Thọ đưa bút của mình cho Kissinger "để nhắc Hoa Kỳ về việc thi hành nghiêm chỉnh bản Hiệp Định này".[16] Cả Kissinger và Lê Đức Thọ đứng ra đọc bài diễn văn có tính cách hòa giải. Chiến tranh đã chính thức chấm dứt. Trong lần họp cuối, Lê Đức Thọ có nêu vấn đề Mỹ tái thiết Việt Nam, nhưng Kissinger nhấn mạnh rằng vấn đề đó còn tùy thuộc vào sự tôn trọng Hiệp Định và phải được Quốc Hội Hoa Kỳ chấp nhận. Lê Đức Thọ nói với Kissinger là phi cơ Mỹ có thể bay ra Hà Nội để nhận lãnh tù binh.

Ngày ký kết chính thức bản Hiệp Định, 27 tháng Giêng, là lúc cả hai bên tranh thế lợi điểm khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Không ai tin là có hòa bình thực sự cả, chỉ là ngưng bắn tạm thời và bắt đầu đi vào giai đoạn tranh đấu mới.

Như Kissinger giải thích cho phóng viên Schecter trước lúc ký kết:

"Nếu muốn có một bản thỏa hiệp minh bạch và khít khao thì ta phải chiến đấu thêm một hay hai năm nữa. Ta cần nhẫn nại, khoan ngoan, và rộng lượng. Tất cả những thứ đó không phải là sẵn có". Một nhân viên trong phái đoàn Bắc Việt ở Paris tuyên bố: "Chúng tôi sẽ tôn trọng bản Thỏa Hiệp. Nhưng khác với năm 1954, lần này chúng tôi sẽ ở lại Miền Nam Việt Nam".

Đối với những người Việt miền Nam, bốn năm trời chiến đấu từ 1969 đến 1973 chẳng được đền bù gì cả, nếu căn cứ vào kết quả cuối cùng của cuộc thương thuyết này. Bản Hiệp Định Paris, trên căn bản, đã khôn khéo chứa đựng những điều khoản giống hệt bản đề nghị của Bắc Việt từ tháng 5, 1969. (Xem phụ bản B để so sánh chi tiết.) Thế nhưng, quan điểm của Tòa Bạch Ốc được quảng bá ra là cuộc thương thuyết trường kỳ này đã làm cho Việt Nam Cộng hòa vững mạnh hơn. Thiệu có đủ thời giờ để huy động sự ủng hộ của dân chúng miền Nam và củng cố địa vị của mình, không có áp lực của Hoa Kỳ. Về mặt quân sự, Việt Nam Cộng hòa chiếm lợi điểm. Tình báo Mỹ báo cáo rằng khi ngừng chiến, "Cộng Sản không là một đe dọa lớn cho Việt Nam Cộng hòa và không ở vị thế chiếm nhiều đất đai. Đó là điểm rất đáng chú ý trước và sau khi ngưng chiến".[17]

Đa số người Việt lại cho rằng ngừng chiến chỉ có nghĩa là bước sang giai đoạn mới của cuộc chiến tranh khủng bố và xâm nhập chính trị. Đối với ông Thiệu và chính phủ VNCH, bản thỏa hiệp thực sự không phải là việc ký kết với Cộng Sản nhưng chính là những cam kết riêng của Nixon đối với Việt Nam Cộng hòa.

Khác với lần chấm dứt chiến tranh Triều Tiên, khi Hoa Kỳ còn để lại 60.000 quân đóng tại vùng Phi Quân sự, ở đây, Việt Nam phải trông cậy vào chính mình. Những cuộc tiếp liệu ồ ạt của Mỹ cho Sài Gòn

trong chương trình Enhance và Enhance Plus chỉ là phô diễn có mục đích chính trị, chứ không có ảnh hưởng quân sự thực sự, vì phần lớn đều là quân dụng cũ và cần được thay thế. Những quân dụng đó được chuyển giao để sau này được đổi mới mà không vi phạm thỏa hiệp ngưng chiến. Tuy thế, hành động này cũng làm dân chúng có cảm tưởng là Việt Nam Cộng hòa không cần viện trợ thêm nữa.

Ông Thiệu nhận thấy vấn đề đó như một khuyến khích để ký bản Hiệp Định, Kissinger nói với đại sứ VNCH ở Paris: "Chúng tôi đã viện trợ cho các ông cả tỷ đô la vũ khí. Một là các ông ký, hai là chúng tôi phải cắt viện trợ".[18] Ông Thiệu cho rằng chương trình Enhance và Enhance Plus chỉ làm cho Việt Nam Cộng hòa lệ thuộc thêm vào Hoa Kỳ bởi vì phần lớn các quân dụng chuyển giao phải cần yểm trợ bảo trì mới sử dụng được. Thí dụ như phi cơ F-5A và C123 cũ kỹ và bất khiển dụng. Để nó đấy để sau này được thay thế "một-đổi-một" sau khi ngưng chiến. Nếu Hoa Kỳ không tiếp tục yểm trợ cơ phận và ngân sách bảo trì thì chương trình Enhance và Enhance Plus không hơn gì một cử chỉ rỗng tuếch.[19]

Tướng John E. Murray, đứng đầu cơ quan DAO (Cơ Quan Tùy Viên Quốc Phòng) coi hai chương trình trên như một sự "trá hình". Tất cả quân dụng chuyển giao đáng giá 750 triệu đô la chỉ là để bù cho quân dụng tổn thất trong vụ tổng tấn công Mùa Xuân

1972, và để tính thêm vào sổ sách cho việc "một-đổi-một" thời hậu chiến.

Murray kể lại: "Ai cũng lầm tưởng về vụ chuyển giao quân dụng cho quân đội Việt Nam Cộng hòa. Thật ra, đó chỉ là những quân dụng đã hư hỏng hoặc cũ kỹ, lỗi thời. Phần lớn là đồ thặng dư, đòi hỏi phải bảo trì quá nhiều". Trong khi quân dụng chuyển giao tràn ngập hệ thống tiếp liệu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, những quân dụng đó phần lớn là những loại cần có thêm bộ phận này, bộ phận kia, sửa sang lại thì mới đem ra sử dụng được, nhưng các bộ phận cần thiết thì đã xài hết trong trận giặc rồi. Những phụ tùng thiết yếu đều mất mát, và về sau, những đơn tôi xin tiếp liệu các đồ phụ tùng cho Việt Nam Cộng hòa đều bị Ngũ Giác Đài từ chối. Quân đội Việt Nam Cộng hòa phải khư khư ôm lấy những quân dụng bất khiển dụng ấy như của nợ.[20]

Trong những lá thư gửi Thiệu và những cố vấn thân cận của ông. Nixon nhấn mạnh về điểm Hiệp Định Paris sẽ được cả Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa cùng chấp hành. Đó mới là bản Hiệp Định Paris thực sự. Trong thâm tâm, ông Thiệu cho rằng, Hoa Kỳ đã cam kết bảo đảm cho hòa bình tại Việt Nam một cách hết sức vững vàng.(*)

Thế nhưng, bề ngoài, Kissinger tiếp tục nhấn mạnh vấn đề là phải thiết lập một bộ phận kiểm soát quốc tế để lo việc thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định Paris. Ông lại còn vận động để có một hội nghị gồm

mười hai quốc gia triệu tập ở Paris sau khi ngưng chiến, để "bảo đảm việc chấm dứt chiến tranh và duy trì hoà bình ở Việt Nam". Hội nghị kết thúc ngày 2, tháng ba, 1973 bằng một văn kiện có chữ ký của tất cả các quốc gia tham dự kể cả Nga Xô, Trung Cộng, Pháp, Anh và Hoa Kỳ.[21]

Tất cả những trò đó chỉ là đóng kịch. Thực ra, cả Hoa Kỳ lẫn Việt Nam Cộng hòa đều biết rằng cả Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến lẫn Hội Nghị Quốc Tế Giám Sát Đình Chiến đều sẽ chẳng làm được gì để duy trì hoà bình cả. Trên thực tế, chỉ có Hoa Kỳ mới làm được việc đó thôi. Trong lá thư gởi Thiệu ngày 14, tháng 11, 1972, Nixon xác nhận: ***Dù sao đi nữa thì ta cũng phải nhận rằng vấn đề giám sát không quan trọng bằng sự nhất quyết của chúng ta thi hành bản thỏa hiệp cho kỳ được, và nhất là cảnh giác của chúng ta về những vi phạm***.

Bên phía Hoa Kỳ, từ Nixon xuống Kissinger, đại sứ Bunker và các giới chức, ai nấy đều cam kết với phía Việt Nam rằng "điều quan trọng không phải là những gì chúng tôi đã ký kết, nhưng là phản ứng của chúng tôi nếu Bắc Việt tái gây hấn ở miền Nam". Thiệu tin Hoa Kỳ đã tự lĩnh nhận trọng trách và ký riêng với Việt Nam Cộng hòa một mật ước, theo đó chính Hoa Kỳ sẽ làm giám sát viên cuối cùng của cuộc đình chiến này vậy".

chương X
san clemente và watergate

Phó Tổng thống Agnew tới viếng Sài Gòn ngay sau khi ký kết Hiệp Định Paris như Nixon đã hứa, nhưng ông ta chỉ cam kết một phần những lời hứa hẹn của Nixon mà thôi. Nhắc lại rằng trong lá thư gửi Thiệu ngày 17, tháng Giêng 1973, Nixon nói sẽ gởi Phó Tổng thống Agnew sang Sài Gòn để công khai hóa những cam kết của Hoa Kỳ, gồm ba điều. Một là Hoa Kỳ công nhận chính phủ Việt Nam Cộng hòa là chính phủ duy nhất hợp pháp tại Miền Nam Việt Nam. Hai, Hoa Kỳ không chấp nhận bất cứ một quân đội ngoại quốc nào ở lại Miền Nam Việt Nam; và điều ba, quan trọng hơn hết, Hoa Kỳ sẽ phản ứng mãnh liệt nếu có vi phạm đình chiến. Ngoài ra, Hoa Kỳ sẽ tiếp tục viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam Cộng hòa.

Khi đến phi trường Tân Sơn Nhất, ngày 30 tháng giêng, 1973, Agnew nhắc lại việc Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ Việt Nam Cộng hòa, nhưng đã cẩn thận tránh nói

đến phản ứng của Hoa Kỳ một khi Bắc Việt tiếp tục gây hấn. Agnew ba hoa về những cam kết tổng quát của Hoa Kỳ và hết lòng tán dương Thiệu; nhưng cả ngoài công khai lẫn trong những buổi họp riêng đã không đả động đến mối quan tâm hay phản ứng của Hoa Kỳ đối với việc tái gây hấn của Bắc Việt. Agnew chỉ nói đến những điểm đã được Kissinger và bộ tham mưu soạn sẵn để tránh tuyên bố công khai về việc tái dội bom trong trường hợp Bắc Việt vi phạm đình chiến.

Trên thực tế, chỉ trong một tuần lễ sau ngày đình chiến, Bắc Việt đã trắng trợn vi phạm bằng cách đưa quân và tiếp liệu vào miền Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh. Không ảnh và điện tín khẩn của Đệ Thất Không Đoàn của Tướng John Vogt đã tới tấp gởi về Washington từ căn cứ Nakorn Phanom Thái Lan.[1]

Thiệu kể lại: "Khi Agnew tới, ông ta chỉ nói đến hai điều cam kết đầu và không đả động đến điều ba là điều quan trọng nhất. Tôi đã bắt đầu nghi ngờ Hoa Kỳ từ lúc đó".[2] Thiệu muốn gặp Nixon ngay để buộc ông này phải công bố những bảo đảm của Hoa Kỳ như đã hứa trong những bức mật thư gởi cho ông. Thiệu biết phải tìm cách huy động sự ủng hộ của Hoa Kỳ sau khi bản Hiệp Định đã được ký kết. John Negroponte, cố vấn của Kissinger về vấn đề Việt Nam, tháp tùng Agnew qua Sài Gòn. Trong một buổi họp, Negroponte kéo Nhã ra ngoài nói nhỏ: "Tôi lấy làm tiếc vì những điều xẩy ra mấy tháng trước

đây. Chúng tôi biết không thể gây áp lực với các ông được, và bây giờ phải làm tất cả những gì có thể làm được để giữ lời hứa".[3]

*

* *

Tiếp tục công việc chống đối với phong trào phản chiến Mỹ, Hưng viết một phiếu trình dài gởi Tổng thống Thiệu, nêu lên tầm quan trọng của việc phải gây thiện cảm với dư luận và báo chí Hoa Kỳ, sau khi Hoa Kỳ đã rút hết quân ra khỏi miền Nam. Anh cũng báo động cho Thiệu biết rằng sự ủng hộ Việt Nam Cộng hòa ở Hoa Kỳ đang nhạt dần nhất là khi tù binh Mỹ được thả. Hưng đề nghị lập một phòng thông tin ở Washington để trình bày quan điểm của Việt Nam Cộng hòa. Anh cũng giải thích rằng, phần đông người Hoa Kỳ coi Mặt Trận Giải Phóng và Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời của Việt Cộng như là một phong trào thuần túy miền Nam, chứ không phải bù nhìn của Hà Nội. Đa số người Hoa Kỳ coi chiến tranh Việt Nam là một cuộc nội chiến chứ không phải là cuộc xâm lăng từ ngoài vào. Do đó, họ cho giải pháp liên hiệp là giải pháp công bằng nhất để giải quyết những dị biệt của đôi bên. Hưng lý luận: "Nếu đảng Cộng Hòa và Dân Chủ ở Mỹ liên hiệp với nhau về một vấn đề chia rẽ nội bộ thì là một điều tốt, dân chúng Hoa Kỳ không hiểu rằng ở Việt Nam, liên hiệp với Cộng sản là một bản án tử hình". Hưng cũng nhắc Thiệu rằng Hồ Chí Minh tuy đã chết từ

năm 1969, vẫn còn được nhiều người Mỹ coi như một lãnh tụ quốc gia sau thời hậu chiến, chứ không phải là một lãnh tụ Cộng sản với âm mưu thôn tính Đông Dương . Quan điểm của Mỹ là muốn thấy Việt Nam trở thành một quốc gia theo kiểu Yugoslavia, và Hồ được ví như Thống Chế Titô của Nam Tư, một lãnh tụ Cộng sản có tinh thần độc lập. Ngay sau khi Hồ chết, người ta vẫn cho rằng Bắc Việt sẽ giữ được thế quân bình giữa Nga Xô và Trung Cộng.

Hưng cũng nhắc cho Thiệu nhớ rằng: "Ở Hoa Kỳ, công luận là quyền hành của nhân dân. Công luận có thể làm thay đổi chính sách quốc gia. Ta không thể để dư luận hiểu lầm mãi về vấn đề Việt Nam. Nếu để vậy, kể là mất hết".

Thiệu đồng ý cho Hưng lựa chọn nhân viên và địa điểm để thành lập một Phòng Thông Tin của Việt Nam Cộng hòa tại Washington và điều hành cơ quan này với hàng Phó Đại Sứ. Hưng tiến hành chương trình đã định như thuyết trình và tranh luận với giới đại học và báo chí, đưa ra những lập luận bác bỏ những phê bình không có lợi cho Việt Nam Cộng hòa. Văn phòng này đặt ở Roslyn, Virginia, trông ra phía sông Potomac và Đài Kỷ Niệm Lyncoln.

Ưu tiên số một của Hưng lúc bấy giờ là thách thức nhóm phản chiến đang rêu rao rằng chiến tranh Việt Nam là một cuộc nội chiến và Mặt Trận Giải Phóng là phong trào thuần túy Việt Nam và độc lập đối với Bắc Việt. Một tháng sau khi ký Hiệp Định, Hưng

hay tin ông Thiệu sắp sang Hoa Kỳ để gặp Nixon, và Hưng có dịp gặp ông ta.

Phần thưởng thực sự của Thiệu khi bằng lòng ký bản Hiệp Định là lời hứa của Nixon mời Thiệu sang San Clemente để có dịp công khai công nhận sự hợp tác và cam kết của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa. Lời hứa đã lâu nhưng Thiệu chính thức được mời vào ngày 3 tháng 4. Thiệu ra chỉ thị cho Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng hòa phải coi chuyến công du này thật quan trọng. Thiệu cử một phái đoàn tiền phong sang Washington để hoạch định chương trình cho ông ở San Clemente và thủ đô Washington. Hàng Không Việt Nam phải thuê một chiếc máy bay Boeing 707 của Pan American, sơn cờ Việt Nam, để tăng gia uy tín và chủ quyền quốc gia.

Hưng thắc mắc tại sao ông Thiệu lại đi gặp Nixon ở San Clemente thay vì Washington. Quốc khách phải đến thủ đô, nhưng Thiệu sau khi lưỡng lự đã cho rằng việc gặp được Nixon mới là chính yếu. Khi Đại sứ Bunker đến gặp Thiệu với đề nghị coi San Clemente là nơi thăm viếng chính thức, Thiệu lúc đầu từ chối. Là nguyên thủ quốc gia, ông ta muốn thăm viếng Hoa Kỳ với đầy đủ nghi lễ quốc khách, chứ không muốn chỉ coi đây là một hội nghị thượng đỉnh hay cuộc thăm viếng có tính cách riêng tư.

Nghi lễ quốc khách rất phức tạp. Tiện nghi ở San Clemente không cách gì bằng thủ đô được. Thiệu sẽ không được đón tiếp trọng thể như ở Washington.

Tuy nhiên, Đại sứ Phượng cũng điều đình để Tổng Thống Thiệu được đón tiếp như một vị quốc khách ở San Clemente. Một hàng dàn danh dự Thủy Quân Lục Chiến đón chào khi Thiệu tới. Bữa tiệc do Nixon khoản đãi ở tư dinh Casa Pacifica được coi là quốc tiệc, mặc dầu chỉ vẻn vẹn có mười hai người tham dự. Lý do đưa ra là "không đủ chỗ ngồi". Phái đoàn Việt Nam muốn khoản đãi lại một bữa tiệc ở khách sạn Century Plaza tại Los Angeles nhưng bị từ chối vì lý do an ninh. Thực ra, Kissinger có viết trong hồi ký của ông là trên thực tế, họ sợ biểu tình và "không đủ số người dự tiệc".[4]

Khi ngày thăm viếng gần kề, vụ Watergate vỡ lở lớn hơn. Washington tăng gia bối rối vì phát giác có nhiều nhân vật cao cấp trong chính quyền nhúng tay vào việc che chở cho vụ ăn cắp tài liệu của Hội Đồng Trung Ương Đảng Dân Chủ ở khách sạn Watergate. Ngày 29 tháng ba, Nixon buộc phải bãi bỏ đặc quyền hành pháp cho vụ điều tra này.

Tối hôm đó, Nixon lên đài truyền hình ngỏ lời đón mừng toán tù binh Mỹ cuối cùng được thả về. Đây là lần đầu tiên sau mười hai năm không còn bóng dáng người lính Mỹ trên giải đất Việt Nam. Vấn đề hơn hai ngàn người Mỹ mất tích ở Đông Dương vẫn chưa giải quyết xong.[5] Cùng dịp đó, Nixon khuyến cáo Bắc Việt về những vụ vi phạm, nhưng tuyệt nhiên không đả động đến việc trả đũa.

Ngày hôm sau, trước khi Nixon rời Washington đi

San Clemente, phát ngôn viên Ziegler công bố danh sách những nhân vật tòa Bạch Ốc sẵn sàng cộng tác trong vụ điều tra Watergate nếu được gọi tới.

Chuyến công du của Thiệu có thể được ví như một đoạn phim ngừng lại giây lát trước khi những biến cố chính xẩy ra. Những xúc động vì cuộc chiến tranh Việt Nam chưa dịu xuống hẳn lại trỗi dậy mạnh mẽ hơn vì vụ Watergate. Chuyến viếng thăm của Thiệu chỉ làm Nixon bối rối thêm. Trong cuốn hồi ký, Nixon chỉ ghi cuộc thăm viếng này vẻn vẹn có tám dòng, ghi nhận mối quan tâm của Thiệu về những vi phạm trắng trợn của Cộng Sản. Ông viết: "Tôi chia sẻ hoàn toàn với ông Thiệu về mối lo ngại đó, và tôi cam đoan với ông là chúng ta sẽ không tha thứ mọi hành động đe dọa Việt Nam Cộng hòa, ông ta ngỏ ý biết ơn, và tôi biết là ông ta lo ngại vụ Watergate sẽ không cho tôi hành động đắc lực ở ngoại quốc nữa".[6]

Lễ đón tiếp Thiệu được diễn ra ở trong khu vực biệt lập của Tư dinh Casa Pacifica. An ninh được bảo đảm chu toàn vì tư dinh của Nixon cách xa lộ chính và chỉ có một ngã đi vào đã được canh phòng cẩn mật.

Hai giờ đồng hồ sau khi Thiệu đến San Clemente, Ziegler và Haldeman nói với Nhã là sẽ không có bản tuyên cáo chung giữa Thiệu và Nixon. Nhã nói lại cho Thiệu biết. Ông nổi giận. "Họ đối xử với đồng minh như vậy hả? Nói với họ moi sẵn sàng trở về Sài Gòn, và chuẩn bị phi cơ đi". Kissinger được thông

báo về vụ đổ bể này và quả quyết với Nhã đó chỉ là sự hiểu lầm. Sẽ có bản tuyên cáo chung.

Ngay buổi chiều hôm Thiệu tới, Nixon mở buổi tiếp tân quanh hồ bơi tại tư dinh. Khi khách tới đông đủ, Kissinger nhìn thấy Nhã, kéo Nhã ra một bên để nói chuyện. Sau lời chào hỏi, nụ cười của Kissinger biến mất trên môi, nhìn thẳng vào mắt Nhã và nói: "Quá khứ đã ở sau lưng chúng ta. Tôi thấy rằng trong việc điều đình với Bắc Việt, tôi đi quá nhanh, và đó là một sự nhầm lẫn". Nhã ngạc nhiên vì lời nói mềm dẻo của Kissinger sau nhiều lần gặp gỡ gay go ở Sài Gòn. Nhã trả lời: "Tôi có thể có một số tiền lớn lao nếu tôi tiết lộ cho báo chí biết rằng Kissinger đã làm lỗi lầm hồi tháng mười năm ngoái". Kissinger cười lớn: "Tôi biết là ông sẽ không làm như vậy".[7]

Kissinger có vẻ đã thay đổi; tất cả những vẻ ác cảm, phẫn nộ trong những lần họp ở Sài Gòn hồi tháng mười năm ngoái hình như đã biến mất. Ông Thiệu đã chịu ký vào bản Hiệp Định, và bây giờ, Kissinger chỉ muốn buổi họp giữa Nixon và Thiệu được êm đẹp.

Trong buổi tiếp tân, Thiệu và Ngoại Trưởng William Rogers đang trò chuyện thì Kissinger đến. Rogers nói đùa: "Bây giờ thì bản Hiệp Định đã ký rồi, anh Henry có thể lại hôn một người đàn bà nổi tiếng nữa ở Paris. bà Bình đó". Rogers muốn nói đến Nguyễn Thị Bình, người đàn bà ngoại trưởng ương ngạnh của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Việt Cộng. Kissinger biến sắc mặt, lẳng lặng quay đi.[8]

Trong bữa cơm chiều, ông Thiệu cố nhá miếng bít-tết dầy cộm khó tiêu, nhưng cũng cố ăn hết để khỏi phụ lòng chủ nhân. Về sau này, Thiệu nghe được chuyện Nixon bị báo chí chỉ trích vì đãi Thiệu bít-tết trong khi giá thịt bò leo thang. Thiệu phàn nàn riêng với những người thân cận về bữa ăn, và nói rằng ông ta muốn ăn cá chứ đâu muốn ăn thịt mà rồi còn bị chỉ trích. Tuy nhiên, phái đoàn tiên phong của Sài Gòn đã không được hỏi ý kiến trước về thực đơn trong bữa tiệc. Về sau có câu chuyện khôi hài đen về bữa ăn này là Nixon vừa mới ra lệnh không cho lên giá thịt thì lại bắt Thiệu ăn một bữa cơm thịt đắt tiền mà không đếm xỉa gì đến khẩu vị của ông này cả. Một lần nữa chứng tỏ người Hoa Kỳ muốn làm gì thì cứ làm. Đây là câu chuyện nhỏ nhặt nhưng cũng làm cho Thiệu phiền lòng không ít.

Trong những buổi họp riêng, Nixon nhắc lại những lời cam kết trong thư, và hứa hẹn về phản ứng của Hoa Kỳ một khi bản Hiệp Định bị vi phạm. Ông cựu đại sứ Bùi Diễm, người có mặt ở San Clemente, có nhớ lại lời nói của Nixon hồi đó. Bản tuyên cáo chung sau lần họp này nhấn mạnh đến viện trợ của Hoa Kỳ và phát triển kinh tế của VNCH và chỉ nói là sẽ "phản ứng mạnh mẽ" chống vi phạm đình chiến. Chữ phản ứng (reaction) có thể hiểu là phản ứng ngoại giao, bằng lời nói, v.v. Nixon đã không nhắc đến một cách công khai những lời lẽ đã viết trong hai lá thư ngày 14 tháng một, 1972 và ngày 5, tháng

giêng, 1973, cam kết Hoa Kỳ sẽ "mang toàn lực trả đũa một cách mau lẹ và ác liệt".

Thiệu không hiểu nổi tầm quan trọng của vụ Watergate vì ông ta cho rằng đó là những vấn đề nhỏ nhoi không thể vì đó mà Nixon từ chức được. Thiệu tuy lo ngại nhưng vẫn tin tưởng. Ông ta kể như sau: "Lẽ dĩ nhiên là ông Nixon có lời cam kết với tôi và có tuyên cáo chung. Nhưng trong những buổi họp, ông ta có vẻ lo ngại và lơ là. Tôi cho là vị Tổng Thống Hoa Kỳ có toàn quyền xử dụng không lực để làm tròn những cam kết của Hoa Kỳ. Đó là điều tối thiểu tôi yêu cầu và là điều dễ làm nhất cho Nixon. Luật "Quyền Lâm Chiến" là cấm dội bom mãi sau này mới có. Nếu nó có trước thì tôi đã nghi ngờ lời hứa hẹn của Nixon. Tôi chỉ yêu cầu những điều tối thiểu chứ không đòi hỏi Hoa Kỳ phải dội bom nguyên tử xuống Hà Nội".[9]

Điểm đặc biệt của lần viếng thăm này là buổi tiếp tân của Ronald Reagan, Thống Đốc California, ở khách sạn Beverly Wilshire. Ông Thiệu tiếp đãi Reagan nồng hậu khi ông này thăm viếng Sài Gòn. Ông Thiệu tặng Reagan một cái ngà voi và nói đùa với Reagan là một ngày nào đó Reagan sẽ lên voi, mặc dầu hồi đó Thiệu không ngờ Reagan có thể lên nắm ghế Tổng Thống Hoa Kỳ. Nixon và Kissinger có vẻ mập mờ và ngượng ngập, còn Reagan thì vồn vã và thẳng thắn. Thiệu nhớ lại: "Tôi cảm thấy ông ta thành thật và có thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa".

Buổi tiệc hôm đó, có mặt hai tài tử Zsa Zsa Gabor và John Wayne. John Wayne có cảm tình ngay với Thiệu, và cố làm cho ông này dễ chịu mặc dầu biểu tình phản chiến ở ngay trước cửa khách sạn. John Wayne vừa nói đùa với ông Thiệu vừa lấy tay làm cử chỉ như người nắm lấy hai tên biểu tình, giơ cao lên và đập đầu vào nhau: "Ông có biết tôi sẽ làm gì không? Tôi sẽ tóm cổ tụ nó và xách đi như ở trong phim xi-nê vậy".[10]

Sau buổi họp riêng, Thiệu nhắc lại những lời hứa hẹn của Nixon với những cố vấn thân cận. Ông nhắc lại lời hứa của Nixon và nói: "Họ sẽ bay từ ngả Thái Lan qua và tấn công Cộng Sản".[11]

Mặc dầu những hứa hẹn và bề ngoài có vẻ đoàn kết, bản Tuyên Cáo Chung của Nixon và Thiệu vẫn có vẻ bối rối, Nhã hồi tưởng lại: "Chúng tôi phải chiến đấu từng gang tấc cho bản Tuyên Cáo này". John Holdridge thuộc bộ tham mưu Hội Đồng Cố Vấn An Ninh và H.R. Haldeman cố gắng thuyết phục Việt Nam Cộng hòa một vài chi tiết về việc viện trợ kinh tế. Họ cho rằng Tổng Thống Hoa Kỳ không thể đặt Quốc hội trước những việc đã rồi được. Nhưng bên phía Việt Nam Cộng hòa muốn Nixon phải hứa hẹn trước. Cuối cùng còn vài phút trước khi trình bầy với báo chí, phía Hoa Kỳ nhượng bộ.

Đến giờ ông Thiệu khởi hành đi Washington, Nixon đưa tiễn ra sân bay trực thăng để ra phi trường. Thiệu nhớ lại hôm đó hồn vía Nixon như để

ở đâu đâu. Trực thăng vừa cất cánh, Nixon đã quay gót trở lại và vội vã đi vào nhà. Thiệu nhớ lại những lần trước gặp Nixon ở Sài Gòn năm 1969 hoặc ở Midway, lễ nghi tiễn biệt dài lê thê.[12]

Trên máy bay đi Washington, Thiệu có vẻ hài lòng về cuộc thăm viếng San Clamente; lộ vẻ vui mừng nhất là khi trưởng ban nghi lễ Henry Cato rót sâm banh và tặng bánh sinh nhật cho Thiệu.[13] Thiệu được Phó Tổng Thống Agnew đón tiếp ở phi trường Andrew. Chỉ có một nhân viên chính phủ là Tổng trưởng Lao Động Tháp tùng Agnew. Ai cũng tìm cớ thoái thác. Kissinger mô tả buổi thăm viếng của Thiệu như sau: Buổi lễ chẳng có gì đáng hãnh diện cả. Đó là một kinh nghiệm thật sượng sùng".[14]

Thiệu được mời ngụ tại Blair House. Tòa Đại sứ Việt Nam mở tiếp tân trọng thể ở Washington Hilton. Tổng Trưởng Tài Chánh Hà Xuân Trừng trình bầy những vấn đề kinh tế cho Hưng nghe. Thiệu có mang theo một mớ những bài nghiên cứu và mô thức kinh tế để chứng tỏ rằng chính phủ Việt Nam Cộng hòa cũng sẵn sàng tổ chức thiết kế những chương trình kinh tế, cải cách thuế khóa, xuất cảng, lao động, v.v. Dự phóng đến 1980 sẽ tiết giảm viện trợ kinh tế Hoa Kỳ xuống 100 triệu mỗi năm. Hưng cảm thấy khích lệ vì những chương trình này và tự hỏi biết đâu hội nghị San Clemente chẳng mở đầu cho một kỷ nguyên mới. Hưng nóng lòng gặp Thiệu để dò phản ứng về buổi gặp gỡ với Nixon.

Anh gặp Thiệu trong buổi tiếp tân của tòa Đại sứ. Thiệu đón tiếp vồn vã và nói muốn gặp Hưng. Nhưng anh đợi mãi không thấy có điện thoại. Cho đến ngày cuối cùng vẫn không nhận được tin tức gì. Hưng tỉnh dậy lúc nửa đêm, nghĩ rằng có lẽ ông Tổng Thống quá bận không tiếp được mình và hôm sau ông đã phải lên đường trở về nước. Sáng hôm sau, Hưng dậy chạy bộ như thường lệ. Bảy giờ rưỡi sáng, sau bữa điểm tâm, anh mang con đi gởi trước khi đi làm. Ra tới xe, anh lại quên chìa khóa; lúc chạy vô nhà lấy chìa khóa thì anh nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo. Người sĩ quan tùy viên của ông Thiệu nói: "Tổng thống muốn gặp ông hồi 7g45 tại Blair House".

Trước cảnh kẹt xe, anh đi gởi con và chạy đến Blair House ngay, may mà đúng giờ hẹn. Anh được dẫn lên lầu hai. Thiệu đang ngồi uống trà ở bên cạnh lò sưởi. Ông ta có vẻ bình tĩnh và suy tư. Hưng chưa gặp Thiệu riêng kể từ khi công cuộc tranh đấu cho bản Hiệp Định Paris bị thất bại. Hai người bàn về ý định của Hoa Kỳ và tương lai của Việt Nam Cộng hòa trong bầu không khí xúc động. Thiệu cho biết sở dĩ ông chưa chấp thuận ngân quỹ cho phòng thông tin ở Washington vì Bộ Thông Tin, Ngoại Giao và Văn Phòng Thủ Tướng đang tranh nhau quyền kiểm soát cơ quan này. Thiệu hay có tính chần chừ mỗi khi gặp phải những tranh chấp trong nội bộ.

Thiệu cảm ơn Hưng về công tác đối ngoại ở

Washington. Thiệu hỏi Hưng đã nghe bản Tuyên Cáo chưa. Hưng gật đầu. Thiệu lắc đầu suy tư, tỏ vẻ không mấy hài lòng về hứa hẹn của Hoa Kỳ trong vấn đề viện trợ kinh tế và quân sự. Thiệu nói: "Đã đến lúc phải Vietnamization (Việt Nam hóa) cả về kinh tế nữa".

Hưng hỏi: "Tương lai của chúng ta sẽ ra sao"?

Thiệu đáp: "Tình thế khó khăn nhưng cũng chưa hẳn là tuyệt vọng. Anh có thể làm gì giúp được không"?

Hưng đáp: "Thưa Tổng Thống, mặt trận Washington sẽ quan trọng vô cùng cho chúng ta trong những năm sắp tới. Tôi nhận thấy có hai trường hợp: một là, Cộng Sản sẽ buộc ta phải liên hiệp; hai là, chúng sẽ tấn công, lấy cớ là ta vi phạm đình chiến, và lần này thì không có quân đội Hoa Kỳ ở bên cạnh nữa. Dù trong trường hợp nào, thì dư luận Hoa Kỳ cũng quan trọng cho việc chính phủ Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ Việt Nam Cộng hòa, và hiện giờ sự ủng hộ này có vẻ lung lay. Dân chúng Hoa Kỳ rất nhạy cảm về hành động của chính phủ Việt Nam Cộng hòa, nhất là vấn đề tù nhân chính trị và vụ Chuồng Cọp ở Côn Sơn, hai vấn đề sôi động lúc này. Ta chưa bao giờ giải thích cho đúng cách cả".

Thiệu giải thích những Chuồng Cọp ở Côn Sơn là do Pháp xây lên từ nửa thế kỷ nay để giam những phạm nhân trọng tội. "Khi nào trở về Việt Nam, anh đến xem tận mắt để so sánh với những lời tố cáo của tụi phản chiến ở đây. Côn Sơn không phải chỉ là nơi

giam giữ tụi Cộng Sản khủng bố mà còn cả những tù nhân phạm pháp chung thân nữa. Ngoại trừ những trường hợp giam riêng, tù nhân có quyền làm đồ thủ công nghệ và ban ngày có thể ra khỏi hầm giam".

Hưng hứa sẽ có ngày đi thăm, nhưng việc tức thời phải làm lúc này là trả lời về vụ tù nhân đối lập chính trị dính líu đến chuồng cọp, đang được thổi phồng lên.[15]

Thiệu phàn nàn về những phong trào phản chiến ở Mỹ đã lầm lẫn những tên Cộng Sản khủng bố phá hoại với tù nhân chính trị. "Ta không bỏ tù những người chống đối chính phủ. Nhưng anh biết là mình phải giam bọn tình nghi Việt Cộng. Chúng ta ở trong thời chiến. Ta không thể để bọn khủng bố chạy rông được. Chúng là tù nhân chiến tranh".

Hưng hiểu vấn đề nhưng khó mà cãi với báo chí và bọn sinh viên ở Đại Học được. Hưng đã nói chuyện với viên chức chính phủ Việt Nam về chương trình Phượng Hoàng có mục đích tiêu diệt hạ tầng Cộng Sản ở địa phương. Nhưng đôi khi cán bộ địa phương đã quá tay và nhiều người vô tội đã bị giết hoặc bị cầm tù.[16]

Bắc Việt đã nêu vấn đề tù nhân chính trị một cách hữu hiệu trong chiến dịch tuyên truyền của họ để phá ngầm chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Tháng chạp, 1971, tờ *Vietnam Courier* phát hành ở Hà Nội, quả quyết rằng hơn 200.000 người miền Nam ái quốc đã bị chết dần trong khám. Sau khi ký Hiệp

Định Paris năm 1973, Nguyễn Khắc Viện, chủ bút tờ báo này, đã tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn là đã có 300.000 tù nhân chính trị ở miền Nam.[17] Ở Sài Gòn, cha Chân Tín, "người tu sĩ Công Giáo theo phe tả, hoạt động trong địa bàn từ chống đối công khai đến cách mạng ngấm ngầm" quả quyết là có 202.000 tù nhân chính trị. Arnold R. Isaacs, người luôn luôn chỉ trích chính phủ Thiệu nặng nề cho rằng, "con số 200.000 chưa bao giờ được kiểm tra bằng những cuộc điều tra đứng đắn, nhưng đã được Hội Ân Xá Quốc Tế và các nhóm nhân quyền và phản chiến ở Hoa Kỳ và Âu Châu nhắc đến luôn".[18]

Hưng trình bày với Thiệu rằng Bắc Việt đã vô cùng khéo léo dựng lên một vấn đề như một nguyền rủa cho những giá trị nhân quyền và tự do căn bản của người Mỹ; dân chúng Hoa Kỳ không hiểu rằng Việt cộng không phải là một đảng phái chính trị đối lập, mà chỉ là một công cụ võ trang của Bắc Việt. Tháng Chạp, 1960, Bắc Việt thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, chúng đã thành công trong việc làm cho mặt trận này có vẻ như là một phong trào thuần túy miền Nam. Phong trào đó có bao gồm luật sư, bác sĩ và giới trí thức chống đối ông Diệm và sau này chống đối ông Thiệu. Một số những người này chỉ vì ngây thơ nên cho rằng họ là thành phần của một mặt trận dân tộc đoàn kết không Cộng Sản, thường gọi là Lực Lượng Thứ Ba; nhưng trên thực tế, họ hoàn toàn bị chi phối bởi Hà Nội. (Khi Bắc Việt

chiếm được miền Nam, Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời thoát thai từ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, bị giải tán trong vòng sáu tháng).

Hưng nói với ông Thiệu rằng, mặc dù Mặt Trận Giải Phóng là con cờ của Hà Nội; nhưng ở Hoa Kỳ, nó vẫn được coi là một đoàn thể chống đối chính trị hợp pháp. Do đó, khi một tên Việt Cộng bị bắt, dưới con mắt thế giới, hắn là một tù nhân chính trị. Đối với Việt Nam Cộng hòa, vì hiến pháp đã đặt đảng Cộng Sản ra ngoài pháp luật, tên Việt Cộng đó là một tội phạm. Trên dư luận quốc tế, vấn đề tù nhân chính trị đã được Bắc Việt nêu lên để gán tội cho Thiệu là một tay độc tài áp chế.

Đối với người Việt, Chuồng Cọp gợi lại trong ký ức những năm sống dưới chế độ thuộc địa. Côn Sơn là nơi ngục tù của kháng chiến quân chống Pháp. Đó là đề tài những bài ca mà má Hưng đã hát hồi 1945 khi Việt Minh lên nắm chính quyền: "Kìa xa xa nơi Côn Đảo ơ hờ! Sóng nước muôn trùng"... Câu ca nói tới đoàn tù bị xiềng đem lên tầu ra đảo. Họ nhìn theo những đàn chim bay về cố hương và ước mong được như chúng bay trở về với tự do. Đoàn tù nhắn đàn chim mang thông điệp đến nhân dân.

Hưng nhận thấy rằng, trong thời kỳ đình chiến, Bắc Việt sẽ hết sức khai thác vấn đề tù nhân chính trị. Hưng trình bầy với ông Thiệu một kế hoạch để đả phá luận điệu đó qua Phòng Thông Tin của Việt Nam Cộng hòa ở Washington. Lúc trước, Thiệu đã

đồng ý, nhưng nay ông lại đề nghị Hưng có thể làm việc đó ở Sài Gòn và đồng thời giúp vào việc tái thiết kinh tế ở quê nhà. Về Sài Gòn có nghĩa là phải bỏ gia đình ở lại Washington và về làm việc một mình. Ngay lúc đó, người sĩ quan tùy viên vào nhắc ông Thiệu về việc ăn điểm tâm với báo chí và chuẩn bị lên đường. Thiệu nói: "Tôi phải lên đường đi Âu Châu ngay, nhưng khi về tới Sài Gòn, tôi sẽ mời anh về để tham khảo ý kiến và bàn luận vấn đề này sau.

Khi Hưng trở lại chỗ đậu xe, xe vẫn còn đó không bị kéo đi, và cũng không có giấy phạt, mặc dầu xe đậu trái phép. Anh cho đó là một điềm lành. Đây là lần đầu tiên trong nhiều tháng qua, anh cảm thấy dễ chịu. Vẻ quả quyết của ông Thiệu làm anh lên tinh thần. Thiệu đã không có vẻ tuyệt vọng như anh đoán. Hưng nghĩ thầm: "Nếu ông ta không tuyệt vọng, tại sao mình lại tuyệt vọng"?

Thiệu tiếp các nhà báo và phóng viên ngoại giao ở phòng ăn điểm tâm Blair House. Luật chung là nhà báo có thể viết phỏng theo chứ không được dẫn chứng thẳng những lời tuyên bố của ông Thiệu. Đại khái thông điệp của ông Thiệu như sau: Ngày nào quân Bắc Việt ở Lào và Cam Bốt tiếp tục vi phạm thỏa ước đình chiến và không chịu triệt thoái, Hoa Kỳ nên tiếp tục dội bom. Ông Thiệu mặc bộ đồ xám nhạt, sơ mi trắng, cà vạt lụa sọc, trông có vẻ đúng nghi thức, vẻ mặt bình tĩnh. Ông cho biết quân đội Việt Nam Cộng hòa đủ mạnh để chặn đường tiếp

vận của chúng từ Bắc vô Nam, Sài Gòn có thể đảm trách công việc còn lại được. Thiệu không đòi hỏi binh sĩ hay không lực Hoa Kỳ phải chiến đấu ở trong lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa, nhưng ông hy vọng Hoa Kỳ sẽ dội bom đường tiếp vận ở Lào và Cam Bốt để Cộng Sản không có cơ hội mở cuộc tổng tấn công ở miền Nam Việt Nam. Ông Thiệu cho biết, ông có thể chặn Cộng Sản ở trong nước, nhưng không thể cầm chân chúng ở Lào và Cam Bốt nếu không có yểm trợ của không lực Hoa Kỳ. Thiệu đã cẩn thận không gài Nixon vào một hành động nào. Ông cũng cho biết thêm là giữa ông và Tổng Thống Nixon chưa có sự thỏa thuận trong trường hợp nào thì cần đến không trợ Hoa Kỳ.

Ông Thiệu nhấn mạnh vào việc viện trợ kinh tế Hoa Kỳ. Từ con số hơn một tỷ đô la năm 1975, viện trợ sẽ giảm xuống tới 100 triệu vào năm 1980. Ông trình bày chương trình kinh tế tự cường của Việt Nam Cộng hòa một cách lạc quan, và cho rằng viện trợ Hoa Kỳ sẽ chấm dứt sau năm 1980. Nhưng khi cuộc thảo luận đi vào chi tiết của chương trình phát triển kinh tế dài hạn vượt khỏi ngân quỹ quốc gia, Thiệu trở nên mập mờ. Rõ ràng là ông ta chưa nhận được cam kết chắc chắn của Nixon hay của Ngân Hàng Quốc Tế.

Cảm tưởng chung mà ông Thiệu muốn gieo vào đầu báo chí là Việt Nam Cộng hòa mạnh hơn Cộng Sản, và Cộng Sản đã mắc lầy trong cuộc thương

thuyết giữa hai phe ở Paris. Ông ta muốn tổ chức bầu cử ở Miền Nam Việt Nam nội trong hai hoặc ba tháng, nhưng Cộng Sản từ chối không muốn thảo luận chi tiết ở Paris. Ông cho biết, với viện trợ kinh tế Mỹ tiếp tục, ông không phải chia quyền với Cộng Sản. Bắc Việt đang ra sức củng cố vị trí ở Lào và Cam Bốt ngay khi Hoa Kỳ rút khỏi Miền Nam Việt Nam.

Đó là một cuộc họp báo gọi là thành công. Thiệu không chịu nhường bước nào. Ông không chịu chia quyền với Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời của Việt Cộng và tìm cách mở rộng cơ sở chính trị cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Khi được hỏi về vai trò của Sô Viết và Trung Cộng, ông ta nói Kissinger am hiểu vấn đề này hơn, Thiệu được Kissinger cho biết là cả Sô Viết lẫn Trung Cộng đều không khuyến khích. Bắc Việt theo đuổi mục tiêu ở miền Nam và sẽ không tiếp tế vũ khí cho chúng. Thiệu giải thích: "Chúng tôi không có gậy mà cũng không có cà rốt. Hoa Kỳ họa chăng có ảnh hưởng đối với họ". Dưới nhãn quan của ông, Bắc Việt là tín đồ tôn sùng chủ nghĩa Cộng Sản nhất thế giới hơn cả Nga, hơn cả Tầu, hơn cả Cộng Sản chính tông. Chỉ có Hoa Kỳ mới có thể duy trì bản Hiệp Định Paris mà thôi. Hoa Kỳ phải bắt buộc Cộng sản tôn trọng hiệp định này. Sự tồn tại của Việt Nam Cộng hòa tùy thuộc vào viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ và sự dội bom của Hoa Kỳ để ngăn làn sóng xâm lăng của địch.[19]

Điều mà ông Thiệu không nói với báo chí và cũng

do lời yêu cầu của Nixon là tuy rằng đã có Hiệp Định đình chiến, Bộ Chỉ Huy Không Đoàn 7 Hoa Kỳ ở Nakorn Phanom, Thái Lan vẫn cứ tiếp tục cập nhật hóa những mục tiêu oanh tạc cơ sở tiếp liệu của Bắc Việt. Tướng Tư lệnh John Vogt lại được phép của Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân đi thăm các tướng tư lệnh Vùng của Việt Nam thường xuyên. Ông trình là: "Mối lo ngại của tôi là đường mòn Hồ Chí Minh đã được xử dụng với một nhịp độ càng ngày càng gia tăng... Sau khi Hoa Kỳ chấm dứt hành động chiến tranh ở Lào và chấm dứt dội born con đường tiếp vận này, hàng trăm xe vận tải chen nhau chạy trên trục này. Tôi đã gởi những không ảnh thám sát và công điện khẩn về Washington, nhưng không nhận được hồi âm. Lý do là ở tại Washington không có ai muốn nghĩ đến chuyện tái oanh tạc cả".

Tướng John Vogt báo cáo lên theo hệ thống quân giai và cuối cùng ông được Đại sứ Martin cho hay là ông không được phép đi thăm các tư lệnh Vùng của Việt Nam nữa. Tướng Vogt cho biết vào mùa hè 1973, Đại sứ Martin nói với ông: "Tôi không nghĩ rằng sự hiện diện của một vị tướng 4 sao, người phụ trách chiến dịch không tạc của chiến trường này, có lợi cho việc ổn định tình hình tại đây. Do đó, ông chỉ được trở lại xứ này nếu có lệnh của tôi". Vogt tiếp tục mời các tướng lãnh Việt Nam sang gặp ông ở Tổng hành dinh Thái Lan để cập nhật hóa tình hình và trấn an phía Việt Nam "là Vogt còn ở đây và kế hoạch dội

bom vẫn được tu chỉnh hàng ngày và sẵn sàng đem ra thi hành khi cần".[20] Một trong những người hay được mời đi đến tổng hành dinh của Tướng Vogt là tướng Trưởng. Tất cả những tư lệnh vùng, khi thấy Vogt nói thế, đều tin tưởng là Mỹ vẫn còn sẵn sàng yểm trợ Việt Nam Cộng hòa bằng không lực. Tuy ông Thiệu bắt đầu nhận thấy rằng sự ủng hộ cho Việt Nam Cộng hòa ở Hoa Kỳ đã phai nhạt dần vì sự chán ngán chiến tranh là hậu quả của Watergate, nhưng trong thâm tâm, ông vẫn tin rằng cho dù dư luận có chống đối đến đâu, một người Tổng thống Hoa Kỳ vẫn có thể tìm cách qua mặt Quốc Hội.

Sau này, Thiệu nói riêng với Hưng là lúc đó ông ta cảm thấy Nikon có thể vượt qua được những khó khăn và và sẽ giữ lời hứa. Hành động của năm vị tổng thống kế tiếp chứng tỏ rằng Hoa Kỳ nói và giữ lời hứa. Ngay sau cuộc đại biểu tình ngày 15, 1969 qui tập cả nửa triệu người để chống chiến tranh mà Nixon vẫn có thể tiến hành việc xâm nhập Cam Bốt hồi tháng tư và tháng năm, 1970. Mặc dầu với bản tu chính Cooper-Church cấm việc xử dụng ngân sách để đem quân chiến đấu Hoa Kỳ vào Cam Bốt, kể cả cố vấn, mà Nixon vẫn tiếp tục dội bom ở đó. Nixon đã cho thả mìn ở Hải Phòng mà không sợ làm tan vỡ hội thượng đỉnh với Brezhnev. Lần dội bom vào dịp lễ Giáng Sinh đã bị dư luận quốc tế lên án gắt gao, thế mà Nixon nhất quyết làm cho đến khi Bắc Việt chịu ngồi vào bàn hội nghị.

Phía Việt Nam vẫn cho rằng Nixon là Tổng Tư Lệnh quân đội Hoa Kỳ nên có thể lấy quyết định một khi tình hình quân sự đòi hỏi phải dùng quân đội mặc dù có sự phản đối của quốc hội và nhân dân.

Tuy nhiên, điều nhận thức của Thiệu khác hẳn với thực tại ở Washington. Một khi tù binh Mỹ đã được phóng thích, Việt Nam không còn ở danh sách ưu tiên của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ nữa. Cả nước đều muốn quên cơn ác mộng chiến tranh và hình ảnh Việt Nam mờ nhạt dần. Phụ Tá Thứ Trưởng Ngoại Giao William Sullivan tóm tắt quan điểm của chính quyền Mỹ một cách nửa đùa nửa thật như sau: "Chúng tôi hy vọng rằng Đông Dương sẽ lui vào chỗ của nó trong bóng tối, và nó xứng đáng được như vậy.

San Clemente là trạm dừng chân của ông Thiệu trước khi ông rời khỏi trọng tâm chú ý của Hoa Kỳ. Kissinger thì bận rộn với chương trình "Năm của Âu Châu" (tức năm 1973) và những kế hoạch mới để đem hòa bình đến cho Trung Đông. Ở nhiệm kỳ hai, Kissinger nhất quyết phục hưng lại thế quân bình giữa các cường quốc. Thế quân bình trước đây đã bị rung chuyển bởi chiến tranh Việt Nam.[21] Trong một lần phỏng vấn của Marvin Kalb đài CBS, ngày 1, tháng hai, 1973, Kissinger đã giải thích chiến lược của nhiệm kỳ hai Nixon như sau:

Bây giờ đây, chính quyền này không còn áp dụng thế quân bình chiến lược phức tạp như ở thế kỷ thứ

19 nữa, nhưng cố gắng loại bỏ những dấu vết thù nghịch còn dư âm sau trận chiến tranh (ngụ ý Việt Nam) và giải quyết những vấn đề hiện tại. Mặc dầu Hoa Kỳ, Nga Sô, và Trung Quốc là những quốc gia đối nghịch về ý thức hệ, nhưng cùng bị trói buộc bởi một thực tế căn bản. Đó là, không quốc gia nào có thể sống sót sau trận chiến tranh nguyên tử và do đó, vì quyền lợi chung mà chúng ta phải giảm bớt những mối thù nghịch chẳng qua gây ra bởi guồng máy thư lại chứ không phải bởi những lo ngại thực sự của các quốc gia.[22]

Trên đường về, Thiệu ghé qua La Mã để yết kiến Đức Giáo Hoàng. Trong cuộc hội kiến, Đức Giáo Hoàng có khuyên ông Thiệu nên tìm cách hòa giải với Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời của Việt Cộng. Thiệu sững sờ kinh ngạc. Ông ta tưởng là Đức Giáo Hoàng John sẽ lên án Cộng Sản vì đàn áp Thiên Chúa Giáo ở miền Bắc. Vị Giáo Hoàng Paul VI trước đây có nói với Nixon là Cộng sản giết hại giáo dân và đàn áp Công Giáo khi họ lên nắm chính quyền ở Bắc Việt hồi năm 1954. Trong cuốn hồi ký, Nixon có viết lại về cuộc hội kiến đó như sau: "Với giọng nói đầy xúc cảm, Đức Giáo Hoàng Paul đồng ý là Hoa Kỳ phải ở lại miền Nam Việt Nam để ngăn chặn Cộng Sản".[23]

Vị tân giáo hoàng này lại có tư tưởng tự do hơn, và dường như ít thiện cảm với chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Vị này muốn coi cuộc chiến tranh Việt

Nam là một cuộc nội chiến và khuyên Thiệu nên tiếp xúc với Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời. Trước đó, Nguyễn Thị Bình, ngoại trưởng của tổ chức này, cũng đã xin gặp Đức Giáo Hoàng trong chiến dịch vận động ủng hộ. Giờ đây, Thiệu nghĩ, ngay cả đến Giáo Hội cũng ngoảnh mặt đi và rơi vào cạm bẫy tuyên truyền của Cộng Sản.[24]

Ông Thiệu về Sài Gòn vào khoảng cuối tháng tư, 1973 và được đón tiếp linh đình, trọng thể. Thế nhưng, dường như ông đã bắt đầu nao núng. Theo lời nhận xét của một cố vấn ở trong Dinh Độc Lập, thì "ông Thiệu đã là một con người khác, kể từ khi ông đi họp San Clemente về và Watergate bùng nổ".

chương XI
hồi hương

Vào khoảng giữa tháng Năm, 1973, Hưng được tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa cho biết Tổng Thống muốn mới anh về Sài Gòn để tham khảo ý kiến. Trên đường về, anh ghé qua Paris để thăm người anh cả là Cha Phong, một học giả của Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp. Cha Phong đã trở thành gia trưởng, kể từ khi ông thân sinh Hưng mất vào năm 1954. Theo truyền thống Việt Nam, mọi người phải tham khảo với người gia trưởng về những quyết định quan trọng như việc học hành, hôn nhân, nghề nghiệp hay buôn bán.[1]

Cha Phong đưa anh đi dự thánh lễ ban mai để tìm chút nguồn soi sáng. Hưng quì gối một giờ trước bàn thờ tại một thánh đường nhỏ ở Ivry-sur-Seine, ngoại ô Paris, trong khi Cha Phong làm lễ bằng tiếng La Tinh. Anh bàn với cha về những khó khăn mình sẽ gặp nếu quyết định trở về Sài Gòn giúp nước. Gia đình anh sẽ phải ở lại Washington vì Christine, người

con gái đầu bị suyễn nặng cần được chăm sóc thuốc men cẩn thận. Mấy đứa con của anh còn quá nhỏ, lại còn bị chứng suyễn. Cha Phong khuyên Hưng nên hy sinh những chuyện cá nhân và về Sài Gòn để phục vụ đất nước.

Hưng tuân theo lời khuyên nhủ của người anh cả. Hồi tháng Chín, 1945, khi Cha Phong còn là một sinh viên ở Đại Chủng Viện Hà Nội, vì giỏi nhất lớp, ông đã được cử đứng lên đại diện Công Giáo ủng hộ cuộc Cách Mạng tháng 8 tại nhà thờ Chính Tòa. Tháng 9 năm đó, Hồ Chí Minh và nhân viên chính phủ đã đến nhà thờ này để đăng quang nền độc lập vừa mới giành lại của Việt Nam và nghe Cha Phong hùng hồn ca ngợi chánh nghĩa; cha đã nói lên vai trò của Giáo hội đối với nền độc lập của Việt Nam. Nhìn thẳng vào mặt Hồ, Phong nói: "Dân Công giáo chúng tôi sẽ cùng toàn thể nhân dân ủng hộ và theo đuổi cuộc tranh đấu chống thực dân". Vài tháng sau, Cộng Sản thẳng tay đàn áp Giáo hội và giải tán chủng viện khiến Cha Phong phải trốn về vùng quê. Ông trở về Hà Nội năm 1949 khi Pháp chiếm lại thành phố này. Năm 1952, ông quyết định sang Pháp để tiếp tục học lấy bằng tiến sĩ.

Hai người tưởng nhớ tới một người anh nữa là Nguyễn Hữu Chỉnh, một người đã ủng hộ phong trào Việt Minh ngay từ đầu. Sau Cách Mạng Tháng Tám 1945, Chỉnh lúc đó là chủ tịch sinh viên của một trường học Công giáo nổi danh, đã hướng dẫn

sinh viên biểu tình trước Tòa Giám Mục Thanh Hóa để đòi Giám mục người Bỉ và những giáo sĩ người Pháp "phải trả lại Giáo Hội Việt Nam cho người Việt Nam". Chỉnh bị trục xuất khỏi trường. và cha ông thất vọng vô cùng. Năm 1946, Cộng sản tịch thu đất đai của nhà thờ, khởi sự phong trào "cải cách ruộng đất" và bắt giam những nhà lãnh tụ quốc gia. Cái vỏ bên ngoài của phong trào quốc gia đoàn kết chống Pháp bị xé rách tan và Cộng Sản nắm trọn chính quyền. Vào năm 1949, Chỉnh cùng người anh họ là Trần Kim Tuyến đi thuyền trốn về Hà Nội, nhưng chẳng may chiếc thuyền bị bão đánh gần chìm. Họ chèo lái được vào bờ và gặp ngay một toán tuần tiễu Cộng Sản địa phương; hai người vội đào lỗ rồi chui trốn xuống bãi cát chỉ để ló hai lỗ mũi để thở. Gia đình Hưng giúp họ mua một chiếc thuyền khác chèo ra biển và họ được một chiếc tầu Pháp cứu đem về Hà Nội. Ông Tuyến, người bé nhỏ nhưng đầy khả năng với đôi mắt tinh anh đã trở thành người đứng đầu cơ quan tình báo dưới thời Ngô Đình Diệm.[2]

Chỉnh, một giáo sư văn chương Pháp, về dạy tại trường Khải Định và Đồng Khánh Huế, sau đó, vào Sài Gòn năm 1952. Khi ông Diệm lên nắm chính quyền. Chỉnh được bổ làm Đổng Lý Bộ Giáo Dục. Sau đó, ông được bầu vào chức vụ dân biểu và giữ một vai trò quan trọng tại Quốc Hội đầu tiên của Việt Nam Cộng hòa. Tháng Hai, 1963, Tổng Thống Diệm, trong ý hướng muốn trở lại với Pháp và dần dần lánh

xa Mỹ, đã cử ông tham gia phái đoàn Trương Vĩnh Lễ sang Pháp để điều đình "hợp tác" kinh tế và văn hóa. Các ông đã gặp riêng Tổng Thống De Gaulle, Thủ Tướng Pompidou và Ngoại Trưởng Couve de Murville rất lâu, và đạt nhiều kết quả. Nhưng chuyến đi của ông đã đổ thêm dầu vào lửa bất mãn của Mỹ đối với chính phủ Diệm! Ông phục vụ tại Quốc Hội cho tới năm 1963, khi Tổng thống Diệm bị lật đổ. Sau đó, ông sang Pháp, với sự trợ cấp 100 đô la một tháng của Hưng, học lấy bằng Tiến sĩ Chính Trị học tại Sorbonne năm 1971. Ông về Sài Gòn năm 1972 và được ông Thiệu bổ nhiệm thứ trưởng bộ Giáo Dục.

Về lại Bộ, Chỉnh phàn nàn với một người bạn về nạn tham nhũng lan tràn trong ngành giáo dục. Muốn nhập học một trường trung học công lập, hoặc muốn đi du học thường phải đút lót tiền bạc. Đi học ngoại quốc không những đã đoạt được bằng cấp trọng dụng mà còn được trốn lính nữa. Chỉnh muốn chống lại nạn tham nhũng đó bằng cách thành lập một hội đồng hàng tháng họp để duyệt xét đơn xin du học. Mỗi đơn xin phải niêm phong và chỉ được mở trước hội đồng. Sự chấp thuận dựa vào khả năng sinh viên thay vì uy thế gia đình hay tiền bạc. Hệ thống đó chạy đều được ba tháng đầu. Một hôm, tổng thư ký bộ Giáo Dục vắng mặt, và Chỉnh vào văn phòng ông này để tìm một hồ sơ cần xem. Thay vì tìm được hồ sơ đó, Chỉnh lại thấy một hồ sơ khác gồm gần một trăm đơn xin du học, tất cả đều được

"duyệt xét" thẳng bởi ông Tổng Thư Ký, không qua hội đồng. Chỉnh trình lên ông Bộ trưởng và đòi đuổi ông tổng thư ký vì tội tham nhũng. Ông Bộ trưởng cười và nói: "Khi ta có một chỗ ngồi trên ghế, ta nên nhắc chân lên, khoanh chân lại và đừng nhìn xuống dưới, để mặc cho lũ chuột nó chạy". Chỉnh thất vọng vô cùng. Mùa thu năm 1972, ông qua đời sau một trận cúm trầm trọng. Nhiều người, kể cả gia đình ông đã đặt nghi vấn về cái chết của ông.

Hưng về Sài Gòn cuối tháng 5, 1973. Thành phố trông có vẻ yên tính khác thường. Phi trường Tân Sơn Nhất không còn rộn rịp máy bay lên xuống yểm trợ cho chiến tranh như những lần trước Hưng về Sài Gòn. Không còn đại bác chớp sáng trong đêm, không khí có vẻ bớt căng thẳng và đành cam chịu vì tin đồn Việt Cộng sẽ đặt bộ chỉ huy ở ngay phi trường Tân Sơn Nhất. Báo chí đăng hình Việt Cộng đang sắp xếp văn phòng ở phi trường và loan tin chúng từ nay có thể lái xe tự do quanh thành phố! Đó là lần đầu tiên dân chúng Sài Gòn nhìn thấy Việt Cộng kể từ trận tổng tấn công hồi Tết Mậu Thân 1968. Hồi đó Việt Cộng xâm nhập thành phố đem súng AK-47 bắn bừa bãi, đốt nhà cửa và vận động dân chúng "tổng nổi dậy". Sự có mặt của Việt Cộng ở đây khiến bà thân sinh Hưng hỏi anh có phải họ sẽ vào chiếm thành phố khi quân Mỹ đi rồi chăng?

Bà cụ làm cỗ để mừng Hưng trở về. Bà chọn con gà mập nhất trong số sáu con bà nuôi lấy, đem nấu

và luộc tiết gà cho Hưng nhắm nháp. Bà cũng đem ra hai chai rượu Whiskey Haig and Haig của một người Mỹ thuê nhà biếu mà bà để dành mãi: "Bây giờ thì Mỹ đi rồi, những thứ này không còn nữa". Cô vợ hờ của người Mỹ thường sang thăm bà và hỏi xem có tin tức gì của chồng cô hay không?

Má Hưng thường nói chuyện gia đình và lấy làm tiếc đã không để lại nhiều tiền bạc cho con cái! Cha Hưng mất ở Sài Gòn và cả gia sản của ông, kể cả hàng trăm mẫu ruộng, còn để lại ngoài Bắc. Gia đình bàn đến chuyện Hưng về hẳn Sài Gòn, và gợi ý có lẽ Hưng nên thỉnh thoảng về Sài Gòn để chính phủ tham khảo ý kiến hơn là nhận một chức vụ thường xuyên trong chính phủ. Ai sống ở Sài Gòn cũng sợ Việt Cộng pháo kích ban đêm. Mỹ đi rồi và nhiều phòng trà đã đóng cửa gợi lại quang cảnh hồi năm 1954, khi Hưng mới ở Bắc vào Sài Gòn. Vẻ yên tĩnh và trang nghiêm của thành phố đã vãn hồi, nhưng nỗi lo âu vẫn còn đó!

Hôm sau, Hưng gởi phiếu trình lên ông Thiệu là mình đã về, nhưng ba tuần sau vẫn không nhận được tin tức gì. Trong khi chờ đợi, Hưng đến gặp Nguyễn Văn Ngân, phụ tá chính trị của ông Thiệu. Ngân là một người hoạt động chính trị có nhiều mưu mô, giúp Thiệu trong vấn đề liên lạc với quốc hội. Ngoài ra, Ngân còn là động cơ chính của Đảng Dân Chủ, một bộ máy chính trị do Thiệu lập lên với sự ủng hộ của Hoa Kỳ để đương đầu với ý thức hệ

Cộng Sản. Ngân và Hưng so sánh đảng Dân Chủ này với đảng Cần Lao Nhân vị của Tổng thống Diệm. Hai người đồng ý rằng thông điệp của đảng Cần Lao quá trừu tượng và bí ẩn, không được quần chúng thiết tha mấy. Thiệu muốn phát triển một ý thức hệ chính trị, lấy dân chủ làm căn bản, có tác dụng hơn là tuyên truyền của Cộng Sản. Đảng Dân Chủ còn là một phương tiện để Thiệu củng cố quyền hành, thế nhưng đảng đó chưa bao giờ phát triển thành một tổ chức sâu rộng, có sự ủng hộ của đa số quần chúng. Thay vào đó, đảng này chỉ có tính cách tượng trưng và một phần nào, đã trở thành một thứ dụng cụ để che chở và vay trả chính trị. Tiền đóng góp vào đảng thường có mục đích trục lợi; một trong những mối lợi to nhất là xin được giấy phép nhập cảng tài trợ bằng ngoại tệ. Mặt khác những chức vụ như tỉnh trưởng, quận trưởng, quản trị viên những hãng công quản, giám đốc quan thuế, quận trưởng Quận Năm Cảnh sát ở Chợ Lớn lại thường được dàn xếp qua Văn phòng Thủ Tướng. Khi gặp Ngân, Hưng thấy ông có vẻ hăng say trong việc chống tham nhũng. Có lần, Hưng nghe thấy Ngân đặt vấn đề với ông Thiệu trên điện thoại về cách thức diệt trừ tham nhũng ở các tỉnh, có vẻ như ông muốn biểu diễn với Hưng. Ngân nói với anh về chỉ thị của Tổng thống cho quyền ông cách chức những ông quận trưởng và tỉnh trưởng tham nhũng. Ngân thực sự có cách chức vài quận trưởng, nhưng chỉ loại "hạm nhỏ", còn loại

"hạm bự" thì ông khó mà rớ tới được! Một trong những hành động tham nhũng tai hại nhất là vấn đề "lính ma", "lính kiểng". "Lính kiểng" là loại lính trả tiền cho cấp trên để được ở nhà khỏi ra mặt trận. "Lính ma" là loại lính có tên trong sổ lương sau khi họ đã chết hay thuyên chuyển đi nơi khác và tiền lương của họ đã vào túi cấp chỉ huy.

Trong khi Ngân phàn nàn với Hưng về nỗ lực bị giới hạn của Đảng Dân Chủ trong việc tiễu trừ tham nhũng thì Ngân lại cố gắng thuyết phục anh gia nhập đảng này... Ngân nói: "Ta cần những người hăng say và có đầu óc mới để xây dựng đất nước này", và thêm rằng ông cần thêm đồng chí để cùng nhau thuyết phục ông Thiệu thay đổi đường lối lãnh đạo. Việt Nam Cộng hòa đang ở trong tình thế mới vì đình chiến và sự giảm bớt ảnh hưởng của Hoa Kỳ. Chính phủ không còn có thể nhờ người Mỹ lo giùm mọi chuyện như trước nữa. Trong khi đó theo Nhã, thì anh cũng đang cố gắng thuyết phục ông Thiệu phải thay thế Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm và Tổng Tham Mưu trưởng Cao Văn Viên "vì họ bất lực, nhưng ông Thiệu do dự không muốn làm. Cả hai ông đều là Đại Tướng và là những phần tử trung thành. Nếu thay họ, Thiệu sợ có thể mất chỗ đứng". Nhã phàn nàn với Thiệu vì chính phủ bị bao vây bởi "tinh thần quan lại mới" nên không làm được gì cả. Lại nữa, từ bao năm qua, lớp người lãnh đạo cũ đã

quá quen thói ỷ lại vào Mỹ, để Mỹ làm hết từ vấn đề dân sự, tới kinh tế, quân sự.[3]

Ngân tin tưởng rằng Đảng Dân Chủ sẽ nắm vai trò quan trọng trong việc xây dựng một lớp cán bộ mới. Ngân giải thích với Hưng "Miền Nam Việt Nam cần một tổ chức chính trị mạnh mẽ để đương đầu với Cộng Sản Bắc Việt. Dân Chủ Hoa Kỳ là một khái niệm mù mờ chẳng ai hiểu được cả. Ta phải xây dựng Đảng Dân Chủ để truyền bá tư tưởng và định chế dân chủ một cách bình dân, mong quần chúng có thể thông hiểu được".

Thấy Ngân tha thiết, Hưng phát biểu: "Tôi đồng ý với anh. Từ lâu, tôi vẫn nghĩ rằng phải Việt Nam hoa nền dân chủ. Phải trả lại quyền hành cho dân chúng, bằng cách là đẩy mạnh ý tưởng "Phép vua thua lệ làng". Ta có thể xây dựng dân chủ bằng cách đặt nặng việc dân chúng tham gia vào chính trị ở cấp làng, xã và phải làm cả hai mặt: vừa chống cộng, vừa xây dựng dân chủ; vì nếu chỉ chống cộng không thôi thì không hữu hiệu: "người miền Nam không có kinh nghiệm cay đắng về Cộng Sản như người Bắc, nên không nhìn thấy hiểm họa Cộng Sản như mình chiếu phóng". Ngân thuyết phục: "Anh là một giáo sư và một lý thuyết gia tốt. Anh nên tham gia". Hưng cãi lại, mình là một chuyên viên chứ không phải chính trị gia. Nhưng sau nhiều lần thảo luận với Ngân, Hưng ngả theo ý ông. Ngân lý luận: "Bây giờ anh đã về Sài Gòn làm việc cho chính phủ thì anh

phải là một phần tử của một cơ chế chính trị để có hậu thuẫn và có thể làm việc đắc lực".

Hưng có liên kết tinh thần dân chủ Hoa Kỳ với văn hóa Việt Nam. Sau nhiều năm ở Hoa Kỳ, anh đã hiểu được phần nào guồng máy dân chủ phức tạp. Bây giờ, đến lúc phải phối hợp những điểm tốt của dân chủ với truyền thống Việt Nam. Hưng nói chuyện với Ngân về kinh nghiệm của mình hồi năm 1955 khi còn là một sinh viên. Hồi đó Chỉnh, là anh ruột Hưng đang làm việc cho Tổng thống Diệm. Trong cuộc trưng cầu dân ý lựa chọn giữa Ngô Đình Diệm và Cựu Hoàng Bảo Đại, Hưng đã được cử tới khu định cư đồng bào Công giáo di cư ở phía Bắc Sài Gòn để cổ động bầu phiếu cho Ngô Đình Diệm. Công tác đầu tiên là phải thuyết phục dân chúng tham gia bầu cử. Hưng đã mượn hai cuốn phim tài liệu về canh nông và đời sống Mỹ ở phòng thông tin Hoa Kỳ để chiếu "làm mồi" cho dân chúng tới xem và vận động họ. Hưng mượn tiền để dành tết của người chị, thuê một cái máy điện để chiếu phim. Dân khu định cư này ở cách Sài Gòn ba mươi dặm về phía Bắc, chưa bao giờ được xem phim có âm thanh cả, vì khu này không có điện. Chiếc máy điện nổ vang rền thắp sáng trưng ba bóng đèn làm sân nhà thờ thêm tưng bừng và cung cấp điện cho chiếc máy phóng thanh cầm tay đã có tác dụng mạnh. Dân làng tụ tập để xem phim trong bầu không khí vui vẻ, nhộn nhịp, và Hưng cất tiếng: "Trước khi chiếu phim, tôi xin

thông báo một việc quan trọng để cả làng cùng rõ: Chúng ta sẽ bầu vị Tổng Thống để thay thế Hoàng Đế Bảo Đại". Dân chúng dường như không hiểu lời nói đó. Một bà già kính cẩn nói với Hưng: "Thưa ông, Tổng Thống là gì vậy?"

Đối với đám dân này, Bảo Đại vẫn là vị hoàng đế. Họ ngạc nhiên khi nghe Hưng nói đến "Tổng Thống", danh từ mới chỉ người lãnh đạo Việt Nam. Bà già nói tiếp với vẻ ngạc nhiên: "Tôi mà làm sao chọn Hoàng Đế được? Ngày xưa chỉ nhìn mặt Ngài, ta đã có thể bị phạt rồi"!

Hưng tiếp tục giải thích rằng dưới chế độ Ngô Đình Diệm ta có quyền chọn một nhân vật cai trị mới gọi là "Tổng Thống". Bằng lối giải thích giản dị, Hưng cố nói cho dân làng biết phân biệt chế độ cũ và chế độ mới. Ngày xưa, quyền vua là Thiên Mệnh, ở trên trời ban xuống, ngày nay quyền là của nhân dân. Và cứ thế, Hưng đã lái buổi nói chuyện vào việc phân biệt Ngô Đình Diệm không phải với Bảo Đại mà là với Hồ Chí Minh. Dân làng cho là nếu bầu cho Ngô Đình Diệm là được ở lại miền Nam và hưởng sự trù phú của "Thế Giới Tự Do" như cuốn phim mô tả: gạo Louisiana, khoai tây Idaho, lợn gà Kansas, trâu bò Texas. Phiếu cụ Diệm mầu đỏ, tượng trưng cho sự may mắn, đã thắng thế rõ ràng; lá phiếu mầu xanh lá cây của Bảo Đại, tượng trưng cho sự bất hạnh.[4]

Trên đường xây dựng dân chủ, Hưng nghĩ rằng Bắc Việt có lợi điểm hơn. Họ giải thích rằng chủ

nghĩa Cộng Sản sẽ loại trừ địa chủ và tư bản để giúp người nghèo: lấy ruộng đất của người giàu cho người nghèo, ai nghe cũng có thể hiểu được. Hưng nghĩ cách làm sao để chủ nghĩa dân chủ trở nên hấp dẫn hơn đối với người Việt Nam. Làm sao có thể giải thích được rằng quyền hành là từ dưới đi lên, từ sự thỏa thuận của người bị trị trao cho người trị nước ở bên trên? Anh nghĩ tư tưởng dân chủ Hoa Kỳ có thể cũng phù hợp với truyền thống Việt Nam. Nhưng quan niệm rằng quyền hành là do một "khế ước xã hội" như kiểu Rousseau là một quan niệm xa lạ đối với người Việt. Có lẽ dân chủ hiểu theo nghĩa "bình quyền trước pháp luật" sẽ hấp dẫn hơn. Nó phù hợp với quan niệm "tứ hải giai huynh đệ" của Phật giáo, và quan niệm "mọi người đều là con Chúa" của Công giáo.

Người dân phải thay đổi lối suy nghĩ cũ và áp dụng lối mới: "Trên dưới, không ai có quyền vi phạm luật lệ cả". Theo truyền thống Việt Nam, người có tiền thường hay có đặc quyền, và có thể mua được luật lệ. Nhiều khi chỉ nhắc tới tên của một thượng cấp cũng đã có thể gây ảnh hưởng được rồi. Một trong những câu chuyện pha trò ưng ý của ông Thiệu trong lúc trà dư tửu hậu với các Tổng bộ trưởng là câu chuyện một mệnh phụ lái xe quá tốc độ bị cảnh sát chận lại; bà ta vội vã nói: phải vô dinh gấp để ăn trưa với Tổng Thống và được thả cho đi. Lẽ dĩ nhiên bà này chẳng bao giờ đến Dinh Độc Lập cả.

Một buổi chiều chủ nhật, ngay khi vừa được bổ nhiệm Tổng Trưởng, Hưng lái xe Toyota riêng của anh để đưa gia đình ra vùng quê chơi. Người cận vệ đi xe Honda theo sau. Khi đến cầu, cảnh sát thấy xe tư nhân, chận lại để thu thuế cầu. Anh đang móc túi trả tiền thì người cận vệ phóng xe tới hỏi cảnh sát: "Anh làm gì đó?" "Tôi thu thuế cho chính phủ". Người cận vệ chỉ vô xe: "Chính phủ đây chứ còn đâu nữa: ổng đó, ổng đó"! Người cảnh sát đứng thẳng người chào và làm hiệu để xe đi qua. Nhưng Hưng vẫn cứ nộp thuế và chào lại người cảnh sát. Về tới nhà, anh phải khéo léo giải thích cho lính cận vệ biết rằng: "Tất cả mọi người đều phải nạp tiền thuế qua cầu: mọi người đều bình đẳng trước pháp luật". Hàng ngàn năm bị Tầu đô hộ, và 80 năm dưới chế độ Tây, đã làm cho người Việt Nam bị đè ép, và bị gài vô những hệ thống đặc ân và đặc quyền.

Nền dân chủ Mỹ nhấn mạnh vào *quyền cá nhân*, nhưng Hưng nghĩ phải nhấn mạnh cả *bổn phận công dân* nữa. Quan niệm về bổn phận quân thần phu phụ, phụ tử là căn bản cho giá trị Việt Nam bắt nguồn từ truyền thống Khổng Tử.

Quyền công dân là một quan niệm xa lạ đối với người Việt Nam. Người Việt ngạc nhiên tại sao người Mỹ quá xúc động trước câu nói của Tổng Thống Kennedy trong ngày lễ nhậm chức: "Đừng hỏi những gì quốc gia làm được cho mình; phải hỏi mình làm gì được cho quốc gia". Theo anh, câu nói

đó hàm ý đừng hỏi về quyền lợi cá nhân của mình mà phải nghĩ đến bổn phận công dân trước đã. Đó chẳng qua là tiêu chuẩn thông thường ở Á Đông.

Ngân tán thành ý tưởng của Hưng và hứa cho Hưng một tương lai xán lạn trong Đảng Dân Chủ. Hoạt động đảng phái chính trị đã bị ngừng trệ từ ngày Ngô Đình Diệm mất đi. Bây giờ, trong giai đoạn đình chiến, miền Nam phải có một ý thức hệ vững chãi hơn để đương đầu với Cộng Sản. Ngân yêu cầu Hưng khai vào phiếu gia nhập Đảng. Ngân cho biết hiện giờ ông Thiệu đang bận và không được vui, nhưng cũng cố gắng dàn xếp buổi lễ chấp nhận Hưng gia nhập Đảng Dân Chủ.

Cuối cùng, Ngân đưa Hưng vào văn phòng ông Thiệu. Cờ Đảng nền vàng ngôi sao đỏ, cắm sau bàn giấy đã sẵn sàng cho buổi lễ. Thấy Hưng, Thiệu xin lỗi đã không thể gặp anh sớm hơn được. Hưng lấy làm lạ: trước khi hội kiến với Thiệu, anh đã phải ký giấy gia nhập đảng.

Rõ ràng anh đã được tuyển dụng không phải chỉ là một chuyên viên kỹ thuật mà thôi. Ngân yêu cầu Hưng đứng nghiêm và bắt đầu trịnh trọng lên tiếng: "Kính thưa ông Chủ tịch, tôi xin bắt đầu buổi lễ tuyên thệ".

Hưng đứng thẳng người; Ngân với giọng nói trang nghiêm: "Kính thưa ông Chủ tịch, tôi xin trân trọng giới thiệu đồng chí Nguyễn Tiến Hưng, xin gia nhập Đảng". Thiệu yêu cầu Hưng tuyên đọc lời thề trung thành với quốc gia và Đảng và triệt để chống

Cộng, Hưng chấp nhận. Thiệu nói: "Tôi chính thức chấp nhận đồng chí gia nhập Đảng".

Ngay sau buổi lễ, ông Thiệu đã nhận báo cáo đầy đủ về tin tức cuối cùng từ Paris. Thiệu tỏ vẻ lo ngại về những khó khăn của đại sứ Việt Nam đối với Kissinger. Bốn tháng sau khi ký hiệp định Paris, Sài Gòn và Washington vẫn còn tranh chấp về những điều khoản trong bản hiệp định đó.

*

* *

Từ cuối tháng Năm, Việt Nam Cộng hòa đã gặp nhiều khó khăn ở Paris với Kissinger, và tại Dinh Độc Lập, nhiều người đã nhạo báng Kissinger là ông "Tiến sĩ Do Thái" với giọng bài trừ Do Thái, lấy Kissinger là một mẫu người tiêu biểu.

Ngày 5 tháng Sáu, Thiệu gọi Hưng vào văn phòng để bàn luận về vai trò của Hưng trong chính phủ. Vẻ lạc quan của Thiệu khi Hưng gặp ông ở nhà khách "Blair House", Washington đã biến mất. Thiệu tỏ vẻ ưu tư, lo ngại khi Hưng trình bày kế hoạch thông tin ở Washington. Thiệu nói: "Hãy xếp chuyện phòng Thông Tin lại, tôi cần một kinh tế gia ngay. Vì anh chưa quen với guồng máy chính trị ở Sài Gòn, tốt hơn hết là tôi cử anh vào chức vụ Phụ tá Đặc trách về Tái thiết Kinh tế cho tôi".

Thiệu nói có được nghe Ngân kể lại ý kiến của Hưng về việc xây dựng lại guồng máy chính quyền tại miền Nam.

Hưng cảm thấy tinh thần trách nhiệm nặng nề và nói với Thiệu tuy anh sẵn sàng phục vụ quốc gia, nhưng anh cần vài ngày để bàn chuyện này với gia đình. Khi anh đề cập vấn đề thì gia đình lại khuyên anh đừng về Việt Nam! Người anh rể nói: "Nếu chú ở Hoa Kỳ, có ngày chú còn cứu được gia đình. Nếu chú ở đây, có ngày gia đình phải cứu chú"! Hưng nghĩ ngợi về quyết định của mình: "Nếu đất nước còn có cơ hội tồn tại, ta phải làm tất cả những gì có thể làm được để cứu vãn. Nếu chỉ có một hay hai năm nữa, thì đây là một cơ hội cuối cùng để phục vụ xứ sở. Dù trường hợp nào đi chăng nữa, thì đây cũng là cơ hội hiếm hoi được trực tiếp phục vụ bên cạnh tổng thống trong việc kiến thiết lại nền kinh tế quốc gia.

Hai ngày sau, Hưng trở lại Dinh Độc Lập bằng lòng nhận việc sau khi trở về Hoa Kỳ để thu xếp gia đình. Thiệu đồng ý và ký nghị định bổ nhiệm anh vào chức vụ Phụ Tá về Tái Thiết và Phát Triển.

Thiệu mời Hưng ở lại Dinh dùng cơm buổi tối và tỏ vẻ rất cảm kích về lòng yêu nước và những đóng góp của anh trong mấy năm qua cũng như những kế hoạch phục hồi kinh tế. Anh được xếp vào hàng đại sứ trong chuyến trở về Washington và quay về lại Sài Gòn. Vì trong chức vụ mới, lương anh chỉ tương đương với 250 đô-la một tháng, không có cách nào có tiền gởi sang giúp đỡ gia đình được, nên anh sắp xếp để gia đình từ bỏ căn nhà 5 phòng ngủ

và rời về ở với vợ chồng người em Hưng là Nguyễn Hữu Trị trong một căn nhà khiêm nhượng tại quận Arlington. Trị đã hăng hái giúp đỡ để anh về giúp nước. Hưng không dám đem người con gái về Sài Gòn, sợ rằng khí hậu ẩm thấp sẽ làm cho bệnh suyễn trầm trọng thêm. Hưng nói với hai trẻ nhỏ rằng cha chúng phải về xứ để phục vụ. Christine lúc đó 6 tuổi và Daniel lên 3 không cách nào hiểu nổi tình cảnh.

Tại tòa đại sứ Việt Nam Cộng hòa, ông Đại sứ mở một cuộc tiếp tân thịnh soạn tiễn đưa Hưng hồi hương. Chiếc xe Mercedes mầu đen có tài xế lái đi thăm viếng Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Cơ quan Phát triển Quốc tế, và Ngũ Giác Đài trước khi trở về Sài Gòn vào giữa tháng Tám.

Ở Sài Gòn, Hưng được dành một văn phòng trong Dinh Gia Long cạnh Dinh Độc Lập, trước đây là phòng làm việc của ông Ngô Đình Nhu, sau đó là bàn giấy của ông Thiệu lúc ông này làm Chủ tịch Hội đồng Quân nhân hồi 1965. Hưng đã được chọn chỗ cho văn phòng làm việc và bạn bè anh khuyên nên lấy một phòng nhỏ trong Dinh Độc Lập cạnh Thiệu. Tuy nhiên, anh lại thích lối kiến trúc nghệ thuật cổ xưa của Dinh Gia Long, do người Pháp xây, đồ đạc toàn bằng gỗ mun hay sơn mài và những chiếc bình sứ cổ, nhiều bình còn hằn vết đạn trong cuộc tấn công lật đổ ông Diệm. Chiếc bàn giấy bằng gỗ trắc, trước của viên toàn quyền Pháp, cần đến mười hai người lính mới khiêng nổi.

Thiệu chỉ thị cho Hưng phải phối hợp viện trợ tái thiết và toàn bộ chính sách kinh tế và tài chánh. Hưng có nhiệm vụ trình giải pháp lên cho Thiệu. Anh giải thích hoạt động của Hội Đồng Cố vấn kinh tế của Tổng Thống Hoa Kỳ. Thiệu chỉ thị thành lập một hội đồng tương tự cho Việt Nam. Ưu tiên thứ nhất của anh là chống nạn thất nghiệp trầm trọng gây ra bởi sự ra đi của người Mỹ. Gần hai triệu người không có công ăn việc làm, tương đương với 30 phần trăm của tổng số lao động. Tất cả những người làm việc trực tiếp hoặc gián tiếp với các cơ sở Hoa Kỳ, nay đã bị sa thải và mất lợi tức. Trong thời kỳ chiến tranh, dân số Sài Gòn đã từ 500.000 tăng lên bốn triệu.[5] Một khi dân đã định cư ở Sài Gòn, đa số không muốn trở về nguyên quán nữa dù bị thất nghiệp. Khi quân đội Hoa Kỳ còn ở Việt Nam, nền kinh tế đã có một mức thịnh vượng quá sức tưởng tượng. Chính Hưng đã nhìn thấy những tờ giấy bạc 100 đô-la lần đầu tiên vào năm 1971 trên chuyến máy bay từ Mỹ về Sài Gòn, do một hành khách ngồi bên cạnh mang ra đếm. *Ở* Sài Gòn, giấy 100 đô-la hồi đó đã không hiếm. Người Mỹ dùng nó để cho gái và trả tiền thuê nhà. Hơn nửa triệu người Mỹ, mỗi người trung bình tiêu 400 hoặc 500 đô-la một năm cho những dịch vụ hằng ngày của họ. Bỗng trong chốc lát những đồng đô-la đó biến mất. Là một kinh tế gia, Hưng nhìn thấy ảnh hưởng kinh tế trầm trọng của việc này: mỗi

đồng đô-la của Mỹ không tiêu nữa, làm lợi tức bị mất mát đi tới hai, ba đồng!

*

* *

Hưng hết sức ủng hộ và thúc đẩy các chương trình canh nông của các bạn đồng nghiệp, nhằm thu hút nhân công mà không phải đầu tư lớn. Khẩu hiệu "Người Cầy Có Ruộng" được đẩy mạnh. Tuy nhiên, chương trình tái thiết vừa khởi sự thì Cộng Sản đã bắt đầu hoành hành khắp nơi để phá hủy. Chúng bắt đầu đặt mìn trên những trục lộ chính và gây rối loạn tại những khu vực vựa gạo của Việt Nam. Để cản trở việc tiếp tế gạo cho Sài Gòn, chúng đặt mìn và bắn sẻ xe vận tải trên quốc lộ 4, với mục đích cô lập Sài Gòn. Giá gạo bắt đầu tăng vọt từ mùa Thu 1973 vì khan hiếm. Chính phủ phải dồn hết nỗ lực để tiếp tế gạo cho quân đội và dân chúng đô thị trong thời gian này. Vấn đề gạo trở nên đề tài số một trong các buổi họp nội các, chiếm hết bao nhiêu thời giờ cần thiết cho các vấn đề quan trọng khác!

Hưng được nếm mùi vị "hành chánh" khi định bổ nhiệm một người bạn học thời trung học là Cung Tiến vào bộ tham mưu của anh. Cung Tiến đã du học về ngành kinh tế từ Úc và Anh. Tiến cũng là một nhà soạn nhạc và chuyển ngữ nhiều tác phẩm nổi tiếng ngoại quốc sang tiếng Việt. Đề nghị bổ nhiệm bị Văn Phòng Phụ tá An ninh Phủ Tổng Thống khước từ với lý do Tiến là "phần tử thiên tả". Hưng

phản đối và trình lên Tổng Thống Thiệu. Thiệu quyết định ngược lại phòng An Ninh. Sau này, Hưng dò hỏi mới biết rằng đề nghị bổ nhiệm bị khước từ vì trong hồ sơ cũ của Tiến có ghi là Tiến đã "dịch sách Nga". Đó là cuốn "Một Ngày Trong Cuộc Đời của Ivan Denisovich" của Solzhenitsyn mà anh dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, Quyển truyện mô tả đời sống trong trại cải tạo Xô Viết, nói lên một cách hùng hồn và cảm động sự thắng thế của tâm hồn con người trước chủ nghĩa Cộng Sản; nhưng phòng An Ninh chỉ biết đó là cuốn sách của người Nga và tác giả hiện sống tại Nga (Solzhenitsyn bị trục xuất khỏi Nga năm 1974). Viên Phụ tá An Ninh, tướng Đặng Văn Quang, nhớ mãi câu chuyện qua mặt của Hưng và bắt đầu bóng gió gọi Hưng là "ông Giáo Sư Hoa Kỳ" trước mặt Thiệu, ám chỉ Hưng là nhân viên CIA. Thật là mỉa mai vì Thiệu thừa biết Quang là thông tín viên của CIA nằm vùng trong Dinh Độc Lập.[6]

Hưng bắt đầu tham dự những buổi họp trong Dinh. Anh nhận ra rằng những vấn đề kinh tế, tuy khẩn cấp, nhưng không ưu tiên bằng vấn đề Bắc Việt vi phạm lệnh ngưng chiến.

Hưng soạn phiếu trình thẳng lên ông Thiệu. Phiếu trình có ba loại ưu tiên: thượng khẩn, khẩn và thường. Nếu thượng khẩn, ông Thiệu sẽ gặp hoặc xét nội trong 24 giờ, khẩn thì vài ba ngày, nếu thường thì trong vòng hai tuần lễ.

Mỗi thứ tư có buổi họp nội các với Thủ Tướng,

thường kéo dài cả ngày. Trong gần hai năm trời, Hưng tham dự hội đồng nội các, anh không thấy có lấy một buổi nào được hoàn toàn dành ra để bàn định chiến lược quốc phòng, mặc dầu ông Khiêm kiêm nhiệm cả Thủ Tướng lẫn Tổng trưởng Quốc phòng và có khi thêm cả Nội vụ nữa. Không khí những buổi họp thật lạ lùng. Các Tổng trưởng phải bỏ rất nhiều thì giờ để bàn đến những chuyện hành chánh vụn vặt, thí dụ như việc giải tư của công ty giấy hay quản trị xi-măng Hà Tiên, hay nghiên cứu đơn xin mua đất của Mỹ để xây khách sạn Hyatt và Hilton, hoặc tìm phương cách thu hút du lịch, không có gì tiêu biểu cho cố gắng phác họa một sách lược quốc gia cứu nước cả. Dường như Thủ tướng lẫn Tổng Tham Mưu trưởng quân đội đều đã quen với lối làm việc để cho Mỹ vẽ kế hoạch, rồi thi hành một cách thụ động.

Thiệu thường nói kín đáo đến chuyện thay thế mấy ông này nhưng cảm thấy khó lòng làm được. Thiệu sợ mất điểm tựa và cố giữ những người mà ông biết sẽ không phản ông. Sau này, khi hồi tưởng lại, có lần Hưng hỏi thẳng thì Thiệu nói: "Ở trong quân đội còn có vấn đề thâm niên; ngoài ra còn có vấn đề Nam Bắc, và vấn đề tôn giáo nữa. Tôi đã là người Trung và Công Giáo thì mấy ông kia phải là người Nam và Phật giáo".

Để cho công việc chạy hơn. Thiệu quyết định chủ tọa hội đồng Tổng trưởng hai tuần một lần. Hưng trình lên Thiệu những biện pháp kinh tế và chuẩn bị

chương trình cho buổi họp. Vấn đề cấp bách nhất là làm sao duy trì một triệu quân tại ngũ trong một nền kinh tế suy thoái và viện trợ bị cắt giảm rất nhiều. Chính phủ lâm vào một thế lưỡng nan. Quân đội cần quân số đông mà nền kinh tế không đài thọ nổi. Việt Nam Cộng hòa cần gia tăng sản xuất nhanh chóng để đền bù cho nguồn lợi chính yếu mất đi vì Mỹ rút quân và giảm viện trợ. Trong khi đó, những "khoảng da beo" do quân Bắc Việt chiếm đóng ở miền Nam lại làm tăng nhu cầu của quân đội. Những "khoảng da beo" này gây áp lực lớn lao trên phương diện kinh tế, vì không có nơi nào trên đất nước được hoàn toàn an ninh để tính chuyện trùng tu kinh tế, nhất là vùng châu thổ Cửu Long. Giá như quân đội Bắc Việt được dồn lại từng khu một thì đã đỡ hơn cho vấn đề an ninh! Đàng này, hiệp định Paris để chúng được trấn đóng rải rác khắp nơi, Việt Cộng được tự do đi lại, tha hồ mà gây rối loạn và phá phách. Bộ Tổng tham mưu nhất quyết duy trì quân số nguyên vẹn trong khi các Bộ Kinh tế, Tài chánh và Kế hoạch tính chuyện giảm quân để gia tăng sản xuất và tiết giảm ngân sách quốc gia. Các bộ cho rằng hậu cần quân đội có thể chiết giảm trước. Quân đội Hoa Kỳ thường bị chỉ trích là đã có một cái đuôi dài: cứ một người lính đánh giặc thì có năm người yểm trợ. Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã theo hệt công thức đó; bởi vậy nên phải giảm số quân yểm trợ xuống. Thiệu bị chẹt ở thế đứng giữa. Bộ Tổng Tham Mưu phê bình

các ông kinh tế, cho rằng các ông này quá ngây thơ. Hưng cố chứng minh rằng giảm một số quân không thực sự cần thiết ở hậu cần là điều bắt buộc trong tình trạng kinh tế hiện nay. Thiệu phải lựa chọn giữa súng và gạo. Trong vòng vài tuần lễ, ông lẳng lặng đồng ý cho giải ngũ một trăm ngàn quân thuộc một số đơn vị Địa phương quân và Nghĩa quân. Đây cũng là lá bài để ông nói với Kissinger rằng Việt Nam Cộng hòa tuân theo hiệp định và đang giải ngũ, để đòi Bắc Việt cũng "giải ngũ". Thiệu chỉ thị cho bộ tham mưu nghiên cứu lợi hại giữa tăng gia sản xuất và duy trì an ninh. Làm sao có thể xử dụng quân đội trong việc tăng gia sản xuất được? Tướng Đôn được cử sang Do Thái để nghiên cứu về những nông trại võ trang Ki-bút của họ, giống như những ấp chiến lược. Quan niệm này hay nhưng rất khó áp dụng tại Việt Nam. Chiếu theo thỏa ước đình chiến, hơn ba trăm ngàn quân chính quy Bắc Việt, cộng với Cộng sản miền Nam đã ở lại rải rác trên khắp lãnh thổ, bây giờ chúng áp dụng sách lược "chiến tranh trong hòa bình" để làm tê liệt mọi hoạt động của chính phủ VNCH, trong tình thế đó, không thể nào xây dựng được Ki-bút kiểu Do Thái.

Những "khoảng da beo" càng ngày càng lan tràn gấp bội. Lời hứa hẹn sống chết của Mỹ là sẽ phản ứng những vi phạm đình chiến của Bắc Việt chẳng thấy có động tĩnh gì cả. Trên thực tế, Cộng Sản tiếp tục tăng cường ở Lào và Cam Bốt chứ không rút đi

15 ngày sau khi đình chiến như Mỹ nói. Chỉ vài tuần sau khi ký hiệp định, từng đoàn xe vận tải đã bắt đầu thay dầu mỡ ở Vinh và Thanh Hóa để sửa soạn trực chỉ hướng Nam.

chương XII
nhượng thêm điểm chót

Chỉ một tháng trời sau khi ký kết Hiệp định, những vi phạm của Bắc Việt đã tăng lên gấp bội, kể cả những vụ thiết lập công sự cho hỏa tiễn địa không ở phía Nam vùng Phi Quân Sự. Bắc Việt tranh thủ thời gian,tiếp tục xâm nhập miền Nam trước mùa mưa. Binh sĩ và quân dụng được chuyên chở vào miền Nam qua ngã Lào, Cam Bốt, và vùng Phi Quân Sự. Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ ước tính vào mùa Thu 1973, quân Bắc Việt ở miền Nam ít nhất cũng mạnh bằng lực lượng của họ trước trận tổng tấn công 1972. Dường như Nixon và Kissinger chưa bằng lòng cho Bắc Việt thôn tính miền Nam ngay lúc đó, để cho uy tín của Mỹ khỏi bị tổn thương, nên họ đã muốn ngăn chận Bắc Việt để đừng đi lẹ quá. Bởi vậy Nixon gởi một loạt khuyến cáo cho Bắc Việt về sự xâm nhập của họ và đe dọa hậu quả "vô cùng trầm trọng" nếu cứ tiếp tục những hành động quân sự ấy?

Ủy ban Đặc nhiệm Washington (Washington

Special Action Group –WSAG) một ủy-ban liên-bộ ở cấp thứ trưởng, họp tại phòng Tình Hình tòa Bạch Ốc để nghiên cứu vấn đề này. Ủy ban đề nghị dội bom con đường tiếp vận ở Lào ngay khi nhóm tù binh thứ ba được thả về, và có thể dội bom ngay cả vùng Phi Quân Sự để duy trì lệnh ngưng chiến. Theo Kissinger thì ông đã tìm đủ cách thuyết phục Nixon rằng việc dội bom là cần thiết và "tương lai Hiệp Định Paris tùy thuộc vào hành động tức thời" của Hoa Kỳ.[1] Đại sứ Việt Nam Cộng hòa Trần Kim Phượng được Tướng Haig, lúc đó là Phó Tham Mưu Trưởng Lục quân, mời vào Ngũ Giác Đài hồi tháng Ba để cho ông biết là Hoa Kỳ sẵn sàng tái oanh tạc khi có lệnh. Đại sứ Phượng hỏi: "Khi nào thì có lệnh"? Tướng Haig cho biết lệnh sẽ được ban hành một ngày rất gần đây. Ông Phượng vội vàng báo cáo về Sài Gòn, nhưng rồi chẳng bao giờ có lệnh này cả.

Tổng Thống Nixon đã bị liên miên ám ảnh về vụ Watergate. Trong hồi ký, ông viết: "Tôi rất muốn nghĩ đến chuyện khác. Hoa Kỳ đang ở tình trạng có thể tái oanh tạc Lào để trả đũa Bắc Việt vi phạm thỏa hiệp đình chiến".[2] Nhưng Nixon không quyết định dội bom lại. Vụ Watergate đã thay thế Việt Nam trên trang nhất của báo chí. Tướng Haig cho là: "Nọc độc Watergate bắt nguồn từ những uẩn ức về chiến tranh Việt Nam".[3] Nixon hoàn toàn bị cô lập trong vụ này. Kissinger nghĩ lại: "Ông Nixon lúc đó thay đổi hoàn toàn. Ông ta không chịu giải quyết vấn đề Bắc Việt

vi phạm một cách nhất quyết: ông chỉ nói mà không làm. Nghĩ lại, ta thấy, vụ Watergate đã bắt đầu nung nấu từ tháng Ba".[4]

Trong thời gian này, Kissinger đề cử Sven Kramer thuộc bộ tham mưu Hội đồng An-ninh Quốc-Gia, sang Sài Gòn nghiên cứu tình hình để xem Hoa Kỳ có nên can thiệp không. Trong buổi họp với Nhã, lúc đó là cố vấn không chính thức cho Thiệu, Kramer bàn đến câu hỏi của Nhã về vấn đề Hoa Kỳ có nhất quyết sẽ đem phi cơ oanh tạc trở lại chiến trường không? Kramer cả quyết rằng có.[5]

Thực tế thì khác hẳn. Ngày 17 tháng 4, Kissinger đề nghị với WSAG cứ tiếp tục đặt kế hoạch để đợi đến khi Bắc Việt khiêu khích trắng trợn là đem ra thi hành. Kissinger hồi tưởng lại: "Tôi không biết phải làm thế nào nữa, để thôi thúc Tổng Thống Nixon dội bom trở lại vì tình thế đòi hỏi, trong khi uy tín của ông ta đang giảm dần vì Watergate. Vào khoảng cuối tháng Tư, thì chính sách Hoa Kỳ về Việt Nam đã tan rã".[6]

Bắc Việt tiếp tục tăng cường lực lượng vào khoảng giữa tháng Tư, đem 35 ngàn quân lính mới đổ vào miền Nam, Lào và Cam Bốt. Tổng số quân chiến đấu và vật dụng của họ hơn cả hồi trước trận tổng tấn công 1972. Nixon không đả động gì đến chuyện tái oanh tạc cả. Kissinger viết trong hồi ký: "Nếu ta quyết định tái oanh tạc thì mục tiêu sẽ là đường mòn Hồ Chí Minh và Vinh. Cuộc oanh tạc sẽ giống như

đi săn gà tây vậy, vì các trục lộ đều đầy xe vận tải chở quân dụng vô Nam. Nixon không muốn dội bom vì Bắc Việt còn giữ một số tù binh Mỹ. Ông ta muốn đợi cho tù binh được thả hết rồi mới hành động, và thời điểm được định vào khoảng giữa tháng Tư. Sau khi dội born, Hoa Kỳ sẽ gặp Bắc Việt vào tháng Năm. Chúng tôi muốn tỏ sự quyết tâm duy trì Hiệp định và biểu dương lực lượng để Bắc Việt hiểu. Chúng tôi muốn thật lòng duy trì bản Hiệp Định, nhưng vụ Watergate đã làm cản trở. Lúc John Dear đi trình tòa cũng là lúc chấm dứt kế hoạch dội bom. Uy thế của Nixon bị giảm đến độ ông không còn quyết định được nữa".[7] Cộng sản Bắc Việt đã lượng định tình hình Hoa Kỳ khá chính xác vì thường có những ông trùm chuyên về Hoa Kỳ của Nga và Đông Âu chỉ bảo. Bắc Việt chấp nhận đề nghị của Hoa Kỳ là trở lại bàn họp ở Paris ngày 17, tháng Năm. Một lần nữa, Sài Gòn không được thông báo về kế hoạch này của Kissinger.

*

* *

Từ ngày Hoa Kỳ rút hết quân lực khỏi Việt Nam vào tháng Ba, 1973, thái độ chung ở Washington là để mặc cho Sài Gòn tự lực cánh sinh. Phía Việt Nam cũng cảm thấy điều đó: Khi giã từ tướng Weyand, tổng tư lệnh cuối cùng của Hoa Kỳ tại Việt Nam, lúc ông bước lên máy bay trở về nước, tướng Trưởng lòng hoang mang! Ông ghi nhận với cộng sự viên:

"Từ trước đến nay, việc triệt thoái quân Hoa Kỳ chỉ là lý thuyết, bây giờ thì mới thực sự là ta chỉ còn lại có ta. Từ nay, mình không thể xin không yểm cho những cuộc hành quân được nữa"![8]

Câu hỏi thường xuyên ở Dinh Độc Lập và của giới chính trị Sài Gòn là: "Nước cờ sắp tới của Mỹ là gì? Chuyến đi Hà Nội của Kissinger hồi tháng Hai, một tháng sau khi ký hiệp định, đã làm Thiệu băn khoăn. Theo loan báo chính thức thì Kissinger đi để "tìm giải pháp thi hành Hiệp định, để Bắc Việt rút quân khỏi Lào và Cam Bốt, và thảo luận về vấn đề viện trợ kinh tế để hàn gắn vết thương chiến tranh Việt Nam". Việt Nam Cộng hòa có thể chấp nhận việc viện trợ kinh tế cho Bắc Việt nếu Bắc Việt không xâm nhập miền Nam.[9] Bây giờ thì Kissinger lại trở lại Paris. Mỗi lần Kissinger đi đâu là chính giới ở Sài Gòn cảm thấy lo lắng đến đó.

Thế rồi bỗng nhiên, Bắc Việt chuyển quân chính quy ồ ạt tấn công cửa biển Sa Huỳnh, gần vùng Phi Quân Sự. Tin quan trọng này liền được cấp báo tới những cấp lãnh đạo cao nhất của chính phủ Hoa Kỳ. Nhưng vẫn không thấy có phản ứng gì. Cộng sản lại thừa thắng xông lên, chiếm luôn quận Hồng Ngự gần biên giới Cam Bốt hồi tháng Ba. Cả hai biến cố này đều bị cố ý nhận chìm.

Tình hình ở miền Nam vào cuối 1973 và đầu 1974 bên ngoài coi bộ như yên tĩnh; nhưng thật ra nó đang che dấu một sự tăng cường sôi bỏng của

Bắc Việt trên khắp lãnh thổ. Tại Sài Gòn, dân chúng tạm gác mọi nỗi âu lo, thưởng thức hương vị của hòa bình. Không khí ở những quán cà phê trở nên nhộn nhịp. Lệnh giới nghiêm vào lúc nửa đêm chỉ được thi hành một cách lơ là, và phòng trà đã bắt đầu mở cửa lại. Đôi khi, Hưng cũng cảm thấy thoải mái khi anh ngồi uống bia với bạn bè trong tiệm ăn nổi Mỹ Cảnh ở bờ sông Sài Gòn vào lúc chiều tối, sau một ngày làm việc căng thẳng. Giòng sông lặng lẽ trôi; không còn tiếng đại bác và hỏa châu trong đêm tối nữa. Tiếng nói ồn ào của những người dưới thuyền xen lẫn tiếng chuông rung của những chiếc xe bán đồ rong trên bến; mùi khô mực nướng, mùi thơm hoa nhài, và mùi nước mía vừa ép, quyện lẫn nhau làm cho không khí thêm mời mọc, hấp dẫn. Nha Du Lịch đã sửa lại khách sạn Majestic, làm thêm một quán cà phê vỉa hè quay ra bờ sông, trông hết sức thơ mộng. Giới phong lưu cũng như ái nữ của các vị đại sứ đang ngả mình trên những võng mây mới mắc, uống chanh soda và nước dừa trong quả dừa tươi, trông như một cảnh ở Hạ-uy-di. Ra-di-ô phóng thanh om sòm, tuồng cải lương và những bài hát bình dân Mỹ lời Việt, thay nhau làm náo động bầu không khí lúc hoàng hôn.

Đài phát thanh Sài Gòn khi giải thích Hiệp định Paris đã nhấn mạnh đến tính cách độc lập của Việt Nam Cộng hòa và đòi Bắc Việt phải tôn trọng vùng Phi Quân Sự. Những thông báo vi phạm đình chiến

đều kèm theo những tin tức quân đội Việt Nam Cộng hòa đẩy lui Bắc Việt. Ngoài mặt, tất cả đều tốt đẹp. Đài tiếng nói Hoa Kỳ hằng ngày vẫn còn phóng tin "hòa bình trong danh dự". Không còn đánh nhau ở chung quanh Sài Gòn nữa. Phố xá yên lặng. Hình ảnh những người lính Mỹ ngồi trên xe xích lô máy với tình nhân, nay đã xa vắng.

Một ngày trước khi Kissinger tới Paris, Đại sứ Bunker thông báo cho Tổng Thống Thiệu kế hoạch của Mỹ dự định họp lại với Bắc Việt. Mục đích là để điều đình việc Bắc Việt thi hành đúng đắn Hiệp định Paris. Thiệu phàn nàn với Bunker rằng Hoa Kỳ đã làm ngược lại lời cam kết ở San Clemente: "Trước đây các ông hứa nếu chúng không tôn trọng đình chiến thì Hoa Kỳ sẽ trả đũa, bây giờ các ông lại nói tới điều đình". Bunker nói là buổi họp chỉ để cải thiện việc thi hành lệnh ngưng chiến mà thôi. Thiệu tự hỏi, nếu thế thì tại sao Kissinger lại phải có mặt ở Paris? Tại sao không giao cho một người cấp nhỏ hơn, thí dụ như William Sullivan, Phụ tá Thứ trưởng Ngoại giao, đặc trách về Đông Á và Thái-bình-dương chẳng hạn? Mỗi khi có Kissinger nhúng tay vào là Việt Nam Cộng hòa bị thiệt thòi. Bây giờ, không có lẽ Kissinger đi gặp Lê Đức Thọ để lại nhượng bộ thêm nữa hay sao? Thiệu bèn đoán là hồi tháng Giêng, có lẽ Kissinger đã đề nghị với Bắc Việt là cứ ký thỏa ước cho xong chuyện rồi có gì sẽ điều đình sau. Đối với Thiệu, bản hiệp định nguyên

thủy ký kết ở Paris đã là tệ lắm, bây giờ, không lẽ Hoa Kỳ lại bắt VNCH nhượng bộ thêm! Phát ngôn viên chính phủ bèn được lệnh công bố: "VNCH sẽ không nhượng bộ một ly nào nữa"![10]

Kissinger ở Paris từ 17 tháng Năm, đến 13 tháng Sáu, với lý do là họp với Lê Đức Thọ để cải thiện việc thi hành Hiệp định nhằm chấm dứt những vụ tái chiến ở Việt Nam và Cam Bốt; nhưng thực ra ông ta đang nhúng tay vào những nhượng bộ chung kết tai hại. Đến lúc này có lẽ Kissinger chỉ nghĩ đến sự sống còn của chính ông ta.

Lê Đức Thọ biết rằng Nixon không thể ra lệnh tái chiến được nữa. Thọ chỉ cần đọc tờ *New York Times* hay nghe Kissinger tuyên bố trên đài truyền hình Mỹ thì cũng biết Nixon đã què chân què tay rồi. Ngày 8 tháng 4, James Reston viết trên tờ *Times* là Nixon chỉ còn nói chứ không thể tái diễn chiến tranh Việt Nam được nữa. Trong buổi họp báo ngày 15 tháng 3, Nixon chỉ dùng lời nói nhẹ nhàng khi bị hỏi về những vi phạm đình chiến: "Tôi hy vọng rằng những vụ này không xảy ra, vì chúng có thể dẫn tới hậu quả trầm trọng... Tôi chỉ có thể nói rằng, căn cứ vào những hành động của tôi trong bốn năm vừa qua, BV không nên coi nhẹ những khuyến cáo của Hoa Kỳ về vi phạm đình chiến". Bản thông cáo chung San Clemente có nói về những vụ vi phạm như sau: "Những hành động nào đe dọa căn bản của bản Hiệp định, sẽ được đáp ứng mạnh mẽ".

Tuy ở đàng sau hậu trường, Kissinger có hứa riêng với Thiệu và các viên chức cao cấp của Việt Nam Cộng hòa là: "Nếu có chứng cớ về việc Bắc Việt thiếu thiện chí thi hành bản Hiệp định, Hoa Kỳ sẽ *trả đũa* một cách "mạnh mẽ và tàn nhẫn".[11]

Nhưng ở trước công chúng thì Kissinger lại tránh né. Không bao giờ những câu như: "dùng toàn lực" hay "trả thù một cách ác liệt" được tuyên bố công khai cả. Ngược lại, trong một buổi phỏng vấn với Marvin Kalb, Kissinger lại nói ỡm ờ: "Hoa Kỳ không chấm dứt cuộc chiến này để rồi lại tìm cớ tái lâm chiến. Nhưng lúc này ta sẽ tỏ ra vô trách nhiệm nếu ta cho những kẻ gây hấn biết những gì họ có thể làm được một cách an toàn, những cái gì không".[12]

Cái chính sách thương thuyết bí mật của Kissinger, hứa hẹn với cả hai bên (cả Thọ lẫn Thiệu) đôi khi trái ngược nhau, đang sắp bật mí vì không còn được yểm trợ bằng sự sử dụng quyền lực nữa.

Có lần nói chuyện với Warren Nutter về sách lược ngoại giao của Kissinger, ông này cho Hưng biết đường lối ngoại giao bí mật kiểu Kissinger không thể nào thành công ở Mỹ; bởi lẽ, những mật ước sớm muộn gì cũng phải được yểm trợ bằng những biện pháp quân sự hoặc kinh tế, những biện pháp này thế nào cũng có lúc bị đưa ra ánh sáng. Một lý do cụ thể là khi bộ Quốc phòng trình ngân sách lên Quốc hội thì chắc chắn Quốc hội sẽ cố tìm ra những khoản giấu giếm, che đậy. Hoặc nếu không thì nó cũng sẽ

bị tiết lộ ra cho người này hay người kia, hoặc sẽ do chính phía quốc gia thu nhận những quân cụ đó nói ra. Bởi vậy, nếu Tổng Thống HK không cho ít nhất một số dân biểu lãnh đạo biết và vận động sự đồng ý của họ thì những thỏa hiệp đó sẽ bị khước từ, và quốc gia sẽ phải trả một giá rất đắt. Phải biết vận động dư luận quần chúng để yểm trợ chính sách ngoại giao, chứ không phải cứ bí mật tiến hành rồi hy vọng rằng những chính sách đó sẽ được tiếp tục yểm trợ. (Nhận định này quả là xác đáng, nếu ta phân tích cuộc khủng hoảng mới đây của chính phủ Reagan trong việc bán khí giới cho Iran và yểm trợ nghĩa quân Contras & Nicaragua).

*

* *

Sự thất bại của Kissinger được minh chứng qua những lần họp cuối cùng với Lê Đức Thọ ở Paris trong hai tháng 5 và 6, 1973. Bắc Việt đã biết hết tủ của ông. Kissinger thì tin rằng chỉ có sự thương thuyết bí mật mới có thể chấm dứt chiến tranh được. Khi đường lối này không đi đến đâu thì vì tự ái, ông vẫn cứ phải tiếp tục mặc dầu cơ hội thành công rất mong manh. Trong những năm từ 1969 tới 1973, Kissinger tự trói mình trong lối thương thuyết bí mật này và cố tìm lấy một cái gì cụ thể, mặc dù nhỏ nhoi đến đâu, nhất là khi nó đã kéo dài gần bốn năm trời với sự tổn thất về nhân mạng và vật dụng tăng lên gấp bội, kèm theo số tù binh càng ngày càng

nhiều. Ông ta bị rơi vào cạm bẫy: hoặc phải chứng tỏ rằng thương thuyết mật là đường lối đúng và thành công, hoặc là ông ta sẽ mất hết uy tín và quyền hành. Bởi vậy, *Ông ta phải sản xuất ra một thứ hiệp định;* nếu không, ông sẽ bị chịu về những thất bại. Cái khó khăn cho ông là Hà Nội sau nhiều lần họp kín với ông, đã hiểu rõ được điểm yếu đó. Biết được như vậy, họ sẽ siết ông và không nương tay, để khi nào ông nhượng hết mới cho ông một chữ ký, một bản hiệp định.

Giờ đây, một lần nữa, Kissinger lại phải giáp mặt Thọ. Hoa Kỳ dự định dội bom một tháng trời trước hội nghị nhưng vụ Watergate đã không cho phép làm như vậy, và cuối cùng, Hoa Kỳ không có phản ứng gì cụ thể đối với những vi phạm của Bắc Việt. Vì lẽ đó, Kissinger ở vào một vị thế không thể chống chế được nữa. Kissinger viết: "Sang Paris hồi tháng 5 là một thảm bại, vì nó phơi bầy cái nhược điểm của ta. Ta không có chiến lược nào yểm trợ cuộc thương thuyết đó cả. Hoa Kỳ đã định dội bom một tháng trước khi thương thuyết. Trong trường hợp đó, nếu Lê Đức Thọ cứ đi họp thì đó là dấu hiệu yếu của Bắc Việt. Nếu Thọ không đi họp, ta cứ tiếp tục dội bom. Ta muốn tái diễn lại kinh nghiệm hồi tháng Giêng. Trong điều kiện đó, một hiệp định mới sẽ mang nhiều ý nghĩa hơn. Nhưng rồi, đã để nghị họ, Hoa Kỳ không thể hủy bỏ được vì lý do không dội bom. Bắc Việt không biết đó là chiến lược của Hoa Kỳ. Thế

là ta bắt buộc phải họp, một buổi họp mà ta không muốn nữa".

Kissinger tin rằng, nếu Hoa Kỳ dội bom trước lúc thương thuyết, ông sẽ gặp "một tay Thọ khác ở bàn hội nghị. Một là hắn không tới dự và nói chỉ tới khi Hoa Kỳ ngưng dội bom. Hai là hắn cứ lại. Đằng nào thì cũng là dấu yếu thế của Bắc Việt. Trong điều kiện đó, ta sẽ gặt hái được kết quả có ý nghĩa hơn. Nhưng rồi không được như ý muốn, tôi ngồi vào bàn hội nghị tay không; và Thọ tiếp tục đọc cho tôi nghe những tài liệu ghi nhận những điểm yếu của Hoa Kỳ. Mặt khác, vì điểm yếu nội bộ, tôi không thể để cuộc họp thất bại được. Đó là trường hợp khó khăn của ta hồi tháng 5".[13] Kissinger không còn đất để dụng võ nữa. Nixon thì bị khóa chặt tay vì vụ Watergate và không thể có phản ứng gì đối phó với những vi phạm của Bắc Việt cả.

Hưng nhớ lại khi có tin Kissinger đi Paris, có nhiều người hỏi anh: "Tại sao cái ông Tiến sĩ ấy lại đi gặp Thọ nữa? Cái gì đã xẩy ra cho Hiệp định Paris? Kissinger đang trù tính việc gì"?

Thực ra, Kissinger cần một văn kiện để tỏ ra mọi sự đều tiến hành tốt đẹp ở Việt Nam, và vì thế ông cần có chữ ký của Lê Đức Thọ. Cho đến bấy giờ, Kissinger vẫn tin rằng có thể tìm thấy căn bản để thương thuyết với Hà Nội. Ông ta nhấn mạnh rằng: "Ngay đến ở Việt Nam cũng có thể có những thực tại vượt lên trên những mối quan tâm vị kỷ, thiển

cận của những người trong cuộc; và ta cũng có thể đi đến một giải pháp ổn thỏa dựa trên thế quân bình của những đề nghị rộng lượng và nhìn xa trông rộng". Nhưng vì Kissinger không thể bắt Hà Nội thay đổi lập trường được, ông ta quay về bắt đồng minh của Hoa Kỳ là Việt Nam Cộng hòa phải thay đổi lập trường.[14] Miền Nam VN thì không đủ mạnh để bắt Hà Nội thay đổi thái độ và cũng không thể chống lại áp lực của Hoa Kỳ.

Alan Gcodman, trong một tài liệu nghiên cứu về sách lược điều đình của Hoa Kỳ, có kể lại lời nhận xét của một cộng sự viên của Kissinger như sau: "Kissinger vô cùng thất vọng khi Bắc Việt đã xử dụng cuộc những cuộc họp mật như một dụng cụ để dò xem Hoa Kỳ có thể nhượng bộ đến mức nào".[15]

*

* *

Vào lúc ký kết Hiệp định Paris, quốc hội và dân chúng Hoa Kỳ không còn tin tưởng và khả năng của Nixon là ông có thể giữ lời hứa về vấn đề Việt Nam nữa. Đến tháng Giêng 1973, là đã đúng 4 năm Nixon tìm cách giải quyết vấn đề Việt Nam nhưng không đi đến đâu cả. Trong 4 năm trời đó, 15.000 lính Mỹ tử trận, 10.000 bị thương, cùng với 100.000 lính Việt tử trận và 307.000 bị thương. Thế rồi bây giờ "Hoà bình trong danh dự" lại bị tổn thương. Nhớ lại việc Hà Nội trắng trợn vi phạm Hiệp định ngay sau khi ký, Kissinger viết trong hồi ký của ông: "Những người

lãnh đạo Bắc Việt đã chứng tỏ rằng đình chiến chỉ là trạm dừng chân có tính cách chiến thuật trên con đường tiến tới mục tiêu cuối cùng là thanh toán cả Đông Dương bằng vũ lực. Bản Hiệp định Paris chưa ráo mực thì họ đã bắt đầu quên trách nhiệm của họ... Sự thật, thì họ chẳng bao giờ muốn giã từ vũ khí cả... Vào khoảng tháng 3 (1973) ta đã nhận thấy đình chiến chỉ là cái dù che đậy việc chuyển quân và vũ khí vào miền Nam để mưu toan tổng tấn công".[16] Thật là trớ trêu. Trước khi ký hiệp định hồi tháng Giêng, Việt Nam Cộng hòa đã ra lối lên đúng y như vậy. Bằng phản kháng, bằng thư tín, bằng báo chí, v.v., Sài Gòn đã nói thẳng rằng Hà Nội chỉ muốn dùng hiệp định làm bàn đạp để tiến đến thôn tính toàn cõi Đông Dương. Lúc Kissinger đang làm áp lực với Thiệu hồi tháng 10, 1972, chính Hưng cũng đã viết một bài trên mục Quan Điểm tờ *Washington Post* (29-10-1972) với đề tài "Hòa bình chỉ là tạm nghỉ ngơi" (Peace as a Pause). Nhưng Nixon và Kissinger đã gạt phắt đi, viết bao nhiêu lá thư cho Thiệu nói nào là Hiệp định có lợi cho Việt Nam Cộng hòa, nào nó phản ảnh một sự thắng trận, nào Bắc Việt sẽ và phải hoàn toàn tôn trọng, nào Nga và Tầu cũng sẽ bắt chúng tôn trọng, v.v. và nếu chúng vi phạm thì... khỏi nói!

Thế rồi, làm đủ mọi áp lực bắt Việt Nam Cộng hòa phải ký; ký xong mất nước, rồi Kissinger mới phàn nàn rằng hiệp định chưa kịp ráo mực thì Bắc Việt đã quên trách nhiệm!

Trở lại cuộc điều đình của Kissinger-Thọ hồi tháng 5 và 6, 1973 tại Paris. Lần này, lời đi tiếng lại giữa Thiệu và Nixon về cuộc điều đình còn gay gắt hơn hồi tháng Giêng khi Hiệp định chưa ký. Việt Nam Cộng hòa không còn bám víu vào đâu được nữa. Quân đội Mỹ đã rút hết, tù binh đã được phóng thích, và Kissinger đã chỉ muốn phủi tay. Không còn bụng dạ nào để kéo dài cuộc thương thuyết hay tái diễn cảnh thả bom nữa, Nixon và Kissinger muốn lôi kéo Thiệu vào việc ký một bản gọi là "Tuyên cáo" (Communiqué), để thay đổi vài điều khoản (có lợi cho Bắc Việt) nhưng với lý do là "để thực thi hiệp định Paris".

Những buổi họp ở Paris lần này được diễn ra ở hai nơi thay đổi nhau, biệt thự Léger của Bắc Việt ở Gif-Sur-Yvette và trụ sở của phái đoàn Hoa Kỳ ở St. Nom La Bretèche. Những buổi họp đó dài và rất tỉ mỉ, bàn cãi từng điểm, mọi điểm đều bàn đến những vi phạm và biện pháp ngăn ngừa.

Bắc Việt bây giờ đòi hỏi vấn đề tù nhân chính trị ở miền Nam và việc bảo đảm vai trò chính trị của chính phủ Cách Mạng Lâm Thời phải được ghi vào bản tuyên cáo đang điều đình với Kissinger. Hai tay Kissinger-Thọ đi tới một "bản tuyên cáo".

Ngày 21 tháng 5, Tổng Thống Nixon phái William Sullivan sang Sài Gòn đem lá thư riêng cho Thiệu, kèm theo bản thảo của bản tuyên cáo nói trên. Nixon viết:

"Trong các thư từ chúng ta trao đổi trước ngày ký kết Hiệp định Paris, và ngay trong buổi họp tại San Clemente, tôi đã bầy tỏ rõ ràng quyết tâm của tôi ủng hộ Việt Nam Cộng hòa và thi hành bản Hiệp định. Đây là một nỗ lực thực thi điều đó.

Tiến sĩ Kissinger đang ở Paris thương thuyết với Bắc Việt để tìm cách cải thiện việc thi hành bản Hiệp định".

Lần này, Nixon không đả động đến việc Hoa Kỳ xử dụng võ lực nữa mà lại phàn nàn về thái độ cứng rắn của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ở Paris, và khuyến cáo Thiệu không nên vi phạm những cam kết của chính phủ Việt Nam Cộng hòa trong bản Hiệp định. Nixon vẫn không để lộ ra ông ta đang bị rắc rối bởi vụ Watergate:

"*Tôi không cần nhấn mạnh thêm tầm quan trọng của việc này trước công luận Hoa Kỳ hiện nay. Như Ngài rõ, tôi đã công khai tuyên bố nhất quyết thi hành bản Hiệp định Paris với tất cả uy tín và thiện chí của Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ sẽ không ai hiểu nổi vấn đề này nếu bây giờ sự thương thuyết bị thất bại vì những trở ngại ta có thể tránh được*".

Nixon dọa dẫm Thiệu một cách thẳng thừng rằng Việt Nam Cộng hòa muốn nhận viện trợ thì phải ký vào bản thỏa ước mới. Lời dọa dẫm đó như sau:

"*Tôi xin lập lại rằng ước vọng duy nhất của chúng tôi là muốn thấy bản Hiệp Định được thi hành nghiêm chỉnh và thắt chặt tình liên đới với Việt Nam Cộng*

hòa. Tôi không tin rằng, Ngài muốn tôi phải ra trước dân chúng Hoa Kỳ để giải thích sự bế tắc của cuộc thương thuyết hiện nay ở Paris. Điều này chắc chắn sẽ đưa tới sự cắt đứt ngân khoản cho Lào và Cam Bốt và cuối cùng là miền Nam Việt Nam.

Khi ở San Clemente, tôi đã nói với Ngài về việc xin Quốc Hội Hoa Kỳ viện trợ đầy đủ khó khăn như thế nào. Tuy nhiên, tôi cũng đã trình với Ngài rằng ***chúng tôi sẽ dồn mọi nỗ lực không những xin đầy đủ viện trợ cho những nhu cầu hiện tại của Việt Nam Cộng hòa, mà còn yểm trợ cho những kế hoạch kinh tế dài hạn Ngài vừa công bố!*** *Nỗ lực này đang tiến hành tốt đẹp và được đặt vào hàng ưu tiên đầu. Nhưng tôi thẳng thắn khuyến cáo Ngài rằng chỉ một mối bất đồng nhỏ nhoi của chúng ta trong tình thế này cũng đủ làm tiêu tan nỗ lực trên. Tôi tin chắc rằng Ngài sẽ cân nhắc kỹ lưỡng điều trên khi đọc lá thư này".*

Thiệu không chịu chấp nhận; không có lý do gì bắt Việt Nam Cộng hòa ký vào bản Hiệp định Paris hồi tháng Giêng, hứa hẹn đủ điều để bảo đảm ngưng chiến; bây giờ Hà Nội vi phạm, lại bắt Việt Nam Cộng hòa phải điều đình lại và nhượng bộ thêm! Dùng mưu cũ, ông đề nghị một số sửa đổi cần thiết trước khi ký. **Điều khoản làm Thiệu lo nhất là vụ Kissinger chịu nhượng bộ với Thọ quyền di chuyển quân qua vùng Phi Quân Sự (DMZ)**. Theo ý Thiệu, trong suốt thời gian thương thuyết hồi tháng Giêng và sau vụ dội bom vào dịp lễ Giáng Sinh, Cộng sản

chỉ nhượng bộ một điểm chính yếu là không được chuyển quân qua vùng này. Giờ đây, chỉ bốn tháng sau, Kissinger lại qua Paris và muốn nhượng bộ thêm cho chúng điểm chót! Đối với Việt Nam Cộng hòa, vùng Phi Quân Sự phải được coi như một linh vật tượng trưng cho ranh giới giữa hai miền Bắc và Nam và coi như biên giới giữa hai lãnh thổ.

Sau khi chuẩn phê Hiệp định Paris vào ngày 24 tháng Giêng, 1973 hồi đó Kissinger trở về Washington tổ chức họp báo, và để làm Thiệu hài lòng, đã tuyên bố là những điều khoản của bản Hiệp định "triệt để cấm việc di chuyển quân qua vùng Phi Quân Sự trong mọi trường hợp". Giờ đây, Bắc Việt nhất định đòi cho được việc di chuyển "quân dụng" qua khu giới tuyến. Thiệu cười chua chát và nói với các cố vấn thân cận: "Làm sao quân dụng như xe tăng, tầu bò có thể đi qua vùng Phi Quân Sự mà không có "tài xế" và "nhân viên" bảo trì đi theo"? Như vậy là thực ra chúng đang đòi hỏi hủy bỏ đoạn cấm việc chuyển quân qua biên giới.

Ở Dinh Độc Lập, Thiệu và bộ tham mưu của ông đã đánh hơi thấy sự mặc cả bí mật giữa Kissinger và Thọ. (Mà thật đúng, vì Kissinger đã hứa với Thọ là Hoa Kỳ sẽ chấm dứt những phi vụ không thám trên không phân Bắc Việt và triệt thoái những chuyên viên kỹ thuật ra khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng 1 năm, nếu Hà Nội chịu thi hành bản Hiệp định đã được ký hồi tháng Giêng).[17]

Thiệu không hiểu nổi lý do tại sao Kissinger lại nhượng bộ về điều khoản có tầm quan trọng sống chết cho VNCH. Nó đã để quân ở lại miền Nam, bây giờ lại đòi quyền tiếp viện! Ông nói với Hưng điều khoản đó chắc phải là một phần trong toàn bộ thỏa ước đã xếp đặt từ trước giữa Kissinger và Lê Đức Thọ. Khi quân đội Hoa Kỳ đã rút khỏi rồi, mọi hành động của Hoa Kỳ đều bị nghi ngờ và được phân tách để tìm lý do thầm kín tại sao họ lại làm như vậy. Thái độ đố kỵ của Kissinger đối với chính phủ Việt Nam Cộng hòa và tính kiêu ngạo của ông ta làm Thiệu và các cộng sự viên bất mãn vô cùng. Tiếng đồn cho rằng Kissinger muốn cắt viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa để tăng thêm viện trợ cho Do Thái, trong nỗ lực ổn định tình hình Trung Đông. (Sau khi Việt Nam Cộng hòa sụp đổ, quân viện cho Do Thái quả thực có tăng lên ngang như số viện trợ cũ cho Sài Gòn). Kissinger còn viện cớ là phải điều đình để Cộng sản khỏi tấn công, nhưng Thiệu vẫn không tin rằng Cộng sản có thể mở cuộc tổng tấn công trong năm 1973. Hồi tháng 5, 1973, Thiệu nói với Hội đồng nội các là Cộng sản sẽ có lợi thế hơn nếu đợi đến cuối nhiệm kỳ của Nixon. Ông tin rằng nếu làm gì sớm hơn, chúng sẽ sợ Nixon can thiệp trở lại vào miền Nam.[18]

Ngày 30 tháng 5, Nixon lại viết một thư nữa, lá thư này do Charles S. Whitehouse, phó đại sứ Hoa Kỳ trao cho Thiệu. Một lần nữa Nixon đòi hỏi Thiệu ký

vào bản tuyên cáo. Lần này Nixon nói với Thiệu rằng ông đã chỉ thị cho Kissinger phải trình bầy những đề nghị của Việt Nam Cộng hòa cho Bắc Việt; nhưng nếu họ không chịu chấp nhận thì Thiệu cũng nên ký vì văn kiện này "có ích lợi" cho Việt Nam Cộng hòa và "hữu dụng" cho cả hai chính phủ. Nixon báo hiệu cho Thiệu biết nếu không chịu ký thì viện-trợ sẽ bị cắt đứt. Lá thư được trích ra một phần như sau:

Tuy nhiên, trong diễn trình của cuộc thương thuyết hiện tại, tôi tin rằng điều tốt đẹp nhất chúng ta đạt được là bản tuyên cáo đó không có điều khoản nào đi ngược lại nguyện vọng của chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Một bản tuyên cáo có chữ ký của đại diện Việt Nam Cộng hòa bên cạnh chữ ký của Tiến sĩ Kissinger, sẽ giúp ích cho tôi vô cùng. Chúng tôi cần một cử chỉ như vậy để xin quốc hội thông qua những chương trình tái lập hòa bình và ổn định tình *thể như chúng ta đã bàn đến ở San Clemente.*

Vì vậy, tôi mong Ngài chấp thuận bản Tuyên Cáo và xin Ngài chỉ định đại diện của Việt Nam Cộng hòa họp với ba phe kia tại Paris ngày 7 tháng 6. Văn kiện sẽ ký kết vào ngày 8.

Trân trọng

(kt) Richard M. Nixon

Quốc Hội Hoa Kỳ đã được dùng như một cây chùy; Thiệu vẫn khăng khăng từ chối. Ông viết một lá thư gởi Nixon ngày 2, tháng 6 trong đó ông lập lại những phản đối của chính phủ Việt Nam Cộng

hòa và yêu cầu cho xem bản thảo Tuyên Cáo cuối cùng. Nixon trả lời ngay vào ngày 5 tháng 6 bằng công điện do phó đại sứ Whitehouse chuyển đến; một lần nữa Nixon lại trấn an Thiệu. Bây giờ Bắc Việt lại lờ chuyện bầu cử đi mà lại chỉ đòi những gì có lợi cho chúng như vấn đề đòi Lộc Ninh với ẩn ý làm thủ đô cho Việt Cộng và việc Cộng sản trú đóng tại các vùng đông dân cư.

Kính thưa Tổng Thống,

Xin cảm tạ lá thư của Ngài đề ngày 2 tháng 6, trong đó Ngài đã bầy tỏ mối quan tâm của chính phủ Việt Nam Cộng hòa về hai điểm trong bản thảo Tuyên Cáo mà TS. Kissinger và Lê Đức Thọ đang thương thảo ở Paris. Điểm thứ nhất liên quan đến việc Ngài muốn có tham chiếu minh bạch về cuộc bầu cử. Điểm thứ hai là chống đối nỗ lực chiếm đất với mưu đồ chính trị của Cộng Sản như vụ gọi vùng đất chiếm của họ là "lãnh thổ" và thiết lập "thủ đô" trên miền Nam Việt Nam. Nếu Ngài đọc bản thảo mới đây, sẽ thấy chúng tôi đã thêm một câu văn để làm sáng tỏ vấn đề bầu cử, và vấn đề lãnh thổ không còn rõ rệt như trong bản thảo trước đây. Về địa danh Lộc Ninh, chúng tôi không thể hủy bỏ trên bản Tuyên Cáo được vì đại diện của Việt Nam Cộng hòa trong Ủy- ban Hỗn-hợp Quân-sự Hai Phe đã nhắc tới tên đó trong bản thông cáo với báo chí ngày 16, tháng 5. Tuy nhiên địa danh đó, chỉ được nhắc đến trong bản văn liên quan đến Ủy-ban Hỗn

hợp Quân sự Hai phe và tách biệt với việc nêu danh Hà Nội để tránh sự hiểu lầm về danh xưng "thủ đô".

Căn cứ vào những thay đổi đó trong bản văn, tôi trân trọng yêu cầu Ngài chỉ thị cho Đại diện của Việt Nam Cộng hòa hãy cùng TS. Kissinger đến Paris ngày 7 và 8 tháng 6 để ký tên bản Tuyên Cáo chung đã được hai chính phủ chúng ta thỏa thuận.

Trân trọng

(kt) Richard M. Nixon

Thiệu viết nhiều dấu hỏi trên lá thư của Nixon và duyệt bản Tuyên Cáo chung (xin xem phần phụ lục ở cuối sách). Ông viết ở bên lề: "Có lợi cho Cộng Sản nhiều quá". và "tại sao chỉ nhắc lại những gì có lợi cho Cộng Sản và không nói gì đến việc đổi chác cho Việt Nam Cộng hòa"? Những gì Cộng sản không chiếm đoạt được vì những nguyên tắc của Hiệp định Paris, họ tìm cách chiếm đoạt trong chi tiết của bản Tuyên Cáo chung này. Bây giờ họ có thể chuyển quân qua khu giới tuyến và đóng quân ở hai bên lằn ranh giới chia đôi Bắc Nam. Thiệu phản đối quy chế này, nhất là việc cho phép Bắc Việt về trú ngụ ở Sài Gòn. Tham chiếu về bầu cử có vẻ mập mờ hơn trong tài liệu mới, nhưng không có điều khoản nào ngăn ngừa sự xâm nhập của BV vào miền Nam qua ngã Lào và Cam Bốt.

Sau khi duyệt xét bản văn đáng lẽ được ký vào 8 tháng 6, Thiệu viết cho Nixon ngày 6 tháng 6 như sau: *"Chúng tôi là nạn nhân của xâm lăng. Cộng Sản*

xâm lăng đã trắng trợn vi phạm bản Hiệp định. Tuy nhiên, vì chúng không bị "trừng phạt nặng nề" bởi phía ta như chúng đã được báo động trước, giờ đây, chúng muốn đơn phương thu đoạt chiến lợi phẩm bằng bản Tuyên Cáo này".

Cả Nixon và Kissinger nổi giận đùng đùng về chiến thuật trì hoãn của Thiệu. Nixon bèn viết cho Thiệu cùng ngày hôm đó:

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi nhận được thư Ngài đề ngày 6 tháng Sáu. Như vậy, có nghĩa là Ngài từ chối ký vào bản Tuyên Cáo Chung đó TS. Kissinger và Lê Đức Thọ đã thương thuyết ở Paris. Như tôi đã nói rõ trong thư đề ngày 5 tháng Sáu, bản văn đã được soạn xong và không thể sửa đổi nữa. Đề nghị như Ngài trong thư là việc làm không thực tế chút nào, khi ta phải duyệt xét và thay đổi lời văn trong rất nhiều điều khoản của bản Tuyên Cáo. Tôi xin nhắc Ngài rằng tất cả những đề nghị sửa đổi trước đây của Ngài đã được bằng cách này hay cách khác, lồng vào bản văn mới đây. Hơn nữa, những đề nghị mới đây của Ngài không phản ảnh những sự kiện căn bản đã được trình bầy rõ cho phái đoàn VNCH.

Chẳng hạn như việc Ngài muốn dùng đề nghị của Lê Đức Thọ cấm đoán việc tải binh sĩ và vật dụng chiến tranh vào miền Nam Việt Nam. Như vậy, thì đề nghị đó cấm luôn cả việc hoán đổi quân dụng đã ghi trong điều 7 của bản Hiệp định. Nếu ta chấp nhận lời văn đó, thì viện trợ cho VNCH lập tức bị cắt đứt.

Tôi cảm thấy phải trình với Ngài rõ ràng đã đến lúc bản văn phải được coi là chung kết. Mặc dù một vài hồ nghi nhỏ Ngài nêu lên, Ngài nên chỉ thị cho phái đoàn Việt Nam Cộng hòa hãy cùng TS. Kissinger ký bản Tuyên Cáo như hiện trạng. Nếu Ngài từ chối thì hậu quả vô cùng tai hại sẽ là không được Quốc hội Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ nữa. Đó là sự nhận định tình hình trung thực của tôi. Không còn lý do gì để Ngài từ chối nữa. Chúng ta đã cùng nhau đi quá xa, không thể để công cuộc này đổ vỡ trong điều kiện hiện tại. Tôi tin tưởng ở sự hiểu biết bao quát của Ngài về những quyền lợi chung của chúng ta và sẵn sàng trả lời thuận trước 12 giờ trưa ngày 7 tháng 6, giờ Sài Gòn.

Trân trọng.

(kt) Richard M. Nixon

Một lần nữa Nixon đe dọa cắt viện trợ, và lần này, có vẻ gần sự thực hơn. Nhưng lá thư này vẫn không làm Thiệu xao xuyến. Ông tiếp tục từ chối ký vào bản văn và viết thư bầy tỏ những phản đối của ông. Đồng thời cho báo chí ở Sài Gòn nêu lên những phản đối của Việt Nam Cộng hòa về bản Tuyên Cáo Kissinger đang hình thành ở Paris. Cùng ngày 7 tháng 6, Nixon trả lời Thiệu nói sẽ đơn phương ký bản văn không có chữ ký của VNCH:

Kính thưa Tổng Thống,

Trước khi tôi nhận được thư Ngài đề ngày 7 tháng Sáu, và trước khi tôi có dịp duyệt xét những điểm Ngài nêu lên trong thư và trong khi phái đoàn Hoa

Kỳ chuẩn bị buổi họp với Bắc Việt, tôi rất kinh ngạc khi được báo cáo rằng chính phủ Ngài đã lên tiếng ở Sài Gòn từ chối ký vào bản văn do TS. Kissinger và Lê Đức Thọ đang thảo luận ở Paris.

Đọc thư Ngài, tôi lại càng phiền lòng hơn như thế Ngài tố cáo chúng tôi điều đình một cách vội vã nông nổi. Sự thật là chúng tôi đã tham khảo với Ngài từ tháng 4.

Chúng tôi thuyết trình với phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ở Paris hằng ngày trong suốt tháng 5, chúng tôi đã gởi Đại sứ Sullivan đến Sài Gòn hội kiến với Ngài khi hội nghị bị bế tắc, và chúng tôi đã trao đổi thư tín với Ngài gần như hằng ngày khi hội nghị được khai thông. Tất cả những quan điểm của Ngài đã được nghiên cứu và nêu lên trong văn kiện mà bất cứ người quan sát vô tư nào cũng phải nhận thấy có lợi cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Tuy nhiên, quyết định của Ngài đã không để cho tôi có lựa chọn nào hơn là tiếp tục đường lối hành động như sau. Tôi đã chỉ thị cho TS. Kissinger đề nghị với Lê Đức Thọ và họ sẽ ký vào bản Tuyên Cáo như hiện trạng, và Hoa Kỳ và Bắc Việt sẽ công bố bản kêu gọi hai thành viên ở miền Nam Việt Nam thi hành những thỏa thuận trên. Nếu Lê Đức Thọ từ chối, chúng tôi sẽ chấm dứt hội nghị Paris bằng sự thất bại: gồm một bản văn ghi rõ sự thất bại cùng hồ sơ những văn kiện trong suốt hội nghị, và hồ sơ những tham khảo của chúng tôi với Ngài.

Nếu Lê Đức Thọ chấp nhận (tôi cho rằng Thọ sẽ chấp nhận) thì cả thế giới sẽ nhìn về phía VNCH để đòi phải khai lệnh ngưng chiến và chấp hành những điều khoản ghi trong bản Tuyên Cáo vừa được Hoa Kỳ và Bắc Việt ký kết. Và như vậy thì tất cả hành động của Ngài sẽ được phán xét không phải như những bước tự ý đi tìm hòa bình mà chỉ là những nhượng bộ gắng gượng. Đó là một lập trường bất lợi mà Ngài đã chọn cho chính bản thân và cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Tôi lấy làm tiếc để thông báo cho Ngài biết là quyết định của Ngài đã phá vỡ hy vọng về sự thỏa thuận liên quan đến Cam Bốt. Lập trường của Ngài đã khiến Bắc Việt không còn lý do nào để thỏa thuận với Hoa Kỳ về vấn đề then chốt đó nữa.

Tôi không thể lường đoán nổi hậu quả quyết định của Ngài trước Quốc hội và công luận Hoa Kỳ. Hậu quả đó chắc chắn sẽ bất lợi cho Việt Nam Cộng hòa và có thể gây tai họa. Tôi rất tiếc và buồn phiền khi thấy công cuộc mà chúng ta đã cùng nhau chia xẻ rất nhiều nay bị sụp đổ như thế này. Xin Ngài trả lời cho chúng tôi trước 8 giờ sáng ngày 8 tháng 6, giờ Paris, để tiện tiến hành.

Trân trọng,

(kt) Richard M. Nixon

Thiệu phê ở ngoài lề bức thư là: "Chúng ta phải chuẩn bị cẩn thận cho biến cố này".

Trong lá thư gởi cho Nixon ngày 8 tháng 6, Thiệu

lại tránh né và báo cho Nixon hay rằng ông đồng ý trên nguyên tắc để Hoa Kỳ và Bắc Việt ký bản Tuyên Cáo rồi *kêu gọi* Chính phủ Việt Nam Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng Lâm thời chấp hành những điều khoản của bản tuyên cáo đó. Nixon vội vàng trả lời ngay, dùng đến hết mọi thứ áp lực: Quốc hội, dư luận, báo chí, viện trợ. Nixon còn đe là ông sẽ công khai đối chất với Thiệu:

Nếu cuộc thương thuyết này thất bại thì sẽ có sự đối chất giữa chúng ta. Tôi sẽ bác bỏ lý do không chịu ký kết của Ngài và tôi sẽ công khai tố cáo Ngài đã cản trở việc đi tìm giải pháp cho hòa bình. Trong lá thư Ngài có nói đến việc giải thích lập trường của Ngài trước công luận. Tôi xin nhắc Ngài nhớ rằng lập trường đó đã chống lại bản văn kiện chúng ta đã đồng ý. Không như lần trước, hồi tháng 10, 1972, lần này chúng tôi sẽ chống đối và không ủng hộ lập trường của Ngài nữa đâu.

Xin Ngài nhớ cho rằng Ủy ban Thượng và Hạ viện sẽ bỏ phiếu vào ngày thứ Hai, ngăn cấm việc dùng ngân khoản viện trợ cho những cuộc hành quân ở Cam Bốt và Lào kể cả trên không lẫn dưới bộ. Sự kiện này sẽ có ảnh hưởng đến Việt Nam Cộng hòa, và sự ngăn cấm này có thể nới rộng ra toàn lãnh thổ Đông Dương. Quyết định không ký vào bản Tuyên Cáo sẽ dẫn tới những biến cố trên và sẽ gây thảm họa cho chính Ngài và chính phủ của Ngài. Trong chiều hướng dư luận hiện nay ở Hoa Kỳ, tất cả những gì sai lầm,

bất kể lý do dường như đều qui lỗi cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Hà Nội sẽ đòi hỏi tôi buộc Ngài ký. Quốc Hội và báo chí Hoa Kỳ sẽ tiếp theo. Rất có thể Quốc Hội sẽ ngưng viện trợ quân sự và kinh tế cho đến khi Ngài chịu ký. Do đó, tôi phải tha thiết lập lại rằng chúng tôi cần chữ ký của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa trên bản Tuyên Cáo nếu chúng ta muốn thảm họa kia không xẩy ra cho Ngài và chính phủ Việt Nam Cộng hòa – và cho tất cả những gì chúng ta đã cùng nhau tìm cách hoàn thành trong mười năm qua. Tôi cần sự chấp thuận của Ngài để kịp chỉ thị cho phái đoàn Hoa Kỳ ở Paris trước 7 giờ sáng ngày 9 tháng 6, giờ Paris... Tôi mong Ngài nên suy nghĩ về câu trả lời của Ngài cho lá thư này xem có phải thực sự Ngài cảm thấy rằng sự chối bỏ đường lối này vì những lý do Ngài đã trình bày có đáng để làm thỏa mãn những kẻ đã chống đối tất cả những gì chúng ta đã cùng chung sức theo đuổi, và hàng ngàn đồng bào ta đã gục ngã vì công cuộc đó không!

Trân trọng

(kt) Richard M. Nixon

Thiệu đọc lá thư cẩn thận, gạch dưới những đoạn ông ta không đồng ý. Ông viết bằng Anh Ngữ trên phiếu chuyển của ông Whitehouse: "Unbalanced and unjust" (không quân mình và bất công), và viết thêm bằng nét bút chì đậm "Mỹ không để ta có lựa chọn nào khác hơn. Chấp nhận những điều khoản có lợi nhất và đừng trả lời "không" một cách "thẳng

thừng". Ở bên lề câu văn của Nixon: "Tôi sẽ bác bỏ lý do không chịu ký kết của Ngài và tôi sẽ công khai tố cáo Ngài đã cản trở việc đi tìm giải pháp cho hòa bình. Ông Thiệu phê "Tại sao"?? với hai dấu hỏi lớn khi Nixon viết "bản thảo được thỏa thuận", và tiếp rằng "Lần này Hoa Kỳ sẽ chống đối và không ủng hộ lập trường của Việt Nam Cộng hòa nữa", ông Thiệu viết bằng tiếng Anh: "Agree between who and who"? (Thỏa thuận giữa ai và ai) và tiếp theo bằng tiếng Việt: "Hồi tháng Mười, Hoa Kỳ ủng hộ lập trường Việt Nam Cộng hòa hồi nào"?

Whitehouse nhân danh Tổng Thống Nixon nói với Ngoại trưởng Trần Văn Lắm: "Tôi được lệnh nhắc nhở Ngài rằng sẽ không còn có sự thay đổi nào trong bản văn của bản Tuyên Cáo nữa, và sự lựa chọn của chúng ta bây giờ đã được vạch rõ trong lá thư của Tổng Thống Nixon gởi Tổng Thống Thiệu". Sự cách biệt về giờ giấc – 12 giờ đồng hồ giữa Sài Gòn và Paris – làm chương trình làm việc rối bời. Thiệu có thể viết cho Nixon vào buổi chiều ở Sài Gòn và Nixon nhận được thư buổi sáng sớm khi ông đến văn phòng và sẽ trả lời cùng ngày hôm đó. Thư trả lời của Nixon sẽ đến Sài Gòn vào khoảng từ nửa đêm đến rạng sáng. Whitehouse ở gần nhà Ngoại trưởng Lắm, trao thư cho ông chuyển lên cho ông Thiệu rồi theo sát ông Lắm ở nhà riêng, ở sân quần vợt hay ở tiệm ăn, để đường dây liên lạc không bị đứt quãng. Công điện mật mã được chuyển thẳng

tới Whitehouse, không qua hệ thống Sứ quán Hoa Kỳ. Thơ Thiệu nhận được mã hóa và chuyển thẳng tới tòa Bạch Ốc bằng đường dây cửa hậu, ngõ hầu chỉ để những người trong cuộc được đọc những lá thư này mà thôi.

Thiệu báo cho Whitehouse biết ông sẽ họp Hội đồng An Ninh Quốc gia sáng sớm ngày 9 tháng 6 để trả lời thư của Nixon. Whitehouse lập tức báo cho Washington biết Thiệu muốn nhóm một buổi họp nữa trước khi trả lời.[19] Nixon liền tống ngay một công điện khẩn giục ông hãy đọc trước khi bước vào phòng họp, nhằm ảnh hưởng đến những tính toán của Thiệu:

Thưa Tổng Thống,

Tôi mong Ngài hiểu cho rằng tôi rất thông cảm với quyết định khó khăn của Ngài đối với những diễn tiến của cuộc thương thuyết ở Paris hiện nay. Tôi được biết rằng Ngài sẽ họp với các cố vấn để bàn về vấn đề này vào buổi sáng ngày 9 tháng 6. Trước buổi họp, tôi xin Ngài để ý đến một vài khía cạnh sau đây:

Vấn đề thứ nhất liên quan đến Quốc Hội và công luận Hoa Kỳ; như tôi đã trình bày với Ngài từ nhiều lần trước. Tôi muốn nhắc lại một lần nữa ở đây rằng dù quí vị cố vấn có thông cảm với mối quan tâm của Ngài đến đâu đi chăng nữa thì họ cũng không nên so sánh nó với tầm quan trọng của hậu quả từ chối không ký vào bản Tuyên Cáo. Theo chiều hướng hiện nay ở Hoa Kỳ, tôi có thể tiên đoán trước rằng hậu quả đó sẽ vô cùng quan trọng.

Vấn đề lưu tâm thứ hai tôi muốn báo tin riêng với Ngài là chúng tôi đã dàn xếp với Bắc Việt về việc triệt thoái quân của họ ra khỏi Lào trong vòng 60 ngày kể từ ngày 1 tháng 7. Tôi cho đây là sự kiện vô cùng quan trọng cho Việt Nam Cộng hòa. Cơ hội này sẽ mất nếu bản Tuyên Cáo không được ký kết.

Cuối cùng, tôi muốn thông báo với Ngài chúng tôi đang tiến hành công việc thương thuyết ba chiều rất phức tạp ở Cam Bốt. Đã có tiến bộ trong nỗ lực này, và chúng tôi mong sẽ khai thác yếu tố này để chặn trước hành động thiển cận của Quốc Hội đối với vấn đề Cam Bốt. Bản Tuyên Cáo này sẽ cho chúng tôi có thì giờ để xúc tiến cuộc thương thuyết đó.

Kính thưa Tổng Thống,

Đó là một vài ý nghĩ tôi muốn chuyển đạt tới Ngài sáng nay, một buổi sáng định đoạt tình giao hữu giữa hai quốc gia chúng ta. Tôi mong nó sẽ giúp ích cho sự thảo luận của quí vị.

Trân trọng

(kt) Richard M. Nixon

Thiệu trả lời ngay, hứa sẽ ký nếu có vài thay đổi trong bản văn. Ngày 10 tháng 6, Whitehouse lại mang thư khác tới:

Kính thưa Tổng Thống,

Trong lá thư đề ngày 9 tháng 6, Ngài đã thông báo với chúng tôi bằng lòng ký kết nếu có vài thay đổi trong bản văn. Để thỏa mãn ý muốn đó, phái đoàn Hoa Kỳ ở Paris đã đề nghị những thay đổi đó với Bắc Việt. Trong

một buổi họp dài và vô cùng gay gắt, những đề nghị đó đã bị bác bỏ. Trong thư trước, tôi đã nói rất thẳng thắn với Ngài rằng nếu cuộc thương thuyết này thất bại thì hậu quả sẽ vô cùng trầm trọng không những cho Việt Nam Cộng hòa mà còn liên quan cả đến Lào và Cam Bốt. Để tránh sự đổ vỡ đó, tôi đã chỉ thị cho TS Kissinger trì hoãn 48 giờ để trở về Washington tham khảo ý kiến. Ông Kissirger sẽ trở lại Paris vào ngày thứ Ba để ký kết. Đến lúc này, chúng tôi không thể trì hoãn được nữa.

Trong thời gian này, Ngài có dịp để duyệt xét lại lập trường, tôi tin rằng Ngài sẽ cân nhắc kỹ lưỡng yếu tố tôi đã trình bày với Ngài trong những lá thư trước, cùng những yếu tố mới tôi nêu lên trong lá thư này.

Tỉ như vấn đề Nga Sô và Trung Quốc hạn chế cung cấp vũ khí cho Bắc Việt. Sự hạn chế này chỉ có hiệu lực nếu chúng ta có chung một đường lối hành động và cùng đánh giá tình hình như nhau. Nếu chúng ta công khai chia rẽ, cơ hội này sẽ không còn nữa.

Cũng tương tự như vậy, khả năng của chúng tôi đi vận động các quốc gia để ủng hộ lập trường Việt Nam Cộng hòa cũng yếu đi, ngay cả trong việc chọn lựa đại diện trong Ủy ban Quốc Tế Kiểm soát Đình chiến. Nhóm viện trợ kinh tế đi vận động cho các quốc gia bạn giúp đỡ những chương trình kinh tế của Việt Nam Cộng hòa cũng không còn đắc lực nữa.

Tất cả những hậu quả đó đều sẽ bắt nguồn từ Sự từ chối ký kết của quí chính phủ, nhất là khi lời văn của

bản Tuyên Cáo không thêm bớt gì vào Hiệp định đã được ký kết từ ngày 27, tháng Giêng. Thật ra, những điều khoản chính của bản Tuyên Cáo đã được rút tỉa từ bản Hiệp định nêu trên.

Tôi nhất quyết bác bỏ lập luận của chính phủ VNCH cho rằng bản Tuyên Cáo sẽ gây "thảm họa" cho quí quốc. Tôi coi đó là một phỉ báng vô căn cứ đối với công cuộc thương thuyết dưới sự chỉ đạo của tôi và bao gồm cả những đề nghị của Ngài. Nếu luận điệu đó được nhắc lại một cách công khai, tôi sẽ thẳng tay bác bỏ những vu cáo của Ngài.

Do đó, xin Ngài quyết định. Ngài có thể lựa chọn sự đổ bể do sự chia rẽ giữa chúng ta gây ra, hoặc chỉ thị cho đại diện Việt Nam Cộng hòa ký vào bản Tuyên Cáo ngày thứ Ba, 12 tháng 6. Tôi tin tưởng là Ngài sẽ không nông nổi và coi nhẹ hậu quả của nó đối với mối bang giao giữa chúng ta. Chúng tôi đã đồng ý thông báo với Bắc Việt quyết định của Ngài vào ngày thứ Hai, 11 tháng 6. Tôi tin rằng quyết định của Ngài sẽ không đem lại chiến thắng vẻ vang cho Hà Nội là thấy chúng ta chia rẽ nhau một cách công khai.

Trân trọng

(kt) Richard M. Nixon

Bên lề lá thư đó Thiệu ghi những diễn tiến đáng lẽ phải theo để thi hành thỏa ước đình chiến. Nếu những bước đó đảo lộn sẽ có lợi cho Bắc Việt. Ông viết. "Phải là: Ngưng chiến thực sự, tới án binh bất

động, rồi chia ranh giới vùng kiểm soát. Tại sao thứ tự này bị đảo lộn ngược như vậy"?

Trong thư trả lời cho Nixon đề ngày 12 tháng 6, Thiệu phàn nàn về vụ Kissinger điều đình để chia hai miền Nam Việt Nam ra thành "hai lãnh thổ dưới hai chính phủ". Thiệu nhắc lại lời cam kết của Hoa Kỳ khi trước là chỉ công nhận chính phủ VNCH là chính phủ duy nhất hợp pháp tại miền Nam Việt Nam (thư ngày 17-1-1973). Theo ông, bản Tuyên Cáo sẽ cho phép Bắc Việt và chính phủ Cách mạng Lâm thời lập thêm một chính quyền nữa ở miền Nam.

Nixon bèn tống đạt ngay cho ông Thiệu lá thư đề ngày 13 tháng 6, với lời lẽ hết sức cứng rắn nghe như một mệnh lệnh sau cùng:

Kính thưa Tổng Thống,

Lá thư của Ngài đề ngày 12 tháng 6, là một đòn giáng mạnh vào tình bằng hữu, sự tương kính và quyền lợi chung của chúng ta. Căn cứ vào những hy sinh và rủi ro của Hoa Kỳ phải gánh chịu vì Ngài, tôi không thể ngờ Ngài có thể trả lời một cách tiêu cực như vậy. Tôi chẳng cần giấu giếm sự căng thẳng trong mối bang giao giữa chúng ta vì Ngài đã hoàn toàn phủ nhận những cam kết của tôi trong việc ký kết bản Tuyên Cáo này.

Tuy nhiên, vì hậu quả trầm trọng của sự việc này, có thể coi đó như một nhạo báng đối với những cử chỉ anh hùng và tinh thần chịu đựng của hai quốc gia tôi đã chỉ thị cho TS. Kissinger, một lần nữa, trì hoãn phê

chuẩn bản văn và tìm cách thỏa mãn những điều kiện "tối thiểu" của Ngài đề ra, mặc dầu tôi coi những điều kiện đó, tự nó, không đủ giá trị để biện minh những rủi ro cho tôi hay cho thái độ của Ngài với chính phủ Hoa Kỳ.

Tiếp đó, Nixon thông báo về "phiên họp dài và gay cấn với Lê Đức Thọ vừa qua" và lý do tại sao Kissinger đã thất bại trong việc đòi hỏi thay đổi điều khoản liên quan đến vị trí của những toán giám sát trong *Ủy-ban Hỗn hợp* Quân-sự Hai Phe. Tuy nhiên Nixon cũng nói đến việc Kissinger đã thành công trong việc đòi hỏi một thay đổi quan trọng liên quan đến quyền tự quyết của dân chúng miền Nam Việt Nam. Đây là chung kết, Nixon viết tiếp:

Thưa Tổng Thống, thành thực mà nói, chúng tôi đã đòi hỏi được cho Ngài nhiều hơn là tôi tưởng. Nhưng được như vậy, tôi đã mang danh dự cá nhân để hứa với Bắc Việt đây là lần đề nghị thay đổi chót. Nếu Ngài tiếp tục từ chối thì coi như Ngài khước từ toàn bộ chính sách của tôi vẫn hằng ủng hộ Ngài, quí chính phủ và quí quốc.

Nếu Ngài lựa chọn đường lối tiêu cực này, thì chính Ngài đã vạch ra chính sách tương lai của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Tôi sẽ bắt buộc phải chiều ý Quốc hội và công luận Hoa Kỳ chỉ yểm trợ vừa đủ những nhu cầu có tính cách nhân đạo cho nhân dân miền Nam và bỏ qua những quyết định và nhiệm vụ khó khăn để viện trợ kinh tế và quân sự cho Việt Nam Cộng hòa như ta

đã thảo luận ở San Clemente. Chẳng cần phải nói dài dòng, nỗ lực của chúng tôi trên toàn cõi Đông Dương sẽ chấm dứt. Tôi coi sự lựa chọn của Ngài như chống đối sự phán đoán và cam kết của chính bản thân tôi.

Đây không còn là vấn đề của người đi thương thuyết hay của luật sư và chuyên viên. Đây là vấn đề giữa tôi và Ngài. Sự lựa chọn là do Ngài. *Xin Ngài trả lời tôi một cách dứt khoát minh bạch, trước 1 giờ sáng ngày 13 tháng 6, giờ Washirgton, để tôi chỉ thị cho phái đoàn Hoa Kỳ ở Paris. Tôi đã chỉ thị cho TS. Kissinger sẽ cùng BS. Nguyễn Lưu Viên ký kết lúc 4 giờ chiều ngày 13, giờ Paris và trở về Washington cùng ngày. Trước khi đó, ông Kissinger phải chuẩn bị văn kiện để phê chuẩn cùng với Lê Đức Thọ.*

Xin Ngài hiểu cho rằng tôi sẽ coi tất cả những hành động của Ngài tỉ như đề nghị giải thích, sửa đổi bản văn này nọ, trì hoãn, hay những xoay sở khác của Ngài là một quyết định của Ngài cố tình chấm dứt mối bang giao hiện hữu giữa hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa.

TS. Kissinger đã nhận chỉ thị trở về Washington chiều mai. Tôi không chấp nhận sự trì hoãn hay thoái thác bất cứ vì lý do gì. Tôi muốn Ngài ra chỉ thị đầy đủ cho phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ở Paris sáng ngày 13 tháng 6, giờ Paris.

Trân trọng

(kt) Richard M. Nixon

Thiệu lo âu về bức thư trên, nhất là về câu Nixon

nói ông ta coi sự trì hoãn như một "quyết định cố tình để chấm dứt mọi bang giao hiện hữu giữa hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa". Miền Nam Việt Nam trở thành cô lập trước những vi phạm đại qui mô của Bắc Việt.

*

* *

Ngày 10 tháng 5, 1973 Hạ viện bỏ phiếu 219-188 chấm dứt việc dội bom của Hoa Kỳ ở Cam Bốt. Nixon phủ quyết dự luật đó! Bề ngoài, Melvin Laird, Cố vấn Tổng Thống, tuyên bố Nixon sẽ phủ quyết bất cứ dự luật nào của Quốc hội đệ trình mà có kèm theo vấn đề dội bom Cam Bốt. Bên trong, Laird gởi phiếu trình lên Nixon báo động Quốc hội sẽ có thể vượt quá sự phủ quyết của ông.

Thế rồi Thượng viện lại nới rộng việc cấm dội bom ở Cam Bốt ra, bao gồm cả lãnh thổ Lào và cho kèm điều khoản này vào tất cả những dụ luật gởi đến Tổng thống để quyền phủ quyết gặp phải khó khăn. Lãnh tụ phe đa số Dân Chủ Thượng viện, Mike Mansfield nổi giận tuyên bố Thượng viện sẽ kèm tu chính này vào tất cả các dự luật: "Nếu Tổng thống không muốn ngưng dội bom nhưng muốn ngưng mọi hoạt động trong chính phủ thì cứ việc làm".(19) Ngày 29 tháng 6, bất chợt Hạ viện lại thông qua một tu chính kèm vào dự luật cấp thêm ngân khoản cho tài khóa hiện tại của ngân sách quốc gia. Tu chính này cấm mọi hoạt động hành quân của Hoa

Kỳ không những ở Cam Bốt và Lào *mà còn trên cả toàn thể lãnh thổ Đông Nam Á nữa.* Thật là nguy to, bây giờ Quốc hội lại cấm thêm cả oanh tạc ở Đông Nam Á, tức gồm toàn cõi Việt Nam! Lo ngại, Tổng Thống Nixon điều đình với Quốc hội bỏ tu chính đó đi và ông bằng lòng cắt đứt mọi oanh tạc trên *Cam Bốt* trước ngày 15 tháng 8. Nhưng bất hạnh thay! Lập trường của Nixon lại do Chủ tịch Cộng hòa Hạ viện, ông già Gerald Ford lẩm cẩm trình bày trước Quốc hội; Nixon lúc đó lại đang nghỉ ở San Clemente cùng với Kissinger, Haig, và Laird.

Ông Ford viết lại về chuyện này như sau: "Buổi tối, trước ngày bỏ phiếu về vụ dội bom Cam Bốt, tôi viết ba điểm chính của Hành pháp đệ trình trước Quốc hội xuống một miếng giấy. *Thứ nhất,* Nixon sẽ chấp thuận ngày 15 tháng 8 là ngày chấm dứt oanh tạc. *Thứ hai*, việc cấm những hoạt động quân sự Hoa Kỳ bao gồm tất cả Đông-Nam- Á, *Thứ ba,* Nixon sẽ phủ quyết mọi dự luật ngưng dội bom trước ngày 15, tháng 8". Cái chết là không hiểu tại sao, Ford lại dùng chữ Đông Nam Á, thay vì chữ Cam Bốt và Lào! Ford nói là ông có đọc lại những điểm đó cho hai nhân viên tham mưu tòa Bạch Ốc và nhân viên liên lạc Quốc hội của Ngũ Giác Đài để xác nhận. Sáng hôm sau, Ford lập lại những điểm đó cho họ "vì nghĩ rằng họ không thấu triệt *ý* nghĩa của "toàn thể Đông Nam Á"; câu này đã viết rõ vào mảnh giấy tôi còn giữ lại đây".[20]

Ngày hôm sau, sau khi nghe bài diễn văn của ông Ford đọc trước Quốc Hội, nhân viên của tòa Bạch Ốc là Max Friedersdorf và nhân viên liên lạc Quốc hội của Ngũ Giác Đài là John O. Marsh giật mình, họ gọi ngay cho ông Ford và nói: "Không được, đáng lẽ ông không nên nói 'toàn thể Đông Nam Á' mà chỉ nên giới hạn ở Cam Bốt mà thôi". Ông Ford trả lời: "Tôi đã lỡ nói như vậy trước Quốc hội rồi! Tôi đã xác nhận và tái xác nhận với các anh, không thể nói lại được nữa! Chấm dứt"! Các nhân viên đó đôi co với ông Ford và nhấn mạnh "Không thể để như vậy được". Ford đáp: "Chịu phiền vậy".

Khi cuộc tranh luận ở Quốc hội bắt đầu, câu hỏi đặt ra là có thật sự ông Ford đã tham khảo ý kiến của Nixon về việc này không? Được điện thoại, ông Nixon từ San Clemente gọi lại cho Ford. Theo Ford, thì ông đã nói chuyện với Nixon chừng mười phút và lập lại cho Nixon ba điểm vừa trình bày trước nghị trường Hạ viện. Ông Ford cho biết, ông Nixon đáp: "Được rồi"! Ông Ford quay lại nghị trường tái xác nhận những điều vừa nói và tuyên bố Tổng thống đã chấp thuận.

Ông Ford viết thêm: "Độ năm phút sau, Tướng Haig gọi cho tôi và nói: "Ông không thể làm thế được, Tổng Thống sẽ không chấp thuận điều này". Tôi trả lời: "Tôi đã nói rồi. Rất tiếc không cải chính được nữa. Sau cuộc điện đàm với Tổng Thống vừa rồi, tôi *hiểu* là Tổng thống Nixon đã chấp thuận như vậy".

Ford nhớ lại giọng thất vọng của Haig và nghe ông ta nói: "Tôi có ngồi ngay trong văn phòng Tổng thống Nixon khi ông nói chuyện với Tổng Thống bằng điện thoại. Điều mà ông vừa trình bày với Quốc hội không phải là điều mà Tổng thống hiểu ông nói như vậy". Ông Ford trả lời: "Rất tiếc, nhưng đó là điều phải làm". Vài phút sau, Mel Laird gọi lại cho Ford và nói: "Tất cả mọi chuyện đều tốt đẹp. Đừng lo chuyện này nữa".[21] Haig vô cùng kinh ngạc cho rằng Laird và Ford âm mưu xuyên tạc "vì những giao động nội tình đất nước... lối chơi láu cá này không thể diễn tả nổi". Sau khi Quốc hội bỏ phiếu chấp thuận việc cấm oanh tạc Haig thất vọng và than với Nixon: "Thưa Tổng Thống, chúng ta đã mất toàn thể Đông Nam Á rồi"!

Nixon trả lời: "Tôi nghĩ là ông đã nói đúng"![22]

chương XIII
một khoảng thời gian coi được!

Ngày 24 tháng Giêng, 1973, chỉ một ngày sau khi Kissinger ký tay đôi với Lê Đức Thọ vào bản Hiệp định Paris, Phụ tá Tổng Thống Nixon, John Ehrlichman có hỏi ông rằng: Theo ông, miền Nam Việt Nam còn có thể tồn tại được bao lâu nữa. "Tôi nghĩ rằng nếu họ may mắn, thì được một năm rưỡi," Kissinger đáp lại.[1] Lời tiên tri đó quả là chính xác.

Tuy bề ngoài, chính ông và Tổng thống Nixon thường nói là bản Hiệp định đã cung ứng cho chính phủ Hoa Kỳ một khí cụ pháp lý, một căn bản mới để tiếp tục yểm trợ miền Nam Việt Nam cũng như cho miền Nam một cơ hội "để họ chứng tỏ sức mạnh cố hữu của họ", nhưng đằng sau hậu trường, Kissinger chỉ nghĩ tới một thời gian tạm thỏa đáng, "một khoảng thời gian coi được" (a decent interval) giữa việc triệt thoái quân đội Hoa Kỳ và việc sụp đổ tất hữu của Miền Nam.

Quan niệm này ông đã bắt đầu nuôi dưỡng ***ngay***

từ 1967 khi ông mới chỉ bắt đầu sờ nhẹ tay vào Việt Nam với tư cách là một cố vấn không chính thức của Tổng thống Johnson. Hồi đó, ông đã cố bí mật liên lạc với Hà Nội qua sự trung gian của hai người Pháp tên Hervert Marcovich và Raymond Atbrac. Lập trường của ông là chiến tranh ở Việt Nam chỉ có thể giải quyết được bằng giải pháp "một khoảng thời gian coi được". Theo tác giả David Landau người đã nghiên cứu kỹ và theo sát Kissinger, thì:

"Kissinger cho rằng giải pháp duy nhất của Hoa Kỳ năm 1967 là dùng chính sách 'một khoảng thời gian coi được'. Nói cho đơn giản hơn, chính sách đó có nghĩa là sự sụp đổ của chính phủ miền Nam – điều mà ông cho là rất có thể xảy ra nếu không phải là bắt buộc sẽ xảy ra – phải được trì hoãn lại trong một thời gian kể từ lúc Hoa Kỳ triệt thoái để cho Hoa Thịnh Đốn khỏi bị chỉ trích là đã không bảo vệ đồng minh của mình. Như vậy, điều quan trọng chính yếu của cuộc chiến vấn đề phe nào sẽ cai trị ở miền Nam –– thực ra chỉ là một điểm không đáng để ý... Điều quan trọng không phải là có nên hay không nên triệt thoái mà là triệt thoái như thế nào và bao giờ".[2]

*

* *

Xem nhu vậy, thì kể cả thời hạn của "khoảng thời gian coi được" đó cũng đã được tiên đoán ngay trong khi Hoa Kỳ còn đổ xô quân vào miền Nam và chiến tranh còn đang ở mức độ cao nhất.

"Khoảng thời gian coi được" đã bắt đầu vào cuối tháng 3, 1975 khi toán binh sĩ Mỹ cuối cùng lên máy bay rời Việt Nam. Trong khoảng thời gian đó, hai trong những yếu tố quan trọng nhất đã đưa tới việc sụp đổ mau lẹ của miền Nam là: kinh tế và quân sự.

*

* *

Dù ảnh hưởng kinh tế về việc triệt thoái đã quá lớn lao, nhưng ảnh hưởng của tình hình thiếu an ninh do giải pháp "da beo" của hiệp định Paris lại còn trầm trọng hơn nhiều.

Quân đội Hoa Kỳ ra đi, mang theo với họ những khoản chi tiêu tới cả nửa tỷ đô la một năm. Lúc đó, miền Nam phải chấp nhận một hiện tượng co rút bi thảm của nền kinh tế. Vợ con binh sĩ không còn có thể đi giặt ủi hay bán thuốc lá cho lính Mỹ quanh doanh trại để thêm thắt vào đồng lương. Nạn thất nghiệp gia tăng vì đô la biến mất trên thị trường tiêu thụ. Chương trình tái thiết kinh tế, nhằm vào canh nông để giải quyết nạn thất nghiệp và gia tăng sản xuất với những kế hoạch khai thông kinh rạch, dẫn thủy nhập điền đều gặp trở ngại không thể vượt qua. Ảnh hưởng của những khoảng đốm da beo đã bắt đầu hiện ra rõ ràng vì nó rải rác khắp nơi trong nước. Sự hiện diện của quân đội Cộng sản lan tràn, đã chận đứng lại những chương trình phát triển từ nhỏ tới lớn. Một thí dụ nhỏ là trường hợp công ty Đường và Xi-măng Hà Tiên, dưới quyền kiểm soát của Bộ Kế

hoạch. Sau ngày ngưng chiến, việc cung cấp mía cho công ty đường ở Phan Rang bị gián đoạn. Dân quê giao mía bị Việt cộng chận lại dọc đường và tịch thu. Xưởng xi-măng Hà Tiên bị pháo kích, nhân viên bị hăm dọa, sản xuất sụt xuống 70 phần trăm. Gạo từ miền Tây không tới được Sài Gòn vì quốc lộ 4 bị mìn và xe vận tải bị bắn nổ lốp. Trà và cà phê từ cao nguyên không chở xuống Sài Gòn được vì quốc lộ 14 và 20 thường bị Việt Cộng đặt mìn gây rối.

*

* *

Vì viện trợ của Hoa Kỳ bị cắt giảm sau Hiệp định Paris, chính phủ Việt Nam Cộng hòa phải mở chiến dịch xin viện trợ của các cơ quan quốc tế và các quốc gia khác. Trước hết, Sài Gòn nhìn về phía Pháp. Mối bang giao Việt Pháp đã bị sứt mẻ hồi 1966 khi tướng Nguyễn Cao Kỳ còn làm Thủ tướng. Ông Thiệu muốn cải thiện mối bang giao này. Pháp cử Jean-Marie Mérillon tới Sài Gòn nhậm chức đại sứ đầu tiên sau 7 năm. Ngoài ra, để bày tỏ thiện chí và đánh dấu mối bang giao mới, Pháp đề nghị cho Việt Nam Cộng hòa vay tiền dài hạn với lãi suất thấp để tái thiết xứ sở. Vì kinh nghiệm của Hưng làm việc tại Quỹ Tiền tệ Quốc tế, anh được chọn để hướng dẫn một phái đoàn của Việt Nam Cộng hòa sang thương lượng với Pháp. Để chứng tỏ cho chính phủ về khả năng chuyên môn cũng như tư cách của lớp người mới, Hưng hướng dẫn bảy chuyên viên xuất

sắc đã từng theo học tại các đại học lớn với đầy đủ kiến thức để thương lượng với những nhân viên cao cấp của Pháp. Chỉ sau một ngày làm việc tại Paris, anh đã nhận ngay ra rằng thể thức viện trợ Pháp rất khó khăn. Điều kiện của Pháp là mỗi đồng quan viện trợ của chính phủ phải kèm theo một đồng của ngân hàng tư. Thoạt nghe thì có vẻ hợp lý vì có sự tham gia của giới tư nhân. Nhưng có bắt tay vào việc mới thấy đây là một trở ngại lớn cho quốc gia nhận viện trợ. Người Pháp hãnh diện vì họ đã đóng góp 1 phần trăm tổng số sản lượng quốc gia cho ngoại viện, chiếu theo tiêu chuẩn Liên Hiệp Quốc ấn định cho các quốc gia đã được kỹ nghệ hóa. Nhưng trên thực tế, một trở ngại đối với viện trợ Pháp là: tiền của chính phủ thì cho mượn dài hạn và lãi suất thấp, nhưng số tiền tương đương của ngân hàng tư thì lại ngắn hạn và lãi suất cao. Cho nên, xét kỹ ra thì điều kiện này không hấp dẫn như ta tưởng. Một điều kiện nữa của viện trợ Pháp là quốc gia nhận viện trợ phải dùng tiền để mua hàng của Pháp. Bởi vậy, nhìn kỹ vào thì thấy rằng: chính mấy ông chủ các ngân hàng tư mới thực sự là người chấp hành những chương trình viện trợ trên thực tế.

Hưng hợp với các viên chức thuộc bộ Tài chánh Pháp và sau một tuần lễ điều đình khó khăn, Pháp bằng lòng trợ cấp 130 triệu quan. Anh muốn dùng tiền này cho các chương trình canh nông để giải quyết nạn thất nghiệp. Chương trình này cần những

dụng cụ để khai thông kinh rạch và dẫn thủy nhập điền, nhưng người Pháp lại muốn bán máy truyền hình mầu và điện thoại cho Hưng. Họ còn muốn bán cả những nhà máy nhiệt điện, hệ thống phát tuyến cho vô tuyến truyền hình mầu, và xe đạp Peugeot của Pháp nữa. Có một món hàng mà họ cố gắng dụ Hưng mua là dụng cụ điện thoại. Trong một buổi họp, anh phải nói thẳng: "Thưa quí vị, hệ thống điện thoại ở Sài Gòn còn tối tân hơn cả hệ thống ở một vài khu vực ngay tại Paris! Hôm trước, cái ống nghe bằng sứ ở khách sạn tôi bị bể. Ở Sài Gòn, chúng tôi dùng ống nghe điện thoại bằng plastic". Người Pháp cũng như nhiều quốc gia khác đều cố gắng phát triển kỹ nghệ của họ qua chương trình viện trợ kinh tế.

Các ông chủ ngân hàng mời Hưng đi ăn riêng ở nhà hàng Maxim và Tour d'Argent "để thảo luận" nhưng anh từ chối, nhất định đòi mang cả phái đoàn Việt Nam Cộng hòa đi theo và cho họ hay rằng anh chỉ nhận sự khoản đãi sau khi chi tiết những dự án viện trợ đã được thỏa thuận. Các ông này tìm được một người bạn học của Hưng ở đại học Virginia trước đây tên Jérôme. Anh này gọi cho Hưng ở khách sạn Claridge trên đại lộ Champs-Enlysée, và đề nghị đi một vòng phòng trà ở Paris để gặp những cô gái mỹ miều ở đây. Hưng trả lời: "Cả anh và tôi đã gặp nhiều gái đẹp ở Mỹ rồi, bây giờ không phải lúc thuận tiện".

Thay vì để họ mời, Hưng yêu cầu Đại sứ Việt Nam ở Pháp mở tiệc tiếp tân để khoản đãi các viên chức

chính phủ và chủ ngân hàng. Trong số quan khách có cựu Tổng trưởng Ngoại giao Maurice Schumann đại diện một ngân hàng tư nhân. Ông này cố gợi chuyện để gạ "tài trợ dự án", nhưng Hưng đã tìm cách tránh ông ta vì trước đây, trong thời gian hòa đàm Paris, ông đã tỏ ra thiện cảm với Bắc Việt và Việt cộng hơn là Việt Nam Cộng hòa. Cuối cùng, Hưng không thoả thuận được với người Pháp về khoản xử dụng tiền viện trợ và đồng ý là sự thảo luận sẽ được tiếp tục ở Sài Gòn.[3]

Bài học thực tế của ngoại viện là mỗi quốc gia viện trợ đều có những dự án riêng của họ nhằm tăng cường kỹ nghệ trong nước và nới rộng thị trường thế giới. Nhật Bản muốn bán nhà máy thủy điện, ngân khoản viện trợ Nhật phải được dùng để mua hàng Nhật. Trong những năm trước khi Hưng về nước, Việt Nam Cộng hòa đã nhập cảng cả triệu xe gắn máy Honda, làm Sài Gòn có cái tên cả thế giới biết là Hondaville. Bây giờ, Nhật muốn dùng một phần của tiền viện trợ để tài trợ "nhập cảng thương mại"; nói trắng ra là gồm cả nhập cảng phụ tùng xe gắn máy. Bởi vậy, riêng về viện trợ thì nhìn đâu cũng thấy kẹt; không thể linh động tiền viện trợ hay tìm ngân khoản để giải quyết những khan hiếm quan trọng của Sài Gòn. Về kinh tế, Việt Nam Cộng hòa đã hoàn toàn lệ thuộc vào Hoa Kỳ.[4]

Tinh thần và thực trạng lệ thuộc là một thứ ma túy ăn sâu vào guồng máy chính trị Sài Gòn. Khi Mỹ

đi rồi, Sài Gòn như người bị thiếu thuốc, bất thình lình phải vật vã! Triệu chứng này đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần. Cố vấn Mỹ đi rồi; căn cứ Mỹ, Đại Hàn, Úc bỏ trống như những khu phố ma. Xe vận tải cho lính Mỹ về Sài Gòn nghỉ phép không còn xuất hiện nữa. Không còn trông đợi ở đâu... chỉ còn nhìn lại chính mình; nhưng mình thì lại gầy yếu, hom hem. Đất nước đã nghèo lại bao nhiêu năm chiến tranh tàn phá, chẳng còn gì mà tự lực cánh sinh.

Vào mùa hè năm 1973, nền kinh tế của miền Nam đã kiệt quệ, không còn đủ sức đương đầu với nạn thất nghiệp trầm trọng ở Sài Gòn cũng như tiếp tế cho đoàn người di cư từ những vùng Cộng sản về, càng ngày càng đông.

Trong khi kinh tế chới với thì lại xảy ra một biến cố lớn trên thế giới: Chiến tranh Do Thái-Ai Cập trong trận Yom-Kippur vào mùa thu năm 1973. Ảnh hưởng tức thì của Yom-Kippur làm giá dầu hỏa tăng vọt gấp 4 lần. Đồng bạc Việt Nam bỗng bị hạ giá quá nhanh. Trong những năm chiến tranh, phải nhập cảng hơn 800 triệu đô la một năm để nuôi dưỡng nền kinh tế. Thêm vào đó đủ loại vật dụng tiêu thụ do hệ thống hợp tác xã quân đội Hoa Kỳ (PX) tẩu tán ra khắp nước tạo thành một hệ thống chợ đen rất phồn thịnh. Đến năm 1973, hàng nhập cảng bị cắt đi một nửa; nguồn lợi tức chính yếu của chính phủ do thuế nhập cảng cũng bị cắt đi một nửa. Không còn cách gì để bù đắp cho sự thâm thủng của ngân sách

nữa. Thuế lợi tức không bao giờ thâu được một cách hữu hiệu; lợi tức quốc gia bị thụt xuống trong khi nạn thất nghiệp gia tăng. Đồng lương nhỏ nhoi của người lính thay vì được tăng lên lại thực sự bị giảm đi vì nạn lạm phát. Một người lính trung bình được lãnh 20 ngàn đồng một tháng trong khi một bao gạo 50 ký giá 14 ngàn đồng hồi mùa hè 1973. Sau khi mua bao gạo có lẽ chỉ đủ cho gia đình năm người ăn một tháng, chẳng còn lại bao nhiêu để trả tiền nhà, thức ăn và thuốc men. Khi người Mỹ còn đó, vợ con binh sĩ có thể đi kiếm thêm bằng cách bán thuốc lá, đánh giầy, chùi nhà, giặt giũ cho họ. Bây giờ, tất cả những dịch vụ đó đã hết. Để bù đắp lại phần nào cho tinh thần binh sĩ, chính phủ cho phép họ được mang gia đình đi theo và ở trong những trại gia binh. Họ phải trả tiền nhà nếu ăn trong câu lạc bộ; nếu ăn ở nhà với vợ con thì dành dụm được chút ít. Mang gia đình theo cũng an ủi phần nào cho nỗi thống khổ của anh em quân đội. (Nhưng đến khi Cộng sản tấn công, cái giá của việc để cho gia đình binh sĩ đi theo họ còn cao hơn cả giá của sự lạm phát).

Hưng được một người bạn là Chu Xuân Viên kể tình trạng của một người bà con anh làm huấn luyện viên của trường Bộ Binh Thủ Đức. Nhiệm vụ của anh ta là hàng ngày dẫn sinh viên sĩ quan ra bãi tập huấn luyện về tác chiến, nhưng mỗi ngày anh ta chỉ có một nắm xôi để ăn. Nắm xôi được chia ra làm ba phần cho ba bữa, chấm muối vừng và uống nước

lạnh. Tinh thần binh sĩ suy sụp hẳn trong những năm 1973 và 1974.

Gánh nặng quốc phòng tăng dần vì Bắc Việt tiếp tục duy trì áp lực qua chính sách "chiến tranh trong hòa bình", tấn công du kích để kiềm chế hoạt động của chính phủ. Thí dụ, để phá hoại kỹ nghệ xuất cảng cao su, Cộng sản bắt cỡ 90% nhân công của đồn điền Michelin và công ty phải ngưng hoạt động. Đôi khi, chúng còn bắn súng cối vào các trại định cư để làm mất tinh thần dân tỵ nạn; dân chúng đã hết sức nổi giận khi chúng câu đạn 61 ly vào trường tiểu học Nhị Quy ở Cai Lậy, tỉnh Định Tường, làm thiệt mạng bao nhiêu trẻ em. Ở làng khác, Cộng sản lại phao tin đồn là chính phủ bỏ thuốc độc xuống giếng nước để dân hoảng sợ và bỏ đi.[5] Chính phủ gặp rất nhiều khó khăn khi dự định áp dụng chính sách kinh tế thời bình trong tình trạng thiếu an ninh. Giải ngũ thì không được mà tài nguyên kinh tế thì lại không cho phép chính phủ duy trì một quân đội trên một triệu người.

Nội các tranh luận nhiều về ưu tiên quốc phòng và khả năng của nền kinh tế. Hưng đề nghị âm thầm giải ngũ một số nhỏ thuộc thành phần không thiết yếu của Địa phương quân và nghĩa quân: chuyển một số nhân lực cần thiết vào những chương trình canh nông thay vì tăng nạn thất nghiệp ở thành thị.

Tháng 10, 1973, quân đội bắt đầu thành lập những toán sản xuất để đóng góp vào nền kinh tế như trồng

trọt ở khu vực chung quanh đơn vị hoặc nuôi gà, heo ngay trong trại. Ông Thiệu âm thầm cho giải ngũ 100.000 địa phương quân và chuyển họ về quê quán để cầy cấy! Khẩu hiệu "Tay Súng Tay Cầy" bắt đầu được đẩy mạnh.

*
* *

Vào cuối năm 1973, nhịp độ tấn công của Bắc Việt bắt đầu gia tăng. Tình báo cho hay Bắc Việt đang tăng cường lực lượng ở dọc giới tuyến và biên giới Cam Bốt. Hà Nội lại vừa hoàn thành hệ thống dẫn dầu dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh để tiếp tế cho chiến xa và vận tải sẵn sàng cho quân đội của chúng tham chiến bất cứ lúc nào.

Một điểm chói sáng trong nền kinh tế của Việt Nam Cộng hòa lúc đó là hy vọng vào dầu hỏa. Khi giá dầu tăng vọt từ tháng 10, 1973, chính phủ nghĩ đến chuyện gấp rút cho khai thác những giếng dầu ở ngoài khơi. Các công ty Hoa Kỳ và các nước khác xin đấu thầu vào cuối năm 1973; và đến tháng 10, 1974 công ty Pecten Việt Nam, một chi nhánh của hãng Shell công bố giếng dầu trắc nghiệm đã sản xuất với nhịp độ 1.514 thùng dầu thô một ngày. Một chương trình ngũ niên được thiết lập để khai thác thương mại. Hình ảnh về giếng dầu Pioneer của hãng Pecten được chiếu trên đài truyền hình Việt Nam cùng với báo cáo đấu thầu của 15 công ty ngoại quốc làm cho người dân Việt Nam lên tinh thần. Họ có cảm tưởng

là một ngày trong tương lai, Việt Nam Cộng hòa sẽ không còn phụ thuộc vào dầu nhập cảng và Hoa Kỳ nữa. Việt Nam có thể quyết định một mình không cần tham khảo người Hoa Kỳ và trút được gánh nặng của lệ thuộc.

"Người Hoa Kỳ sẽ phải trở lại vì dầu hỏa". Đó là lý thuyết đầu tư mới. Trước đây, người Hoa Kỳ đầu tư xương máu và quân dụng ở Việt Nam, ngày nay họ sẽ đầu tư những món tiền đô la khổng lồ để khai thác dầu hỏa.

Trong một buổi họp của nội các, Hưng được nghe có ông bạn đồng liêu nói: "Trước đây, Hoa Kỳ đi tìm những nguồn lợi chiến lược trong vùng nầy. Bây giờ là nguồn lợi về tiền bạc. Có lẽ đây là một cách buộc chặt chân người Hoa Kỳ".

Nhân cơ hội này, Hưng tìm cách nói khéo với các bạn đồng liêu về sự khác biệt trong việc buôn bán làm ăn giữa người Mỹ và người Việt. "Người Mỹ luôn luôn nghĩ tới lợi hại. Họ sẵn sàng từ bỏ việc đầu tư nếu nó không mang lại lợi tức". Các bạn đồng liêu nhìn thấy Hoa Kỳ bỏ cả mấy trăm tỷ đô la vào Việt Nam, cho rằng họ phải tính toán cẩn thận để bảo vệ sự đầu tư của họ; và nếu bỏ quá nhiều tiền vô thì họ không thể bỏ đi được nữa. Hưng giải thích rằng Hoa Kỳ không đặt tình cảm hay lòng trung thành vào các công cuộc đầu tư. Anh lấy chuyện ông hàng phở để làm thí dụ. Ở Việt Nam, một quán phở có thể là của cha truyền con nối; nếu có nhiều lợi thì

người con sung sướng, nếu chẳng may lỗ lã, người con đành gánh chịu và vẫn có thể tiếp tục "nghề nhà", vì đây là một phần gia tài của ông cha để lại. Lời lãi không chắc luôn luôn phải là mối quan tâm chính của thành công về thương mại ở Việt Nam. Hoa Kỳ thì không thế, lời lãi là chủ đích và là giá trị của thương mại. Một người Mỹ điều hành một trạm xăng, cho dù trạm này do ông cha để lại, nếu không có lời trong ba tháng, anh sẽ tìm cách bán đi ngay. Trung bình, tiểu thương ở Mỹ chỉ thọ có năm năm thôi. Hưng giải thích thêm: "Không có chuyện "trọng nghĩa khinh tài" ở Mỹ".[6] Tất cả đều được đo lường bằng tiền bạc. Nhưng càng ở Sài Gòn lâu anh càng nhận thấy rõ hơn quan điểm chung của người Việt là Hoa Kỳ không thể để mất miền Nam Việt Nam được. Mặc dù đã rút quân đi nhưng đầu tư của Hoa Kỳ vẫn còn bền bỉ và lâu dài, nhất là những đầu tư về uy tín và danh dự của quốc gia này.

Kissinger có lần nói với Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Paris: "Mối quan tâm chính yếu của Hoa Kỳ là thấy Việt Nam Cộng hòa tồn tại trong tự do. Mặc dù rút quân ra nhưng chúng tôi sẽ không rút khỏi địa bàn hoạt động chính trị ở miền Nam VN đâu".[7]

Bây giờ đầu tư bằng đô là của tư nhân Mỹ lại đổ vào Việt Nam. Có lẽ câu phương châm của Mỹ có lý: Đánh một cắc, theo một đồng". Hưng nghĩ có lẽ anh đã lầm khi nghĩ rằng Mỹ sẽ bỏ Việt Nam, và lý thuyết đầu tư của những bạn đồng liêu của anh vẫn còn có

giá trị. Có lẽ những người bạn của anh vì đã làm việc và chiến đấu bên cạnh người Mỹ nhiều năm trong thời chiến đã hiểu ý định của họ ở Việt Nam rõ hơn anh, mặc dù anh đã ở Mỹ lâu năm.[8]

Sau khi tìm thấy dầu ở ngoài khơi, công ty Hilton lại đề nghị xây một trung tâm khách sạn và hội nghị quốc tế tại Sài Gòn. Công ty đòi mua tòa nhà Phủ Thủ Tướng ở gần Dinh Độc Lập. Đề nghị đó có vẻ như một chuyện khôi hài, nhưng ông Thiệu nói: "Cứ để Mỹ họ vào. Cho họ dễ dãi không phải trả thuế và nhượng đất cho họ. Cứ để họ vào". Công ty Hyatt thì đã hoàn thành chương trình và đồ án để xây một khách sạn tối tân, 22 tầng, 553 phòng trên khoảng đất 5.673 thước vuông, ở góc đường Hàm Nghi và bến Chương Dương. Du khách có thể nhìn khung cảnh ngoạn mục của sông Sài Gòn và phong cảnh hàng chục cây số ở xa.

Trong một chuyến đi trực thăng ra ngoài khơi thăm giếng dầu, Hưng hỏi người phi công Mỹ rằng anh có nghĩ Việt Nam có dầu không. Anh ta trả lời: "Tôi không phải là một chuyên viên dầu hỏa, nhưng tôi đã bay ở ngoài khơi hai mươi năm nay. Hễ xứ nào có nhiều tôm lớn là xứ đó có dầu hỏa". Tôm thì sông ngòi miền Nam khỏi nói. Vào cuối năm 1974, một công ty dầu đề nghị với Hưng xin đào giếng dầu ngay ở Cần Thơ, và yêu cầu anh nói với chính phủ cho họ bắt đầu ngay khỏi phải qua thủ tục đấu thầu. Họ bằng lòng trả ngay cho chính phủ 15 triệu

đô la khi ký giao kèo và sau đó tiền lời thì chia đôi với chính phủ. Hưng đề nghị với ông Thiệu và được chấp thuận trên nguyên tắc. Công ty này thành lập hồ sơ và quyết định sẽ nạp đơn vào hè 75. Đó cũng là một điều bí mật khác của quốc gia: Ngay ở trên đất liền cũng có dầu hỏa.

Từ khi có vụ đấu thầu dầu hỏa vào tháng 7, 1973 và chính phủ đã thực sự thu được gần 50 triệu đô la do các hãng đóng khi nạp đơn và được chia lô, cơn sốt dầu hỏa đã lan ra khắp miền Nam. Các vị chỉ huy ở ngoài chiến trường nhìn thấy giàn khoan dầu "Hoa Hồng số 9" trên TV, do hãng Pecten thực hiện (4.500 feet dưới lòng biển) đã có lý do để nói với binh sĩ là họ chỉ còn phải chịu đựng ít lâu nữa thôi. Việt Nam sẽ có dầu hỏa và sẽ giầu có sung túc hơn, vì giá dầu đang lên vùn vụt. Trong những buổi họp nội các hàng tuần, trong giờ cơm trưa, câu chuyện dầu hỏa là câu chuyện phổ thông nhất. Dầu hỏa như là thứ thuốc bổ mới, là thuốc giải độc cho tinh thần đang bị cô lập và tuyệt vọng, là một nguồn an ủi cho sự phiền muộn phải ngửa tay đi xin. Tuy nhiên, Hưng khuyến cáo các bạn đồng liêu rằng dầu hỏa có thể như con dao hai lưỡi: Đầu tư dầu hỏa của Mỹ có thể kích thích Bắc Việt tiến chiếm miền Nam lẹ hơn!

Vào mùa hè 1974, giữa lúc vụ Watergate đang bùng nổ lớn, Hưng đến Washington, được cơ quan AID bảo nên nói với ông Thiệu đừng la lối về những vụ vi phạm của Bắc Việt kẻo những người đầu tư

sợ không dám bỏ vốn vào. Thật là khó xử. Một mặt, những nhà quân sự nói với Hưng phải trình bày những vụ vi phạm của Bắc Việt, mặt khác, những nhà kinh tế của Bộ Ngoại Giao và AID Mỹ khuyên đừng la hoảng, kẻo đuổi những đầu tư đi.

*

* *

Đại sứ Bunker rời Sài Gòn vào tháng 5, 1973 và Graham Martin đến thay, tháng 7, 1973. Martin đã nổi tiếng từ khi còn là Đại sứ ở Thái Lan (1963-67). Ông là loại người ưa hành động, tính cương trực và rất thân cận với Nixon. Nixon biết Martin từ những năm trong thập niên 50 khi ông này còn làm tham mưu trưởng cho Thứ Trưởng Ngoại Giao Douglas Dillon, khi Nixon là Phó Tổng Thống. Năm 1967, khi Nixon đi thăm Nhật Bản và Đông Nam Á với tư cách là luật sư đại diện hãng Pepsi Cola, lúc đó ông đã để ý đến cuộc tranh cử Tổng Thống 1968 – ông đã được Martin đón tiếp niềm nở ở Thái Lan và bàn luận rất nhiều đến những diễn biến ở Đông Dương. Nixon kính nể Martin vì ông này là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp nhưng hành động của ông lại khác hẳn truyền thống của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Nixon thông báo việc bổ nhiệm này cho ông Thiệu ở San Clemente. Martin tháp tùng Kissinger trong những phiên họp chung kết của bản Tuyên Cáo với Lê Đức Thọ ở Paris. Martin kể lại: "Tôi không chịu đi dự buổi ký bản Tuyên Cáo đó; không biết cái gì dở hơn: Hoặc

là nội dung của nó, hay là việc Kissinger đơn phương đi điều đình qua mặt Việt Nam Cộng hòa".[9]

Ở Sài Gòn, tên Martin trùng với tên nhãn hiệu cà phê của Pháp, vì thế ông Thiệu đặt cho người đại sứ này cái tên hiệu là "Ông Cà Phê". Thiệu chỉ dùng cái biệt hiệu này trong giới thân cận mà thôi. Ông có lần hỏi Hưng: "Anh có biết gì về ông già Cà Phê đó không"? Hưng nghĩ là anh có thể nói chuyện với Martin được, vì ông là người ở North Carolina, còn Hưng thì cũng bắt đầu đi dạy học ở North Carolina, chắc có nhiều chuyện để nói. Hưng đoán có lẽ Martin cũng cùng mẫu người với Bunker, nhưng sẽ không hết lòng giúp đỡ như Bunker. Có lẽ ông ta sẽ giữ đúng lề lối của một nhà ngoại giao chuyên nghiệp mà thôi.

Nhưng ít lâu sau khi Martin tới Sài Gòn, anh đã nhận thấy ngay rằng ông khác hẳn với những gì anh đã dự đoán. Martin là một người rất hăng say trong công việc vận động cho những chương trình viện trợ; ông ta hứa sẽ trình bày với báo chí và đích thân vận động với Quốc hội. Ông ta rất mừng khi biết Hưng học ở Đại học Virginia dưới trướng của James Schlesinger là đương kim Bộ Trưởng Quốc Phòng, và anh đã dạy học ở North Carolina. Martin còn ngạc nhiên vì Hưng là hội viên của hội Newman, một tổ chức sinh viên Công giáo cùng với Nghị sĩ Ted Kennedy, khi ông này còn là sinh viên của Đại học Virginia hồi 1958.

Martin hỏi ngay khi mới gặp Hưng: "Anh có biết Thượng nghị sĩ Kennedy đối xử với xứ anh ra sao không"?

"Thưa ông Đại sứ, lẽ dĩ nhiên tôi biết. Thoạt đầu là ông John Kennedy dẹp bỏ ông Diệm, rồi bây giờ đến ông em, tìm mọi cách cắt viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa".

Cuối năm đó, Hưng mời ông Martin đi ăn cơm ở nhà hàng La Paix đường Đinh Tiên Hoàng. Khi nói đến Kennedy, Hưng có phàn nàn là Kennedy đã vạch lá tìm sâu, đi tiên phong trong việc đòi lại 226 triệu Mỹ kim mà Bộ Quốc Phòng đã chi cho Việt Nam Cộng hòa trong năm cũ, bây giờ bắt phải lấy tiền tài khóa này để trả lại, và hỏi Martin: "Làm như vậy, có lẽ ông ta đã không nhận thức được rằng nếu Cộng sản chiếm được miền Nam thì dân Công giáo sẽ ra sao"?

Marin nói: "Tôi không dám chắc là anh nghĩ đúng"! Hưng nghĩ đến chuyện Kennedy ở Charlottesville và nói với ông Martin rằng ông rất lo ngại Kennedy có ngày sẽ trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ. Martin đáp: "Dân Mỹ không đến nỗi khờ đến thế đâu"!

*

* *

Sau khi gặp gỡ xã giao với Đại sứ Marin, Hưng trở lại Washington vào tháng 7 để nghe ngóng tình hình viện trợ và để xem tòa Bạch Ốc, Quốc hội, cơ quan AID, và bộ Quốc Phòng đánh giá Sài Gòn ra

sao. Anh gặp Warren Nutter là thầy đỡ đầu cũ vừa từ bỏ Quốc Phòng trở về đời sống giáo sư tại Đại học Virginia. Ông Nutter khuyên Hưng nên gặp Melvin Laird. Là cha đẻ của kế hoạch Vietnamization – Việt Nam hóa chiến tranh – Laird được gọi vào làm cố vấn cho Nixon khi vụ Watergate nổ lớn. Hưng hy vọng rằng Laird có thể là một đối thủ của Kissinger và ở ngay tòa Bạch Ốc.

Ngoài ra, Nutter còn hy vọng rằng vì đã khai sinh ra chương trình "Vietnamization", Laird sẽ muốn theo dõi nó ở Việt Nam. Thực ra, chương trình này đã gây nhiều thắc mắc lớn. Trong khi chương trình này nói là để trang bị quân đội Việt Nam, nhưng trong thực tế, nó là một lối "chạy làng trang trọng" của Hoa Kỳ khỏi miền Nam. Hưng theo dõi gần gũi hoạt động của Laird trong nhiệm kỳ thứ nhất của Nixon. Anh nhận thấy rằng chủ đích của ông này là triệt thoái quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam càng mau càng tốt. Ông ta không quan tâm đến vấn đề Việt Nam mà chỉ chú trọng theo dõi ảnh hưởng của chiến tranh đối với hiện tình nội bộ của Hoa Kỳ và tư thế chính trị của đảng Cộng Hòa.

Hưng và Nutter đến gặp Laird tại văn phòng đặt ở cánh Tây của tòa Bạch Ốc. Laird tươi cười, nhã nhặn, đặc biệt có vầng trán rất cao và rộng. Đối với người Việt thì đó là tướng rất thông minh và nhiều thủ đoạn chính trị.

Nutter đã nói trước với Hưng là Laid rất khôn

ngoan và khéo léo, biết tránh và rất giỏi khi phải lựa đường đi đến mục tiêu. Hưng yêu cầu Laird cho tiếp tục kế hoạch "Vietnamization" giai đoạn II, là yểm trợ những chương trình phát triển kinh tế và đồng thời tiếp tục trang bị quân sự cho miền Nam trên căn bản "một đổi một" của hiệp định Paris. Như vậy, miền Nam dần dần sẽ bớt lệ thuộc vào Hoa Kỳ. Laird đáp: "Lẽ dĩ nhiên, lẽ dĩ nhiên rồi". Thoạt đầu Hưng thấy có thể tin tưởng ở ông này một phần nào. Nhưng càng nói chuyện lâu, Hưng càng thấy ngạc nhiên vì Laird không hiểu thấu đáo về vấn đề Việt Nam hiện tại. Laird lắng nghe kỹ càng và bầy tỏ thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa, nhưng Hưng khó đoán ông ta nghĩ ra sao về vấn đề tiếp tục chương trình "Vietnamization". Hưng xin ngân khoản và quân dụng để trang bị cho hai sư đoàn tổng trừ bị, thêm vào số mười ba sư đoàn đã có sẵn của Việt Nam Cộng hòa.

Laird nói lảng sang những chuyện đại cương, tỉ như ca ngợi lòng dũng cảm của quân đội miền Nam và quyết tâm của nhân dân miền Nam chống Bắc Việt. Mặc dầu Laird ra chiều có thiện cảm, Hưng cảm thấy ông ta đã chỉ muốn rút hết quân ra khỏi Việt Nam. Giờ đây, công việc đã hoàn thành, Laird chỉ muốn phủi tay. Tuy nhiên, ông vẫn hứa hẹn là hết sức tiếp tục yểm trợ Việt Nam Cộng hòa về mọi mặt.

Laird biết rõ về Hưng và nhớ cả chuyện Hưng là học trò của Bộ Trưởng Quốc Phòng Schlesinger.

Laird ca tụng Schlesinger và nói ông này sẽ giúp được nhiều việc trong chương trình canh tân quân đội Việt Nam Cộng hòa. Hưng thấy ngay là Laird muốn chuyển trách nhiệm cho người kế vị ông ta ở Bộ Quốc Phòng. Sau buổi họp, Hưng hỏi Nutter xem ông nghĩ sao về Laird? Nutter mỉm cười đáp: "Bây giờ thì anh đã hiểu hơn rồi"!

Trước khi rời Washington, Hưng yêu cầu một buổi họp với Schlesinger, với tư cách là phụ tá đặc biệt của Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa Anh có cảm tưởng vừa tốt vừa xấu với Schlesinger; khi còn ở đại học Virginia, anh thấy ông này phách lối vô cùng. Và vì cái tính cằn cọc nóng nảy của ông thầy này, Hưng cho rằng ông không ưa người Á Đông. Anh không coi Schlesinger là người bạn của Việt Nam Cộng hòa nhưng so với Kissinger, Schlesinger ít ra cũng ít thủ đoạn, cởi mở và chân thật hơn.

Trên đường đi đến Ngũ Giác Đài trong chiếc xe có tài xế lái của toà Đại sứ, Hưng nghĩ lại chuyện hồi năm 1958, anh và người bạn Nhật Bản của anh, Yoshio Hara, là hai sinh viên Á Đông độc nhất ở phân khoa kinh tế có tiếng của Đại học Virginia. Hưng và Hara cùng cảm thấy lạc loài, nhớ nhà, và chia xẻ với nhau những chuyện ly kỳ và những nỗi khó khăn phải thích nghi với đời sống Mỹ. Hai người đã vi phạm luật cấm nấu ăn ở trong phòng vì đêm đêm đã lén lút thổi cơm ăn với nhau. Một buổi chiều oi bức tháng 7, Hara trở về phòng với dáng ủ rũ khác

thường: Schlesinger đã nói với Hara là anh khó có thể lấy bằng tiến sĩ ở Virginia được. Hưng hỏi tại sao? Hara đáp: "Ông ấy nói đối với các anh thì bằng cao học (M.A) là đủ rồi". Hưng tức giận vô cùng, không những tức cho anh bạn mà còn cho mình nữa. Nếu bằng cao học đã đủ cho anh Nhật Bản rồi, thì đối với anh Mít này thì sao? Anh có lẽ cũng sẽ bị loại ra khỏi chương trình tiến sĩ. Hưng đã gặp khó khăn với Schlesinger trong môn học về lý thuyết tiền tệ. Anh đến gặp Warren Nutter lúc đó cũng dạy ở khoa Kinh tế. Nutter không ưa thích gì Schlesinger, khuyên anh cố gắng theo đuổi chương trình này. Hưng thức đến 3 giờ sáng để học bài mấy tuần lễ liền, cố gắng qua môn của Schlesinger với điểm B là đủ rồi. Cuối cùng Schlesinger cho anh B với 3 dấu trừ kèm theo. Thế là anh đã thỏa mãn.

Hưng còn nhớ rõ năm 1960, buổi tối ngày bầu cử tại Mỹ, các sinh viên cao học kinh tế được mời đến nhà Schlesinger để xem kết quả. Bà vợ tóc đỏ khả ái của Schlesinger nấu nướng cho mọi người ăn uống nhậu nhẹt để đợi kết quả đầu phiếu. Khi các đài TV bắt đầu ước đoán là Kennedy có chiều thắng, Hưng tỏ vẻ thất vọng nhưng Schlesinger thì vui vẻ vô cùng, Hưng tự hỏi Schlesinger là đảng Cộng Hòa mà sao lại vui mừng khi thấy Nixon thua, đó là hồi 1960, thế mà bây giờ (1973) ông lại ở trong chính quyền Nixon, làm sao ông có thể phục vụ Nixon đắc lực được?

Khi chiếc Mercedes tới cổng Ngũ Giác Đài, Hưng quyết định phải thay đổi lối xử sự thầy trò với Schlesinger. Anh ôn lại trong đầu cách lập luận của anh, và anh sẽ nói một cách chậm chạp và khúc chiết. Anh nhớ lại lối giảng bài của Schlesinger, không bao giờ giở sách vở, đi đi lại lại trong lớp để làm sinh viên chú ý, mồm ngậm ống điếu, áo sơ mi lòi ra ở sau lưng, thường mở đầu câu nói bằng: "Tôi thấy hình như rất rõ ràng rằng"... hoặc "Hãy để tôi thử trình bày với các anh, các chị rằng"... Hưng nhớ kỹ những điểm đặc thù đó cùng với sự khôn ngoan anh học được, và những giờ học dài dặc còn in rõ trong tâm trí. Bây giờ anh ngồi đối diện với Schlesinger, không phải là một sinh viên nữa, mà là viên chức của một nước bạn phải lệ thuộc vào Mỹ để tồn tại. Một lần nữa, Schlesinger lại được quyết định để ảnh hưởng đến đời anh.

Hưng ngồi đợi ở phòng ngoài đến mười phút. Anh nói với tướng Wickham, sĩ quan phụ tá của Schlesinger rằng lần sau anh muốn được báo trước nếu buổi họp bị chậm trễ. Schlesinger đứng dậy khỏi bàn giấy để đón Hưng. Trông ông ta không có gì thay đổi cả: sơ mi trần, cà vạt bỏ thòng, sơ mi lòi ra ở sau lưng, răng ngậm chặt ống điếu. Tóc ông bạc và trông già trước tuổi. Lúc đó, ông mới 43 tuổi. "Hãy để tôi trình bầy với anh rằng tình hình"... Schlesinger ngừng lại đây, phì phào khói thuốc mấy lần rồi mới nói tiếp "biến chuyển rất mau". Thật là bí hiểm. Cung

cách và dáng điệu vẫn như năm nào ở giảng đường khi Schlesinger bắt đầu giáo điều cho một anh sinh viên còn bỡ ngỡ. Hưng chuyển lại lời Melvin Laird nói Schlesinger sẽ rất giúp ích cho Việt Nam. Ông đáp lễ bằng: "Lẽ dĩ nhiên" và hỏi về trọng trách của Hưng ở trong chính phủ.

"Nhiệm vụ của tôi là giúp Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa chấn hưng nền kinh tế, không những là tái thiết vật chất mà còn yểm trợ bằng những biện pháp tiền tệ và ngân sách nữa. Để thi hành những biện pháp về tiền tệ, tôi hy vọng có thể áp dụng một số nguyên tắc đã học được của ông như việc thiết lập lãi suất và hối suất một cách cho thực tế". Hưng cố gắng nói chậm chạp để giữ được vẻ trang nghiêm.

Schlesinger cười và trả lời: "Có vẻ thích hợp đấy". Dù anh cố gắng, nhưng vẫn nhận ra rằng mình lại trở lại vai vế sinh viên khó lòng mà đập vỡ cái vỏ Schlesinger được. Schlesinger nói tiếp: "Tôi thấy hình như rất rõ ràng rằng trách nhiệm của anh"..., nhưng lại nghĩ ngợi, thở khói, rồi mới dứt câu: "... nặng nề đấy".

Hưng cũng trình bầy thêm một phần trách nhiệm của anh là giúp Tổng thống trên địa hạt quân viện. Anh muốn nói đến chương trình Enhance Plus tiếp tế quân dụng cho Sài Gòn trước khi ngưng chiến. Chương trình có vẻ bề ngoài hơn là nội dung vì Hoa Kỳ chuyển đến cho quân đội VNCH những quân dụng không thích hợp. Thí dụ phi cơ F-5A

loại cũ cánh bị thủng lỗ mượn của Đài Loan, không thích hợp với không quân Việt Nam. Hưng yêu cầu Schlesinger yểm trợ. Ngoài ra Hưng cũng xin huấn luyện thêm phi công Việt Nam.

Hưng nói tiếp: "Giờ đây quân Bắc Việt rải rác trên khắp lãnh thổ miền Nam. Sự kiện này làm cho những chương trình tái thiết và phòng thủ của chúng tôi gặp nhiều khó khăn". Anh cũng nhắc đến việc Quốc Hội Hoa Kỳ muốn cắt đứt những cuộc oanh tạc ở Cam Bốt và nhất là thái độ chống chiến tranh ở Quốc hội. Schlesinger bầy tỏ cảm tình. "Tôi tin chắc là các anh cầm cự được, nhưng nếu tình hình khó khăn Tổng thống Nixon sẽ ra trước Quốc hội và nhân dân Hoa Kỳ xin yểm trợ cho các anh". Hưng cảm ơn Schlesinger và hứa hẹn sẽ báo cáo với ông Thiệu.

Hưng nhắc nhở Schlesinger rằng ông là người Bộ trưởng Quốc phòng duy nhất của Nixon đã chưa hề thăm viếng Việt Nam Cộng hòa lần nào. Schlesinger hứa sẽ đi thăm và Hưng hứa sẽ đón tiếp ông nồng hậu.

Hưng cũng đến thăm Robert Hill, Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng đặc trách về An Ninh Quốc Tế, Thượng nghị sĩ Ted Kennedy, dân biểu Otto Passman thuộc Ủy ban Ngân sách Hạ viện, và dân biểu Zablocki thuộc Ủy ban Bang giao Quốc Tế Hạ viện. Hưng nhận thấy có sự khác biệt. Một mặt các viên chức trong chính quyền Nixon ai cũng cho rằng

xin viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa tất sẽ gặp nhiều khó khăn nhưng cuối cùng thế nào cũng xin được. Ở Quốc hội thì khác hẳn. Ít ai còn cảm tình với Việt Nam Cộng hòa; mấy ông nghị đều cho rằng quân viện thì khó khăn nhưng viện trợ kinh tế thì có thể kéo dài vài năm nữa. Hưng cũng đến gặp bà Anna Chennault, người vận động cho Trung Hoa Dân Quốc. Bà Chennault nói: "Anh đừng lo, Kissinger sắp xuống dốc rồi".

Khi về tới Sài Gòn, Hưng hy vọng rằng Schlesinger có thể là đồng minh của Việt Nam Cộng hòa ở Hoa Thịnh Đốn vì lúc đó đã thật rõ ràng rằng Kissinger đang muốn chôn hẳn Việt Nam vào dĩ vãng .Hưng đề nghị ông Thiệu chính thức mời Schlesinger thăm viếng Sài Gòn. Anh dự định sẽ đưa Schlesinger đi thăm vùng thực sự có những vi phạm đình chiến của Bắc Việt và sẽ mượn trực thăng của ông Thiệu đưa ông đi thăm đảo Hòn Yến ở ngoài khơi Nha Trang một ngày. Chắc chắn là Schlesinger sẽ thích lắm vì ông ta có cái thú thích ngắm và nghe chim hót; đôi khi ông ngồi dưới gốc cây cả nửa buổi để ngắm vài con chim làm tổ.

Hưng hỏi ý kiến Eric Von Marbod, Đệ nhất Phó phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng đặc trách về An Ninh Quốc Tế, người coi về tiếp vận cho Việt Nam Cộng hòa. Nutter giới thiệu Von Marbod cho Hưng, và ông này rất hiểu biết những vấn đề liên quan đến Việt Nam. Anh gặp Von Marbod nhiều lần khi anh

đến thăm Nutter. Bây giờ Von Marbod là người thân cận của Schlesinger. Hưng thảo một lá thư để ông Thiệu gởi cám ơn Schlesinger về những "nỗ lực cao quí của ông nhằm thi hành những cam kết của chính phủ Hoa Kỳ đối với sự ổn định tình hình quân sự, chính trị, và kinh tế của Việt Nam".

Hung đề nghị với ông Thiệu gởi lá thư cho Schlesinger nhưng ông lưỡng lự vì sợ làm phật lòng Kissinger. Ông Thiệu dặn Hưng nên gởi công điện cho Schlesinger qua Von Marbod, cảm ơn ông ta và hứa sẽ gửi thư chính thức mời một tuần lễ trước khi ông sẵn sàng sang Sài Gòn. Thiệu không muốn gởi thư chính thức vì ông muốn ăn chắc, ông sợ lời mời bị từ chối; ông đã không biết rằng vì tình hình chính trị nội bộ ở Washington lúc đó, lời mời của Việt Nam Cộng hòa sẽ làm Schlesinger mạnh hơn để đương đầu với Kissinger. Nếu chỉ mời miệng thôi, thì rất khó cho Schlesinger có thể tránh được sự phản đối của Kissinger. Kissinger không muốn ai khác trong chính phủ đóng vai trò chính yếu trong chính sách Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Von Marbod cho Hưng biết Schlesinger nhận lời mời và dự tính sang thăm Việt Nam vào năm 1974. Tuy nhiên, cứ mỗi lần Hưng đề nghị hành trình thăm viếng thì cuộc thăm viếng lại bị hoãn lại. Ông Thiệu tin rằng Kissinger cản trở việc này. Sau lần hoãn thứ ha, Hưng nói với Thiệu: "Từ khi Agnew sang đây, tôi đoán Washington không muốn cho nhân vật cao cấp

nào trong chính phủ liên lạc với chúng ta nữa". Ông Thiệu không trả lời, lấy điếu xì-gà Schimmelpennick ra hút, thở khói, và mỉm cười như ra chiều muốn nói: "Anh thấy chưa? Tôi đã bảo đừng gởi thư mời chính thức".

*
* *

Ngày 30, tháng 8, 1973 Thiệu nhóm họp Hội đồng Chỉ đạo Tối cao tại Dinh Độc Lập. Ông phân tích tình hình quân sự và tiên đoán rằng trong năm 1973 và 1974, mục tiêu của Cộng sản sẽ chỉ là phá hoại chương trình tái thiết kinh tế và mở một chiến dịch "tấn công toàn diện" chứ không phải một cuộc "tổng tấn công". Chúng sẽ đánh phá khắp nơi nhưng không đánh lớn đủ để kích thích sự trả đũa của Mỹ. "Chúng sẽ đợi cho đến khi sắp có bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm 1976 mới tấn công đại quy mô. Chắc chắn như vậy rồi". Thiệu kể lại những cuộc tổng tấn công của Cộng sản thường xẩy vào những năm tổng tuyển cử tại Mỹ như năm 1964, Tết Mậu Thân 1968, và mùa hè đỏ lửa 1972. Thiệu cho rằng có thể năm 1975 chúng sẽ bắt đầu cuộc tấn công và sẽ lên tới nhịp độ cao nhất vào năm 1976 là năm Ford ra ứng cử. Tiên đoán khá trúng về chiến dịch của Bắc Việt, ông Thiệu và các tướng lãnh cao cấp bắt đầu hết sức lo ngại vì bỗng nhiên Quốc hội Hoa Kỳ đã bắt Tổng Thống Nixon phải ngưng dội bom tại Cam Bốt kể từ ngày 15 tháng 8, 1973. Trong khi đó thì Thượng

nghị sĩ Kennedy đổ dồn nỗ lực vào việc cắt viện trợ quân sự và kinh tế. Không khí khó thở đang bao trùm Sài Gòn, và vụ Watergate đang làm yếu dần uy thế Nixon. Không ai xét đến nhu cầu của Việt Nam Cộng hòa khi quân Mỹ đã rút khỏi miền Nam. Ngày 8 tháng 3, Nixon viết thư cho Chủ tịch Hạ viện và lãnh tụ phe đa số ở Thượng viện để kháng cự việc bắt ngưng oanh tạc Cam Bốt như sau:

"Tôi chỉ có thể hy vọng rằng Bắc Việt không đi đến kết luận nhầm lẫn là vì hành động này của Quốc hội mà họ có thể mở những cuộc tấn công trên những vùng đất khác ở Đông Dương. Bắc Việt sẽ mắc phải lỗi lầm vô cùng nguy hiểm nếu họ cho rằng cuộc ngưng oanh tạc ở Cam Bốt là lời mời gọi để họ vi phạm Hiệp định Paris. Nhân dân Hoa Kỳ sẽ trả đũa những cuộc xâm lăng đó một cách thích đáng.

Trong một bữa ăn trưa của phiên họp nội các, một tổng trưởng hỏi Hưng: "Tại sao Nixon lại viết "tôi chỉ có thể hy vọng rằng Bắc Việt không đi đến kết luận nhầm lẫn? Ý ông ta muốn nói gì? Tại sao lại chỉ có thể hy vọng? Thật là lạ lùng như thể ông ta viết cho Sài Gòn chứ không phải cho Quốc hội. Lá thư Nixon viết cho Quốc hội Mỹ thì chẳng có nghĩa gì. Ông ta nói "Nhân dân Hoa Kỳ sẽ trả đũa nhưng còn ông Tổng thống mà họ bầu ra thì sao? Tại sao không trả đũa"?

*

* *

Khi Hưng bắt đầu tham dự những buổi họp cao cấp, anh thấy ngay rằng tinh thần tướng lãnh và quân đội bắt đầu suy sụp quá lẹ kể từ khi có tin rằng viện trợ Mỹ bắt đầu đổi chiều. Dư luận thế giới thường chỉ trích Việt Nam Cộng hòa là có trên một triệu quân mà không đánh được Cộng sản. Nhưng nhìn vào con số trên một triệu quân tại ngũ, đa số lại là lực lượng địa phương thuộc Nghĩa Quân và Địa Phương Quân. Ta thường có cảm tưởng là Việt Nam Cộng hòa có ít nhất cũng có nửa triệu quân chiến đấu, nhưng thực sự lực lượng chiến đấu chỉ có 13 sư đoàn, vào khoảng 150.000 quân trong đó phải kể khoảng 20.000 lính ma, lính kiểng. Nếu kể cả 62.000 không quân và 39.000 Hải quân thì quân đội Việt Nam Cộng hòa tác chiến với tỷ số 1 trên 5: một người đánh giặc, năm người yểm trợ, giống hệt như quân đội Hoa Kỳ vậy. Công tác yểm trợ bao gồm an ninh lãnh thổ, tiếp liệu, truyền tin, tình báo, y tế, trọng pháo và công binh. Lực lượng yểm trợ này rất nặng nề. Nhược điểm này càng bộc lộ kể từ ngày ngưng chiến.

Lực lượng 150.000 quân chiến đấu này rất nhỏ bé so với 230.000 quân chính quy Bắc Việt đã có mặt tại miền Nam. Bởi vậy, theo nghĩa kế toán thì đúng là ta có trên một triệu quân, nhưng nói về khả năng chiến đấu thì số đó quá ít ỏi.

Đa số lực lượng lãnh thổ chỉ dùng để chống du kích và giữ an ninh địa phương, chứ không được

huấn luyện và trang bị để đương đầu với cấp sư đoàn của Bắc Việt có chiến xa Nga yểm trợ.

Nhìn lại lịch sử thì điểm yếu của quân lực Việt Nam Cộng hòa đã nằm ngay trong cách tổ chức và phân chia trách nhiệm từ hồi đầu khi Mỹ mới tham dự vào chiến trường miền Nam: quân đội Việt Nam Cộng hòa chỉ được trao cho trách nhiệm phòng thủ diện địa hơn là tấn công hay lưu động tác chiến. Trong nhiều năm, nhiệm vụ chiến đấu đã được quân đội Hoa Kỳ tự nhận lãnh. Mãi tới năm 1969, chương trình Việt Nam hóa (Vietnamization) mới được thực hiện để thực sự võ trang và xây dựng quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ngoài ra, công thức "Vietnamization" lại được tổ chức rập khuôn theo kiểu Hoa Kỳ: dựa vào hai yếu tố cơ bản là hỏa lực và lưu động tính.

Ngày 8 tháng 3, 1965 khi đơn vị đầu tiên của Thủy Quân Lục chiến Hoa Kỳ gồm 3.500 binh sĩ đổ bộ lên Đà Nẵng, nhiệm vụ chính của họ là để giữ an ninh cho phi trường Đà Nẵng. Thế rồi Tướng Westmoreland đòi thêm quân và được Washington chấp thuận. Lúc đó, các nhà lãnh đạo dân và quân sự mới bàn cãi đến nhiệm vụ của Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) tại Việt Nam: họ nên được xử dụng để đương đầu với quân chính quy Bắc Việt hay chỉ để giữ an ninh Đà Nẵng và các vùng duyên hải, gọi là các cứ địa (enclaves)? Chiến lược dùng TQLC để chỉ phòng vệ các cứ địa được tướng Maxwell Taylor

– lúc đó là đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn đề ra, chủ trương giới hạn hoạt động của quân Mỹ vào việc phòng vệ vùng duyên hải nhằm hạn chế sự can thiệp, và để giữ cho con số tổn thất nhân mạng của Mỹ ở mức độ thấp, đồng thời vẫn chứng tỏ quyết tâm của Hoa Kỳ. Theo chiến lược này, quân đội Việt Nam Cộng hòa sẽ được trang bị và lãnh nhận trách nhiệm chính yếu tại chiến trường.

Chiến lược này được tướng James Gavin cải thiện hồi 1966. Tướng Gavin cho rằng nếu Hoa Kỳ muốn bảo vệ toàn cõi miền Nam thì phải xử dụng rất nhiều quân và tiếp tục oanh tạc Bắc Việt. Sự can thiệp đại qui mô như vậy, có thể sẽ lôi Trung Cộng vào vòng chiến. Gavin đề nghị quân đội Mỹ chỉ phòng vệ một số những cứ địa duyên hải, ngưng oanh tạc Bắc Việt và tìm giải pháp thương thuyết.[10]

Nếu kế hoạch Taylor được áp dụng thì đã có lợi cho Việt Nam Cộng hòa rất nhiều. Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã được võ trang, huấn luyện để đương đầu với quân Bắc Việt ở vùng Cao nguyên và dọc khu giới tuyến. Như vậy, Quân lực Việt Nam Cộng hòa đương nhiên trở thành lực lượng chiến đấu ngay từ những năm đầu của cuộc chiến. Có rất nhiều người ủng hộ chiến lược này, kể cả William Bundy, Phụ tá Tổng Trưởng Ngoại Giao đặc trách về Viễn đông vụ. Về phía Việt Nam có tướng Trần Văn Đôn và Tướng Cao Văn Viên.

Nhưng rủi ro thay! Giới quân sự Mỹ thì lại muốn

xử dụng quân đội của họ để đương đầu thẳng với quân Bắc Việt và Việt cộng. Chiến lược điều quân này được các tướng Westmoreland, tư lệnh chiến trường, tướng Earl Wheeler, Tổng tham mưu trưởng Liên quân, và tướng Harold Johnson, Tham mưu trưởng Lục quân, hưởng ứng. Các tướng lãnh này cho rằng muốn chiến đấu hữu hiệu, người lính Mỹ phải biết quân địch ở chỗ nào.

Năm 1964, khi mới được bổ nhiệm vào chức vụ Tư lệnh Bộ tư lệnh Quân viện Hoa Kỳ tại Việt Nam (COMUSMACV), tướng Westmoreland tuyên bố: "Căn bản đề nghị của tôi là quân đội Hoa Kỳ phải được xử dụng trong những cuộc hành quân tấn công. Đứng trên phương diện chiến lược, nhiệm vụ chúng ta là bảo vệ Việt Nam Cộng hòa. Câu phương châm: "Tấn công cho mạnh là cách phòng thủ tốt nhất" (A good offense is the best defense) phải được áp dụng tại Việt Nam cũng như nó đã được áp dụng tại các nơi khác, trong suốt lịch sử chiến tranh".[11]

Để giải quyết vấn đề tranh chấp giữa hai bên một buổi họp cao cấp được tổ chức tại Honolulu ngày 20 tháng 4, 1965 để bàn định. Về phía dân sự có Bộ trưởng quốc phòng McNamara, John McNaughton, Phụ tá Tổng trưởng về An Ninh Quốc Tế, và William Bundy, Phụ tá Bộ trưởng Ngoại giao Đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương. Về phía quân sự có mặt Đại sứ Maxwell Taylor, tướng Westmoreland, tướng Wheeler, và Đô đốc Sharp, Tư lệnh Thái Bình

Dương. Nhóm này đề nghị với Tổng Thống Johnson gởi thêm 82.000 quân sang Việt Nam, đóng ở vùng duyên hải. Thế rồi, chưa đầy hai tháng, sau nhiều cuộc thất trận của quân đội Việt Nam Cộng hòa ở miền Cao nguyên Trung phần, vào ngày 13 tháng 6, Tổng Thống Johnson chấp thuận đề nghị này. William Bundy gởi công điện cho Đại sứ Taylor ở Sài Gòn để thông báo quyền hạn mới của tướng Westmoreland: ông sẽ được quyền điều động quân đội Hoa Kỳ "tùy theo tình hình đòi hỏi, theo lời yêu cầu của cấp chỉ huy hữu quyền Việt Nam Cộng hòa, và khi Bộ Tư lệnh Quân viện Hoa Kỳ nhận thấy cần thiết để tăng cường cho quân đội Việt Nam Cộng hòa".

Công điện lịch sử này của Bundy đánh dấu một giai đoạn mới của cuộc chiến và những cam kết mới của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Ảnh hưởng tức thời của quyết định này là dư luận Hoa Kỳ bắt đầu có phản ứng chống đối vì số thương vong của quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam bắt đầu lên cao. Quyết định đó cho phép tướng Westmoreland điều động quân đội tác chiến ở miền Nam. Chiến lược "Lùng và Diệt Địch" được khai sinh từ đó.

Quân đội Hoa Kỳ bắt đầu nắm vai trò chủ động trong trận chiến, đi lùng những đơn vị lớn của địch để tấn công tiêu diệt. Chiến lược này đương nhiên làm giảm vai trò của quân đội Việt Nam Cộng hòa xuống hàng thứ yếu là chỉ để bảo vệ an ninh và chống du kích lẻ tẻ ở địa phương. Một sự phân chia

rõ ràng về nhiệm vụ được thi hành: Quân Hoa Kỳ đương đầu với lực lượng chủ lực của Bắc Việt ở Cao nguyên trong khi quân đội Việt Nam Cộng hòa giữ an ninh lãnh thổ ở vùng duyên hải, các thành thị và vùng châu thổ. Cho nên từ đó mới có chuyện khôi hài mỉa mai của người Mỹ đi "Lùng và Diệt Địch" (Search and Destroy) trong khi quân đội VNCH đi "lùng và lẩn địch" (Search and Avoid).

Chiến lược "Lùng và Diệt Địch" lệ thuộc nặng nề vào sự di động bằng trực thăng và hoả lực yểm trợ của đại pháo và phi cơ oanh tạc; các đơn vị Việt Nam đôi khi được dự trận cùng với người Mỹ rất khâm phục lối đánh trận kiểu Mỹ này. Từ tướng lãnh tới binh sĩ học ngay được ba câu thần chú: Trực thăng, không yểm, và hỏa lực.

Công điện của Bundy lập tức gia tăng đà lệ thuộc của người Việt. Hễ có chuyện gì là các đơn vị trưởng chiến trường gọi ngay oanh tạc Mỹ tới để cứu nguy, và khi quân đội di chuyển thì cũng có đầy đủ trực thăng của Mỹ.

Thái độ lệ thuộc này phát triển rất mau và kéo dài suốt cuộc chiến, rồi cuối cùng không bỏ được nữa. (Khi triệt thoái khỏi Pleiku và Kontum, tướng Phú xin thêm trực thăng, nhưng hơn một nửa số trực thăng đã bị tê liệt vì đã bị hư hỏng hoặc bị bắn rơi, khiến quân của ông bị kẹt cứng trên trục lộ 7B). Ngoài ra, quyết định không thành lập Bộ chỉ huy hỗn hợp Việt-Mỹ (như ở Đại Hàn hay Hiệp ước Bắc

Đại Tây Dương – NATO) cùng với lối phân nhiệm chiến lược này cũng đã thu gọn vai trò của quân đội Việt Nam Cộng hòa trong nhiệm vụ an ninh lãnh thổ thụ động. Quân đội không có cơ hội phát triển khả năng tác chiến linh động để thay thế quân đội Hoa Kỳ khi họ rút lui. Kinh nghiệm chiến trường của người Việt đều rút tỉa từ kinh nghiệm của người Mỹ: di động bằng trực thăng, yểm trợ tiếp cận của không quân, và hỏa lực vô tận. Đến khi Mỹ rút đi, quân đội chới với, không có chiến lược khác để thay thế. Rồi đến khi quân viện bị cúp, thì lại hết cả di động tính lẫn hỏa lực.

Chương trình Việt Nam Hóa (Vietnamization) bắt đầu từ 1969, nhằm mục đích rút quân Hoa Kỳ ra khỏi chiến trường Việt Nam, đồng thời trang bị quân đội Việt Nam Cộng hòa để thay thế, ngõ hầu, theo lời Nixon, tạo cho Việt Nam Cộng hòa "một cơ hội tạm đủ để tự cứu". Trước thời Nixon, một danh từ vụng về khác được dùng là "de-Americanization of the war" (giải kết vai trò Mỹ trong cuộc chiến). Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Melvin Laird là cha đẻ của kế hoạch "Vietnamization". Ông ta phổ thông hóa danh từ này hồi tháng ba, 1969 khi nói tới chương trình "canh tân quân đội Việt Nam Cộng hòa trên căn bản thực tiễn" do ông đề xướng.[12]

Ông Thiệu nói rằng từ đầu ông đã đả phá danh từ "Vietnamization". Ông cho rằng danh từ này có nghĩa là Mỹ đánh giặc, bây giờ Việt Nam mới đánh;

nó phủ nhận vai trò của Việt Nam Cộng hòa trong trận chiến này. Người Việt như đi đánh giặc mướn thay vì chiến đấu để bảo vệ xứ sở của mình. Hồi 1950, người Pháp cũng dùng danh từ "Vietnamisation" để chỉ những nỗ lực của họ xây dựng chính quyền và quân đội Quốc gia Việt Nam. Nhưng sau danh từ đó bị loại bỏ và thay thế bằng danh từ "canh tân hóa" (modernisation).

Ngày 15 tháng 11, 1973, ông Thiệu công khai yêu cầu báo chí Việt ngữ không được dùng danh từ "Vietnamization" vì không muốn để Bắc Việt có cớ tuyên truyền tố cáo Hoa Kỳ đã chuyển cuộc chiến này sang tay "bù nhìn đánh giặc mướn". Thiệu muốn cùng danh từ "canh tân hóa" hay "trang bị quân đội Việt Nam Cộng hòa", nhưng tiếng "Vietnamization" đã quá thông dụng.[13]

Mặc dù sự hăng hái của Bộ trưởng Laird, phía Việt Nam cho rằng chương trình này đã bắt đầu quá trễ. Nếu chương trình "Vietnamization" bắt đầu từ năm 1965, thì quân đội Việt Nam đã có thể lợi dụng sự hiện diện của Hoa Kỳ để phát triển, sẵn sàng đảm nhiệm trách nhiệm phòng thủ miền Nam khi Hoa Kỳ rút đi. Nhưng chương trình này chỉ bắt đầu năm 1969, trong khi đó thì quân đội Mỹ lại triệt thoái với nhịp độ quá nhanh đến độ chỉ trong vòng hơn một năm trời mà quân đội Việt Nam đã phải huấn luyện và trang bị để lãnh hoàn toàn trách vụ trên. Eric Von Marbod phê bình chương trình này như chuyện làm

chín người đàn bà có bầu cùng một lúc để có thể sinh ra một đứa trẻ trong 1 tháng.

Ngay khi sự trang bị quân đội vừa có đôi chút tiến bộ thì Cộng sản lại mở trận tổng tấn công mùa Xuân 1972, nhằm tiêu diệt nỗ lực đó. Mặc dù từ cuối năm 1972, hai chương trình Enhance và Enhance Plus đổ gần một tỷ đô la quân dụng và võ khí vào miền Nam, nhưng chưa bao giờ Hoa Kỳ cung cấp *khả năng tiếp vận* cho quân đội Việt Nam Cộng hòa cả. Nhiệm vụ tối quan trọng nhưng phức tạp này bao gồm việc tồn trữ quân dụng, sửa chữa, phân phối, kiểm kê, chuyển vận khi tác chiến và nhất là quản trị và bảo trì quân dụng. Bảo trì phi cơ hay ra-đa là cả một vấn đề.

Khi người Hoa Kỳ còn ở Việt Nam, nhiệm vụ này do Bộ tư lệnh quân sự của họ đảm nhiệm với sự yểm trợ do khế ước với các công ty tư nhân Mỹ. Khi quân đội Hoa Kỳ triệt thoái, các công ty này cũng ra đi luôn! Chẳng hạn như công ty Page Communications, chi nhánh của Northrop Corp. bảo trì hệ thống ra-đa và các hệ thống truyền tin khác. Vào mùa hè năm 1974, khi tình trạng quân dụng đã hư hỏng nhiều, Hưng điều đình với công ty Page Communications để họ bảo trì ra-đa và các phi cảng quân sự, nhưng chính phủ không có ngân khoản để trả họ. Do đó, phần lớn hệ thống ra-đa ở Cao nguyên và dọc theo duyên hải đã bất khiển dụng, kể cả các dàn ra-đa đặt trên các chiến hạm nữa.

Cũng trong mùa hè 1974, Hưng đi thăm một khu

trục hạm Hải quân ở Phú Quốc. Bề ngoài chiến hạm này trông còn có vẻ rất tốt, nhưng người hạm trưởng cho biết nó đã hỏng máy ra-đa và anh ta có xin cơ phận để sửa từ sáu tháng nay mà không có. Đại tá HQ Phạm Gia Luật, chỉ huy trưởng lực lượng phòng vệ duyên hải Vùng 4 Chiến Thuật phàn nàn: "Chúng tôi như những chiếc thuyền nổi vậy. Đạn dược hạn chế, dầu nhớt khan hiếm, và không có ra- đa... Tinh thần thủy thủ đoàn rất thấp, phần ăn kém cỏi đến độ khi rượt tàu của cộng sản chạy về hướng hải phận Cam Bốt, tôi đã phải nhắm mắt lại để lính cặp tàu vào bờ, lùa một số bò lên tàu để nhậu".

Kết quả thật sự của chương trình "Vietnamization", thay vì làm cho Việt Nam dần dần tự túc, lại làm cho ta lệ thuộc vào Mỹ nhiều hơn về tiếp liệu. Thí dụ như miền Nam đã không có khả năng sản xuất đạn dược. Hưng có lần hỏi Thiệu tại sao miền Nam không có xưởng làm đạn M-16, nhưng ông nói: "Người Mỹ nhất định cho rằng mang đạn từ Mỹ sang rẻ hơn". Khả năng tự túc cũng được tính theo kiểu lời lãi! Càng lệ thuộc bao nhiêu, khi họ buông tay ra mình càng chóng chết bấy nhiêu.

Năm 1974, quân đội Việt Nam tính ra có 127.000 món hàng phải xin tiếp liệu của Mỹ cho bộ Binh, 192.000 món cho không quân và 62.000 cho hải quân. Hầu hết những món này lại đang ở trong tình trạng khan hiếm vì chiến tranh Do Thái. Nhịp độ chậm chạp của chương trình "Vietnamization" đã

đưa tới sự thiếu sót của việc thành lập một hệ thống tiếp vận cho Việt Nam. Trong thời chiến quân đội Việt Nam Cộng hòa lại kém quân Bắc Việt về trang bị. Điển hình là khẩu tiểu liên xung phong AK-47 là trang bị tiêu chuẩn của người lính Bắc Việt. Mãi đến 1968, sau ba năm kém cỏi về hỏa lực, người lính Việt Nam Cộng hòa mới được trang bị M-16, là khẩu súng tương đương với AK-47. Một thí dụ khác là chiến xa M-48 và trọng pháo cơ động 175 ly được trang bị cho quân đội Việt Nam Cộng hòa sau khi Bắc Việt đã tung hoành với chiến xa T-54 và đại pháo 130 ly. Hỏa tiễn chống chiến xa chỉ được trang bị sau khi địch quân đã nhiều lần điều động chiến xa trên chiến trường. Tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ binh giải thích: "Địch quân bao giờ cũng làm ta bất ngờ vì sự chênh lệch về trang bị này".[14]

Bộ Tổng tham mưu tìm cách xin trang bị cho hai sư đoàn bộ binh mới vì Việt Nam Cộng hòa không còn quân trừ bị lưu động trong khi Bắc Việt có 7 sư đoàn trừ bị có thể ném vào chiến trường miền Nam bất cứ lúc nào. Từ năm 1969 trở đi, Hoa Kỳ liên tục từ chối yêu cầu này. MACV (Bộ Tư Lệnh Quân viện Hoa Kỳ tại Việt Nam) khước từ đơn xin với lý do tốn kém. Thay vào đó, họ đề nghị tăng cường đơn vị địa phương quân và nghĩa quân cho đỡ tốn kém.[15] Lý do chính vẫn là vì sự phân nhiệm lúc ban đầu: quân Mỹ đương đầu với quân chính quy Bắc Việt trong khi

quân Việt chỉ bảo vệ an ninh lãnh thổ và bình định nên không cần võ trang tối tân. Khi quân Mỹ rút đi, Việt Nam Cộng hòa chỉ có 2 sư đoàn tổng trừ bị là Dù và TQLC; cả hai đều bị cầm chân ở phía Bắc để phòng thủ khu giới tuyến và Vùng 1 chiến thuật.

Tháng 4, 1972, ông Thiệu chỉ thị cho Hưng đề nghị với Hoa Kỳ xin thành lập hai sư đoàn mới. Anh đi gặp các viên chức của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ. Khi quân đội Hoa Kỳ còn ở Việt Nam thì câu trả lời là: "Các anh không cần đến hai sư đoàn đó". Khi họ rút đi rồi thì câu trả lời là: "Việc đó quá tốn kém". (Vì vậy, khi Bắc Việt mang thêm 7 sư đoàn trừ bị vô để mở cuộc tổng tấn công 1975 thì cán cân lực lượng đã quá chênh lệch).

Chương trình "Vietnamization" còn tạo ra một vấn đề về tổ chức cơ cấu nữa. Trước kia, cơ quan MACV hùng hậu, với hơn 6.000 nhân viên điều hành là đầu não của cả hệ thống chỉ huy, kiểm soát, phối hợp và điều quân với các phương tiện tình báo tối tân, thiết kế, và tiếp vận tinh vi. Cả hệ thống nhân viên và điện toán này đã biến mất sau Hiệp định Paris. Cơ quan DAO thay thế MACV chỉ để phối hợp *nhu cầu* viện trợ mà thôi. Bộ Tổng tham mưu quân lực Việt Nam Cộng hòa đúng ra là phải thay thế MACV để làm những công việc đó, nhưng một đàng thì không có phương tiện, một đàng lại vẫn thụ động như xưa nên không thích nghi được với hoàn cảnh mới. Bộ Tổng tham mưu vì không có kinh

nghiệm thiết kế nên vấn đề điều hành cũng không có gì thay đổi khác lúc MACV còn hoạt động. Quyền hành quân nằm trong tay bốn Tướng Vùng và không được phối hợp từ trung ương.

Mùa hè 1973, Hưng đi thăm Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương của Hoa Kỳ (CINCPAC) được Đô đốc Noel Gaylor thuyết trình về tổ chức này. Anh biết rõ và khâm phục cách tổ chức của họ trong phòng Tình Hình. Các biểu đồ trình bày rõ ràng tổ chức và tình trạng các lực lượng ở Việt Nam. Đô đốc Gaylor chỉ trên tấm bản đồ khổng lồ căng trên tường những căn cứ quân sự Bắc Việt và những nơi tập trung quân của họ cả ở Bắc lẫn Nam. Hưng nhận thấy người Mỹ vẫn còn nhật tu tình hình, và Gaylor cho biết họ vẫn còn theo dõi ráo riết các hoạt động quân sự của Bắc Việt.

Hưng nói: "Tôi chắc là Bộ Tổng tham mưu của chúng tôi cũng có hệ thống để theo dõi địch quân và phối hợp những hoạt động quân sự hàng ngày với các chỉ huy trưởng chiến trường". Gaylor mỉm cười và đồng ý! Lúc đầu Hưng tránh tham dự vấn đề thiết kế quân sự, tưởng rằng các tướng lãnh Việt Nam cũng đang tiến tới tự túc tự cường về quân sự. Nhưng anh đã lầm. Trên thực tế, mỗi vị tư lệnh Vùng là một hòn đảo và ông Thiệu giữ đường dây liên lạc với họ. Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa không có guồng máy hữu hiệu để điều khiển chiến tranh. Đó chỉ là một cơ quan hành chánh do một ông Phụ

Tá Tổng Trưởng điều khiển. (Chức Tổng trưởng QP do Thủ tướng Khiêm giữ).

Thoạt đầu, Hưng có cảm tưởng rất tốt đối với Đại tướng Viên. Ông có vẻ chân thật, lại là người yêu nước, tận tụy với công vụ, và đã liều mạng trung thành với Tổng Thống Diệm trong những năm 60 cho đến phút chót. Ông trông người tráng kiện và có dáng dấp chỉ huy. Lúc nào Hưng cũng tưởng tướng Viên và bộ tham mưu của ông kiểm soát được mọi vấn đề quân sự. Mỗi khi thấy hàng rào dây kẽm gai chắn ngang Đại lộ Công Lý để xe của tướng Viên chạy vô Dinh, Hưng lại thấy người lên tinh thần. Mỗi khi thấy hàng xe jeep đậu dưới rặng me cao ở trước Dinh Độc Lập, Hưng cho rằng các vị chỉ huy đang thảo luận những vấn đề quân sự cao xa ngoài tầm hiểu biết của mình. Cho mãi đến cuối năm 1974 và đầu năm 1975, khi Hưng dự những buổi họp quân sự để ghi chép cho ông Thiệu, anh mới nhận ra rằng Đại tướng Viên đôi khi trả lời ông Thiệu một cách lờ mờ và có vẻ như không nắm vững tình hình. Thế nhưng, trong tập hồi ký, Đại tướng Viên lại đi đến kết luận là ông Thiệu đã quyết định lấy một mình và Bộ Tổng tham mưu chỉ đóng vai trò cố vấn theo như hiến pháp.[16] Hưng bắt đầu lo ngại vì thấy các nhà lãnh đạo quân sự không có nghiên cứu kỹ càng hoặc có kế hoạch rõ ràng do trung ương thực hiện, theo dõi và điều hành. Theo tướng Trưởng thì mỗi khi lấy quyết định quân sự, ông Thiệu thường quay

sang Đại tướng Viên và hỏi: "Đại tướng nghĩ sao"? Chỉ khi Đại tướng Viên gật đầu và tán đồng thì ông Thiệu mới quyết định.[17]

Mặc dù với tất cả những điểm yếu trên, trong năm 1973, quân đội Việt Nam Cộng hòa cũng đã chiến đấu một cách khả quan với hy vọng có thể vượt qua được những khó khăn của chương trình "Vietnamization". Ngay tới mùa xuân 1974, việc phòng thủ miền Nam cũng đã tiến hành một cách tốt đẹp. Lý do chính của sự thành công đó là sự viện trợ Hoa Kỳ tuy đã bị giảm sút nhưng vẫn còn tiếp tục và các căn cứ tiếp liệu của Bắc Việt ở Cam Bốt đã bị oanh tạc liên miên cho mãi đến tháng 8, 1973. Trong năm 1973, có ba trận tấn công lớn của Bắc Việt. Mục đích của những cuộc tấn công này là để giữ an ninh cho những ngả xâm nhập của đường dây tiếp vận yểm trợ cho cuộc tấn công đại qui mô vào miền Nam. Trong mỗi trận đánh đó, các sư đoàn Việt Nam đều chiến đấu hăng say và đẩy lui được địch quân.[18] Quan điểm chung là khi chạm trán nhau, sư đoàn với sư đoàn, quân lực Việt Nam Cộng hòa vẫn có thể cầm chân được quân Bắc Việt nếu có hỏa lực và di động tính.

Dù đã lập được nhiều chiến công, quân đội cũng đã phải gánh chịu một mức tổn thất hết sức nặng nề. Tới tháng 6, 1974, số tổn thất này đã lên tới 160.000 người, trong đó có 42.000 tử thương, 109.000 trọng thương và 10.000 mất tích. Mức này rất cao, khi so sánh với số tổn thất trong những năm trước: trong

khoảng 1965-1967 khi quân đội Hoa Kỳ còn chiến đấu, số tổn thất của Việt Nam Cộng hòa trung bình chỉ có 17.000 một năm. Trong những năm "Vietnamization", số đó tăng lên 76.000 một năm, trừ năm 1972, vì cuộc chiến mùa hè đỏ lửa, tổn thất đã lên tới 150.000 người. Thế mà mức độ này vẫn còn thấp hơn là mức thiệt hại của những năm Hoà Bình Danh Dự, 1973-1974.

Với nền kinh tế bị suy sụp, với tổ chức quốc phòng lỏng lẻo, và với mức chiến tranh càng ngày càng gia tăng, trước mức quân viện và kinh viện ngày một sụt giảm, tình hình chính trị lại bắt đầu chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn của chống đối và bất an bắt đầu từ mùa hè 1974. Tất cả những yếu tố đó, đã đưa tới một cơn khủng hoảng, dường như báo hiệu giờ phút chót của "Khoảng thời gian coi được" đã gần kề.

chương XIV
như một giấc mơ

Vào lúc đêm đình chiến (27 tháng 1, 1973), 6 chiếc tàu chở đầy đạn dược đang thuận buồm xuôi gió trên Thái Bình Dương tiến vào hải phận Việt Nam, bỗng được lệnh quay trở về Hoa Kỳ. Số đạn dược dự trữ kể như vẫn còn tồn kho theo sổ sách cũ, nhưng thật ra đã không tới nơi. Thế là 55.000 tấn đạn vô cùng cần thiết cho Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã bị mất đi một cách quá máy móc. Bí mật này, do tướng Murray tiết lộ, cho tới nay cũng ít ai hay.

Thế rồi, ngày 19 tháng 12, 1973, tướng Murray lại nhận được công điện từ Bộ Quốc Phòng cho hay Quốc Hội sẽ cắt rất nhiều viện trợ cho Đông Dương trong 6 tháng còn lại của tài khóa 1974. Tài khóa này chấm dứt ngày 30 tháng 6, 1974. Bộ Quốc Phòng cũng yêu cầu tướng Murray đề nghị những chương trình nào phải cắt giảm để phù hợp với ngân khoản mới. Đồng thời, Bộ Lục quân, chẳng đợi Quốc hội hành động, đã bắt đầu cắt ngay ngân khoản điều

hành và bảo trì cho Việt Nam trong cả tài khóa 1974. Họ muốn dùng ngân khoản này cho những mục tiêu khác.[1] Lúc đó, chiến tranh Do Thái - Ai Cập đang tiến diễn; tài nguyên của Quốc phòng cần phải dồn về Trung Đông! Khi tướng Murray nhận được tin này, ông báo ngay cho Đại sứ Martin và nhờ ông Đại sứ thông báo cho phía Việt Nam biết. Nhưng Martin không bằng lòng, bảo Murray phải giữ kín tin này, vì nó có thể gây ra nhiều xao động về mặt chính trị.[2]

Ngày 26 tháng 12, Đại sứ Martin kêu gọi trực tiếp tòa Bạch Ốc can thiệp về việc cắt giảm này. Quốc hội đã cắt ngân khoản từ 1.126 triệu xuống còn 900 triệu Mỹ kim. Ông Martin trình xin giữ ngân khoản cũ, và còn xin thêm 494 triệu. Tổng số ngân khoản đề nghị là 1.620 triệu; theo ông, đó là mức viện trợ khả dĩ giữ đúng lời cam kết của Hoa Kỳ. Trong đơn xin này, ông Martin đã khôn khéo dùng lời lẽ nhắc tới những cam kết và hứa hẹn của Hoa Kỳ, cùng chi tiết về cách xử dụng ngân khoản.[3]

Trong khi Washington cân nhắc những con số, tướng Murray bắt đầu báo động cho phía Việt Nam biết từ đầu tháng giêng, 1974 là phải tiết kiệm đồ tiếp liệu, nhất là đạn dược. Murray họp với các tướng Cao Văn Viên và Đồng Văn Khuyên, Tổng tham mưu phó tiếp vận về vấn đề này và tuy không đi vào chi tiết, nhưng Murray cũng muốn cho phía Việt Nam nhận thức được sự cắt giảm. Từ trước đến nay, ông vẫn nói với Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng

hòa là "các ông sẽ được tiếp tế đầy đủ như chúng tôi đã hứa", và sẽ nhận được quân dụng theo tinh thần một-đổi-một của Hiệp định Paris. Tướng Murray phàn nàn: "Từ trước đến nay, chẳng ai nói cho tôi hoặc Tổng Thống Thiệu, hay Đại tướng Viên biết về chuyện cắt ngân khoản cả. Tôi đã hứa rồi, bây giờ nói lại, thật là một sự đau khổ". Ngày 13 tháng hai, 1974, Đại tướng Viên ra lệnh hạn chế việc xử dụng vũ khí các loại. Vì từ lúc gởi đơn xin đến lúc nhận được viện trợ phải mất một thời gian là bốn tháng nên nguồn tiếp liệu đã cạn khô trước tháng tư. Từ đó "hệ thống tiếp vận này không bao giờ hồi sinh nữa".[4]

Đơn xin tiếp liệu từ các quân khu gởi về Tổng tham mưu càng ngày càng nhiều, gồm những thứ khan hiếm khẩn cấp như đạn dược, tiếp liệu quân y, và ngân khoản nuôi ăn binh sĩ. Người lính bộ binh thường vẫn mang 6 lựu đạn, bây giờ chỉ được phát có 2 trái. Súng cối và trọng pháo bảo vệ tiền đồn chỉ được phát 4 quả đạn mỗi ngày và mọi cuộc pháo kích khuấy rối địch quân đều phải ngưng để tiết kiệm đạn dược. Nửa số thiết giáp xa bị nằm ụ, hai mươi phần trăm phi cơ không bay được. Lối đánh nhau kiểu Mỹ, đem hỏa lực độ cho thân người không thể đem dùng được nữa. Vào khoảng mùa xuân 1974, phía Việt Nam nhận thấy rằng "máu người Việt đã thay thế cho đạn dược của Mỹ".[5] Tỷ số thương vong nhảy vọt. Tính đến cuối tháng 6, 1974, trong giai đoạn Bắc Việt tăng gia vi phạm lệnh ngưng chiến, con số tử

thương đã lên đến 19.000 và bị thương 70.000. Tiếp liệu quân y bị hạn chế đến nỗi băng buộc vết thương nhiều khi phải giặt đi dùng lại!

Những cuộc bàn cãi ở Quốc hội Hoa Kỳ về việc cắt giảm ngân khoản và tình trạng khan hiếm đạn dược ở chiến trường đã có ảnh hưởng tức thời đến tinh thần quân sĩ. Việt cộng gia tăng nhịp độ tuyên truyền và cố chứng tỏ cho binh sĩ địa phương và dân chúng biết rằng lục lượng chính phủ không còn đủ đạn dược để chiến đấu nữa. Cộng sản mở những cuộc tấn công thăm dò kéo dài nhiều ngày để dân làng thấy rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa thiếu đạn dược. Những toán tuyên truyền và xách động Việt Cộng gieo tin đồn ở chợ rằng giếng nước đã bị bỏ thuốc độc và quân đội Việt Nam Cộng hòa sắp rút lui. Cán bộ Việt cộng còn xâm nhập vào trại gia binh kêu gọi bỏ đồn bót.[6] Việt cộng cũng giả dạng cả thầy bói và sư vải gieo tin thiên tai và coi đó là điềm báo trước sự sụp đổ của miền Nam.

Trong cuốn hồi ký, Tướng Viên kết luận rằng:

Trong những năm 1974-1975, người lính Việt Nam Cộng hòa ra trận mà lòng lo sợ rằng đạn không tiếp tế kịp và nếu bị thương thì sự tải thương sẽ chậm trễ hơn. Thời vàng son tiếp liệu thừa thãi và trực thăng vận mau lẹ đã qua rồi... Việc cắt viện trợ quá nhiều và quá đột ngột đã tiêu hủy mọi cơ hội thành công và làm cho dân chúng cũng như quân đội miền Nam hốt

hoảng, đồng thời khuyến khích Cộng sản gia tăng nhịp độ thanh toán miền Nam bằng võ lực.[7]

Năm 1974 là năm định đoạt cuộc chiến ở Việt Nam. Vào cuối năm 1973, ông Thiệu nhận ra rằng Quốc hội Hoa Kỳ đã chán ngấy chiến tranh rồi. Những lời hứa hẹn của Hoa Kỳ để dụ ông ký vào bản Hiệp định Paris và bản Tuyên Cáo tháng Sáu khó lòng mà chuộc lại được.

Đến tháng 4, 1974, thì tình hình tiếp liệu đã khá nguy ngập. Do sự khuyến khích của Martin, ông Thiệu cử tướng Viên sang gặp Tổng trưởng Quốc phòng James Schlesinger để nhờ ông này giúp đỡ xin tăng viện. Martin cho rằng lời hứa hẹn của Nixon ở San Clemente vẫn còn giá trị và ông Thiệu có thể trình bày thẳng với Schlesinger để ông này ủng hộ. Thiệu nghĩ rằng vai trò của tướng Viên sẽ thích hợp ở Ngũ Giác Đài vì sự liên hệ lâu năm với các tưởng lãnh Hoa Kỳ. Ông Viên nhờ Murray giúp trong vấn đề thủ tục xin tiếp viện. Hai người chuẩn bị một danh sách quân dụng trọng pháo 105 ly và 155 ly, đạn dược, dụng cụ truyền tin – và ngân khoản để duy trì khả năng chiến đấu của quân đội miền Nam. Sau đó, Murray đánh điện về bộ để xin gặp Schlesinger, kèm theo cái danh sách quân dụng mà Việt Nam Cộng hòa mong muốn. Thay vì trả lời cho Murray hay rằng ông sẽ làm gì để xin tiếp viện, Schlesinger lại cho tướng John Wickham, phụ tá quân sự của ông đánh điện sang Sài Gòn yêu cầu Murray cho biết "phải

trả lời đơn xin của Việt Nam ra sao"? Murray thuộc loại nửa quân nhân nửa thư lại, nhân cơ hội này bèn nói cho phía Việt Nam biết rằng Đại sứ Martin đã không thiết thực chút nào khi khuyến khích ông Thiệu xin thêm viện trợ. Murray đánh ngay điện về Washington đề nghị Schlesinger trả lời tướng Viên rằng tình hình chiến trường đã sáng sủa, do đó không cần quân dụng mới, nhất là khi Quốc hội đã hạn chế việc này. Ông tướng đi hàng hai này cho rằng mình đã hiểu rõ tình hình hơn Đại sứ Martin, và câu trả lời đó là cách tốt nhất để thuyết phục phía Việt Nam là viễn tượng tăng viện rất mong manh.

Khi hai tướng Murray và Cao Văn Viên tới Washington và đến bộ Quốc Phòng, Murray gặp Wickham và được Wickham cho biết đề nghị của Murray đã được trình lên Schlesinger rồi. Trước đó, tướng Viên đã đến gặp tướng Abrams, lúc đó là Tham muu trưởng Lục quân. Abrams cho biết vấn đề viện trợ khó khăn không phải do Ngũ Giác đài mà là do Quốc Hội. Sau đó tướng Viên vào gặp Tổng trưởng Quốc Phòng và trình bầy nhu cầu của quân đội Việt Nam Cộng hòa trước ba mươi sĩ quan cao cấp, kể cả các tướng lãnh thuộc Bộ tham mưu Liên quân.

Schlesinger ngồi dựa lưng vào ghế, thở khói thuốc píp nặng nề và trình bày quan điểm do Murray đã soạn trước. Ông ta hứa ủng hộ tướng Viên nhưng giải thích quyết định cuối cùng là do Quốc hội. Sau buổi họp, Schlesinger hỏi Murray: "Ông thấy cách

tôi trả lời được không"? Murray đáp: "Thưa ông Tổng trưởng, được lắm".

Về tới khách sạn, ông Viên tỏ vẻ bối rối và tâm sự với Murray rằng ông ta "không hiểu ông Tổng trưởng muốn nói gì. Ông ấy nói tiếng Anh khó hiểu quá và bây giờ tôi phải phúc trình với Tổng Thống Thiệu ngay". Murray móc túi lấy ra bản sao những câu trả lời mà ông ta đã soạn trước cho Schlesinger rồi đưa cho ông Viên. Tướng Viên cảm ơn rối rít, ghi chép, và về phúc trình cho Tổng thống Thiệu.[8]

Schlesinger thật sự có hứa sẽ giúp đỡ ở Quốc Hội, nhưng lúc đó tình hình ở Washington đã đổi mới. Chuyến công du của tướng Viên nếu đã không làm nên chuyện gì thì ít ra cũng đánh dấu được sự xoay chiều ở Washington.

Ở Sài Gòn, Đại sứ Martin tiếp tục trấn an ông Thiệu là viện trợ tuy khó nhưng cuối cùng thì cũng sẽ có như đã hứa. Thiệu càng ngày càng nghi ngờ và cử thêm người sang Washington để thăm dò. Sau ông Viên là tới phiên Hưng được cử sang để nhận định tình hình viện trợ kinh tế và quân sự. Khi đến phi trường Dulles, anh nóng lòng muốn gặp tướng Viên ngay để xem chuyến công du của ông ta kết quả ra sao. Ông Thiệu đã chỉ thị cho anh phải cộng tác với Viên theo dõi quyết định của Quốc hội Hoa Kỳ. Khi bước xuống phi trường, Hưng thấy một đám đông nhân viên tòa Đại sứ ở đó. Anh nghĩ là họ ra đón anh, nhưng rồi thấy tướng Viên xuất hiện nên anh tưởng

cả tướng Viên cũng ra đón mình. Hưng nói với ông: "Rất mừng được gặp Đại tướng ở đây. Tôi định sẽ gọi Đại tướng ngay khi về đến sứ quán". Tướng Viên trả lời: "Tôi về Việt Nam bây giờ đây". Hưng ngạc nhiên, kéo Viên ra một chỗ nói riêng: "Đại tướng về thật à? Có thể nán lại ít lâu được không"? "Tôi phải về ngay. Tôi đã làm xong nhiệm vụ. Tôi đã thuyết trình cho họ. Cả Schlesinger và Abrams đều hứa sẽ giúp. Họ chỉ sợ Quốc hội".

Hưng hơi thất vọng. Anh cần tướng Viên để vận động Quốc Hội, nhưng ông lại cho rằng nhiệm vụ của ông chỉ ở Ngũ Giác Đài mà thôi và ra về ngay. Viên ra máy bay nói vọng: "Chúc anh Tổng Trưởng may mắn".

Hưng được chỉ thị cố năn nỉ TNS Kennedy, người lãnh đạo phong trào cắt viện trợ Việt Nam. Kennedy quan niệm là Nixon đã "thất bại trong việc thay đổi tính chất và mục đích của viện trợ và cả chính sách của Hoa Kỳ đối với các nước Đông Dương". Ông ta cho rằng viện trợ đã được dùng để kéo dài cuộc chiến. Theo Kennedy, "Nếu không đặt trọng tâm vào việc thi hành những mục tiêu chính trị của thỏa ước ngưng chiến (có nghĩa là thành lập Hội đồng Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc và tổ chức Tổng tuyển cử dưới sự giám sát của Quốc tế) thì mục đích của những món tiền chi tiêu khổng lồ ở Việt Nam không phải là để... cứu nạn nhân chiến tranh, hay kiến thiết xứ sở mà chỉ để cho chính phủ Thiệu kéo dài chiến tranh".[9]

Ngày 6, tháng 5, 1974, Thượng viện bỏ phiếu thuận 43-38 kèm theo tu chính Kennedy và Dự luật Phủ định Ngân sách Quốc phòng. Tu chính này cấm xử dụng ngân khoản để chi dụng tại, cho, hay nhân danh, các quốc gia Đông Nam Á. Vì Kennedy chống Thiệu và chống chiến tranh Việt Nam nên Hưng rất miễn cưỡng phải đi gặp ông này. Ngày 15 tháng 5, Hưng đến văn phòng Kennedy ở Thượng viện. Anh được Jerry Tinker, phụ tá của Kennedy tiếp đón và nói rằng ông Thượng nghị sĩ rất bận rộn. Tinker tỏ vẻ thông cảm khi Hưng nói tới những vi phạm của Bắc Việt và trình bầy những nhu cầu kinh tế và quân sự khẩn cấp của Việt Nam Cộng hòa. Cuối cùng, Hưng gặp Kennedy được một chốc lát. Khi gặp mặt, Kennedy bầy tỏ thiện cảm, ông nhắc lại thời sinh viên xưa kia cùng với Hưng ở đại học Virginia, và mối quan tâm của ông về trách vụ mới của Hưng trong chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Ông tỏ vẻ vội vã, nói là không đủ thời giờ để nói chuyện lâu, và không chú ý đến lời Hưng trình bầy về số phận của dân Công giáo Việt Nam nếu Cộng sản thanh toán miền Nam.

Kennedy người có vẻ nặng nề, mái tóc hoa râm và trông già đi hơn nhiều so với thời còn là sinh viên ở Virginia. Ông nói với Hưng là ông phải đi họp ngay một phiên họp khác. Hưng xin đi theo một quãng để trình bầy nốt câu chuyện. Khi họ rảo bước qua hành lang của Thượng viện, Hưng cảm thấy thân phận

mình như một tên hành khất lẽo đẽo theo một anh nhà giàu, nhưng anh cố gắng trình bầy cho Kennedy rõ sự thật về cuộc chiến Việt Nam vì ông này đã bị bọn phản chiến tuyên truyền. Kennedy rảo bước và Hưng cố bước theo để giải thích: "Viện trợ Hoa Kỳ không phải là để kéo dài chiến tranh nhưng là cho chúng tôi phương tiện để tự bảo vệ lấy mình và ngăn chận một cuộc xâm chiếm của Bắc Việt mà thôi".

Kennedy vẫn giữ vững lập trường. Ông ta nói là rất thông cảm với Hưng nhưng: "Tôi không nghĩ rằng các anh có thể trông cậy vào Quốc hội về quân viện được. Tôi rất có cảm tình với nhân dân miền Nam Việt Nam và sẽ cố gắng xem có thể giúp đỡ họ bằng viện trợ nhân đạo được không". Hưng cuối cùng kêu gọi Kennedy với tư cách là một người Công giáo "Xin Thượng nghị sĩ nghĩ đến thân phận giáo dân nếu Cộng sản chiếm được miền Nam Việt Nam". Kennedy dừng bước và hỏi Hưng: "Công giáo thì sao"? "Nếu Thượng nghị sĩ theo dõi lịch sử chiến tranh Việt Nam thì sẽ thấy Cộng sản đi đến đâu thì giáo dân bị hành hạ đến đấy, bao giờ giáo dân cũng đứng đầu danh sách nạn nhân. Tôi là người Công giáo và có kinh nghiệm bản thân". Kennedy vẫn khăng khăng cho rằng: "Quân viện không giải quyết được vấn đề gì cả". Hưng cảm thấy chán ngán và thất vọng vô cùng khi từ giã Kennedy ở trước cửa phòng họp Thượng viện.

Hưng đến gặp Eric Von Marbod lúc đó là Phụ tá

Tổng trưởng Quốc phòng về An Ninh Quốc tế! Von Marbod có rất nhiều kinh nghiệm về tiếp vận và được kính nể ở Bộ quốc phòng. Von Marbod được giao trọng trách cứu xét nhu cầu quân viện cho Việt Nam, sau nhiều lần Ủy ban Quân sự Thượng viện phàn nàn về vấn đề này với Bộ Quốc phòng. Ông rất có cảm tình và cởi mở với Hưng. Ngồi trong phòng một mình với Von Marbod, Hưng yêu cầu ông cho biết rõ một cách thẳng thắn tình hình quân viện còn lại của năm 1974: "Chúng tôi thắc mắc về sự cắt giảm và khấu trừ ở tài khóa này. Chúng tôi muốn biết rõ để xem anh có thể xoay xở cách nào được không"?

Von Marbod trả lời: "Tôi rất buồn phải nói thật với anh rằng quân viện năm nay cho Việt Nam Cộng hòa thực sự chỉ có 625 triệu, và có thể chỉ có 500 triệu, chứ không phải hơn một tỷ như đã được loan báo và như Việt Nam Cộng hòa tưởng. Hưng coi chiều bỡ ngỡ. Von Marbod xé tờ giấy trong cuốn sổ tay, viết vội xuống cho anh coi:

Việt Nam - Lào	1,126 triệu
Phần Lào	- 110 triệu
Khấu trừ nội chi năm trước	- 266 triệu
Phi cơ F-5E	- 125 triệu
Còn lại:	625 triệu

Có thể chỉ còn 500 triệu sau khi trừ ngân khoản chi phí cho cơ quan DAO Sài Gòn.

Hưng sửng sốt vì con số này, vội hỏi: "Như vậy thì đâu còn gì nữa. Chúng tôi phải làm gì bây giờ"?

Von Marbod nói ngân khoản đã được phân phối, chẳng còn làm gì khác được nữa. Hưng hiểu số tiền 226 trội chi năm ngoái là do Kennedy khởi xướng đòi lại, nhưng còn 125 triệu cho chương trình F-5E có thể du di sang những khoản chi thiết yếu khác như đạn dược, xăng nhớt được không? Von Marbod cho biết không được vì đã chuẩn chi từ lâu rồi. Hưng chưa bao giờ nghe thấy vụ này, không biết ai quyết định vụ này, và không biết Việt Nam có được Mỹ tham khảo ý kiến không? Năm 1973, quân viện là 2,2 tỷ, bây giờ chỉ có 500 triệu mỹ kim!

Tuy nhiên, Von Marbod nói ông vẫn còn chưa chịu đầu hàng trong vụ này, đồng thời ông khuyến khích Hưng gặp Schlesinger để xin ông này giúp vận động với Quốc hội, còn Kissinger thì không thể nhờ vả gì được rồi, đừng gặp cho mất thì giờ, chỉ thêm chán nản hơn.

Hưng phúc trình lên ông Thiệu ngay khi về tới Sài Gòn. Thật đau khổ cho Hưng phải trình bày những con số Von Martod đã đưa cho anh xem. Nếu thực vậy thì khả năng tác chiến của quân đội VNCH đã bị giảm xuống chừng 60 phần trăm trong năm 74. Sau khi nghe Hưng phúc trình, Thiệu lặng thinh và suy tư. Ông mím môi, chắp tay sau lưng và bước ra khỏi phòng, thủng thẳng đi về phía căn lầu riêng của gia đình ông, cặp mắt mơ hồ, lơ đãng.

Còn lại một mình trong phòng Tình Hình, Hưng nhìn quanh và thấy trên bàn có tập hồ sơ đỏ có hình

ông Thiệu. Tò mò mở ra xem, Hưng thấy đó là tài liệu phân tích các mức độ quân viện do tướng Murray soạn và Bộ Tổng Tham Mưu trình lên. Có bốn mức độ quân viện tương đương với bốn giới tuyến hay khả năng phòng thủ của VNCH. Nếu mức độ quân viện là 1,4 tỷ thì có thể giữ được tất cả những khu đông dân cư của cả bốn Vùng Chiến Thuật. Nếu 1,1 tỷ thì Vùng 1 phải bỏ. Nếu 900 triệu thì khó lòng giữ được Vùng 1 và Vùng 2 hoặc khó đương đầu với cuộc tổng tấn công của Bắc Việt. Nếu 750 triệu thì chỉ phòng thủ được một vài khu vực chọn lọc và khó lòng điều đình với Bắc Việt được. Nếu quân viện dưới 600 triệu thì chính phủ VNCH chỉ còn giữ được Sài Gòn và miền châu thổ sông Cửu Long. Đó là bốn tuyến phòng thủ tương đương với bốn mức độ quân viện. Murray kết luận rằng: "Ta có thể ví sự cắt quân viện này như mất tài sản vậy". (Xem phụ lục C: Bản phân tích của cơ quan DAO về ảnh hưởng quân viện cho VNCH trong tài khóa 1975.)

Ông Thiệu lo lắng và muốn công bố tình trạng thực sự về quân viện Mỹ, nhưng khốn nỗi há miệng mắc quai. Nếu biết được tình trạng này, quân sĩ sẽ xuống tinh thần và Cộng sản lại càng hăng lên; nếu không nói ra thì Quốc hội Mỹ sẽ tiếp tục cắt nữa. Vả lại, nếu nói ra ông Thiệu có thể bị yếu thế chính trị vì việc chứng tỏ ông không thành công trong việc thuyết phục Hoa Kỳ bảo vệ miền Nam.

Từ 1967 đến 1970, lúc Hoa Kỳ còn đang dấn thân

sâu đậm ở chiến trường Việt Nam, mỗi năm chiến cuộc đã tốn kém tới 25 tỷ mỹ kim. Trong hai năm 1970 và 1971, chi phí mỗi năm giảm xuống còn 12 tỷ. Giờ đây, sau khi quân đội Hoa Kỳ triệt thoái, Việt Nam Cộng hòa phải tiếp tục đảm nhiệm cuộc chiến một mình và với ngân khoản 500 triệu viện trợ, trong khi đó thì cuộc khủng hoảng dầu lửa đã làm giá xăng nhớt tăng lên gấp bốn lần.

Ngoài việc cắt viện trợ, Quốc hội Hoa Kỳ còn tiếp tục có những hành động làm nao núng miền Nam bằng cách đặt rất nhiều giới hạn trong việc xử dụng viện trợ kinh tế. Dưới áp lực nặng nề của những nhóm phản chiến dẫn đầu bởi nhóm Indochina Resource Center (Trung tâm Tài nguyên Đông Dương).(10) Quốc hội ban hành lệnh cấm luôn cả việc xử dụng ngân khoản viện trợ để trả lương lính. Điều này có tác dụng nặng nề đến tinh thần quân đội vì ở Việt Nam, binh sĩ phải dùng một phần lương để trả tiền nuôi ăn. Trước kia, 75 phần trăm sự thiếu hụt ngân sách được tài trợ bằng quỹ đối giá do các dịch vụ nhập cảng cung ứng. Quỹ đối giá là một ngân khoản bằng đồng bạc Việt Nam thu hồi được khi bản đồ nhập cảng do viện trợ Mỹ tài trợ. Đến nay, không những viện trợ đã bị cắt giảm, mà quỹ đối giá lại không còn được dùng vào chi tiêu quốc phòng nữa. Chính phủ phải nhờ đến những viên chức Hoa Kỳ ở Sài Gòn để áp dụng một cách lỏng lẻo và linh động đạo luật trên: Thuế khóa trong nước thì dùng cho

quốc phòng, còn ngân quỹ nhập cảng thì dùng cho các trương mục khác. Đến mùa hè, Quốc hội Hoa Kỳ lại thắt chặt thêm: Không cho dùng tiền trong quỹ đối giá để trả lương cho cảnh sát quốc gia nữa. Ngoài ra, viện trợ thực phẩm không còn tính cách cho không nữa mà sẽ là cho vay dài hạn. Tất cả những hành động thắt cổ này, chính phủ không muốn phổ biến rộng rãi vì e ngại ảnh hưởng tới tinh thần binh sĩ và cũng như khích lệ cho Cộng sản.

Thế rồi, ngày 11 tháng 7, 1974, Thượng nghị sĩ Kennedy lại đòi cắt thêm viện trợ kinh tế 50 phần trăm nữa, từ 943 triệu xuống 475 triệu.

Vài ngày sau, trong một phiên họp nội các, Thủ tưởng Khiêm chỉ thị cho các bộ phối hợp với Đại sứ Martin để ông này vận động cho Việt Nam Cộng hòa một chương trình viện trợ dài hạn 5 năm mong đối phó với cơn khủng hoảng kinh tế hiện hữu. Ngay từ 1973, ở San Clemente, ông Thiệu đã trình bầy với Nixon một kế hoạch nhằm giảm viện trợ xuống còn 100 triệu mỹ kim vào năm 1980. Nixon trước đây đã hăng hái ủng hộ chương trình này, nhưng ông đã không thực hiện được: Việt Nam Cộng hòa cũng trở thành nạn nhân của vụ Watergate luôn.

Sau một ngày dài làm việc, Thiệu biểu lộ sự bối rối của ông qua ly rượu: "Thật khó tin được. Thoạt tiên ở Midway, họ nói với tôi sẽ rút vài ngàn quân, nhưng còn duy trì nửa triệu quân chiến đấu ở Việt Nam; sau đó, họ rút thêm quân, và nói sẽ trang bị cho quân

đội Việt Nam Cộng hòa để đền bù cho sự triệt thoái này. Đến năm 1972, khi triệt thoái tiến nhanh hơn, họ nói với tôi tuy lục quân rút đi, nhưng Mỹ sẽ tăng cường yểm trợ không lực. Đến khi họ rút lui toàn bộ, cả lục quân lẫn không quân, họ hứa sẽ tăng viện trợ và tiếp tục duy trì sự có mặt của Đệ Thất Hạm Đội cùng các căn cứ không quân ở Thái Lan để yểm trợ khi cần. Bây giờ, anh nói với tôi viện trợ Mỹ bị cắt 60 phần trăm. Vậy ta còn gì nữa"?[11]

Hưng chẳng biết nói gì hơn để trả lời Thiệu. Tuy nhiên anh nhớ ra còn *75* chiếc phi cơ F-5E nằm trong ngân khoản 1974 nhưng chưa giao cho Việt Nam Cộng hòa. Thiệu ngạc nhiên; Hưng đề nghị nên xúc tiến ngay việc này.

Hưng trở lại Washington cuối tháng 7, 1974 để thúc đẩy việc gởi máy bay và duyệt lại tình hình viện trợ kinh tế. Anh làm việc với cơ quan AID để xin thêm ngân khoản nhập cảng và tái thiết. Anh cũng được chỉ thị theo dõi tình hình quân viện và tình trạng của Nixon trong vụ Watergate.

Hưng tới Washington giữa lúc chiến dịch buộc tội Nixon đang sôi nổi. Trời Washington nóng đến bốc hơi không kém gì ở Sài Gòn. Ở Ngũ Giác Đài không khí làm việc khác hẳn với những lần trước Hưng đến đây. Quốc hội còn chẳng làm được việc gì khác huống hồ vấn đề viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa. Tất cả đều xoay quanh Watergate. Nixon có thể bị bắt buộc từ chức. Agnew đã rời nhiệm sở. Gerald

Ford, mới được bổ nhiệm Phó Tổng Thống, không phải là một nhân vật đáng kể đối với người Việt. Quốc hội chưa bỏ phiếu về viện trợ cho Việt Nam. Ngân khoản viện trợ tạm thời dựa vào mức độ ngân sách của tài khóa năm trước; vì vậy không có gì chắc chắn cả.

Không còn mong đợi gì ở nơi chính phủ, Hưng nghĩ đến chuyện gặp Robert McNamara, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng, hiện là chủ tịch Ngân hàng Quốc tế (The World Bank). McNamara không còn dính dáng gì đến vấn đề Việt Nam nữa, nhưng có lẽ ông còn chút thông cảm với Việt Nam Cộng hòa. Ông là người có trách nhiệm đem nửa triệu quân Mỹ vào Việt Nam và dự phần vào việc leo thang chiến tranh ở đó. Văn phòng rộng thênh thang của ông ở trên tầng lầu thứ mười hai của trụ sở Ngân hàng Quốc tế. McNamara đón Hưng bằng *nụ cười cởi mở* và cái nhìn thông suốt. Hưng đã thấy ông qua truyền hình, đi đi về về tại Việt Nam; ông là người hăng hái cổ võ việc áp dụng các phương pháp khoa học như lợi phí và định lượng vào chiến tranh Việt Nam. Chính ông là người đã cho trắc nghiệm chương trình khai quang bằng thuốc hóa học Agent Orange ở Việt Nam, gây ra không biết bao nhiêu tai hại! Rồi chương trình tiêu diệt hạ tầng cơ sở Việt Cộng mang tên Phượng Hoàng cũng được thi hành dưới thời McNamara. Cũng dưới thời này, chiến thắng của quân đội Hoa Kỳ được đo lường bằng xác địch quân

và những bảng liệt kê vũ khí chiếm được. Tóm lại, chính ông là kẻ mang một món nợ tinh thần khá nặng nề đối với Việt Nam.

Hưng muốn có một buổi họp cởi mở với McNamara, nhưng ông này lại tiếp đón anh với một thái độ tránh né, giữ đúng nghi thức. Ông bắt đầu bằng câu hỏi: "Thưa ông Tổng trưởng, tôi có thể làm gì để giúp ông được"? Và không đả động đến vấn đề kinh tế khó khăn mà Việt Nam đang gặp phải. Vì tin rằng McNamara có thể còn nhậy cảm và không muốn nghe tới chiến tranh Việt Nam, Hưng chỉ trình bầy nhu cầu ngân khoản để tài trợ cho những chương trình canh nông xây dựng lại nền kinh tế "hậu chiến".

McNamara không hứa hẹn gì mà lại còn phàn nàn về việc Quốc hội không tăng ngân khoản cho Ngân hàng Quốc tế: "Tôi muốn giúp xứ ông, nhưng nếu Quốc Hội không chấp thuận ngân khoản cho Chương trình Phát Triển Quốc tế thì cũng đành chịu bó tay". Hưng nhắc McNamara rằng Việt Nam Cộng hòa là một trong những thành viên kỳ cựu nhất của Ngân hàng Quốc tế và chưa hề mượn tiền của cơ quan này bao giờ. Hưng nói: "Khi Hoa Kỳ còn ở Việt Nam, chúng tôi có rất nhiều ngoại tệ. Tôi nhìn thấy tờ giấy 100 đồng mỹ kim lần đầu tiên ở Sài Gòn". McNamara không cười vì câu nói này.

Hưng tiếp tục trình bầy những nhu cầu canh nông của Việt Nam Cộng hòa. McNamara trả lời: "Vấn đề

canh nông bao giờ cũng hấp dẫn đối với tôi. Ngân hàng đang có một vài dự án quan trọng, về gạo Thần Nông. Ông đứng dậy, lấy cục pha lê đựng gạo mẫu ở trên bàn và đưa cho Hưng xem. Hưng đáp: "Vâng, thưa ông Chủ tịch, canh nông cũng hấp dẫn tôi. Nhân dân Việt Nam Cộng hòa đang trông cậy vào sự giúp đỡ của Ngân hàng, vì chúng tôi cho rằng định chế này không phải chỉ làm công việc của một ngân hàng, tên thật của nó là "Ngân Hàng Tái Thiết Phát Triển". Theo chỗ chúng tôi biết, hiện nay, Việt Nam Cộng hòa là quốc gia duy nhất trên thế giới cần đến "chương trình tái thiết thời hậu chiến". McNamara lại xoay câu chuyện vào gạo Thần Nông phong phú ở miền Nam và ông nói ông đang cho trắc nghiệm loại gạo này. Ông ta cầm gạo mẫu lên và nói: "Đây là gạo Thần Nông IR-3". Đến đây, Hưng hết chịu nổi, anh nói: "Cám ơn ông Chủ tịch, tôi đã nhìn thấy ở Việt Nam loại gạo IR-8 còn tốt hơn loại này". Nói xong, Hưng đứng dậy chào từ biệt McNamara và ra về. Anh nhận thấy rằng không thể nhờ vả McNamara gì được nữa.

Khi đứng đợi thang máy ở ngoài hành lang, Hưng tự hỏi tại sao McNamara lại có thể thờ ơ với vấn đề Việt Nam như vậy, một vấn đề chính ông ta gây ra. Tại sao con người có nhiều trách nhiệm về Việt Nam như thế mà có thể xử sự một cách lạnh lùng như vậy.[12] Hưng còn nhớ ngày trước, anh cười thầm ông này vì ông phát âm "Việt Nam" thành "Vịt nằm". Anh

thấy lòng mình chùng hẳn xuống. Chính McNamara là người có thẩm quyền để yểm trợ công cuộc tái thiết kinh tế của một quốc gia bị tàn phá bởi chiến tranh, một cuộc chiến tranh mà chính ông đã leo thang, thế mà lúc này, ông lại chỉ đổ dồn tiền bạc của Ngân hàng vào những nước như Trung Cộng, Ấn Độ, Pakistan. Mặc dầu Việt Nam Cộng hòa có đủ tư cách và tài nguyên kinh tế bảo đảm, McNamara vẫn lạnh nhạt và thờ ơ.

Trước khi về Sài Gòn, Hưng đến gặp Von Marbod về vụ 75 chiếc phi cơ F-5E dành cho không quân Việt Nam. Hưng hỏi Von Marbod: "Ông đã trích 125 triệu khỏi ngân khoản viện trợ năm 1974 cho phản lực F-5E. Vậy máy bay đâu"? Von Marbod giải thích rằng tiền còn để phòng hờ. Hãng Northrop cần có thời gian để sản xuất; sau đó các bộ phận sẽ được mang sang ráp ở Phi Luật Tân rồi mới giao cho Sài Gòn. "Cả Đài Loan và Iran đều xin F-5E. Họ có thể có quyền ưu tiên hơn Việt Nam Cộng hòa". Hưng kinh ngạc vô cùng. Cuộc ngưng bắn bị xâm phạm, Việt Nam Cộng hòa cần máy bay, không những để bù đắp một phần nào cho không lực của Hoa Kỳ nay đã mất, mà còn để hỗ trợ tinh thần cho quân đội. Hưng nhất định đòi Von Marbod xếp đặt để anh gặp Thomas Jones, Chủ tịch hãng sản xuất máy bay Northrop. Von Marbod ngạc nhiên vì thấy lần đầu tiên có anh chàng Việt Nam muốn xía vào công việc tiếp liệu của Hoa Kỳ, nhưng sau khi Hưng khẩn

khoản yêu cầu, ông cũng cố xếp đặt cho anh gặp Chủ tịch Jones. Trước khi về Sài Gòn, Hưng được một máy bay riêng do bộ Quốc phòng xử dụng chở đi để gặp Chủ tịch Northrop ở gần Los Angeles. Anh giải thích rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa đã tổn thất nặng nề vì thiếu không lực yểm trợ. Jones cho biết Northrop sản xuất máy bay đúng hạn kỳ "nhưng vì có nhiều khách hàng, tôi đã phải xét lại nhu cầu của ông". Trong gần một giờ, Hưng cố thuyết phục Jones, yêu cầu giao ba phi đoàn – 36 chiếc – trước Giáng Sinh 1974.

Johns thắc mắc: "Tại sao các ông cần trước Giáng Sinh"?

Hưng trả lời: "Chúng tôi ước đoán năm 1975 sẽ là năm gay go nên chúng tôi cần phương tiện chiến đấu; lại nữa tôi cũng cần những máy bay đó để bay trên trời Sài Gòn cho dân chúng lên tinh thần chút đỉnh".

Hưng hứa với Jones rằng, nếu cần, anh sẽ trình ông Thiệu xin bộ Quốc Phòng trả tiền ngay cho Northrop khi Việt Nam Cộng hòa nhận được máy bay.

Nghe thấy vậy, Jones tỏ vẻ thoải mái và hứa: "Tôi sẽ cố gắng giúp ông và xứ ông".

Để tránh mọi sự hiểu lầm, Hưng nói tiếp: "Khi Sài Gòn nhận được máy bay, tôi sẽ mời ông sang Sài Gòn khánh thành. Về phần tôi, chỉ xin ông cho tôi một chai côca côla để uống chơi với ông, cũng đủ hả dạ lắm rồi".

Jones gởi Hưng về biếu Tổng Thống Thiệu một

chiếc F-5E mẫu bằng plastic. Thiệu vui mừng nhận chiếc máy bay mẫu và để nó ngay đằng sau bàn họp trong phòng Tình Hình, cạnh chiếc điện thoại khẩn cấp đằng sau ghế ông (xem hình họp với phái đoàn Weyand).

Niềm hy vọng duy nhất hé ra ở chân trời là nhận được F-5E sớm hơn hạn định. Về đến Sài Gòn đầu tháng 8, Hưng báo cáo với ông Thiệu, Nixon có thể bị khởi tố hay bắt buộc từ chức trong vài hôm. Đằng nào đi nữa thì cuộc đời chính trị của Nixon cũng kể như chấm dứt. Không khí ở Washington đằng đằng hiểm thù, và Hoa Kỳ không làm gì hơn ngoài sự chú tâm vào Watergate. Kissinger được giao trách nhiệm tập trung nỗ lực vào chính sách ngoại giao Hoa Kỳ vì không liên quan gì đến cuộc khủng hoảng nội bộ. Trong những ngày cuối của nhiệm kỳ Nixon, Kissinger thực ra đã trở thành một thứ Tổng Thống về Ngoại Giao.

*
* *

Hưng cho ông Thiệu hay rằng anh vẫn chưa dự đoán được rõ về ông Ford, người sẽ kế vị Nixon. Ông này thuộc phái bảo thủ, nếu muốn, ông ta có thể giúp ích cho Việt Nam Cộng hòa vì ông sẽ có lợi thế hơn Nixon. Truyền thống của Mỹ là Quốc hội thường cho một vị tân tổng thống hưởng sự dễ dãi "trăng mật". Thiệu chăm chú nghe Hưng. Trong đầu óc người Việt Nam, trăng mật chỉ kéo dài một tuần

lễ – tuần trăng mật nhưng ở Hoa Kỳ, nghĩa bóng của trăng mật chỉ sự liên lạc dễ dãi giữa Quốc hội và Tổng Thống. Nó có thể kéo dài cả trăm ngày nếu Tổng Thống tỏ ra hữu hiệu và khéo léo! Mặc dầu bà Chennault tiên đoán sự xuống dốc của Kissinger, Hưng báo động với Thiệu là thế lực của Kissinger còn đang lên và Ford sẽ giữ Kissinger lại ở chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao. Việc này không có lợi cho Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 9 tháng 8, 1974, khi Hưng vào gặp Thiệu, anh thấy ông ngồi một mình trong văn phòng, mắt nhắm lại, cắn môi và xoa mạnh nắm tay mặt vào lòng tay trái. Tin Nixon từ chức đã được loan đi khắp thế giới. Tinh thần ông căng thẳng khi nghe tin này. Thiệu ở vào thế lưỡng nan. Sự cắt giảm viện trợ sẽ đưa ông vào thế kẹt là phải cắt giảm đất đai. Thay vì "rút lui", Thiệu bắt đầu dùng từ ngữ "tái phối trí lực lượng".

Dựa vào bản phân tích của tướng Murray, trước ngày ông rời nhiệm sở DAO Sài Gòn, do Bộ Tổng Tham Mưu trình lên đã rõ ràng là mức viện trợ hiện hữu đòi hỏi phải cứu xét kế hoạch cắt bỏ miền Trung và củng cố lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa dọc theo tuyến phòng thủ bao gồm thủ đô Sài Gòn và châu thổ sông Cửu Long.

Bốn ngày trước khi từ chức, Nixon đã bắt buộc phải ký đạo luật do Quốc hội soạn thảo, giảm viện trợ 1975 cho Việt Nam xuống đúng 1 tỷ thay vì 1

tỷ 600 triệu như đã xin trước. Không những ngân khoản bị giảm xuống, mà cách xử dụng ngân khoản cũng phải giới hạn, khiến cho số tiền thực sự dùng được chỉ bằng một phần ba năm trước. Đây là cách Quốc hội trả thù, đập thẳng vào mặt Nixon. Trong tình trạng suy nhược chính trị hiện tại của ông, Nixon đành thúc thủ.

Thiệu nói với Hưng tránh bàn đến vấn đề viện trợ một cách quá bi quan để cố giữ vững tinh thần dân chúng và ổn định chính trị ở miền Nam. Nhưng Thiệu nói lờ mờ tới việc thiếu phương tiện để bảo vệ tất cả lãnh thổ, ngụ ý phải cắt đất. Việt Nam Cộng hòa không thể duy trì hơn một triệu quân với tình trạng viện trợ hiện tại. Ông phải nghĩ cách cắt đất làm sao mà không gây nguy hiểm cho công cuộc phòng thủ và tái thiết kinh tế! Thiệu chỉ thị Bộ Tổng Tham Mưu phân tách ảnh hưởng của viện trợ đối với khả năng tác chiến của quân đội. Ông cũng cân nhắc khả năng của quân đội phải giữ cả bốn Vùng Chiến Thuật của miền Nam Việt Nam

Biết được ý Thiệu, Hưng soạn sẵn một bản phân tích về ảnh hưởng kinh tế nếu phải bỏ Vùng I và Vùng II, nhưng giữ những thành phố và căn cứ lớn ở dọc duyên hải như Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang, Phan Thiết.

Hưng kết luận rằng tình hình kinh tế không đến nỗi nào nếu phải bỏ Vùng I và Vùng II. Tổng số dân cư dưới quyền kiểm soát của chính phủ sẽ mất đi vào

khoảng sáu triệu tức dưới ba mươi phần trăm. Trong số đó có thể hai triệu sẽ di tản xuống miền Nam. Bản nghiên cứu đó không đánh giá ảnh hưởng chính trị do cuộc "tái phối trí" này gây nên, và cũng không xét đến ảnh hưởng tinh thần khi phải nhượng bốn triệu dân cho Cộng Sản.

Mặt khác tích cực hơn, còn hơn một triệu mẫu đất có thể khai khẩn được ở đồng bằng miền Nam để định cư dân tỵ nạn từ cao nguyên và miền duyên hải phía Bắc đổ về. Tổng sản lượng quốc gia có thể sẽ sụt giảm 20 phần trăm và sự mất mát này phần lớn do kỹ nghệ chăn nuôi và lâm sản. Kỹ nghệ mỏ giảm xuống 65 phần trăm vì mất than, nhưng những hoạt động chế tạo chỉ sút giảm 7 phần trăm. Bản ước tính thực tế về tình trạng quân sự và kinh tế này đi đến kết luận là sự cắt đất có thể thực hiện được. Thiệu dường như đang tính toán để bỏ đi một "không" trong số "bốn không" của ông: Không nhượng lãnh thổ; không liên hiệp; không công nhận đảng Cộng sản; và, không trung lập hóa miền Nam Việt Nam.

Trong những buổi họp với bộ tham mưu của ông, Thiệu bắt đầu nói đến chuyện: "Từng chiến lược cho từng mức độ viện trợ". Ông không bao giờ cắt nghĩa rõ ràng kế hoạch cắt lãnh thổ; nhưng Hưng cảm thấy ông đang cứu xét một quyết định rất quan trọng.

Theo Hưng, quyết định đó không thể tránh được. Anh đã duyệt lại những bản ước tính tình hình mà Thiệu cho là rõ ràng, chính xác, và gọn ghẽ,[13]– phù

hợp với thể thức tham mưu, theo lời Thiệu. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự cắt giảm viện trợ trong tài khóa 1975 sẽ đưa tới sự cắt đất ở miền Nam. Thiệu làm mọi người trong bộ tham mưu ngạc nhiên khi ông mô tả chiến lược của ông bằng bốn tiếng mộc mạc "Đầu Bé Đít To" (Vùng I và Vùng II là đầu).

Chiến lược cắt đất này cũng không mới mẻ gì. Hồi năm 1961, chính Tổng Thống Diệm cũng đã viết một lá thư cho Tổng Thống Kennedy (Ngày 9 tháng 6, 1961) và khuyến cáo rằng nếu không đủ viện trợ để trang bị hai sư đoàn mới thì chúng tôi không còn cách nào hơn là rút lui khỏi vùng Phi Quân Sự về phía Nam và hy sinh một phần lớn lãnh thổ cho Cộng sản".[14]

Ông Thiệu đang suy nghĩ làm sao linh động hóa chính sách "Bốn Không" của ông. Một buổi tối, Hưng thảo luận vấn đề "Bốn Không" này với Thiệu. Hưng tò mò muốn biết Thiệu sẽ nhượng bộ bằng cách nào. Thiệu nói với Hưng đừng dùng tiếng "Liên Hiệp" ở ngoài công cộng. "Đối với Cộng sản mình phải hành động một cách cứng rắn. Mình phải bắt chúng trả giá đắt. Đến khi nào nhượng bộ mới hạ giá xuống được". Thiệu cắt nghĩa cho Hưng là chính sách "Bốn Không" có thể áp dụng một cách uyển chuyển được, chẳng hạn như 80 phần trăm cho một cái "Không" thứ nhất và 60 phần trăm cho một cái "Không" thứ hai. Đến một lúc nào đó có thể tất cả bốn cái "Không" sẽ không còn là 100 phần trăm "Không" nữa. Ông nói: "Tôi có nói nhất định cái

"Không" nào cũng phải 100 phần trăm bao giờ đâu". Hưng chắc chắn là ông Thiệu đang suy nghĩ về chiến lược "Tái Phối Trí Lực Lượng" hay "Đầu Bé Đít To".

Việc Nixon từ chức càng làm cho tình hình căng thẳng. Ông Thiệu sợ rằng Tổng Thống mới sẽ bỏ qua lời hứa của Nixon cam kết với Việt Nam Cộng hòa, và sẽ lờ đi làm như không biết gì cả. Mặt khác lại không có cách nào dễ dàng bỏ Cao nguyên mà không gây xáo trộn và khủng hoảng tinh thần nhân dân. Thiệu tự nhốt mình vào văn phòng làm việc của ông để suy nghĩ.

Bất thình lình ngày 10 tháng 8, như một giấc mơ, Thiệu nhận được một lá thư mật của Ford có Phó Đại sứ Hoa Kỳ mang tới Dinh trao tận tay, vì lúc đó ông Martin còn ở Washington vận động viện trợ. Lá thư đọc như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Khi tôi lên đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ, ý tưởng đầu tiên của tôi là nghĩ tới những cuộc tấn công tàn bạo mà quân đội của quí quốc đã đẩy lui một cách can trường và đầy quả cảm. Có lẽ tôi không cần phải thông báo cho Ngài rõ rằng ***chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ luôn luôn được dựa trên căn bản liên tục và sự ủng hộ của lưỡng đảng. Lúc này đây, những tính chất đó lại càng rõ ràng hơn nữa và tất cả những cam kết mà nước chúng tôi đã hứa hẹn với quí quốc trong quá khứ nó vẫn còn hiệu lực và sẽ được hoàn toàn tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi****.*

Những cam kết này của tôi lại đặc biệt thích ứng với Việt Nam Cộng Hòa trong điều kiện hiện tại. *Chúng ta đã cùng nhau đi trên con đường dài và đầy chông gai. Tôi đã nghe những tường trình của Đại sứ Martin về những tiến bộ đáng ghi nhận của quý quốc dưới sự lãnh đạo của Ngài. Kể từ lúc ký kết hiệp định Paris, qua bản báo cáo của ông Đại sứ, tôi rất khích lệ về sự quyết tâm của Ngài trong công cuộc cải tổ chính phủ để có thể xử dụng viện trợ Hoa Kỳ và của các quốc gia bạn khác một cách hữu hiệu hơn, ngõ hầu đem lại nền kinh tế tự túc cho Việt Nam Cộng hòa trong vài năm tới đây. Quân đội Việt Nam Cộng hòa với tinh thần cao và chiến đấu hữu hiệu sẽ là một bằng cớ hiển nhiên để các nhà lãnh đạo Hà Nội phải nhận ra rằng đã đến lúc phải tham dự vào việc duy trì bản Hiệp định Paris và nghiêm chỉnh cộng tác với Ngài trong việc thi hành bản Hiệp định như ý muốn của Ngài.*

Tôi biết rằng Ngài đang lo ngại về những bước đầu của Quốc hội trong việc chuẩn chi viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam Cộng hòa. Thủ tục của Quốc hội chúng tôi phức tạp, rườm rà nhưng chưa phải là kết thúc. Tuy còn phải đợi một thời gian nữa, nhưng tôi muốn nói để Ngài yên tâm rằng cuối cùng viện trợ sẽ được đầy đủ cả về quân sự lẫn kinh tế.

Trước thử thách quan trọng này, tôi nhờ đến sự giúp đỡ của TS. Kissinger tham dự chính phủ mới với tư cách Bộ trưởng Ngoại Giao như cũ. Cả TS.

Kissinger và Đại sứ Martin đều được tôi tín nhiệm hoàn toàn.

Trân trọng

(kt) Gerald R. Ford

Ông Thiệu rất mừng rỡ, vì tân Tổng Thống đã xác nhận lại những cam kết của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa. Ông nhoẻn một nụ cười – nụ cười đã lâu Hưng không thấy và bất thình lình thay đổi khí sắc. Lúc đó, Hưng chưa biết đến những lá thư Nixon và cam kết mật của Hoa Kỳ. Đối với Thiệu, những lá thư đó tượng trưng cho sự liên tục của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ và ông cho rằng Ford, do Nixon đưa lên làm người kế vị, sẽ thi hành những cam kết của vị Tổng Thống tiền nhiệm.

Mấy ngày sau khi nhận được thư của Ford, sau một buổi họp các Tổng trưởng, ông Thiệu bảo Hưng ở lại uống rượu chơi. Hai người nhấm nháp ly rượu Black Label pha với Soda. Thiệu nói tới việc ông tin tưởng rằng Ford sẽ tiếp tục chính sách của Nixon, Hưng giải thích thêm cái thông lệ của Mỹ về thời gian trăng mật dành cho tân Tổng Thống và giục ông Thiệu phải cố lợi dụng thời gian đó. Để bắn tin cho Washington biết, ngày 10 tháng 8, Thiệu cho Bộ Ngoại Giao công bố lập trường chính thức của Việt Nam Cộng hòa về Nixon, cho rằng vụ Watergate là "vấn đề nội bộ của Hoa Kỳ... Chính phủ Việt Nam Cộng hòa hoàn toàn tin tưởng vào chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ sẽ tiếp tục đường lối ngoại giao

đã được năm vị Tổng Thống Hoa Kỳ theo đuổi và được cả được cả lưỡng đảng chấp thuận, và sẽ tiếp tục cộng tác với chính phủ và nhân dân Việt Nam để thực hiện hòa bình trên căn bản Hiệp định Paris".[15] Thiệu tạm xếp kế hoạch "Tái Phối Trí" lại một bên.

*

* *

Ngày 16 tháng 8, trong buổi họp cuối cùng với các tướng lãnh VN trước khi về nước, tướng Murray khuyên họ nên suy nghĩ kỹ về việc cắt giảm viện trợ và nên thu gọn tuyến phòng thủ lại, tập trung quân đội và đạn dược để phòng thủ vùng đông dân cư dọc bờ biển. Cả Murray và Quốc hội H đều không biết gì về lá thư của Ford gởi Thiệu.

Nhưng thật là trớ trêu, chỉ vài ngày sau khi Ford viết thư cho ông Thiệu và bảo ông đừng có lo vì viện trợ "sau cùng sẽ được đầy đủ cả về quân viện lẫn kinh tế" thì Quốc hội lại hạ quân viện xuống chỉ còn có 700 triệu thay vì một tỷ như Nixon đã ký. Ở mức 1 tỷ, thì Việt Nam Cộng hòa cũng đã phải khốn đốn rồi. Giấc mơ đã qua đi mau lẹ! Thiệu bối rối vô cùng. Quốc hội hình như đã ly dị với Ford trước khi thời kỳ tuần trăng mật bắt đầu. Hưng mời Warren Nutter, cựu Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng tới Sài Gòn để tham khảo ý kiến và tìm cách vận động với Washington. Nutter dự điểm tâm với Thiệu và Hưng ngày 23 tháng 8 ở trong Dinh. Thiệu bầy tỏ sự lo ngại về viện trợ. "Mới vài ngày trước đây là 1 tỷ, bây giờ

còn 700 triệu, tôi làm gì được với số viện trợ như vậy. Như là chuyện cho tôi 12 đô la và bắt tôi mua vé máy bay hạng nhất từ Sài Gòn đi Tokyo".

Nutter là người ủng hộ Thiệu từ lâu, cũng rất bối rối khó chịu. Ông cảm thấy khó khăn khi giải thích hành động của Quốc hội: "Quốc hội Hoa Kỳ đôi khi hành động vô trách nhiệm như vậy... Cái Trung Tâm Tài Nguyên Đông Dương (Indochina Resource Center) đang hết sức tìm cách tiêu diệt nước các ông". Nutter hứa khi về tới Washington sẽ cố gắng trình lên Tổng Thống Ford tình trạng nguy ngập ở Việt Nam. Ông ta than phiền: "Không có nhân vật cao cấp nào trong chính phủ để ý đến vấn đề Việt Nam nữa". Câu nói của Nutter làm Thiệu bỏ dở tô hủ tiếu.

Khi về tới Washington, Nutter viết phiếu trình lên John O. Marsh, cố vấn của Ford, kêu gọi ủng hộ Việt Nam Cộng hòa. Nutter nhất quyết rằng miền Nam sẽ tồn tại được nếu quốc gia này có phương tiện để chống trả những cuộc tấn công của quân chính quy Bắc Việt. Nhưng nếu Hoa Kỳ ngưng viện trợ thì sẽ gây hậu quả trầm trọng cả về vật chất lẫn tinh thần. Nutter viết cho March như sau:

Tôi chưa thấy ông Thiệu và các tướng lãnh Việt Nam có khí sắc u sầu như vậy bao giờ. Họ sẽ càng mất tinh thần nếu Bắc Việt tiếp tục gây áp lực... Tôi tin rằng hành động của Quốc hội và hậu quả tai hại của việc cắt viện trợ là đầu mối của những cuộc xáo

trộn chính trị và biểu tình trong vài tuần lễ gần đây (tại Sài Gòn). Tình hình sẽ bất ổn về cả chính trị lẫn quân sự, và mọi sự có thể đổ vỡ nếu không xoay ngược được chiều hướng này. Nếu phải lựa chọn, ta nên viện trợ quân sự trước, rồi kinh tế sau, để đương đầu với những đe dọa quân sự trước mắt.

Bỏ rơi miền Nam Việt Nam cho đổ vỡ thảm sát chỉ vì hơn kém nửa tỷ đô la sẽ có hậu quả còn sâu xa hơn là xé nát lương tâm của Hoa Kỳ. Nó sẽ là ngọn gió thổi bay ảnh hưởng của Hoa Kỳ tuy còn mạnh nhưng đang yếu dần, trên chính trường quốc tế.[16]

Ông nói với các bạn ông ở Bộ quốc phong: "Thật là bi thảm, ông Thiệu gần như muốn khóc với tôi".

Viện trợ quân sự bị cắt còn 700 triệu (và đây chỉ là con số lý thuyết) và viện trợ kinh tế từ 800 triệu xuống 400 triệu khiến Sài Gòn lại phải xét lại lập trường và đặt dấu hỏi về sự cam kết của Hoa Kỳ.

Thế nhưng Washington lại trấn an. Mặc dù sự thật đã quá phũ phàng, Tổng thống Ford vẫn tiếp tục an ủi Thiệu. Lần này, thay vì viết thư, ông gửi một phái đoàn do Thứ trưởng Quốc phòng Clements cầm đầu tới Sài Gòn. Clement là một giám đốc công ty dầu hỏa ở Texas, mới tham gia chính phủ, nổi tiếng là có tính cương trực và ủng hộ lập trường Việt Nam từ lâu.

Clements mang theo cái bộ tịch huênh hoang và tự tin của người hùng Texas, tính tình dễ dãi, bình dân, dễ được lòng người Việt. Trong một buổi họp,

ông lại hứa với Thiệu rằng chính phủ Hoa Kỳ đang tìm mọi cách để viện trợ quân sự cho Việt Nam. "Xin Tổng Thống đừng lo. Chúng tôi đang tìm mọi cách thuyết phục Quốc hội. Tôi tin chắc rằng cuối cùng Quốc hội sẽ chấp thuận ngân khoản".[17] Hoa Kỳ cố gắng làm như không có chuyện gì xảy ra. Clements được cử sang trấn an ông Thiệu. Ông ta nói đến chiến lược mới của chính phủ để xin Quốc hội viện trợ thêm cho Việt Nam Cộng hòa. Cử chỉ thành thực của Clements dễ làm mọi người xiêu lòng. Ông ta làm như chuyện gì rồi cũng xong hết.

Thiệu chăm chú nghe và gật đầu nhưng với một vẻ mặt mà sau này một nhân viên trong phái đoàn Mỹ tại buổi họp đã mô tả là "Bi quan sâu đậm".[18] Ông Thiệu như bị bủa vây tứ phía. Thật là khó cho Clements có thể trấn an được ông trong lúc này.

Trong buổi họp sau cùng trước khi trở về, phái đoàn Hoa Kỳ đã thảo luận đến vấn đề "thời gian tính" của quân viện và làm sao du di quỹ phát triển để đáp ứng nhu cầu hiện tại. Họ nghĩ đến việc xin Quốc hội 300 triệu thêm cho quân viện. Đại sứ Martin, lúc nào cũng lạc quan, trấn an ông Thiệu rằng: "Cánh cửa viện trợ chưa đóng hẳn" và "ta chưa khai thác hết mọi cách". Martin chế giễu những "tay đĩ điếm tiền bạc" ở Ngũ Giác Đài và Quốc Hội không chịu xuất tiền và ngăn chận viện trợ cho chính phủ Sài Gòn. Clements hứa sẽ bắt tay vào việc ngay khi về tới Washington.

*
* *

Nhưng mùa hè năm ấy, một mùa hè đầy thảm thương, và là mùa hè cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa, cả tình hình quân sự lẫn kinh tế đều đi vào chỗ bế tắc. Con số thương vong ở chiến trường lại vùn vụt gia tăng. Bắc Việt bắt đầu pháo kích Huế và chiếm những cao địa dọc Quốc lộ 1 ở Vùng I Chiến Thuật. Ở các vùng khác, chúng bắt đầu mở những cuộc tấn công thăm dò để phân tán mỏng quân đội Việt Nam Cộng hòa.[19] Trước tình thế đó, ông Thiệu muốn có dịp gặp thẳng tân Tổng Thống Ford để cầu cứu và xem thái độ của ông ta ra sao. Ông bèn cử Ngoại Trưởng Vương Văn Bắc đi Washington mang theo một lá thư riêng của ông gởi Tổng Thống Ford. Ông Bắc vừa thay ông Lắm trong chức vụ Ngoại Trưởng ngày 8 tháng 11, 1973, và ông Lắm giữ chức Chủ tịch Thượng Viện. Ông Bắc đã từng ở Washington trong chín tháng hồi 1956 dưới thời Tổng Thống Eisenhower để nghiên cứu guồng máy chính quyền Hoa Kỳ.[20] Ông đã từng là Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Luân Đôn là là Cố vấn của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa trong cuộc hội đàm Paris hồi 1968 và 1972. Bắc gặp Kissinger lần đầu tiên ở Sài Gòn năm 1965 trong một bữa ăn sáng khi Kissinger còn là giáo sư trường Đại học Harvard sang Việt Nam nghiên cứu tình hình. Kissinger đưa Bắc và Đại sứ Phượng vào gặp Tổng Thống Ford ở tòa Bạch Ốc. Buổi họp

kéo dài chừng 30 phút. Bắc trình lá thư của Thiệu và nói rõ từng điểm trong lá thư. Bắc quả quyết với Ford rằng Việt Nam Cộng hòa sẽ nói chuyện với Bắc Việt nếu họ tôn trọng Hiệp định Paris. Ông lập lại quan điểm của Việt Nam Cộng hòa về vụ Watergate, coi đó là "việc nội bộ của Hoa Kỳ, nhưng thật ra nó đã ảnh hưởng đến dư luận quần chúng và tinh thần quân sĩ ở Việt Nam không ít. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa muốn biết chắc chắn rằng việc thay đổi nhân sự trong chính phủ Hoa Kỳ không ảnh hưởng đến vấn đề viện trợ".

Ford tỏ vẻ thân mật và không ngần ngại ca ngợi Kissinger trước mặt Bắc và Phượng. Ông Ford nói: "Các ông có thể tin rằng chúng tôi bao giờ cũng hành động như một người bạn tốt và là cộng sự viên của Việt Nam Cộng hòa".[21] Buổi họp bàn đến vấn đề tôn trọng bản Hiệp định và phương cách để đối phó với những vi phạm của Bắc Việt. Tuy Ford chỉ tỏ ý tiếp tục ủng hộ và tránh không nói tới cam kết về bất cứ một điều riêng biệt nào, Bắc đã hài lòng về lời tuyên bố tích cực của Ford là Hoa Kỳ sẽ là "cộng sự viên" của Việt Nam Cộng hòa.

Ở Quốc hội, Bắc gặp nhiều chống đối và nghi kỵ hơn. Các nghị sĩ kêu gọi Việt Nam Cộng hòa phải thích nghi với Việt Cộng. Thượng nghị sĩ Adlai Stevenson đòi ông Thiệu phải từ chức, "sau đó, nếu Bắc Việt tiếp tục gây hấn thì Hoa Kỳ sẽ can thiệp". Bắc trả lời: "Thưa Thượng nghị sĩ, chúng tôi chỉ còn

có một chính phủ hợp hiến là một bằng chứng duy nhất tượng trưng cho sự hợp pháp và ổn định của Việt Nam Cộng hòa. Nếu bây giờ chúng tôi bỏ nó đi thì còn gì nữa"?[22]

Về phía Hành pháp thì vẫn còn nhiều hứa hẹn yểm trợ. Họ nói cho Bắc yên tâm rằng không được Quốc hội chấp thuận thì cuối cùng họ cũng tìm cách giúp được. Khi Bắc tới Bộ Quốc phòng, Schlesinger nói: "Dù Quốc hội định sao đi chăng nữa thì tôi cũng đứng về phía các ông". Bắc nhớ lại cách phát biểu khác thường của Schlesinger và cho rằng ông này sẽ ủng hộ Việt Nam Cộng hòa kêu gọi Quốc hội tăng viện.

Bắc nói với Schlesinger: "Tôi tin vào lời hứa của ông Bộ trưởng, nhưng chúng tôi không hiểu rõ thủ tục phức tạp ở Quốc hội về việc cung cấp ngân khoản ngoại viện. Tôi nghĩ rằng những lời hứa hẹn của Tổng thống đã được đưa ra trước lúc Quốc hội hạn chế quân viện cho Việt Nam Cộng hòa. Hoa Kỳ có nghĩa vụ long trọng với Việt Nam Cộng hòa kể từ lúc ký kết Hiệp định Paris".[23]

Tuy Bắc đã phải ưu phiền vì không thể thuyết phục Ford gặp ông Thiệu, ông đã lại một lần nữa nhận được những trấn an từ phía Hoa Kỳ rằng, lập trường của Hoa Kỳ về Việt Nam Cộng hòa không có gì thay đổi, và tân Tổng Thống lại cam kết sẽ tìm mọi cách để thỏa mãn nhu cầu viện trợ. Ngày 24 tháng 10, Ford viết cho Thiệu:

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi rất hân hạnh được gặp Ngoại Trưởng Bắc và nhận được lá thư của Ngài đề ngày 19 tháng 9. ***Chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam vẫn không có gì thay đổi dưới chính phủ do tôi lãnh*** đạo. *Chúng tôi tiếp tục ủng hộ những nỗ lực của quí chính phủ để bảo vệ và phát triển nền độc lập và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Chúng tôi bao giờ cũng tin tưởng vào sự can đảm, quyết tâm, và tài khéo léo của nhân dân và quân đội Việt Nam Cộng hòa.*

Tôi hoàn toàn thông hiểu và chia xẻ mối quan tâm của Ngài về tình hình hiện tại ở Việt Nam, nhất là khi Bắc Việt tiếp tục gây hấn. Tôi cũng biết được sự thiết yếu của viện trợ quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ cho quí quốc lúc này. ***Tôi xin cam đoan rằng chính phủ của tôi sẽ làm*** đủ ***mọi cách để có thể thỏa mãn nhu cầu của Việt Nam Cộng hòa***.

Mặc dù tôi muốn có dịp được gặp Ngài để thảo luận những biện pháp để duy trì hòa bình cho Việt Nam, nhưng rất tiếc buổi họp không thực hiện được trong lúc này vì những bận rộn đã ký thác từ trước của tôi. Nhưng tôi hy vọng sẽ được gặp Ngài trong tương lai.

Tôi đồng ý với Ngài rằng chính phủ tôi phải làm sáng tỏ vấn đề là sẽ ủng hộ chính phủ Ngài và nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định *Paris. Nhưng tôi nghĩ rằng lời tuyên bố công khai của tôi ngày 9 tháng 10, buổi họp của tôi với Ngoại trưởng Bắc, và sự thăm viếng*

của Thứ trưởng Quốc Phòng Clements đều đã nói lên những cam kết của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa. Chúng tôi cũng đã thông báo cho các quốc gia khác quan tâm đến Việt Nam biết rằng Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ Việt Nam Cộng hòa và mong muốn thi hành đúng đắn Hiệp định Paris. Tôi muốn sẽ có nhiều dịp khác để bày tỏ sự ủng hộ của tôi đối với Ngài và cho nền hòa bình mà chúng ta đã cùng nhau xây dựng.

Hai quốc gia chúng ta cùng nhau trải qua rất nhiều khó khăn cả trong quá khứ lẫn tương lai. Tôi tin chắc rằng chúng ta sẽ vượt qua được những khó khăn đó nếu chúng ta cùng nhau đối phó bằng sức mạnh và quyết tâm.

Kinh chúc Ngài và nhân dân anh dũng miền Nam Việt Nam được mọi sự tốt đẹp.

Trân trọng

(kt) Gerald R. Ford

Nhận được thư Ford, Thiệu thấy thất vọng. Ford đã tránh né không dám công khai tuyên bố ủng hộ Việt Nam Cộng hòa và đòi Bắc Việt phải thi hành hiệp định Paris. Ông cho rằng ông tiếp ông Bắc và gửi Thứ trưởng Clements sang Sài Gòn thế là đủ tỏ ra ủng hộ rồi. Niềm hy vọng khi nhận được thư đầu tiên của Ford đã dần dần tan biến như một giấc mơ.

Ngoài chiến trường, đạn dược và xăng nhớt đã sắp cạn. Từ tháng 7, 1974, 2 sư đoàn chính quy của BV – SĐ 304 và SĐ 2 –đã tung hoành ở vùng đồi núi 2 quận Đức Dục và Thường Đức phía Tây Nam

Đà Nẵng. Tháng 9, sư đoàn 324 lại đến tiếp viện, chiếm trọn quận Thường Đức, và vùng đồi núi cao phía Nam Thừa Thiên, làm cản trở việc xử dụng phi trường Phú Bài để tiếp liệu cho Huế. Tướng Trưởng cho SĐ1 với sự tăng cường của Biệt Động Quân, phản công để lấy lại đất đai bị chiếm. Chiến dịch phản công kết quả tốt và Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã chiếm lại được hầu hết đất đai đã mất. Tuy nhiên, bao nhiêu kho đạn dự trữ tại vùng 1 đã bắt đầu cạn và số binh sĩ tử thương bỗng nhiên vụt lên cao: mùa hè năm đó đã biến thành một mùa mùa hè đỏ lửa thứ hai, trước một mùa thu đông đầy sôi động và đẫm máu.

chương XV
hoàng hôn của nền cộng hòa

"Tháng 10-1974, trời cuối thu đã bắt đầu lạnh, gợi cho cán bộ quân sự chúng tôi nhớ đến mùa chiến dịch sắp tới", Văn Tiến Dũng, nguyên Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Bắc Việt, đã viết như thế trong tập hồi ký *Đại thắng mùa Xuân*. Động cơ thúc đẩy Hà Nội lấy quyết định cuối cùng mở cuộc tấn công xâm chiếm miền Nam năm 1975, như Dũng đã thú thực, là nhận xét thấy rằng "Nguyễn Văn Thiệu phải kêu gọi quán đội chuyển sang cung cách tác chiến "kiểu nhà nghèo"! Dũng cũng đã ý thức được rõ ảnh hưởng của sự giảm quân viện Mỹ đối với khả năng chiến đấu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa (QLVNCH). Như hắn nhận xét: "Mỹ giảm viện trợ làm cho kế hoạch tác chiến và xây dựng lực lượng" của QLVNCH "không thể thực hiện theo ý muốn. Dường như Cộng sản đã nắm được những bản nhận định tình hình mật, nên Dũng cũng đã ước tính khá đúng khả năng chiến đấu sút giảm của

QLVNCH: "Chi viện hỏa lực sút giảm gần 60% vì thiếu bom, đạn, sức cơ động cũng sút giảm 50% vì thiếu máy bay, thiếu xe, thiếu cả nhiên liệu".[1]

Sau khi Quốc hội Hoa Kỳ giảm viện nặng nề vào tháng 8-1974, Cộng sản liền gia tăng vi phạm Hiệp định. Hưng thúc giục Thiệu bắt đầu tuyên bố công khai về những nguy cơ sắp tới mặc dù phía Hoa Kỳ khuyến cáo ngược lại. Tuy nhiên, từ phía Washington đã không có phản ứng gì: giới chức Hoa Kỳ đã bác bỏ luận cứ cho rằng cuộc tấn công đại quy mô của địch có thể xẩy ra vào năm 1975. Thiệu cho chỉ thị duyệt lại toàn bộ tình hình viện trợ. Bộ Tổng tham mưu (TTM) được lệnh ước tính cho thật sát khả năng chiến đấu thật sự của QLVNCH về mặt quân số và đạn dược ngoài mặt trận. Theo dự tính, đạn dược đã xuống tới một mức thấp kém nguy hiểm, và ngay cả phòng Tùy viên Quốc phòng Hoa Kỳ ở Sài Gòn (DAO) cũng lo ngại rằng, nếu xử dụng theo nhịp độ tác chiến tập trung, thì "hệ thống tiếp liệu có thể gặp nguy cơ bất cứ lúc nào".[2]

Thiệu chỉ thị Bộ TTM không được dùng lối ước tính lý thuyết cũ, nghĩa là chỉ căn cứ vào những bản cầu viện hoặc số tiếp liệu sắp tới, mà phải ước tính theo số tồn kho hiện có: bao nhiêu khẩu đại bác, bao nhiêu tấn đạn, bao nhiêu phi cơ trực thăng, v.v. Hưng được lệnh phúc trình về mức độ, cơ cấu và mô thức quân và kinh viện trong quá khứ, hiện tại và tương lai, tính ra thành số mỹ kim. Kết luận phúc trình của

Hưng: Mức viện trợ có thực cho tài khóa 1975 chỉ còn bằng một phần ba mức viện trợ trung bình hàng năm, từ 1970 đến 1973, mà thôi. Hưng viết: "Quân viện, và do đó, khả năng chiến đấu của ta, đã bị giảm sút 60 phần trăm, và kinh viện 66 phần trăm". Trong hồi ký, Văn Tiến Dũng cũng dùng đúng những con số đã ghi trong phúc trình của Hưng, kể cả chữ "tài khóa" là một quan niệm còn xa lạ ngay cả đối với các tướng lãnh Việt Nam Cộng hòa đã từng làm việc sát cánh người Mỹ bao nhiêu năm, chứ đừng nói là đối với một tên tướng Cộng Sản trừ khi hắn đã có được tài liệu cụ thể để mà trích dẫn.

Kết quả nghiên cứu về tình hình viện trợ và tác dụng của nó đối với khả năng chiến đấu của mỗi quân, binh chủng đã được đúc kết vào bản ước tính tình báo về cuộc tấn công của Bắc Việt, và được dự đoán sẽ xẩy ra trong năm 1975. Phúc trình mật này đã được xử dụng để báo động chính quyền Ford và Quốc Hội Hoa Kỳ về sự sụp đổ không thể tránh được của Việt Nam Cộng hòa trừ khi Hoa Kỳ tăng quân viện. Đề ngày 9 tháng Giêng 1975, tài liệu được dịch sang Anh ngữ để Đại tướng Cao Văn Viên dùng trong khi lược trình tình hình quân sự cho các viên chức chính phủ và thành viên Quốc hội Hoa Kỳ sắp sang Sài Gòn công du. Viên trình bày chi tiết những vụ vi phạm Hiệp định của Bắc Việt, và việc chúng đưa thêm nhiều quân và trang bị vào Nam kể từ khi ngưng bắn. Rồi ông liệt kê "nhiều dấu hiệu cho thấy

địch đang chuẩn bị tấn công đại qui mô năm 1975". Cùng với việc thay đổi cơ cấu chỉ huy và sự thành lập cũng như trang bị các sư đoàn mới, Cộng sản còn tái điều động nhiều Sư đoàn vào miền Nam và chuẩn bị di chuyển các lực lượng trừ bị chiến lược vào Nam. Rõ ràng là đang có những chuẩn bị cho một chiến cuộc tăng cường vào năm 1975. Hoặc là quân đội Bắc Việt sẽ cố tìm cách đẩy mạnh diễn trình suy thoái của miền Nam bằng một cuộc tổng tấn công, hoặc chúng sẽ tiếp tục vi phạm ngưng bắn "đồng thời chuẩn bị nắm lấy cái mà chúng gọi là 'thời cơ chiến lược' để tung ra một cuộc tấn công lớn giống như hồi năm 1972".[3] (Xin xem thêm phụ lục D). Trái với điều mọi người tưởng, Sài Gòn và Washington đã không hề ngạc nhiên khi cuộc tấn công mùa Xuân 1975 xảy ra. Một loạt tài liệu tịch thu được của Trung ương cục miền Nam (cơ quan lãnh đạo của Cộng sản) đã tiết lộ chi tiết về chiến lược của địch.

Ngay sau ngày ngưng bắn, Cộng sản đã áp dụng một đường lối hành động "nửa chiến, nửa hòa". Đến tháng Tư, 1973, chúng lại áp dụng chiến lược "hòa bình trong chiến tranh"; thế rồi, bắt đầu từ tháng Mười 1973, chúng ra chỉ thị "tấn công trong hòa bình". Tháng Giêng 1975, trong số báo đầu tiên trong năm, một bài xã luận của tờ *Học Tập* , tạp chí của Đảng Cộng sản Bắc Việt, cho biết là Hội nghị Khoáng đại thứ 23 của Trung ương Đảng Lao động đã nhóm họp, và hàm ý rằng một cuộc tổng công

kích sẽ được thực hiện tại miền Nam. Nghị quyết số 23 đã hạ lệnh tổng tấn công.[4]

Ngay cả trước khi có Hội nghị Trung ương Đảng thứ 23 của Cộng sản, các tài liệu tình báo tịch thu được và những khẩu cung của tù binh BV cũng đều trỏ tới một cuộc tấn công Đông-Xuân 1975. Phiên họp mật tại Dinh Độc Lập ngày 6-12-1974, về tình hình quân sự cuối năm đã đưa đến kết luận là năm 1975 sẽ đánh dấu một cuộc tổng công kích của Bắc Việt ở mức độ tương đương với hồi Lễ Phục Sinh 1972. Việt Nam Cộng hòa dự đoán Bắc Việt sẽ mở cuộc tấn công cùng thời với kỳ bầu cử Tổng Thống ở miền Nam vào tháng 10-1975, rồi kéo dài cho tới cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm 1976 – giống như chúng đã làm hồi 1968 và 1972.

Lời cảnh cáo được chuyển sang Washington sau đó đã thật rõ ràng: Một cuộc tấn công sắp bắt đầu, và vùng cao nguyên Trung phần sẽ là mục tiêu thứ nhất.

Qua Đại sứ Martin, Thiệu viết cho Ford trình bày ước đoán về ý định của Bắc Việt. Đồng thời ông chỉ thị cho Tướng Viên lược trình với Tùy viên Quốc phòng Mỹ, Tướng Homer Smith, và với mỗi viên chức Mỹ qua thăm Sài Gòn hồi đó. Tướng Đôn, hồi ấy là Phó Thủ tướng đã bay qua Washington vào mùa đông 1974, gặp Thứ trưởng Quốc phòng William Clements để cố thuyết phục về mối nguy cơ sắp tới đó. Đôn sau này kể lại phản ứng của Clements: "Đừng có lo, sẽ không có tấn công đâu. Vả lại, chúng tôi còn đây".[5]

Cuối tháng Chạp 1974, sau khi tỉnh Phước Long gần biên giới Việt-Miên thất thủ, Hưng lại có cơ hội báo động trước cho các viên chức Hoa Kỳ, kể cả Bộ trưởng Quốc phòng James Schlesinger, biết về cuộc tấn công sắp xảy ra. Phước Long là tỉnh lỵ đã mất về tay quân đội chính quy Bắc Việt trước nhất. Đây là một vi phạm ngưng bắn rõ ràng. Hưng được cử sang Washington để cầu thêm viện trợ và nhận định về viễn ảnh cho năm tới. Chỉ có Eric Von Marbod là chú ý đến lời cảnh cáo của Hưng, và hứa sẽ phúc trình cho Schlesinger biết. Nhưng các lời cảnh cáo đã bị làm ngơ: Phản ứng chính thức của Hoa Kỳ đủ mọi giới là sẽ không có tấn công đại qui mô vào năm 1975.

Sự làm ngơ và không tin ấy thực ra là cố tình. Nó xuất phát từ sự nhất trí trong giới cố vấn mà Ford đã đưa vào tòa Bạch Ốc là: Quốc hội và dân chúng Hoa Kỳ sẽ không ủng hộ một cuộc tái can thiệp vào cuộc chiến dù chỉ bằng cách gia tăng quân viện và tái tục oanh tạc.[6] Dù những người ủng hộ Việt Nam Cộng hòa kiên quyết như Đại sứ Martin và Thứ trưởng Quốc phòng Clements luôn luôn trấn an chính phủ Thiệu, tại Hoa Kỳ quần chúng đã chống đối "chiến tranh của Nixon". Khi Nixon từ chức, thì ý chí chiến đấu cũng theo ông đi mất. Các viên chức bộ ngoại giao Mỹ và Cơ quan Phát triển Quốc tế (AID) khuyên Hưng nên về cố vấn cho ông Thiệu đừng công khai báo trước mối đe dọa của Cộng sản, sợ rằng nó có thể ảnh hưởng bất lợi đối với công cuộc

đầu tư của người Mỹ tại Việt Nam. Họ bảo rằng, nếu cứ la lối là Bắc Việt sắp xâm nhập thì giới đầu tư Mỹ sẽ chạy đi hết, với hậu quả là sẽ không có ngoại tệ vô cùng cần thiết để thay thế tiền viện trợ Hoa Kỳ. Các chương trình đầu tư như xây cất khách sạn Hyatt Regency 550 phòng, cao hai-mươi-hai tầng, với một trung tâm hội nghị có tiêu chuẩn quốc tế, tại bờ sông Sài Gòn, với một chi phí ước tính là 15 triệu rưỡi mỹ kim chẳng hạn, sẽ bị hủy bỏ ngay tức khắc. Nhưng Hưng cho rằng các lập luận ấy không thực tế, và cãi với họ: "Nếu không có viện trợ quân sự, thì đâu còn lãnh thổ và đâu còn du khách! Quân viện trong thời gian này còn quan trọng hơn cả kinh viện hay đầu tư". Anh khuyên ông Thiệu cứ việc phản kháng Cộng sản vi phạm Hiệp định.

Vì Washington vô tình hay cố ý đặt nhẹ mối đe dọa của Hà Nội nên nhiều loại tin đồn đã loan truyền trong các cấp viên chức chính phủ Sài Gòn là người Mỹ chắc đã có đổi chác gì đây với Liên Xô và Trung Cộng về vấn đề Việt Nam. Có lẽ là chừng nào Sài Gòn sụp đổ thì "đêm canh xác sẽ ngắn đi để giảm thiểu tối đa những hậu quả bất lợi cho Hoa Kỳ trên sân khấu quốc tế".[7]

Ngày 2 tháng 1, 1975, Thiệu chủ tọa một phiên họp khẩn cấp tại Phòng Ước Đoán Tình Hình Dinh Độc Lập. Với sự có mặt của đông đủ các cấp chỉ huy, ông quyết định không tăng cường Phước Long hoặc cố chiếm lại tỉnh lỵ đó, vì giá phải trả sẽ quá cao;

không có phi cơ thay thế và không có quân trừ bị. Nếu đổ các đơn vị tổng trừ bị vào Phước Long, thì sẽ phải rút khỏi những nơi quan trọng trong khi theo tin tình báo của ta cho biết, Bắc Việt đang chuẩn bị cho cuộc tấn công 1975. Đối với Cộng sản, thắng lợi Phước Long chẳng phải là chiếm được một tỉnh lỵ nghèo nàn, mà chính là như Tưởng Viên sau này nhận định: "Những gì chúng đã đạt được về mặt tâm lý và chính trị còn quan trọng hơn. Đó là bước lớn đầu tiên của chúng để đi tới sự chinh phục quân sự hoàn toàn, ngang nhiên mà không sợ Hoa Kỳ sẽ phản ứng. Phước Long mất, Hoa Kỳ làm thinh. Thử hỏi có sự khích lệ nào lớn hơn nữa cho Cộng sản"?[8]

Cho đến ngày 14 tháng Giêng, 1975 sau khi Phước Long đã mất, Bộ trưởng Quốc phòng James Schlesinger vẫn còn đánh giá thấp ý đồ của Bắc Việt. Trong một cuộc họp báo tiếp theo sau cuộc tấn công Phước Long, ông nói:

Hiện nay tình hình ở Nam Việt Nam có vẻ như là Bắc Việt có thể sẽ không mở một cuộc tấn công ồ ạt, toàn quốc. Điều mà chúng đang cố gắng, là làm suy yếu khả năng kiểm soát của chế độ Việt Nam Cộng hòa, nhất là đảo ngược những tiến triển của (chương trình) bình định mà tới nay đã vô cùng thành công. Cho nên, mấy tháng sắp tới, chắc là ta sẽ thấy một số cao điểm về phía Bắc Việt. Chứ lúc này thì tôi không thấy có thể xảy ra một cuộc tổng tấn công lớn, toàn quốc, giống như loại tấn công hồi năm 1972.[9]

Được hỏi dựa vào đâu mà ước đoán rằng Hà Nội sẽ không tấn công đại qui mô vào năm 1975, Schlesinger đáp "Dựa vào sự chuyển quân của chúng, theo chúng tôi biết".[10]

Hưng rất kinh ngạc. Trong chuyến đi Washington vừa qua anh đã được cho coi những không ảnh trinh sát về sự xây dựng lực lượng của Bắc Việt, với nhiều vũ khí Nga mới tiếp tế. Trở về Sài Gòn, Hưng cũng đưa cho Thiệu coi những tấm không ảnh đó, và Thiệu đã vô cùng lo âu.

Lời bình luận của Schlesinger đến với Hưng như một gáo nước lạnh. Hưng vẫn thường quí trọng Schlesinger như một người thầy và một người bạn. Anh nói với Thiệu: "Tôi đã đích thân giải thích tình hình cho ông ta hồi tháng Chạp 1974, và yêu cầu Eric Von Marbod theo dõi tiếp. Trong những lần nói chuyện với Schlesinger tôi luôn luôn thấy ông ta có thiện cảm với VNCH. Ông có một đức tính không thấy ở Kissinger, là lòng chính trực. Tôi không thể tưởng tượng được rằng Schlesinger đã không biết gì về những tin tức tình báo cho biết trước các kế hoạch tấn công của Bắc Việt". Những lời nhận xét của Schlesinger sau đó được chính phủ Sài Gòn phân tích và thảo luận. Chỉ có mỗi một kết luận: các viên chức cao cấp Mỹ đã quyết định cố tình coi nhẹ những cuộc vi phạm đình chiến của Bắc Việt. Hưng đã nhận định: "Dường như chính quyền Ford đã quyết định bỏ rơi miền Nam Việt Nam, và đoạn

cuối của "thời gian trông được" – nói theo kiểu Kissinger – đã đến.

Dưới mắt chúng tôi thì dường như Hoa Kỳ đã không muốn mang tiếng là không giúp đồng minh của mình, bởi lẽ như vậy sẽ có một ảnh hưởng bất lợi cho hình ảnh một đại cường quân sự. Đúng hơn, họ đã cố tạo ra một ấn tượng sai lầm là ta đã không thể đối phó được với mức độ tấn công thông thường của Cộng Sản".

Ý định của Schlesinger là cố tìm cách ngăn giữ Hà Nội bằng cách nói bóng gió là Hoa Kỳ có thể tái oanh tạc. Trong một cuộc họp báo, Schlesinger đã nhận định: "Tôi nghĩ rằng Bắc Việt vẫn còn tôn trọng sức mạnh của Mỹ, họ không coi nhẹ sức mạnh của Mỹ, và miễn cưỡng lắm họ mới lấy những biện pháp mà họ có thể khiến Hoa Kỳ lại dùng đến sức mạnh ấy".[11]

Khi nghe được những lời bình luận ấy của Schlesinger, tướng Dũng và Bộ Chính trị Bắc Việt chắc không khỏi mừng thầm trong bụng. Sự thiếu phản ứng của Mỹ đối với những vi phạm ngưng bắn đã là một yếu tố lớn khiến Bắc Việt cứ tiến hành đường lối của chúng. Bình luận về phản ứng của H về vụ Phước Long, tỉnh lỵ thứ nhất của miền Nam Việt Nam bị Cộng sản chiếm đứt, Dũng sau này viết:

Lúc đầu, Mỹ hùng hổ cho hàng không mẫu hạm nguyên tử Enterprise, dẫn một lực lượng đặc biệt của Hạm đội 7 từ Phi Luật Tân tiến về phía bờ biển Việt Nam: ra lệnh đặt sư đoàn 3 Thủy quân lục chiến Mỹ

ở Okinawa trong tình trạng báo động khẩn cấp. Bọn hiếu chiến ở Ngũ Giác Đài dọa ném bom trở lại miền Bắc nhưng rồi cuối cùng Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Schlesinger muốn bỏ qua sự kiện Phước Long và tuyên bố: "Đây chưa phải là một cuộc tấn công ồ ạt của Bắc Việt." Hắn phớt lờ lời kêu gọi thảm thiết của Thiệu. Đại sứ Mỹ Martin ở Sài Gòn nói với Thiệu: "Việc yểm trợ của Mỹ lúc này chưa được phép". Rõ ràng là Mỹ đang ở cái thế một khi đã ra khỏi Việt Nam thì khó mà trở lại được".[12]

Những lời tuyên bố của Schlesinger được đưa ra trong khi các lực lượng trừ bị của Hà Nội sư đoàn 312, 316, 341, và 308 – đang trên đường vào Nam. Các cuộc chuyển quân BV đã có thể quan sát thấy giữa ban ngày ban mặt theo hai hành lang vô Nam là đường mòn Hồ Chí Minh qua ngã Lào, và hành lang Trường Sơn, con đường dài 600 dặm Anh từ vùng Phi Quân Sự tới Tây Ninh.

Ý định của Schlesinger cố tình làm giảm tầm quan trọng của vụ tấn công Phước Long đã khiến ông Thiệu lo ngại. Một ký giả phụ trách theo dõi tin tức từ Ngũ Giác Đài hồi đó mô tả lời tuyên bố của Schlesinger là "tối nghĩa như lời sấm Apollon". Thiệu bèn quyết định viết thư thẳng cho Ford. Ngày 24 và 25 tháng Giêng 1975, ông báo trước những hoạt động và ý định của địch, và kêu gọi quân viện mau lẹ để duy trì Hiệp định Paris. Thiệu cũng đề nghị thương thuyết trở lại với Bắc Việt.

Không ai còn nói đến vấn đề xua đuổi giới đầu tư Mỹ ra khỏi Việt Nam nữa. Tại Sài Gòn, các chuyên viên kinh tế vẫn tiếp tục thảo luận với đại diện của hai hệ thống khách sạn Hilton và Hyatt để xây cất trung tâm hội nghị quốc tế và cơ sở du lịch. Các đại công ty dầu hỏa quốc tế vẫn đấu thầu để đặt giàn khoan tìm dầu ngoài khơi Nam Việt Nam. Nhưng, tất cả sẽ mất hết nếu không đủ quân viện để chận đứng cuộc tấn công của Cộng sản.

Hưng thúc giục ông Thiệu cho một loạt phỏng vấn trên đài truyền hình Mỹ để tố cáo Cộng sản và yêu cầu Hoa Kỳ bắt Bắc Việt phải thi hành hiệp định đình chiến trước khi quá muộn. Ngày 28 tháng Giêng, ngày mà Ford yêu cầu Quốc hội Hoa Kỳ chuẩn chi ngân khoản 300 triệu mỹ kim viện trợ quân sự bổ túc cho Việt Nam, Thiệu đồng ý cho Philip A. McCombs, đặc phái viên của nhật báo *The Washington Post*, đến phỏng vấn.

Trong cuộc phỏng vấn lâu hơn một tiếng đồng hồ. Thiệu đã không hề đả động tới những mật thư mà chỉ kêu gọi Quốc hội Hoa Kỳ chấp thuận "ngân khoản tối thiểu 300 triệu mỹ kim quân viện cấp thời". Khi được hỏi là ông có cảm thấy bị Hoa Kỳ phản bội không, Thiệu đáp: "Chưa, vì tôi rất tin tưởng Hoa Kỳ, một nước chưa hề thua một cuộc chiến tranh nào, và chưa hề từ chối giúp đỡ một dân tộc nào có ý chí bảo tồn nền độc lập của họ, sẽ yểm trợ chính phủ Sài Gòn". Thiệu cũng nhận định rằng kể từ khi ký hiệp

định đình chiến đến lúc đó, 149.000 người Việt đã bị chết, và 1 triệu 400 ngàn người đã lâm cảnh màn trời chiếu đất.

Cũng vào khoảng thời gian đó, Thiệu nhờ cậy đến sự giúp đỡ của Tướng Haig, lúc bấy giờ đã được giao phó chức vụ tư lệnh các lực lượng thuộc tổ chức Hiệp ước Bắc Đại tây dương ở Âu Châu. Thiệu phái Nguyễn Phú Đức đi gặp Haig – lúc ấy, Đức cũng đã là Đại sứ tại Bỉ. Khi gặp lại Haig, người mà Đức đã quen biết nhiều qua những phiên họp đầy sóng gió ở Sài Gòn mấy năm trước, Đức duyệt lại tình hình đang suy sụp tại Việt Nam. Đức hỏi Haig: "Tổng Thống Thiệu đã yêu cầu tôi hỏi ông một câu hỏi duy nhứt. Nếu như hồi đó ông đã biết những gì mà hiện giờ ông chứng kiến, thì liệu ông có đòi chúng tôi ký Hiệp định Paris không"? Cuộc gặp gỡ làm Haig vô cùng xúc động. Tháng Hai ông trở về Washington xin được gặp riêng Tổng Thống Ford. Ông bất mãn về việc Hoa Kỳ thiếu phản ứng đối với những vi phạm của Bắc Việt đến độ toan từ chức. Haig vào gặp Ford riêng và nói: "Thưa Tổng Thống, Bắc Việt đã vi phạm Hiệp định Paris trắng trợn như thế, Ngài phải có một lập trường mạnh và dội bom trở lại, dù là Quốc hội cố lấy quyền lập pháp bãi bỏ quyết định đó". Ford đáp: "Tôi không thể làm như thế được. Nước này đã chán ngấy chiến tranh rồi". Haig vẫn một mực thôi thúc Ford, vì uy tín quốc gia và vì tương lai chính trị của bản thân mình, nên nghĩ lại: "Ngài phải xắn

tay áo lên như Harry Truman trước kia và lấy một lập trường có nguyên tắc. Chỉ như vậy, Ngài mới sẽ đắc cử Tổng Thống. Nếu không, Ngài sẽ không bao giờ được trở lại tòa Bạch Ốc một lần nữa. Ngài phải chứng tỏ tài lãnh đạo của Ngài trong lúc này, trước khi quá muộn".[13]

Để duyệt xét thỉnh cầu của Ford xin chuẩn chi ngân khoản 300 triệu MK viện trợ bổ túc cho Việt Nam Cộng hòa, Thượng và Hạ viện Hoa Kỳ thành lập một phái đoàn luỡng đảng gửi qua Sài Gòn. Hai người trong phái đoàn tới Sài Gòn ngày 24 tháng 2, ba ngày trước nhóm chính, là thượng nghị sĩ Dewey F. Bartlett (Cộng hòa, Oklahoma) và Dân biểu Paul McCloskey (CH-California). Những thành viên còn lại là các Dân biểu William V. Chappell (Dân chủ-Florida), Donald N. Fraser (DC-Minnesota), Bella Abzug (DC-New York), Millicent Fenwick (CH-New Jersey), John P. Murtha (DC-Pennsylvania) và John J. Flynt (DC-Georgia). Tháp tùng phái đoàn còn có Philip C. Habib, Phụ tá Ngoại trưởng đặc trách Đông Nam Á và Thái bình dương Sự vụ, Eric Von Marbod, Phó phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng và trên mười chuyên viên.

Lá thư của Ford hồi âm cho Thiệu tới ngày 26 tháng 2, một ngày trước khi phái đoàn lập pháp đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Ford trấn an Thiệu là Hoa Kỳ sẽ "***tiếp tục*** đòi hỏi ***thực thi hoàn toàn***" Hiệp định Paris. Ông viết: "***Chúng tôi cực lực ủng hộ***

nỗ lực của Ngài nhằm tái nhóm thương thuyết, và chúng tôi sẽ làm mọi cố gắng *để cung* ***ứng sự yểm trợ thật là cần thiết cho cuộc tranh đấu của (VNCH) cho tới khi nào có được hòa bình***".

Giọng điệu lá thư nói chung rất thận trọng và dè dặt:

Các lá thư ân cần của Ngài đề ngày 24 và 25 tháng Giêng đến đúng vào lúc Việt Nam đang ở trong tâm trí tôi cũng như tâm trí những người khác tại nước này và khắp nơi trên thế giới. Tôi xin được chia xẻ mối quan tâm của Ngài về việc Bắc Việt không làm tròn nhiệm vụ tôn trọng những điều khoản cơ bản nhất của Hiệp định *Paris, và về mức độ gia tăng của* áp *lực quân sự Bắc Việt. Tôi xin Ngài an tâm là chính phủ chúng tôi sẽ tiếp tục thúc bách đòi thực thi Hiệp định đó.*

Một lần nữa nhân dân và quân lực Nam VN đang chứng tỏ một cách hữu hiệu quyết tâm chống lại các cuộc tấn công của Hà Nội bất chấp những giới hạn hiện có của (quí chính phủ) về đạn được và các đồ tiếp liệu khác. Tôi rất khâm phục thành tích (chiến đấu) của các lực lượng (VNCH) tại tỉnh Phước Long và tại núi Bà Đen, nơi mà họ đã bị tràn ngập bởi số quân đông đảo hơn gấp bội sau khi bị cắt mất nguồn tiếp liệu và tăng viện.

Mặc dù những đề nghị của Ngài muốn tái lập thương thuyết cho đến *nay đã bị từ khước, chúng hiển nhiên chứng minh rằng chính phe Cộng sản – chứ không phải Việt Nam Cộng Hòa – là phe đang kéo*

dài chiến tranh. Chúng tôi tiếp tục tin tưởng rằng việc thực thi Hiệp định Paris, cùng với các cuộc điều đình *trực tiếp giữa các phe phái Việt Nam, là con đường nhanh nhất, hữu hiệu nhất để chấm dứt cuộc đổ máu tại Việt Nam. Nhưng tôi vẫn còn hy vọng rằng nếu ta kiên trì, ta sẽ đạt được mục tiêu của ta là một nền hòa bình công chính, một nền hòa bình trường cửu, và một nền hòa bình phù hợp với nguyện vọng của nhân dân Nam Việt Nam. Có thế, ta mới biện minh được những sự hy sinh của hai dân tộc Việt Nam và Hoa Kỳ.*

Kính thư

(kt) Gerald R. Ford

Thiệu nhận thức rằng lúc này là lúc Quốc hội Hoa Kỳ thủ vai then chốt, và Đại sứ Martin nhấn mạnh cho ông thấy việc cần phải thuyết phục phái đoàn lập pháp chấp thuận ngân khoản bổ túc 300 triệu MK khi trở về Hoa Kỳ sau chuyến viếng thăm này. Sau bao nhiêu tỷ MK, số phận miền Nam Việt Nam bây giờ dường như lệ thuộc vào ngân khoản bổ túc đó: Nó như là một lá bùa hộ mệnh. Chiếm được Phước Long rồi, Cộng sản bắt đầu tái tập trung quân và chờ đợi một phản ứng trả đũa nào đó của Mỹ. Về phía Tổng Thống Ford, thì bởi lẽ đã không quyết định dội bom trở lại, nên việc thỉnh cầu Quốc hội chấp thuận số viện trợ này sẽ là một thử thách về ý định của Mỹ.

Trong suốt thời kỳ chiến tranh, dường như không mấy ai để ý đến sự đi hay đến của các vị đại diện dân cư. Tổng Thống là người quyết định và là người nà

Thiệu cần phải đối phó. Giờ đây, Quốc hội dường như đã nắm được quyền "sinh sát" trong tay. Tướng Viên trước kia thường ví những cuộc oanh tạc bằng B-52 của Mỹ như "thanh gươm của Damocles" treo trên đầu Bắc Việt. Giờ đây thì thanh gươm đó lại do chính Quốc hội Mỹ treo trên đầu nhân dân miền Nam. Sự thực thì lúc này cả hai chánh quyền miền Nam và miền Bắc đều đang chờ đợi xem hành động và lời tuyên bố của Quốc hội Hoa Kỳ ra sao; một bên thì lo sợ và một bên thì hy vọng.

Hà Nội theo dõi hoạt động của phái đoàn lập pháp Mỹ tại Sài Gòn với hy vọng rằng Mỹ sẽ cắt viện rợ cho miền Nam. Sài Gòn thì lại sợ rằng, bằng lời nói hay cử chỉ nào đó, phái đoàn có thể cho kẻ thù của mình một tín hiệu để giải đoán như là một khuyến khích để chúng thực hiện giai đoạn hai của cuộc tấn công sau khi đã chiếm Phước Long.

Kể từ khi hồi hương 1973, Hưng nhớ đã không có một biến cố nào lại chiếm được nhiều sự chú tâm của toàn thể bộ máy và nhân viên chính quyền Sài Gòn bằng việc sang thăm của phái đoàn này. Hội họp đã được tổ chức liên miên để xem phải tiếp đãi họ ra sao. Thiệu còn nghĩ cả đến khía cạnh "con người" nữa. Làm cách nào để đối phó với nữ dân biểu phản chiến Bella Abzug? Ông bèn giao nhiệm vụ trông nom bà này cho Ngoại trưởng Bắc. Trong một phiên họp hội đồng An Ninh Quốc Gia, ông đề nghị: "Anh Bắc này, anh là người trông séduisant (có

sức quyến rũ). Anh nên săn sóc bà Abzug giùm tôi đi". Mọi người đều cười lớn.

Có hai lập luận khác nhau: Một phe cho rằng chính phủ Sài Gòn phải để cho phái đoàn hoàn toàn tự do, muốn đi đâu cũng được, kể cả các nhà giam chính trị phạm, và muốn gặp ai cũng được, kể cả Việt cộng. Phe kia lại cho rằng chính phủ nên hạn chế tối đa những vụ tiếp xúc của phái đoàn, và tập trung cuộc thăm viếng vào tình hình quân sự và kinh tế, hơn là vào những vấn đề chính trị. Họ cũng đề nghị đưa phái đoàn đi thăm các khu mặt trận để gặp các cấp chỉ huy quân sự và được giải thích về tính cách trầm trọng của tình hình.

Hưng ủng hộ quan điểm cho rằng một cuộc thăm viếng được sắp đặt kỹ, tổ chức kỹ, và có kiểm soát, sẽ có lợi cho Sài Gòn hơn cả. Cứ để cho họ tự do đi lại nhiều nơi sẽ chỉ làm cho họ bối rối thêm, không biết rõ đâu là vấn đề nghiêm trọng mà Sài Gòn đang phải đương đầu. Nhưng sau cùng Thiệu quyết định, để cho phái đoàn muốn làm gì thì làm, "thích gặp ai thì gặp".

Giới chức Sài Gòn sợ rằng một thái độ tiêu cực về phía phái đoàn sẽ có nghĩa là hết viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa, thế nhưng nếu theo chỉ thị của Thiệu là để cho họ hoàn toàn tự do tiếp xúc, thăm viếng thì rất có thể họ sẽ khám phá thấy những vấn đề chính trị khó khăn nhất của Sài Gòn lúc bấy giờ. Hưng biết là ông Thiệu rất "nhạy cảm" đối với những

sự phê bình, chỉ trích và rất sốt ruột với những ai coi thường mối đe dọa của Cộng sản. Thế nên anh lo ngại cho ông Thiệu khi ông sẽ phải chạm trán trực tiếp với nhân viên phái đoàn. Đây có thể là cơ hội cuối cùng cho Sài Gòn.

Một khi phái đoàn trở về nước, họ sẽ quyết định chính sách về Việt Nam. Sẽ không còn cơ hội thứ hai hay thứ ba nữa. Hưng biết rằng Bắc Việt đang theo dõi rất sát phản ứng của phái đoàn lập pháp Mỹ. Nếu phái đoàn bác bỏ sự cầu viện của chính phủ Sài Gòn, thì Hà Nội sẽ giải đoán là Mỹ đã nhất định bỏ rơi Việt Nam Cộng hòa rồi, và chúng sẽ toàn toàn tự do thao túng.

Tinh thần của Sài Gòn cũng sẽ bị suy sụp nếu bị Quốc hội Mỹ khước bác viện trợ. Cho tới lúc đó, Thiệu đã chỉ phải đối phó với các vị Tổng Thống Mỹ, là những người có quyết tâm, khôn ngoan về mặt chính trị, và có những đòi hỏi khó khăn nhưng thường giữ lời hứa. Bây giờ, thình lình, ông phải đương đầu với một nhóm dân biểu vô kỷ luật, vô trật tự, và không thân thiện. Cái kẹt là ý muốn bất chợt của nhóm này lại rất có thể quyết định số phận của miền Nam.

Điều tệ hại hơn nữa là cuộc tấn công của BV đã thực sự bắt đầu. Thiệu bảo Hưng: "Tôi sẽ không van xin họ". Ông quyết định sẽ xử sự trang nghiêm, đúng mức, và ôn hòa điềm đạm. Thiệu nói: "Mình phải dò xem liên hệ Việt-Mỹ còn chút gì không hay là đã cạn

tàu ráo máng rồi". Câu tục ngữ này cũng đã được ông nhắc lại nhiều lần trong các buổi họp Hội đồng An Ninh Quốc Gia. Ông cũng băn khoăn không biết có nên công bố những lời cam kết của Mỹ với Việt Nam Cộng hòa hay không. Làm như thế có nghĩa là công khai kết án Mỹ phản bội. Đã quen với nếp sống và lối suy tưởng Mỹ, với ý nghĩa của chữ *fair play* (chơi thẳng, chơi đẹp) của xã hội Mỹ, Hưng đã khuyên ông Thiệu là cứ tiết lộ công khai kêu gọi nhân dân Hoa Kỳ. Mấy người thân cận khác của Thiệu, như Ngoại trưởng Bắc, và Chủ tịch Thượng viện Trần Văn Lắm, thì khuyên ông nên lấy thái độ thận trọng hơn, vì hai quốc gia đã sát cánh nhau lâu quá rồi, đi với nhau một đoạn đường dài uá rồi, nên chắc vẫn còn hy vọng. Thiệu đồng ý. Quyết định của ông là "lúc này chưa nên". Ông sẽ cố tìm cách liên lạc riêng với Ford, hoặc gián tiếp qua ngả trung gian, hoặc trực tiếp bằng thư từ.

Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tìm mọi cách để tỏ lòng hiếu khách đối với phái đoàn dân biểu Hoa Kỳ. Cả một lịch trình linh động đã được sắp xếp: Thăm viếng bất cứ nơi nào tại miền Nam, cơ sở quân sự, khám Chí Hòa, kể cả những cái mà báo chí mệnh danh là "chuồng cọp" ở đảo Côn Sơn. Nhưng thảy đều vô ích. Vừa tới Sài Gòn, nhiều người trong phái đoàn đã tự ý đi riêng, tìm tới những phe phái lãnh đạo chính trị chống đối, những cảm tình viên Cộng sản, và giới báo chí Sài Gòn, với mục đích lấy bằng

chứng về nạn tham nhũng và lạm quyền của chính phủ Thiệu. Họ đòi gặp cho bằng được những người như Huỳnh Tấn Mẫm, Ngô Bá Thành, Cha Thanh, v.v. Bella Abzug, Don Fraser và Paul Mcloskey đã hăng hái nhất trong việc đi tiếp xúc với các lãnh tụ đối lập và phỏng vấn tù nhân. Họ đã gặp đại diện Việt cộng tại phi trường Tân Sơn Nhất để thảo luận về sự đàn áp của chính phủ Sài Gòn và những vi phạm đình chiến của Việt Nam Cộng hòa.

Trước khi phái đoàn tới, chính phủ Sài Gòn đã hy vọng rằng họ sẽ xác nhận mối đe dọa tấn công của Cộng sản Bắc Việt trầm trọng tới mức nào để dự liệu sẽ phải phản ứng ra sao. Đâu ngờ năng lực của họ đã chỉ xài vào việc chứng minh tính chất đàn áp và tham nhũng của chế độ Thiệu. Abzug và Fraser đã đặc biệt thiếu khéo léo ngoại giao và công khai bày tỏ thái độ thù nghịch với chính phủ Sài Gòn. Dân biểu McCloskey cũng thế, cho đến khi Hưng giới thiệu cho ông một nữ dân biểu duyên dáng và nói sõi tiếng Anh của Việt Nam Cộng hòa, bà Trương Thị Bích Diệp, để ông bắt tay thì ông lại quên hết chỉ trích mà chỉ xun xoe trò chuyện hết sức là mềm dẻo! Trong một buổi tiếp tân do Thủ tướng Khiêm khoản đãi, Abzug, bà nữ dân biểu có óc phản chiến cỡ Jane Fonda đã công khai bày tỏ lòng thù nghịch với Việt Nam Cộng hòa bằng cách không nâng ly chúc mừng. Hưng nhìn bà ghê tởm, con người ục ịch thô lỗ với cái mũ bự trên đầu. Vương Văn Bắc

cố gắng thu phục cảm tình của bà, nào cười nói, nào khen các nghiệp đoàn lao công Mỹ (vì bà đại diện cho hội đoàn phụ nữ may vá). Bắc sau này kể lại: "Mình hết cả đề tài nói chuyện để chinh phục bà".[14] Tưởng cũng nên thêm là, bà Abzug đã tự coi mình là "chuyên viên" về Việt Nam: Bà ta đã qua thăm Lào một dịp trước đây, và đã có thành tích không bao giờ tỏ ra một thiện chí nào đối với những gì chính phủ Sài Gòn hoặc viên chức hành pháp Mỹ đề nghị.[15]

Vấn đề phạm nhân chính trị vẫn là một điều bất lợi lớn cho Thiệu. Phái đoàn đòi trả tự do cho mười tám ký giả đã bị nhà cầm quyền câu lưu vì công khai chủ trương chính phủ liên hiệp hoặc vi phạm luật kiểm duyệt. Dân biểu McCloskey và Thượng nghị sĩ Bartlett đòi được gặp các ký giả bị bắt. Báo chí Mỹ đã đăng những hàng tít lớn khi hai người này tường trình rằng họ đã gặp một thiếu nữ mười-chín-tuổi khai là cô "đã bị đánh đập nhiều lắm". Về sau, khi phái đoàn hỏi ông Thiệu về lý do câu lưu các ký giả ấy, thì Thiệu bào chữa cho hành động của một chính phủ thời chiến, nhiều kẻ thù trong cũng như giặc ngoài. Sau này, ông đã ra lệnh trả tự do cho nhóm ký giả, nhưng không thể đảo ngược được ấn tượng mà các câu chuyện về bắt bớ và đánh đập nhà báo đã gây cho phái đoàn lập pháp. Phái đoàn tiếp tục điều tra về những lời tố cáo chính phủ Sài Gòn bắt giữ nhân viên tình báo Việt cộng sau khi ngưng chiến. Trường hợp được nêu lên sôi nổi là Huỳnh Tấn Mẫm, một

trong những tay xách động đầu xỏ của giới sinh viên. Tự xưng là chủ hòa và trung lập, Mẫm đã lãnh đạo các cuộc biểu tình chống chính phủ Thiệu và sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam. Phái đoàn Quốc hội Hoa Kỳ đòi thả Mẫm, và ông Thiệu đã nhượng bộ. Ngày mồng 1 tháng 5, 1975, một ngày sau khi Sài Gòn thất thủ, Mẫm xuất hiện trên đài truyền hình Sài Gòn, ca tụng Bắc Việt, rồi sau đó được tuyên dương và ban thưởng về những công trạng đã làm cho chính nghĩa Cộng sản.[16]

Trong khi báo chí Mỹ, dựa theo tuyên truyền của Cộng sản, kết tội là Sài Gòn đã giam trên 200.000 tù binh chính trị, thì sứ quán Hoa Kỳ ước tính là đến năm 1973, Việt Nam Cộng hòa đã câu lưu khoảng 35.000 tù nhân đủ loại. Tại Chí Hòa, nhà giam lớn nhất ở Sài Gòn, sứ quán ước lượng có lối 7.911 người. Báo chí Mỹ cho là xạo! (Sau khi Sài Gòn thất thủ, Cộng sản chỉ thấy có 7.000 người ở nhà giam này và họ đã được trả tự do). Người lãnh đạo chiến dịch đòi trả tự do cho chính trị phạm là Cha Chân Tín, một linh mục Công giáo tả khuynh ở miền Trung. Nhà báo cũng như những người Mỹ viếng thăm Sài Gòn đã mô tả cha Chân Tín "là một người quan tâm sâu xa đến sự đau khổ của loài người", Trung tâm phản chiến "Tài liệu Đông dương" (Indochina Resoure Center) đã mô tả ông linh mục này như một vị anh hùng và đưa ra những lời tố cáo của ông cho Quốc hội Mỹ như bằng chứng về sự đàn áp của chính phủ

Thiệu. Sau khi Sài Gòn thất thủ, người ta mới tiết lộ rằng Chân Tín và nhiều linh mục Công giáo khác nữa đã thuộc thành phần Cộng sản nằm vùng. Theo Tiziano Terzani, một nhà báo thiên tả Âu Châu đã chứng kiến vụ Sài Gòn thất thủ và ở lại sau đó, thì các linh mục đó "đã tự cho mình là người chủ trương Lực Lượng Thứ Ba, nhưng thực ra đã nằm trong một cuộc điều động có mục đích hỗ trợ cuộc đấu tranh của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam".[17]

*

* *

Tình thế đã đổi mới. Những hoạt động của phái đoàn Quốc hội Hoa Kỳ, những lời tuyên bố cũng như những hành vi của họ, đã được theo dõi từng chi tiết bởi chính phủ Sài Gòn, báo chí quốc tế cũng như cán bộ tình báo Cộng Sản. Phái đoàn Quốc hội Mỹ vừa đóng vai quan tòa vừa đóng vai bồi thẩm đoàn.

Sau khi thăm viếng các tỉnh miền Nam đang bị Cộng sản đe dọa tấn công, phái đoàn trở về Sài Gòn họp với Thiệu ở Dinh Độc Lập để kiểm điểm tình hình. Hưng ngồi bên Thiệu để ghi chép và giúp ông về Anh Ngữ. Buổi họp đã biến thành một cuộc tra vấn hằn học. Ai cũng hỏi: Tại sao Việt Nam Cộng hòa đã vi phạm ngưng bắn? Không ai hỏi tại sao Cộng sản đã vi phạm Hiệp định Paris. Cả gánh nặng đã trút lên vai Thiệu. "Ông đã đặt điều kiện là Bắc Việt phải thi hành Hiệp định Paris; ông đã đòi Bắc Việt rút quân như một điều kiện để điều đình. Thiệu

còn muốn quân viện và kinh viện mãi sao, chừng bao lâu nữa"? Hưng sửng sốt về không khí quá thù nghịch lúc ấy. Đã không còn một sự chia xẻ mục tiêu chung giữa đồng minh nữa. Hưng đã ghi lại lời cảnh cáo của một dân biểu Mỹ vào loại chống đối trong cuốn sổ tay: "Chúng tôi nghĩ rằng viện trợ Hoa Kỳ sẽ tùy thuộc vào một số yếu tố, tỷ như việc thả chính trị phạm, việc chống tham nhũng, việc thành lập một Lực Lượng Thứ Ba, và tự do của nhà báo. Quí vị đã làm gì cho các vấn đề này? Chúng tôi vô cùng quan tâm".

Không mấy ai thảo luận về thực chất sự tăng cường lực lượng quân sự của Bắc Việt tại miền Nam. Được hỏi chừng nào cuộc tổng tấn công Bắc Việt sẽ khởi sự, Thiệu đáp thẳng thừng: "Còn tùy xem chúng (Bắc Việt) có cơ hội hay không. Chúng nói năm 1975 đem lại cho chúng một thời cơ tốt đẹp nhất, bởi lẽ cán cân lực lượng đã nghiêng về phía chúng. Chúng đang chờ đợi quí vị ở Washington cắt viện trợ và ở miền Nam xẩy ra những biến chuyển chính trị".

Trong lúc ngồi nghe Thiệu bị chất vấn về những hành vi của mình, Hưng e ngại cho ông, anh nhẩm tính sổ "thành, bại" của Thiệu. Thành tích lớn nhất của ông phải kể là cải cách ruộng đất, chương trình "Người Cầy có Ruộng", và công cuộc bình định nông thôn. Công cuộc này đã thành công cho tới khi Bắc Việt tăng gia vi phạm Hiệp định trong mùa hè 1974.[18] Phần lãnh thổ mất về tay Cộng sản trong dịp lễ Phục

Sinh 1972 đã được tái chiếm. Ngay cả trong thời gian sau khi quân đội Mỹ rút khỏi năm 1973, Việt Nam Cộng hòa đã kiềm chế được nỗ lực bành trướng kiểm soát của Bắc Việt tại vùng châu thổ sông Cửu Long và vùng biên giới Cao Miên. Chừng nào còn viện trợ, QLVNCH vẫn còn có thể cố thủ. Thiệu vẫn còn có thể đương đầu được với người Mỹ như hồi ông đã kiên trì chống đối việc ký kết Hiệp định Paris. Người Việt miền Nam đã khâm phục hành động đó.

Thiệu thuộc loại độc tài nào? Tại Sài Gòn giữa hồi chiến tranh đã có hai-mươi-hai tờ báo hằng ngày, rất nhiều tờ công khai chỉ trích Thiệu. Sự chống đối chính trị đã phần nào được khoan nhượng. Còn điểm yếu của ông? Thiệu thường bị gọi là một kẻ tham nhũng. Dân chúng chỉ trích ông đã dung túng tham nhũng và cho phép gia đình và bà con lạm dụng chức vị của mình. Đối với Thiệu trung thành đã là một tiêu chuẩn tối quan trọng khi chọn người cộng tác. Ông đã dung túng sự tham nhũng trong chính phủ trung ương và cả ở địa phương để đổi lấy lòng trung thành. Ông nghĩ rằng lạm dụng quyền thế là một hệ thống đã có từ lâu, và ông không tin là có thể thay đổi được giữa lúc chiến tranh. Đối ông ông, thà rằng những người dưới quyền trung thành và làm việc chăm chỉ còn hơn là họ trong sạch mà lại phản bội, người Việt thường có lối cư xử người dưới trọng vọng người trên, và điều đó áp dụng cho cả vấn đề ngoại giao; cho mãi đến thế kỷ XIX, Việt

Nam cũng như các nước chư hầu khác đã phải hàng năm triều cống Hoàng Đế ở Bắc Kinh.

Khi người Pháp lần đầu tiên tới Việt Nam, họ đã ngạc nhiên thấy rằng trong dịp Tết, cha mẹ các em đã phải tới biếu xén thầy giáo trong làng, gọi là tiền dầu đèn (L' huile pour la lampe). Họ không hiểu rằng giới thầy đồ trong làng xã Việt Nam xưa kia nghèo túng, chỉ đợi có quà cáp hàng năm mới sống được. Hối lộ giới công quyền, đối với Pháp cũng như Việt Nam, đã là một thói quen. Thế nhưng, tại Việt Nam trong thời chiến, tham nhũng đã trở thành một vấn đề quá trầm trọng và không có giới hạn. Guenter Lewy, một tác giả có thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa cũng đã phải nhận định trong cuốn *America in Vietnam:* "Ăn hối lộ và cho hối lộ dần dà vượt quá những giới hạn phải chăng và được phơi bày ra ngay trước mắt công chúng: lối sống phô trương chứng tỏ một sự thiếu phong cách. Trong tình thế mới đó, sự kiện viên chức chính phủ lợi dụng và khuynh đảo nỗ lực chiến tranh để thủ lợi cá nhân bắt đầu làm dân chúng xa lánh và trở nên cay đắng, cho nên tham nhũng đã trở thành một trở ngại quan trọng cho chiến thắng".[19]

Giữa lúc sự sống còn của quốc gia đang ở giai đoạn kịch liệt nhất, nạn tham nhũng đã trở nên một vũ khí chính trị rất lợi hại để chống lại chính phủ Thiệu. Đồ đạc Mỹ đổ vào Việt Nam thật nhiều, cùng với mọi vật dụng trang bị, nhưng lại thiếu một hệ

thống kiểm soát hữu hiệu về trách nhiệm của từng cơ quan. Trong một môi trường lờ mờ như vậy, khó mà quy trách một cách rõ ràng cho kẻ can phạm. Ưu tiên của Thiệu lúc đó là vấn đề sống còn, nhưng ông đã lầm khi cho rằng phải chấp nhận tham nhũng để tiến hành cuộc chiến tranh chống Cộng. Vấn đề tham nhũng đã bêu xấu hình ảnh chính trị của ông, của chính phủ, và làm giảm khả năng của Việt Nam Cộng hòa. Mùa thu 1973, Thiệu thi hành một loạt biện pháp cải tổ hành chánh, cách chức ba trong bốn tư lệnh vùng và rất nhiều tỉnh trưởng và quận trưởng về tội hối mại quyền thế. Nhưng đã quá muộn và tình hình quân sự suy sụp đã đẩy ông vào những công ác ưu tiên khác.

Khi đã quen biết Thiệu hơn, và trong lúc tình hình đang dần dà suy sụp, Hưng thảo luận với Thiệu về cách đối phó với vấn đề tham nhũng. Thiệu than phiền: "Người Mỹ đâu có giúp mình (về vấn đề này). Hệ thống PX (trạm bán hàng cho quân đội Mỹ) đã đổ vào miền Nam biết bao nhiêu là máy thu thanh, truyền hình, tủ lạnh, máy điều hòa không khí, rượu Whisky, Bourbon, thuốc lá. Toàn là đồ Mỹ làm ra cả nếu Mỹ không đưa ở PX ra thì ai mà vô lấy được"?

Có người Việt làm việc tại căn cứ tiếp liệu Long Bình, một cơ sở đồ sộ gần Biên Hòa, kể với Hưng về sự thông đồng Việt-Mỹ để nạn ăn cắp vặt xảy ra thường xuyên tại đó. Xe hốt rác của công ty Việt chở ra khỏi trại đầy nhóc vật dụng do nhân viên PX Mỹ

ăn cắp rồi bán lại. Xe đi qua cổng êm ru vì Quân Cảnh Mỹ ăn tiền làm ngơ. Anh chàng nhân viên Quân Cảnh Mỹ thường báo cho người bạn gái Việt của mình biết trước giờ hắn gác cổng và như vậy, xe rác ra, vô dễ dàng. Tất nhiên, tiền kiếm được đã chia đều cho mọi phía.

Rồi cả giới nhà báo Mỹ, cũng không hơn gì! Bất chấp hệ thống tiền tệ riêng được lập ra cho nhân viên Mỹ tại Việt Nam tiêu dùng, Mỹ kim vẫn tiếp tục được mua, bán qua chợ đen. Biết bao nhiêu nhà báo Mỹ thuộc hạng "*best and brightest*" (giỏi nhất, bảnh nhất) cũng đã cộng thêm được hàng ngàn Mỹ Kim vào lương của mình bằng cách khai báo chi tiêu tính theo giá hối đoái chính thức, rồi đổi Mỹ kim theo giá chợ đen. Những chi tiêu của họ gồm cả phí tổn để đánh điện bài tường thuật tham nhũng về Mỹ. Rất ít nhân viên Mỹ nào, sau khi làm việc một thời gian tại Việt Nam mà đã không dễ dàng tậu được một ngôi nhà riêng ở vùng mắc tiền tại bản xứ, trả bằng tiền mặt, nhờ ở những vụ đổi chác chợ đen ấy.

Nhập cảng thương mại đồ viện trợ do Mỹ tài trợ trong thời chiến đã lên tới khoảng từ 700 triệu đến 800 triệu MK mỗi năm. Những hàng không thiết yếu như phấn son, xe máy dầu, xe hơi, tiêu thụ phẩm, v.v. chỉ được nhập cảng theo cách chia phần "cô-ta". Vì vậy giấy phép nhập cảng đã có giá trị như một món hàng mua bán và trở thành "giấy phép cho ăn cắp". Có ông Tổng Trưởng Kinh tế (sau đổi thành Bộ

Thương mại) đã được mệnh danh là "Tổng trưởng Mười phần trăm", vì đó là số "hoa hồng" mà người ta đồn là ông nhận được sau mỗi dịch vụ cho phép nhập cảng, tất nhiên bằng Mỹ Kim.

Sau khi đình chiến, nền phồn thịnh giả tạo do viện trợ Mỹ mang lại đã biến mất và được thay thế bằng một tình trạng "thắt lưng buộc bụng" khiến sinh ra nhiều bất mãn và bối rối. Giá xăng tăng vọt sau khi các nước Ả Rập đình vận dầu hỏa năm 1973, cộng thêm với viện trợ sút giảm, đã bắt dân Sài Gòn phải thay đổi phong thái sinh hoạt. Ảnh hưởng của việc nhập cảng Honda bây giờ mới tới. Giới đi Honda thấy xăng đắt phải quay về đạp xe máy, không ngớt chửi thề. Xăng dành cho giới ngư phủ hay nông gia đã quen xài máy cũng thiếu hụt làm thêm bất mãn. Miền Nam Việt Nam muốn "cai thuốc Mỹ viện" nhưng bị nó hành vật vã. Triệu chứng đó, quả đã là một kinh nghiệm đau đớn.

Nhận thấy nạn tham nhũng quá bành trướng, có lần Hưng đã đề nghị thẳng với Thiệu phải xét việc thay thế những tỉnh trưởng tham nhũng bằng một loạt thanh niên trẻ tuổi có thiện chí. Thiệu thở dài, và ví von vấn đề của mình như câu chuyện một vị Giám Mục cử một linh mục trẻ tuổi kia về một xứ đạo ngay sau khi vừa ra khỏi chủng viện. Trước khi ra đi, linh mục trẻ tuổi này thề thốt nào là sẽ chung thủy với Giáo hội, nào sẽ noi gương sáng, v.v. Sáu tháng sau, Giám mục nhận được tin là linh mục

trẻ tuổi đó không những đã lười biếng lại còn hay tán tỉnh nữ tu và nữ giáo dân, Giám mục triệu về và quở trách, ông phản kháng, cho mình là vô tội: "Chắc Đức cha đã được báo cáo lầm lẫn thế nào đấy. Bọn họ ác miệng muốn phá hoại Giáo hội đấy thôi"! Giám mục bèn cho linh mục trở lại giáo khu; sáu tháng sau, ngài lại nhận được các báo cáo tương tự. Thiệu kết luận: "Gởi một linh mục khác tới đó, chưa chắc là sáu tháng sau sẽ không có báo cáo". Rồi ra vẻ thách thức, Thiệu nói: "Anh cho tôi tên bất cứ người nào anh muốn tôi bổ nhiệm làm tỉnh trưởng. Anh phải cam đoan về hạnh kiểm của người đó, tôi sẽ bổ nhiệm ngay tức thì".

Hưng ngạc nhiên, vì đâu phải anh đến gặp Thiệu về việc đó, và đâu có một danh sách ứng viên tỉnh trưởng nào trong tay. Thiệu cười và giải thích:"Ưu tiên của ta lúc này là sống còn. Ta sẽ giải quyết vấn đề tham nhũng sau. Trong nhiệm kỳ tới nhất định phải mổ xẻ vấn đề đó. Anh chuẩn bị sẵn một số cán bộ đi".

Tháng 10, 1974, Thiệu xét đến việc bổ nhiệm Hưng vào chức vụ Phó thủ tướng đặc trách kinh tế. Sau khi bàn thảo, Thiệu hỏi Hưng là có đủ người thay thế thành phần cũ hay không. Anh đáp: "Hiện giờ thì chưa, nhưng một năm nữa tôi sẽ có thể tuyển đủ số người trong giới chuyên viên trẻ tuổi để lãnh trách nhiệm". Thiệu còn bảo Hưng "dùng tiền trong Bộ mà tuyển dụng những người đó vào làm việc để

sau khi bầu cử (1975) anh sẽ có toàn quyền phụ trách lãnh vực kinh tế".

Hồi đó, Hưng tin rằng sức mạnh của Thiệu là lập trường chống Cộng bất thỏa hiệp, và sự khéo léo đương đầu với Johnson, Kissinger, Haig, và Nixon. Thiệu tin rằng việc ông từ chối không tham dự hòa đàm Paris năm 1968 đã ngăn cản được việc thành lập một chính phủ liên hiệp mà liên hiệp chắc chắn sẽ đưa tới sự sụp đổ của miền Nam chỉ ít lâu sau đó.

Thất bại lớn nhất của Thiệu có lẽ là tính đa nghi: nó đã trở thành một bản chất thứ hai của ông kể từ khi ông được chứng kiến xác chết của hai anh em nhà Ngô nằm trên vũng máu trong chiếc xe bọc sắt. Tính đa nghi của ông đã không cho phép ông trao quyền hành cho những tướng trẻ, hăng say và có tài ba; nó đã làm ông mất đi sự tham gia của nhiều người có khả năng vào nội các, mất đi những cố vấn biết phân tích tốt, tham khảo đúng, và phối trí kịp thời. Vào lúc chót, bản tính đa nghi của Thiệu đã làm các cấp tướng lãnh của ông không biết được rõ là ông muốn gì. Thiệu đã không cho các tướng lãnh tại các quân đoàn biết được đâu là giải pháp và vị trí rút lui của mình cho tới khi Bắc Việt đã bắt đầu tấn công. Lúc đó thì quá muộn để tái tập trung lực lượng, cũng như để có thời giờ phát triển kế hoạch hành quân tốt đẹp. Ông đã đặt "người hiền" chứ không đặt "người tài" vào những chức vụ quan trọng.

Có lần, trong một dịp nói chuyện riêng tư, Hưng

hỏi Thiệu tại sao lại đa nghi như thế. Thiệu nổi nóng đáp: "Đó là việc của tôi, không phải là việc của anh". Một hôm, trước khi Thiệu ra trước Quốc hội thuyết trình, Hưng còn nhớ ông đã đòi anh đưa thêm một bản diễn văn nữa. Anh nói: "Đã có một bản để sẵn trên kệ rồi, và trong hồ sơ còn một bản nữa". Thiệu vẫn khư khư đòi có thêm một bản. Hưng phải vội về lấy thêm một bản khác. Sau đó vài tuần, một hôm đề cập tới việc làm chính trị ở Sài Gòn, Thiệu nhìn Hưng nói: "Hôm trước anh có vẻ ngạc nhiên khi tôi xin thêm một bản diễn văn"?

Vâng, tôi không hiểu! Hưng đáp.

Như anh biết, trước khi tôi ra Quốc hội, nào radio, nào truyền hình, nào báo chí, đi ra đi vô lộn xộn để xếp đặt máy móc. Lúc đó, nếu có tay nào chơi xỏ, giả bộ đi cầu, hắn lướt qua cái kệ, lấy tay đỡ nhẹ cái bài diễn văn đi; rồi trước máy truyền hình, trước dân chúng, sau khi giới thiệu Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, chả nhẽ tôi lại bảo đi gọi ông Hưng lấy bản diễn văn hay sao"? Thấy Hưng có vẻ hoài nghi, Thiệu cười đắc chí và tiếp: "Tôi đã bị như thế hai lần rồi"! Ngẫm nghĩ một phút, Thiệu tiếp: "Làm chính trị tại Việt Nam anh phải hết sức cẩn thận, cả từ dấu chấm, dấu phẩy. Tôi chắc là hôm đó, tay nào chơi xỏ tôi, nó phải xét lại, vì tôi móc ngay ra bản khác trong túi"!

Thiệu ít khi tham khảo ý kiến các tướng lãnh hay nhân viên cao cấp trong nội các mình. Thảng hoặc

nếu có, thì cũng không bao giờ làm theo kiểu có hệ thống hoặc tổ chức trước. Ông thường suy ngẫm, rồi lo lắng, và ít khi trực tiếp ra lệnh, mà thường chỉ gợi ý, hoặc thủ thỉ tâm sự, nên làm thế nào. Vương Văn Bắc sau này kể lại rằng Thiệu "ít khi nào cho lệnh rõ ràng, trực tiếp. Ông ta hay gợi ý mơ hồ, như 'anh liệu lấy mà làm'. Ra khỏi phòng họp rồi, mình chẳng bao giờ rõ là ông ta có đứng đằng sau những gì đã quyết định hay không".[20] Đó là những cách thế Thiệu đề phòng để khỏi lãnh trách nhiệm nếu như kế hoạch không được thực hiện theo ý muốn. Khi bàn đến những vấn đề quân sự, ông chỉ tin cẩn có ba tướng: Viên, Khiêm và Quang.

Thường thường, ông ít khi mời các tướng vùng về họp trong các giai đoạn soạn thảo kế hoạch quân sự mà chỉ thông báo cho họ biết quyết định. Giới tỉnh thành tại Việt Nam hồi đó đã giải thích việc Thiệu gạt ra ngoài những vị chỉ huy quân sự trẻ tuổi tài giỏi là do sự ông lo ngại bị đảo chính. Dân vùng nông thôn thì ít chỉ trích Thiệu hơn có lẽ là do sự thành công của chương trình cải cách điền địa. Ông đã lưu giữ tướng Viên trong chức Tổng tham mưu trưởng và tướng Khiêm trong chức vụ Thủ tướng, hai người cột trụ về quân sự và dân sự, suốt tám năm bởi họ trung thành và ông cần có sự ủng hộ của họ. Trong tất cả các tướng lãnh Việt Nam Cộng hòa, họ dường như đã một thời trung thành nhất mực với cựu Tổng Thống Diệm, cho nên, Thiệu tin rằng họ

sẽ là những người ít gây rủi ro nhất cho mình. Nói khác đi, họ không phải là những người sẽ đảo chính chống lại mình. Thiệu chỉ là Tổng Thống trên danh vị, còn thực quyền phải tùy thuộc vào sự ủng hộ của các tướng lãnh. Cho nên việc Tổng Thống Nixon ủng hộ ông rất là quan trọng để ông đương đầu với chính trị nội bộ.

Tuy nhiên, dù cho Thiệu có hiểu Nixon đến mấy, ông vẫn không thể lường nổi vụ Watergate, mà chính người Việt hồi đó cũng không cho là quan trọng bao nhiêu: đó chỉ là những lời tố cáo, buộc tội quá tầm thường đối với vị Tổng Thống của một đại cường quốc như Hoa Kỳ. Khi Nixon đã từ chức và vụ Watergate được đem ra thảo luận trong giới chính quyền Sài Gòn, phản ứng thông thường như Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, là "tại sao không có một Lê Lai liều mình cứu chúa"? Nói cách khác, tại sao đã không có một người nào trung thành với Nixon đến độ đứng ra nhận tội giùm cho Nixon về vụ Watergate, lãnh một án tù, rồi được trả tự do sau đó; anh ta sẽ trở lại sống cuộc đời làm dân bình thường, nhưng lại được tiếng "liều mình cứu chúa"? Một nhân viên nội các lớn tuổi, cao niên, còn nhận xét: "Giá như có được một Lê Lai trong Tòa Bạch Ốc, thì Nixon đã được cứu thoát và có lẽ Việt Nam cũng được cứu thoát, chưa biết chừng". Thiệu nói đùa: "Tôi không chắc là ngay ở xứ mình còn có một Lê Lai thứ hai nữa không! Thời buổi này, nếu như Lê

Lợi trao áo cẩm bào cho Lê Lai, thì chắc tay này đã vội khoác vô, nhẩy lên ngai ngồi chễm chệ làm vua thật rồi"![21]

*
* *

Quan sát cuộc đối chất giữa phái đoàn lập pháp Mỹ và Thiệu đến đoạn chót, Hưng thấy rõ rằng ông đã tuyệt vọng không còn hy vọng có được ngân khoản "thần diệu" 300 triệu MK nữa. Trong suốt buổi họp, nữ dân biểu Fenwick đã phì phèo hút ống điếu – một hình ảnh thật gai mắt đối với người Việt chưa hề thấy đàn bà hút píp bao giờ, nhất là trong Dinh Độc Lập. Đã không hề có một dấu hiệu thông cảm nào từ phía phái đoàn Mỹ, và khi họ về nước rồi, phía Việt Nam Cộng hòa cảm thấy phần thì chán nản, phần thì bị sỉ nhục. Một nhân viên nội các nhận xét: "Đại diện Quốc hội Mỹ đã xoay lưng về phía ta". Một sự việc khôi hài khác đã xẩy ra trong cuộc viếng thăm lần cuối này của đoàn đại biểu nhân dân Hoa Kỳ: Đũng quần của dân biểu Flynt, không biết vì lẽ gì, đã rách toạc phơi cả quần lót của ông ta ra cho mọi người thấy. Von Marbod, một nhân viên hành pháp tháp tùng, vì quá bực dọc với thái độ của phái đoàn, đã không buồn nói cho Flynt biết cái tình huống lố bịch đó.

Sáng hôm, sau khi họp với phái đoàn, Thiệu điện thoại cho Hưng. Giọng ông cất lớn và đầy tức giận: "Mấy người phách lối này qua đây, không có ngay

đến cả một lịch sự tối thiểu đối với nước mình, một nước đồng minh của họ! Anh soạn ngay cho tôi một bài diễn văn để tôi đọc trong bữa tiếp tân tối nay". Thiệu còn căn dặn thêm điều cần nhấn mạnh: "Cung cách viện trợ còn quan trọng hơn viện trợ".

Tối ngày 1-3, Thiệu mở tiệc trong Dinh khoản đãi những vị "quốc khách", bởi ngày hôm sau họ ra về. Ông cố giữ thái độ bình tĩnh và tự tin. Khách đến đúng giờ, dù có tin đồn là một số có thể bỏ cuộc, hoặc làm reo không tới dự tiệc. Họ không để lộ một xúc cảm nào hết. Trừ Thượng nghị sĩ Bartlett và dân biểu Flynt (đồng trưởng phái đoàn) là dường như còn quan tâm phần nào đến số phận của Việt Nam Cộng hòa, các thành viên khác trong phái đoàn hầu như đã lãnh đạm với tình trạng nguy khốn của miền Nam Việt Nam.

Nữ dân biểu phản chiến Abzug mang theo cái mũ bụ, ngồi đối diện với Hưng. Cảm thấy có một sự căng thẳng rõ ràng giữa bà này và ông Thiệu, Hưng cố gắng trổ tài ngoại giao và làm duyên dáng để bà ta tự nhiên. Nhưng vô ích, cố gắng của anh cứ như một cuộc độc thoại. Hưng kể chuyện về những lần thăm Brooklyn (nơi sinh trưởng của Abzug, gốc Do Thái, tại vùng phụ cận New York) ra sao, nơi Hưng đã được hưởng những bữa cơm Tàu ngon như thế nào tại Flatbrush, v.v. Bà Abzug cứ ngồi yên, không nói không rằng, và còn làm bộ như không nghe Hưng nói, chỉ chực đứng dậy ra về nếu bữa tiệc đã xong ngay lúc đó.

Sau một vài ly rượu vang, lấy lại được bình tĩnh, ông Thiệu đứng lên đọc bài diễn từ:

Trong hai mươi năm qua, nhân dân miền Nam Việt Nam đã được nghe đi nghe lại lời nói của năm vị Tổng Thống Hoa Kỳ, thuộc cả hai đảng. Lời nói đã được các vị dân biểu nước Mỹ liên tiếp ủng hộ, là Hoa Kỳ quyết tâm cung ứng cho VNCH đầy đủ trợ giúp chừng nào họ còn sẵn sàng chống lại sự xâm lăng của Cộng sản để bảo vệ tự do của họ. Lời cam kết long trọng đó đã được nhắc lại một lần nữa trong dịp ký kết Hiệp Định Paris. Vấn đề giản dị chỉ là thế này: Liệu những lời cam kết của Hoa Kỳ có còn giá trị nào không? Liệu lời nói của Hoa Kỳ còn tin cậy được không? Đó là thông điệp tôi muốn nhờ quí vị chuyển lại cho Đại hội thứ 94 của Quốc Hội Hoa Kỳ.

Rồi dường như không kiềm chế nổi lòng bực tức của mình với đám "quốc khách", Thiệu đi ra ngoài bản văn viết sẵn, và nói: "Tôi xin phép được ngợi khen những người bạn đích thực ở đây về sự khôn ngoan và tầm nhìn xa của họ; tôi xin phép được nhắc lại ở đây ý nghĩa của một câu ngạn ngữ Việt Nam: "Quà tặng đã quan trọng, nhưng cách tặng quà còn quan trọng hơn nhiều".

Hưng không chắc là câu nói của Thiệu có đến tại nữ dân biểu Abzug hay không, vì lúc đó bà ta dường như đã ngủ say, cái cằm đầy thịt mỡ của bà cúi xuống chạm tới vú, và mặt bà đã đờ đẫn. Thiệu cố ý không nhìn bà ta và quay sang phía bà Fenwick, người mà

ông nghĩ là còn có thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa. Không khí buổi tiệc căng thẳng. Bỗng một cơn gió mạnh thổi thốc qua lớp cửa kính mở ngỏ vào phòng tiệc. Các ngọn nến trên các chúc đài cao bằng bạc phụt tắt gần hết, khiến nến rớt vung vãi xuống bàn tiệc, và gió thổi cuốn những màn cửa mầu trắng tung bay lất phất, trông như những lá cờ đầu hàng. Hưng ngoảnh sang Philip Habib nói thầm: "Một điềm gở đấy". Habib gật đầu như đồng ý.

Bữa tiệc tháng ba 1975 đã là bữa tiệc chót của Cộng Hòa Việt Nam, bữa tiệc chót tại Dinh Độc Lập, và bữa tiệc chót của ông Thiệu khoản đãi quan khách ngoại quốc trong mười năm tại chức. Ta cũng có thể hiểu đó là một cử chỉ trang trọng của nước Việt Nam Cộng Hòa để đánh dấu hai mươi năm người Mỹ "Bảo trợ" xứ này vậy.

chương XVI
cứ địa cuối cùng

Phái đoàn Quốc hội vừa rời Sài Gòn thì Bắc Việt tấn công Ban Mê Thuột, hồi 2 giờ sáng ngày 10 tháng Ba, 1975. Từ hồi chiến tranh Việt-Pháp, các chiến lược gia Việt Nam cả Bắc lẫn Nam, đều tin rằng: "Ai kiểm soát được Ban Mê Thuột, sẽ kiểm soát cả miền Nam Việt Nam". Ban Mê Thuột là trung tâm sản xuất cao su, trà, cà phê cho người Pháp khi xưa. Thành phố này ở Cao Nguyên Trung Phần, cách Sài Gòn chừng 150 dặm chim bay về phía Bắc Đông Bắc, nằm trong khu đồi núi đất đỏ giáp giới Trường Sơn, dẫy núi ngăn cách Cao Nguyên Trung Phần với Lào. Dân Thượng ở đây phần lớn thuộc bộ lạc Rhadé và Jarai, rất khác với người Việt về dòng giống và ngôn ngữ. Dân số của họ vào khoảng 700 ngàn người ở rải rác dọc biên giới Lào và đường mòn Hồ Chí Minh. Trên con đường Nam tiến trong lịch sử, người Việt đã chinh phục đám dân này; vì thế mà quan hệ giữa người Việt và người Thượng không được tốt đẹp.

Mối tương giao này đã được hàn gắn lại phần nào từ năm 1960 khi CIA (Cơ quan Tình Báo Trung Ương Hoa Kỳ) và Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ gởi người lên Cao nguyên tổ chức và võ trang dân Thượng chống Cộng sản Bắc Việt. Người Mỹ cung cấp dược phẩm, súng đạn, thực phẩm và xử sự như giới trung gian giữa người Việt và người Thượng. Danh từ "Đồng bào Thượng" bắt đầu có từ đó. Sự căng thẳng giữa người Thượng và người Việt vẫn còn gay go ngay cả khi người Thượng được tuyển vào địa phương quân trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa.[1] Khi người Hoa Kỳ rời khỏi Việt Nam, năm 1973, mối giao hảo đó suy giảm dần. Người Việt không để ý đến đám dân Thượng nữa, nhất là khi tiếp liệu trở nên khan hiếm, mối hiềm thù xưa lại có chiều sôi bỏng.

Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II đã được sĩ quan tình báo của ông và cả Bộ Tổng tham mưu/ QLVNCH báo động về trận đánh Ban Mê Thuột nhưng ông không chịu tăng cường phòng thủ thành phố này. Phú tưởng rằng địch có ý đánh lạc hướng để tấn công Pleiku, bản doanh của Bộ Tư lệnh Quân đoàn II.[2] Toàn bộ Sư đoàn 23 Bộ binh đã được điều động về Pleiku; việc phòng thủ Ban Mê Thuột giao lại cho một liên đoàn Biệt động quân và địa phương quân, phần lớn gồm dân Thượng.[3] Tướng Phú ở lại Pleiku, cách Ban Mê Thuột 94 dặm về phía Bắc. Khi địch tấn công Ban Mê Thuột ông ta

bị cô lập hoàn toàn và không thể điều động SĐ 23BB để chiếm lại thế thượng thủ được nữa!

Đã nhiều tháng nay, kể từ khi viện trợ Mỹ cắt giảm vào mùa hè 1974, ông Thiệu đã có ý định phối trí lực lượng quân lực Việt Nam Cộng hòa lại để tiết kiệm ngân sách và nhân lực. Ngày 11, tháng ba, sau khi Cộng Sản chiếm Ban Mê Thuột, ông mời ba vị cố vấn quân sự thân cận nhất của ông tới dùng điểm tâm ở Dinh Độc Lập để bàn về vụ này. Đó là Thủ tướng Trần Thiệm Khiêm, Đại tướng Cao Văn Viên và Trung tướng Đặng Văn Quang. Ông Thiệu thường tiếp các giới thân cận của ông tại hành lang lầu ba Dinh Độc Lập. Ông cho rằng, nơi đây không bị nghe trộm bằng máy điện tử, vì tiếng ồn ào của xe gắn máy chạy dưới đường thường lấn át tiếng người nói chuyện. Sau khi dọn đồ ăn sáng, chỉ còn lại ba người, ông Thiệu mở tấm bản đồ miền Nam để kiểm điểm tình hình quân sự hiện tại. Ông trình bày quan điểm chiến lược mới của ông một cách xúc động: "Với thực lực và khả năng hiện tại của ta, ta chắc chắn không thể giữ và bảo vệ toàn lãnh thổ được. Ta chỉ có thể phối trí quân để giữ vững những vùng đông dân cư và trù phú mà thôi".[4]

Thiệu vung tay vạch nhanh những khu vực ưu tiên phòng thủ mới trên bản đồ gồm có: Vùng 3, Vùng 4 và một số cứ địa ở ven biển vùng 1 và 2 chiến thuật. Ưu tiên một bao gồm châu thổ sông Cửu Long là một khu vực canh nông trù phú và đông dân cư ở

miền Nam. Ưu tiên thứ hai dành cho vùng bờ biển thuộc Vùng 1 và Vùng 2 Chiến Thuật. Thiệu vạch một số những tuyến phòng thủ giai đoạn cắt ngang Vùng I Chiến Thuật tại nhiều địa điểm khác nhau ở vùng bờ biển, từ Bắc xuống Nam (xin xem bản đồ ở đầu sách). Ông nói với các cố vấn quân sự là tùy theo khả năng, ta có thể giữ một số lãnh thổ, đủ để tồn tại và sinh hoạt như một quốc gia. Thiệu nhắc nhở rằng đó là một kế hoạch hết sức bí mật, không nên để người Mỹ biết.

Đây là một khúc rẽ của chiến lược phòng thủ miền Nam Việt Nam. Từ trước đến nay, Thiệu không bao giờ công bố nhường đất cho Cộng Sản. Chiến lược mới mà ông đặt tên là "Chiến Lược Đầu Bé Đít To" có nghĩa là phải bỏ lại sáu triệu dân nếu cả Vùng I và Vùng II Chiến thuật bị cắt đứt. Căn cứ vào những diễn tiến thực tế trước áp lực của quân Bắc Việt được Nga tăng cường mọi mặt từ lúc ngưng chiến,[5] việc cắt đứt như vậy có phần hợp lý. Nhưng trong thực tế, chiến lược đó là cơn ác mộng về phương diện tâm lý, chính trị và tiếp vận.

Cái "đít to" ám chỉ vùng Châu Thổ sông Cửu Long; đó là miền trù phú, canh nông ba mùa có thể sản xuất đủ để tiếp tế gạo thóc, ngư phẩm và rau cỏ trái cây cho 75 phần trăm dân chúng miền Nam Việt Nam. "Đầu bé" là vùng kinh tế nghèo nàn và dễ bị xâm nhập của Quân khu 1 và 2. Trên lý thuyết, kế

hoạch này cầnthiết, nhưng làm sao thi hành được trước tình thế hiện tại?

Chiến lược mới này của ông Thiệu đưa ra không gây một sự tranh luận nào trong số những người có mặt hôm đó. Tướng Viên chỉ bình luận: "Sự phối trí lực lượng này thật ra cần thiết. Tôi đã có ý định này từ lâu, nhưng không dám nói ra, sợ rằng đi trái với đường lối quốc gia, và sợ bị hiểu lầm là có tinh thần chủ bại". Tướng Viên không bao giờ muốn làm trái ý ông Thiệu. Sau này, ông Viên có nhận xét lại rằng: "Đó là ý định mà ông Thiệu không muốn ai tranh luận cả. Xét cho cùng, ông Thiệu là Tổng tư lệnh quân đội. Ông ta là người có trách nhiệm phác họa chiến lược quốc gia. Ông phải biết chắc chắn việc ông muốn làm".[6] Có lẽ vì nghĩ như vậy nên sau cuộc họp, Bộ tham mưu | QLVNCH không hề gấp rút thảo một kế hoạch chi tiết và hữu hiệu nào để thi hành chiến lược mới của ông Thiệu cả.

Vấn đề trước tiên là phải làm sao đối phó với việc mất Ban Mê Thuột. Thiệu muốn gặp tướng Phú, Tư lệnh Vùng 2 Chiến Thuật ở Pleiku. Phú đã ở trong quân đội VNCH từ năm 1954, và đã bị cầm tù khi Pháp thất thủ Điện Biên Phủ. Ông ta bị lao phổi lúc ở trong tù. Nhiều người cho rằng ông rất sợ bị Cộng Sản bắt được một lần nữa. Thiệu biết Phú vì đã cùng chiến đấu với nhau. Khi Thiệu lên nắm chính quyền thì binh nghiệp của Phú cũng thăng tiến dần.

Khi Phó Tổng Thống Trần Văn Hương nhất định

đòi thay thế tướng Nguyễn Văn Toàn vì tội tham nhũng, Thiệu miễn cưỡng bổ nhiệm tướng Phú làm Tư lệnh Quân đoàn II. Phú không được tướng Viên ưa chuộng. Viên từ chối không chịu gặp Phú trước khi Phú đi nhận nhiệm vụ mới! Ông cho sĩ quan tùy viên, Thiếu tá Lý Thanh Tâm nói với Phú rằng: "Nếu ông Phú làm việc tốt, Đại tướng sẽ lên thăm sau".[7]

Thiệu muốn kiểm điểm tình hình với Phú để tìm cách lấy lại Ban Mê Thuột. Ngày họp được ấn định là Thứ Sáu, 14 tháng 3 tại Pleiku. Thiệu chỉ thị Phú đừng cho cố vấn Mỹ đi theo dự phiên họp. Phú trình với Thiệu vì Pleiku thiếu an ninh nên xin họp ở Cam Ranh. Cho đến lúc đó, Ban Mê Thuột đã hoàn toàn rơi vào tay Cộng Sản, và mọi nỗ lực tái chiếm đã thất bại.

Buổi họp diễn ra ở Cam Ranh trong khu nhà cất lên năm 1966, nhân dịp Tổng Thống Johnson tới thăm căn cứ này. Thiệu cùng đi với ba vị cố vấn quân sự có mặt trong phiên họp ở Dinh Độc Lập ngày 11 tháng ba Khiêm, Viên và Quang. Phú báo cáo tình trạng Quân khu 2, mọi trục giao thông chính đã bị cắt đứt, quân tăng cường không thể di chuyển bằng đường bộ được nữa. Ông Thiệu hỏi tướng Phú liệu có lấy lại Ban Mê Thuột được không. Phú không trả lời dứt khoát. Ông ta xin thêm quân tăng cường và trực thăng, nhưng được Viên cho biết quân trừ bị đã xử dụng hết rồi.[8] Không quân có chừng 400 trực thăng thì hơn 200 chiếc hoặc đã bị bắn rơi bởi hỏa

tiễn Strella mới của Nga, hoặc bất khiển dụng vì không có cơ phận thay thế. Thiệu ra lệnh cho Phú rút lui khỏi Pleiku và Kontum để tái chiếm Ban Mê Thuột. Thiệu cũng ra lệnh cho Bộ Tổng tham mưu phải "theo dõi và giám sát" cuộc hành quân triệt thoái này. Sau đó, ông Thiệu vạch trên bản đồ những khu vực mà Phú phải cố thủ. Lực lượng Quân Đoàn II sẽ triệt thoái khỏi Pleiku và Kontum, tập trung lại tại Tuy Hòa rồi tiến đánh lấy lại Ban Mê Thuột.[9]

Sau này, khi Hưng hỏi ông Thiệu về lệnh rút khỏi Pleiku và Kontum, ông giải đáp như sau: Việc rút quân đi từ Pleiku để lấy lại Ban Mê Thuột dựa vào ba yếu tố: Một, nếu lấy lại được Ban Mê Thuột, thì việc tái chiếm Pleiku và Kontum sẽ dễ dàng. Ban Mê Thuột như là một nút chặn đường quân Bắc Việt đổ xuống miền bờ biển và Sài Gòn. Ban Mê Thuột là điểm then chốt nối liền con đường ngắn nhất từ biên giới Lào tới vùng bờ biển Việt Nam. Thiệu nhớ tới kinh nghiệm của Pháp ngày xưa hồi tháng Giêng, 1951, khi Đại tá Vanuxem cố thủ Vĩnh Yên để chận đường tiến quân của Việt Minh vào Hà Nội.[10] Ông cũng lấy thí dụ việc quân đội Đồng Minh đã cố chiếm một quả đồi gần Normandy để làm đầu cầu và bàn đạp tiến vào Âu Châu.[11]

Thứ hai, Thiệu muốn dùng Sư đoàn 23 Bộ binh để tiêu diệt Sư đoàn 320 Bắc Việt đang chiếm giữ Ban Mê Thuột. Sư đoàn này là lực lượng chính quy của Cộng sản; "Nếu ta đập tan nó, cuộc tổng tấn công

của Cộng sản có thể bị chậm lại". Ông Thiệu kể lại: "Năm 1972, sở dĩ ta chiếm lại được Quảng Trị là nhờ ở tướng Trưởng tiêu diệt được chủ lực quân của địch. Đánh với du kích lẻ tẻ không quan trọng bằng có khả năng tiêu diệt những sư đoàn thiện chiến của Hà Nội".

Thứ ba, ông Thiệu cho rằng phải tiết kiệm quân lính của các sư đoàn 22 và 23 là các sư đoàn tinh nhuệ, bằng cách rút những sư đoàn này ra khỏi những vùng hiểm trở ở Cao nguyên. Nếu không làm như vậy, mấy sư đoàn này sẽ bị tiêu vì không quân không còn đủ sức để tiếp liệu và yểm trợ tiếp cận cho họ nữa. "Tập trung lại để tái chiếm Ban Mê Thuột xong rồi, tùy hoàn cảnh, ta có thể quyết định: một là lấy lại Pleiku, Kontum; hai là tăng viện cho tướng Trưởng ở Vùng I". Thiệu không ngờ rằng tình hình biến chuyển quá mau lẹ![12]

Vì Bắc Việt đã phong tỏa tất cả các trục lộ chính, Phú đề nghị xử dụng con đường liên tỉnh số 7B để rút khỏi Pleiku như một yếu tố bất ngờ. Con đường này trước đây đã bị gài nhiều mìn và bỏ không xử dụng đã lâu, cầu đã bị sập hết. Muốn di chuyển quân ta cần rất nhiều đến những phương tiện vượt sông. Hành trình sẽ kéo dài trên 160 dặm với rất nhiều khó khăn phải xuyên núi băng rừng đầy cheo leo bất trắc.

Thay vì gọi Phú về Sài Gòn để cùng Bộ Tổng tham mưu thiết kế chương trình triệt thoái, Tướng

Viên chỉ lưu ý cảnh giác Phú về những nguy hiểm của cuộc di chuyển này; ông đưa ra thí dụ của quân đội Pháp năm 1954: Quân đội Việt Minh đã tiêu diệt Chiến đoàn Lưu động 100 (GM100) của Pháp hồi tháng 6 năm đó khi họ rút lui cũng trên con đường này.[13]

Phú đề nghị thêm một điều nữa, xin thăng chức cho Đại tá Biệt động quân Phạm Văn Tất lên Chuẩn tướng để ông ta chỉ huy toàn bộ cuộc hành quân triệt thoái. Ông Thiệu đồng ý. Tướng Phú trở về Pleiku và ngày hôm sau rời về Nha Trang bằng trực thăng, để mặc tướng Tất và quân của ông lo liệu lấy một mình.

Chẳng có kế hoạch hay phối hợp nào với Bộ Tổng tham mưu cả. Để bảo vệ an ninh cho cuộc rút lui này, ông Thiệu ra lệnh bảo mật tối đa, để các lực lượng địa phương, phần lớn gồm dân Thượng, không biết trước về vụ này.

Ngay khi 200 chiếc xe vận tải đầu tiên rời khỏi Pleiku vào ngày 16 tháng ba, tin đồn về vụ bỏ Pleiku đã được tung ra khắp tỉnh. Đám người Thượng thấy mình bị bỏ rơi bèn quay mũi súng về đoàn quân đang tháo lui. Dân chúng, phần lớn là gia đình quân nhân, chạy tán loạn khỏi thành phố để thoát thân theo sau đoàn quân bằng đủ mọi phương tiện. Sau hai ngày đường, đoàn lữ hành này phải dừng lại ở bờ sông Ea Pa vì công binh Việt Nam không làm kịp chiếc cầu nổi như đã dự tính. Quân lính và dân chúng bị khựng lại, ngồi xếp hàng bên bờ sông làm bia đỡ đạn

súng cối và trọng pháo của Sư đoàn 320 Bắc Việt. Địch đã đuổi kịp và bắt đầu tấn công. Từ đó, đoàn quân di chuyển phải liên tục chiến đấu để thoát thân trong suốt cuộc hành trình dài trên trăm dặm. Khi không quân được gởi đến để yểm trợ, bom lại rơi lầm ngay trên đầu quân mình, gây tổn thất nặng nề. Cho mãi đến đêm 27 tháng 3, chiếc xe đầu đoàn mới về đến Tuy Hòa.

Đứng về phương diện quân sự, cuộc điều quân triệt thoái này là một thất bại thê thảm. Đoàn quân, gồm bẩy trung đoàn bộ binh và một lữ đoàn thiết giáp, không còn khả năng chiến đấu nữa. Việc chiếm lại Ban Mê Thuột phải hủy bỏ hoàn toàn.[14] Người Mỹ đã không hay biết gì về chiến lược điều quân mới này của ông Thiệu cho đến tận ngày 17 tháng ba, khi một nhân viên CIA ở ngay trong chính phủ tiết lộ cho họ biết về chiến lược "đầu bé, đít to" này.[15]

*

* *

Cuộc triệt thoái đã bộc lộ rõ những nhược điểm trong hệ thống chỉ huy của QLVNCH. Hệ thống tiếp vận yếu ớt, và không có một tổ chức hữu hiệu nào về thiết kế và phối hợp các cuộc hành quân. Trong những năm trước đó, cơ quan MACV (Bộ tư lệnh Viện trợ quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam) thường trực tiếp đặt kế hoạch phối hợp và tiếp vận cho cả quân đội Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa ngoài chiến trường.[16] Không hề có bộ chỉ huy hỗn hợp Việt-Mỹ

nào làm công tác này.[17] Bốn tướng vùng lo việc kiểm soát những hoạt động quân sự và hành chánh trong vùng, và rất ít khi tham dự vào công việc thiết kế chiến trận.[18] Mối quan tâm chính của các ông này là công việc duy trì an ninh và phòng thủ thụ động trong vùng của mình.

Khi người Mỹ rút đi, bộ TTM/ QLVNCH đã không chuẩn bị để khai triển những khả năng thiết kế và điều khiển chiến trận thay thế cho "MACV". Tướng Viên chỉ đóng vai trò cố vấn.[19] Bộ Tổng tham mưu không có đường lối chỉ đạo trung ương mà chỉ có tính cách một "hộp thư". Thường thường là tướng Vùng khi cần thì gọi ông Viên, nhưng Viên lại yêu cầu họ gọi ông Thiệu. Khi ông Thiệu gọi ông Viên, ông Viên chuyển lệnh lại cho tướng Vùng. Tướng Trưởng có lần than phiền rằng: "Đôi khi mất cả một hai tiếng đồng hồ, tôi mới gọi được Đại tướng Tổng tham mưu trưởng".[20] Khi có biến động, bộ Tổng tham mưu thường không có hành động một cách cấp thời để đương đầu với địch làm như là đã từ chối nhận lãnh trách nhiệm chỉ huy. Khi Phụ tá Bộ trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Eric Von Marbod, gọi điện thoại cho bộ Tổng tham mưu lúc 4 giờ 30 ngày 1 tháng 4 từ nhà riêng của Hưng sau khi Đà Nẵng thất thủ, không có ai trả lời,[21] Von Marbod chửi thề, và Hưng phải nói chữa: "Có lẽ điện thoại hỏng"!

Khi Vùng II chiến thuật lung lay thì Vùng I cũng

tan rã dần. Ngày 13, tháng ba, ông Thiệu mời tướng Trưởng về Sài Gòn họp chiến lược mới.

Trong buổi họp ở Dinh Độc Lập có cả tướng Toàn, Tư lệnh Vùng 3, ông Thiệu tâm sự: "Từ trước tới nay tôi đã yêu cầu anh em làm những việc không thể làm được"! Thiệu phân tách tình hình và giải bày những nỗi khó khăn của ông trong việc xin viện trợ Mỹ. Đây là lần đầu tiên ông Thiệu nhìn nhận với các tướng lãnh là khó mà Hoa Kỳ có thể dội bom lại khi miền Nam bị Bắc Việt tổng tấn công. Ông Thiệu kết luận là lúc này không thể làm gì khác hơn là thay đổi chiến lược. Ông giải thích việc tái phối trí quân và cắt đất. Ông cho rằng, thà mất khu rừng núi về tay Cộng sản còn hơn là phải sống liên hiệp với chúng.

Trong buổi họp, ông Thiệu ra lệnh cho tướng Trưởng bỏ Huế và rút quân về Đà Nẵng. Trong thâm tâm, ông Thiệu nghĩ đến một cứ địa cuối cùng, một thứ đầu cầu dùng làm nơi đổ bộ trong trường hợp Hoa Kỳ quyết định trở lại để giúp Việt Nam Cộng hòa phản công Bắc Việt.[22] Lúc đó, ông không bộc lộ mối hy vọng đó cho Tướng Trưởng hoặc các tướng lãnh khác biết. Ông Thiệu vẫn không hay thổ lộ tâm tình dù đối với cộng sự viên thân cận nhất của ông.

Từ trước đến nay, chính ông cũng như Viên, đã nhiều lần xin Hoa Kỳ cho phương tiện thành lập thêm 2 sư đoàn (Dù và Thủy Quân Lục Chiến) để làm lực lượng tổng trừ bị, nhưng đề nghị đều bị bác bỏ. Bây giờ, Cộng sản tấn công mà Việt Nam Cộng

hòa không còn trừ bị. Bởi vậy Thiệu cần ngay một số quân mà ông gọi là "lực lượng xung kích" để thi hành kế hoạch tái phối trí. Ông muốn rút Sư đoàn Dù và Sư đoàn TQLC từ Vùng I về Sài Gòn để xử dụng trong việc tiếp cứu các địa điểm quan trọng khác, nếu "điều đó không làm cho việc phòng thủ Vùng I quá khó khăn". Thế nhưng, ông Thiệu chỉ cho tướng Trưởng hay là ông muốn rút Sư đoàn Dù về mà không nói gì cho Trưởng biết về việc rút Sư đoàn TQLC cả. Mãi sau buổi họp, tướng Trưởng mới biết điều này trong bữa cơm trưa với Thủ tướng Khiêm. Trưởng đã hồ nghi, nên hỏi Khiêm về vụ này. Ông Khiêm chậm chạp đáp: "Điều đó đúng. Sở dĩ anh biết được vì Phòng Ba tiết lộ việc này". Tướng Trưởng bỡ ngỡ. Ông khó tin rằng cả đến tướng Tư lệnh Vùng mà cũng không được biết ý định thật của Tổng Thống và Thủ tướng.[23] Việc Thiệu quyết định rút hai sư đoàn ưu tú này về Sài Gòn đã gây ra dư luận là ông sợ đảo chánh ở Sài Gòn nên mang quân về để bảo vệ ông.

Tướng Trưởng bay về Đà Nẵng nghĩ ngợi về điều ông Thiệu vừa nói với ông. Trong khi ông cùng với bộ tham mưu làm kế hoạch để thi hành lệnh của Tổng Thống, thì số dân tỵ nạn ở Đà Nẵng đã vọt lên tới nửa triệu, và còn đang tiếp tục gia tăng hết sức nhanh chóng. Cộng sản bèn tung ra những tin đồn gây hoang mang nhằm vào giới gia đình quân nhân rằng đã có sự mặc cả ở thượng cấp với Bắc Việt, và

Cao Nguyên Trung Phần đã bị bỏ rơi. Quân lính lo lắng cho sự an ninh của gia đình họ đem theo, và kỷ luật sụp đổ. Việc cho gia đình đi theo để nâng cao tinh thần quân sĩ bỗng nhiên trở thành cơn ác mộng. Không có cách gì tản cư gia đình quân nhân được ngoại trừ việc cho họ đi theo đoàn quân rút lui. Hình ảnh triệt thoái khỏi Pleiku và Kontum là nỗi kinh hoàng còn ám ảnh tất cả mọi người.

Đài phát thanh BBC loan báo đầy đủ chi tiết về cuộc triệt thoái Pleiku và tiên đoán quân Cộng sản sẽ tới vùng phụ cận Sài Gòn trong vòng hai hay ba tuần lễ, vì con đường quốc lộ 14 từ Ban Mê Thuột đã mở rộng cho Bắc Việt đưa quân vào. Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ thì tường trình về vụ Nhóm Dân Chủ Hạ Viện đã bỏ phiếu chống viện trợ bổ túc cho Việt Nam và Cam Bốt ngày 12 tháng ba, với số phiếu 189–49. Ngày 13, tháng Ba, nhóm Dân Chủ Thượng Viện cũng theo gương với số phiếu 34-6, chống tăng viện trợ trong tài khóa 1975. Tin này loan nhanh trong hàng ngũ quân sĩ. Từ trước đến giờ, họ vẫn tưởng rằng viện trợ Mỹ sẽ đến. Hưng hồi tưởng: "Tin bỏ phiếu chống tăng viện trợ trong lúc địch đang thao túng đã như một mũi dao đâm vào lòng binh sĩ"!

Đơn xin tiếp liệu về thực phẩm, dược phẩm và nhà tạm trú tới tấp bay về chính phủ. Nhưng chính phủ trung ương đã hầu như tê liệt! Trật tự ở Đà Nẵng không còn nữa. Đã đến lúc cần phải có một chính sách quyết liệt và mạnh mẽ từ chính phủ trung ương.

Hưng liền gặp riêng ông Thiệu và đề nghị để Nhã, lúc đó đã thôi chức Tổng trưởng Dân vận vì áp lực chính trị, ra Đà Nẵng để trực tiếp giải quyết vấn đề dân tỵ nạn. Nhưng Thiệu gạt đi và nói: "Mình cần có một chuyên viên tiếp vận như Tướng Đồng Văn Khuyên (Tổng tham mưu phó Tiếp vận / QLVNCH) thì mới lo được". Hưng đáp: "Nhưng Tướng Khuyên đang ở Nhật để lo chữa chạy cho cha ông đang bị bệnh ung thư"! Đã không ai nói với ông Khuyên rằng tình hình khẩn trương và ông không nên đi Nhật, và cũng chẳng có ai đánh điện tín gọi ông về. Là Tổng tham mưu phó Tiếp vận, ông Khuyên nắm giữ tất cả vấn đề tiếp liệu cho quân đội và cũng là người biết rành rõi hơn ai hết về hệ thống tiếp vận do Hoa Kỳ để lại. Sau cùng, khi ông Khuyên trở về thì Đà Nẵng đã mất! Trước nghịch cảnh đó, Khuyên đã bật lên khóc. Là nhân vật chủ chốt, đáng lẽ ông đã phải rõ tình hình và có mặt tại TTM.

Ông Thiệu quyết định gởi phái đoàn chính phủ do Thủ tướng Khiêm cầm đầu ra Đà Nẵng. Sáng ngày 18 tháng ba, phái đoàn tụ tập tại phòng khánh tiết phi trường Tân Sơn Nhất để đi Đà Nẵng. Hưng gặp Bửu Viên, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, ở trong nhà cầu. Bửu Viên hỏi Hưng về tin túc trên miền Cao Nguyên: "Anh có nghe tin gì ở trên Pleiku không?" Hưng lắc đầu. Ông nói tiếp: "Tôi nghe tin quân đội đã rút khỏi Pleiku và Kontum. Tình hình trên đó hết sức nguy

ngập". Đây là lần đầu tiên Hưng nghe nói đến việc tái phối trí quân thực sự. Anh bàng hoàng, lo sợ.

Ở Đà Nẵng, trước khi bàn đến vấn đề dân tỵ nạn, tướng Trưởng mời riêng Thủ tướng Khiêm vào phòng thuyết trình để trình bày kế hoạch rút lui. Khiêm vẫn còn ở hàng tướng 4 sao, và ông Thiệu tôn trọng ý kiến của ông. Trưởng báo động về cuộc tấn công của Bắc Việt vào Huế và Đà Nẵng và nỗi khó khăn của ông trong vấn đề kiểm soát đám dân tỵ nạn đang lan tràn vào Đà Nẵng cản đường tiến quân của quân đội. Khiêm thấy tình hình khẩn trương và chỉ thị Trưởng bay về Sài Gòn ngay ngày hôm sau "để báo cáo với Tổng Thống".

Buổi họp về dân tỵ nạn ở Đà Nẵng báo hiệu thảm họa đã gần kề. Ông Khiêm hứa về Sài Gòn sẽ tìm giải pháp. Lệnh "quyết định tại chỗ" của ông Thiệu chẳng ai thi hành cả. Khiêm đã không làm gì để phối hợp giao thông chuyển vận và cung cấp gạo nước cho đám dân tỵ nạn cả, mà chỉ truyền việc cho người khác. Sự xao động đã bùng nổ biến thành hoảng hốt. Khi về Sài Gòn, Khiêm đề nghị gởi một số tiền ra giúp đám dân tỵ nạn! Chính phủ trung ương đã thất bại một cách thảm hại trong việc cứu giúp dân chúng ở đây.

Ngay buổi tối hôm trở về Sài Gòn, Khiêm gặp Thiệu và nói không thể giữ cả Đà Nẵng và Huế được.[24] Phó Tổng Thống Hương cũng đề nghị như vậy.

Hồi 11 giờ sáng ngày 19 tháng ba, tướng Trưởng

từ Đà Nẵng bay vào Sài Gòn để trình bày kế hoạch rút lui lên ông Thiệu, có sự hiện diện của cả cụ Hương. Sự hiện diện của cụ Hương là việc bất thường, vì xưa nay khi bàn chuyện quân sự ông Thiệu thường chỉ mời có ông Khiêm, Viên và Quang mà thôi. Chắc lúc đó, ông Thiệu phải nhờ đến sự ủng hộ của cụ Phó Tổng thống để thuyết phục tướng Trưởng nên bỏ Huế. Trưởng trình bày kế hoạch với hai giải pháp. Nếu quốc lộ 1 còn thông thương được, quân ông sẽ triệt thoái từ Huế và Chu Lai về Đà Nẵng. Nếu không, ta sẽ lập ba cứ địa phòng thủ là Huế, Đà Nẵng, và Chu Lai, và sẽ tìm cách rút quân về ba điểm này. Tưởng Trưởng trình với ông Thiệu giải pháp ưng ý của ông: Giải pháp đó là phòng thủ Huế, Chu Lai và Đà Nẵng bằng cách lợi dụng những căn cứ hỏa lực chung quanh những vùng này và nhất là khu đồi núi chung quanh Huế. Huế và Chu Lai sẽ là nơi tập trung quân rồi từ đó nếu cần sẽ cho quân băng đường biển về Đà Nẵng trong giai đoạn cuối cùng của cuộc phối trí lực lượng. Đà Nẵng sẽ trở thành cứ địa cuối cùng được phòng thủ bởi 4 sư đoàn Bộ binh và 4 chiến đoàn Biệt Động.

Trưởng cho rằng việc mở quốc lộ 1, chỉ hao quân mà không có lợi gì. Kế hoạch của ông trình bày ở trên có nhiều ưu điểm hơn. Cuối cùng ông Thiệu miễn cưỡng chấp thuận kế hoạch này. Ông nói: "Mặc dầu lịch sử có thể phán xét tôi như một thằng ngu (imbécile) nhưng vì lòng tôi đối với đất nước, tôi

đồng ý". Tướng Trưởng cho rằng ông có thể giữ nổi Huế và sẵn sàng về Đà Nẵng tính chuyện dàn quân đánh trận lịch sử này.[25] Ông Thiệu tiễn Trưởng ra khỏi Dinh Độc Lập, và nói: "Tôi đợi đến khi anh về đến Đà Nẵng rồi sẽ tuyên bố cố thủ Huế trên đài phát thanh".

Thế nhưng khi về tới Đà Nẵng, tướng Trưởng lại được ngay tướng Lâm Quang Thi, tư lệnh phó, báo cáo rằng quân Bắc Việt đã bắt đầu nã đại bác 130 ly vào bộ chỉ huy của ông và đang chuẩn bị vượt tuyến phòng thủ đầu tiên tại bờ sông Thach Hãn. Nhận thấy tình hình khẩn trương, tướng Trưởng gọi tướng Viên để xin điều động lữ đoàn 1 Nhảy dù. Như thường lệ, ông Viên yêu cầu ông Trưởng gọi thẳng ông Thiệu. Trưởng lại yêu cầu ông Thiệu hoãn việc tuyên bố tử thủ Huế trên đài phát thanh "vì có thể ta không giữ nổi Huế". Thấy Trưởng bắt đầu dè dặt về việc giữ Huế, Thiệu bèn tấn công; ông cho Trưởng biết là cả phó Tổng Thống và Thủ tướng đều chống lại việc giữ cả 2 nơi: Huế lẫn Đà Nẵng.[26] Trưởng đã quen với cái lối cho lệnh có tính cách đại cương của Thiệu để tướng lãnh tự quyền định đoạt chi tiết. Trưởng biết rằng giữ Huế là việc khó khăn, nhưng bỏ Huế thì sẽ gây xáo trộn không lường được.

Mặc dù Thiệu tỏ ý dè dặt, Trưởng vẫn tiến hành kế hoạch giữ ba cứ địa Huế, Chu Lai và Đà Nẵng, vì ông cho rằng Sài Gòn chưa rút lại lệnh đó. Ngày hôm sau, 20 tháng ba, Trưởng bay ra bộ chỉ huy Tiền

phương của Sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến cách sông Mỹ Chánh 5 dặm để hội thảo với các đơn vị trưởng. Ông nói với họ rằng Tổng Thống đã ra lệnh là phải giữ Huế "bằng mọi giá". Mặc dù thành Quảng Trị đã bị mất đêm trước, tinh thần và kỷ luật binh sĩ tương đối vẫn còn cao. Trưởng cho rằng có thể giữ nổi Huế và thi hành kế hoạch tái phối trí như đã dự định. Trên đường về, Trưởng dừng lại Huế để thanh tra quân ngũ và công tác phòng thủ tại cố đô. Hồi 1 giờ rưỡi chiều hôm đó, ông Thiệu tuyên bố cố thủ Huế trên đài phát thanh. Tổng Thống đã công khai tuyên bố, nên Trưởng vẫn nghĩ rằng ta có thể ngăn chận địch được.

Khi tướng Trưởng trở về Bộ Tư Lệnh ở Đà Nẵng, hồi 7 giờ 30 tối, thì ông lại nhận được mật điện số 2238 của tướng Viên, chuyển lệnh của ông Thiệu về vụ Huế, trái hẳn với lời tuyên bố trên đài phát thanh. Thiệu đã nghe lời Khiêm và cụ Hương, quyết định bỏ Huế.

Công điện của ông Viên nói:"Vì không đủ khả năng để giữ cả ba nơi như đã định, Tư lệnh Vùng 1 được tùy nghi, tùy theo tình hình và áp lực địch, phối trí quân về để chỉ giữ Đà Nẵng mà thôi".[27] Đồng thời Lữ đoàn Dù tổng trừ bị được lệnh rút về Sài Gòn.[28]

Tướng Trưởng kinh ngạc đến độ ông phải nhờ một sĩ quan hầu cận đọc giùm bức công điện. Trưởng gọi điện thoại cho Viên để xác nhận. Ông Viên yêu cầu Trưởng gọi điện thoại thẳng cho ông

Thiệu.[29] Trưởng mở ra-di-ô nghe Đài Sài Gòn, vẫn còn đọc tuyên cáo của Tổng Thống hứa bảo vệ Huế "bằng mọi giá". Không ai ở Phủ Tổng Thống buồn gọi Đài Phát Thanh Sài Gòn thôi đừng phóng thanh nữa. Sự thiếu phối hợp giữa chính phủ và Bộ Tổng tham mưu chỉ làm cho tình hình rối loạn thêm.

Tướng Trưởng thất vọng vô cùng. Mới sáng nay, ông ra lệnh tử thủ Huế. Giờ đây, chính ông Tổng Thống đã đồng ý việc giữ Huế, (tuy là đồng ý một cách miễn cưỡng, nhưng vẫn là đồng ý), lại đổi ý. Trưởng cảm thấy danh dự bị tổn thương và như bị phản bội. Trong trường hợp thông thường, tướng Trưởng phải trả lời: "nhận, hiểu và thi hành" chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu, nhưng lần này, ông đã viết công điện trả lời tướng Viên cách khác: "Tham chiếu công điện số 2238 của Đại tướng, tôi e ngại không thi hành nổi lệnh này. Xin Đại tướng tìm người thay thế tôi". Ngày hôm sau, Trưởng nhận được công điện của Viên: "Tình hình hết sức khẩn trương, Trung tướng liệu mà làm". Xưa nay, Trưởng vẫn nổi danh là một sĩ quan tuân lệnh cấp trên, giờ đây ông lại phải tỏ lòng trung thành với Tổng Thống. Trưởng phải tùy cơ ứng biến vì cả Tổng Thống và Bộ Tổng tham mưu không còn giúp gì được cho ông nữa. Trách nhiệm nặng nề đặt lên vai người tướng lãnh gầy gò, khắc khổ này. Ông than thở:

"Trong những giờ phút nghiêm trọng, Bộ Tổng tham mưu hình như biến đâu mất". Tuy nhiên, theo

như lời phê bình của trùm CIA ở Sài Gòn là Thomas Polgar thì, "tướng lãnh Việt Nam, không có ai có kinh nghiệm để một mình chỉ huy đơn vị lớn trên chiến trường cả".[30]

*

* *

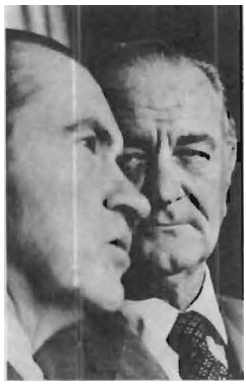
Trong một buổi nói chuyện vào năm 1976, Thiệu khi kể lại biến cố này với Hưng đã cho biết: "lúc đầu ông có ý định giữ Huế bởi vì tướng Trưởng nói với ông rằng không còn đường tháo lui ra khỏi Huế nữa. Quốc lộ 1 đã bị chặn.



1. Dinh Độc Lập Sài Gòn 1968 .



2. Nguyễn Tiến Hưng và Nguyễn Văn Thiệu tại Dinh Độc Lập, 1973
Richard Nixon và Mao Trạch Đông tại Bắc Kinh, tháng 2-1972.
Henry Kissinger và Chu Ân Lai tại Bắc Kinh, tháng 2-1972.





3. Trái: Nixon và Lyndon Baines Johnson tại tòa Bạch Ốc sau cuộc bầu cử tháng 11-1968.
Dưới: Nixon và Bà Anna Chennault (trái) và trong một buổi vận động tranh cử năm 1968.





4. Trên: Ngô Đình Diệm trên sàn thiết vận xa sau khi bị sát hại ngày 2-11-1963. Vụ giết ông Diệm đã thay đổi hình ảnh của Hoa Kỳ dưới mắt các nhà lãnh đạo Đông Nam Á.
Mặt: Phó Tổng Thống Hubert Humphrey chúc mừng Thiệu trong ngày lễ nhậm chức tổng thống năm 1967 tại Dinh Độc Lập. Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ đứng bên.



5. Trên, trái: Tổng thống Thiệu và Đại sứ Bunker tại Sài Gòn sau khi Thiệu tái đắc cử năm 1971.
Trên, mặt: Thiệu và Nixon tại Midway, tháng 6-1949, loan báo những đợt đầu rút quân ra khỏi Việt Nam.
Dưới: Tổng thống Thiệu nói chuyện với quân sĩ Việ Nam Cộng Hòa tham dự hành quân Lam Sơn 719, tháng 3-1971.



6. Xe thiết giáp của VNCH trên đường tiến về phía biên giới Lào trong cuộc hành quân Lam Sơn 719.





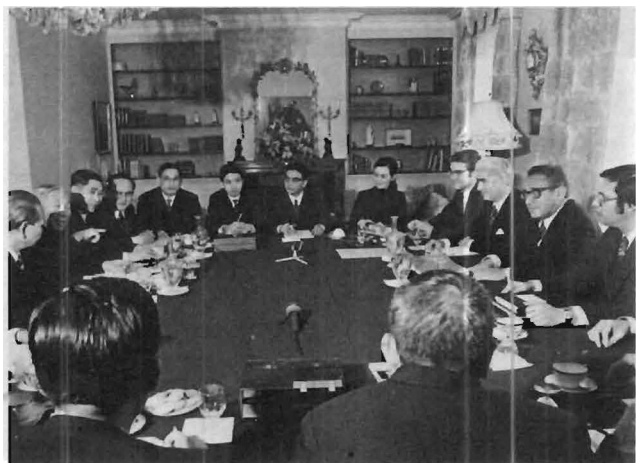
7. Trên: Kissinger (tay mặt) nói chuyện với Thọ tại Paris qua một thông ngôn viên; Thủy (trái) đứng ngó.
Trái: Hoàng Đức Nhã đón Kissinger lúc ông này vừa tới Dinh Độc Lập, tháng 10-1972.







8. Từ bên trái: Winston Lord, Peter Rodman và John Negroponte, thuộc nhóm chuyên viên của Kissinger, trong máy bay trên đường qua Paris điều đình với Bắc Việt.
   Kissinger loan báo "hòa bình trong tầm tay", 26-10-1972. Từ trái qua phải: Alexander Haig, William Sulivan, Kissinger và Tùy viên Báo Chí Ron Ziegler.
   Đặc sứ Nguyễn Phú Đức gặp Tổng thống tại "Phòng Trái Xoan" để thảo luận về hòa đàm Paris, 29-11-1972. Schecter là ký giả đứng giữa, ngay sau lưng Đức.



9. Phái đoàn Bắc Việt và Hoa Kỳ họp tại căn nhà riêng bên ngoài thành phố Paris năm 1972 để thảo luận về Hiệp định Paris. Thọ (trái) đang chỉ trỏ. Từ bên mặt: Winston Lord, Kissinger, Sullivan, Rodman, và Irene Derus.





10. Trên: Kissinger và Thọ ký tắt tên vào bản Hiệp định Paris, tháng giêng 1973.
Mặt: Ngoại trưởng William Rogers và Ngoại trưởng Trần Văn Lắm nâng ly mừng việc ký kết Hiệp định Paris và đình chiến, 27-1-1973.

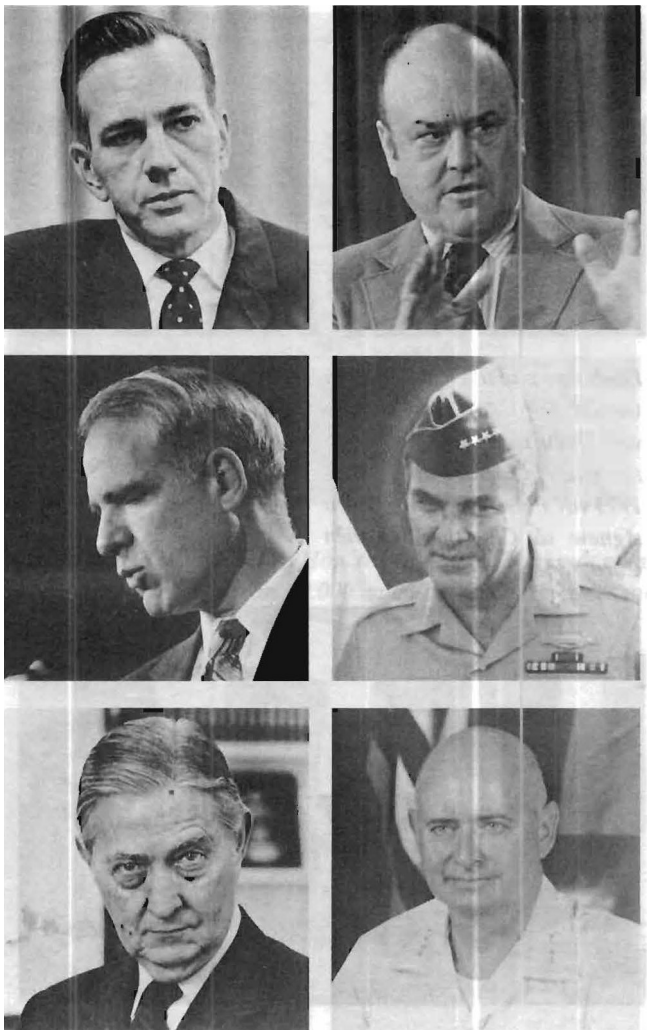




11. Trái: Tổng thống Thiệu trong một buổi Giỗ Tổ Hùng Vương. Dưới: Kissinger gặp Đồng Thủ tướng Bắc Việt (giữa) tại Hà Nội, tháng 2-1973.



12. Trần Văn Lắm – Dương Văn Minh – Trần Văn Hương – Trung tướng Trần Văn Đôn – Trung tướng Ngô Quang Trưởng – Vương Văn Bắc



13. Warren Nutter – Melvin Laird – James R. Schlesinger – Đại sứ Graham Martin – Đại tướng John Vogt



14. Lãnh đạo phe thiểu số Hạ Viện Gerald Ford đang nói chuyện với Thiệu trong một cuộc tiếp tân của Hạ viện Hoa Kỳ, 5-4 1973 với Phó Tổng thống Spiro Agnew và Chủ tịch Hạ viện Card Albert Nguyễn Tiến Hưng, Tổng trưởng Phát triển Kinh tế và Kế hoạch tại bàn giấy.



Hưng (trái) diễn thuyết trước ngoại giao đoàn trong Dinh Độc Lập với sự hiện diện của Chủ tịch Tối cao Pháp viện Trần Văn Linh, Chủ tịch Thượng Viện Trần Văn Lắm, Tổng thống Thiệu, Chủ tịch Hạ Viện: Nguyễn Bá Cẩn và Thủ tướng Trần Thiện Khiêm.



15. Nghĩa trang Quân đội Biên Hòa, tháng 4-1974. Trên một năm sau hình khi ngưng bắn, vẫn còn 12,000 quân sĩ VNCH bị thiệt mạng.



16. Tổng thống Nixon đón mừng các tù binh Mỹ trở về, tại Thỉnh đường Bộ ngoại giao Hoa Kỳ.





17. Trên: Tổng thống Nixon ra đón Thiệu tại San Clemente, California, tháng 4-1973.
Trái: Thống đốc Tiểu bang California, Ronald Reagan và phu nhân Nancy (tay mặt) trong một bữa tiệc khoản đãi Tổng thống Thiệu và phu nhân tại Khách sạn Beverly Wilshire, Los Angeles, tháng 4-1973.

18. Mặt: Dân biểu VNCH Trương Thị Bích Diệp, với các dân biểu Hoa Kỳ Beila Abzug và Pete McCloskey, tháng 2-1975.
Dưới: Hưng (góc trái), Đại sứ Martin, Tổng thống Thiệu họp với một dân biểu Hoa Kỳ tại Dinh Độc Lập, 1975.





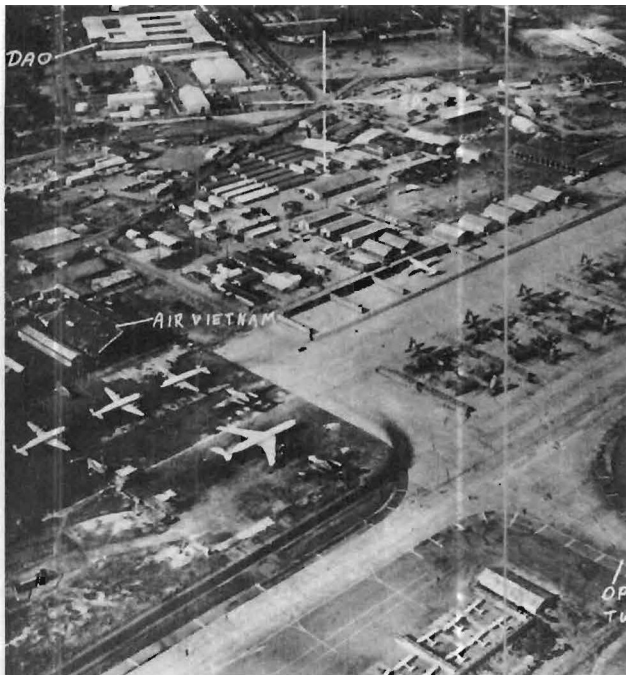


19. Phải bộ Weyand họp trong văn phòng Thiệu, 31-3-1975. Từ trái sang phải: George Carver, Tướng Homer Snith, Eric Von Marbod, tướng Fred Weyand, Đại sứ Graham Martin, Tổng thống Thiệu, Phó Tổng thống Hương, Thủ tướng Khiêm, tướng Viên, và Hưng.

20. Mặt: Dân tỵ nạn bỏ chạy khỏi Ban Mê Thuột, tháng 4-1975.
Dưới: Quân sĩ Việt Nam Cộng Hòa tại chiến trường Xuân Lộc, 9-4-1975.







21. Không ảnh chụp phi trường Tân Sơn Nhất, tháng 4-1975.



22. Tổng thống Ford và Đại tướng Fred Weyand tại Palm Springs
Kissinger, Ford và Von Marbod tai Palm Springs
Ford diễn thuyết tại Quốc hội Hoa Kỳ, 9-4-1975. Trên bàn chủ tọa: Phó Tổng thống Nelson Rockefeller và Chủ tịch Hạ Viện Carl Albert.





23. Trên: Kissinger, Schlesinger, Clements, Rockefeller (không rõ mặt), và Tướng Brown trong phòng Roosevelt, 28-4-1975 đang anh trầm ngâm trước khi Sài Gòn thất thủ.
Trái: Hai mẹ con lánh nạn Cộng sản trên tàu USS Blue Ridge sau khi Sài Gòn thất thủ.

24. Kissinger, Nessen và Scowcroft trên đường tới Tòa nhà Văn phòng Hành pháp để loan báo cuộc di tản khỏi Việt Nam ngày 30-4-1975 (Sau lưng Kissinger và Nessen là một nhân viên an ninh).
Xe tăng Bắc Việt trong sân Dinh Độc Lập, sau khi Việt Nam Cộng Hòa chính thức đầu hàng, 30-4-1975.





Nhưng khi nghe ông Trưởng gọi về báo cáo tình hình địch tiến nhanh và đề nghị hoãn việc tuyên bố cố thủ Huế trên đài phát thanh, ông lại càng cảm thấy lung lạc về việc cố thủ Huế! Ông cảm thấy đề nghị của Thủ tướng Khiêm và Phó Tổng Thống Hương có phần hữu lý. Sau đó, ông lại nhận được báo cáo rằng có đơn vị thuộc Sư đoàn 1 Bộ binh có nhiệm vụ giữ Huế, đã bắt đầu rút lui mà tướng Trưởng không hay biết. Thiệu kể lại: "Khi tôi nghe tin này, tôi gọi Đại tướng Viên, Đại tướng Viên không biết gì về tin này. Tôi lại gọi Trung tướng Trưởng, Trung tướng Trưởng trả lời: "Họ đã rút lui, tôi không thể kêu họ trở lại được". Lúc đó, ông Thiệu cảm thấy không còn giữ Huế được nữa. Ông kết luận với Hưng: "Ai cho lệnh tướng Điềm, Tư lệnh Sư đoàn 1 rút lui? Tôi không biết".[31] Khi Hưng phối kiểm lại với tướng Trưởng, thì Trưởng nói rằng không có chuyện tướng Điềm rút quân mà ông lại không biết "vì tôi luôn theo sát anh em".

Tình hình chiến thuật suy sụp từ mùa hè 74 cộng thêm với việc viện trợ Mỹ bất thình lình bị cắt giảm quá mau lẹ đã khiến Thiệu phải nghĩ đến chuyện cho thi hành chiến lược mà ông đã nghiềm ngẫm cả gần năm nay. Ông tin rằng phải cắt bớt đất phòng thủ, nhưng ông vẫn hy vọng giữ được Đà Nẵng như một "cứ địa cuối cùng". Thiệu kể lại rằng, sở dĩ ông muốn giữ Đà Nẵng là vì "đứng về phương diện địa thế và quân sự, thành phố này có thể phòng thủ được" và

"giữ Đà Nẵng để hy vọng quân đội Hoa Kỳ có thể đổ bộ như kiểu Normandy. Tôi không muốn để người Mỹ sau này có cớ nói rằng họ muốn đổ bộ miền Trung nhưng không có một đầu cầu để đổ bộ"![32]

Thiệu không bao giờ thổ lộ ý định này với các cố vấn dân sự của ông, nhưng Hưng nhớ trong nhiều lần họp ở Dinh Độc Lập, ông đã coi Đà Nẵng như cứ địa cuối cùng. Có lần Thiệu nói: "Dù phải bỏ tất cả các căn cứ tại Vùng I và Vùng II Chiến Thuật, ta phải giữ Đà Nẵng bằng mọi giá".

*

* *

Đà Nẵng thất thủ vào Chủ Nhật Lễ Phục Sinh, 30 tháng ba. Ở nhà thờ Lutheran quận Arlington, Virginia; hôm đó, Tổng trưởng Quốc Phòng Mỹ, James Schlesinger, người đã có thái độ thờ ơ trong khi Bắc Việt mở cuộc tấn công, đã "rơi lệ" và "khóc" cho "Việt Nam". Hôm đó, Phó Giám đốc CIA, tướng Vernon Walters có nói với ông rằng: Đại sứ VNCH ở Washington vừa tuyên bố: "Màn đêm dài đã phủ xuống đầu chúng tôi, và bình minh sẽ không còn hé rạng nữa"! Schlesinger ngậm ngùi: "Tôi nghĩ đến lời của cố Thủ tướng nước Anh, Winston Churchill, khi ông mô tả nước Pháp bại trận trong Đại chiến II. Cả hai đều cùng là một thảm cảnh dẫu không lớn lao như nhau. Tôi không trách người Việt Nam đã phải đặt chút hy vọng của họ vào Hoa Kỳ. Tôi chia xẻ nỗi đau thương với họ".[33]

Đối với Hoa Kỳ, Đà Nẵng không còn là quan trọng nữa về phương diện chiến lược. Schlesinger trình với Tổng Thống Ford rằng, muốn chặn được quân Bắc Việt lúc này, Hoa Kỳ phải dùng đến võ khí nguyên tử chiến thuật. Ông Ford không bao giờ mơ tưởng đến chuyện này. Việt Nam phải đương đầu một mình. Tổng thống Ford quyết định không can thiệp bằng quân sự nữa.[34]

Cách đó đúng 10 năm, vào cuối tháng 3, 1965, những chiến hạm lớn của Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương đã rầm rộ áp giang cho các tầu chở quân đổ bộ trên bãi biển Đà Nẵng. Nhưng nay, vào cuối tháng ba, 1975 người ta chỉ thấy lác đác vài chiếc tàu buôn ra vô cửa biển để tiếp tế thực phẩm cho đoàn người tỵ nạn.

Ba chiếc tàu có cờ Mỹ mang tên Transcolorado, Miller và Pioneer cũng cập bến, nhưng không phải để đổ bộ mà để cứu những người sống sót của "cứ địa cuối cùng". Một trong số đó là tướng Ngô Quang Trưởng.

chương XVII
cạn tầu ráo máng

Mới đầu tưởng mình đang nằm mơ khi có tiếng điện thoại reo. Bên ngoài, trời còn tối; anh trở mình, bật đèn ngủ cạnh đầu giường và thấy đồng hồ chỉ 6 giờ sáng; hôm đó là ngày 20 tháng 3. Tiếng máy lạnh kêu rền rền lấn át những tiếng động bên ngoài đường phố, tạo thành một âm thanh đều đều khiến anh đêm qua đã lả mình vào được giấc ngủ. Các cửa sổ đều đóng chặt, màn cửa khép kín, trong phòng ngủ tại biệt thự của anh ở số 623 Phan Thanh Giản, đối diện bệnh viện Saint Paul. Hầu như kiệt sức và muốn được ngủ thêm, anh bấm một nút để chuyển đường điện thoại tới căn phòng nhân viên an ninh ở sau tòa nhà chính, để anh ta trả lời.

Tuần vừa qua, ngày nào Hưng cũng làm việc tới quá nửa đêm, hết phiên họp này lại sang phiên họp khác, tại Bộ, tại Dinh Độc Lập, lại việc của liên bộ lo tiếp tế cho trên nửa triệu đồng bào tỵ nạn, vì Ban Mê Thuột, Kontum và Pleiku đã rơi vào tay Cộng sản.

Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ và Quảng Ngãi thì đang bị đe dọa trầm trọng. Dân tỵ nạn tháo chạy với gia đình binh sĩ, tạo nên những cảnh náo loạn, hoảng hốt. Tinh thần suy sụp thảm thương, mà sự kiểm soát của chính quyền thì mỗi lúc mỗi yếu đi.

Hưng vừa chợp mắt trở lại, thì có tiếng gõ của mạnh. Người lính an ninh nói lớn từ phía ngoài: "Thưa Tổng Trưởng, có Tổng Thống gọi". Nửa mê nửa tỉnh, Hưng chợt nghỉ là chắc có chuyện gì gấp lắm. Ông Thiệu chưa hề gọi sớm như thế bao giờ. Hưng nhắc máy điện thoại lên nghe, lòng bồn chồn. Một sĩ quan tùy viên của Thiệu nhắc lại: "Dạ, có Tổng Thống muốn nói chuyện với ông Tổng Trưởng". Để đoán xem ông Thiệu đang ở trong tâm trạng nào, Hưng hỏi người tùy viên là ông Thiệu đang dùng máy điện thoại số mấy. Tiếng trả lời từ đầu dây bên kia: "Số 9404", tức máy điện thoại trong phòng ngủ của ông. Hưng đoán ngay là có việc khẩn. Ông Thiệu hỏi: "Anh đến gặp tôi lúc 8 giờ được không? Tới ăn sáng luôn thể".

Nhận thấy vẻ nghiêm nghị trong giọng nói của Thiệu, Hưng đoán là mình lại sắp chứng kiến chuyện gì quan trọng nữa đây. Anh được thông báo là sẽ gặp Thiệu ăn sáng ở hành lang lầu ba, nơi Thiệu vẫn tin là không bị CIA đặt máy nghe lén.

Tới nơi, Hưng thấy người bác sĩ riêng đang loay hoay sắp chích thuốc cho Thiệu. Hưng bèn hỏi: "Tổng Thống bệnh hay sao?

Thiệu đáp: "Không. Tôi chỉ cần thêm vitamin mỗi khi phải đối phó với Cộng sản và Mỹ cùng một lúc". Hưng cười, nhưng ông bác sĩ kia không thấy câu nói là khôi hài, đáng cười, mà chỉ yên lặng chích ống thuốc sinh tố vào cánh tay Thiệu.

Bàn ăn bầy đúng hai chỗ ngồi. Một người bồi áo vét trắng, bưng tới những món điểm tâm điển hình Việt Nam: phở và bánh cuốn. Khi người bồi đã đi xa khỏi tầm nghe, Thiệu nói: "Tôi nghĩ rằng nội vài ngày tới, tình hình sẽ trầm trọng hết sức mau lẹ". Rồi ông giải thích tình hình mặt trận: năm trong bầy sư đoàn trừ bị Bắc Việt đã vào tới miền Nam. Cùng với mười bốn sư đoàn bộ binh đã có sẵn trong Nam, địch quân bây giờ đã có được mười chín sư đoàn trang bị đầy đủ, với gần một ngàn xe tăng và trọng pháo. Họ đã chiếm được ưu thế trong cán cân lực lượng và hỏa lực trên mọi chiến trường. Ngưng một lát để cho Hưng ghi chép, Thiệu nói tiếp. "Hôm qua,(19-3) xe tăng Cộng sản đã vượt qua sông Thạch Hãn để đánh chiếm Quảng Trị, và chúng đã bắt đầu pháo kích Huế".

Hưng đã được nghe nhiều tin đồn rằng cuộc rút lui khỏi Pleiku và Kontum đã trở thành một thảm họa, rằng các lực lượng *Montagnard* địa phương đã quay súng bắn lại quân đội VNCH. Khi Paul Leandri, trưởng phòng thông tấn Agence France Presse ở Sài Gòn loan tin quân *Montagnard* đã nổi loạn chống lại quân đội chính quy miền Nam, cảnh sát đã mời ông

ta đến trụ sở để thẩm vấn. Sau vài tiếng đồng hồ bị giữ lại trong sở cảnh sát, Leandri bước ra, rồi lên xe lái vút đi, không chịu dừng lại khi cảnh sát ra lệnh. Họ liền rút súng bắn vào bánh xe hơi của Leandri, với mục đích giữ xe lại nhưng một viên đạn lạc trúng người làm Leandri gục ngay tại chỗ. Nghe tin, Hưng rất buồn và nản chí. Không những cuộc rút lui đã trở thành một tai họa khủng khiếp, mà câu ngạn ngữ: "họa vô đơn chí" bây giờ dường như đã ứng nghiệm. Việc bắn chết một phóng viên ngoại quốc lại càng bêu xấu thêm những hình ảnh đàn áp của chính phủ Sài Gòn.

Đoàn gia đình binh sĩ chạy theo cha, chồng, đã làm cho cuộc rút lui bị chậm lại, chỉ có một nửa số xe vận tải và quân đội tới được vùng bờ biển. Ngoài Trung, đoàn người tỵ nạn tiếp tục đổ vào Đà Nẵng. Không một ai muốn bị kẹt lại vì còn nhớ vụ Bắc Việt hành quyết và chôn sống 2.800 người ở Huế năm 1968 trong khoảng thời gian ngắn ngủi chúng chiếm đóng thành phố đó vào dịp Tết Mậu Thân.[1]

Thiệu không nói gì đến mặt trận Cao Nguyên, cũng không nói cho Hưng biết những cuộc hội họp của ông với các cố vấn quân sự để soạn thảo kế hoạch phòng thủ Huế và Đà Nẵng. Thiệu đã quen với lối ngăn cách những quan hệ giữa mình và các phụ tá, ít khi cho họ biết ý nghĩ riêng hay chiến lược của mình.

Lúc Hưng bắt đầu ăn tô phở, thì Thiệu lấy bút ra

viết lên một mảnh giấy. Như để thuyết phục mình, ông đọc ba hàng chữ vừa viết xuống:

Quyền lợi *Quốc gia;*

Quyền lợi *cá nhân;*

Địa vị chính trị.

Hưng hiểu ngay là Thiệu đang làm một tính toán chính trị để đi tới một đường lối hành động mới. Sát cạnh hàng chữ "Quyền lợi quốc gia", Thiệu viết số "1", cạnh hai hàng sau đó, ông đánh dấu chữ "ϕ" (phi, ký hiệu toán học, mẫu tự Hy-Lạp có nghĩa là "vô hiệu"). Rồi ngước mắt lên, ông nói: "Sự sống còn của quốc gia đòi mình phải xả láng, vì thế mình phải đặt với Hoa Kỳ câu hỏi **oui ou non** (có hay không), buộc họ phải dứt khoát còn muốn giúp hay không. Mình không thể chờ lâu hơn nữa. Rồi đây sẽ quá muộn. Giả thử không còn một lý do nào khác hơn là sự sống còn của quốc gia, lúc này tôi sẽ phải làm gì để Hoa Kỳ không thể dùng cái lập luận là sự đã rồi để lấy cớ mà bảo tôi rằng: '*Sorry, it is too late to intervene*'"? (Rất tiếc, can thiệp lúc này thì quá muộn rồi.)

Kể từ khi Kissinger sang Sài Gòn (tháng 10-1972) đưa cho Thiệu bản dự thảo Hiệp định Paris đã được thỏa thuận với BV mà không có sự chấp nhận của ông, Thiệu đã luôn luôn sợ rằng người Mỹ lại mang đến tặng mình một "việc đã rồi" nữa. Chuyến đi Paris của Kissinger hồi tháng 6-1973, đã gây thêm một việc đã rồi, đó là ký kết vào bản Thông cáo

chung. Giờ đây, Kissinger lại công du nữa, lần này ở vùng Trung Đông. Ông ta vừa qua Saudi Arabia. Ai mà biết được sau đó cái gì sẽ xẩy ra? Một vụ đổi chác nữa với Thọ ở Paris... một cuộc đảo chính ở Sài Gòn?

Trước đây, Hưng có được ông Thiệu cho xem một vài bức thư của Nixon và Ford. Trong lúc này anh cảm thấy dường như ông đang ở vào một tâm trạng tuyệt vọng, nên anh giục ông nên công bố vài lá thư mật đó. Ông nên qua mặt Ford, kêu thẳng Quốc hội và nhân dân Hoa Kỳ một lần chót trợ giúp dưới hình thức quân-kinh-viện. Cứ theo mức độ tiêu thụ lúc đó thì miền Nam sẽ hết đạn dược và các đồ tiếp liệu khác vào cuối tháng 6-1975, nghĩa là chỉ còn 90 ngày nữa. Nếu được viện trợ tiếp tế thêm, Sài Gòn sẽ có thể ổn định được tiền tuyến. Nhưng quan trọng hơn cả, một thái độ tích cực tại Washington mới thật là cần thiết để nâng cao tinh thần quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ưu tiên số một là chận đứng cuộc tấn công của Bắc Việt, sau đó ngưng bắn bằng phương tiện hoặc quân sự, hoặc chính trị.

Hưng đề nghị bỏ tiền mua giờ phát thanh của một hệ thống truyền hình Hoa Kỳ để ông Thiệu nói chuyện với nhân dân Hoa Kỳ với mục đích để tiết lộ những lời cam kết, hứa hẹn bí mật của Mỹ trước đó. Nhưng Thiệu không muốn bội ước bảo mật với các Tổng Thống Mỹ. Ông sợ có thể gây ra một phản ứng trái ngược khiến người Mỹ có thể trách ông là người bất tín. Để thuyết phục Thiệu, Hưng đề

nghị ông dành cho phóng viên Frank Mariano của đài ABC một cuộc phỏng vấn. Anh sẽ mớm lời cho Mariano, người mà anh đã quen thân, để anh ta hỏi Thiệu về những cam kết mật đó – chứ ông khỏi cần tự ý tiết lộ.

Hưng cũng đề nghị rằng các điểm chính mà Thiệu cần đưa ra trong cuộc phỏng vấn là lúc Việt Nam Cộng hòa đồng ý tiến hành chương trình Việt Nam hóa và ký kết Hiệp định Paris, ông đã nhận được sự cam kết vững chắc và liên tục của Tổng thống Nixon, nhân danh một cường quốc. Cam kết đó chính là yểm trợ Việt Nam Cộng hòa trong trường hợp có cuộc tấn công của Bắc Việt. Lời cam kết đó sau này đã được chính Tổng Thống Ford nhắc lại, và bây giờ là lúc Hoa Kỳ cần phải tôn trọng những điều đã hứa. Thiệu ngồi lắng nghe, rồi bảo sẽ gặp lại và thảo luận tiếp. Thiệu vẫn không cho lúc đó là lúc ông cần công khai tuyên bố. Ông nói: "Tôi không muốn ngời Mỹ có prétexte (cớ) để trỏ ngón tay vào mặt tôi".

Hưng nghĩ có lẽ Thiệu nên áp dụng một đường lối hành động hoàn toàn khác trước, chẳng hạn như ấn định một tuyến mới phân chia Nam-Bắc, hoặc thành lập chính phủ liên hiệp dưới một công thức nào đó. "Liên hiệp" là một từ ngữ bị cấm chỉ không được nhắc đến trước mặt Thiệu; không một ai trong chính phủ đã có gan dùng từ ngữ ấy khi thảo luận trực tiếp với Thiệu. Nhưng trước tình hình khẩn trương lúc đó, Hưng thấy cần phải nêu vấn đề đó ra và hỏi ông

Thiệu đã có nghĩ đến liên hiệp như một lập trường điều đình không? Thiệu từ chối, không muốn thảo luận vấn đề này. Ông yên lặng và không trả lời câu hỏi của Hưng: đó là lối Thiệu thường dùng để làm ngơ những vấn đề mà ông không muốn đối diện, hoặc không thể đối phó.

Thiệu bảo Hưng, điều ông muốn nói trước tiên là gửi một thông điệp "SOS" tới Ford: "Tôi vẫn cho là Ford có thể còn làm được một cái gì nếu như ông ta thực sự hiểu rõ tình hình". Rồi ông chỉ thị cho Hưng thảo một "bức thư gây thật nhiều xúc động, đồng thời rõ ràng là Việt Nam Cộng hòa yêu cầu Mỹ giải cứu". Nhưng Thiệu nói tiếp là ông cũng sẽ nghiên cứu thêm các đề nghị và biện pháp khác nữa.

Hai người bèn liệt kê một danh sách những gì Tổng Thống Hoa Kỳ có thể thi hành lúc ấy để cứu vãn tình thế. Các biện pháp chọn lựa gồm: công khai tố cáo Bắc Việt xâm lược; một lời tuyên bố mạnh mẽ về sự yểm trợ của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam, hoặc Hoa Kỳ có thể tái triệu tập hội nghị Paris, đòi ngưng bắn tức khắc, cung ứng quân viện hoặc can thiệp trực tiếp, và dội bom các lực lượng xâm lăng của Bắc Việt đang xuất hiện.

Thiệu không chắc là Ford sẽ hành động, nhưng ông nắm được lý do chính đáng, vả lại đâu còn lựa chọn nào khác? Khi Hưng tỏ vẻ dè dặt, Thiệu bèn nói: "Vấn đề là mình có quyền đòi nợ. Tôi chỉ có thể đòi ông trả nợ thôi. Trách nhiệm là của ông ta".

Tình thế đã quá muộn để mà thi hành hữu hiệu bất cứ biện pháp chính trị và kinh tế nào, ngoại trừ việc Hoa Kỳ can thiệp bằng không lực, Thiệu đã kết luận như thế. Về mặt quân sự, nếu như Mỹ dội bom xuống những mục tiêu Cộng sản ở miền Nam, sẽ rất là hợp thời cơ. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh Đông dương, quân chính quy Bắc Việt hoàn toàn lộ diện; những đoàn xe vận tải của chúng nối đuôi nhau trên các đường lộ tiến xuống miền Nam ngay giữa ban ngày ban mặt. Ban đêm, chúng bật đèn sáng trưng như đi giữa xa lộ Biên Hòa! Vị trí đóng quân của chúng thấy rõ mồn một và lực lượng chúng tập trung đông đảo, như những mồi ngon cho không quân tấn công. Hệ thống phòng không của chúng tốt, nhưng B-52 của Mỹ bay cao, sẽ vượt xa tầm bắn của chúng. Không lực Việt Nam Cộng hòa lúc ấy đã bị kiệt quệ vì thiếu cơ phận thay thế, thiếu bom đạn, thiếu nhiên liệu, không thể nào đương đầu nổi với những giàn *SAM* hoặc *Strella* của Liên Xô cung cấp cho Bắc Việt.

Hà Nội đã chuyển từ chiến lược du kích "tấn công trong hòa bình" sang chiến tranh đại quy mô với vũ khí quy ước. Lúc này, Hoa Kỳ có thể phải đáp ứng như đã hứa hẹn: bằng cách nào đó, B-52 phải được gởi tới để ngăn chận cuộc tấn công và nâng cao tinh thần quân đội Việt Nam Cộng hòa như họ đã làm hồi 1972. Xong bữa điểm tâm, Thiệu ra chỉ thị cho Hưng tiếp tay với một nhóm chuyên viên để nghiên

cứu những hạn chế của Quốc hội Hoa Kỳ đặt ra cho Tổng Thống. Vấn đề cần tìm hiểu là liệu Ford có bị trói tay thật sự không, hay vẫn có thể hành động để giữ lời hứa của mình cũng như của Nixon?

Sau một ngày ra công khảo cứu tìm hiểu quyền hạn của Tổng Thống Hoa Kỳ, nhóm chuyên viên của Thiệu gồm cả Ngoại trưởng Vương Văn Bắc, một luật sư nổi tiếng, và Hưng – đi đến kết luận là Tổng Thống Ford vẫn có thẩm quyền để hạ lệnh oanh tạc mau lẹ, ngắn hạn, bên trong lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa. Thực thế, như nhóm chuyên viên đã nêu ra: Tổng Thống Hoa Kỳ còn có bổn phận phải làm tròn trách nhiệm tinh thần của họ là khác. Sau này, ngoại trưởng Vương Văn Bắc bình luận: "Người Việt, sinh trưởng trong truyền thống Khổng học, nên không có một phân cách rõ rệt nào giữa pháp luật và luân lý; đối với chúng ta, thì pháp luật và luân lý gắn liền với nhau, và ta không thấy pháp luật thắng được luân lý".[2] Hưng tóm lược bản nghiên cứu và lập luận để trình Thiệu:

– Với tư cách là nước đã ký kết, là động lực đầu tiên, và là tác giả chính yếu của Hiệp định Paris, Hoa Kỳ có bổn phận phải duy trì nó. Tổng Thống Nixon, Kissinger, và các đại sứ Mỹ đã lập đi lập lại rằng thỏa ước thực sự là thỏa ước giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa. Tất cả những vị này đều đã hứa hẹn rằng Hoa Kỳ sẽ bắt phải tôn trọng thỏa ước.

– Đã có những lời cam kết đặc trưng của Tổng

Thống Nixon được viết thành văn và phát biểu rõ ràng trong nhiều lá thư và do Nixon, Kissinger, Bunker nói ra miệng; sau đó lại được Tổng Thống Ford tái xác nhận, là Hoa Kỳ sẽ trả đũa với "tất cả sức mạnh" trong trường hợp Hiệp định Paris bị vi phạm.

– Những bảo đảm ấy đã chưa hề bao giờ bị Hoa Kỳ hủy bỏ, công khai hay bí mật: Trái lại, đích thân Tổng Thống Ford đã tái xác nhận những bảo đảm ấy khi ông mới nhậm chức.

– Đạo luật về Quyền hạn Chiến tranh hồi tháng 11 năm 1973, được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua sau khi cấm oanh tạc hồi tháng 6, 1973 vẫn còn cho Tổng Thống Hoa Kỳ cái quyền đơn phương đưa quân đội Mỹ đến bất cứ nơi nào trên thế giới trong sáu mươi đến chín mươi ngày để bảo vệ sinh mạng người Mỹ. Hiện nay, có khoảng 6.000 sinh mạng Mỹ đang bị đe dọa ở khắp miền Nam Việt Nam, nhất là tại Huế và Đà Nẵng. Đó là những nhân viên và viên chức ngoại giao, viện trợ, kỹ thuật, quốc phòng, cùng thân nhân của họ. Ford có thể vịn cớ này để can thiệp.

– Những hành động của Quốc hội Hoa Kỳ liên quan đến Việt Nam, bất kể hành động nào, kể cả cắt viện trợ, cấm dội bom hồi tháng 6-1973, và Đạo Luật về Quyền hạn Chiến tranh, đều đã được quyết định và thông qua mà không ai hay biết gì về những lời cam kết, bảo đảm của Tổng Thống viết cho chính phủ Sài Gòn. Những cam kết của Nixon đã có từ trước khi Quốc hội lấy các quyết định đó,

vì thế, chúng vẫn còn hiệu lực. (Sau khi miền Nam sụp đổ, nhiều nghị sĩ trong số chủ trương cắt viện trợ hay làm những đạo luật cấm oanh tạc như Frank Church, John Stennis, đều phàn nàn là khi làm như vậy họ đã không biết gì đến mật ước Mỹ-Việt)!

Nhóm chuyên viên phúc trình cho Thiệu biết là, bởi thế, Tổng Thống Ford có thể ra trước Quốc hội trình bày những điều cam kết của chính quyền Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa và yêu cầu được quyền xử dụng không lực để phô trương lực lượng một lần chót, với bất cứ điều kiện nào mà Quốc hội muốn đặt ra, kể cả cắt hẳn viện trợ sau này. Một cách khác có thể làm là Tổng Thống Ford cứ mặc nhiên xử dụng quyền của mình trước rồi thông báo Quốc hội sau, như Đạo luật Quyền hạn Chiến tranh đòi hỏi. Với tư cách Tổng tư lệnh, Ford có tự do hành động trong sáu mươi ngày; trong khi đó Sài Gòn chỉ cần 2 tuần lễ B-52 dội bom để tiêu diệt lực lượng xâm lăng của Bắc Việt.

Để cho lập luận của mình vững chắc hơn, nhóm chuyên viên đã trích dẫn lời tuyên bố của Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger trong cuộc họp báo ngày 30-11-1974: "Nghị quyết về quyền hạn chiến tranh đã được Quốc hội thông qua có thể cho phép Tổng Thống Nixon hạ lệnh oanh tạc trở lại Đông Dương trong trường hợp BVmở cuộc tấn công ở miền Nam. "Với tư cách Tổng tư lệnh, tổng thống có quyền đưa quân Mỹ tới bất cứ nơi nào để bảo vệ người Mỹ.

Theo Đạo luật nói trên, được thông qua ngày 30-11-1973 bất chấp quyền phủ quyết của Nixon, thì Tổng Thống phải tham khảo Quốc hội trước khi lấy một hành động quân sự và phải thông báo đầy đủ chi tiết nội trong bốn-mươi-tám tiếng đồng hồ. Trong trường hợp hành động khẩn cấp, dưới những điều kiện có đe dọa trầm trọng, đạo luật giới hạn quyền xử dụng quân lực không tham khảo trước trong một thời gian không lâu quá sáu-mươi ngày. Hết thời hạn đó, Tổng Thống phải chấm dứt hành động quân sự ấy, trừ khi được Quốc hội minh thị cho phép tiếp tục. Trong khoảng sáu-mươi ngày, Quốc hội sẽ có thẩm quyền chấm dứt hành động quân sự nếu được cả Thượng lẫn Hạ viện biểu quyết đồng ý: Đó là một phương pháp lấy nghị quyết mà khỏi bị quyền phủ quyết của Tổng Thống áp đảo.[3]

Thế nhưng Quốc hội đã không chấp nhận sự giải thích của Schlesinger và của Bộ Ngoại giao. Thượng nghị sĩ Frank Church (DC-Idaho) tuyên bố: "Oanh tạc trở lại, hay lấy bất cứ hành động gây chiến nào khác tại Đông Dương, mà không được sự chấp thuận trước của Quốc hội sẽ là vi phạm luật pháp và tạo nên một hoàn cảnh có thể đưa tới sự truy tố".[4]

Cho đến ngày hôm nay, vấn đề vẫn chưa được ai giải quyết là, khi thông qua Đạo luật Quyền hạn Chiến tranh, Quốc hội Mỹ đã có ý định gì? Để trừng phạt Nixon về vụ Watergate? Nó nhắm vào chiến tranh Đông Dương hồi ấy, hay như các dân biểu thuộc cả

hai phe bảo thủ và tự do thường khẳng định, là để đối phó với "những cuộc chiến tranh không tuyên chiến trong tương lai của Tổng Thống" chứ không phải là để riêng đối phó với tình trạng chiến tranh ở Đông Dương?[5] Cả Nixon lẫn Ford đã đều quy trách cho Đạo luật ấy đã "đóng góp vào sự sụp đổ của các quốc gia được Hoa Kỳ yểm trợ trên bản đồ Đông Dương".[6] Riêng Tổng Thống Ford thì đã công nhận rằng mặc dù ông đã có vẻ tôn trọng đạo luật ấy, ông không bao giờ tin là ông bị nó trói tay.[7]

Còn Thiệu thì đã chấp nhận lời giải đoán Đạo luật theo nhóm chuyên viên của ông, là nó không ngăn cấm Ford dùng B-52 oanh tạc cuộc xâm lăng của Bắc Việt. Căn cứ vào lập luận đó, ông đã bảo Hưng phải nói cho rõ khi dự thảo lá thư để ông gửi cho Ford và "yêu cầu cho B-52 tới oanh tạc trong một thời gian ngắn", chừng hai tuần lễ, để ổn định mặt trận và mua thêm thời giờ cho quân đội Việt Nam Cộng hòa tái tập trung.

Khi tình bình quân sự suy sụp dần, Hưng nhận thấy ông Thiệu dường như sẵn sàng chấp nhận bất cứ điều kiện nào, kể cả phân chia lãnh thổ và từ chức Tổng Thống, để chỉ đổi lấy sự can thiệp của Hoa Kỳ chống lại cuộc tấn công của miền Bắc.

Muốn được sự cảm thông của người Mỹ, Thiệu biết rằng mình phải tiếp xúc cả với Quốc hội lẫn Tòa Bạch Ốc. Ngày 22 tháng 3, ông triệu tập một buổi họp chiến lược với Chủ tịch Thượng viện (cựu Ngoại

trưởng Lắm) và Chủ tịch Hạ viện (Nguyễn Bá Cẩn). Bắc và Hưng cũng có mặt trong buổi họp đó. Ngoại trưởng Lắm hồi tháng Hai vừa gặp cấp lãnh đạo Hạ viện Hoa Kỳ và Phó Tổng Thống Nelson Rockefeller khi ông qua Washington cầu viện bổ túc, nên ông đề nghị gửi thư cả cho Carl Albert, lúc đó là Chủ Tịch Hạ viện, lẫn Rockefeller, Phó tổng thống kiêm chủ tịch Thượng viện.

Ông Thiệu đồng ý, rồi nói xen thêm là Đại sứ Martin hồi sáng có đến thăm và khuyên ông nên "vận động âm thầm" với Tổng Thống Ford. Martin còn cho Thiệu biết rằng tại Hoa Kỳ người ta có khuynh hướng đồng nhất hóa hoàn cảnh của Việt Nam với Cam Bốt, mà vào lúc bấy giờ, thì tình hình Cam Bốt đã tuyệt vọng, coi như đã mất rồi. Martin cũng khuyên Việt Nam Cộng hòa không nên đòi quá găng khoản viện trợ quân sự bổ túc 300 triệu MK nữa. Ngụ ý của lời khuyên là ngân khoản đó sẽ không được chuẩn chi đâu, đã trở thành vô nghĩa rồi mà phải đòi thực hiện những biện pháp kịch liệt hơn. Bấy giờ là lúc Quốc hội Hoa Kỳ sắp nghỉ vào dịp lễ Phục Sinh, cho nên có yêu cầu viện trợ cũng sẽ không được cứu xét ngay. Thiệu nói, điều quan trọng hơn cả là lời cố vấn chót của Martin: "Từ đây tới đó, mình sẽ âm thầm làm việc với nhau". Hưng bắt đầu nghi rằng chính vì anh đang thúc đẩy Thiệu la lối lên mà Martin đã hay được nên Martin đã khuyên ông phải âm thầm làm việc.

Vấn đề, như Thiệu hỏi, là "chúng ta đã tới cái chỗ cạn tàu ráo máng trong liên hệ giữa ta với Hoa Kỳ chưa? Bây giờ có phải là lúc la lối om sòm lên chưa"? Đa số trong nhóm chuyên viên, trừ Hưng ra, ai cũng đồng ý cho rằng chưa đến lúc phải dùng đến các phương sách cuối cùng. Việt Nam không nên công khai buộc tội Hoa Kỳ, nhưng trong những cuộc tiếp xúc riêng phải cố thúc bách viện trợ, phải đòi gắt gao, để sau này người Mỹ sẽ không thể nói được là quá muộn rồi, viện trợ cũng chẳng ích gì.

Ông Thiệu cũng vừa đọc xong một bài của Millicent Fenwick, (CH-New Jersey), đăng trên mục Xã luận nhật báo *New York Times* số ra ngày 12 tháng 3, cực lực phản đối việc viện trợ Cam Bốt và Việt Nam Cộng hòa. Điều này khiến Thiệu bực mình, bởi lẽ nữ dân biểu Fenwick, người hút ống điếu trong chuyến viếng thăm Sài Gòn mới đây cùng với phái đoàn lập pháp Hoa Kỳ, đã là một trong những người biết điều và có trách nhiệm hơn cả. Nguyên văn một đoạn bài xã luận ấy như sau:

Trong trường hợp của cả Cam Bốt lẫn Việt Nam, tôi nghĩ ta phải nhìn thẳng sự thật là viện trợ quân sự gửi đi từ Mỹ sẽ không thành công nữa. Nó chỉ làm trì hoãn việc tiến đến một tình thế ổn định dù dưới bất cứ hình thức nào có thể tối thiểu làm ngưng được nỗi thống khổ của chiến tranh. Chúng ta không có chọn lựa nào khác. Những kẻ đã từng gửi vũ khí cho Bắc Việt và Khmer Đỏ rất có thể sẽ tiếp tục làm như thế

trong ba mươi năm tới. Người dân Hoa Kỳ sẽ không làm. Chẳng những vì chúng tôi cảm thấy ta có nhiều vấn đề trong nước cần được chú ý đến, mà còn vì cảm thấy ta không nên dính vào cái việc duy trì những cuộc chiến vô tận và vô ích đó nữa.

Thiệu còn hỏi: "Còn nhân dân Mỹ thì sao? Có cách nào tới được họ? Chính cá nhân tôi hay là cấp lãnh đạo Quốc hội phải giải thích cho nhân dân Mỹ?"

Ngoại trưởng Bắc đề nghị: "Nên làm kín đáo, không nên công khai. Mình đâu muốn bị buộc tội là can thiệp vào nội bộ Hoa Kỳ".

Thiệu cãi: "Nhưng dân chúng Mỹ phải có cơ hội nghe mình nói sự thật chớ. Vấn đề là dưới hình thức nào".

Bắc nhắc cho ông Thiệu về trường hợp trước kia của Thị Bình, Ngoại trưởng Việt Cộng, có lần đã nhân danh Việt cộng viết thư cho Quốc hội Hoa Kỳ đòi họ khước bác chính sách của chính quyền Nixon. Lá thư của y thị đã gây một phản ứng chống đối Việt Cộng, vì y thị dám can thiệp vào tiến trình lập pháp nội bộ của Mỹ.

Thiệu vặn: "Mụ ấy là kẻ địch của Hoa Kỳ; mình là bạn. Vả lại mình đâu có yêu cầu Quốc hội khước bác chính quyền; mình chỉ nhắc nhở cho họ những nghĩa vụ mà hai Tổng thống đã long trọng cam kết mà thôi".

Chủ tịch Trần Văn Lắm được đề nghị viết cho cấp lãnh đạo lưỡng viện Quốc hội Hoa Kỳ. Là người bình

thường rất điềm đạm, vui vẻ, ân cần, không hề để lộ xúc cảm riêng tư, và luôn luôn cầu nguyện Chúa phù hộ độ trì trước khi họp, ông Lắm hôm ấy đứng lên kể lể biết bao nhiêu lời hứa hẹn mà Kissinger đã lập đi lập lại với ông ở Paris. Ông nói sẽ dùng những lời bảo đảm và cam kết thường xuyên đó của Kissinger làm nội dung chủ yếu của lá thư: "Không thể tưởng tượng được! Làm sao một đại cường quốc như Hoa Kỳ mà lại có thể cư xử như vậy". Rồi bằng giọng cảm động, nhưng vẫn với một dáng điệu trịnh trọng, ông kể ra năm hứa hẹn Kissinger đã nói riêng với ông trước khi đại diện Việt Nam Cộng hòa ký vào bản Hiệp định Paris. Vừa xúc động, vừa bực mình, Lắm nói: "Thứ nhất, Kissinger đã nói với tôi rằng *mười-lăm ngày* sau khi ký kết các thỏa ước, Bắc Việt sẽ ngưng xâm nhập miền Nam từ ngã Lào, như vậy là chấm dứt được việc tăng cường lực lượng của chúng tại miền Nam. Vậy mà khoản này đã bị vi phạm trắng trợn, một cách có hệ thống.

Thứ hai, ông ta đã bảo đảm rằng Nga Xô và Trung Cộng sẽ dùng ảnh hưởng của họ để bắt Bắc Việt phải tôn trọng Hiệp định.

Thứ ba, ông ta thề sống, thề chết là nếu hiệp định bị vi phạm Hoa Kỳ sẽ đáp ứng dữ dội, với toàn lực chống Bắc Việt.

Thứ tư, khi thảo luận riêng tư, Kissinger đã hứa Hoa Kỳ sẽ thi hành việc thay thế đồ quân cụ theo tiêu chuẩn một- đổi-một như hiệp định cho phép.

Cũng theo hứa hẹn đó, Kissinger nói Hoa Kỳ sẽ cung ứng quân viện đầy đủ để Việt Nam Cộng hòa tự vệ và xử dụng quyền tự quyết; và

Thứ năm, cả Kissinger lẫn Nixon đã hứa hẹn viện trợ kinh tế đầy đủ để tái thiết". Hiệp định Paris, như Kissinger đã thường nói với Lắm và phái đoàn Việt Nam Cộng hòa hồi trước tại Paris, trong nhiều dịp, "chỉ là một mảnh giấy. Điều đáng kể là quyền lực của vị Tổng Thống Hoa Kỳ làm hậu thuẫn cho nó".

Chính là để đi tìm cái quyền lực đó mà Hưng và các vị đại diện dân cử Việt Nam Cộng hòa bây giờ đang cùng nhau hội họp để dự thảo các lá thư sắp được gửi đi. Đây là lần đầu tiên, và là lần duy nhất, Quốc hội Việt Nam kêu gọi trực tiếp Quốc hội Hoa Kỳ. Các lá thư được chuyển giao qua Sứ quán Mỹ, nhưng chúng không hề được trả lời. Cho tới ngày hôm nay, Hưng vẫn chưa tìm được dấu vết nào là Quốc hội Mỹ đã nhận được những bức thư này. Hưng vẫn nghi là đã bị dấu đi và không được chuyển giao! (Xin coi phụ lục E về nguyên văn các lá thư.)

Trong thời kỳ chiến tranh, đã có rất nhiều mệnh lệnh chống đối nhau ở Washington, và nhiều mâu thuẫn giữa các ngành khác nhau trong chính phủ Hoa Kỳ. Những ngày chót của Việt Nam Cộng hòa lại mang đến một mâu thuẫn, xung đột khác nữa. Giữa lúc Quốc hội Hoa Kỳ đưa ra một thông điệp công bố rõ ràng là họ đang chấm dứt mọi kinh và quân viện cho Sài Gòn, thì Tổng thống Ford lại gửi

một thông điệp tư cho Tổng thống Thiệu, hứa hẹn viện trợ quân sự đầy đủ, và trấn an Thiệu là Mỹ quyết tâm đứng sau lưng Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 22 tháng 3, Đại sứ Phượng từ Washington chuyển đạt một lá thư của Ford gởi cho Thiệu. Lá thư tới Sài Gòn ngày 23 tháng 3. Đó là liên lạc trực tiếp cuối cùng của Ford với Thiệu. Ford muốn nâng tinh thần Thiệu, nhưng lại rất mơ hồ về những hành động cụ thể. Đó cũng là lá thư đầu tiên, và duy nhất được gửi cho Thiệu qua tay sứ quán Việt Nam Cộng hòa ở Washington.[8] Được gửi bằng mật mã từ Mỹ và giải mã ở Sài Gòn, lá thư như sau:

Kính gửi Tổng Thống,

Cuộc công kích hiện nay của Bắc Việt chống lại Quí quốc thật vô cùng xáo trộn khiến riêng cá nhân tôi lo âu. Theo quan điểm của tôi, thì cuộc tấn công của Hà Nội tượng trưng cho một sự việc không kém gì sự hủy bỏ Hiệp định Paris bằng vũ lực.

Biến chuyển này mang theo những hậu quả nghiêm trọng nhất cho cả hai dân tộc chúng ta. Đối với Ngài và nhân dân Ngài thì đây là lúc hy sinh lớn nhất, nó sẽ quyết định chính số phận Quí quốc. Tôi tin tưởng rằng dưới quyền lãnh đạo của Ngài, quân lực và nhân dân Việt Nam Cộng Hòa sẽ tiếp tục công cuộc bảo vệ kiên trì chống lại vụ xâm lược mới này. Tôi cũng tin tưởng chắc chắn rằng nếu có được sự yểm trợ bổ túc từ bên ngoài vào thì Quí quốc sẽ thắng thế trong cuộc đấu tranh giành tự quyết của mình.

Riêng đối với Hoa Kỳ thì vấn đề cũng không kém phần khẩn trương.

Khi hành động như thế này, Hà Nội đang tìm cách hủy diệt tất cả những gì mà chúng ta đã chiến đấu để thành đạt, với phí tổn vô cùng to lớn, suốt mười năm qua!

***Sự quyết tâm của Hoa Kỳ để yểm trợ một người bạn** đang bị các lực lượng (Bắc Việt) với vũ khí hùng mạnh tấn công, hoàn toàn vi phạm một thỏa ước quốc tế (đã được ký kết) long trọng, là một điều hết sức cần thiết.*

*Riêng tôi, tôi quyết tâm rằng **Hoa Kỳ sẽ đứng vững sau lưng VNCH trong giờ phút tối quan trọng này. Với mục đích tôn trọng những bổn phận của Hoa Kỳ trong tình thế này,** tôi đang theo dõi những biến chuyển với chú tâm cao độ nhất và đang khẩn cấp tham khảo ý kiến các cố vấn của tôi về những hành động mà tình thế có thể **đòi hỏi và pháp luật cho phép**. Về vấn đề cung ứng viện trợ quân sự đầy đủ cho quân đội Ngài, xin Ngài yên tâm là tôi sẽ **cố tìm nỗ lực để thỏa mãn những nhu cầu quân viện của Ngài trên chiến trường**.*

Trước khi chấm dứt, tôi xin được nhắc lại một lần nữa lòng cảm phục liên tục của tôi đối với quyết tâm của Ngài và đối với lòng bền bĩ và sự anh dũng của nhân dân Việt Nam Cộng hòa.

Kính thư,

(kt. Gr R. Ford

Lá thư được Thiệu gạch dưới nhiều đoạn. Lần đầu được đọc, Hưng thấy nó mơ hồ và không hứa hẹn hay cam kết gì cả; nhưng sau khi đọc kỹ lại, và chú ý đến những chỗ Thiệu gạch dưới, Hưng thấy phấn khởi hơn. Ông Thiệu đã gạch dưới những câu như: "Quyết tâm của Hoa Kỳ ủng hộ một người bạn", "Mỹ sẽ đứng vững sau Việt Nam Cộng hòa trong giờ phút tối quan trọng này", "tôn trọng những bổn phận của Hoa Kỳ trong tình thế này", "những hành động mà tình thế có thể đòi hỏi và pháp luật cho phép", và "tôi sẽ cố tìm mọi nỗ lực để thỏa mãn những nhu cầu vật chất của Ngài trên chiến trường". Lời lẽ lá thư nói đến bổn phận của Hoa Kỳ làm Thiệu nhớ lại lá thư đầu tiên Ford gởi (ngày 10-8-74): "Những cam kết mà dân tộc chúng tôi đã hứa hẹn trong quá khứ vẫn còn hiệu lực và sẽ được hoàn toàn tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi".

Lúc thảo lá thư trả lời Ford, Hưng thấy có chút hy vọng; nhưng mấy chữ lần đầu xuất hiện trong thư của Tổng Thống Mỹ, "và pháp luật cho phép" đã làm cho hy vọng đó tiêu tan đi. Lần thứ nhất dưới chính quyền Ford, có lẽ Kissinger đang giở ngón; anh biết chắc chắn là thư đó Kissinger thảo, cho dấu hiệu là đang gặp khó khăn với Quốc hội. Như vậy là Mỹ đang né đi. Tuy nhiên đối với Thiệu, tất nhiên lá thư không có được văn phong mạnh mẽ, quyết liệt của Nixon, nhưng lời lên án cuộc xâm lăng của Hà Nội là "hoàn toàn vi phạm một thỏa ước quốc tế" thì ý văn

giống hệt như thông điệp Nixon gửi cho Thiệu năm 1972 trước hồi thả mìn Hải Phòng. Rồi đây, rốt cuộc bằng cách này hay cách khác, Mỹ sẽ tới cứu vãn đồng minh của mình. Khi Ford nói tới "bổn phận của Hoa Kỳ", thì Thiệu còn nghĩ tới những cam kết trong các lá thư của Nixon. Khi tuyệt vọng, ta thường bấu víu lấy ảo tưởng.

Suốt hai-mươi-bốn giờ sau đó, tại văn phòng của Thiệu, và phòng ngủ ở nhà riêng, Hưng dồn hết sức vào việc thảo mấy lá thư để gửi cho Ford và cấp lãnh đạo Quốc hội Mỹ. Trong lúc đang viết đi viết lại, thì Đại tá Đức, một sĩ quan tùy viên của Thiệu, tới tư thất Hưng, mang theo một phong bì lớn ngoại khổ, nặng, cồng kềnh và dán kín. Bên trong phong bì là một tập giấy rời đựng trong bìa đen: đó là tập hồ sơ mật Dinh Độc Lập, gồm tất cả những thư tín trao đổi giữa Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ trong thời gian 6 năm qua. Hưng được chỉ thị dùng tập hồ sơ này để soạn thảo thư cho Thiệu. Hưng đã có dịp được coi phó bản của một vài lá thư lẻ tẻ, nhưng chưa bao giờ được đọc tất cả toàn bộ tập hồ sơ, gồm có thư của Nixon, Ford và hàng chục lá thư của Thiệu, xếp theo thứ tự thời gian. Thức khuya để đọc hết tập thư từ đó, từ lá đầu tới lá cuối, Hưng kinh ngạc nhận thấy chúng quả thực ăn khớp với nhau. Những lời cam kết của Hoa Kỳ, vì được lập đi lập lại dựa theo những đổi chác, còn mạnh mẽ hơn anh đã tưởng. Giá như Thiệu cho anh coi tập hồ sơ này sớm hơn, năm 1973

hay 1974 chẳng hạn, chắc anh đã có thể khai thác nó một cách hữu hiệu hơn, chẳng hạn anh đã đi Mỹ gặp thẳng Kissinger. Chắc đã có thể xảy ra một cuộc chạm trán, bình tĩnh thôi nhưng nhất định là đốp chát với Kissinger về những lời hứa hẹn ấy, và dọa sẽ thông báo cho Quốc hội Mỹ biết hết mọi sự việc nếu Kissinger không tích cực yểm trợ Việt Nam Cộng hòa. Anh cho rằng ngay sau khi ký kết Hiệp định Paris, lúc Hoa Kỳ vẫn còn đôi chút thiện cảm với miền Nam Việt Nam, nếu ông Thiệu kêu gọi quân viện để bù đắp cho việc Mỹ rút quân và căn cứ trên sự công bình, sòng phẳng – là những giá trị tối cao của người Mỹ – để yêu cầu Hoa Kỳ tôn trọng những đổi chác khi ký Hiệp định Paris, thì chắc đã được đáp ứng phần nào.

Năm 1973 và 1974, đôi khi người bạn của Hưng là Eric Von Marbod hỏi là có những bằng chứng nào về những lời hứa hẹn của Kissinger với Thiệu không, anh đã có nghĩ tới việc cố tìm dữ kiện, tin tức đưa cho Schlesinger để ông này khai thác trong các vụ xung đột nội bộ với Kissinger; nhưng anh đã không có một sự kiện nào trên giấy trắng mực đen để trao cho Schlesinger cả. Những lá thư này, giá hồi đo anh có trong tay, chắc đã có thể thay đổi nhiều thứ. Đêm hôm đó, Hưng để tập hồ sơ dưới gối, nằm ngủ. Anh suy nghĩ: tại sao Thiệu hoặc Nhã đã không xử dụng nó năm 1973? Bây giờ đã quá trễ! Sau này có lần Hưng hỏi, thì Thiệu giải thích: "Nếu

họ (Kissinger) muốn giúp mình thì tự họ phải cho Quốc hội biết, nếu mình tiết lộ, họ sẽ vin vào đó mà nói: thấy chưa, chúng tôi đang cố giúp các ông ở đằng sau hậu trường mà các ông đã bội ước, tiết lộ ra để Quốc hội phản đối, làm hỏng mọi việc"!

Trong bản dự thảo thư gửi cho Ford, thoạt đầu Hưng cố mô tả chi tiết về tình hình suy sụp nhanh chóng ngoài mặt trận. Mục tiêu của lá thư là thuyết phục Ford phải lấy hành động khẩn cấp, vì tại Washington lúc ấy, không ai cảm thấy là đang có một khủng hoảng quân sự ở miền Nam Việt Nam cả! Các giới viên chức cao cấp Mỹ cứ một mực nói rằng *không có tổng tấn công*, và nhất định không chịu công khai vận động yểm trợ cho Sài Gòn.

Để chứng minh lập luận của mình, Hưng sơ lược giải thích tình hình quân sự tại khắp bốn quân khu, liệt kê số sư đoàn Bắc Việt và vị trí đóng quân của chúng, thật chi tiết, cứ như khi giảng bài cho sinh viên. Trong khoảng thời gian Hưng soạn thảo lá thư ấy, thì mặt trận đã suy sụp nhanh chóng. Một bản thảo vừa viết xong, tình thế đã lại thay đổi, khiến nó trở thành lỗi thời trong phút chốc; nhịp biến chuyển của thời gian dường như có thể trông thấy ngay trước mắt, và Hưng lại phải bắt đầu thảo một bức khác

Sau khi nhận được thư Ford viết ngày 22 tháng 3, Thiệu quyết định "xả láng", đòi Mỹ yểm trợ cấp thời. Ông ra chỉ thị cho Hưng đừng báo cáo chi tiết

về tình hình quân sự nữa mà đi thẳng vào vấn đề, báo động tình trạng nguy khốn của Sài Gòn. Ông nói: "Dẹp hết mọi lời kêu gọi tổng quát; nói thẳng, nói rõ, đòi B-52 đến oanh tạc và gửi gấp viện trợ quân sự". Buổi chiều ngày 24 tháng 3, bản thảo chót được trình cho Thiệu, có đoạn mở đầu: "Thưa Tổng Thống: Lúc lá thư này tới tay Ngài, thành phố Huế có lẽ đã bị bỏ trống, và rất có thể chính Sài Gòn cũng sẽ đang bị đe dọa"... Sáng hôm sau, 25-3, Huế bị bỏ ngõ thật, Thiệu xóa câu mở đầu đi, nói: "Ta hãy đi thẳng vào vấn đề".

Bản văn cuối cùng như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Xin cảm ơn Ngài về bức thư đề ngày 2 tháng 3, 1975 của Ngài.

Trong lúc tôi viết bức thư này cho Ngài, thì tình hình quân sự tại Nam Việt Nam đang hết sức khẩn trương, và cứ mỗi giờ qua lại càng trầm trọng hơn.

Sự bất quân bình trong cán cân lực lượng của hai bên đã nghiêng hẳn về phía quân Bắc Việt, cũng như những lợi điểm chiến lược mà chúng thu thập được irong hai năm qua, đã đưa tới tình trạng khủng hoảng hiện nay, nhất là tại Vùng I và Vùng II Chiến thuật, như Ngài hẳn đã biết. Những áp lực nặng nề đang đè xuống tất cả phần còn lại của lãnh thổ quốc gia chúng tôi, và chính Sài Gòn cũng đang bị đe dọa.

Bởi vậy, nếu không có những biện pháp cực mạnh và mau chóng về phía Ngài để tái lập sự quân bình lực

lượng thì chúng tôi sẽ khó mà ngăn chận được sự tiến quân của các lực lượng Cộng sản, để giữ vững phòng tuyến hầu đẩy lui lực lượng xâm lăng.

Ý đồ của Hà Nội là dùng Hiệp định Paris để thôn tính miền Nam bằng quân sự thì chúng tôi đã biết rõ ngay từ lúc còn đang thương thảo Hiệp định này. Chắc Ngài còn nhớ chúng tôi đã ký (Hiệp định ấy) chẳng phải vì chúng tôi đã ngây thơ tin ở thiện chí của kẻ thù, mà chỉ vì chúng tôi đã tin tưởng vào lời cam kết long trọng của Hoa Kỳ là sẽ bảo vệ hòa bình tại Việt Nam.

Theo những lời cam kết vững chắc lúc ấy, chúng tôi đã được hứa hẹn rằng Hoa Kỳ sẽ trả đũa nhanh chóng và mãnh liệt khi có bất cứ vụ vi phạm Hiệp định nào của kẻ thù.

Chúng tôi đã coi những lời cam kết đó là bảo đảm quan trọng nhất cho Hiệp định đình chiến. Chúng tôi tin lời cam kết đó là tối quan trọng cho sự sống còn của chúng tôi.

Thưa Tổng Thống,

Trong giờ phút hết sức khẩn trương này, lúc mà sinh mệnh của miền Nam tự do đang lâm nguy và hòa bình đang bị đe dọa nghiêm trọng, tôi xin long trọng yêu cầu Ngài thi hành hai biện pháp cần thiết sau đây:

– Ra lệnh cho phi cơ B-52 dội bom trong một thời gian ngắn nhưng thật mãnh liệt xuống những nơi tập trung quân đội và căn cứ hậu cần của địch tại Nam Việt Nam, và

– Cung ứng khẩn cấp cho chúng tôi những phương tiện cần thiết để ngăn chận và đẩy lui cuộc tấn công.

Chỉ có hai hành động này mới có thể chặn đứng được kẻ thù khỏi xé nát những mảnh giấy còn lại của Hiệp định Paris.

Thưa Tổng Thống,

Một lần nữa, tôi muốn kêu gọi đến Ngài, đến uy tín của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ, và nhất là khiếu nại tới lương tri của nhân dân Hoa Kỳ.

Tôi lấy làm phấn khởi khi thấy vào lúc mới nhiệm chức Tổng thống, chính Ngài đã mau chóng tái xác nhận những bảo đảm cũng như tiếp tục chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ (đối với Việt Nam) và minh định hiệu lực của những cam kết hiện hữu. Tôi tri ân Ngài về việc Ngài (đã nói, rằng sẽ) quyết tâm tôn trọng hoàn toàn những cam kết đó trong nhiệm kỳ của Ngài. Như Ngài đã nhận định thật đúng, những bảo đảm này đặc biệt thích hợp với (trường hợp) Việt Nam Cộng Hòa.

Biết bao thế hệ dân chúng Nam Việt Nam sau này được sống trong tự do không bị Bắc Việt thống trị sẽ mang ơn về những hành động mau lẹ của Ngài và về lòng kiên trì của dân tộc Hoa Kỳ vĩ đại.

Kính thư

(kt) Nguyễn Văn Thiệu

Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Đây là lần thứ nhất ông Thiệu yêu cầu thẳng các phi vụ B-52 – chứng tỏ ông đã đến lúc tuyệt vọng. Thế nhưng ông đã thận trọng, không mô tả tình hình

như là tuyệt vọng, và chỉ thúc giục Ford lấy hành động "mau lẹ" như vậy để khỏi bị phía Hoa Kỳ lấy cớ là "quá muộn, có giúp cũng vô ích".

Thiệu triệu tập một buổi họp quân sự tại Dinh Độc Lập lúc 9 giờ 30 sáng ngày 25 tháng Ba. Khi mọi người đã tới đủ, yên lặng bao phủ Phòng Ước Đoán Tình hình. Những điểm mầu đỏ đánh dấu vị trí Cộng Sản trên các tấm bản đồ vĩ đại treo trên tường đã mọc lên như nấm, trông chẳng khác những đốm mụn trên da một bệnh nhân đang lên cơn sốt. Ngoài nhóm bốn người thường xuyên gặp hàng ngày là Thiệu, Khiêm, Viên và Quang còn có Pổng thống Hương, tướng Đồng Văn Khuyên (chuyên viên tiếp vận, Phó Tổng tham mưu trưởng), Bắc và Hưng.

Cuộc duyệt xét tình hình quân sự vừa bắt đầu, thì Thiệu nhấc máy điện thoại gọi tướng Trưởng, lúc đó đang ở Đà Nẵng. Những người có mặt trong phòng nghe thấy Thiệu hỏi Trưởng: "Trung Tướng có giữ được Huế không?" Rồi Thiệu lập lại câu trả lời từ đầu dây bên kia: "Nếu có lệnh, thì giữ".

Thiệu bèn hỏi: "Liệu giữ được bao lâu"?

– "Ngày một ngày hai", Trưởng trả lời, và Thiệu lập lại câu này cho mọi người nghe.

– "Vậy không giữ được, phải quyết định ngay. Nếu quyết định (bỏ Huế), phải làm lẹ".

Thiệu không nhắc lại thêm các câu trả lời của Trưởng nữa, mà đặt ống nói xuống, và nói: "Trưởng rất depressed" (thất vọng).

Sau khi tham khảo với Viên, Thiệu ra chỉ thị cho ông này gửi công điện báo cho Trưởng, đưa ra ba lệnh: Thứ nhất, chính thức bỏ Huế. Thứ hai, phải làm lẹ. Thứ ba, tử thủ Đà Nẵng. Thiệu thở dài: "Mình trông cậy vào ba cứ địa, mà bây giờ chỉ còn một ở Đà Nẵng". Mặt mọi người đều tái nhợt và mệt mỏi. Thế là không còn chuyện giữ Huế được nữa rồi.

Hưng tưởng tai mình nghe lầm. Anh đã cho rằng nhóm nhân viên của Bộ Tổng tham mưu thế nào chẳng chuẩn bị sẵn một loạt kế hoạch, để đề phòng những biến chuyển kèm theo những sự lựa chọn trong việc tái phối trí quân. Chỉ có thế thôi ư? Chỉ một vài mệnh lệnh truyền qua đường dây điện thoại như thế thôi, mà không có khả năng theo dõi những biển chuyển đó hay sao? Và mệnh lệnh cũng như trả lời lại còn mơ hồ thiếu chính xác nữa. Hưng quay sang ngó Bắc; cũng như Hưng, ông trước đây ít khi được dự các phiên họp quân sự. Mặt Bắc cũng tái đi và lộ vẻ kinh ngạc. Đây là lần đầu tiên hai người được chứng kiến đầu não bộ Tổng Tham mưu ra lệnh cho chiến trường và họ cảm thấy choáng váng khi nhận ra đã chẳng có kế hoạch hữu hiệu chi tiết, thực sự nào cả. Sự yên lặng đè xuống trở lại căn phòng họp như muốn phản ảnh một nỗi tuyệt vọng. Hưng thấy như muốn xỉu đi, vì mệt, vì kinh hoàng.

Sau cùng, Thiệu bảo mọi người họp tiếp. Phần thời giờ còn lại dành cho việc tái tổ chức địa phương quân, cho họ sát nhập vào những đơn vị chính quy

chủ lực để thay thế số quân đã mất. Kế hoạch lúc ấy là tạo gấp thêm hai sư đoàn với số quân cụ còn lại. Bắc Việt đã di chuyển hai-mươi sư đoàn vào Nam để chiến đấu với 13 sư đoàn Việt Nam Cộng hòa. Lực lượng Bắc Việt có khả năng lưu động để tấn công ồ ạt trong khi quân đội Việt Nam Cộng hòa lại bị cầm chân trong nhiệm vụ phòng thủ thụ động tại khắp bốn vùng chiến thuật. Đã không còn lực lượng tổng trừ bị nào để phản công. Bao nhiêu lần Việt Nam Cộng hòa yêu cầu Mỹ cấp cho quân viện để thành lập hai sư đoàn tổng trừ bị, nhưng đều bị bác bỏ.

Sau buổi họp, Hưng ở lại lấy thêm những chỉ thị chót của Tổng Thống về lá thư gửi Ford. Thiệu trở về bàn giấy ông, mở ngăn kéo lấy ra lá thư của Ford, mà ông dùng bút chì màu xanh gạch dưới nhiều đoạn) trao cho Hưng.

Anh vội vã chạy sang văn phòng Đại tá Cầm, Chánh văn phòng của Tổng thống, và dặn: "Đây là ưu tiên số một. Xin Đại tá cho đánh máy ngay tức thì, rồi mời Đại sứ Mỹ tới Dinh để Tổng Thống trao càng sớm càng hay". Graham Martin lúc bấy giờ đang ở Mỹ vận động quân viện, nên người đại diện xử lý là Phó Đại sứ Wolfgang Lehmann đã sang nhận thư. Ông Thiệu nói chuyện sơ với ông Phó Đại sứ và trao cho ông xem bức thư cầu cứu cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa. Lehmann, một người trầm lặng với bộ mặt lạnh lùng, ngước nhìn Thiệu, nói vài câu qua loa giải nghĩa sự vắng mặt của Martin. Mắt

dường như có hơi thấm ướt, ông đứng lên bắt tay từ giã Thiệu. Bằng một giọng như nghẹn ngào, ông hứa: "Tôi sẽ chuyển ngay thư này". Ông vội vã trở về tòa Đại sứ và bằng một đường dây đặc biệt, đã đánh điện bức thư tới thẳng tòa Bạch Cung. Bức thư cầu cứu lần cuối cùng đã được gửi và Sài Gòn nóng lòng chờ phản ứng từ Washington.

chương XVIII
trước khi sụp đổ

Khi nhận được thư ông Thiệu, Tổng thống Ford cử Tướng Frederick C. Weyand, Tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ, cũng là Tư lệnh Quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam trước đây, sang Sài Gòn ngày 28 tháng Ba, lúc Đà Nẵng gần thất thủ, để thẩm lượng tình hình.[1] Ông Ford biết rằng tình hình Việt Nam nghiêm trọng, nhưng như ông đã viết lại trong hồi ký, "ông không biết nghiêm trọng đến mức nào"! Ông nghĩ rằng để Tướng Weyand sang Sài Gòn một tuần lễ, ông sẽ được báo cáo đầy đủ hơn.[2]

Người Việt vui mừng hay tin phái đoàn Weyand được cử sang Sài Gòn. Biết đâu ông tướng này chẳng là một thứ hiển thánh sang để đề nghị dội bom B-52 và tiếp tục viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa? Tướng Weyand người dong dỏng cao, có dáng dấp chỉ huy đã gây được tín nhiệm đối với các cấp chỉ huy quân đội Việt Nam Cộng hòa. Từ chức vụ một tư lệnh sư đoàn, ông được bổ nhiệm lên nắm chức vụ Tư lệnh

quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam, thay thế tướng Abrams tháng Sáu, 1972. Chánh phủ Sài Gòn hy vọng rằng Weyand, người đã rời khỏi Việt Nam với binh sĩ cuối cùng của Hoa Kỳ vào tháng ba, 1973, vẫn còn có chút ảnh hưởng đối với Quốc hội và Tổng Thống Hoa Kỳ. Khác với phái đoàn Quốc hội Mỹ trước đó, phái đoàn Weyand lần này sang đây để thẩm lượng tình hình quân sự chớ không phải chính trị. Nếu có vị tướng lãnh Mỹ nào sẽ đề nghị tái dội bom B-52 và tiếp tục viện trợ Việt Nam, người đó không ai ngoài Tướng Weyand.

Hưng mừng thầm vì nghe tin có Eric Von Marbod trong phái bộ Weyand. Hưng vẫn nghĩ rằng ông Ford chưa có dịp đọc những lá thư của Nixon gởi cho ông Thiệu. Vì nếu không đúng như vậy thì làm sao có thể hiểu được việc Ford đã từng viết cho ông Thiệu rằng: "những cam kết của Hoa Kỳ trong quá khứ vẫn còn hiệu lực và nó sẽ được hoàn toàn tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi"? Có thể là chính ông cũng không biết mình đã hứa hẹn những gì. Hưng nghĩ rằng có lẽ Kissinger đã không trình hết những lá thư của Nixon gởi Thiệu lên ông Ford, mà chỉ trình lên Tổng Thống mới này theo kiểu mập mờ như kiểu Kissinger tương trình cho ông Thiệu những diễn tiến của cuộc hòa đàm Paris. (Khi tác giả phỏng vấn Tổng thống Ford mới đây vào ngày 10 tháng 2, 1986, thì chính ông đã xác nhận rằng ông có biết qua về những lá thư đó

nhưng ông chưa có đọc những lá thư đó khi ông ký lá thư đầu tiên của ông gởi cho ông Thiệu)![3]

Trong lá thư cầu cứu với Tổng thống Ford gửi ngày 25 tháng ba, ông Thiệu chỉ nhắc đến những cam kết của Hoa Kỳ, một cách đại cương. Hưng tự hỏi không biết Ford có biết chi tiết không? Hưng đã có ý định gửi kèm theo một lá thư của Nixon viết cho ông Thiệu đề ngày 5 tháng Giêng, 1972 trong đó có hứa sẽ trả đũa với "toàn sức mạnh" nếu Bắc Việt vi phạm đình chiến, nhưng nghĩ rằng làm như vậy là thiếu ngoại giao và không lợi, vì thế nào cũng phải qua Kissinger trước khi đến tay ông Ford. Hưng bỏ ý định đó và nghĩ đến chuyện nhờ một người bạn là John Marsh (một phụ tá của Ford) trao riêng những lá thư của Nixon cho Ford. Nhưng nếu như vậy thì Hưng phải đi Mỹ, mà thời gian không còn nữa.

Ông Ford đang đi nghỉ ở Palm Springs, gặp được cũng khó. Hưng quyết định hỏi ý kiến Von Marbod là người Hưng cho là am hiểu lề lối làm việc trong chính phủ Hoa Kỳ hơn ai hết. Von Marbod là chỗ thân tình đã giúp Việt Nam Cộng hòa nhiều trong quá khứ, họa may ông có thể giúp được ý kiến gì chăng? Hưng bèn gọi Von Marbod ở Washington và dặn khi đến Sài Gòn với Weyand thì gọi điện thoại cho anh ngay.

Nhận rõ bản tính hay nghi ngờ của Thiệu, Hưng quyết định dùng bản tính đó để nói lên mối quan tâm của mình trước khi Weyand tới Sài Gòn. Người

Mỹ luôn luôn nói với Thiệu cái gì cũng phải giữ bí mật, nhất là những lá thư của Nixon. (Ngay khi Kissinger đưa tập thảo bản Hiệp định Paris cho Thiệu hồi tháng 10, 1972, ông ta đã không quên dặn "phải giữ hết sức bí mật". Ông Thiệu trả lời thẳng là ít nhất ông cũng đưa cho Hội đồng An ninh Quốc Gia đọc). Tuy nhiên, Thiệu vẫn không muốn làm người Mỹ ngạc nhiên về điều gì, nhất là việc tiết lộ thư tín. Kể cả chính Hưng, anh cũng chỉ được Thiệu đưa cho xem mới đây!

Hưng cố cắt nghĩa cho Thiệu việc anh định làm trong bữa ăn sáng trước ngày Weyand tới Sài Gòn: Thiệu thường cởi mở đón nhận những ý kiến mới vào buổi sáng. Hưng cho Thiệu biết có lẽ chính ông Ford đã bị bưng bít không biết rõ mọi chuyện về Việt Nam. Anh biết Thiệu không muốn làm phật lòng Mỹ, nhưng cũng cứ nói dù Thiệu bực mình.

Trong lá thư mới nhất (ngày 22 tháng ba), mặc dù Ford vẫn nói lờ mờ, là ủng hộ Việt Nam Cộng hòa và tôn trọng trách nhiệm của Hoa Kỳ nhưng trên thực tế lại không có phản ứng gì về vụ Bắc Việt tấn công. Không những thế, Hoa Kỳ lại còn có chiều hướng muốn làm giảm tầm quan trọng và mục tiêu của Bắc Việt. Hưng trình với Thiệu là Ford quá lơ là: ông ta đã đi nghỉ mát trong khi chúng ta đang chết dần, chết mòn. Hưng muốn gợi ý xem Thiệu nghĩ sao về Ford.

Thoạt đầu, Thiệu không có phản ứng, chỉ nhìn Hưng một cách đăm chiêu, dò hỏi. Hưng nói tiếp:

"Tổng Thống có thể cho là tôi ngây thơ, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng ông Ford không hay chi hết về chuyện giữa Nixon với mìnhi

Thiệu trả lời:

"Sao anh lại nghĩ vậy? Làm sao một ông Tổng Thống mà lại không biết đến sự việc đó? Ông ta vừa lập lại những cam kết của Hoa Kỳ với tôi".

"Chính vì điểm đó mà tôi mới nghi".

Trước khi để Thiệu hỏi "tại sao anh nghi", Hưng nói tiếp: "Có lẽ Kissinger không trình ổng".

Hưng đã gãi đúng chỗ ngứa của Thiệu. Ông luôn luôn nghi ngờ Kissinger trước kia đã không tường trình cho Nixon đầy đủ những nhượng bộ mật với Lê Đức Thọ tại Paris.

Thiệu tỏ vẻ đăm chiêu, mắt ông chớp chớp. Được đà, Hưng tấn công thêm: "Tôi đề nghị Tổng Thống cho phép tôi tìm cách gửi những thư của Nixon tới Ford". Thiệu vẫn không nói gì nhưng lại càng nhìn Hưng chăm chú hơn. Hưng cố thuyết phục: "Bây giờ mình đã tuyệt vọng, không còn cái phao nào nữa mà bám đâu Thiệu lơ đãng, dựa vào lưng ghế, nhìn lên trần nhà rồi cau mày lại, suy tư. Bầu không khí nặng nề; Hưng cảm thấy dường như một nỗi chua xót đang dày xé tâm can ông. "Thôi tôi về để Tổng thống làm việc". Anh nhè nhẹ đứng dậy, không muốn thay đổi luồng tư tưởng trong đầu óc Thiệu.

Thiệu vẫn tiếp tục ngồi, vòng tay xếp sau đầu, mình ngả vào thành ghế, nhìn lên trần. Lòng buồn man mác, chính Hưng cũng bị xúc động. Lo ngại cho số phận đất nước, cảm thông cho một vị Tổng thống cô đơn trong giờ phút khắc khoải. Anh tự hỏi: Tổng tham mưu đâu, tướng lãnh đâu, nội các đâu mà lúc này không đứng vòng quanh ông để cùng bàn tính chiến lược, để mà hét lên tiếng hét của một hội nghị Diên Hồng? Thế nhưng, anh lại nghĩ có khi chính bản tính đa nghi và cô đơn của ông đã không cho phép họ lại gần. Và giờ đây những yếu điểm đó đã theo kịp với ông.

Rời bàn ăn, Hưng từ từ đi về phía cầu thang. Vừa đi được mấy bước, bỗng anh thấy Thiệu gọi giật: "Anh Hưng"! Hưng quay lại, Thiệu dặn: "Làm gì thì làm nhưng phải hết sức thận trọng đừng để Mỹ có cớ đổ tội cho là mình bội tín"! Hưng hiểu ngay là ông đã đồng ý cho anh tự do hành động, nhưng như thường lệ, ông không nói rõ ràng ra. "Tổng thống đừng ngại, có gì cứ đổ cho tôi". Thiệu hấp tấp đi xuống văn phòng.

*

* *

Tướng Weyand và phái đoàn của ông gồm có Eric Von Marbod và hai viên chức CIA chuyên về Việt Nam là Theodore Shackley và George Carver, đến Sài Gòn ngày 28 tháng Ba. Weyand có nhiệm vụ trấn an ông Thiệu bằng những lời hứa "triệt để ủng hộ"

của Tổng thống Ford, và nghiên cứu "những đường lối hoạt động khả hữu của Hoa Kỳ để giúp Việt Nam Cộng hòa".[4] Vừa tới đêm hôm đó, Von Marbod đã gọi Hưng từ tòa Đại sứ Hoa Kỳ và muốn lại nhà Hưng "uống bia chơi và bàn chuyện".

Von Marbod có vẻ bồn chồn, lo ngại, trái với tư thái thông thường của ông ta. Hưng nghe đài Tiếng Nói Hoa Kỳ loan tin về vụ Tổng Thống Ford đi nghỉ lễ Phục Sinh ở Palm Springs, bèn hỏi Von Marbod xem có buổi họp nào ở Washington bàn về vụ mất Huế và áp lực địch ở Đà Nẵng không. Hưng muốn dò hỏi để ước lượng xem Washington phản ứng ra sao về thư cầu cứu của Thiệu gởi Ford. Nhưng Von Marbod tránh không trả lời trực tiếp, chỉ nói: "Tổng thống gởi Tướng Weyand sang để trấn an và xem các anh cần giúp gì".

Hưng trả lời: "Tình hình Đà Nẵng quá nghiêm trọng và chúng tôi lo ngại Sài Gòn cũng sắp bị đe dọa".

Von Marbod nói tiếp: "Tôi lo ngại an ninh của gia đình anh. Tôi nghĩ anh nên để bà cụ thân sinh anh đi đi".

Hưng nói: "Tôi đã làm hầm trú ẩn ở nhà cho mẹ tôi, có sẵn cả gạo nước".

Hưng chỉ cho Von Marbod thấy đống bao cát ngay trong phòng bên cạnh bếp. Von Marbod lắc đầu bi quan: "Trông được lắm, ngoại trừ bị pháo kích trúng thẳng".

Hưng nói phải chuẩn bị vì Việt cộng đã tiến gần kề. Chúng đã xuất hiện trên đường đi Vũng Tàu. Von Marbod nói một cách buồn rầu: "Không biết bao giờ ta lại được ăn nghêu ở Vũng Tàu nữa nhỉl Hưng nói: "Tình hình trở nên nguy ngập từng giờ, từng phút. Chúng tôi cần các ông giúp ngay".

"Lẽ tất nhiên rồi. Hay nhất là bây giờ chúng ta nên tuyên bố Cộng sản vi phạm Hiệp định Paris, và ta hủy bỏ Điều Bảy Hiệp định đi". Hưng phấn khởi vì Điều Bảy của bản Hiệp định iên quan đến vấn đề cấm không được mang binh sĩ, súng ống, đạn dược và những vật dụng chiến tranh khác vào miền Nam Việt Nam. Nếu hủy điều này sẽ không còn những giới hạn pháp lý về viện trợ ồ ạt của Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa nữa, và việc một-đổi-một sẽ không còn giá trị.

Nghe vậy, Hưng hỏi thẳng Von Marbod xem ông ta có hay biết gì về vụ lá thư cầu cứu của ông Thiệu gởi Ford, và có phải phái đoàn Weyand sang Việt Nam là để đáp ứng lá thư đó không? "Thư Tổng thống Thiệu hả? Hồi nào"? Von Marbod hỏi. Té ra ông và cả phái đoàn không hay biết gì cả.

Hưng nhắc đến nội dung lá thư, đặc biệt về vụ ông Thiệu xin yểm trợ B-52. Von Marbod cho rằng việc đó lúc này quá khó.

Hưng nói: "HK có hứa hẹn với chúng tôi mà".

Von Marbod tò mò hỏi tiếp: "Ai hứa."?

Hưng tiếp thêm bia 33 vào cho ông uống.

"Tôi không biết ông hay Tổng trưởng Quốc phòng Schlesinger có biết rõ về sự cam kết quan trọng của Tổng Thống Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa không"?

Lúc đầu Von Marbod tưởng Hưng nói đến những cam kết theo nguyên tắc của các Tổng Thống Hoa Kỳ từ trước tới nay. Von Marbod cố an ủi Hưng rằng Hoa Kỳ. có thiện chí nhưng bị báo chí, sinh viên đại học, và Quốc hội chống đối quá không làm gì được.

Hưng nói: "Tôi không nói đến những cam kết tổng quát của Hoa Kỳ mà đến những cam kết đặc biệt của Tổng thống Nixon viết trên giấy trắng mực đen gởi cho ông Thiệu".

– "Anh nói gì vậy? Tổng Thống Nixon thật sự có hứa hẹn à, hứa gì? bao giờ? bao giờ"? Von Marbod dồn dập hỏi.

–"Trước khi trả lời câu hỏi này, tôi muốn hỏi ông vài điều: Weyand có quan trọng không? Ông ta được gởi sang đây bởi Tổng Thống Ford hay Schlesinger? Khi trở về Washington, Tướng Weyand sẽ báo cáo cho ai?

– "Nhiệm vụ của Tướng Weyand rất quan trọng. Chính Tổng Thống Ford đã lựa chọn và gởi ông sang; khi về ông sẽ báo cáo thẳng cho Tổng thống Ford. Nhưng tại sao anh lại hỏi tôi như vậy"?

– "Còn nhớ, có lần ông hỏi tôi có biết gì về những điều Kissinger hứa mật với Tổng Thống Thiệu không, vì Schlesinger muốn biết. Hồi đó, tôi nói không biết

vì thực sự là tôi không biết, nhưng bây giờ tôi có vài thứ muốn đưa ông coi".

Hưng mở cặp da đưa cho Von Marbod coi lá thư Nixon đề ngày 16 tháng 10, 1972 gởi cho ông Thiệu. Nixon hứa mọi sự vi phạm của Cộng sản sẽ chịu những hậu quả vô cùng trầm trọng. Nixon lại còn viết tay ở cuối lá thư rằng: "Việt Nam Cộng hòa phải được tồn tại như một quốc gia tự do".

Von Marbod đọc lá thư nhiều lần, chau mặt. Hưng tưởng tượng ông đang tự hỏi tại sao Nixon lại nói: "hậu quả vô cùng trầm trọng". Sau cùng, Von Marbod nói: "Tôi vô cùng ngạc nhiên, đúng là Nixon đã viết như vậy"?

Hưng đáp: "Đúng thế. Ông nghĩ gì về câu nói của Nixon. "Vi phạm sẽ chịu hậu quả vô cùng trầm trọng"?

Anh đưa cho Von Marbod xem một lá thư nữa của Nixon đề ngày 8 tháng mười một, 1972. Hưng ngồi đối diện với Von Marbod, để cặp da ở dưới sàn nhà, ngoài tầm mắt của ông này, có ý không cho ông biết những tài liệu trong tập hồ sơ mà anh đang giữ. Đưa từng lá thư một cho Von Marbd, anh muốn dò xét phản ứng của một viên chức cao cấp Hoa Kỳ xem sao. Hưng không tài nào biết người Mỹ nghĩ gì về những lá thư ấy! Anh biết Thiệu đánh giá những bức thư ấy rất cao và coi đó như một "thiên mệnh" từ Washington. Nhưng vì nó chưa được mang ra ánh sáng công luận nên anh không biết ảnh hưởng của

nó sẽ ra sao trong môi trường chính trị Hoa Kỳ.

Hưng chỉ cho Von Marbod một câu đã được gạch dưới: "Tôi nhắc lại những bảo đảm của Hoa Kỳ về những vi phạm Hiệp định".

Von Marbod chau mặt, chăm chú nhìn vào lá thư: "Thật là khó tin. Tại sao các ông lại dấu những tài liệu này"?

Hưng nghĩ có lẽ mình đã nhận xét đúng là ông Ford chưa đọc những lá thư ấy. Đây là một nhân vật cao cấp của Ngũ Giác Đài mà cũng chưa bao giờ nghe về nó, kể cả Schlesinger, Tổng trưởng Quốc phòng.

Hưng hỏi: "Ông có nghĩ là Tổng Thống Ford biết đến những lá thư này không"?

Von Marbod: "Tôi không biết. Tôi không đoán được".

Hưng đọc lớn từng chữ cho Von Marbod nghe một lá thư nữa đề ngày 14 tháng 11, 1973: "Tôi có thể cam đoan tuyệt đối với Ngài rằng nếu Hà Nội vi phạm bản thỏa ước, tôi sẽ trả đũa thật mau lẹ và nặng nề".

Von Marbod vươn mình tới giựt lấy lá thư và nói: "Đưa tôi xem". Hưng chưa chịu đưa, và nói: "Để tôi đọc nữa cho ông: "Tôi nhắc lại những lời cam kết chính của tôi rằng Hoa Kỳ sẽ phản ứng mạnh và nhanh chóng nếu Hiệp Ước bị vi phạm".

Hưng trao lá thư đó cho ông Von Marbod. Ông chăm chú đọc, tu cạn ly bia 33 và nói: "Tôi thật muốn ở lại đây với anh lâu hơn, nhưng tôi nghĩ cần

gặp Weyand ngay. Tôi có thể giữ những lá thư này được không?

"Nếu tôi đưa cho ông những lá thư này, liệu ông có thể giúp chúng tôi chuyển qua tướng Weyand đến Tổng Thống Ford được không? Tôi nghĩ rằng ông Ford chưa được đọc".

Phản ứng tức thì của Von Marbod là tỏ vẻ khó chịu vì Hưng không đưa cho ông xem những lá thư đó sớm hơn. Ông nói với Hưng bằng giọng nói bị tổn thương: "Sau khi mình đã trải qua bao nhiêu chuyện như vậy, tại sao anh lại dấu tôi những lá thư này? Anh không tin tôi hay sao? Lẽ dĩ nhiên tôi có thể lo việc này được. Nếu được tiết lộ sớm hơn chúng tôi đã có thể giúp cho Việt Nam Cộng hòa hơn nhiều"!

Thật khó khăn cho Hưng giải thích cho người bạn hiểu rằng chính anh đã phải thuyết phục ông Thiệu mới được xem tập hồ sơ và sau cùng mới được sự đồng ý của ông để xử dụng nó.

Hưng nói: "Tôi nhờ ông làm việc này vì tôi giả thiết rằng Tổng Thống Ford chưa được xem mớ tài liệu tôi đang giữ. Ta phải tiến hành cẩn thận. Trước hết phải xem Weyand có thiện cảm với Việt Nam không đã và liệu ông có sẵn lòng làm việc này không? Có lẽ tốt hơn hết là tôi ghi những câu chính trong vài lá thư để ông bàn với tướng Weyand và dò xem phản ứng của ổng ra sao. Đây là vấn đề tế nhị, nếu ông không làm được thì tôi phải đi Washington để tự làm lấy".

Von Marbod nghĩ một lát rồi nói: "Thôi cũng được, anh đưa cho tôi mấy đoạn, như vậy tốt hơn," ông hứa sẽ trả lời Hưng trước khi ông rời Sài Gòn. Hưng trích mấy đoạn thư rồi đưa cho người bạn. Von Marbod bỏ vào túi vội vàng ra cửa và người tài xế lái xe đi vút vào đêm tối ngột ngạt của Sài Gòn, qua ánh đèn néon nhợt nhạt của bệnh viện St. Paul.

*

* *

Eric Von Marbod đã sang Sài Gòn nhiều lần từ năm 1973, nhưng chưa bao giờ ông thấy tình hình đen tối như vậy. Tướng Weyand đi thăm các tư lệnh quân đoàn để quan sát tình hình quân sự, Von Marbod tiếp xúc với các viên chức Việt-Mỹ, còn các nhân viên CIA trong phái đoàn làm việc trong hệ thống của họ. Đi tới đâu, họ đều nhận được một yêu cầu chung: Chỉ có B-52 mới chận được làn sóng tiến quân của địch và làm "ổn định tiền tuyến". Phải tiếp viện ồ ạt tức thì để tránh sự sụp đổ của miền Nam. Theo tình hình hiện nay, đạn dược sẽ hết vào cuối tháng Sáu, và không có tiếp viện nữa. Von Marbod cho rằng cam kết của Hoa Kỳ là một bổn phận tinh thần và danh dự quốc gia, nó phải được tôn trọng. Ông cho rằng, chương trình Việt Nam hóa chiến tranh (Vietnamization) không đáp ứng đúng nhu cầu của Việt Nam Cộng hòa. Ngay cái tên của nó, Vietnamization, đã mang một ý nghĩa quan thầy và kiêu ngạo. Chương trình này lại tiếp diễn quá mau

lẹ, khi người Mỹ đi rồi, người Việt ở lại ôm một mớ quân dụng không đường tiếp vận. Von Marbod nói: "Chương trình Việt Nam hóa giống như chuyện làm cho chín người đàn bà mang bầu để có thể sinh được một đứa con trong một tháng".

Sài Gòn phải dựa vào kỹ thuật chuyên môn của Hoa Kỳ để bảo trì quân dụng. Quân sĩ Việt Nam Cộng hòa vốn đã quen với lối đánh trận theo kiểu Mỹ bằng hỏa lực vô giới hạn, di động bằng trực thăng, và xin oanh tạc cơ Mỹ yểm trợ tiếp cận khi cần. Ông tin rằng điều tối thiểu Hoa Kỳ phải làm, sau khi tù binh đã được phóng thích và quân đội của mình đã triệt thoái, là tạo dựng một cơ hội hữu hiệu thực sự cho Việt Nam Cộng hòa tồn tại, "Tư cách và danh dự Hoa Kỳ buộc họ tối thiểu phải làm như vậy".

Tối hôm đó, Hưng chờ cơm Von Marbod tại nhà riêng. Gần giờ giới nghiêm mới thấy Von Marbod xuất hiện với bộ đồ lính nhảy dù, mặt mũi lo âu, quần áo ướt sũng mồ hôi, cây M-16 đeo vai còn đầy bụi. Ông ta vừa đi thăm chiến trường cùng với tướng Weyand về.

"Có tin tức gì không"? Hưng hỏi.

"Tướng Trưởng đang gặp khó khăn nghiêm trọng ở Đà Nẵng. Chúng tôi đang tìm cách cứu vãn số binh sĩ còn sót lại. Tình hình lộn xộn lắm".

Trên bàn đã dọn sẵn cháo cá, vịt quay, và bia 33, những món mà Von Marbod ưa thích. Ông kể cho Hưng nghe về một ngày trời đi cùng với Tướng

Weyand . "Tôi có một vài tin tức cho anh: Weyand rất đỗi ngạc nhiên về những bức thư, và ông ta cũng đồng ý với anh là Tổng Thống Ford có lẽ không biết gì! Trước khi lên đường Weyand đã họp mặt với Ford và không thấy Tổng Thống đả động gì đến những lá thư đó. Anh phải đưa cho tôi ngay. Weyand sẽ tìm cách trao riêng cho Tổng Thống Ford."[5]

Hưng lấy trong cặp ra ba lá thư đã đưa cho Von Marbod xem trước, và nói thêm: "Đây là lá thư thứ tư nữa đề ngày 5 tháng Giêng, 1973".

Von Marbod vừa đọc lá thư, vừa lẩm bẩm: "Chuyện này thì hết nói, tôi phải trở về tòa Đại sứ ngay". Hai người đồng ý với nhau về ám hiệu điện thoại gọi từ Mỹ sang sau khi Weyand trao thư cho Tổng Thống Ford.

Lúc đó, đã vào giờ giới nghiêm, Hưng cho xe jeep có lính cận vệ với súng M-16 để hộ tống đưa bạn về Bộ Chỉ huy DAO ở phi trường Tân Sơn Nhất. "Các anh phải bám chặt xe ông này," Hưng dặn nhóm cận vệ; anh gửi họ đi để bảo vệ an ninh cho người bạn, nhưng quan trọng hơn: để bảo vệ cho tài liệu mật của quốc gia mà người bạn mang theo.

*

* *

Sáng sớm ngày 1 tháng tư, dân Sài Gòn thức giấc nghe đài phát thanh loan tin vũ khí Hoa Kỳ đã đổ đến phi trường Tân Sơn Nhất. Đến trưa, đài truyền hình VN chiếu hình đại bác 105 ly, mười sáu cỗ cả

thảy, được chuyển xuống từ phi cơ khổng lồ C-5. Cảnh tượng đó gợi lại những năm trước đây khi viện trợ Hoa Kỳ không ngớt đổ vào Việt Nam. Những tin tức này có tác dụng là làm êm dịu tin đồn đảo chính chống ông Thiệu đang được loan truyền.

Thật ra quân lực Việt Nam Cộng hòa cần đạn dược hơn là cần súng mới. Những cỗ đại bác đó chỉ có giá trị tượng trưng về tinh thần hơn là có giá trị quân sự, nó chỉ biểu dương một cách sai lầm việc Hoa Kỳ vẫn còn lưu ý đến Việt Nam, và có lẽ Weyand có thể giúp Việt Nam được thật sự!

Tướng Weyand bao giờ cũng có thái độ nhã nhặn mặc dầu ông mang 4 sao trên vai. Ông thông cảm với những nhu cầu của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ông chịu nghe và bao giờ cũng có thái độ khuyến khích cởi mở. Các tướng lãnh Việt Nam lúc bấy giờ đều nói với ông rằng, chỉ có B-52 mới chận đứng được làn sóng tấn công của địch mà thôi. Quân đội Việt Nam Cộng hòa cần một thời gian để tập trung lại và đẩy lui địch. Không có viện trợ Mỹ, cuộc phản công không thể thực hiện được.

Ngày 3 tháng tư, trước khi về nước, Weyand đưa phái đoàn đến gặp ông Thiệu ở Dinh Độc Lập. Đêm hôm trước, ông Thiệu chỉ thị Hưng soạn một bản tóm tắt những đoạn quan trọng trong những lá thư của Nixon và Ford để ông sẽ khôn khéo xử dụng một cách bóng gió trong buổi họp với Weyand.

Hưng trình bày với Thiệu rằng, ông khỏi phải nói

đến những đoạn đó, vì anh đã làm việc đó rồi. "Anh gặp ông ta hồi nào"? Thiệu sửng sốt hỏi. Hưng đáp: "Tôi không gặp chính ông ta, nhưng nhờ một người bạn thân tín trao thơ dùm. Tướng Weyand rất ngạc nhiên và nghĩ rằng Tổng Thống Ford không biết đến chuyện này. Vấn đề này rất tế nhị, người bạn tôi và Tướng Weyand hứa sẽ tùy cơ ứng biến". Hưng trấn an ông Thiệu: "Tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về vụ này. Nếu bị tiết lộ, và Mỹ phản kháng, Tổng thống có thể đổ hết cho tôi đã lấy trộm hồ sơ mật Dinh Độc Lập và yêu cầu tôi từ chức, sau đó, yêu cầu tòa án truy tố"! Nghe vậy, ông Thiệu có bề yên tâm.

Ngày 3 tháng Tư là ngày họp với Weyand, ông Thiệu tỏ ra rất ưu tư. Thủ tướng Khiêm vừa từ chức, ông Thủ tướng lầm lì này đã không điều khiển chính phủ hữu hiệu trong lúc bình thường, lại bỏ cuộc khi có biến! Sau này, Frank Snepp, một nhân viên CIA ở Sài Gòn, có phàn nàn rằng: "Vừa rời khỏi chính phủ, ông Khiêm đã bắt đầu gửi đồ sang Đài Bắc và Paris".[6] Tin đồn đảo chánh bay khắp Sài Gòn. Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ lại vừa loan tin Tổng Thống Ford – đang nghỉ lễ – vừa chỉ trích ông Thiệu về vụ rút quân vội vã khỏi Cao nguyên Trung phần. Ford lại xác định việc ông đang lo nghiên cứu để di tản hơn sáu ngàn người Mỹ đang còn ở Việt Nam. Hưng lo ngại cho sự chia rẽ trong nội bộ của chính phủ. Tại sao ông Khiêm lại từ chức giữa lúc này? Việc đó hẳn làm tâm trí ông Thiệu rối bời.

Tin dữ thường hay tới dồn dập. Hưng nhận được tin tình báo nói rằng Cộng Sản đã gởi những toán ám sát võ trang bằng vũ khí có ống hãm thanh trà trộn vào những toán binh sĩ lẻ tẻ vừa trở về từ Đà Nẵng và vào số đồng bào tỵ nạn xâm nhập Sài Gòn. Hưng vô gặp Thiệu trước khi họp Weyand.

Hưng đề nghị với Thiệu nên có ngay giới nghiêm 24 giờ trên 24 giờ để có thể theo dõi những toán ám sát đó. Hơn nữa, lại đang có tin đảo chánh, nên Thiệu đồng ý và cho lệnh giới nghiêm ngay tối hôm đó kéo dài 24 giờ.

Buổi họp với Weyand nhóm tại Phòng Tình Hình Dinh Độc Lập bắt đầu lúc 5 giờ chiều. Hai bên ngồi chung quanh chiếc bàn dài với những bảng tên mới được kẻ chữ. Mọi người giả bộ nói chuyện vồn vã và pha trò gượng gạo để cho đài truyền hình quay phim. Hưng cũng nhoẻn một nụ cười. Nhưng khi báo chí, điện ảnh vừa ra khỏi thì bầu không khí nặng nề đã bao trùm ngay xuống căn phòng nhỏ bé.[7] Đại sứ Martin bắt đầu nói. Ông yêu cầu những người Mỹ trong phái đoàn Weyand tường trình với Tổng Thống Thiệu những điều mắt thấy tai nghe của họ.

Trước tiên ông Martin gọi Ted Shackley, cựu trưởng cơ quan CIA ở Sài Gòn (1968-72) vừa được thăng lên làm trưởng khối Á Đông Sự vụ của cơ quan này. Shackley là người đã có kinh nghiệm trước ở Lào, thường vẫn bất đồng ý với Martin khi ông này còn làm đại sứ Mỹ ở Thái Lan. Martin phàn nàn rằng

Shackley muốn những người Mỹ ở căn cứ Thái Lan sang hoạt động cả bên Lào, nhưng ông chỉ muốn vai trò của Mỹ nên giới hạn hơn.[8]

Shackley ngồi ở cuối bàn. Đối với Shackley, buổi họp này đánh dấu những nỗ lực cuối cùng của người Hoa Kỳ ở Việt Nam. Buổi họp sẽ thẩm xét tình hình tại chỗ để xem có thể cứu vãn được gì không hay là phải rút ống dưỡng khí ra khỏi con bệnh. Shackley còn cho rằng Việt Nam Cộng hòa vẫn còn cơ hội tự cứu và gây được sự ủng hộ ở Washington. Ông này đã thảo luận với Thiệu lúc trước về tình hình quân sự, bây giờ, ông bàn đến chuyện: Việt Nam phải làm gì để dư luận thế giới trông vào. "Bây giờ là lúc chính phủ Việt Nam Cộng hòa phải giải quyết vấn đề dân tỵ nạn một cách đúng đắn để chứng tỏ cho nhân dân Việt Nam và thế giới biết mối quan tâm của chính phủ này dành cho đám người tỵ nạn". Theo Shackley, vấn đề tỵ nạn có thể tạo ra thiện cảm của thế giới đối với Việt Nam.

Sau đó, Shackley bàn đến vấn đề thông tin. "Chính phủ Việt Nam Cộng hòa phải cho dư luận Hoa Kỳ biết rằng đây là một cuộc xâm lấn rõ ràng của Bắc Việt chứ không phải của Việt Cộng miền Nam chui trong bờ trong bụi ra". Ông cho rằng "người dân Mỹ vẫn thường cho đây là cuộc nội chiến miền Nam. Người tỵ nạn đã bỏ phiếu bằng chân để bày tỏ nỗi lo sợ Cộng sản của họ. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa phải xin viện trợ để giúp đám dân này. Chính

phủ cũng nên dập tắt ngay tin đồn cắt đất, hay tin đồn về các cường quốc đang mặc cả để phân chia miền Nam". Shackley cứ thao thao bất tuyệt! Hưng đã nhận thấy sự thất vọng hiện trên mặt mọi người bên phía Việt Nam, không ai mong đợi những bài diễn văn tràng giang đại hải như vậy khi nước đã đến chân. Phía Việt Nam đã am hiểu những khó khăn của họ. Họ đang chờ xem Hoa Kỳ làm được gì để giúp trong lúc này.

Hưng để bút xuống bàn không ghi thêm nữa, và nhìn thẳng vào mặt Shackley một hồi lâu, lộ vẻ chán chường mong rằng ông này nhận được dấu hiệu và đi thẳng vào vấn đề của buổi họp là những biện pháp cấp thời để ngăn chận cuộc tấn công của Bắc Việt. Dường như đã hiểu, Shackley ngừng lại . Martin gọi đến George Carver. Ông này cũng lại nhấn mạnh đến vấn đề "thông tin và giải độc dư luận Hoa Kỳ", và vấn đề chiến tranh tâm lý ở miền Nam, làm sao "dùng truyền đơn và máy phát thanh để làm xao xuyến lòng người lính Bắc Việt mới vô Nam khiến họ nhớ nhà". Câu chuyện khó tin. Hưng nhìn thẳng vào Carver, thở dài, khá to. Ông Thiệu cố làm ra vẻ bình tĩnh, không có phản ứng gì.

Martin cảm thấy bên phía Việt Nam bắt đầu nóng ruột về những chuyện trên trời dưới biển như vậy. Ông Đại sứ bèn bỏ qua, không hỏi người tới phiên là tướng Homer Smith vị chỉ huy mới của cơ quan DAO (MACV ngày trước, nay được đổi ra DAO –

Defense Attache Office hay Phòng Tùy Viên Quốc Phòng). Vừa ở Việt Nam có một năm ai cũng nhận thấy ông này chỉ là một tướng chuyên về tiếp vận, không lấy gì làm sốt sắng hoặc tài ba như những tướng Westmoreland, Abrams. Ông thuộc vào loại "ba xí ba tú". Thấy Martin không hỏi gì ông, Hưng bớt căng thẳng. Martin gọi tới Von Marbod; ông này phàn nàn về việc máy bay không quân Việt Nam thường bay quá cao để tránh hỏa tiễn tầm nhiệt của Cộng sản và vì vậy hay bỏ bom nhầm lên chính quân mình. Ông khuyến cáo phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ binh và không quân để cứu vãn Vùng 3 Chiến Thuật. Martin bèn lấy bút ra, viết mấy chữ trên mảnh giấy nhỏ rồi luồn tờ giấy cho Von Marbod. Martin bảo ông: "Ông nói nhiều quá"! Thế nhưng Von Marbod lờ đi và vẫn tiếp tục.

Buổi họp chuyển sang chiều hướng khá hơn khi Von Marbod đề nghị đã đến lúc quân đội không cần tiết kiệm đạn dược như trước nữa mà có thể bắn xả láng. Martin nắm lấy cơ hội này để xen vào. Ông vẫn bình tĩnh và có vẻ tự tin: Ông vội vã hỏi Marbod: "Giả dụ như có viện trợ, bao lâu thì đạn dược mới cập bến được"?

Von Marbod đáp: "Nếu như được lệnh, việc tiếp liệu sẽ khởi sự ngay. Đạn dược đã có sẵn ở Okinawa và Đại Hàn".

Carver lại giơ tay xin phát biểu ý kiến! Hưng đang viết, lại thôi không tiếp tục và nhìn Carver.

Ông khuyên: "VNCH phải học lấy bài học về trận Dunkirk của quân đội Anh trong Thế Chiến Thứ Hai". Carver nói thêm: "Người dân Mỹ chưa biết rõ điều này, nhưng ta có thể làm sáng tỏ". Martin cắt ngang lời Carver và gọi đến Tướng Weyand.

Weyand tường trình tình hình quân sự một cách đầy đủ và vắn tắt. Ông chỉ trích nặng nề hành động của tướng Phú làm mất vùng Cao nguyên Trung Phần và tướng Thuần, Chỉ Huy Trưởng trường Hạ sĩ quan Nha Trang; ông này đã bỏ chạy trước khi có lệnh rút lui. Tướng Weyand sau đó, hứa với Tổng Thống Thiệu: "Chúng tôi sẽ viện trợ theo nhu cầu của Việt Nam Cộng hòa và sẽ trình bày những nhu cầu này trước Quốc Hội".

Bây giờ đến lượt phía Việt Nam trình bầy. Tổng Thống Thiệu giới thiệu Tướng Viên để bàn về chiến lược chặn đứng làn sóng xâm nhập của địch. Tướng Viên kêu gọi người Mỹ giúp ông "ổn định tiền tuyến". Nói như vậy có nghĩa là kêu gọi hỏa lực của B-52. Nghe vậy, Hưng bèn đỡ lời Viên: "Giả dụ như không xin được B-52, liệu Hoa Kỳ có thể giúp chúng tôi được bom hạng nặng loại Daisy Cutter không"?[9] Tướng Viên nói xen vào: "Daisy Cutter sẽ rất là hữu ích"! Von Marbod nói được và hứa sẽ gởi mấy quả bom hạng nặng tới ngay. Hưng tự hỏi tại sao ông Viên không nghĩ tới việc xin loại bom này từ trước? Sở dĩ anh hỏi là vì chỉ mấy hôm trước đó, khi nói

chuyện với một người bạn tướng lãnh, ông này đã giảng qua cho Hưng về loại bom này.

Với lời hứa của Von Marbod, buổi họp biến thành cuộc thảo luận về chiến thuật thay vì chiến lược. Tướng Weyand chào giã từ ông Thiệu và hứa sẽ báo cáo với Tổng Thống Ford ngay khi về tới Hoa Kỳ.

Sau khi mọi người ra về, Hưng nán lại để gặp riêng ông Thiệu. Người ông rã rời với vẻ mặt lo âu. Bên phía Việt Nam yêu cầu B-52 oanh tạc nhưng người Mỹ không cam kết gì cả. Hưng nói với ông: "Bây giờ mình chẳng còn gì nữa, phải đánh ván bài liều, bây giờ đã đến lúc Tổng thống phải kêu gọi trực tiếp nhân dân Hoa Kỳ xin tiếp viện". Hưng đề nghị ông Thiệu nên lên đài vô tuyến truyền hình tiết lộ tất cả những lời hứa hẹn của Nixon, nhưng không đả động gì đến những bức thư của Tổng Thống Ford để không gây trở ngại cho ông này trước Quốc hội. Ông Thiệu vẫn chưa biết phải hành động ra sao. "Để tôi tính lại", ông nói với Hưng.

Trời đã về khuya, Hưng rời Dinh Độc Lập qua cổng sau; thấy đói bụng vì cả ngày chưa ăn, anh đi xe về phía đường Gia Long để ghé tiệm Thiên Hương ăn bánh cuốn. Đến nơi, thấy đóng cửa, anh mới sực nhớ là lệnh giới nghiêm 24/24 do chính anh đề nghị đã được ban hành. Anh cho quay xe về nhà bà cụ ở đường Phan Đình Phùng, để xin cụ nấu cháo gà. Nhưng cháo chưa xong thì anh đã ngủ thiếp đi vì mệt lả và mọi người để yên, không ai đánh thức anh dậy.

chương XLX
sao họ không chết lẹ đi cho rồi?

Sau khi tướng Weyand đã hứa viện trợ khẩn cấp, nhưng trước khi ông rời Sài Gòn thì từ Washington lại thấy xuất phát một tín hiệu mâu thuẫn. Ngày mồng 2 tháng 4, sau khi Đà Nẵng mất, Bộ trưởng Quốc Phòng James Schlesinger, trong một cuộc họp báo, vẫn còn nói "tương đối ít có đánh nhau lớn" tại Việt Nam. Thực ra, Schlesinger hồi đó đã cố tình muốn giảm thiểu tầm quan trọng của cuộc khủng hoảng. Ông tin rằng sau vụ thất thủ Đà Nẵng thì chuyện đã xong rồi, và mối quan tâm lớn của Hoa Kỳ bây giờ là làm sao triệt thoái an toàn 6.000 người Mỹ còn lại. Trước khi Weyand đi Sài Gòn, Kissinger đã dặn dò: "Fred, nên thận trọng. Đừng hứa hẹn quá nhiều. Đừng để mình bị vướng vào cái quan niệm rằng mình sẽ áp đảo ngược được ngọn triều. Triều nước đang xuống gần hết rồi".[1] Nói cách khác, Schlesinger và Morton Abramovitz, Phó Phụ tá Bộ trưởng Quốc Phòng đặc trách An ninh

Quốc tế Sự vụ, đều tin rằng chiều hướng của cuộc chiến đã hoàn toàn bất lợi cho Việt Nam Cộng hòa, và chẳng còn cách nào đảo ngược nó được nữa.

Tại Sài Gòn Weyand để lại cảm tưởng rằng ông sẽ đề nghị tăng viện, nhưng không cam kết gì về việc xử dụng phi cơ B-52 để chận đứng cuộc tấn công của Bắc Việt. Nhưng trên chuyến bay về Hoa Kỳ, ông đã đọc lại những bức mật thư và bàn với Von Marbod. Sau cùng, ông đã đổi ý.

Đang trên đường bay về Washington để báo cáo cho Bộ trưởng Quốc phòng, thì Weyand được lệnh đổi hướng bay thẳng tới Palm Springs, (Nevada) để phúc trình thẳng cho Tổng Thống Ford và Kissinger tại đó. Vì đã hứa với Hưng, nên trước khi Kissinger tới ăn sáng để họp cùng với Ford, Weyard đã đến sớm hơn, cố tranh thủ lấy riêng dăm phút với Ford để đưa cho ông coi một số lá thư của Nixon. Sau bữa ăn sáng, Weyand và Von Marbod gặp Ford và Kissinger trong phòng ngủ ngôi biệt thự nghỉ hè của Ford. Weyand trao cho Ford bản phúc trình, trong đó ông đưa ra những lập luận quân sự biện hộ cho việc ném bom trở lại bằng B-52, và yêu cầu chấp thuận 722 triệu Mỹ kim viện trợ quân sự cấp thời. Trong tờ phúc trình tóm lược bản báo cáo chi tiết cho Ford, Weyand viết:

Tình hình quân sự hiện nay đang nguy ngập… chính phủ Việt Nam đang ở trên bờ vực thất bại quân sự hoàn toàn. Tuy nhiên, miền Nam đang làm kế

hoạch tiếp tục chống giữ với những tài nguyên còn lại của họ và, nếu được một thời gian để lấy lại sức, họ sẽ xây dựng lại được những khả năng của họ tới mức mà sự yểm trợ vật chất của Hoa Kỳ sẽ cho phép. Tôi tin rằng chúng ta thiếu họ món nợ yểm trợ đó...

Chúng ta đã giơ tay ra cho nhân dân Nam Việt Nam, và họ đã nắm lấy bàn tay ấy. Giờ đây, họ cần đến bàn tay giúp đỡ ấy nhiều hơn bao giờ hết...

Mức yểm trợ hiện nay chắc chắn sẽ đưa VNCH tới chỗ bại trận. Trong số 700 triệu Mỹ kim dành cho tài khóa 1975, 150 triệu Mỹ kim còn lại có thể dùng trong một thời gian ngắn vào một hoạt động quân nhu rộng lớn; tuy nhiên, nếu muốn có được một cơ hội thành công thực sự, thì một ngân khoản phụ bổ 722 triệu Mỹ kim sẽ là một nhu cầu cấp thiết ngõ hầu đưa Việt Nam Cộng hòa tới được một tư thế phòng thủ tối thiểu để đương đầu với cuộc xâm lăng của Bắc Việt do Nga Xô và Trung Cộng yểm trợ. Viện trợ phụ bổ Hoa Kỳ lại nằm trong cả tinh thần lẫn ý định của Hiệp định Paris; Hiệp định này vẫn còn là khuôn khổ thực tiễn cho một dàn xếp hòa bình tại Việt Nam.

Việc xử dụng không lực quân sự HK để tăng cường khả năng của Việt Nam, làm cùn nhụt đi cuộc xâm lăng của Bắc Việt, sẽ cung hiến cho chính phủ Việt Nam một sự trợ giúp vừa vật chất lẫn tâm lý và mang lại một sự tạm nghỉ cần thiết trên chiến trường. Tuy nhiên, tôi cũng nhận thức được những tác dụng pháp

lý và chính trị quan trọng chứa đựng trong việc thực thi giải pháp này...

Uy tín của Hoa Kỳ, trong cương vị một nước đồng minh, hiện đang bị thử thách tại Việt Nam. Để giữ vững được uy tín đó, ta phải làm một nỗ lực tối đa để yểm trợ nhân dân miền Nam Việt Nam trong lúc này.

Bản phân tích chi tiết hơn được trình bày trong phúc trình đính hậu.

Kính trình,

(kt) Fred C. Weyand

Trong phần chính của bản phúc trình, Weyand biện hộ quân viện khẩn cấp 722 triệu MK và oanh tạc bằng B-52. Weyand nhấn mạnh rằng "hành động của Hoa Kỳ vô cùng hệ trọng cho việc phục hồi tin tưởng".

Hành động mà Hoa Kỳ có thể thực hiện ngay để đem tới một tác động lớn nhất tức thì đối với sự nhận thức của người Việt – cả Bắc lẫn Nam – là xử dụng không lực Hoa Kỳ để chặn đứng cuộc tấn công hiện nay của Bắc Việt. Cho dù việc dùng không lực đó chỉ hạn chế vào (lãnh thổ) miền Nam mà thôi và chỉ thực hiện trong một thời gian ngắn, nó cũng sẽ tiêu diệt một phần lớn số nhân lực và tiếp liệu của lực lượng viễn chinh Bắc Việt; và sẽ gây ra một tác dụng mạnh mẽ làm nhụt tinh thần chúng. Những cuộc oanh tạc ấy cũng sẽ khiến cho hàng ngũ lãnh đạo Hà Nội phải tạm ngưng tay và suy nghĩ lại về những rủi ro có thể xảy ra – điều mà lúc này họ làm ngơ – khi họ vi phạm thoả ước chính thức đã ký kết với Hoa Kỳ.

Giới lãnh đạo quân sự Nam Việt Nam thuộc mọi cấp đã rất nhiều lần nêu lên tầm quan trọng của những vụ tấn công bằng B-52 đối với việc thực hiện thành công một công cuộc phòng thủ chống lại lực lượng có ưu thế của địch quân, và quan điểm này có thể biện hộ hợp lý về mặt quân sự.

Trong khi họp với Ford, theo Von Marbod, Weyand thúc giục ông giúp cho Sài Gòn một cơ hội cuối cùng bằng cách dùng trở lại không lực Mỹ. Nhưng Kissinger đã phản đối và nói với Ford: "Nếu Tổng Thống làm như thế, dân chúng Mỹ sẽ xuống đường nữa".[2] Điều này lọt vô tai Ford vì ông đang sửa soạn ra ứng cử năm sau.

Sau buổi họp, Kissinger tới Trung Tâm Báo chí tại Palm Springs để lược trình cho đoàn phóng viên đi theo Tổng Thống. Cùng ngồi với ông trên xe để tới đó là Ron Nessen, tùy viên báo chí của Ford. Trên đường đi, hai người thảo luận về sự tan rã của miền Nam Việt Nam. Kissinger bỗng thở dài và than vãn: "Tại sao họ không chết lẹ đi cho rồi? Điều tệ nhất có thể xẩy ra là họ cứ sống dai dẳng hoài".[3]

Trong phòng Báo chí, Kissinger không nhắc tới khuyến nghị của Weyand về việc ném bom trở lại, mà chỉ biện hộ cho việc cứu xét viện trợ quân sự cho Việt Nam.

Kissinger chỉ muốn bảo vệ Ford và tìm cách để Quốc hội khước từ yêu cầu của Việt Nam Cộng hòa.

Như vậy, ông có thể đổ lỗi hết cho Quốc hội về việc mất miền Nam. Ông lý sự rằng:

Bất kể hậu quả cuộc chiến sẽ ra sao, tôi cho đây là một vấn đề nghiêm trọng và tôi thực sự tin rằng, vào giờ phút này, sau khi đã trả giá quá nhiều trong tình đoàn kết quốc gia về đề tài này, ta phải thực hiện cuộc thảo luận đó, chẳng phải bằng một thái độ là ai sẽ đổ lỗi cho ai, mà bằng một thái độ là ta đang đối diện với một tấn thảm kịch trong đó có phần nào liên lụy đến sự tín nhiệm của Mỹ, danh dự Mỹ, và đến cảm tưởng của những dân tộc khác trên thế giới đối với chúng ta.[4]

Sau cuộc họp báo này, Ford lại họp với Weyand, Von Marbod và Kissinger, rồi bay tới phi trường Quốc tế San Francisco giữa một trận mưa bão lớn để đón tiếp đoàn trẻ em mồ côi Việt Nam vừa được chở qua Hoa Kỳ trong "Operation Babylift" ("Hành quân cứu Trẻ em"). Ford phụ một tay bế trẻ em từ máy bay ra xe cứu thương hoặc xe buýt. Đã bao nhiêu ngày nay rồi, trong lúc nghỉ mát, chơi golf, ông đã cố né tránh nhà báo. Có một hôm, ông còn thật sự chạy trốn các ký giả để khỏi phải bình luận về Việt Nam. Có tờ báo viết khôi hài: "Ford chạy cũng lẹ như lính Việt Nam". Chương trình tin tức trên đài truyền hình chiều nào cũng chiếu những hình ảnh dân tỵ nạn hốt hoảng tranh giành nhau chạy trốn khỏi Đà Nẵng, hoặc quân đội Việt Nam Cộng hòa đang trong cảnh rối tung – mà Ford cứ điềm nhiên chơi golf.

Khi đọc báo về tin Ford thăm viếng đoàn trẻ em

mồ côi, Hưng hy vọng Weyand đã gặp và đưa thư Nixon cho Ford nên ông này đã có thiện cảm hơn chút đỉnh đối với Việt Nam Cộng hòa. Anh cố thử tìm xem báo chí Mỹ có nhắc gì đến thái độ của Ford đến tình hình đang suy sụp tại Việt Nam không, thì chẳng thấy gì cả, ngày 6 tháng 4, trên chương trình truyền hình hàng tuần. "Đối diện với Quốc dân" ("Face the Nation"), Schlesinger lại cố tình đặt nhẹ những nỗi thống khổ của Việt Nam một lần nữa: "Thật rõ ràng là chữ đại tấn công là chữ có lẽ nên được để trong ngoặc kép. Những gì đã xảy ra chỉ là một sự suy sụp một phần nào của các lực lượng Nam Việt Nam; vì thế đã rất ít có đánh nhau lớn kể từ trận đánh Ban Mê Thuột, và chính trận này cũng đã là một ngoại lệ".

Mới đầu Hưng không hiểu rõ những lời nhận xét này của Schlesinger. Tại sao ông Bộ trưởng Quốc phòng này lại nói rằng cuộc tổng tấn công hiện nay của Bắc Việt phải để trong ngặc kép? Nhưng anh nhanh chóng nhận ra rằng, bằng cách cố tình đặt nhẹ tầm quan trọng của sự sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa, Schlesinger đang bỏ rơi chính phủ Sài Gòn và giảm xuống đến mức tối thiểu nhu cầu can thiệp của Hoa Kỳ. Schlesinger đã không tin rằng miền Nam Việt Nam có một tầm quan trọng chiến lược đối với Hoa Kỳ; mất Nam Việt Nam cũng sẽ chẳng làm thay đổi cán cân quân sự thế giới.[5] Chính ông đã nói với Von Marbod rằng: "Hoa Kỳ không

có một quyền lợi chiến lược nào tại Việt Nam cả".[6] Hưng bèn kết luận là chừng nào Quốc hội thảo luận để cắt viện trợ và chấm dứt chiến tranh, quan điểm và ý kiến của Schlesinger chắc sẽ vô cùng bất lợi cho Việt Nam Cộng hòa.

Những lời bình luận của Schlesinger trên chương trình "Đối diện với Quốc dân" chỉ nội vài giờ đã loan khắp thế giới. Khi nghe vậy, Tướng Homer Smith, Trưởng Phòng Tùy Viên Quốc phòng tại Sài Gòn, bực mình đến độ ông đã đánh điện về Washington phủ nhận quan điểm của Schlesinger. Smith nói: "Trái lại hiện thời đang có đánh nhau lớn dọc theo vùng duyên hải và tại những khu vực chân đồi từ phía Nam Phú Bài cho tới Khánh Dương tại tỉnh Khánh Hòa". Ông liệt kê những mặt trận đang diễn ra lúc đó rồi kết luận: "Trân trọng đề nghị Tham mưu trưởng Liên quân cho ông Bộ trưởng học thuộc những sự kiện này để (ông ta) có thể trình bày cho dân chúng Mỹ biết một cách chính xác những gì đã xẩy ra. Hiện nay quả đang có diễn tiến một cuộc "đại tấn công"![7]

Sài Gòn đầy tin đồn sắp có đảo chánh lật đổ Thiệu. Hưng vẫn ngồi đợi điện thoại của Von Marbod cho biết phản ứng của Ford về phúc trình của Weyand. Những lúc đi ra sở, thì Hưng nhờ bà chị là Kim Loan, tới nhà mình để ngồi đợi giùm.

Ngày hôm ấy, mồng 7 tháng 4, một chiếc xe gắn máy lái vào sân sở chỉ huy Trung ương cục miền Nam của Việt Cộng, trong rừng già gần biên giới Việt-

Miên, và một người cao, ốm, đội nón sắt che mớ tóc đã hoa râm, bước xuống. Vai hắn đeo lủng lẳng một túi da màu đen, túi đó, đựng giấy tờ ghi chỉ thị của Bộ Chính trị ở Hà Nội, hạ lệnh hành quân tiến chiếm Sài Gòn. Hắn là Lê Đức Thọ, kẻ thương thuyết trước kia ở Paris, người đã cùng Henry Kissinger chiếm giải Nobel Hòa Bình; lúc đó y có nhiệm vụ tổ chức "Chiến dịch Hồ Chí Minh" trước tuần lễ chót của tháng 4, 1975. Hà Nội đã quyết định đẩy mạnh tới toàn thắng.[8]

Đến sáng ngày mồng 8 tháng 4 vẫn không có tin tức gì về Washington, nhưng lúc Hưng vừa thức giấc thì anh nghe thấy có nhiều tiếng súng phòng không bắn lên và tiếng bom nổ tại vùng gần nhà, nghe như từ khu Dinh Độc Lập. Hưng chờ điện thoại và không muốn đi đâu, cho đến lúc được tin là, đúng, Dinh Độc Lập đã bị ném bom, nhưng Thiệu an toàn và không có đảo chính. Một phi công lái chiếc khu trục F-5E đã đơn phương tấn công Dinh. Một trái bom đã phá hủy chỗ ăn sáng thường ngày của Thiệu ở hành lang, nhưng lúc ấy, ông không có mặt ở đó, vì thế đã thoát nạn. Hưng lại thoáng nghĩ tới câu "họa vô đơn chí". Kể từ khi phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ rời Sài Gòn hồi cuối tháng Hai, cho đến nay đã có bao nhiêu biến cố!

Vụ tháo chạy khỏi Cao nguyên, máy bay Việt Nam Cộng hòa ném bom trúng quân mình ở Ban Mê Thuột và trên Liên tỉnh lộ 7B, rồi Quốc hội Mỹ tiếp tục cắt xén viện trợ!

Vụ ném bom Dinh Độc Lập xẩy ra giữa lúc Sài Gòn đầy dẫy những tin đồn mê tín, dị đoan, coi bất cứ sự kiện, biến chuyển nào cũng là điềm gở.

Thế rồi lại có vụ ám sát vua Faisal ở Saudi Arabia ngày 25 tháng Ba nữa! Vua Faisal từng có thiện cảm và ngưỡng mộ cuộc đấu tranh chống Cộng của miền Nam Việt Nam; ông đã ngỏ ý muốn giúp đỡ. Đầu năm 1975, Faisal đã bí mật đồng ý trên nguyên tắc cho vay hàng trăm triệu Mỹ kim. Số tiền vay sẽ được dùng để nâng đỡ nền kinh tế và cho phép chính phủ Sài Gòn mua thêm nhiên liệu, đạn dược bất cứ xuất xứ từ đâu. Một giải pháp vay mượn khác cũng đã được đề nghị với Faisal, theo đó, Saudi Arabia sẽ đứng ra bảo đảm cho Việt Nam Cộng hòa vay viện trợ quân sự của Mỹ. Theo Hưng, kế hoạch bảo đảm này tốt hơn, vì nó sẽ cho phép Việt Nam Cộng hòa mua đạn dược Mỹ. Vì tất cả bộ máy chiến tranh tại miền Nam đã được chế tạo tại Mỹ, nó không thể thích ứng được với trang bị quân dụng của nước nào khác.

Sau này, suy gẫm lại, Hưng thấy rằng trong nỗ lực đi tìm quân viện, móc nối dầu lửa của Saudi Arabia với sự sống còn của miền Nam là chuyện nghe có vẻ kỳ quặc. Nhưng trong những ngày đen tối nhất của tháng 4, 1975, sự liên hệ ấy không lạ lùng chút nào: khi sắp chết đuối, ta nắm lấy bất cứ cái phao nào nổi.

Vừa đến lúc kế hoạch bảo đảm về vay quân viện Mỹ qua vua Faisal sắp được thực hiện thì bất hạnh thay ông vua lại bị cháu mình ám sát! Việt Nam

Cộng hòa chưng hửng. Thiệu gửi điện tín phân ưu với hoàng gia và giục chính phủ Saudi tiếp tục kế hoạch của Faisal. Cấp lãnh đạo Saudi trả lời rằng họ sẽ cứu xét đề nghị ấy, và Thiệu cử Ngoại trưởng Bắc bay qua Trung Đông.

Đêm hôm sau, ngày 9 tháng Tư, Von Marbod gọi cho Hưng bằng đường giây điện thoại trực tiếp giữa Ngũ Giác Đài với Sài Gòn, báo cáo rằng "bằng tay" đã được chuyển giao rồi. "Bằng tay" là mật hiệu hai người đã đồng ý trước với nhau, ám chỉ rằng bản sao các bức thư của Nixon gửi cho Thiệu hồi tháng trước đã thực sự được Weyand chuyển tới Ford rồi. Không nhắc tên Ford, Von Marbod chỉ nói rằng "ông ta xúc động lắm". Hưng thở phào, thấy giả thuyết của mình đã đúng, nghĩa là Ford không biết gì hết. Von Marbod cũng nói thêm "đồ đạc nặng có hy vọng. Tôi lạc quan thêm đôi chút". Hưng không rõ "đồ nặng" mà Von Marbod nói lóng có nghĩa là B-52 dội bom hay Mỹ sẽ chở sang thêm loại bom "Daisy Cutter", nhưng cũng thấy có phần phấn khởi. (Trong một cuộc phỏng vấn mới đây với tác giả trong năm 1986, Ford đọc lại vài thư của Nixon một lần nữa do tác giả đưa. Ông vẫn còn xúc động, và nói: "Không còn một nghi ngờ nào hết, đây là những lời cam kết tuyệt đối". Thật là oan uổng cho Việt Nam Cộng hòa).

Trong bản văn sơ khởi của phúc trình Weyand được soạn thảo trước khi phái đoàn rời Sài Gòn, kế hoạch dội bom trở lại đã bị gạt bỏ. Bản sơ thảo ấy như sau:

Theo nhận xét của (chính phủ Sài Gòn), thì hành động mãnh liệt nhất mà Hoa Kỳ có thể làm là dùng sức mạnh quân sự Hoa Kỳ, nhất là các oanh tạc cơ B-52 để chặn đứng cuộc tấn công hiện nay của Quân lực BV. Giới chỉ huy quân sự VN thuộc mọi cấp đã lập đi lập lại tầm quan trọng của sự oanh tạc bằng B-52 đối với sự thành công của công cuộc phòng thủ. Những vụ oanh tạc này chẳng những quan trọng về mặt quân sự và có thể ngăn chận được vụ mất Huế, Đà Nẵng, và các trung tâm lớn khác, mà còn đã có thể có tác dụng tâm lý tốt đối với ý chí và quyết tâm kháng cự của giới quân sự lẫn dân sự VN. Thế nhưng tôi đã không cứu xét đến việc Hoa Kỳ tham dự quân sự giới hạn và chọn lựa như thế nữa vì ba lý do: Thứ nhất, vì tôi tin rằng các đề nghị (tái oanh tạc) như vậy tự chúng sẽ có thể làm mất đi cơ hội để Quốc hội cứu xét những yêu cầu viện trợ vật chất quan trọng trong cuộc phòng thủ Nam VN; thứ hai, phản ứng tiêu cực của Quốc hội đối với yêu cầu của Tổng thống về việc đó có thể sẽ có tác dụng tai hại đến tinh thần của miền Nam Việt Nam; và sau chót, bởi lẽ những hành động ấy sẽ hủy bỏ các Hiệp ước Paris, vẫn là khuôn khổ duy nhất cho một cuộc dàn xếp hòa bình tại VN.

Sau khi đọc các lá thư mật của Nixon gửi Thiệu, Weyand và Von Marbod nhất định đòi phải đưa vào phúc trình khuyến nghị về tầm quan trọng của sự dội bom bằng B-52 để chặn đứng cuộc công kích của Cộng sản. Shackley và Carver không được coi các

lá thư ấy, nhưng cũng đã đồng ý phải ghi vào phúc trình giải pháp (oanh tạc) này để Tổng Thống Ford chọn lựa.[9]

Ngày 8 tháng Tư, tại Washington, Thượng nghị sĩ Henry Jackson (DC-Washington) công khai tố cáo đã có "những thỏa ước mật" giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Jackson nói ông đã "được nguồn tin đáng tin cậy cho biết" rằng những thỏa ước ấy chưa bao giờ được tiết lộ và chính ngay cả Tổng thống Ford cũng chỉ mới được nghe nói về những thỏa ước đó mấy hôm gần đây thôi. Jackson đã được Schlesinger lược trình về những thư từ của Nixon: Chính Von Marbod đã trao cho Schlesinger bản sao bốn bức thư sau khi từ Sài Gòn trở về. Schlesinger khá thân cận với Jackson và thường có liên hệ tốt với Thượng nghị sĩ này cùng phụ tá của ông ta là Richard Perle. Đáp ứng lời tố cáo của Jackson, chính quyền Ford công khai phủ nhận là đã không hề có một mật ước nào hết. Tùy viên báo chí tòa Bạch Ốc, Ron Nessen được lệnh công nhận là giữa Nixon và Thiệu đã có những trao đổi thư tín riêng, nhưng không có gì quan trọng cả, vì "những lời tuyên bố công khai hồi đó đã phản ảnh nội dung những liên lạc riêng tư ấy rồi".[10]

Henry Kissinger không chịu bình luận trực tiếp, nhưng cho phép một phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao nhắc cho báo chí biết về một lời tuyên bố trước kia của Kissinger nói rằng Hoa Kỳ không có "cam kết hợp pháp" nào hết là sẽ tới giúp Việt Nam Cộng hòa

và những nghĩa vụ của Hoa Kỳ chỉ là "cam kết tinh thần". Giới báo chí xôn xao về lời tố cáo của Jackson, nhưng không một ai đưa ra được những chi tiết nào về những mật ước đó.

Schlesinger rất bực tức. Sau này, khi tác giả phỏng vấn ông (tháng 11, năm 1985), ông kể lại: "Tôi tin rằng Ford đã bị lừa bịp về những lá thư này. Hồi đó, tôi vô cùng sửng sốt khi được xem những lá thư đó. Tôi đã thật sự bối rối nhất, nhất là vì chính quyền hồi đó đang muốn tung ra chiến dịch tìm cách đổ lỗi cho Quốc hội về sự bại trận tại miền Nam Việt Nam. Dĩ nhiên là, như có Chúa làm chứng, Quốc hội cũng đã có trách nhiệm về việc này. Nhưng có điều chắc chắn là những luận điệu đâm sau lưng như vậy thì chẳng có ích lợi gì, nhất là khi mấy lá thư đó đang được chuyền tay chứng tỏ rằng Quốc hội đã không được thông báo đầy đủ về bản chất những lời cam kết của Hoa Kỳ sau khi quân đội (Mỹ) đã rút khỏi Nam Việt Nam. Quốc hội không hề hay biết chút gì về mấy lá thư đó, khi họ bắt đầu chạy làng khỏi Việt Nam vào mùa hè 1973".[11]

Tại tòa Bạch Ốc có nhiều phiên họp liên miên giữa Tổng thống Ford, Ngoại trưởng Kissinger, Cố vấn An Ninh Quốc Gia Brent Scowcroft, và Donald Rumsfeld, đổng lý văn phòng của Ford, và là người đang hy vọng tranh cử Phó Tổng Thống trên cùng một liên danh với Ford trong kỳ bầu cử 1976. Sách lược của Ford là chấm dứt chiến tranh và hàn gắn

quốc gia trước kỳ bầu cử. Tiếp tục viện trợ cho Nam Việt Nam sẽ có nghĩa là tự mình hứng lấy trách nhiệm, biến nó thành chiến tranh của mình thay vì của Nixon. Kissinger thì không coi cái việc "lấy tư thế chính trị" của Ford quan trọng bằng việc bảo vệ tư thế của chính ông và tín nhiệm của Hoa Kỳ. Ông chỉ lo ngại rằng nếu nhìn thấy thành tích của Hoa Kỳ tại Việt Nam, hai phe Ả Rập và Do Thái sẽ không chịu ký kết các hiệp ước mới mà ông đang dàn xếp căn cứ vào bảo đảm của Hoa Kỳ. Cho nên, ông đã có quyết định là không thảo luận chi tiết hoặc tiết lộ nội dung các lá thư mật đó.

Ron Nessen chỉ được Ford cho phép thừa nhận rằng Nixon và Ford đã có trao đổi thư tín riêng với Thiệu, nhưng phải bám riết lấy lập luận "Những lời tuyên bố công khai hồi đó đã phản ảnh nội dung của những liên lạc riêng tư ấy rồi".[12] Ủy ban Ngoại giao Thượng viện cũng đòi đọc bản sao những thư tín Nixon-Thiệu ấy, nhưng Ford phản kháng. Ông viết cho Ủy ban nói: "Tôi đã duyệt lại hồ sơ liên lạc ngoại giao riêng tư. Vì lẽ chính sách và ý định chứa đựng trong các sự trao đổi này đã được công bố rồi, cho nên không có một điều bí mật nào phải giấu diếm Quốc hội hay dân chúng Mỹ cả".[13]

Trong hồ sơ của Hội đồng An-ninh Quốc-gia, theo Nessen, chỉ có *bẩy* lá thư Nixon viết cho Thiệu. Trong hồi ký sau này, Nessen viết: "Thực ra, những lời đảm bảo riêng tư của Nixon hứa với Thiệu dường

như đã đi xa hơn những lời tuyên bố yểm trợ (Việt Nam) hồi ấy".[14]

Là người đã từng chống chiến tranh từ ngày còn là phóng viên của hãng *NBC* tại Việt Nam, Nessen chống đối bất cứ hành động nào có thể kéo dài cuộc chiến. Ông tự hỏi: "Vậy thì làm sao Tòa Bạch Ốc dưới thời Ford lại tránh né sự thật và giở trò chơi chữ để tránh tiết lộ nội dung, lúc ấy đã lôi thôi, của những lá thư Nixon?"

Và Nessen tự trả lời:

Lý do chính yếu là để bảo vệ nguyên tắc kín đáo, khả năng cần thiết để một tổng thống liên lạc riêng tư được với các nhà lãnh đạo ngoại quốc. Nhưng cũng bởi vì các lá thư ấy có thể được dùng làm vũ khí nếu trong thời hậu chiến có những vụ buộc tội lẫn nhau về việc ai đã có trách nhiệm về thất trận. Thiệu và phe diều hâu Mỹ sẽ có thể rêu rao là Ford đã không làm tròn nhiệm vụ thực thi những lời cam kết của Nixon. Phe bồ câu trong Quốc hội sẽ rêu rao rằng họ đã chặn viện trợ lại bởi lẽ Ford đã không hề thông báo cho họ biết những lời hứa hẹn bí mật đó.[15]

Nessen công nhận là Ford có viết riêng cho Thiệu, nhưng lại không chịu nhắc tới lá thư đề ngày 9 tháng 2, 1974, của Ford, một ngày sau khi nhậm chức, trong đó, ông lập lại những lời cam kết giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa của Nixon trước kia, và hứa rằng chúng sẽ được "hoàn toàn tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi". Chính Kissinger đã thảo lá thư

ấy rồi đưa cho Ford, giục ông này ký vào để trấn an Thiệu. Sau này Ford kể lại rằng hồi đó ông "có biết qua về sự trao đổi thư từ giữa Nixon và Thiệu, nhưng tôi đã không được đọc hết".[16] Ngày 24-10-1974, chính Ford lại trấn an Thiệu một lần nữa rằng không hề có thay đổi chính sách về Việt Nam. Nessen biện luận: Những lời trấn an của Ford trong mấy lá thư chót gửi Thiệu: "đã bị giới hạn chặt chẽ bởi ý thức rõ được những hạn chế do Quốc hội đặt ra và sự chống đối của dư luận". Thế nhưng Ford đã không bao giờ tiết lộ mấy lá thư đó với nội các của mình hoặc với Quốc hội.

Hưng đã hy vọng rằng sự chú ý của dư luận và báo chí Mỹ đến những lá thư ấy, một hình thức nhắc khéo đến những cam kết của Nixon với chính phủ Sài Gòn, sẽ có thể thúc đẩy Quốc Hội chấp thuận viện trợ cho Việt Nam. Thực ra, lý do khiến Thượng nghị sĩ Jackson muốn phanh phui mật thư là để chứng minh rằng Nixon đã làm những cam kết mật với Thiệu mà không hề tham khảo Quốc hội.[17] Jackson đã có một thời hết mình hỗ trợ cuộc chiến, nhưng sau khi quyết định vận động để được đảng Dân Chủ đề cử làm ứng viên Tổng Thống vào năm 1976, ông đã trở cờ và về hùa với phe chống đối chiến tranh.

Về phần Ford, dường như ông không mấy quan tâm đến bài diễn văn ông sắp phải đọc về vấn đề Việt Nam: tại Palm Springs ông chỉ mải chơi golf và dự tiệc tùng, đến độ mà Rumsfeld, Đổng lý văn phòng

của ông, đã phải lầm bầm than phiền: "Có lẽ tôi sẽ thôi không cố tìm cách làm ông ta trở thành một vị Tổng Thống theo quan niệm của tôi, và cứ để mặc cho ông ta trở thành một thứ Tổng Thống theo ý muốn của ông".[18]

Lúc trở về Washington, Ford mới bắt đầu cặm cụi viết bài diễn văn "Tình trạng thế giới" và quyết định xem phải đối phó như thế nào với bản phúc trình của Weyand. Bản nháp căn bản của bài diễn văn đã được Kissinger và đám phụ tá soạn thảo. Sau này Ford ghi lại trong hồi ký: "Henry Kissinger đã thúc tôi phải nói với dân chúng Mỹ rằng Quốc hội Mỹ phải gánh chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình hình tan rã tại Đông Nam Á. Quả thế, Henry đã thảo một bài diễn văn thuộc loại "cháy nhà bình chân như vại" để cho tôi đọc. Trực giác bảo cho tôi đó không phải là đường lối đúng cho lúc này".[19]

Buổi tối ngày 9 tháng Tư, một bức điện tín đánh đi từ Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Washington đến tay Thiệu, với một nhận định rất bi quan về tình hình cầu viện cả từ phía hành pháp lẫn lập pháp. Đại sứ Phượng không có một đề nghị nào để giải quyết, mà chỉ thông báo những gì Thiệu đã biết: Tướng Weyand đã yêu cầu 722 triệu MK quân viện; thỉnh cầu một ngân khoản lớn như thế chắc sẽ "gây ra kinh hoảng và la ó" tại Quốc hội khi Ford loan báo. Phản ứng này đã có dự đoán trước rồi, nhưng hy vọng rằng nếu lời khuyến nghị đến từ một quân nhân chuyên

nghiệp như Weyand, với truyền thống đặt nghĩa vụ tinh thần của Hoa Kỳ lên trên hết, thì chắc có thể cảm hóa được một số người và cứu vãn được phần nào. Ngay từ trước khi Weyand rời Sài Gòn, Hưng đã biết ông này sẽ đề nghị số 722 triệu MK quân viện cấp thời, và anh cũng đã có báo cáo cho ông Thiệu chi tiết về ngân khoản này. Thiệu than: "Mình thật không hiểu nổi người Mỹ. Làm thế nào mà có được 722 triệu khi mà họ đã từ chối không cho mình 300 triệu bổ túc?"

Sài Gòn chỉ còn nước ngồi đợi xem Ford sẽ ăn nói thế nào với Quốc hội và hy vọng sẽ có được một phản ứng thuận lợi với lời cầu cứu của Thiệu. Hưng thắc mắc, liệu Ford có sẽ nói ra hết sự thật với Quốc hội về nghĩa vụ tinh thần của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa hay không? Liệu ông có công bố những bức thư kêu cứu mới đây của Thiệu gửi Tổng Thống Hoa Kỳ và của Quốc hội Việt Nam Cộng hòa gửi Quốc hội Hoa Kỳ không? Trước hôm Ford ra Quốc hội đọc diễn văn, Hưng đã trằn trọc cả đêm. Sáng ngày 11 tháng Tư tại Sài Gòn (đêm mồng 10, giờ Washington), Hưng thấp thỏm đón nghe bài diễn văn đó của Ford, được phát thanh trực tiếp trên các làn sóng ngắn của đài VOA. Muốn nghe được rõ từng lời, từng câu diễn văn để thẩm đoán ý định của Ford, anh đã phải thay pin mới cho cái máy ra-di-ô Zenith *Transoceanic* của mình.

Mới đầu, Ford giải thích tại sao Hoa Kỳ đã không

chịu phản ứng với những vụ Bắc Việt vi phạm Hiệp ước Paris:

Vì luật pháp, ta đã tự ngăn cấm ta xử dụng khả năng để bắt phải tôn trọng hiệp định – như vậy là cho Bắc Việt cái đảm bảo là họ có thể vi phạm hiệp định ấy mà không bị trừng phạt. Kế đó, ta đã giảm viện trợ kinh tế và vũ khí cho Nam Việt Nam. Sau hết, ta đã ra dấu hiệu cho biết càng ngày ta càng miễn cưỡng không muốn hỗ trợ dân tộc ấy trong lúc họ đang tranh đấu để sinh tồn.

Rồi Ford vạch ra một số giải pháp lựa chọn về Việt Nam. Hoa Kỳ có thể không làm gì hết, hoặc "Tôi có thể yêu cầu Quốc hội cái thẩm quyền để bắt phải tôn trọng hiệp ước Paris bằng cách xử dụng quân đội, xe tăng, máy bay, và trọng pháo của ta, để đẩy chiến tranh về phía kẻ địch". Nhưng rồi ông lại đưa ra hai lựa chọn "hạn hẹp hơn": Hoặc giữ chặt lấy yêu cầu hồi tháng Giêng xin 300 triệu MK bổ túc, hoặc tăng số yêu cầu viện trợ quân sự và nhân đạo khẩn cấp. Ford lập luận rằng tăng viện với hai mục đích nói sau này "sẽ có thể làm cho Nam Việt Nam chận đứng và đẩy lui được cuộc xâm lăng đang tràn tới, ổn định tình hình quân sự, đem lại cơ hội hòa giải chính trị qua đường lối thương thuyết giữa Bắc và Nam Việt, và, nếu như tình trạng tồi tệ nhất xẩy ra, ít nhất cũng di tản được trong vòng trật tự kiều dân Mỹ và dân chúng Nam Việt Nam lâm nguy tới chỗ an toàn".[20]

Ngồi nghe bài diễn văn, tim Hưng mỗi lúc đập một nhanh hơn. Tuy có nói sơ qua đến phúc trình Weyand nhưng không thấy Ford đả động gì đến khuyến nghị dùng B-52 oanh tạc. Ford chỉ yêu cầu chấp thuận ngân khoản 722 triệu Mỹ kim mà Weyand đã đề nghị và ấn định ngày 19 tháng Tư là hạn chót cho Quốc hội phải quyết định. Hưng có cảm tưởng Ford vừa dàn xếp đưa ra thỉnh cầu vừa mở đường cho Quốc hội từ chối. Ông đã trút lỗi Hoa Kỳ bất động ở Việt Nam lên vai Quốc hội. Việt Nam, trong giờ phút đang hấp hối như vậy, mà lại được nhắc đến giữa bao nhiêu vấn đề khác trong bài diễn văn kể cả chuyện viếng thăm sắp tới của Hoàng đế Nhật Bản, đạo luật ngoại thương 1974, chính sách hòa hoãn với Nga, đàm phán hạn chế vũ khí chiến lược, vấn đề năng lượng, và những tài nguyên vùng đại dương. Ford còn đọc một lá thư cầu cứu của quyền Tổng thống Cam Bốt, nhưng không thấy nhắc gì đến lá thư kêu gọi của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, cũng như những lá thư của Quốc hội Việt Nam gửi các Chủ tịch Thượng và Hạ viện Mỹ.[21]

Tại Dinh Độc Lập, ông Thiệu và các phụ tá cũng bối rối và sững sờ về việc Ford làm thinh về các lá thư này. Họ tự hỏi không biết chúng có đến tay Quốc hội hay đã bị Bộ Ngoại giao Mỹ chặn lại? Hưng nói đùa chua chát với ông Chủ tịch Lắm: "Lần sau, Cụ nên đích thân mang tới Quốc hội Mỹ thì có lẽ chắc ăn hơn". Lắm không thấy câu pha trò này buồn cười.

Hưng hôm trước đã ngõ ý với ông Thiệu là hy vọng Ford sẽ nhắc đến lá thư đề ngày 25 tháng 3 của ông. Ford nói rất can trường để bao biện ý định của Mỹ: "Đối phương chớ vội tin rằng những nỗi khó khăn hay những lối bàn cãi của chúng tôi có nghĩa là ý chí của dân tộc chúng tôi đang nhụt dần. Chúng tôi sẽ đứng bên bằng hữu chúng tôi. Chúng tôi sẽ tôn trọng những cam kết của chúng tôi". Những lời nói nghe rỗng tuếch làm sao? Như sau này Brent Scowcroft giải thích: "Thực ra, không một ai trong chúng tôi tin rằng sẽ xin Quốc hội được khoản tiền ấy (722 triệu). Đó là một cách làm cho chúng tôi trông có vẻ như vẫn còn thật lòng về tất cả những cố gắng ấy. Chúng tôi chỉ quan tâm đến cách rút đi và giải kết mà thôi".[22]

Trước bài diễn văn của Ford, ông Thiệu đã định ngay chiều hôm đó sẽ lên đài phát thanh nói chuyện và bình luận về những lời Ford phát biểu ủng hộ Việt Nam Cộng hòa, nhưng ông không tìm được một dữ kiện hay tin tức tốt đẹp nào để thông báo cho dân chúng miền Nam. Tệ hơn nữa, Ford đã đòi Quốc hội phải lấy một hành động nào đó "không muộn hơn ngày 19 tháng 4" về đề nghị viện trợ. Thiệu hỏi tại sao Ford lại tự trói mình vào một thời hạn chót như vậy? Quốc hội mà bác đi, là hết. Thiệu bảo Hưng theo dõi những biến chuyển tại Washington rồi trình cho ông hay. Một bức điện khác do Đại sứ Phượng ở Washington đánh về thông báo "phản ứng mau lẹ và tiêu cực" của cấp lãnh đạo Quốc hội đối với ngay

cả thỉnh cầu viện trợ khẩn cấp 722 triệu mỹ kim kia. Tờ *New York Times* tường thuật tin trên một ngày sau Ford đọc diễn văn, và đăng tải lời tuyên bố của Thượng nghị sĩ Jackson:"Yêu cầu ấy chết rồi. Không một ai trong phe mà tôi biết sẽ ủng hộ nó".[23]

Ông Thiệu đang lưỡng lự chưa biết phải nói gì với đồng bào, thì Đại sứ Martin tình nguyện đưa cho ông một bản liệt kê những điều Thiệu nên trình bày, khai thác triệt để bài diễn văn của Ford. Trong một bức giác thư gửi Thiệu, Martin đề nghị mấy điểm để Thiệu đưa vô bài diễn văn:

1./ Tổng Thống Ford đã nói với tư cách người lãnh đạo một đại cường quốc. Nhân dân Việt Nam nồng nhiệt hoan nghênh những lời nói đầy cảm thông ấy đối với Việt Nam.

2./ Tôi kêu gọi quân lực Việt Nam hãy tiếp tục chiến đấu bảo vệ xứ sở một cách anh dũng và can trường. Giờ đây Tổng Thống Ford đã vạch trần những thực tế của cuộc xâm lăng Bắc Việt chống lại miền Nam, quân lực ta có thể tin tưởng rằng nhân dân Hoa Kỳ sẽ đáp ứng lời kêu gọi (của Ford) yêu cầu gửi chiến cụ phòng thủ tới miền Nam Việt Nam.

3./ Sau bao nhiêu năm chiến tranh, nhân dân Nam Việt Nam khao khát hòa bình. Trong một bài diễn văn ngày 21 tháng 11 năm ngoái, tôi có nói rằng Việt Nam Cộng hòa sẵn sàng thảo luận, và thi hành tức thì, giải pháp chính trị mà Hiệp định Paris đòi hỏi – kể cả việc thiết lập Hội đồng Hòa giải và Hoà hợp Dân tộc. Việt

Nam Cộng hòa vẫn không hề thay đổi lập trường ấy. Việt Nam Cộng hòa vẫn yêu cầu phe bên kia cùng ngồi xuống đàm phán để thực thi những điều khoản chính trị của Hiệp định Paris.

4. Chừng nào Quân đội Bắc Việt còn tiếp tục trắng trợn xâm lăng Nam Việt Nam, chúng ta không có lựa chọn nào khác hơn là chiến đấu. Chúng ta sẽ chiến đấu cho tới khi nào Bắc Việt chấp nhận lời chúng ta mời đàm phán trở lại về việc giành lấy cho nhân dân miền Nam quyền tự quyết, như đã quy định trong Hiệp ước Paris.

5./ Tôi kêu gọi nhân dân Việt Nam thuộc mọi đoàn nhóm chính trị, mọi tôn giáo, hãy gạt sang một bên những khác biệt cá nhân trong giờ phút quốc gia đang cực kỳ lâm nguy này và đoàn kết sau lưng tân chính phủ đoàn kết quốc gia hiện đang được Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn thành lập. Trong cuộc khủng hoảng hiện nay, nhu cầu của quốc gia phải chiếm ưu thế tuyệt đối trên mọi quan tâm khác.[24]

Hưng khuyên Thiệu đừng để ý đến những sự gợi ý, mớm lời này của Martin nữa. Tối hôm đó, Thiệu quyết định không đọc diễn văn trên các hệ thống truyền thanh và truyền hình Sài Gòn. Ông nhận thấy những "điểm nói chuyện" của Martin chẳng những đã không thích hợp, lại còn có tính cách nhục mạ nữa. Lúc bấy giờ, Thiệu đã tuyệt vọng tới độ chuẩn bị ủy quyền cho tân nội các và tuyên bố sẵn sàng thương thuyết với Cộng sản.

*
* *

Trong thời gian hai năm qua, kể từ khi biết được Hoa Kỳ giảm dần sự yểm trợ, Thiệu đã cố tìm cách xóa bỏ cái hình ảnh "bù nhìn Mỹ" của Việt Nam Cộng hòa và thiết lập một đường lối ngoại giao riêng. Những nỗ lực này của ông đã đi từ liều lĩnh đến khôn ngoan (như tiếp xúc và đối chác với Trung Cộng).

Mùa thu năm 1974, Ngoại trưởng Vương Văn Bắc bắt đầu vào một chiến dịch nhằm tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia Phi Châu như Morocco, Ivory Coast, và Saudi Arabia. Vua Hassan của Morocco và Tổng Thống Felix Houphonet-Boigny của Ivory Coast rất có thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa, nhưng cũng nhắc nhở Bắc là họ đang bị nhiều áp lực từ khối Tổ chức các nước Phi Châu, như Algeria, Lybia là các nước đã hoàn toàn ngả về phía Việt Nam Cộng hòa. Thiệu bắt đầu mời các nhà lãnh đạo Phi Châu sang thăm viếng Sài Gòn. Ngoại trưởng Gambia, một nước nhỏ xíu với dân số 400.000 cũng được tiếp đón trọng thể với đầy đủ lễ nghi quân cách, và cuộc viếng thăm của ông này đã là một "thành công". Đài truyền hình Sài Gòn không nói gì tới dân số Gambia, chỉ bình luận, căn cứ vào cuộc thăm viếng này là Việt Nam Cộng hòa đang được Phi Châu tăng ủng hộ. Chiến dịch ve vãn Phi Châu này còn nhắm tới cả tướng Jean-Bedel Bokassa, người tự xưng là "Tổng

Thống Trọn Đời" và sau này là Hoàng đế, người giữ ấn tín của Cộng Hòa Trung Phi.

Bokassa lên nắm chính quyền hồi tháng Giêng, 1966. Năm 1972, khi đã trở thành Tổng Thống Trọn đời, ông gửi văn thư ngoại giao yêu cầu ông Thiệu cho tìm giùm người con gái của ông, tên Martine. Hồi đầu thập niên 1950, Bokassa đã từng đánh nhau ở Việt Nam trong đoàn quân viễn chinh Pháp với cấp trung sĩ, và ông đã được quen biết ông Thiệu, hồi đó còn là một sĩ quan trẻ tuổi. Bokassa đã tằng tịu với một thiếu nữ Việt Nam, và cô này đã sinh được một người con gái mà Bokassa vẫn hằng thương nhớ. Chính phủ Sài Gòn bèn cho đi lùng và kiếm được Martine ở một thị xã tại miền Tây. Người con gái được chở về Bangui, thủ đô Cộng hòa Trung Phi, và được chính thức thừa nhận làm ái nữ của Tổng Thống. Báo chí Việt Nam hằng ngày đăng tải và thêu dệt thêm phóng sự ly kỳ về cô gái bần nông tìm thấy cha là Tổng Thống. Câu chuyện "Con bé Lọ Lem" tân thời này mang lại cho dân chúng miền Nam hồi đó một dịp tạm quên đi những đau khổ của chiến tranh và theo dõi hằng ngày tin tức đầy vẻ hoang đường thần thoại ấy. Nhưng khoảng vài tháng sau, một thiếu nữ khác bỗng xuất hiện và cũng tự xưng với nhà báo là ái nữ của Bokassa, với đầy đủ giấy tờ hộ tịch chứng minh. Giấy tờ lại có vẻ xác thực. Chính phủ Sài Gòn vừa ngại ngùng vừa mất thể diện, nhưng cũng phải đành lòng thông báo cho Bokassa

biết và xin lỗi. Vị Tổng Thống Trọn đời chẳng những không thấy có gì trở ngại trong việc đó, lại còn xin chính quyền Việt Nam cứ cho người con gái thứ hai này sang: ông nhận tuốt cả hai làm ái nữ.

Mời được Bokassa sang Sài Gòn đã không phải dễ. Đại sứ Trung Hoa Quốc Gia (Đài Loan) đã báo trước cho Bộ Ngoại Giao VNC biết rằng Bokassa thuộc hàng "dê cụ", đã mê người con gái nào thì khó mà cản: Sự việc này đã xẩy ra trong chuyến ông sang viếng thăm Đài Loan, khiến chính phủ Trung Hoa Dân quốc vô cùng khó xử. Nhưng Thiệu nhất định cho tiến hành việc mời Bokassa sang vào dịp hè 1975, để tăng uy tín Việt Nam Cộng hòa đối với Phi Châu. Vấn đề "máu dê" của ông cũng đã được mang ra thảo luận, ngay trong Dinh Độc Lập, vào tháng 11, 1974 với những đề nghị nửa đùa nửa thật là cho đi tìm mấy cô vũ nữ Văn Cảnh và Maxim để dàn chào tiếp đón thượng khách.

Mua thu năm 1974, Bắc cũng đề nghị với Thiệu là Việt Nam Cộng hòa nên tiếp xúc mật với Trung Cộng để yêu cầu họ giảm bớt viện trợ cho Cộng sản Việt Nam và giúp mình chống lại Bắc Việt. Để đổi lại, Việt Nam Cộng hòa sẵn sàng dàn xếp thuận lợi cho việc Trung Cộng thăm dò dầu hỏa ngoài khơi ở những vùng biển còn đang tranh chấp tại Nam Hải, và sẽ áp dụng một đường lối ngoại giao âm thầm chấp nhận một phần nào ảnh hưởng của họ tại Đông Nam Á.[25]

Trong thời gian làm Đại sứ tại London, từ 1972 đến 1973, Bắc đã làm quen thân thiết với một dân biểu Anh thuộc đảng Bảo thủ. Cuối 1974, dân biểu này dự định đi Bắc Kinh thăm viếng cùng với một phái đoàn Quốc hội Anh. Tân Đại sứ Việt Nam Cộng hòa thay Bắc tại London được Bắc nhắn lời tiếp xúc với dân biểu đó, và nhờ ông ta thăm dò giới chức Trung Cộng về việc nối lại tình hữu nghị với chính phủ Sài Gòn. Việt Nam Cộng hòa hy vọng khai thác được sự nghi kỵ giữa Trung Cộng và Bắc Việt sau chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Nixon. Vị dân biểu người Anh đến nói chuyện với Thứ trưởng Ngoại giao Kiều Quán-hoa. Nhưng họ Kiều nói là đã quá muộn, không thể khởi xướng một thay đổi chính sách với miền Nam Việt Nam được nữa, vì Trung Cộng đã hoàn toàn liên kết với chính phủ Cách mạng Lâm thời (CMLT) của Việt Cộng rồi. Bắc nhận định rằng Trung Cộng đang cố xây dựng chính phủ CMLT thành một lực lượng có thể cai trị miền Nam và chống lại ảnh hưởng cùng quyền lực của chế độ Hà Nội. Ủng hộ chính phủ CMLT, Trung Cộng đã mong duy trì được ảnh hưởng của họ tại Đông Dương một khi người Mỹ rút đi.[26] Trung Cộng đã dùng mọi cơ hội để đề cao chính phủ CMLT: Lần nào trên đường từ Paris trở về Hà Nội, Thị Bình cũng được mời ghé Bắc Kinh, được khoản đãi linh đình, và gặp Mao hoặc Chu Ân Lai.[27]

Cho nên, đề nghị kết giao của Việt Nam Cộng

hòa đã bị hoàn toàn cự tuyệt. Bắc cũng ngạc nhiên thấy Trung Cộng đã liên kết với chính phủ CMLT chặt chẽ đến thế. Ông biết rằng Trung Cộng không có cơ sở quyền lực thực sự ở miền Nam, và ông tin rằng Bắc Việt sẽ không bao giờ cho phép chính phủ CMLT được độc lập hoặc ngay cả tự trị nữa, một khi chúng đã chiếm được miền Nam. Khi Bắc báo cáo cho Thiệu biết sự việc. Thiệu nói: "Trung Cộng chắc ăn quá rồi. Họ bảo với nhau là 'tội gì phải giúp các anh lúc này? Chúng tôi sắp được tất cả miền Nam kia mà'. Trung Cộng tin tưởng rằng Bắc Việt sẽ để cho chính phủ CMLT cai trị miền Nam, cho nên đâu có lý do nào họ phải chia miếng bánh đó với Thiệu".[28]

Yếu tố căn bản của sự can thiệp của Mỹ tại Nam Việt Nam là "Thuyết Domino" và chính sách ngăn chặn Trung Cộng. Thoạt tiên là Ngô Đình Diệm, rồi hàng tướng lãnh của ông, rồi đến Thiệu và đạo quân Việt Nam Cộng hòa, đã cố thủ tại Đông Nam Á để ngăn cản không cho thuyết Domino tác động; nếu miền Nam đổ, thì nó sẽ trở thành quân Domino nạn nhân của Trung Cộng đầu tiên. Phần Đông Nam Á còn lại sẽ đổ theo một loạt. Vậy mà, trớ trêu thay, vào lúc màn chót sắp sửa khép lại thì Việt Nam Cộng hòa lại phải đi cầu cứu Trung Cộng. Trong tuyệt vọng, Thiệu đã hy vọng vai trò bá chủ cổ truyền của Trung Quốc tại Đông Nam Á sẽ chiếm ưu thế trong đường lối đối ngoại của Bắc Kinh. Ông tin rằng Trung Cộng sợ ảnh hưởng của Hà Nội tại Đông Dương còn hơn

là Sài Gòn, và vì thế may ra có thể sẵn sàng bỏ rơi Bắc Việt, là kẻ mà Trung Cộng xưa nay vẫn coi là đối thủ hàng đầu của họ tại Đông Dương. Luận cứ của Thiệu sau này đã được chứng tỏ là đúng (chẳng hạn những xung đột tại vùng biên giới Việt-Hoa, và sự tranh chấp ảnh hưởng tại Cam Bốt), nhưng ông ta đã đi một bước quá chậm. Cách đó chỉ một năm, ông còn cho hải quân Việt Nam Cộng hòa ra Trường Sa nghênh chiến với Trung Cộng.

Cuối 1974, ông Thiệu còn cho Cựu Ngoại trưởng Trần Văn Đổ thẩm quyền thương thuyết mật với đại diện MTGP miền Nam tại Paris. Là người Nam, Đỗ đã được các đại diện chính phủ CMLT tin cậy, vì ông đã từng quen biết họ hồi trước chiến tranh. Hoa Kỳ đã không chấp thuận những nỗ lực của ông, vả lại những nỗ lực này không tiến xa hơn giai đoạn tiếp xúc. Hà Nội cũng không nuốn chính phủ CMLT điều đình thẳng với Sài Gòn cũng vì cùng một lý do mà Mỹ không muốn Sài Gòn trực tiếp nói chuyện với Chính phủ CMLT. Cả hai bên đều muốn kiểm soát hành động và kết quả.

Đầu năm 1975, tướng Trần Văn Đôn, hồi đó là đại sứ lưu động của Thiệu, đồng thời là chủ tịch Ủy ban Quốc phòng Quốc hội, sang Paris gặp Nguyễn Văn Hiếu, trưởng phái đoàn Chính phủ CMLT tại hội nghị Paris. Trước công chúng thì Hiếu theo đường lối cứng rắn, lên án chính phủ Thiệu có tà ý và không chịu thi hành Hiệp định Paris. Nhưng khi hai người

gặp nhau riêng, thì Hiếu thú thật với Đôn là "tụi tui bị kẹt với bọn Bắc Việt rồi! Đối phó với chúng nguy hiểm lắm; tụi tui muốn bỏ hàng ngũ của chúng". Hiếu nhờ Đôn nói giùm với Thiệu và thúc Thiệu đưa Chính phủ CMLT vào chính phủ Sài Gòn như một thành phần liên hiệp để cùng chiến đấu chống lại sự thống trị của Hà Nội.[29] Rất nhiều những gia đình Việt sống ở miền Nam đều có thân nhân trong hàng ngũ Bắc Việt hoặc Mặt trận giải phóng. Cho nên cả Hiếu lẫn Đôn đều tin rằng liên hệ gia tộc và giá trị truyền thống miền Nam sẽ có thể giúp dàn xếp được một hình thức liên hiệp chính trị nào đó, hoặc liên kết chia xẻ quyền lực.

Người liên lạc Mỹ của Đôn tại Paris hồi đó là Lee Williams thuộc cơ quan Trung Ương Tình Báo, đã báo cáo đầy đủ về những buổi họp riêng giữa Đôn và Hiếu. Theo Đôn, William đã không khuyến khích ông tiến hành công việc đó, nói rằng "Không đáng làm". Đôn phúc trình lại cho Thiệu. Thiệu không mấy tin tưởng ở những người mà Đôn tiếp xúc, và bảo ông ta "thử hỏi Mỹ coi sao". Về sau Đôn được người Mỹ cho biết là họ không thích theo đuổi đề nghị của Chính phủ CMLT.[30] Thế là chẳng còn lối thoát đơn phương nào cả: Việt Nam Cộng hòa không thể vượt khỏi đường rầy Hoa Kỳ. (Sau cùng trước khi Sài Gòn mất, Kissinger còn đánh điện cho Đại sứ Martin nói là ông không muốn có thương thuyết giữa chính phủ Sài Gòn và Chính phủ CMLT, nhưng chỉ muốn có

dàn xếp giữa Mỹ và Chính phủ CMLT ở Paris mà thôi. (Xin xem chương 21).

*

* *

Vào lúc liên hệ giữa Sài Gòn và Washington mỗi lúc một bi đát hơn, ông Thiệu bảo Hưng sửa soạn một kế hoạch cầu viện phòng hờ có tên là "kế hoạch vay Viện trợ" (Aid Loan Plan), mà Hưng đã nghiên cứu từ mùa hè 1974. Thiệu coi kế hoạch này như một cử chỉ cuối cùng của Mỹ đối với Việt Nam Cộng hòa. Ông bảo Hưng: "Bây giờ Việt Nam đã thành một tình nhân già, sắp bị thải đi rồi".

Theo kế hoạch này, Việt Nam Cộng hòa sẽ đề nghị với Quốc hội Hoa Kỳ, thay vì viện trợ để mua đạn dược, thì cho vay ứng trước. Sài Gòn sẽ lấy lợi tức dầu hỏa ở ngoài khơi trong tương lai làm tiền ký quỹ bảo đảm món nợ đó. Nếu được áp dụng, kế hoạch sẽ có thể chống đỡ được phần nào luận điệu phản chiến là "viện trợ thì như thùng không đáy". (Lời chỉ trích thường được Quốc hội phát biểu nhiều nhất là nếu tiếp tục, Hoa Kỳ sẽ không bao giờ có thể chấm dứt viện trợ quân sự cho Sài Gòn được – càng viện trợ, đánh nhau càng kéo dài.) Về phía Sài Gòn, ông Thiệu tin rằng vụ vay mượn lần chót sẽ bó buộc quân đội, chính phủ lẫn nhân dân phải đối diện với thực trạng của một vận hội cuối cùng. Nó cũng sẽ giúp ích cho việc thiết kế quân sự vì có thể dựa vào những mức độ chắc chắn cũng như cơ cấu của mức viện trợ đó.

Kế hoạch này sẽ giảm thiểu tối đa thời gian chờ đợi đáng sợ và những bất trắc ghê gớm hàng năm, có khi hàng tháng của diễn trình chuẩn chi viện trợ. Những cuộc thảo luận về viện trợ trong ngành lập pháp Hoa Kỳ qua từng chục tiểu ban, thường quá lâu la, quá phức tạp, đã gây nhiều rắc rối và hỗn loạn tại Sài Gòn. Hơn nữa, sự bàn cãi cấp viện hàng năm lại còn có tính cách sỉ nhục và làm giảm tinh thần đồng minh nữa: mỗi ủy ban có liên hệ tới viện trợ (ngoại giao, quốc phòng, tình báo, an ninh, ngân sách, v.v.) mỗi khi cứu xét viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa là lại mang chính phủ Sài Gòn ra chửi. Hết Hạ viện đến Thượng viện, rồi tới các ủy ban Chung Kết, đâu cũng vậy. Chửi xong là báo chí đăng tải, còn bình luận thêm. Rồi đến lượt các phe phản chiến trích dẫn nghị sĩ, dân biểu, báo chí!

Trong mấy tháng đầu 1975, Thiệu đồng ý cứu xét kế hoạch đi vay viện trợ của Hưng và khi ông trắc nghiệm ý niệm vay mượn này với nhiều nhà lập pháp Hoa Kỳ qua thăm Sài Gòn, thì thấy có phản ứng thuận lợi.

Hưng thúc ông Thiệu không nên giữ thế thủ quá đáng khi thảo luận viện trợ với người Mỹ: chẳng hạn khi yêu cầu 300 triệu MK bổ túc, ông phải chứng tỏ lòng tin tưởng của mình vào khả năng tự túc của Việt Nam Cộng hòa chỉ trong 5 năm nữa, nghĩa là vào năm 1980. Sau đó ông nên yêu cầu một khoản ứng trước trong thời hạn ba năm để chuyển từ chiến

tranh kiểu Mỹ sang chương trình Việt Nam hóa đích thực và "chiến tranh kiểu con nhà nghèo". Người Mỹ có vẻ thích cái ý kiến này. Đại sứ Martin và Tùy viên Quốc phòng Mỹ đề nghị ông Thiệu xúc tiến và triển khai một kế hoạch chi tiết hơn. Thượng nghị sĩ Sam Nunn (DC- Georgia), một nhân vật có nhiều uy thế và là thành viên của Ủy ban Quân vụ Thượng viện, khi gặp ông Thiệu đã có phản ứng tích cực. Nunn còn đưa ý kiến này ra trong một bài xã luận của tờ *The Washington Post*, lập luận rằng "thời gian chuyển tiếp hết sức cần thiết bởi lẽ ta đã khuyến khích miền Nam Việt Nam tiến hành một cuộc chiến tranh kiểu Mỹ với trang bị tinh vi và tiếp liệu ồ ạt. Họ cần có thời gian để biến cải quân lực phòng thủ xứ sở theo kiểu của họ, nhưng trong lúc biến cải, họ phải làm sao gạt sang bên được cuộc tấn công của Bắc Việt trước đã".[31]

Trở về Washington để vận động viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa, Đại sứ Martin đã cố gắng đưa ra lập luận "cơ hội chót" để thu phục sự hỗ trợ của các giới cho kế hoạch của Việt Nam Cộng hòa. Ông đã đề nghị ý kiến này với Tổng Thống Ford, Kissinger và báo chí Mỹ. Trong một bữa ăn trưa với các chủ bút của tờ *Washington Post*, Martin đề cập đến việc "chiêu hàng" ý kiến này, nên tờ *Post* trong một bài xã luận của chính họ, đã kêu gọi "một quyết định vững chắc và cuối cùng giúp Sài Gòn thêm ba năm nữa rồi hãy chấp nhận những kết quả, bất luận thế nào". Nếu

như hồi 1972 Việt Nam Cộng hòa đã thi hành chiến thuật này vào giữa lúc quân đội Hoa Kỳ đang triệt thoái, Hưng tin chắc rằng Quốc hội Hoa Kỳ có thể đã nghe theo rồi.

Cuối cùng, khi Quốc hội Mỹ dần dần đi tới chỗ nhất định cắt viện trợ, Thiệu đành chấp nhận kế hoạch của Hưng, "đi vay viện trợ". Đại sứ Martin sẵn sàng làm bất cứ gì cho Việt Nam Cộng hòa kể cả chương trình đi vay này. Theo Hưng, bất cứ người nào trong hàng ngũ lãnh đạo hồi đó cũng phải cảm phục sự cống hiến và lòng tận tâm của vị đại sứ này trong công cuộc cứu vãn nước Việt Nam tự do. Ngoài uy tín của Hoa Kỳ tại xứ này, còn có những cảm tình cá nhân trong sự cống hiến đó nữa. Người con trai nuôi của Martin, một phi công trục thăng tên Glen, đã chết ở Việt Nam khi máy bay của anh bị rớt. Cũng như hàng triệu dân Mỹ có thân quyến phục vụ tại Việt Nam, Martin nhất định không tin rằng cái chết của con mình đã vô ích. Thiện cảm của Martin gợi cho người Việt nhớ đến tướng Jean de Lattre de Tassigny, tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp hồi xưa và quyết tâm của ông ta cứu vãn Đông Dương sau khi người con duy nhất, Trung úy Bernard de Lattre, đã bị Việt Minh giết hồi tháng Năm 1951 tại Ninh Bình. Việt Minh đã chặt đầu Bernard, buộc xác trên lưng trâu, rồi mang thả trâu về đơn vị của anh.[32]

Nỗ lực vận động vay viện trợ quân sự của Việt Nam Cộng hòa khởi sự ngày mồng 5-3-1975, trong

một phiên họp giữa Thiệu và dân biểu Steven Symms (CH-Idaho). Symms là một người trong số rất ít dân biểu bảo thủ vẫn còn lắng nghe lập luận xin vay mượn của Việt Nam Cộng hòa. Được Martin mớm trước, nên ông ta đáp ứng tích cực. Symms hỏi: "Liệu Ngài có sẵn sàng trả, thí dụ mười phần trăm số tiền chuẩn chi đó không, nếu đào thấy dầu hỏa"?

Thiệu đáp: "Tiềm năng dầu hỏa ngoài khơi Việt Nam rất tốt; Hoa Kỳ có thể lấy đó làm thế chân". Để chứng thực sự cam kết của mình, Thiệu hứa sẽ yêu cầu Quốc hội Việt Nam Cộng hòa biểu quyết cam kết lấy dầu hỏa khai thác được trong tương lai làm khoản thế chân cho tín dụng. Hồi đó, giới chuyên viên của Việt Nam Cộng hòa ước tính lợi tức tương lai do dầu hỏa ngoài khơi mang lại sẽ vào khoảng một tỷ mỹ kim mỗi năm, căn cứ vào những kết luận kỹ thuật, tài chính và kinh tế của dự án "tiền khả thi" của công tác khoan mỏ dầu.

Nhưng giấc mơ về lợi tức dầu hỏa chỉ là một phần của huyền thoại, một phần của sự nhắm mắt trước thực tế, một thực tế đang chập chờn như bóng mặt trời sắp khuất. Chắc chắn sẽ có cái gì xẩy ra để cứu vãn Việt Nam. Người ta quay về với huyền thoại, giải thích những việc xẩy ra như bại trận, cắt viện trợ, ném bom nhầm, đều không phải là những biến cố trần tục, mà là những điểm gỡ tượng trưng cho sự liên kết nào đó của những lực lượng trong vũ trụ có

mục đích trừng phạt dân tộc Việt Nam về một tội lỗi nào đó trong lịch sử?

Có thể là Trời đang trừng phạt dân tộc Việt ở miền Nam vì đã hủy diệt dân tộc Chàm chăng? Dân tộc này đã thịnh vượng trù phú tại miền Nam này từ khoảng năm 200 sau Công Nguyên cho tới khi bị người Việt chinh phục.

Trong gần năm trăm năm, từ 982 đến 1471, người Việt đã chiến tranh liên miên với dân Chàm, để rồi tiêu diệt họ.

Khi Đà Nẵng thất thủ, Hưng ngồi lắng nghe đồng nghiệp của anh kể lại sự tích và số phận của dân Chàm; và trong một phút tuyệt vọng, yếu đuối, mỗi người tự hỏi không biết có phải Trời đang trừng phạt nhân dân miền Nam về cái tội lỗi tập thể đó hay không?[33] Đâu có ai biết được rằng trong giờ phút đó, ở tận phương xa, còn có kẻ đang rền rĩ than vãn: "Tại sao họ không chết lẹ đi cho rồi"?[34]

chương XX
những mật điện cuối cùng

Sau bài diễn văn của Tổng Thống Ford, Thiệu ra chỉ thị cho tân Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn thành lập một "nội các chiến tranh" với tính chất đoàn kết dân tộc bao gồm các lãnh tụ đối lập, tôn giáo và lao động. Thiệu muốn trao nhiều quyền cho nội các này với những nhân vật mới; ông Cẩn được bổ nhiệm thay thế ông Khiêm ngày 5 tháng 4. Ông Khiêm đã làm Thủ tướng từ 1969 và vừa từ chức, giữa lúc tình hình đang sôi động. Ông Cẩn trước đó là Chủ tịch Hạ viện, là người miền Nam trung thành với ông Thiệu, nổi danh là người hiền lành và biết điều trong giới chính trị Sài Gòn nhưng không được ngoại quốc biết tới.[1] Ông Cẩn mời Hưng ở lại làm việc trong chính phủ mới với nguyên chức vụ nhưng với nhiều trọng trách hơn.

Ngày 11 tháng 4, Cẩn bắt đầu tiếp xúc với các nhân vật Sài Gòn ở nhà riêng để thành lập nội các. Cẩn bàn đến việc tổ chức lại Sài Gòn để giải quyết

vấn đề dân tỵ nạn và để phòng trường hợp Cộng sản tấn công. Những toán khủng bố Cộng sản đã trà trộn trong đám dân tỵ nạn xâm nhập Sài Gòn để phá hoại và ám sát viên chức chính quyền. Trong lúc nghỉ giải lao, ông tân thủ tướng mời Hưng vào phòng riêng để hỏi về vấn đề mượn tiền Mỹ trong chương trình "Vay Viện trợ"; Hưng trả lời: "Như Thủ tướng biết, Tổng Thống Ford đã tự ý đưa ra ngày 19 tháng tư là hạn chót để Quốc hội dứt khoát về Việt Nam. Tôi chắc Quốc hội Hoa Kỳ sẽ bỏ phiếu chống việc viện trợ thêm! Vậy ta phải đề phòng trước vì ảnh hưởng tinh thần của nó sẽ không phải là nhỏ. Tối thiểu, ta có thể đưa ra một đề nghị khác để Quốc hội hoãn vấn đề biểu quyết viện trợ".

Nội các mới đồng ý xuất hiện trên đài truyền hình để trình bầy những biện pháp cung cấp thực phẩm và giữ gìn an ninh cho dân Sài Gòn. Đó là một nỗ lực để gây tinh thần và trấn an dân chúng. Nhưng trước khi lên đài truyền hình, Cẩn lại nói riêng với Hưng rằng rất khó có thể trấn an dân chúng được! "Người Hoa Kỳ đã công khai bắt đầu xây bãi đáp trực thăng ở trên những nóc cao ốc; như vậy dân chúng đã thấy rõ ràng là họ chuẩn bị ra đi rồi. Nếu dân thấy Mỹ đi thì làm sao mà trấn an được"? Hưng nói nếu tình hình quá trầm trọng, ta cũng có thể nghĩ đến chuyện di tản ra đảo Phú Quốc và những đảo lân cận, ưu tiên dành cho quân nhân, cảnh sát, công chức và gia đình, ít nhất cũng đến hai triệu người.

Buổi họp kéo dài đến đêm, và tái nhóm vào ngày nghỉ cuối tuần. Ngày thứ Hai, 14 tháng 4, tân thủ tướng trình diện nội các lên Tổng Thống. Trong suốt buổi lễ, ông Thiệu tỏ ra nghiêm nghị và căng thẳng, vẻ mặt xanh xao, dường như những biến cố vừa qua đã thu hút hết nghị lực của ông. Cộng sản đã tiến gần đến Phan Rang, nơi sinh trưởng của Thiệu. Thông thường, lễ trình diện nội các như vậy phải chấm dứt bằng một bữa tiệc do Tổng Thống khoản đãi; nhưng lần này, không khí có vẻ nặng nề và ông Thiệu quay về văn phòng ngay sau buổi lễ. Thiệu có dặn Hưng là vô gặp ông ngay sau đó. Ông Thiệu đưa Hưng xem một công điện đề ngày 14 tháng 4 do Ngoại trưởng Bắc gởi từ Luân Đôn về. Bắc vừa ở Saudi Arabia về Luân Đôn. Chuyến đi của ông có mục đích xin quốc vương Khalid vừa kế vị vua Faisal, đồng ý cho Việt Nam Cộng hòa vay tiền như phụ vương của ông đã hứa trước khi bị hạ sát.

Bắc cho biết Khalid đã thuận cho Việt Nam Cộng hòa vay tiền thẳng hoặc bảo đảm để Hoa Kỳ tiếp tục viện trợ quân sự.

Thiệu e ngại rằng Quốc hội Hoa Kỳ sẽ bỏ phiếu chống số viện trợ 722 triệu cho Việt Nam, và phải tìm cách để trì hoãn việc này. Hưng nghĩ rằng việc thương thuyết mượn tiền của Saudi phải cần có thời gian ít ra cũng bốn tháng, cho nên lúc này, ông Thiệu phải xúc tiến ngay kế hoạch "vay viện trợ" để tránh cái quyết định "không" của quốc hội Hoa Kỳ

vào ngày 19 tới. Hưng đề nghị Việt Nam Cộng hòa nên thương thuyết với Hoa Kỳ để vay tiền và dùng ngân khoản của Saudi làm tiền thế chân. "Trong tình trạng chống đối ở Hoa Kỳ hiện nay, ta có thể nói với người Mỹ là chỉ mượn tiền của họ thay vì viện trợ để họ khỏi tiếp tục bỏ phiếu "không"... Ta cũng cần phải làm một cái gì để giữ vững tinh thần quân dân của ta ở đây nữa".

Thiệu chỉ thị cho Hưng thảo ngay một lá thư gởi cho Tổng thống Ford đề nghị vay 3 tỷ trong khuôn khổ "vay viện trợ", chia ra mỗi năm 1 tỷ, và Hưng sẽ phải lên đường đi Washington ngay để cho kịp thời.

Nhiệm vụ của Hưng là tìm cách trì hoãn việc bỏ phiếu của Quốc hội ngày 19 tới và đề nghị vay tiền. Thiệu dặn dò "Nếu Quốc hội bỏ phiếu không viện trợ cho VNCH nữa thì sẽ làm cho quân đội ta bỏ súng ngay. "Vay viện trợ" là cử chỉ cuối cùng của Hoa Kỳ trước khi họ bỏ rơi mình".

Cùng lúc đó thì tại Washington ngày 14 tháng 4, Ủy ban Ngoại giao Thượng viện đã yêu cầu gặp Tổng Thống Ford "để thảo luận về tình hình Đông Nam Á". Đây là sự việc hạn hữu ít khi xảy ra. Phía hành pháp có Ford, Kissinger và Scowcroft (cố vấn an ninh) tham dự. Buổi họp diễn ra trong bầu không khí nghiêm trọng. Theo ông Ford, ý định của các thượng nghị sĩ đã rõ ràng: "Chúng tôi bằng lòng chấp thuận một ngân khoản lớn để di tản, nhưng viện trợ quân sự thì một cắc bạc cũng không. Nghị-sĩ Frank

Church cho rằng Hoa Kỳ sẽ bị rắc rối lớn nếu định di tản tất cả người Việt thân Mỹ sang Hoa Kỳ. Nghị sĩ Joseph Biden tuyên bố: "Tôi sẽ bỏ phiếu thuận để cấp bất cứ ngân khoản nào cho việc di tản người Mỹ ra khỏi Việt Nam, nhưng tôi không muốn số tiền đó dính líu đến việc di tản người Việt".[2]

Về tới văn phòng. Hưng cùng người phụ tá, Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng, soạn lá thư của ông Thiệu định gởi cho Ford. Trước khi đưa cho người thư ký đánh máy, Hưng bắt cô ta thề không tiết lộ việc này. Lá thư đó đọc như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Những biến cố gần đây đã làm tình hình miền Nam Việt Nam nghiêm trọng bội phần. Mặc dù chúng tôi đã rút về một phòng tuyến khả dĩ có thể phòng thủ cả về quân sự lẫn kinh tế, chúng tôi vẫn phải đương đầu với địch quân đang gia tăng quân số và võ khí tối tân. Trong khi Cộng sản đang tập trung ở ngay trước ngưỡng của của vùng châu thổ miền Nam, quân dân VNCH đã sẵn sàng và chuẩn bị mang toàn lực chiến đấu để bảo vệ lãnh thổ và tự do. Muốn làm được như vậy, chúng tôi rất cần phương tiện để chiến đấu, nhất là vũ khí và đạn dược.

Vì vậy, chúng tôi nhiệt liệt cảm tạ nỗ lực của Ngài đang kêu gọi Quốc hội Hoa Kỳ cấp thêm viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, viện trợ quân sự đã trở thành một vấn đề khó khăn của chính phủ Hoa Kỳ trước công luận và có thể bị Quốc hội bác bỏ.

Sự kiện này sẽ có ảnh hưởng khốc hại đến tinh thần quân sĩ của chúng tôi trước trận chiến lịch sử. Chúng tôi không muốn việc này xảy ra.

Chúng tôi ghi ơn tất cả những hy sinh xương máu và vật chất của nhân dân Hoa Kỳ trong quá khứ để bảo vệ miền Nam Việt Nam tự do. Chúng tôi hoàn toàn thông cảm với các nhà lập pháp khi họ phải đương đầu với những vấn đề chính trị và những mối quan tâm của họ trong khi cứu xét viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hòa. Trong trường hợp bất khả kháng, chúng tôi xin trình Ngài một giải pháp khác như sau đây.

Tôi trân trọng thỉnh cầu Ngài kêu gọi Quốc hội cho Việt Nam Cộng hòa vay dài hạn 3 tỷ MK, chia làm ba năm, lãi xuất do Quốc hội ấn định, và xin triển hạn 10 năm trước khi trả vốn và lời. Tài nguyên dầu hỏa và canh nông của Việt Nam Cộng hòa sẽ dùng làm tiền thế chân cho món nợ này. Món nợ giúp chúng tôi chống xâm lăng và cho chúng tôi cơ hội để tồn tại như một quốc gia tự do.

Chúng tôi kêu gọi lương tri và lòng trắc ẩn của nhân dân Hoa Kỳ hãy nghĩ đến một quốc gia đồng minh trung thành trong hai mươi năm sóng gió vừa qua, một dân tộc đã chịu rất nhiều hy sinh thống khổ để dành một cõi sống tự do. Một dân tộc như vậy rất đáng được thiện cảm và giúp đỡ.

Trong giờ phút khẩn cấp này, tôi xin Ngài kêu gọi Quốc hội Hoa Kỳ hãy cứu xét ngay lời yêu cầu của

Việt Nam Cộng hòa. Đây là một hành động cuối cùng của chúng tôi kêu gọi sự giúp đỡ của Hoa Kỳ như một nước đồng minh.

Trân trọng

(kt) Nguyễn Văn Thiệu

Ý định của Hưng là mang bản thảo của lá thư sang Washington để dò dẫm xem sao rồi đánh điện về Sài Gòn để ông Thiệu gởi lá thư đó cho Tổng Thống Ford qua Đại sứ Martin.

Đêm đó khi ở Dinh Độc Lập về, Hưng gọi điện thoại cho Đại sứ Martin để nói cho ông hay về chuyến đi của anh và việc ông Thiệu muốn vận động để hoãn việc bỏ phiếu ở Quốc hội bằng cách đưa ra một đề nghị mới là "vay viện trợ". Hưng cần Martin giúp. Anh hỏi Martin xem có cơ hội may mắn gì không. Martin trả lời: "May ra", nhưng dù ông ta có từ tốn khoan thai đến mấy cũng không dấu nỗi vẻ thiếu nhiệt thành và nghi ngờ của ông. Sau lời chúc Hưng thượng lộ bình an, Martin nói tiếp: "Nhân tiện tôi muốn hỏi ông, bao giờ thì Tổng thống của ông từ chức"... Hưng ngạc nhiên, tự hỏi tại sao ông Đại sứ lại bất chợt hỏi anh câu hỏi chết người này giữa lúc tình thế như vậy. Hưng đáp lại là anh không hiểu ông Đại sứ muốn nói gì cả. Hưng để ý đây là lần đầu tiên Martin dùng từ ngữ "Tổng thống của anh" thay vì "Tổng thống" hay "Tổng thống Thiệu" như mọi khi ông vẫn dùng. Hưng viết phúc trình ngay cho Thiệu về câu hỏi trớ trêu này của Martin. Sau đó, vì

quá mệt mỏi, anh phải lấy mấy viên thuốc ngủ ra uống, cố gắng nhằm mắt vài giờ đồng hồ trước khi chuẩn bị lên đường.

*
* *

Hưng được một số bạn đồng liêu trong nội các ra phi trường tiễn biệt. Lúc đó là 1 giờ 30 chiều ngày thứ tư 15 tháng 4, và là buổi sáng tinh sương cùng ngày ở Washington. Hưng có nhiệm vụ là phải hoàn tất sứ mạng trước ngày 19 tháng 4, là hạn chót Tổng Thống Ford muốn Quốc hội có thái độ về viện trợ cho Việt Nam. Anh chỉ có hai giờ đồng hồ để bàn giao cho một Tổng trưởng khác kiêm nhiệm chức vụ của anh ở trong hội đồng nội các mới. Các bạn bè từ biệt anh ở dưới chân chiếc Boeing 747 của hãng Pan American. Anh cảm thấy bất trắc, bối rối, và lòng buồn vô kể. Từ mấy ngày nay đài BBC và tiếng nói Hoa Kỳ đều loan tin về vụ cắt viện trợ và tiên đoán miền Nam sẽ sụp đổ chỉ trong vài ngày tới đây. Những người cận vệ của anh trông thật là buồn bã, nước mắt quanh tròng khiến anh cũng không thể cầm lòng được nữa. Chưa bao giờ anh nghĩ rằng Cộng sản lại có thể diễn binh ở Sài Gòn trong khi anh đang ở Washington. Anh nghĩ, nếu đường cùng thì Việt Nam Cộng hòa sẽ thương thuyết với Hà Nội để hoặc cắt đất, hoặc khi tuyệt vọng thì sẽ thành lập chính phủ liên hiệp với Cộng sản miền Nam và như vậy, có thể sẽ mất nhưng cũng một vài năm sau: Nếu

để Cộng sản kéo quân vào Sài Gòn với xe tăng của Nga, thì Hoa Kỳ sẽ mất hết thể diện trước quốc tế! Tất cả kế hoạch triệt thoái của Hoa Kỳ là để bảo vệ danh dự của họ. Việt Nam Cộng hòa không thể nào hiểu nổi tại sao Ford và Kissinger lại có thể để cho Hoa Kỳ bị nhục nhã đến thế. Ông Thiệu thường nói: "Vuốt mặt phải nể mũi, cho dầu Cộng sản có làm gì đi chăng nữa thì chúng cũng còn phải nể mặt Hoa Kỳ đôi chút".

Sau khi Hưng đi rồi, Thiệu mời Đại sứ Martin vào Dinh Độc Lập để nhờ ông yểm trợ cho chuyến đi của Hưng. Martin thông cảm và đánh điện ngay cho Kissinger:

"*Tôi báo cáo để Ngoại trưởng biết rằng ông Thiệu đề nghị nếu việc xin thêm 722 triệu quân viện có* thể *bị Quốc* hội *bác* bỏ, ta *nên* tìm *cách hoãn ngày bỏ phiếu lại. Mặc dầu ông Thiệu không muốn nói ra* nhưng *rõ* ràng *rằng cả ông ta lẫn tất cả mọi người khác đều không* biết *rồi sự việc sẽ* ra *sao (*nếu *Quốc* hội *bỏ phiếu chống)"?*

Mặc dầu không nói cho Martin hoặc tất cả những cộng sự viên thân cận của ông biết, ông Thiệu đã có một kế hoạch khẩn cấp.[3] Ông tin rằng vẫn còn có thể giữ được miền Tây nếu được Mỹ tiếp tục viện trợ. Theo kế hoạch đó, ông sẽ để một sư đoàn ở lại Sài Gòn cầm chân Cộng sản rồi rút toàn thể lực lượng và chính phủ về Vùng 4 Chiến Thuật. Tuyến đầu sẽ là Bến Lức ở phía Nam Sài Gòn và như vậy thì cái

"đầu bé" đã mất rồi, chỉ còn lại cái "đít to" là hy vọng cuối cùng. Nếu Thiệu giữ được miền châu thổ này thì Việt Nam Cộng hòa vẫn giữ được đa số dân cư và mảnh đất phì nhiêu nhất của miền Nam. (Xem bản đồ ở đầu sách)

Hưng biết được ý định chiến lược của Thiệu nhưng anh cũng biết rằng không thể nào thi hành được chiến lược đó nếu không có sự cam kết viện trợ quân sự của Hoa Kỳ. Anh than thở với một người bạn Mỹ: "Chúng tôi đang ở cảnh huống thật đau khổ. Tôi đã biết thừa câu châm ngôn của Hoa Kỳ: "Ai chi tiền thì người ấy chỉ huy". Không những viện trợ hết, tất cả những thể thức và biện pháp du di sổ sách ở Bộ Quốc phòng cũng không còn hiệu nghiệm nữa. Quốc hội lại còn cấm không được dùng tiền viện trợ để trả lương lính và cảnh sát; tiền Việt Nam do việc bán đồ nhập cảng của quỹ viện trợ Mỹ chỉ còn được dùng để trợ cấp dân tỵ nạn mà thôi. Như vậy là hết mọi lỗ thở, tất cả đã bị bóp nghẹt.

Từ ngày về nước làm việc, Hưng đã được các bạn đồng nghiệp, bạn bè, và chính trị gia ở Sài Gòn cho hay tất cả mọi việc kể cả việc bầu cử Tổng Thống, thăng chức một cấp tướng, lập một thứ thuế mới, hay hạ giá hối xuất của đồng bạc Việt Nam, đều phải được Mỹ gật đầu. Một chiếc cầu ở dưới vùng đồng bằng Cửu Long mang cái tên mỉa mai là cầu Mỹ Thuận; không biết vì lý do gì, về kỹ thuật hay ngân khoản mà nó không bao giờ được hoàn thành

cả, trông thật chướng mắt. Các viên chức ở bộ Công chánh nói đùa là mặc dầu cây cầu mang tên Mỹ Thuận nhưng Mỹ không bao giờ chấp thuận dự án làm cái cầu này cả.

Chưa bao giờ Hưng cảm thấy tủi nhục về vấn đề phải lệ thuộc vào Mỹ như bây giờ. Vừa bước vào trong lòng chiếc máy bay, anh cảm thấy băn khoăn vô cùng. Anh tự hỏi: "Phải vận động ra sao để Quốc hội Hoa Kỳ đừng giáng nhát búa cuối cùng xuống nước mình"? Nguồn hy vọng độc nhất của anh là tập thư của Nixon và Ford mà anh mang đi theo. Mặc dầu ông Thiệu miễn cưỡng trong việc tiết lộ những lá thư này với anh, nhưng anh quyết định sẽ dùng đến nó khi tới Washington vì chẳng còn gì khác nữa. Anh hy vọng rằng khi những lời hứa bí mật của Nixon và Ford được mọi người biết đến thì may ra có chút hy vọng, dựa trên cái đức tính căn bản về công bình (fairness) và sòng phẳng của người Hoa Kỳ. Thiệu nói với Hưng rằng tiền cho vay trong khuôn khổ "vay viện trợ" sẽ là cử chỉ cuối cùng của Mỹ đối với một người tình xưa.

Lên máy bay, Hưng cất tập hồ sơ mật trong cặp da Samsonite và ngồi đè lên trên ghế máy bay. Cô chiêu đãi viên hàng không tới đòi cất chiếc cặp đó lên trên chỗ dành cho hành khách, nhưng Hưng nhất định không chịu. Cuối cùng, Hưng bằng lòng để xuống sàn và lấy chân đè lên.

Anh nôn nao khi chiếc máy bay bắt đầu chuyển

bánh để ra phi đạo. Chiếc máy bay gần như trống rỗng. Anh cảm thấy đau ê ẩm ở lồng ngực và chóng mặt. Bỗng nhiên anh thấy bàng hoàng và choáng váng như linh cảm thấy rằng anh sẽ không được trở lại quê hương nữa, bỏ lại ở đây mẹ già, anh chị em và đồng bào của anh. Anh cố ngoái ra cửa sổ máy bay để nhìn xuống Sài Gòn lần chót, thành phố xinh đẹp với bao nhiêu kỷ niệm của anh. Tại sao thành phố này lại có thể lọt vào tay Cộng sản được?

Như thông cảm với những suy tư của anh, chiếc máy bay lượn quanh Sài Gòn hai vòng. Hưng nhìn xuống nhà thờ Đức Bà ở công trường Kennedy. Anh còn nhớ vào mùa hè năm 1954, sau khi Điện Biên Phủ thất thủ, anh hướng dẫn ban thánh ca của người Công Giáo di cư đến ngôi thánh đường nguy nga hát lễ tạ ơn Thượng Đế cứu sống đoàn người tìm tự do. Hôm đó, là ngày đầu tiên anh đặt chân đến Sài Gòn sau khi chiếc tàu Pháp chở anh cặp bến. Anh còn nhớ cũng ở đây, năm 1955, anh run sợ biết mấy khi được chọn ra hát đơn ca trong đại thánh lễ đón tiếp Đức Hồng Y Spellman đến thăm Sài Gòn. Đức Hồng Y là người ủng hộ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và cuộc viếng thăm của Ngài dường như là để chứng tỏ cho giáo dân biết Hoa Kỳ thực sự ủng hộ T.T. Diệm.[4]

Dưới kia là sông Sài Gòn, mầu nâu đục, có những hàng cây cau, cây dừa xanh tô điểm cho thêm phần thơ mộng. Làm sao quên được những ngày nghỉ đi câu cá, câu tôm ở trên dòng sông đó? Dinh Độc Lập

thoáng qua ở đằng xa, và những biến cố dồn dập từ ba tháng nay hiện về rõ ràng trong óc anh. Chiếc máy bay lướt qua thành phố dọc con rạch Công Lý trên đường dẫn ra phi trường. Anh nghĩ tới một chương trình ưu tiên để khai thông con rạch bùn lầy nước đọng này trong năm tới và dùng nhà máy biến rác Sài Gòn thành phân bón do viện trợ anh vừa xin được của Hòa Lan. Rồi bỗng nhiên, anh thấy như có linh báo rằng chẳng còn mấy ngày nữa là Sài Gòn có thể bị tiêu hủy bởi pháo kích của địch. Đây là lần đầu tiên Sài Gòn có thể bị phi cơ oanh tạc vì phi trường Đà Nẵng vừa mất. Cũng lần đầu tiên anh vừa mới được biết tháng trước đây rằng Sài Gòn hoàn toàn không có hệ thống phòng không!

Hưng lục lọi giấy tờ trong cặp và lôi ra bản thảo tình hình quân sự mới đây. Theo bản báo cáo đó, quân miền Nam còn lại chừng 53.000 là số tàn quân của 6 sư đoàn bộ binh; trong khi quân BV ước lượng hơn 200.000, gồm 22 sư đoàn kể cả 6 sư đoàn trừ bị mới ném vào chiến trường miền Nam. Sau đó, anh lấy ra xem một bản báo cáo hàng ngày của tướng Quang trình ông Thiệu. Bản báo cáo đề ngày 12 tháng tư; đọc xong anh thấy sao ró rời rạc quá, không đúng với thực tế, gồm toàn những con số làm như thể quân ta đang thắng thế. Quang tham chiếu bản báo cáo của Bộ tổng tham mưu và trình rằng:

"– Quân khu 2

TK/ Bình thuận: địch tấn công Phan Thiết. Bạn: 9 tử thương và 20 bị thương. Địch: 600 chết.

– Quân khu 3.

TK/ Long Khánh: địch có chiến xa tấn công. Bạn 33 tử thương, 178 bị thương. Địch: 837 chết, 5 bị bắt. Ta thu 275 vũ khí và 12 chiến xa T-54 bị phá hủy".

Bản báo cáo chẳng có phần phân tích chiến lược, chiến thuật hay dự đoán, ước đoán gì cả. Nó chỉ là một thứ "sao y bổn chính" không hơn không kém.

*

* *

Chiếc phản lực cơ lướt nhẹ nhàng trên không phận biển Nam Hải và Hưng bắt đầu thiết kế tỉ mỉ chương trình làm việc khi đến Washington. Trước khi đi, anh đã yêu cầu Tổng trưởng Dân Vận đặc phái một người bạn anh là Nguyễn Ngọc Bích, Giám đốc Việt Tấn Xã đi theo để giúp anh chuẩn bị tài liệu kêu gọi lương tri Hoa Kỳ. Hai người bắt tay vào việc và chỉ mong máy bay chóng đáp xuống. Nhưng dù phải làm việc, anh thấy cuộc hành trình vẫn dường như kéo dài hơn mọi khi. Cuối cùng, Hưng ngủ thiếp đi trên vùng trời tối tăm và cô đơn của Thái bình dương. Anh chợt mơ thấy Sài Gòn đang bị tấn công bằng phi cơ F-5E mà chính anh đã dàn xếp với hãng Northrop để giao cho Việt Nam Cộng hòa trước Giáng Sinh 1974.

Máy bay đáp xuống phi cảng San Francisco sáng sớm ngày thứ tư 16 tháng tư. Mặc dầu anh đã sống

ở Hoa Kỳ hơn 15 năm, dạy ở các đại học Hoa Kỳ và đã hòa mình vào đời sống với xe cộ, nhà cửa, đồ ăn chớp nhoáng McDonald, siêu thị Safeway, thế mà bây giờ anh lại cảm thấy như bước chân vào một vùng đất xa lạ. Mọi người chung quanh anh vội vã lên xuống máy bay đi tìm xe buýt và taxi, chẳng ai để ý rằng Sài Gòn đang ở giờ phút ngắc ngoải. Chẳng ai thèm lưu tâm Việt Nam Cộng hòa còn có thể chống cự được bao ngày nữa. Một trận chiến mà Hoa Kỳ đã nhập cuộc trong hơn mười năm, sắp tàn cuộc và lùi vào quá khứ.

Hưng mang thông hành ngoại giao và được tháp tùng qua khu nhập cảnh và quan thuế dễ dàng. Nhân viên nhập cảnh chào anh một cách thân mật: "Xin chào ông và mong ông được thoải mái trong thời gian lưu lại Hoa Kỳ". Thế rồi ông nói tiếp: "Tình hình bên Việt Nam có vẻ không được sáng sủa lắm phải không"? Hưng nhìn ông và ngậm ngùi. Anh cảm ơn ông và chạy ngay ra sạp báo để xem những gì đã xẩy ra trong khi anh ở trên máy bay. Tin tức ở trang nhất nguy ngập vô cùng. Nhiều tỉnh miền Nam đã lọt vào tay Cộng sản, kể cả Phan Rang, nơi chôn nhau cắt rốn của ông Thiệu. Phan Rang cách Sài Gòn chừng 380km về phía Đông Bắc. Trước khi anh rời Việt Nam còn có hy vọng rằng có thể giữ được Phan Rang ít nhất một tháng nữa. Ở đó có phi trường lớn và 12 chiếc F-5E, với đầy đủ tiếp liệu và đạn dược.

Trong khi đợi máy bay đi Washington, Hưng mua

một chiếc radio nhỏ để nghe tin tức. Sau 20 phút nhạc Elvis Presley và Linda Ronstadt đến bản tường trình về buổi họp của Tổng Thống Ford với Hội các Nhà Báo Hoa Kỳ. Ford nói về những cam kết của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam. Thoạt đầu nghe có vẻ khích lệ. Ông nói: "Tôi nghĩ rằng Nga Xô đã giữ những cam kết của họ. Rất tiếc là ta đã không làm như vậy. Tôi không nghĩ ta có thể trách Nga Xô hay Trung Cộng về vụ này. Nếu chúng ta giữ những hứa hẹn của chúng ta đối với đồng minh thì tôi nghĩ thảm họa này đã không xẩy ra.

Hưng nhận ra rằng, Ford vẫn không thay đổi ý kiến, mặc dầu ông đã đọc ít nhất bốn lá thư của Nixon do anh nhờ tướng Weyand chuyển, và Von Marbcd đã cho anh hay là đọc xong "Ford rất cảm động". Nhưng bây giờ đã rõ, dù có cảm động, Ford cũng sẽ chỉ đánh võ miệng. Hy vọng dù mong manh của Hưng nay đã tan biến đi khi anh tiếp tục nghe buổi nói chuyện của Ford lúc bị nhà báo vặn hỏi về tính chất của những cam kết của Hoa Kỳ. Ông Ford không ngần ngại trả lời thẳng thừng rằng đó là những "cam kết về tinh thần chứ không phải pháp lý". Thế là ông ta đã ăn phải bả của Kissinger rồi.

Bản tin cũng cho hay Hoa Kỳ chỉ có thể cứu được 50 ngàn người tỵ nạn Việt Nam, trong khi chờ đợi Quốc hội cho nhập cảnh khoan hồng. Tin đó làm cho Hưng mệt mỏi hơn là chuyến bay qua Thái bình dương. Anh chưa bao giờ cảm thấy thất thế đến như

vậy. Anh nhận thấy ông Ford nói về vấn đề viện trợ quân sự một cách lờ mờ như chỉ là để lấy lệ. Thực sự, ông ta không tin tưởng và cũng không muốn vận động gì thêm. Có lẽ ông chỉ muốn xin viện trợ để cho Quốc hội bác đi rồi đẩy trách nhiệm hoàn toàn cho Quốc hội. Hưng đã nghe thấy tin đồn ông Ford sẽ ra tranh cử năm 1976 và muốn dứt khoát với chiến tranh Việt Nam để tránh cái của nợ chính trị đó.[5] Trống ngực đập mạnh, anh nhắm mắt lại và tự hỏi còn mấy ngày nữa thì Sài Gòn mất và quốc gia anh sẽ ra sao?

Hưng lên máy bay đi về Washington. Ngày trước, ở Washington, anh coi nó như một thành phố buồn, không có gì quan trọng đối với anh. Bây giờ hình ảnh Washington đã trở nên chuyên chế, huyền bí và hãi hùng. Đã bao năm ở Hoa Kỳ, mà anh vẫn chưa hiểu nổi hành động và phản ứng thiếu khôn ngoan, thiếu chung thủy của những ông bự ở Washington. Ngày hôm trước hứa hẹn đủ điều, ngày hôm sau đã thay đổi lòng dạ và không còn tha thiết nữa. Từ Eisenhower, Kennedy cho đến Johnson, tổng thống Hoa Kỳ nào cũng đã vẽ một tuyến của thế giới tự do ở tại VN. Nhưng nay thì họ lại cho rằng dính dáng vào Việt Nam là một nhầm lẫn to lớn. Nhìn thấy những gì đã xảy ra ở Việt Nam, bây giờ Hưng nghĩ anh sẵn sàng nói thẳng với Hoa Kỳ rằng: "Các ông không làm cho người đàn bà mang thai rồi cho đó là một nhầm lẫn và bỏ chạy. Các ông không nhúng tay

vào đất nước chúng tôi làm cho tán loạn, rồi nói là nhầm lẫn, và cuốn dù".

Trong lúc cùng đường, anh muốn loan báo chương trình vay tiền "Freedom Loan" trên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) để khích lệ quân dân bên nhà. Người bạn của anh, Lê Văn, đã sắp xếp giờ để phỏng vấn anh trên đài.

Hưng thức gần suốt đêm để chuẩn bị cho những gì anh sẽ nói. Sáng ngày 18 tháng 4, vừa lúc sửa soạn phát thanh thì Lê Văn đưa cho anh tin các hãng thông tấn đánh đi cho hay Ủy ban Quốc phòng Thượng viện vừa bỏ phiếu chống việc tăng quân viện cho Việt Nam Cộng hòa! Ủy ban Bang giao Quốc tế cũng vừa chấp thuận dự luật cho quyền Tổng Thống Ford xử dụng quân đội Hoa Kỳ để *di tản người Mỹ* ra khỏi Việt Nam.

Thế là kế hoạch của Hưng tan ra mây khói. Không còn ai để kêu cứu nữa. Ông Ford đã quyết định bỏ Việt Nam. Henry Kissinger tuyên bố: "Cuộc bàn cãi về Việt Nam nay đã chấm dứt. Ngành hành pháp Hoa Kỳ đã chấp nhận bản án của Quốc hội, không hiềm thù, không biện minh và cũng không kháng cáo". Mối lo ngại của Hoa Kỳ bây giờ là vấn đề di tản. Tổng Thống Ford bổ nhiệm Dean Brown thuộc Bộ Ngoại giao đứng đầu Lực lượng Đặc nhiệm Di tản.

Ngày 17 tháng 4, Kissinger gởi công điện *tối mật* cho Đại sứ Martin ra lệnh xúc tiến ngay việc di tản người Mỹ ra khỏi Sài Gòn.

Công điện đó đọc như sau:

Người nhận: Martin

Độ mật: Tối mật, xem xong hủy liền.

Ủy ban Liên bộ vừa duyệt xét xong tình hình miền Nam Việt Nam. Báo tin cho Đại sứ hay rằng hầu như chẳng có ai muốn di tản người Việt Nam cả, và quan điểm chung của các giới quân sự Bộ Quốc Phòng, và CIA là phải đi ra thật mau và ngay bây giờ. *Nhiệm vụ của chúng ta – ông và tôi – lúc này là tránh đừng để sự hoảng hốt xảy ra cả ở Sài Gòn lẫn Washington, và tôi biết ông hiểu rõ điều này hơn ai hết...*

Tôi yêu cầu Đại sứ thi hành ngay và Bộ sẽ làm tất cả những gì có thể làm được để yểm trợ. Đại sứ sẽ nhận được một công điện nữa theo đường giây thông thường để xác nhận công điện này cùng một số những câu hỏi và chỉ thị liên quan đến vấn đề di tản.

Kissinger

Như vậy, chỉ thị tối cao đã rõ: không di tản người Việt Nam, mà chỉ rút số nhân viên Hoa Kỳ ra khỏi Sài Gòn gấp (Ai trong chúng ta di tản được thực đã do số mệnh run rủi.)

*

* *

Ở Sài Gòn, Đại sứ Martin nhận được công điện nhưng vẫn chưa chịu thua cuộc. Đêm hôm đó (17/4), ông gởi cho Kissinger một công điện mật theo hệ thống đặc biệt về Toà Bạch Ốc. Bản công điện này quan trọng và mật đến độ Martin phải đánh máy lấy

và giao thẳng cho nhân viên mật mã. Martin trình bầy kế hoạch ngăn chận khủng hoảng ở Sài Gòn và nêu lên một vài chi tiết về tương lai của ông Thiệu:

… Nếu Quốc Hội bỏ phiếu khước từ việc tăng ngân khoản cho Việt Nam, thì tôi hy vọng rằng cả ông và Tổng Thống Ford sẽ bình tĩnh tuyên bố rằng Hành pháp sẽ ra sức tranh đấu cho ngân khoản năm 1976. Nghe có vẻ không thực tế, nhưng ảnh hưởng việc đó không phải là nhỏ ở đây... Điều tối quan trọng là Washington đừng hoảng hốt... Lệnh di tản (người Mỹ) bất chợt có thể gây bạo động ở Sài Gòn... Nếu không giữ bình tĩnh và vội vàng đưa Thủy quân lục chiến vào đây thì (việc di tản) có thể gây sự nổi giận với kết quả không lường được.

… Quân đội Việt Nam Cộng hòa còn có thể chận các ngả tiến quân (của Cộng sản) vào Sài Gòn trong một thời gian; và tôi không nghĩ rằng Hà Nội muốn tấn công dữ dội ngay vào Sài Gòn vì nhiều lý do... Phần lớn những người Mỹ nào có thái độ hoảng hốt thì đã được di tản rồi, và những ai còn ở lại đây đều rất bình tĩnh và can đảm.

Tôi nhắc lại lần nữa là sẽ có náo động lớn nếu gởi quân đội Mỹ vào Sài Gòn (để di tản), ngoại trừ một số ít và không quá lộ liễu. Tất cả những tin tức nhận được đều xác nhận điều này. Người Việt Nam sẽ cho rằng HK mang Thủy Quân Lục Chiến vào để di tản người Mỹ và mặc kệ số phận người Việt ở đây. Đó là một hành động phản bội trắng trợn của Hoa Kỳ, và họ

sẽ có phản ứng mạnh. Cứ để như tình trạng hiện tại, chúng tôi sẽ gây được cảm tình với người Việt Nam vì họ cho rằng người Mỹ còn ở lại đây cũng chịu chung số phận với họ...

Martin vẫn còn hy vọng có thể thương thuyết với Bắc Việt để đi đến một giải pháp cuối cùng. Nhưng ông ta nghĩ rằng nếu muốn được như thế thì Thiệu phải rút lui. Martin còn nghĩ rằng ở Sài Gòn, cựu đại sứ Bùi Diễm và tướng Trần Văn Đôn, người vừa được cử làm Tổng trưởng Quốc phòng trong nội các mới, lại đang muốn thương thuyết với Bắc Việt được xúc tiến ngay. Martin nói ông có thể gặp Diễm và Đôn để bàn chuyện này. Ông đề nghị với Kissinger để ông thuyết phục ông Thiệu từ chức. Martin tiếp tục công điện tối mật:

Tôi vẫn có thể nói với ông Bùi Diễm và tướng Trần Văn Đôn rằng việc thay đổi nhân sự là việc làm của họ, nhưng tôi nhận thấy vấn đề thương thuyết không thể tiến hành được nếu Thiệu còn ngồi đây. Nếu được Washington cho phép tôi sẽ cố gắng thuyết phục Thiệu và cho ông ta biết rõ rằng đây chỉ là ý kiến cá nhân của tôi với tư cách là một người bạn chân thật. Sau khi suy nghĩ mọi đàng tôi đi đến kết luận là chỗ đứng của ông ta trong lịch sử sẽ được bảo đảm hơn nếu xét tất cả những gì ông ta đã làm cho đất nước này. Nếu ông ta không chịu mà cố tham quyền cố vị, thì cơ hội cuối cùng để cứu vãn miền Nam Việt Nam, như một quốc gia còn chút tự do, sẽ không còn nữa.

Tôi sẽ cho ông Thiệu rõ tôi đã đi đến một kết luận vô tư là nếu ông ta không chịu xuống thì các tướng lãnh dưới quyền ông sẽ bắt buộc ông làm điều này. Có một cách rút lui êm đẹp và trang trọng nhất là tự ý ông từ chức, và nói cho đồng bào của ông biết rằng ông phải làm như vậy để bảo vệ hiến pháp và để chính phủ kế vị có thể dễ dàng điều đình cứu vãn nước Việt Nam tự do. Đó là hành động của một người vô cùng can đảm đã để quyền lợi quốc gia lên trên hết. Tôi sẽ cố nói cho ông ta biết rằng đây là thiển ý của tôi chứ không phải của ông Bộ trưởng Ngoại giao hay Tổng Thống Hoa Kỳ; và tôi cho rằng những vị này vẫn một lòng ủng hộ chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng hòa.

Đây là công điện tôi tự đánh máy lấy, không có bản sao, ngoại trừ hồ sơ ở Washington. Tôi tin rằng Thiệu sẽ nghe lời tôi. Tôi biết như vậy vì Thiệu tin những điều tôi nói là sự thực, và ông ta biết những điều tôi nói từ trước đến nay đều thành sự thực.

Đồng thời tôi cũng nghĩ rằng chúng ta phải trả một giá nhỏ cho sự hòa hoãn này. May ra ta có thể thuyết phục Nga Xô và Trung Cộng vì quyền lợi của họ trong sự giao thiệp với Hoa Kỳ trong tương lai, nên ngăn cản Hà Nội đừng vội vào Sài Gòn và tiếp tục con đường thương thuyết với miền Nam.

Có một điều tôi cam đoan chắc chắn là nếu đưa quân đội Hoa Kỳ vào đây (để lo di tản người Mỹ) trong tình hình hiện tại, thì họ sẽ phải chiến đấu với quân dân miền Nam để tìm đường chạy ra. Nếu ta

hành động một cách bình tĩnh thì ta có thể rút khỏi một cách êm đẹp – tôi nhắc lại – sẽ không làm một lỗi lầm ghê gớm nữa trong trăm ngàn lỗi lầm người Mỹ đã làm ở Việt Nam và về vấn đề Việt Nam. Trân trọng. Martin.

Kissinger gởi ngay công điện trả lời Martin cùng ngày:

"*Tôi đã bàn với Tổng Thống về công điện Sài Gòn 710 của Đại sứ. Không có gì trở ngại trong đề nghị ông nêu lên ở đoạn 9. Ông sẽ nhận được báo cáo đầy đủ của Ủy ban Đặc Nhiệm Washington (WSAG) hôm nay với những chỉ thị cần thiết để giải quyết một số vấn đề liên hệ*".

Kissinger và Ford đã chấp thuận để Đại sứ Martin thuyết phục ông Thiệu từ chức.[6] Còn Ủy ban Đặc nhiệm sẽ phụ trách việc di tản người Hoa Kỳ ra khỏi Sài Gòn.

*

* *

Hôm đó là ngày nghỉ cuối tuần. Những hạt mưa cuối Xuân đầu Hè tiếp tục rơi trên các đường phố Washington. Từng toán khách du lịch vẫn còn đổ ra phía bờ hồ để xem một vài cụm hoa anh đào còn sót lại; không ai biết đến những âm mưu bí mật trong những công điện đang xẹt qua, xẹt lại giữa Washington và Sài Gòn. Buổi chiều chủ nhật, ngày 20 tháng tư, Martin đã đến gặp ông Thiệu "với tư cách một người bạn" và ông đã lập lại những điều

nói trong bức mật điện kia. Theo Đại tá Cầm, Chánh Văn Phòng Tổng Thống, Martin đã đưa cho ông Thiệu xem những bản đồ về tình hình quân sự rất bi quan do CIA soạn để khuyến dụ ông Thiệu.[7]

Thiệu hỏi Martin: "Nếu tôi từ chức thì liệu viện trợ Mỹ có đến không"?

Martin trả lời: "Tôi không dám hứa chắc nhưng cũng có thể".[8]

Trước khi ông Đại sứ ra về, Thiệu hứa: "Tôi sẽ làm điều gì có lợi nhất cho nước tôi".

Thế rồi, thay vì đợi các tướng lãnh đến để yêu cầu ông từ chức, Thiệu mời họ đến Dinh Độc Lập ngày hôm sau. Trong buổi họp, Thiệu kể lại cho họ những gì Đại sứ Martin đã nói với ông. Thiệu nói nếu các tướng lãnh cho ông là một chướng ngại vật cho hòa bình của đất nước thì ông sẽ từ chức. Thiệu kể lại rằng không có ai nói một lời và như vậy là đã rõ là họ không muốn ông ngồi lại ghế tổng thống nữa. Giữa lúc đó Thiệu tuyên bố từ chức và để Phó Tổng Thống Trần Văn Hương lên nắm quyền Tổng Thống. Tướng Cao Văn Viên theo Thiệu về văn phòng, nước mắt chảy quanh và nói: "Thưa Tổng Thống, tôi không bao giờ nghĩ sẽ có ngày hôm nay".

Mọi việc dàn xếp vừa xong, Martin lại nhận được một mật điện khác do Kissinger đánh cho ông. Bây giờ Kissinger lại muốn hoãn việc Thiệu từ chức, có lẽ để dùng việc này làm một con cờ đánh Nga Xô và để lấy điểm là chính ông là người bắt Thiệu đi xuống.

Nhưng Martin không chịu chơi cái trò bỉ ổi ấy nữa. Đọc xong công điện, ông bực tức và gấp ngay nó lại. Martin kể: "Công điện đó được xếp ngay vào hồ sơ và tôi lờ đi, không thi hành".[9]

Thiệu chính thức từ chức ngày hôm sau. Trước đài truyền hình, ông đọc một bài diễn văn dài hơn ba giờ đồng hồ tuy rời rạc, thiếu mạch lạc, nhưng căng thẳng và xúc động. Nhiều người cho rằng đó là bài diễn văn hay nhất của Thiệu trong suốt mười năm trời chấp hành. Ông tuyên bố:

Người Mỹ đã bắt chúng ta làm một việc đội trời. Do đó, tôi có nói với họ: các ông bắt chúng tôi làm một việc mà các ông đã không làm nổi với nửa triệu binh hùng tướng mạnh và chi phí cả 300 tỷ mỹ kim trong sáu năm trời. Nếu tôi không nói rằng các ông đã bị Cộng sản đánh bại ở Việt Nam thì tôi cũng xin thưa rằng các ông cũng không thắng được họ. Nhưng các ông đã tìm được một lối tháo lui trong danh dự. Và bây giờ, khi quân đội chúng tôi thiếu súng ống, đạn dược, trực thăng, phi cơ, và B-52, các ông lại bắt chúng tôi làm một việc như lấp cạn bể Đông, tỉ như trường hợp các ông cho tôi 3 đồng bạc và bắt chúng tôi lấy vé máy bay hạng nhất, thuê phòng ngủ 30 đồng một ngày, ăn bốn năm miếng bít-tết và uống bảy tám ly rượu vang một ngày. Thật là chuyện phi lý.

Các ông để chiến sĩ của chúng tôi chết đuối dưới làn mưa đạn của địch. Đó là một hành động vô nhân đạo của một đồng minh vô nhân đạo. Đó là một lý do

tại sao, khi phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ đến đây, tôi nói với họ rằng đây không phải là vấn đề 300 triệu nữa mà là vấn đề Hoa Kỳ có còn giữ lời hứa giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong công cuộc bảo vệ nền độc lập và tự do của họ hay không. Chính vì lý tưởng tự do này mà người Hoa Kỳ đã chiến đấu sát cánh cùng chúng tôi và cũng vì đó mà 50 ngàn người Hoa Kỳ đã hy sinh xương máu ở đây.

Hoa Kỳ hãnh diện là một quốc gia bảo vệ đến cùng chánh nghĩa và lý tưởng tự do trên thế giới và sẽ ăn mừng lễ độc lập năm thứ 200 vào năm tới đây. Tôi hỏi họ rằng: Lời nói của Hoa Kỳ có giá trị gì không? Những cam kết của Hoa Kỳ có còn hiệu lực không? Ba trăm triệu không phải là món tiền lớn đối với các ông. So sánh với món tiền khổng lồ các ông chi phí vào đây trong mười năm qua, món tiền này chỉ đủ để các ông đánh trận trong mười ngày. Từ chối món tiền này, các ông còn muốn chúng tôi thắng Cộng sản hay ngăn chận làn sóng xâm lăng của Cộng sản – đó là công việc mà các ông đã không làm nổi trong suốt sáu năm trường với quân đội và chi phí khổng lồ của Hoa kỳ. Thật là phi lý!

*
* *

Sau khi được trao quyền Tổng Thống, Cụ Trần Văn Hương nói với Đại sứ Martin nên khuyên ông Thiệu ra ngoại quốc và dàn xếp giùm chuyến đi này. Martin đồng ý. Sau đó, cụ Hương gọi giây nói cho

Thiệu khuyên ông sớm rời khỏi Việt Nam để công việc của Cụ được dễ dàng hơn. Cụ Hương nói: "Nếu không, Cộng sản sẽ nói tôi đang điều khiển một chính phủ Thiệu, không có Thiệu". Để cho sự ra đi của Thiệu hợp pháp, ông Hương ký nghị định đề cử ông Thiệu làm Đặc sứ của VNCH đi Đài Bắc để phúng điếu Tổng Thống Tưởng Giới Thạch vừa từ trần ngày 5 tháng Tư.[10]

Theo chỉ thị của Đại sứ Martin, Thomas Polgar, trùm CIA ở Sài Gòn đứng ra sắp xếp chuyến đi của ông Thiệu. Thiệu nói với Polgar xin cho Thủ tướng Khiêm và một số cộng sự viên đi cùng. Chiếc máy bay DC6 dưới quyền xử dụng của Đại sứ Hoa Kỳ từ Thái Lan bay đến Sài Gòn trong đêm 25 tháng 4. Polgar và Tướng Charles Timmes gặp Thiệu và đoàn tùy tùng ở nhà ông Khiêm trong Bộ Tổng tham mưu. Polgar chuẩn bị ba chiếc công xa màu đen, tài xế đều của CIA.[11] Khiêm đã xếp đặt ở cổng Bộ Tổng tham mưu để cho những chiếc xe này vào không gặp khó khăn gì. Thiệu và những người đi theo, mỗi người chỉ được mang theo một hành lý xách tay.[12] Bà Thiệu và các con lúc đó đã đi trước rồi.

Trong khi Thiệu và đoàn tùy tùng nâng ly chia tay ở nhà Khiêm, Polgar chuẩn bị giấy tờ cho mọi người. Sau đó, họ lên xe đi thẳng ra phi trường. Đoàn xe lướt qua đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong của đồng minh với ba hàng chữ nổi bật trên bảng "Những hy sinh cao quí của các chiến sĩ Đồng minh sẽ không

bao giờ bị quên lãng." Thiệu ngồi giữa Polgar và Timmes ở ghế sau trong xe, như vậy, lính gác cổng chỉ nhìn thấy mặt người Hoa Kỳ khi xe đi ngang qua. Đoàn xe Hoa Kỳ chạy vút về phía sân bay của hãng Air America. Đại sứ Martin đã đợi sẵn ở đó để tiễn ông Thiệu lên máy bay. Dù trông buồn thảm và cam chịu số phận, ông Thiệu vẫn đi thủng thẳng, cố giữ phong độ. Ông quay lại cám ơn Martin đã dàn xếp chuyến đi này. Ông Đại sứ với một giọng xúc động đáp lễ: "Thưa Tổng Thống, đó là điều tối thiểu tôi có thể làm. Xin tạm biệt và chúc Ngài may mắn."[13]

Sau khi Thiệu lên đường, Martin và Polgar trở về, đến dự tiệc tiếp tân của phái đoàn Ba-lan trong Ủy ban Quốc tế Kiểm soát Đình-chiến, làm ra vẻ như không có gì xẩy ra. Hai giờ sau, Dinh Độc Lập thông báo ông Thiệu đã lên đường ra ngoại quốc.

Ngày 29 tháng 4, bà Anna Chennault tới Đài Loan, vì công việc riêng nhưng cũng mang theo lời nhắn nhủ của Ford đến cho Thiệu. Bà Chennault cho ông Thiệu biết là vì tình hình phản chiến ở đây, ông Thiệu không nên đến Hoa Kỳ lúc này. Ông nên đi nơi khác, nhưng gia đình ông thì có thể vào Hoa Kỳ được. Bà Chennault nói có thể dàn xếp để Thiệu đi đâu tùy ý. Ông Thiệu lạnh lùng nói với bà: "Làm kẻ thù của Hoa Kỳ thì dễ, nhưng làm bạn với họ thì thật là khó."[14]

chương XXI
ngàn trùng xa cách

Tin ông Thiệu ra đi đã khiến người ta đồn đại rằng ông đã mang theo mười sáu tấn vàng dự trữ của quốc gia, trị giá 120 triệu Mỹ kim. Thực ra, ý kiến chuyển vàng ra khỏi Sài Gòn tới chỗ an toàn đã xuất phát từ một buổi họp trong Dinh Độc Lập vào ngày mùng 1 tháng Tư, sau khi Đà Nẵng thất thủ. Tướng Cao Văn Viên cảnh cáo, "biện pháp duy nhất lúc này là xử dụng hỏa lực để chận đứng sự tiến quân của địch và để có một thời gian tổ chức lại hàng ngũ. Nếu không có được B-52, thì ta cần phải có ngay bom cụm (CBU, *Cluster Bomb Unit,* dân chúng thường gọi là "bom bi" LND.)"

Hưng đề nghị:"Hay là mình dùng số dự trữ của Ngân Hàng Quốc Gia, bằng vàng hay ngoại tệ, để mua đạn dược"? Không ai thảo luận thêm đề nghị này cho tới phiên họp nội các hàng tuần vào sáng thứ Tư, tức ngày hôm sau, mồng 2 tháng Tư. Trong phiên họp này, vụ mất Đà Nẵng và các hậu quả của

nó cũng lại là đề tài gây nhiều quan ngại nhất. Có nhiều báo cáo về hành vi độc ác của Cộng sản, thí dụ như tra tấn nữ chiêu đãi viên trong các quán rượu lính Mỹ trước kia thường lui tới, bằng cách nhổ móng tay họ ra, hay đóng đanh vào đầu cảnh sát viên bị bắt. Liệu hàng ngũ cảnh sát Sài Gòn có sẽ đứng vững khi nghe thấy những hành động tàn bạo, dã man đó hay không?

Tới đây, Hưng nêu lên vấn đề an ninh của Ngân Hàng Quốc Gia. Trụ sở của ngân hàng đặt tại Bến Chương Dương, trong một tòa nhà bằng đá đồ sộ, trang trọng mà người Pháp cất lên xưa kia. Hưng trình bày với Hội đồng nội các rằng mối quan tâm của anh đã căn cứ vào hành động trong quá khứ của Bắc Việt. Trong thời gian nghiên cứu về kinh tế Bắc Việt, anh có được đọc một tài liệu phê phán cuộc cách mạng tháng Tám 1945. Một trong những lỗi lầm của Việt Minh sau này được thú nhận, là chúng không chiếm ngay lấy *Institut d'Emission* (viện phát hành giấy bạc) ở Hà Nội để tịch thu số vàng. Hưng nói: "Tôi sẽ không ngạc nhiên chút nào nếu như Ngân Hàng Quốc Gia sẽ được coi là một trong những mục tiêu chính khi Bắc Việt toan tính xâm nhập Sài Gòn. Lần này chúng sẽ tìm cách chiếm lấy số vàng trước. Bởi vậy, hoặc ta phải tăng cường an ninh Ngân Hàng Quốc Gia bằng một đại đội, hoặc chuyển hết vàng ra khỏi nước, tới Thụy sĩ hay New York". Rồi Hưng giải thích thông lệ của các quốc gia trên thế giới ký

thác dự trữ vàng tại Ngân Hàng Thanh Toán Quốc Tế tại Genève, hoặc Ngân hàng Dự trữ Liên bang tại New York. Vì không có đủ quân đội để canh giữ ngân hàng, nên nội các đã quyết định chuyển vàng ra khỏi nước. Thế nhưng trong thâm tâm, Hưng đã có kế hoạch để đề nghị chính phủ lấy số vàng ấy mua vũ khí dùng vào nỗ lực phòng thủ cuối cùng.

Phủ Thủ tướng cho mời Thống đốc Ngân Hàng Quốc Gia, ông Lê Quang Uyển, đến và ra chỉ thị cho ông thi hành quyết định của nội các. Ông này lập tức liên lạc với các hãng hàng không TWA, Pan Am và hãng bảo hiểm Lloyd's ở Luân Đôn. Hai ngày sau, tin này lọt ra ngoài, lập tức được "Radio Catinat" loan truyền đi mau chóng ("Radio Catinat" chỉ các quán cà phê, nhà hàng tại đường Tự do-Catinat cũ nơi xuất xứ đủ loại tin đồn đại về thời cuộc, chính trị, kinh tế, văn hóa, cũng như tin tức cá nhân vặt vãnh.) Giới thượng lưu Sài Gòn hằng ngày lai vãng nhà hàng La Pagode, Givral hoặc Brodard, trên đường Tự Do, liền được tin giật gân là Thiệu đang chuyển vàng ra ngoại quốc để hưởng thụ sau khi từ chức. Không một ai tin rằng số vàng ấy được gửi vào một trương mục của chính phủ. Khi kế hoạch này đã được dân chúng hay biết, thì khó kiếm được hãng bảo hiểm quốc tế nào chịu ký kết dịch vụ chở vàng theo đường lối thương mại thông thường. Ngân hàng Quốc Gia bèn liên lạc với Đại sứ Martin và yêu cầu sứ quán Mỹ giàn xếp giùm việc chuyên chở và bảo hiểm. Martin

liên lạc với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ ngay nhưng bộ này giải quyết chậm trễ, và đến khi đáp ứng lời kêu gọi của Martin, thì Thiệu đã từ chức rồi.

Ngày 26 tháng tư, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ điện báo cho Sứ quán Mỹ ở Sài Gòn là đã giàn xếp được dịch vụ bảo hiểm chở đi số vàng trị giá là 60. 240.000 Mỹ kim (như vậy chỉ bảo hiểm được một nửa trị giá của số vàng dự trữ). Ngoài ra, họ còn đòi rằng "muốn dịch vụ bảo hiểm có hiệu lực, số vàng phải được mang ra khỏi Sài Gòn trước lúc bảy giờ sáng ngày 27 tháng 4. Sau đó, vàng dự trữ đã được đóng thùng sẵn tại trụ sở Ngân hàng, và một chiếc máy bay Hoa Kỳ đã chực sẵn tại phi trường Clark ở Phi Luật Tân để tới Sài Gòn khi có lệnh chở đi.

Người liên lạc với sứ quán Hoa Kỳ về phía chính phủ Sài Gòn, là Nguyễn Văn Hảo, mới được bổ nhiệm vào chức Phó Thủ Tướng, một người sinh trưởng tại miền Nam, nổi tiếng có những quan điểm ngây thơ đối với Cộng sản. Hảo đã tin rằng mình có thể thỏa hiệp với Bắc Việt. Trước đó, ông đã nói với Hưng là nếu miền Nam mất, ông ta sẽ ở lại và "chấp nhận sự kiện rằng con tôi sẽ lớn lên dưới chủ nghĩa Cộng sản".

Jean-Marie Merillon, Đại sứ Pháp tại Sài Gòn, thúc giục những thành phần còn lại của chính phủ Việt Nam Cộng hòa, vào những ngày chót, nên thành lập một hình thức liên hiệp với chính phủ Cách mạng Lâm thời. Hảo đã đóng một vai trò tích

cực trong các cuộc điều đình này, và ông đã kỳ vọng được thủ một vai chính trong chính phủ liên hiệp. Bởi vậy, ông không muốn chở vàng đi. Sau khi Thiệu đã từ chức, Hảo liền vô gặp Tổng thống Hương và dọa ông rằng: "Nếu Tổng Thống cho phép chuyển số vàng ấy ra ngoại quốc, thì trong trường hợp tướng Minh lên thay, Tổng thống sẽ bị lên án là phản quốc". Ông Hương hoảng sợ và đồng ý cho Hảo giữ vàng lại. Hảo bèn điện thoại cho cố vấn kinh tế tại tòa đại sứ Mỹ, Denny Ellerman, nói rằng Tổng Thống Hương đã quyết định không chuyển vàng đi nữa. Sau này, Đại sứ Martin kể lại: "Hảo đã không muốn chuyển vàng đi, có thế thôi. Ông ta đã tưởng tượng là có thể sống chung được với bọn kia (Cộng sản)".[1] Khi vào tới Sài Gòn, việc đầu tiên Bắc Việt làm là cướp ngay lấy số vàng đó.

Trước khi Sài Gòn mất, Hảo đã công khai loan báo trên đài phát thanh và truyền hình là ông ta sẽ không di tản. Sau đó Cộng sản đã đối xử tốt với Hảo, mời làm cố vấn kinh tế cho đến khi ông được phép rời Việt Nam vào năm 1983. (Hiện nay Hảo sống với vợ và các con tại Houston, Texas.) Năm 1984, Cựu Tổng trưởng Tài chánh Châu Kim Nhân (hiện nay cư ngụ tại Maryland) đã đối chất Hảo trên điện thoại, hỏi tại sao đã ngăn cản việc chuyển dự trữ vàng ra khỏi Sài Gòn, Hảo trả lời: "Anh thừa biết cái gì đã có thể xảy đến cho tôi nếu tôi để vàng ra khỏi nước".[2]

Ngày 9 tháng 4, trong lúc cơn lốc chính trị đang

hoành hành tại Sài Gòn, thì Cộng sản tới Xuân Lộc, thủ phủ của tỉnh Long Khánh khoảng 60 cây số về phía Đông Bắc Sài Gòn, trên quốc lộ 1. Trước khi ba sư đoàn quân chủ lực Bắc Việt tập trung đánh vào Xuân Lộc, tỉnh này đã có một dân số chừng 100 ngàn, và nổi tiếng về các đồn điền cao su. Một loạt 4.000 quả trọng pháo, trong một đợt pháo kích dữ dội nhất trong suốt cuộc chiến, đã san bằng một nửa thành phố; sau đó Bắc Việt tấn công nhưng vẫn bị đẩy lui: Sư đoàn 18 Bộ binh của QLVNCH đã quyết tâm cố thủ cho tới phút chót. Vị tư lệnh của sư đoàn, tướng Lê Minh Đảo, đã thề phải giữ Xuân Lộc: "Tôi không cần biết bên kia đưa vào bao nhiêu sư đoàn, tôi sẽ tiêu diệt chúng hết".[3]

Cả thành phố bị phá hủy, nhưng Lục quân Việt Nam Cộng hòa vẫn cố thủ, đợi Lữ đoàn 1 Nhảy dù tới giải vây: Lữ đoàn này đã được phái từ Sài Gòn tới phía Bắc Quốc lộ 1 để mở đường vô Xuân Lộc. Bắc Việt đã tung vào trận này ba trong số chín sư đoàn đang tiến về Sài Gòn. Muốn vào được thủ đô miền Nam, chúng đã phải đi qua điểm chặn họng ấy, vì thế 25.000 quân Việt Nam Cộng hòa đã quyết tâm giữ Xuân Lộc bằng mọi giá. Để ngăn chận, chính phủ Sài Gòn tăng viện cho chiến trường này, Bắc Việt đã bao vây thành phố và phong tỏa một đoạn đường dài mười-sáu cây số trên Quốc lộ 1. Không lực Việt Nam Cộng hòa xử dụng chiến đấu cơ và vận tải cơ C-130 (đã được biến cải) dội hằng loạt bom một tấn

xuống những vị trí địch. Sau suốt năm ngày chiến đấu giáp lá cà dữ dội, và sau khi Bắc Việt đã bị tổn thất nặng nề (800 bị giết, 300 vũ khí bị tịch thu, và 11 xe tăng T-54 bị phá hủy), tình hình được ổn định. Trung đoàn 43 Bộ binh Việt Nam đã giữ vững được miền Đông Xuân Lộc.

Tướng Homer Smith, người đứng đầu Phòng Tùy Viên Quốc Phòng Hoa Kỳ tại Sài Gòn, ngày 13-4 liền gửi ngay một bức điệp văn tới tướng George S. Brown, chủ tịch Ban tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ, ngợi khen lòng dũng cảm và ý chí chiến đấu của QLVNCH trong tình thế vô cùng bất lợi về hỏa lực cũng như quân số ấy. Duyệt lại thành quả sau năm ngày giao tranh đầu tiên, Tướng Smith nói: "Tình thần dũng cảm cũng như sự xông xáo của quân đội Việt Nam Cộng hòa, nhất là những lực lượng Địa phương quân Long Khánh, rõ ràng chứng minh rằng những người lính này, nếu được trang bị đầy đủ và lãnh đạo tốt, sẽ vượt trội hẳn đối thủ của họ, nếu so từng cá nhân. Trận Xuân Lộc vào lúc này dường như đã trả lời được câu hỏi "liệu Lục quân Việt Nam Cộng hòa sẽ có chiến đấu hay không"?[4]

Đến 15 tháng 4, quân Bắc Việt tiếp tục tấn công dữ dội những vị trí QLVNCH trên Quốc lộ 1, và chịu nhiều tổn thất nặng. Lữ đoàn 1 Nhảy dù, sau nhiều cố gắng vẫn không tới giải vây được Xuân Lộc, đành phải rút vào rừng và các đồn điền cao su. Dù chiến đấu thật dũng cảm, nhưng bị số địch quân quá

đông áp đảo, sư đoàn 18 Bộ binh sau cùng phải rút lui trước quyết định của Cộng sản dùng trận đánh như một "máy nghiền thịt", hy sinh bao nhiêu đơn vị cũng không cần, miễn là tiêu diệt được những lực lượng không thể thay thế được của QLVNCH.[5] Xuân Lộc đã là trận đánh lớn cuối cùng của chiến tranh Việt Nam.

Ngày 21 háng 4, Eric Von Marbod và tướng Weyand ra trước tiểu ban thuộc Ủy ban Chuẩn chi Hạ viện Hoa Kỳ điều trần để yêu cầu Quốc Hội chấp thuận ngân khoản 300 triệu Mỹ kim quân viện bổ túc và 170 triệu kinh viện. Dù Quốc hội đã không chịu lấy nghị quyết về ngân khoản 722 triệu Mỹ kim mà Weyand trước đó đã đề nghị, hai người này vẫn quyết tâm kêu gọi lần chót. Tướng Weyand tóm lược tình hình lúc đó như sau: "Tôi dám cả quyết rằng hiện nay những lựa chọn mở sẵn cho địch quân thì hầu như vô giới hạn. Chúng có khả năng áp đảo quân đội miền Nam chỉ trong một thời gian ngắn. Thế nhưng, liệu chúng có quyết định như vậy hay không còn tùy ở nhận thức của chúng về cái giá mà chúng sẽ phải trả cũng như những lợi hại nếu áp dụng đường lối ấy; tôi nghĩ rằng với đôi chút sức mạnh của phía Nam Việt Nam, rất có thể là miền Bắc sẽ chọn một biện pháp kém quyết liệt hơn điều tôi vừa trình bày".[6] Được thêm viện trợ, Sài Gòn sẽ có thể cầm cự trong một thời gian lâu dài đủ để đạt được một cuộc ngưng chiến trong điều đình hoặc

một hình thức chính phủ liên hiệp nào đó, hoặc theo kế hoạch của Thiệu chỉ giữ lấy Sài Gòn và miền Tây. Philip C. Habib, Phụ tá Ngoại trưởng Đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương, họp riêng với các thành viên ủy ban, thúc giục chấp thuận chi viện, để rồi đây "nếu họ có thất bại thì sẽ không phải vì lý do ta đã không cung cấp viện trợ cho họ".[7] Khi được hỏi viện trợ thêm sẽ có thể mang lại những gì, Von Marbod và Weyand đáp rằng họ không thể hứa hẹn gì hơn là "hy vọng". Phần lớn thành viên ủy ban chuẩn chi đã không có thiện cảm với Việt Nam Cộng Hoà. Dân biểu Clarence Long (Dân chủ - Maryland) nói với Weyand và Von Marbod: "Tôi nghĩ hầu hết chúng tôi ở đây đều đồng ý rằng, nếu như khoản tiền đó được tiêu trong tiểu bang của mình, thì chúng tôi sẽ mang lại được những gì (cụ thể) hơn là hy vọng".[8]

Xế trưa hôm ấy, Ngoại trưởng Henry Kissinger được gọi ra điều trần trước Ủy ban, và được hỏi rằng hồi ký kết Hiệp định Paris, những gì đã được cam kết với Việt Nam Cộng Hòa, Kissinger chối phắt rằng đã không có một thoả ước bí mật nào hết:

Những cam kết đã hứa hẹn với Việt Nam Cộng hòa đều có trong bản công khai. Biên bản đã ghi, cũng như trong các cuộc thảo luận diễn ra hồi đó, rằng nếu Nam Việt Nam cho phép chúng ta triệt thoái quân đội và do đó, có thể đưa cả tù binh về, nếu họ chấp nhận những điều khoản của Hiệp định Paris, thì dưới những điều kiện đó (...) chính quyền Hoa Kỳ sẽ yểm trợ, và chúng

tôi tin rằng Quốc Hội cũng sẽ đồng ý, một mức độ viện trợ kinh tế đầy đủ.

Kissinger nói thêm rằng viện trợ quân sự còn tùy thuộc vào mức độ tác chiến. Ông khẳng định đã có tuyên bố như thế khi giải thích Hiệp định Paris, và những điều ấy đã được lập lại trong các cuộc họp báo của Tổng Thống Nixon và Tổng trưởng Quốc phòng Elliot Richardson, và của chính ông nữa. Kissinger nói thêm: "*... và đã không có cam kết nào khác, có chăng chỉ là một hình thức phát biểu ý định của chúng tôi mà thôi*".

Dân biểu Bill Chappell (Dân Chủ-Florida) hỏi Kissinger là đã có ý định bắt buộc Bắc Việt phải tôn trọng thỏa ước hay không, trong trường hợp có vi phạm. Cuộc đấu khẩu này đã tiết lộ nhiều điều:

Kissinger: *Khi Hoa Kỳ ký kết một bản hiệp ước, thì thông thường không ai tin rằng người ta có thể vi phạm nó mà không bị trừng phạt. Cho nên, căn cứ vào đó, người ta đã cho rằng Hoa Kỳ sẽ làm một nỗ lực* để bắt *tôn trọng thỏa ước, và trong hồ sơ có ghi những lời tuyên bố rằng Hoa Kỳ sẽ không coi nhẹ những vi phạm Hiệp định. (...)*

Chappell: *Như thế có nghĩa là thế nào, thưa ông Tổng trưởng?*

Kissinger: *Ý nghĩa của (lời tuyên bố đó) đã được biểu lộ một cách mơ hồ... Dù sao thì chữ "cam kết" cũng không phải là một câu phát biểu chính xác. Nó chỉ là một lời tuyên bố có ý định duy trì thỏa hiệp mà*

thôi. Và ta nên biết rằng không thể giả sử và không được phép giả sử trong tương lai rằng, khi một nước nào ký kết một bản hiệp ước long trọng với Hoa Kỳ, họ có thể bội ước mà hoàn toàn không bị trừng phạt; trong tương lai sự việc này (những gì đang xảy ra) phải coi là một trường hợp rất đặc biệt do ở tình hình quốc nội đặc thù đã đưa tới về vấn đề Việt Nam.

Chappell: *Sự hiện diện (trước đây) của không lực (Hoa Kỳ) tại Thái Lan có thể được coi là một biện pháp ngăn chặn Bắc Việt khỏi vi phạm hiệp định không?*

Kissinger: *Có chớ, đó là một trong các yếu tố.*
Chappell: *Cái đó có thể coi là một phần của thỏa thuận không?*

Kissinger: *Không, đã không có một thỏa thuận nào nhur thế cả.*[9]

Thực ra, thì nó đã là một phần của sự thỏa thuận. Cả Nixon lẫn Kissinger đều đã hứa với ông Thiệu rằng Đệ Thất Không Lực tại Nakorn Phanom bên Thái Lan sẽ được xử dụng để oanh tạc những mục tiêu Bắc Việt nếu như Hiệp ước Paris bị vi phạm. Sử liệu bằng lời nói của tướng Vogt hiện nay chứng minh thật rõ ràng là các lực lượng của ông ta hồi ấy chẳng những đã là một sức mạnh ngăn chặn, mà chính ông ta đã dự tính mở một vụ trả đũa đại qui mô nếu Bắc Việt vi phạm. Bằng chứng là đã có máy điện thoại đặc biệt nối liền Tổng Thống và các tướng Vùng với tướng Vogt ở Thái Lan để khi nào có biến loạn là Việt Nam Cộng Hòa có thể gọi Vogt tiếp cứu.

Thế mà cho tới giờ phút này, Kissinger cũng vẫn không chịu công nhận tập hồ sơ chứa những hứa hẹn mật, ghi trong các lá thư mang chữ ký của Nixon và Ford.

*
* *

Đêm hôm đó Von Marbod, tuân lệnh Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger, bay qua Sài Gòn để gỡ gạc càng nhiều càng tốt, những đồ trang bị để chúng khỏi lọt vào tay quân Bắc Việt. Sau vụ triệt thoái khỏi vùng cao nguyên và mất Đà Nẵng, Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ đã sợ Quốc Hội chỉ trích là để cho những chiến cụ tinh vi, tối tân lọt vào tay Cộng sản, kể cả những chiến đấu oanh tạc cơ F-5E, cũng là loại phi cơ tiền tuyến của Đài Loan và Iran. Morton Abramowitz, Phụ tá của Schlesinger đã đề nghị cử Von Marbod sang Sài Gòn để phối hợp và chỉ huy công tác đó. Trên đường qua Việt Nam, Von Marbod ghé qua Thái Lan gặp tướng Kriangsak, Tham muu trưởng Bộ chỉ huy Tối cao Thái. Vị Tướng này đã đồng ý cho phép đưa máy bay của Không lực Việt Nam qua ba căn cứ không quân Thái.

Khi tới Sài Gòn ngày 23 tháng 4, Von Marbod được Đại sứ Martin khuyến cáo rằng Mỹ chưa nên di chuyển đồ trang bị nào mà Việt Nam Cộng Hòa còn có thể dùng trong cuộc phòng thủ đang diễn ra lúc ấy. Martin cho rằng thế nào rồi cũng có thể di tản được trong trật tự bằng phi cơ vận tải của không lực

Hoa Kỳ, và còn đủ thời giờ để di chuyển số máy bay của không lực VNCH đi sau. Von Marbod sau đó bay đi quan sát chiến trường để ước lượng tình tình.

Phi cơ trực thăng đã đưa ông bay qua mặt trận Xuân Lộc và vùng chung quanh, nơi quân đội Việt Nam Cộng hòa lúc đó đang giao tranh với Cộng sản vào màn chót. Trước khi trở về Sài Gòn, ông đáp trực thăng xuống trận địa để quan sát tình hình. Sau này, Von Marbod kể lại: "*Khi trông thấy có binh sĩ Việt Nam Cộng hòa đã bị mất một chân mà vẫn còn anh dũng chĩa súng về phía vị trí địch để bắn trả, tôi bùi ngùi vô hạn và xấu hổ cho nước tôi*"...

Tại Đại học Tulane ở New Orleans, ngày 23 tháng 4, Tổng Thống Ford thúc giục dân chúng Mỹ nên quên đi quá khứ và hướng về tương lai: *"Mỹ quốc có thể lấy lại được niềm hãnh diện đã có trước (chiến tranh) Việt Nam. Nhưng niềm hãnh diện ấy sẽ chẳng thể đạt được bằng cách tham dự trở lại một cuộc chiến mà riêng đối với Mỹ đã coi là xong rồi"*. Buổi chiều hôm đó, tại Sài Gòn, Von Marbod được các thuộc cấp lịch trình về bài diễn văn mới nhất đó của Ford tại Tulane, và đọc cho nghe đoạn quan trọng nói rằng chiến tranh "đã xong rồi". Về sau ông kể lại cảm tưởng lúc ấy: *"(Ford) đã giơ lên cao tấm vải giường trắng. Tôi đã vô cùng bàng hoàng và hổ thẹn"*.[10]

Tại Washington, Hưng cũng nghe bài diễn văn ấy với bao nhiêu ngậm ngùi, chua xót. Anh tự hỏi: "Có thật chiến tranh đã phải chấm dứt một cách tủi nhục

như thế sao? Có thật nước Mỹ mà nhân dân Việt Nam hằng tin tưởng, ca ngợi bây giờ lại có thể thản nhiên quay mặt đi trong giờ phút Việt Nam Cộng hòa đang hấp hối hay sao? Tối hôm đó, Hưng biên một lá thư về cho gia đình. Anh viết: "Em đang tìm mọi cách để cứu thoát gia đình chúng ta, nhưng nếu không làm được thì anh Bá (người anh rể của Hưng) phải nghiêm chỉnh xét đến việc kết thúc mạng sống của tất cả mọi người trong gia đình trước khi Anh tự sát, chứ đừng để cho bọn Cộng sản bắt. Dù rằng người Công Giáo chúng ta đã bị cấm không được tự sát, vì lý do tôn giáo, nhưng em đã đến hỏi ý kiến Đức Giám Mục Nott. (*) Ngài bảo: "Nếu các con tuyệt đối chắc chắn rằng một lựa chọn khác sẽ là một cái chết đau đớn hơn, thì Chúa sẽ thông cảm được một hành vi như thế". Trong lá thư này, viết gửi cho Hoàng Bá, người anh rể mình, Hưng còn dặn là anh đã để lại một khẩu súng lục mới (cỡ.38, do Von Marbod mới tặng) trong ngăn kéo tủ áo phòng ngủ, với hai hộp đạn. Hưng giao lá thư cho người bạn, Nguyễn Ngọc Bích, Giám đốc Việt Nam Thông Tấn Xã, nhờ mang về giùm và đưa tận tay, vì ngày 24 tháng 4, Bích quyết định trở về Sài Gòn để di tản gia đình anh.

Gia đình Hưng về sau được Von Marbod dàn xếp với người phụ tá của ông ta là Richard Armitage để

(*) Đức Cha S. Harold Nott, thuộc St. Agnes Catholic Church, Arlington, Virginia.

di tản. Armitage tới nhà bà cụ Hưng đón mười người ra phi trường Tân Sơn Nhứt. Dùng tiếng Việt rất sõi, Armitage nói với mẹ Hưng, lúc ấy đã gần tám chục tuổi: "Xin cụ đừng nói gì với một ai hết". Bà cụ sửng sốt thấy một người Mỹ to lớn, vạm vỡ, ra lệnh bằng tiếng Việt (Lúc ấy chính quyền Mỹ chưa được thẩm quyền áp dụng biện pháp "tạm dung" đối với dân tỵ nạn chính trị).

Một lần duy nhất trong thời gian làm việc với Thiệu, anh đã đề nghị và Thiệu chấp thuận cho anh xử dụng một ngân khoản là 20.000 mỹ kim, số tiền này sẽ được trích từ ngân quỹ VINOPO (Vietnamese Procurement Office, Sở Mua Vật Liệu) của chính phủ tại Washington để chi tiêu vào việc quảng cáo, biện hộ trường hợp Việt Nam Cộng Hòa trước dân chúng Hoa Kỳ. Hưng đã có ý định mua một trang quảng cáo trên tờ *The Washington Post* và *The New York Times* để in lời kêu gọi nhân dân Mỹ. Hưng gọi điện thoại cho Lê Văn Kim, giám đốc sở này, nhưng lúc đó Kim đang bận đi xa thu xếp việc tiếp tế gạo. Số tiền 300 mỹ kim của riêng Hưng đã hết, anh đang phải tiêu vào tiền để dành của gia đình. Sáng ngày 25 tháng 4, Kim trở về sở và điện thoại cho Hưng biết là ngân quỹ trong sở đã bị biển thủ rồi, và Kim đã báo với cơ quan điều tra Liên Bang (FBI). Thế là không có một khoản tiền nào để đăng quảng cáo cũng như để chi tiêu vào các mục viện động khác nữa.

Buổi trưa ngày 25 tháng 4, Hưng gặp Warren

Nutter để hỏi ý kiến và nhờ giúp đỡ việc tiếp cứu đoàn người di cư. Hai người bàn cách yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ chi viện để di tản một số lớn người Việt Nam. Giữa lúc đó thì tiếng máy điện thoại reo, và ở đầu máy kia là Von Marbod, gọi từ Sài Gòn: "Thưa anh, tôi đang ở phi trường Tân Sơn Nhất đây. Tôi đã thấy gia đình anh lên máy bay rồi"... Gia đình Hưng đã được đưa lên một máy bay vận tải quân sự C-141, và bay qua phi trường Clark tại Phi Luật Tân.[11]

Hưng hỏi Nutter là có nên liên lạc với Kissinger hoặc Schlesinger để xin tăng số di tản dựa trên những lá thư mật không. Nutter biết là đã quá muộn, ông nói: *"Họ đã phủi sạch tay về Việt Nam rồi"*. Quẩn trí, Hưng tiếp tục gọi cho mọi người anh đã quen biết, trong hay ngoài chính quyền ở Washington, suốt cả tuần lễ đó. Anh cầu cứu bà Anna Chennault, nhờ liên lạc vận động kiếm cho một chiếc máy bay về Sài Gòn để đón hết ít nhất những nhân viên trong ban tham mưu Bộ Kế hoạch. Anh khẩn khoản van nài mục sư Elson, Tuyên úy của Thượng viện, kêu gọi số bằng hữu thân thiết trong Quốc Hội Hoa Kỳ cố cứu thoát những người Việt Nam đã ra tới biển. Mục tiêu của Hưng là cứu ít nhất một triệu người, tương đương với số mà Mỹ và Pháp đã cứu hồi năm 1954 khi đất nước bị Cộng sản chia đôi.

Đề tài thảo luận lúc đó giữa Hưng và Nutter đã chỉ là làm sao cứu được sinh mạng. Nutter đề nghị phương thức tốt nhất và rẻ nhất là triệu tập một cuộc

họp báo, "dùng một số thư mật đó để làm hậu thuẫn cho lời kêu gọi". Trong lúc ấy thì, tại tòa Bạch Ốc, Phụ tá An ninh của Tổng Thống Ford, tướng Brent Scowcroft sau này kể lại, "ai cũng bảo Ford là tàn cuộc rồi, xong rồi, mau mau kéo người Mỹ về đi. Nhưng Ford đã quyết định cứu thoát được càng nhiều người Việt càng tốt, và ông ta nhất định không chịu nghe lời cố vấn là chỉ di tản người Mỹ mà thôi".[12]

Sau này Hưng cho rằng chính vì được đọc mấy lá thư của Nixon mà Ford đã thay đổi một phần nào thái độ. Trước đó, ông quá hững hờ. Nutter khuyên Hưng kiên nhẫn chờ một vài hôm cho đến khi nào công cuộc di tản khởi sự rồi lúc đó các lá thư mới có một tác động tích cực để lấy được sự ủng hộ.

Tại Sài Gòn, Đại sứ Martin vẫn ôm hy vọng dàn xếp được với Cộng sản. Ông gửi cho Kissinger một điện văn cho biết vẫn còn có thể điều đình giữa chính phủ Sài Gòn và Việt Cộng. Ngày 26 tháng 4, 1975, Kissinger gởi mật điện cho Martin từ khước chuyện này:

Ông Đại sứ đã hiểu lầm ý kiến của tôi về các cuộc điều đình với Việt Cộng. Tôi đã không nói đến dàn xếp giữa chính phủ Sài Gòn và Việt Cộng mà đến thương lượng giữa Hoa Kỳ và Việt Cộng. Tôi muốn bất cứ cuộc thảo luận chính trị nào giữa Hoa Kỳ và Việt Cộng cũng phải được diễn ra tại Paris.

Vào phút chót, Kissinger vẫn không muốn hai

miền Bắc và Nam trực tiếp điều đình với nhau mà không có sự kiểm soát của chính ông.[13]

Sáng ngày 27-4, Von Marbod bay tới căn cứ Không quân Biên Hòa. Tại đây, ông chỉ thấy có một vài sĩ quan và binh lính, và căn cứ thì đang bị pháo kích lẻ tẻ. Nhiều phi cơ còn đang nằm ụ trên các phi đạo và trong "hăng ga". Không thấy có kế hoạch nào chuẩn bị việc phá hủy những tiện nghi, máy móc tiếp vận thuộc loại tốt nhất, mới nhất mà Hoa Kỳ đã viện trợ. Nào phòng thí nghiệm vật liệu và hóa học, nào các dụng cụ sửa động cơ phản lực, phòng thử nghiệm vật dụng, kho chứa Ốc-xy lỏng, xưởng máy móc đo lường chính xác, xưởng vô tuyến truyền tin không quân, thấy đều còn nguyên vẹn. Von Marbod trở về Sài Gòn và gặp tướng Đồng Văn Khuyên, xử lý Tổng Tham mưu trưởng. (Tướng Khuyên được đẩy vào chức vụ này vì tướng Viên đã từ chức và rời khỏi Sài Gòn). Von Marbod than phiền với về việc chưa có kế hoạch nào phá hủy máy móc trang bị tại Biên Hòa. Rồi ông bay tới Tân Sơn Nhất để họp với sĩ quan không quân Việt Nam, kể cả tướng Tư lệnh Không quân Trần Văn Minh và tướng Nguyễn Cao Kỳ. Von Marbod hỏi họ tại sao lại không cho thực hiện những phi vụ bắn phá quân Bắc Việt, và đã có kế hoạch gì để phá hủy đồ trang bị và máy móc tiếp vận ở căn cứ Biên Hòa chưa. Cấp chỉ huy không quân Việt Nam giải thích rằng Bắc Việt đã xử dụng hỏa tiễn tầm nhiệt Strella và súng phòng không có

radar điều khiển, nên đã không thể bay đi oanh tạc bằng F-5 hoặc A-37 được.

Von Marbod cũng thảo luận với họ về các kế hoạch di tản và đề nghị trữ xăng máy bay trên đảo Phú Quốc, để phòng trường hợp có di tản. Sau này ông kể lại: "Tôi đã bàn với họ về kế hoạch dùng đảo Phú Quốc làm một căn cứ tiếp liệu và chỗ đậu tạm thời cho những phi cơ trực thăng trước khi đưa chúng qua Thái. Tôi nói với họ rằng quyết định phải căn cứ vào mệnh lệnh tác chiến. Nếu họ không xài máy móc hay đồ trang bị nào, thì phải hủy đi tại chỗ hay dời đi, chú đừng để lọt vào tay địch".[14]

Sáng hôm sau, ngày 28 tháng tư, Von Marbod gặp Đại sứ Martin tại sứ quán. Ông Đại sứ cho hay: một số "nguồn tin" đã thông báo cho ông rằng sẽ có thể có một cuộc ngưng bắn tại chỗ; Martin vẫn nhất định không đồng ý cho di chuyển hay phá hủy các quân dụng còn có thể xử dụng trong việc hành quân. Ông dặn Von Marbod "chớ tự ý lấy hành động nào đó có thể làm mất tinh thần chiến đấu của QLVNCH". Martin cho là sẽ có một cuộc ngưng bắn tại chỗ trong lúc tướng Dương Văn Minh đang thành lập một chính phủ liên hiệp, và nội ngày hôm đó, Minh sẽ thay thế Tổng Thống Trần Văn Hương. Martin còn hỏi: "Eric, tại sao anh cứ liều mạng làm gì! (Vì cứ bay đi đây đó). Mình sẽ còn ba mươi ngày nữa ở đây để làm việc cơ mà"?[15]

Các đại diện Hung Gia Lợi và Ba Lan trong Ủy hội

Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến đã nói với Thomas Polgar, ông trùm xịa ở Sài Gòn, là có thể dàn xếp một cuộc ngưng chiến để người Mỹ và một số người Việt có thể di tản trong trật tự. Họ nói: Bắc Việt sẽ đồng ý dành một hành lang từ Sài Gòn ra tới biển để di chuyển người di tản hoặc qua Vũng Tàu hoặc một hải cảng nào khác. Trước kia, chính các đại diện Cộng sản này cũng đã nói bóng gió rằng Bắc Việt sẽ chấp nhận ngưng chiến và một chính phủ liên hiệp nếu Thiệu chịu từ chức. Đại sứ Pháp Jean-Marie Merillon cũng đã xác nhận một vài tin đồn ấy: Cộng sản cho biết sẽ chịu dàn xếp một thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh một khi Thiệu đã ra đi và tướng Minh lên giữ chức Tổng Thống. Chính phía Cộng sản Bắc Việt cũng có tuyên truyền rộng rãi để tạo ra ấn tượng rằng có thể chấm dứt cuộc chiến bằng đường lối thỏa hiệp. Ngay đến tên Đại tá Võ Đông Giang, đại diện Mặt trận giải phóng trong Ủy ban Quân sự Hỗn hợp bốn bên, tại Tân Sơn Nhất cũng nói ám chỉ là sẽ có một cuộc hòa giải hơn là một cuộc tấn công toàn lực của quân Bắc Việt nhắm vào Sài Gòn. Thế nhưng các tin đồn hay báo cáo này đã trái ngược hẳn với những gì cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ đã được biết do một điệp viên đáng tin cậy của họ, lúc ấy đang nằm ngay tại Trung ương cục miền Nam. Điệp viên này báo cáo ngày 8 tháng 4, rồi xác nhận vào ngày 17-4, là Cộng sản đang dồn hết tài nguyên và nhân lực vào việc đạt được toàn thắng bằng quân

sự trong năm 1975, và chắc chắn sẽ không có ngưng chiến hay điều đình, cho dù Thiệu có từ chức chăng nữa. Kế hoạch tấn công Sài Gòn đã hoàn tất".[16]

Nỗ lực của Pháp nhằm giúp chấm dứt chiến tranh bằng ngưng bắn và chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn lúc ấy cũng đang được tung ra dồn dập: Pierre Brochand tổ trưởng tình báo Pháp ở Sài Gòn, long tong chạy tới chạy lui cả hai phe Việt Nam.

Tướng Minh, chính thức lên nắm chức Tổng Thống buổi chiều ngày 28 tháng tư. Ông được cộng sản qua giới thân cận của ông khuyến cáo là phải ra chỉ thị cho tất cả người Mỹ rời khỏi Việt Nam, nếu như ông ta hy vọng thương thuyết với Bắc Việt. Tướng Minh bèn tống đạt một văn thư **"Mật | Hỏa tốc"** cho Đại sứ Martin, yêu cầu "các nhân viên của cơ quan Tùy viên Quân sự DAO rời khỏi Việt Nam trong 24 giờ đồng hồ, kể từ ngày 29 tháng 4-1975 để vấn đề hòa bình Việt Nam sớm được giải quyết". Chính văn thư này đã cho người Mỹ một lý do chính thức để quyết định di tản nhân sự khỏi Việt Nam (Xin coi bản văn nơi phụ lục G).

Sau khi rời sứ quán Hoa Kỳ khoảng 11 giờ sáng ngày 28-4, Von Marbod lên một chiếc phi cơ trực thăng dân sự của hãng Air America để bay đi quan sát mặt trận. Tình hình đã suy sụp tệ hại. Ông thấy các lực lượng Bắc Việt tiến quân công khai, xe vận tải nối đuôi nhau chạy trên mọi ngả đường. Một ổ súng máy địch đã được đặt ngay tại cầu Tân Cảng, trên xa

lộ bốn đường do người Mỹ xây, nối liền Biên Hoà và Sài Gòn. Một trái cầu lửa màu da cam và cột khói đen từ một kho xăng rừng rực bốc lên bầu trời sớm mai xanh biếc. Bay qua đường 15, con đường đưa tới Vũng Tàu, chiếc trực thăng của ông bị bắn từ dưới đất lên tới tấp. Ông nhìn thấy rõ cuộc giao tranh ở dưới đất, những hình người trông như những con rối trong một vở kịch bằng hình bóng nhìn từ phía xa; nhưng khi máy bay đáp xuống một trạm cứu thương hậu tuyến, thì vẻ hung bạo của chiến tranh đập ngay vào mắt làm ông lợm giọng. Vô số lính bị đạn xuyên thủng vai, lũng ngực, lòi bụng, cụt chân, tay. Và máu! Bao nhiêu là máu đã chảy, máu đổ kinh hoàng! Không thấy dấu hiệu nào là có vẻ ngưng chiến tại chỗ, nhất là nơi trạm cứu thương này. Và hàng ngũ tháo lui đang tiến dần về Sài Gòn. Von Marbod không còn hồ nghi gì nữa: màn kết sắp hạ rất nhanh rồi, và nhất định sẽ không còn chuyện ngưng bắn nữa.

Ông bèn quyết định không tuân lệnh Đại sứ Martin. Phi trường Biên Hòa đã không còn xử dụng được nữa, và không còn cách nào di chuyển số phi cơ còn lại, vì chỉ còn lại một ít lính và vài sĩ quan cấp úy.

Tại sứ quán, lúc trước đó, ông đã bắt nghe được đài địch, ông liền liên lạc với Armitage, lúc ấy đang ở Biên Hòa, bằng điện thoại vô tuyến: "Ra khỏi chỗ đó ngay! Chúng đang di chuyển đến Biên Hòa". Các máy bay F-5E đã bay được về Tân Sơn Nhứt, nhưng

những máy bay khác còn ở lại Biên Hoà như trực thăng, vận tải C-130, và A-15 đã bị trọng pháo hoặc hỏa tiễn địch phá hủy, hoặc bị chúng chiếm đoạt cùng với những máy móc trang bị khác ở căn cứ.

Sau đó, Von Marbod bay đến Phi trường Tân Sơn Nhứt, gặp lại cấp chỉ huy không quân Việt Nam Cộng hòa. Tướng Kỳ cũng tham dự buổi họp bất thường này. Ông thúc giục thả nốt số bom "Daisy Cutters" xuống các lực lượng Bắc Việt đang tiến về Sài Gòn. Lần đầu tiên Von Marbod giải thích về những dàn xếp của mình trước đây với không lực Thái Lan, và cố thuyết phục phi công Việt Nam Cộng hòa di tản hết số F-5E còn lại.[17]

Ngày 22 tháng 4, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản từ Hà Nội đánh điện cho quân đội Bắc Việt biết kế hoạch chính thức tổng tấn công chiếm Sài Gòn: "Thời cơ quân sự và chính trị để mở cuộc tổng tấn công vào Sài Gòn đã chín mùi. Ta cần tranh thủ từng ngày, kịp thời phát động tiến công địch trên các hướng, không để chậm. Nếu để chậm thì không có lợi cả về chính trị lẫn quân sự. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn".[18] Và như thế, "Chiến dịch Hồ Chí Minh", nhằm tiến chiếm Sài Gòn đã được tung ra vào chiều ngày 26-4. Theo kế hoạch, ngày 28-4, "pháo binh tầm xa" của Cộng sản bắt đầu bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, và ngày 29-4 địch quân "sẽ đồng loạt đánh vào nội thành".[19]

Vào lúc 6 giờ 20 chiều ngày thứ Hai, 28-4, năm chiếc máy bay phản lực "chuồn chuồn" (Dragonfly) A-37 phóng về phía phi trường Tân Sơn Nhất trên cao độ 5.000 bộ. Đài kiểm soát không lưu thấy máy bay tới, liền hỏi dồn:

Các anh thuộc phi đoàn nào? Phi đoàn nào?

Máy bay Mỹ chế tạo đây! Một phi công trả lời, rồi ngay tiếp theo sau đó các máy bay này trút bom xuống phi đạo chính của phi trường, phá hủy ba chiếc AC-119 và nhiều máy bay vận tải C-47. Té ra là máy bay Cộng sản, vụ tấn công này đã được tung đi từ sân bay Phan Rang với máy bay mà địch đã đoạt được của ta ở đó. Phi công MIG Bắc Việt đã được huấn luyện cấp thời để bay oanh kích Tân Sơn Nhất một lần duy nhất.

Sau vụ oanh kích này, các phi đạo vẫn còn dùng được, mặc dù sân bay lúc bấy giờ đã ngổn ngang những đống sắt vụn bắn vung vãi từ các phi cơ bị phá hủy. Cuộc di tản nhân viên Hoa Kỳ và người Việt thuộc loại "rủi ro cao độ" (Những người làm việc cho các cơ sở Hoa Kỳ) được tiếp tục tiến hành bằng vận tải cơ C-130. Hai máy bay khổng lồ này mỗi chiếc chứa 180 hành khách, cất cánh từ lúc 8 giờ tối. Đại sứ Martin cho tướng Homer Smith, Tùy viên Quân sự, biết rằng lịch trình di tản ngày hôm sau với sáu mươi chuyến bay C-130 sẽ là "số tối đa có thể thực hiện được", nhưng ông đã đồng ý với yêu cầu của tân chính phủ Việt Nam Cộng Hòa là toàn thể nhân viên

quân sự Mỹ sẽ rời Việt Nam nội trong 24 tiếng đồng hồ. Martin nói thêm là ông và hai mươi nhân viên khác của Sứ quán sẽ ở lại thêm một hay hai ngày "để tối thiểu có thể làm cho sự ra đi của chúng ta có được đôi chút phẩm cách"![20]

Lúc 4 giờ 5 phút sáng Thứ Ba, 29-4, những hỏa tiễn đầu tiên của Bắc Việt nã trúng sân bay Tân Sơn Nhất, giết chết tức thì hai người lính Thủy Quân Lục Chiến đang đứng gác ở một trạm kiểm soát gần cổng ra vào.[21] Von Marbod đang nằm ngủ trên một chiếc giường nhỏ trong cư xá DAO, thì sức ép của hỏa tiễn lật đổ bức tường phòng ngủ và ông bị hất văng xuống đất. Hệ thống máy nước trong phòng tắm bị vỡ tung, nước lênh láng tràn trên mặt sàn khắp nơi. Ông không bị trúng miễng hỏa tiễn nào, nhưng tai ông choáng váng. Ra ngoài cửa, Von Marbod nhặt được một miếng thép còn nóng hổi của trái hỏa tiễn 122 ly do Nga chế tạo; ông giữ lấy làm kỷ niệm. Sau vụ nã hỏa tiễn, trọng pháo 130 ly tầm xa của địch bắt đầu câu xuống các phi đạo. Không lực Việt Nam Cộng Hòa cho bay lên một phi cơ yểm trợ chiến đấu ban đêm AC-119 và một trực thăng chỉ điểm UH-1 để tiêu diệt các vị trí đặt dàn hỏa tiễn địch. Từ ven phi trường, Von Marbod và một tùy viên, Đại tá không quân Elwood Johnson, đứng ngắm những lằn đạn màu da cam phóng đi từng loạt từ máy bay AC-119 tới vị trí đặt hỏa tiễn. Bỗng Johnson la lớn: "Đổi hướng bay! Đổi hướng bay!" vì thấy chiếc AC-119 cứ

lái tròn về cùng một phía. Von Marbod thấy vệt khói trắng dài phụt ra từ đuôi hỏa tiễn Strella của Cộng sản và trong chớp mắt hỏa tiễn phóng tới làm nổ tung chiếc AC-119, biến nó thành một trái cầu lửa lóe sáng trên bầu trời mây xám buổi rạng đông. Lúc mặt trời ló dạng, phi công Việt Nam Cộng Hòa hấp tấp lên các phi cơ chiến đấu F-5E và A-37 còn lại bay về hướng Thái Lan. Hai mươi ba chiếc F- 5E và hai mươi tám chiếc A-37 đã được di chuyển kịp thời và đáp xuống ba căn cứ không quân Hoàng Gia Thái mà Von Marbod đã dàn xếp trước đây. Khi phi cơ ngừng chạy và đậu hẳn lại chỗ cuối các đường băng, thì lính không quân Hoa Kỳ đã đứng chờ sẵn sàng, tay sơn tay cọ, để xông đến và vẽ lên sườn máy bay huy hiệu mới: hình các ngôi sao trắng trong vòng lam và các gạch đỏ của Mỹ, được sơn đè lên huy hiệu nền vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa.[22] Những máy bay này được sửa soạn để cất cánh và bay tới một chân trời mới.

Đại sứ Martin đòi ra phi trường Tân Sơn Nhất trên chiếc xe hơi an ninh của ông, lúc 9 giờ sáng, để tận mắt coi xem sân bay có thực sự không còn xử dụng được nữa hay không. Ông đòi cứ tiếp tục cuộc di tản bằng máy bay, và yêu cầu bộ Tổng tham mưu Việt Nam tái lập trật tự, vì lúc ấy, các phi đạo đang bị xáo trộn. Đại tá Hoàng Ngọc Lung, Trưởng phòng Nhì bộ Tổng tham mưu, lúc đó có mặt tài Tân Sơn Nhất được Martin nhờ gọi điện thoại về Bộ Tổng

tham mưu gấp, nhưng tại Tổng tham mưu đã chỉ có tiếng chuông reo mà không một ai nhấc máy trả lời.[23]

Tại văn phòng tướng Smith, Martin gọi điện thoại về Toà Bạch Ốc để tái xác nhận việc chấp thuận quyết định của ông là tiếp tục di tản bằng máy bay vận tải lớn. Washington đồng ý.

Martin trông thấy Von Marbod, bèn gọi ông ra chỗ riêng nói chuyện. Von Marbod nhất định phản đối việc dùng sân bay vì các phi đạo đã đầy những mảnh vụn sắt, thép bắn văng từ các phi cơ bị phá hủy cũng như từ hỏa tiễn, và lúc ấy, cuộc pháo kích vẫn chưa ngớt. Martin lắng nghe nhưng không nói gì, chỉ nhờ Von Marbod đi về tư thất ông ở đường Phùng Khắc Khoan để di tản vợ ông và con chó nhỏ của ông. Trong lúc đó, thì các bồn xăng bị trúng hỏa tiễn. bắt lửa nổ bùng cháy lên hừng hực từ góc trụ sở hãng hàng không dân sự Air America.

Một giờ trôi qua mà các máy bay di tản đã không thể nào cất cánh được. Tướng Smith bèn gọi điện thoại tới Honolulu cầu cứu đô đốc Gayler, Tổng tư lệnh quân lực Hoa Kỳ ở Thái bình dương; ông lại gọi Đại sứ Martin thông báo là không thể tiếp tục di tản bằng C-130 được nữa. Miễn cưỡng, Martin mới đồng ý cho dùng trực thăng, là "Lựa chọn IV" trong các dự tính di tản. Martin gọi về Tòa Bạch Ốc lần nữa nói chuyện với Kissinger nhờ ông này xin Ford chấp thuận chương trình di tản. Lúc 10 giờ 51 sáng 29-4, giờ Sài Gòn, Tổng Thống Ford hạ lệnh phát động

cuộc "Hành Quân Gió Nhanh" (Operation Frequent Wind). Chiếc phi cơ trực thăng thứ nhất tới Sài Gòn đúng. giờ chiều ngày 29-4; và đó cũng là lúc đài phát thanh Quân đội Hoa Kỳ cho chơi cuốn băng có bài hát "Tôi đang mơ ước một Lễ Giáng Sinh có tuyết" (I'm Dreaming of a White Christmas), một ước hiệu cho biết cuộc di tản đã bắt đầu.[24]

Trong đợt "hành quân" này, 6.000 người Việt và 1.373 người Mỹ đã được di tản bằng trực thăng. Martin đã không muốn rời Sài Gòn trước khi cứu được số người Việt và Đại Hàn cuối cùng còn ở bên trong khuôn viên Sứ Quán. Ông luôn miệng đòi có thêm trực thăng. Sau cùng, lúc 5 giờ sáng hôm sau, 30-4, Washington bác bỏ mọi yêu cầu xin thêm thời gian và phương tiện di tản của Martin, và hạ lệnh cho ông phải rời Sài Gòn ngay lập tức. Tướng Gayler, người được Tòa Bạch Ốc chuyển đạt lệnh tới Martin tiết lộ rằng ông còn được thẩm quyền bắt giữ Martin nếu như ông Đại sứ không chịu tuân lệnh di tản.[25] Khoảng chừng 420 người còn bị kẹt lại trong sứ quán khi chiếc trực thăng chót cất cánh bay lên vào lúc 5 giờ 30 sáng. Bị bỏ lại đằng sau và đứng ngơ ngác trên sân thượng Sứ quán, nơi đậu và cất cánh của phi cơ, có một số đông người Việt Nam, nhân viên sứ quán Đại Hàn và tướng Lý Đại Vương, Tư lệnh quân đội Đại Hàn tại Việt Nam cùng kiều bào nhiều nước khác.

*
* *

Tại Washington, ngày 29-4, Hưng nghe được tin radio thông báo rằng chỉ có khoảng từ 50 đến 70 ngàn người Việt là sẽ được cứu thoát, những người thuộc loại "rủi ro cao độ". Hưng quyết định tranh đấu hết mình để cứu thêm được nhiều đồng bào, anh bèn gọi điện thoại cho Nutter, lúc ấy đang ở văn phòng tại Viện kinh doanh Mỹ (American Enterprise Institute), để hỏi ý ông xem đã tới lúc anh họp báo chưa? Nutter nói: "Giờ chót sắp tới rồi; bất cứ lúc nào. Người ta đang chạy ra biển để chờ được cứu vớt". Lúc cuộc di tản khởi sự, Nutter cho rằng đây là lúc Hưng có thể tiết lộ một số bí mật quốc gia để tranh thủ sự ủng hộ của nhà cầm quyền và nhân dân Hoa Kỳ nhằm cứu vãn đoàn người đang ùa ra biển. Hưng đến trụ sở của Viện Kinh doanh Mỹ, trên đường 17, và cùng với Nutter in ra ba lá thư của Nixon gửi Thiệu ngày trước. Rồi hai thầy trò lủi thủi bước ra đường đi tới khách sạn Mayflower để dàn xếp thuê phòng họp báo. Giá phòng là 250 mỹ kim; Hưng chỉ còn đúng 200 mỹ kim trong trương mục tiết kiệm của gia đình. Nutter mủi lòng bèn xuất tiền riêng giúp thêm 50 mỹ kim, đủ để thuê một phòng họp báo.

Buổi trưa ngày 30-4, Nutter gửi một bản thông cáo cho các phóng viên và ký giả qua hãng thông tấn xã Associated Press: "Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng,

cựu Tổng trưởng Kế Hoạch và Cựu phụ tá Đặc Biệt của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu, sẽ tổ chức một buổi họp báo lúc 4 giờ chiều hôm nay về 'bản chất những thỏa thuận bí mật giữa cựu Tổng Thống Nixon và ông Thiệu'. Sẽ tiết lộ hai lá thư của Nixon gửi cho Thiệu".

Các ký giả báo chí và truyền hình ào ào đến tụ tập tại phòng "Pan American" của khách sạn Mayflower. Mọi người ai cũng nhao nhao, nóng ruột, nói với Hưng là họ chỉ muốn có bản sao các lá thư ấy thôi. Nổi cáu, Hưng nói "Thưa Quí vị, đây là chỗ của tôi, Quí vị phải cho tôi cái cơ hội giải thích bối cảnh các lá thư đó trước khi tôi chuyển chúng tới tay quí vị. Nếu vị nào không muốn nghe tôi giải thích vị đó có thể ra về". Có tiếng lao xao càu nhàu, la ó, nhưng Hưng cứ tiến hành giải thích lý do tại sao anh tiết lộ hai lá thư trong đó Nixon đã hứa hẹn yểm trợ miền Nam Việt Nam và trả đũa Bắc Việt về các vụ vi phạm Hiệp định Paris của chúng. Hưng nhận định: *"Những điều bảo đảm này đã được hoặc đưa ra minh thị hoặc nhắc lại nhiều lần để đổi lấy chữ ký của Việt Nam Cộng Hòa trên bản Hiệp định Paris. Đối với nhân dân Việt Nam, những lời bảo đảm ấy đã được hậu thuẫn bởi uy tín cũng như tín nhiệm của Chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ vào lúc cao điểm của quyền lực, vì nó đã được cam kết vào lúc Nixon mạnh nhất, sau cuộc thắng cử lớn lao 1972. Nếu như bảo đảm được đưa ra trong những điều kiện như vậy mà vẫn không*

thể coi là nghiêm chỉnh, thì thử hỏi cái gì khác (mới được coi là nghiêm chỉnh)"?

Hưng trích dẫn một vài đoạn thư của Nixon đề ngày 14-11-1972 và 5-1-1973. Rồi anh còn trích dẫn thêm, nhưng không đưa cho báo chí, lá thư của Nixon đề ngày 17-3-1973.

Lúc các máy truyền hình thâu lời trình bày của Hưng dài 45 phút, anh nghẹn ngào kêu gọi đến tinh thần yêu chuộng công bằng và sòng phẳng của nhân dân Mỹ. "*Tôi tin tưởng rằng, với quyền lực lớn mạnh về mặt ngoại giao cũng như kinh tế, nước Mỹ trong giờ phút này vẫn còn có thể làm một công việc nhân đạo, là cứu với mạng sống chúng tôi*". Hưng giải thích, nếu những lá thư này là một cam kết đã không được tôn trọng, thì Hoa Kỳ có thể bù vào đó bằng cách giúp đỡ những người đã, đang và sẽ chạy trốn khỏi Sài Gòn. Hoa Kỳ phải dàn xếp để ít nhất một triệu dân Việt Nam nữa có thể thoát khỏi miền Nam - *"Những người đã trông cậy vào Hoa Kỳ và tin tưởng ở bao nhiêu hứa hẹn của đồng minh mình trong vòng 20 năm*".

Khi Hưng nói xong, các nhà báo vây lấy anh và đi theo trên hành lang ra cửa khách sạn. Murray Marder, của tờ *The Washington Post*, ngỏ lời với Hưng là ông có "nhiều thiện cảm với anh và dân tộc anh", và đề nghị giúp đỡ. Hưng quay lại nói với báo chí: "Xin quí vị giúp cho dân chúng tôi di cư sang Mỹ. Pho tượng Nữ Thần Tự Do nhắc nhở chúng tôi

rằng nước Mỹ là đất của những kẻ bị truy nã, của di dân. Lánh nạn chính trị là truyền thống của dân tộc Mỹ, cho nên bây giờ là lúc quí vị phải cứu chúng tôi thoát khỏi sự trả thù, khủng bố, và hành hạ của Cộng Sản".

Một nhà báo có bộ râu hàm đen rậm, cũng đã chạy theo Hưng xin một bản sao lá thư thứ ba mà Hưng có trích dẫn nhưng không phổ biến trong lúc họp báo. Hưng tham khảo ý kiến với Nutter, rồi từ khước yêu cầu. Y nán lại đứng nghe trong lúc Hưng nói chuyện với Marder; tới lúc Hưng nói tới Tượng Nữ Thần Tự Do để yêu cầu cứu vớt người tỵ nạn, thì y xen vào một câu nói xỏ xiên: "Tôi xin được nhắc nhở ông là Tượng Nữ Thần Tự Do quay mặt về phía Đại Tây Dương"!, ý nói là tượng quay mông về phía mình.

Nutter sửng sốt và ngượng ngùng. Ông kéo Hưng sang một bên và an ủi: "Anh đã làm một công việc thật ích lợi cho xứ anh. Rồi đây nó sẽ tạo được nhiều thiện cảm, và tôi hy vọng rằng số người Việt được cứu thoát sẽ tăng lên nhiều lắm".

*

* *

Von Marbod rời phi trường Tân Sơn Nhất trên chiếc trực thăng của hãng Air American vào khoảng 11 giờ 30 sáng 29 tháng tư, và được bay tới tàu *USS Blue Ridge*, con tàu chỉ huy các Toán Đặc Nhiệm 76, đứng đầu là Hải quân Đề đốc Donald Whitmire. Tàu

Blue Ridge chỉ có một giàn đổ bộ, và khoảng trống để chứa các máy bay trực thăng trên tàu đã được lấp đầy nhanh chóng. Thủy thủ đoàn đã đẩy bớt 1 số trực thăng xuống biển để lấy chỗ cho các phi cơ khác đáp. Có một số phi công Việt Nam lượn đi lượn lại nhiều vòng quanh tàu nhưng không có chỗ đáp đã phải liều mạng nhảy ra khỏi buồng lái xuống biển, để mặc cho trực thăng tiếp tục phóng đi. Chỉ có một số đã sống sót. Von Marbod đáp xuống với hai tướng hải quân Hoa Kỳ, được dẫn tới trình diện Đề đốc Whitmire; ông đưa nộp khẩu súng lục của mình, người mệt lả, dơ dáy, đói khát, và gục ngay xuống hành lang ngủ thiếp đi. Một người lính hải quân đánh thức ông dậy và nói rằng Whitnire có một thông điệp cho ông.

Trong ánh sáng hồng ngoại của Phòng Hành Quân trên tàu *Blue Ridge*, Đề đốc Whitmire cho Von Marbod biết là có một công điện của Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger cho phép ông sang tàu *USS Dubuque,* tàu đổ bộ có boong đậu trực thăng, do Đại tá R.W. Mclain Jr. chỉ huy.

Đêm hôm trước, trong lúc điện đàm với Ngũ Giác Đài, Von Marbod đã thỉnh cầu Schlesinger cử ông tới một hàng không mẫu hạm để cứu vãn các máy bay trực thăng từ vùng châu thổ (trước đó đã được di chuyển từ Sài Gòn). Von Marbod đã có ý định thiết lập một trạm giữa vùng biển quốc tế làm chỗ đáp cho trực thăng Việt Nam Cộng Hòa trên đường bay qua Thái Lan lánh nạn. Ông liền bay qua tàu *Dubuque*

giữa cơn bão biển nhiệt đới. Tới nơi, ông giải thích sứ mạng của mình với thuyền trưởng và con tàu liền mở tốc lực phóng về phía đảo Phú Quốc. Sáng sớm ngày 30-4 thì tầu tới nơi và đậu lại ngoài khơi hòn đảo này. Tàu Dubuque dùng radio phóng thanh vào đảo, chỉ dẫn đường bay cho phi công Việt Nam đang tạm trú ở đó bay sang phi trường Trat, ở Thái Lan điểm gần nhất phía bên kia biên giới Cao Miên. Tàu *Dubuque* cũng đón nhận và tiếp tế xăng cho những phi cơ khác để bay thẳng sang Thái Lan; sân bay Phú Quốc đã cạn xăng và nếu không có tàu *Dubuque* thì chắc chắn trực thăng đã không thể nào bay nổi đến Thái. Trước sau, Von Marbod đã cứu được khoảng 2.000 người Việt và gia đình họ, cùng 224 máy bay trị giá khoảng 233 triệu Mỹ kim. Rick Armitage cũng đã thu nhận được ba mươi lăm con tàu của hải quân Việt Nam Cộng hòa mang trả lại, trị giá khoảng 55 triệu Mỹ kim. Các tàu này đã tới được Vịnh Subic ở Phi Luật Tân, với toàn bộ thủy thủ đoàn và gia đình của họ. Trước khi cờ Việt Nam được hạ xuống và cờ Mỹ kéo lên, thủy thủ đoàn trên một số tầu đã cùng mọi "hành khách" hát quốc ca để chào cờ lần cuối trong ngậm ngùi và nước mắt.

Dàn xếp xong vụ di chuyển máy bay của QLVNCH lên các hàng không mẫu hạm đậu ngoài vịnh Thái Lan, Von Marbod bay trở về Washington hồi đầu tháng Năm.[26]

Sau những ngày chót của Việt Nam tự do, ông đã

được cử làm đại diện Ngũ Giác Đài tham dự Toán Đặc Nhiệm Liên bộ Đông Dương, với chủ tịch là bà Julia Vadala Taft, có nhiệm vụ tái định cư dân tỵ nạn Việt Nam. Ông nhờ Hưng cố vấn về địa điểm cho trại di cư và về nhu cầu của người tỵ nạn. Hai người cùng đi thăm Camp Pendelton, Fort Chaffee, Indiantown Gap & Pennsylvania, và căn cứ không quân Eglin ở Florida, để thiết lập các trại tạm trú nhằm đón tiếp đoàn di cư trong cuộc sống mới tại Mỹ.

Thoạt tiên, dân chúng Mỹ chống đối công cuộc định cư người Việt tỵ nạn. Một cuộc thăm dò ý kiến, do hãng Gallup thực hiện hồi đầu tháng Năm, cho biết rằng 54 phần trăm dân Mỹ đã không đồng ý cho người Việt sinh sống tại Hoa Kỳ, chỉ có 36 phần trăm đồng ý.[27] Hạ Viện bác thỉnh cầu sơ khởi của Ford xin ngân khoản 507 triệu Mỹ kim để chuyên chở và săn sóc dân tỵ nạn; sau đó ông đã phải tung ra một cuộc vận động cực mạnh để thay đổi ý kiến Quốc Hội. Thượng nghị sĩ phản chiến George McGovern (Dân chủ - South Dakota), đối thủ của Nixon trong kỳ bầu cử 1972, nói: "Tôi cho là dân Việt nên ở lại Việt Nam thì tốt hơn, kể cả đám trẻ con mồ côi kia nữa".[28] Rồi trước những trại định cư, đã có những biểu ngữ như: "Chỉ có Ford là muốn họ thôi," và "Trước khi thương người, hãy thương người nhà mình trước".

Tại Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, Hưng bắt đầu công việc thiết kế và tiếp liệu cho các trại định cư cũng như giải thích cho công luận và báo chí rằng: chỉ

trong 5 hoặc 6 năm người Việt Nam sẽ đóng góp nhiều cho nền kinh tế Hoa Kỳ. Người tỵ nạn tới Hoa Kỳ giữa lúc nạn thất nghiệp đang lên cao cho nên người Mỹ sợ rằng cuộc nhập cư ồ ạt sẽ tranh mất công ăn việc làm của họ.

Mặc dù những khó khăn bước đầu do khác biệt giữa hai nền văn hóa, cuối cùng, một sự phối hợp giữa thiện tâm và mặc cảm tội lỗi của người Mỹ đã thắng thế: vào cuối năm 1975, trên 120.000 người tỵ nạn đã được định cư và ra khỏi các trại tạm trú. Họ là lớp đầu của cuộc di cư vĩ đại – giống như đoàn người Do Thái bồng bế nhau ra khỏi đất Ai Cập mấy ngàn năm trước – đi tìm một chỗ đứng dưới ánh nắng của mặt trời tự do.

Ngoảnh nhìn về Việt Nam, tuy nghìn trùng xa cách mà lòng họ không xa; họ vẫn ôm mãi một giấc mơ, một hy vọng rằng ngày nào đó, ánh sáng bình minh sẽ lại chiếu rọi trên khắp quê hương cũ.

chương XXII
lời cuối

Hậu quả của chiến tranh Việt Nam đã khác hẳn những gì mà hầu hết mọi người trong cuộc có thể đã mong đợi, hoặc tiên đoán. Nước Việt Nam Cộng Hòa bị xóa bỏ. Cũng bị xóa bỏ luôn sau đó là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) và tổ chức thừa kế của nó là CPCMLT qua sự thống nhất cưỡng ép giữa hai miền Nam - Bắc trong mùa hè 1975. Và như thế đã chấm dứt cái huyền thoại về "chiến tranh nổi dậy" xuất phát từ miền Nam, do MTGPMN chủ xướng nhằm dành lấy độc lập và tự do.(1) Trong bao năm chiến tranh, các phe phản chiến tại Hoa Kỳ đã sa vào bẫy của Hà Nội, dùng luận điệu rằng chiến tranh Việt Nam là một cuộc nội chiến, do những người bất mãn với chính phủ Sài Gòn nổi lên để chống chế độ, và bởi vậy, Mỹ không nên can thiệp vào. Bây giờ họ mới biết rằng MTGPMN chỉ là một bù nhìn, một thứ khí cụ cho Bắc Việt xài, xong thì ném đi!

Nhưng chiến thắng đã mang lại gì cho Hà Nội? Như Moshe Dayan, vị Ngoại trưởng quá cố của Do Thái, đã nhận định trong dịp thăm viếng Sài Gòn vào hồi cuối thập niên 1960: "Bắc Việt sẽ thua trận một khi họ chiếm Sài Gòn".[2] Thành quả vĩ đại nhất của họ có lẽ là đã đổi được tên Sài Gòn thành ra Thành Phố Hồ Chí Minh, ít nhất cũng trong một thời gian. Nhưng say mê với chiến thắng lại làm cho họ trở thành mù lòa và đi tới những quyết định sai lầm trầm trọng. Ngoài việc quá gấp rút dẹp bỏ MTGPMN, làm cho bao nhiêu thân hữu của họ trên trường quốc tế chưng hửng và rút đi sự yểm trợ, Bắc Việt lại càng nhầm lẫn trong chính sách ngoại giao. Đáng lẽ tiếp tục đường hướng ve vãn cả Trung Cộng lẫn Nga Xô, Hà Nội lại hướng hẳn về Nga và quay lại phản bội Trung Cộng, một quốc gia mà họ Hồ thường ví có liên hệ với Việt Nam như bóng với hình, như môi với răng, như núi với sông; một quốc gia đã cưu mang Đảng Cộng sản Việt Nam, nuôi cho lớn lên, đứng đằng sau chỉ huy đánh Điện Biên Phủ, dạy cho chiến thuật du kích, phát cho súng AK-47 chống Mỹ và là một quốc gia lúc nào cũng gián chỉ việc Mỹ thả mìn hoặc đánh lớn ra Bắc bằng mối đe dọa "quân Tàu tràn xuống". Bắc Việt đã mù quáng tới độ thay cả tên của nước Việt Nam, từ bắt chước Tàu (Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa) thành ra theo Nga (Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam), đổi tên Đảng từ kiểu Tàu (Đảng Lao Động Việt Nam)

ra kiểu Nga (Đảng Cộng Sản Việt Nam); cả đến khí cụ nghị luận chính yếu, *Tạp Chí Học Tập* (kiểu Tàu) cũng được đổi ra *Tạp Chí Cộng Sản* (kiểu Nga). Và kể từ đó (tháng 6, 1976) Hà Nội đã càng ngày càng đi sâu vào quỹ đạo Nga Xô, nhường đứt căn cứ quân sự quý báu Cam Ranh, hải cảng Đà Nẵng và các đài ra-da trên miền cao nguyên cho Nga. Điện Cẩm Linh ngày nay đã nắm thực quyền cai trị Việt Nam tới mức có thể ra lệnh thay đổi toàn bộ nhân sự cao cấp nhất của Đảng Cộng Sản trong tháng 12, 1986.

Nói tóm lại, thì cái hào quang cách mạng thần bí của Cộng sản Hà Nội nay đã tắt, và sự ủng hộ của quốc tế đối với họ nay đã hoàn toàn biến mất. Sau khi thôn tính miền Nam, Cao Miên và Lào, nghĩa là xé bỏ Hiệp định Paris, nước "Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam" hôm nay là một kẻ cùng đinh, một kẻ cầu bơ cầu bất về mặt kinh tế giữa không khí phồn thịnh chưa từng thấy trong lịch sử của những nền kinh tế Đông Nam Á. Trong tuyệt vọng, Hà Nội hiện nay lại đang cố tìm cách mời Mỹ trở lại bằng cách khai thác mối quan tâm của Hoa Kỳ về số phận của 2.436 quân nhân và 40 thường dân Mỹ vẫn còn được coi là mất tích. Bắc Việt thỉnh thoảng lại đem trưng mấy di hài người Mỹ, trong nỗ lực bán xương người vô nhân đạo, mọi rợ đó.[3] Vẫn chưa ai trả lời dứt khoát được thắc mắc là liệu có người Mỹ nào còn bị cầm tù tại Việt Nam hay không. Tất cả thế giới và đặc biệt là dân chúng Mỹ trong năm 1985

đã được dịp chứng kiến qua chương trình truyền hình bằng vệ tinh từ Việt Nam nhân dịp kỷ niệm năm thứ 10 chiến thắng của Cộng sản, tức 10 năm dưới ách thống trị của Bắc Việt. Sài Gòn đã thay đổi hẳn bộ mặt, biến thành một thành phố với một nền kinh tế còn chưa tới mức đủ sống, một nền kinh tế được điều hành theo nguyên tắc tham nhũng. Việc buôn bán phồn thịnh hơn cả là buôn bán giấy phép xuất ngoại. Theo lời thú nhận của chính bọn cầm quyền Bắc Việt, hiện vẫn còn 10 ngàn người bị nhốt trong các trại cải tạo.[4] Đồng bào tỵ nạn ước lượng con số đó từ 100.000 đến 300.000 người; điều kiện trong trại cải tạo lại còn tệ hơn gấp bao nhiêu lần các "chuồng cọp" trên đảo Côn Sơn xưa kia. Một người bạn Hưng đã kể lại :"Lúc ở trại, chúng tôi đã ăn bất cứ con vật gì cử động".

Tại miền Bắc, kinh tế tiếp tục suy sụp. Chi phí quân sự hiện vẫn là mục lớn nhất của ngân sách. Quân lực chiếm khoảng 1.220.500 trong một dân số 59 triệu, tỷ lệ tương đương với 5 triệu binh sĩ Mỹ. Lợi tức đầu người của Việt Nam năm 1987 chưa đầy 200 Mỹ kim mỗi năm, thuộc loại thấp nhất trên thế giới. Cộng sản có thể đã thắng trong chiến tranh, nhưng họ đang thua trong hòa bình. Khi say men chiến thắng, Lê Duẩn đã nhắc nhở đồng bào: "Trong di chúc thiêng liêng, Hồ Chủ Tịch đã dạy:

"*Còn non, còn nước, còn người*

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

Lời dặn dò đó đã tóm lược những mánh lới dối trá, bịp bợm của đảng Cộng sản Việt Nam trong bao nhiêu năm qua. Mỹ đi được một giáp (12 năm) rồi, nhưng nền kinh tế đã trụt lùi lại mấy chục năm. Trong cuốn sách nghiên cứu về Kinh Tế Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam(*) của Nguyễn Tiến Hưng, anh đã kết luận rằng: "Yếu tố kinh tế đã đưa Cộng sản lên chiếm chính quyền và chính những yếu tố kinh tế sẽ làm họ suy nhược đi tới chỗ sụp đổ".

Còn đối với Nga Xô, hậu quả chiến tranh Việt Nam đã ra sao? Căn cứ khổng lồ của Mỹ tại Cam Ranh nay đã thuộc về tay họ. Những tàu chiến nổi, ngầm đủ các loại thường xuyên tới Cam Ranh để lấy nhiên liệu và hoạt động tự do, khiến hải quân Sô Viết có được một căn cứ tiền đạo, một căn cứ hải quân không bị tuyết đông duy nhất, để phối trí tại Thái Bình Dương. Cam Ranh là một viên ngọc mà Nga Sô đã thèm muốn kể từ những ngày chiến tranh Nga-Nhật 1904-1905; lúc đó hạm đội Nga đã ghé Vịnh Cam Ranh để tạm trú và tiếp liệu trên đường tới hải cảng Arthur tại Mãn Châu. Phi cơ oanh tạc "Gấu D và F" của Nga Xô đặt căn cứ tại Cam Ranh và Đà Nẵng, thực hiện thường xuyên những phi vụ do thám trên Hạm đội 7 của Hoa Kỳ tại vùng biển Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Phi cơ oanh tạc hạng trung TU-16 sẵn sàng trong tư

(*) *Economic Development of Socialist Vietnam, 1955-1980*, New York: Praeger Publishers, 1977

thế tấn công những mục tiêu Trung Cộng, và phi cơ khu trục chiến thuật MIG-23, từ các căn cứ tại Việt Nam, sẵn sàng bảo vệ vùng trời của Hạm đội Xô Viết. Liên Xô lại còn thiết lập những vị trí thâu lượm tín hiệu tình báo trên vùng cao nguyên để theo dõi liên lạc truyền thông giữa Mỹ và Trung Cộng trong vùng. Quân đội Xô Viết tại Việt Nam dường như chỉ có một vai trò hạn chế trong việc bảo vệ Việt Nam. Mục đích chủ yếu của họ là đặt Nga Xô trong tư thế sẵn sàng đối đầu với Mỹ và Trung Cộng nếu như có một cuộc tranh chấp lớn nào xẩy ra trong vùng. Ngày nay, mục tiêu còn lại của Nga Xô là làm sao gây được xáo trộn ở Phi Luật Tân đủ để diễn lại vở kịch Việt Nam, cũng với một "Mặt Trận Giải Phóng" để đi tới chỗ bắt Mỹ rút khỏi căn cứ hải quân Subic Bay và căn cứ không quân Clark. Mặt khác, Nga Xô lại tìm cách xách động ở Đại Hàn để đòi Mỹ triệt thoái 50.000 còn lại. Và như vậy họ sẽ hoàn toàn đặt vùng Thái Bình Dương phía Á Châu dưới sự kiểm soát và ảnh hưởng của mình.

Nếu Liên Xô là kẻ chiến thắng, thì đại cường bại trận lớn nhất trong chiến tranh Việt Nam là Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Bao nhiêu công trình nuôi dưỡng Đảng Cộng sản Việt Nam giờ đây đã hóa ra như dã tràng se cát biển Đông. Hà Nội đã cho Nga Xô vào Cam Ranh để thắt gọng kìm Trung Cộng ở phía Nam; phía Bắc Trung quốc thì đã có lực lượng hùng hậu của từng chục sư đoàn Bộ binh Nga áp đảo.

Khi Nixon lên nắm chính quyền, ông nhận ra

được sự thay đổi trong quan hệ Trung-Xô và tìm cách khai thác những mối căng thẳng giữa hai cường quốc ấy bằng cách mở ra một cuộc đối thoại chính trị với Trung Cộng. Chiến lược này về sau được mệnh danh là "Chơi Lá Bài Trung Quốc". Vì sợ Liên Xô, Trung Cộng đã tiến hành việc cải thiện bang giao với Hoa Kỳ, mặc dù Bắc Việt phản đối. Khi Mao Trạch Đông và Châu Ân Lai ân cần tiếp đón Nixon tại Trung quốc hồi 1972, Trung Cộng đã hết là một đe dọa cho Hoa Kỳ tại Đông Nam Á. Trung Cộng tiếp tục ủng hộ MTGP và, sau này, Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời (CPCMLT) tại miền Nam, coi như các lực lượng đối trọng mà Trung Cộng hy vọng là sẽ có thể dùng để ngăn chận Bắc Việt khỏi thôn tính toàn cõi Đông Dương. Thế nhưng, sau khi Sài Gòn thất thủ, những kẻ ủy nhiệm của Trung Cộng đã hoàn toàn bị loại trừ. Chiến lược Việt Nam của họ Mao và Chu đã thất bại.

Rồi tới năm 1978, Bắc Việt tiến hành việc loại trừ ảnh hưởng cuối cùng của Trung Cộng tại Cao Miên, tấn công quân Khmer Đỏ, toán Miên Cộng cướp chính quyền năm 1975 và sau đó giết hại trên 1 triệu đồng bào ruột thịt của chúng. Bọn Khmer Đỏ này, dưới sự lãnh đạo của Pol Pot, đã phải chạy trốn về vùng biên giới Thái-Miên và được Trung Cộng chi viện để thực hiện chiến tranh du kích. Tháng Hai, 980, Trung Cộng tấn công qua biên giới Việt-Hoa để "dạy cho Bắc Việt một bài học", nhưng bị đẩy lui.

Từ đó đến nay hai nước Cộng sản "anh em" này trở thành chó với mèo chứ không như họ Hồ mô tả là "Môi hở răng lạnh".

Trung Cộng đã mất ảnh hưởng tại Lào, và Miên thì về tay Bắc Việt. Trung Cộng vẫn ủng hộ Pol Pot và Thái tử Norodom Sihanouk, người thừa kế hoàng tộc, mà hồi 1970 đã bị lật đổ trong cuộc đảo chính của Lon Lol. Hai người cựu lãnh đạo này hiện nay liên minh lỏng lẻo với nhau trong nỗ lực giải phóng Cao Miên thoát khỏi ách thống trị Bắc Việt. Điều trớ trêu là Hoa Kỳ đã sai lầm trong việc ước đoán "hiểm họa Trung Cộng" trong suốt cuộc chiến ở Việt Nam. Toàn bộ chiến thuật Hoa Kỳ trong cuộc chiến đã được thiết kế với một chủ trương là không để cho Trung Cộng lấy cớ nhân danh Bắc Việt nhảy vào can thiệp. Chiến tranh Triều Tiên đã để lại cho các nhân vật lãnh đạo trong chính quyền Johnson một ám ảnh sợ hãi về sự can thiệp có thể của Trung Cộng tại Việt Nam. Trong thời kỳ chiến tranh leo thang tại Việt Nam, Bộ trưởng Ngoại giao của Johnson là Dean Rusk. Nhưng chính ông Rusk đã là Phụ tá Ngoại Trưởng Đặc trách Đông Á và Thái bình dương trong thời kỳ chiến tranh Triều Tiên. Câu chuyện thường được kể lại tại Washington là, sau khi nghe lược trình về việc Trung Cộng chuẩn bị tấn công các Lực lượng Liên Hiệp Quốc qua vĩ tuyến 38 hồi 1950, Rusk ngẫm nghĩ một hồi rồi nói: "Chúng không dám

đâu".[5] Nhưng ông đã lầm vì sau đó, Trung Cộng rầm rộ tràn xuống Triều Tiên.

Hậu quả tai hại của sự tính toán sai lầm đó còn kéo dài tới vụ xung đột ở Việt Nam và tiếp tục chi phối hành động của Mỹ. Một lần sai, hai lần nhát, là vậy.

Mối đe dọa can thiệp của Trung Cộng đã lớn vởn như một đám mây đen trong trí óc giới kế hoạch gia trong chính quyền Johnson.[6] Trong chiến dịch dội bom Bắc Việt, Johnson đã phải đích thân chấp thuận những mục tiêu, tránh xa Trung Cộng, và giải thích cho một nhóm dân biểu là ông đã rất tự chế. Hai nhà bình luận thời cuộc Rowland Evans và Robert Novak đã tường thuật một phiên họp giữa Johnson và các dân biểu như sau:

Để chứng minh sự thận trọng của mình, (Johnson) đưa cho nhóm dân biểu đối lập thấy bản đồ Bắc Việt, và trỏ vào những mục tiêu (dội bom) mà ông đã không chấp thuận. Còn về Trung Cộng, ông đang theo dõi mọi dấu hiệu phản ứng có thể có! Dùng một lời ví von tình dục sống động, một hôm Tổng Thống giải thích cho phe bạn và phe chống đối rằng sự leo thang chậm chạp của vụ dội bom miền Bắc và gia tăng áp lực với Hồ Chí Minh chỉ là dụ dỗ thôi, chứ không phải hãm hiếp. Nếu như Trung Quốc bất thình lình phản ứng với sự leo thang chậm chạp đó như một phụ nữ phản ứng lại sự mưu toan dụ dỗ bằng cách dọa trả đũa (như tát một cái vào mặt kẻ dụ dỗ), thì Hoa Kỳ sẽ

còn nhiều thời giờ để nương tay dội bom. Trái lại, nếu như Hoa Kỳ tung ra một cuộc tấn công toàn diện, toàn lực miền Bắc – (nghĩa là) hãm hiếp thay vì dụ dỗ thì sẽ không còn lối quay trở lại được nữa, và phản ứng của Trung Cộng sẽ tức thì và toàn diện.[7]

Hồi tháng 10-1966, Johnson hỏi ông Thiệu tại Manila rằng ông có tin Trung cộng sẽ can thiệp không. Thiệu đáp: không, Bắc Việt sẽ không nhờ đến Trung Cộng vì sợ Nga Xô và bởi lẽ Việt Nam đã từng bị Trung Quốc thống trị trong một ngàn năm; và nếu cấp lãnh đạo Hà Nội bây giờ lại đưa Trung Cộng sang thì họ sẽ không còn chính nghĩa đối với dân chúng Bắc Việt nữa. Thế nhưng, Johnson đã lắc đầu và không tin.

Ảnh hưởng của Việt Nam đối với Hoa Kỳ ra sao?

Chính Nixon ngày nay đã phải ghi nhận rằng "Việt Nam đã là một thắng lợi quá lớn trong cuộc chiến của Liên Xô nhằm giành lấy sự kiểm soát thế giới thứ ba tối quan trọng về mặt chiến lược. Nó là một thắng lợi không hẳn vì nó đã mang lại cho Xô Viết cái địa vị thống trị đối với Việt Nam mà vì nó đã khiến Hoa Kỳ bị tê liệt về mặt tâm lý đến cái độ không thể bảo vệ nổi quyền lợi của mình trong thế giới đang phát triển, là chiến trường xung đột Đông-Tây hiện đang tiếp diễn, (một cuộc xung đột) mà đặc điểm đúng nhất của nó là 'Chiến Tranh Thế Giới Thứ Ba'". Nixon giải thích thêm: "Cuộc bại trận của ta tại Việt Nam đã bắt mồi lửa cho một loạt chinh

phục của các nước độc tài chung quanh thế giới giữa lúc ta rút vào một cuộc tự đày ải, dài 5 năm trời".[8] Thật vậy, ảnh hưởng của sự sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa đã có ảnh hưởng sâu xa trên chính trường quốc tế. Từ 1975, Cộng Sản Quốc Tế đã thừa thắng xông lên, xâm nhập từ Angola tới Ethiopia, từ Afghanistan tới Nicaragua. Rồi ảnh hưởng của Hoa Kỳ còn bị lu mờ dần đi từ Âu tới Á và nhất là ở Trung Đông và ở Trung, Nam Mỹ. Ngày nay tại Á Đông, những đồng minh cỡ lớn của Hoa Kỳ như Phi Luật Tân, Đại Hàn lại đang phải trải qua những cơn thử thách trầm trọng do Cộng sản đứng hậu thuẫn nhằm xóa bỏ những căn cứ và lực lượng quân sự của Hoa Kỳ trên con đường tiếp liệu dầu hỏa huyết mạch từ Trung Đông băng qua eo biển Malacca tới Nhật Bản và các nước vùng Thái bình dương.

Còn đối với Việt Nam Cộng Hòa? Rất nhiều yếu tố đã đưa tới sự sụp đổ của miền Nam, trong đó trách nhiệm của những người lãnh đạo đã không phải là nhỏ. Tại Luân Đôn, có lần Hưng hỏi Thiệu rằng ông nghĩ sao về trách nhiệm của ông đối với đất nước. Thiệu trả lời: "*Tôi có trách nhiệm, nhưng không có tội*" (Je suis responsable mais pas coupable). Lịch sử sẽ phê phán ông Thiệu cũng như các nhà lãnh đạo Việt Nam mà không ai có thể trốn tránh. Ngoài ra, sự phân hóa nội bộ tại miền Nam và sự thiếu vắng một ý thức hệ thống nhất, nạn tham nhũng trầm trọng cũng như sự chia rẽ sâu đậm trong mọi hàng ngũ

dân, quân đã làm miền Nam dần dần suy yếu. Tất cả các chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đều phải tùy thuộc vào sự yểm trợ liên tục của Hoa Kỳ. Bởi vậy, khi Hoa Kỳ mất ý chí chiến đấu, Sài Gòn lập tức cũng ngã lòng, và sự việc này đã đóng góp thêm vào sự sụp đổ mau lẹ của chính quyền miền Nam. Đứng về mặt đối ngoại, trong 20 năm chiến tranh, Việt Nam Cộng Hòa đã không có một nỗ lực nào được tổ chức để chống lại với những luận điệu sai lầm và bêu xấu do phe phản chiến cũng như do thành kiến của báo chí và các cơ quan truyền thông Hoa Kỳ đã từng rêu rao. Các nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa đã không có hành động hữu hiệu nào để biện hộ cho lập trường của mình trên chính trường quốc tế. Ông Thiệu đã tiếp tục trông cậy vào Nixon, tin tưởng rằng giống như ở Việt Nam, một vị Tổng Thống có thể chi phối được quốc hội và ảnh hưởng công luận phần nào theo ý muốn mình.

Mặc dù tất cả những yếu tố nội bộ của Việt Nam, trách nhiệm của những người lãnh đạo Hoa Kỳ trong chiến cuộc Việt Nam đã không thể chối cãi được. Trong tập *Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập*, một phần nào trách nhiệm đó đã được chứng minh một cách rõ ràng.

Trong thời gian gần bốn năm mà Kissinger điều đình để có được hòa giải, máu đã tiếp tục đổ nhiều hơn: thêm 15.000 người Mỹ bị thiệt mạng và 100.000 người bị thương, trong lúc hàng trăm ngàn

sinh mạng Việt Nam đã bị hy sinh. Rồi cuối cùng ông ta đạt được một bản hiệp định mà trong thực chất nó giống y hệt bản hiệp định mà Cộng sản đã đưa ra gần 4 năm trước đó, hồi tháng 5, 1969 (Xem phụ lục B). Điều sỉ nhục cuối cùng là Hiệp định Paris còn cho Cộng Sản nhiều hơn là chúng đòi hỏi hồi năm 1969: hiệp định buộc Mỹ phải rút khỏi Việt Nam nội trong 60 ngày đang khi (năm 1969) Cộng sản chỉ đòi là Mỹ phải rút khỏi Việt Nam chứ không nêu ra một thời hạn nhất định! Ngoài ra, Nixon và Kissinger đã sai lầm ngay từ đầu: họ đã không hiểu bản chất cứng rắn của Hà Nội; không tin rằng Hà Nội không muốn điều đình thực sự mà chỉ muốn dùng điều đình để đi tới toàn thắng. Đến lúc Kissinger kịp nhận ra, thì hai năm đã trôi qua và ông đã bị mắc vào cái bẫy, tự mình dựng ra, đó là đã trót chủ trương chiến tranh Việt Nam nhất định phải được kết thúc bằng điều đình. Lối thoát duy nhất là bắt Sài Gòn phải nhượng bộ những gì mà ông đã không đòi được của Hà Nội. Thoạt tiên, ông tìm cách đe dọa và hạ tối hậu thư; khi thấy vô hiệu, ông bèn đưa ra những cam kết không thể thực hiện được để dụ ông Thiệu ký vào bản Hiệp định.

Đường lối mật đàm đã cho Cộng sản hai lợi điểm rất quan trọng. Lợi điểm thứ nhất là, qua sự tiếp xúc mật với Kissinger và nhóm của ông ta, chúng đã có thể thăm dò lập trường Mỹ và xác định xem người Mỹ sẽ đi xa được tới đâu trong cuộc điều đình.

Yêu sách bắt Thiệu từ chức thực ra chỉ là một hình người rơm chúng giơ lên để có thể hạ xuống trong giai đoạn cuối cùng của hòa đàm, để chứng tỏ cho Hoa Kỳ là chúng đã nhượng bộ. Hồi tháng 10-1972, Bắc Việt rút lại yêu sách đòi Thiệu từ chức, thế là Kissinger tuyên bố: đã "bắt" Bắc Việt nhượng bộ để Thiệu và chính phủ Việt Nam Cộng Hòa nguyên vẹn. Vào thời điểm đó thì "nhượng bộ" này đã trở thành vô nghĩa rồi, bởi lẽ sẽ có một cuộc tổng tuyển cử mới, không phải là để bầu tổng thống mà để bầu một Quốc hội lập hiến theo kiểu Cộng sản, và Quốc hội này sẽ chỉ định một chính phủ. Lúc đó, quân Mỹ đã rút hết, và sẽ có 300.000 quân Bắc Việt ở miền Nam làm hậu thuẫn cho Mặt Trận Giải Phóng của Việt Cộng trong một chính phủ liên hiệp.

Lợi điểm thứ hai: gạt chính phủ Việt Nam Cộng Hòa để thương thuyết mật đã mang lại cho Bắc Việt một vũ khí lợi hại để chia rẽ Sài Gòn và Washington. Hà Nội khéo léo khai thác lòng nghi ngờ của Sài Gòn là đang bị bán đứng. Chúng để lọt ra ngoài cho cộng đồng người Việt biết những chi tiết đàm phán và ám chỉ rằng chính phủ miền Nam là bù nhìn của Mỹ. Điều này khiến Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa mất dần đi sự ủng hộ của nhân dân và bị đặt vào một vị thế thấp kém như là một tay sai của Mỹ. Nó còn đem cho Bắc Việt một lợi thế tuyên truyền rất hữu hiệu đó là: gọi Hoa Kỳ là "kẻ xâm lược", khi chính quân Bắc Việt là kẻ xâm lược ở miền Nam. Hồi tưởng lại,

Kissinger mới đây đồng ý rằng Hoa Kỳ đáng lẽ ra đã không nên thương thuyết "giùm" Việt Nam Cộng Hòa: "Ông Thiệu đã đúng, nhưng hồi đó đường lối hành động là vậy (...) có lẽ đó đã là một sai lầm. Tuy rằng, với tình hình quốc hội như thế, bây giờ nói thì dễ hơn là thực hiện".[9]

Thương thuyết mật đã loại trước ra ngoài sự đóng góp kiến thức cũng như khả năng chuyên môn của bất cứ ai khác trong guồng máy hành chánh Hoa Kỳ dù họ là những người đã có kinh nghiệm. Kissinger và mấy người thân cận đã nắm lấy quyền điều khiển. Đường lối tiếp xúc bí mật còn không cho phép gây dựng được một sự đồng tình, nhất trí, vốn là sức mạnh và tính liên tục của thể chế dân chủ.

Đứng về mặt pháp lý, Hiệp định Paris, được ký kết hồi tháng Giêng, 1973, và bản Thông Cáo chung hồi tháng 6 tiếp theo đó, đã là một "thỏa ước để thi hành" (executive agreement), chứ không phải một hiệp ước (treaty) như Kissinger muốn mọi người hiểu vì Nixon đã không đem nạp nó cho Quốc Hội thông qua, Kissinger và Nixon đã hành động một mình; đã không bao giờ nói với công chúng Mỹ về những lời hứa hẹn, được ghi rõ trong các lá thư như một phần quan trọng của thỏa ước đối với Việt Nam Cộng Hòa, là sẽ tiếp tục yểm trợ để ngăn chận không cho Cộng sản chiếm miền Nam bằng võ lực. Nhưng mật ước đó khác hẳn với những lời tuyên bố và lập trường công khai của Hoa Kỳ lúc ký hiệp định đình chiến.[10]

Kissinger sau này nói rằng ông muốn bảo vệ Việt Nam "nhân danh một cuộc hòa giải hơn là nhân danh một cuộc chiến tranh tiếp tục".[11] Hiệp định Paris, tưởng là báo hiệu hòa bình đã tới, lại trở thành một cái cớ để Quốc hội cắt viện trợ, với lập luận là: "Bây giờ đã có hòa bình rồi, càng nhiều súng đạn lại càng tiếp tục đánh nhau!"

Trong khi Quốc hội cắt viện trợ bắt đầu từ hè 1973, thì cả Nixon lẫn Kissinger đã hoàn toàn im lặng. Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger trong một cuộc phỏng vấn với tác giả, đã phàn nàn rằng giá như ông có được trong tay các lá thư mật đó vào dịp ông nhậm chức hồi tháng 7-1973, thì ông đã có thể dùng chúng khi tham khảo ý kiến Quốc hội về viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng Hòa. Và như vậy, theo ông, ắt hẳn là đã vạch ra được những lời cam kết của Hoa Kỳ đối với đồng minh. Ông nói: "Chúng tôi đã không làm như vậy khiến sau này đã gây cho chúng tôi biết bao vấn đề. Tôi còn nhớ tôi đã vô cùng sửng sốt khi đọc một số lá thư ấy (do Marbod chuyển giao hồi tháng 4-1975) vì tôi nghĩ chúng có nghĩa là Hoa Kỳ đã chạy làng những nghĩa vụ mà chính Tổng Thống đã cam kết. Tuy nhiên, nếu ta không biết là những nghĩa vụ đó đã được cam kết thì ta không biết được là Hoa Kỳ đã chạy làng".[12]

Trong một cuộc phỏng vấn khác, vị tiền nhiệm của Schlesinger là Melvin Laird, người đã đề xướng ra chương trình "Vietnamization" còn nói: có lần

ông hỏi Kissinger tại sao không đưa cho ông đọc mấy lá thư ấy, thì Kissinger đã trả lời: "Ồ, đó là một vụ đổi chác giữa tướng Haig và Tổng Thống Nixon".[13] Không một viên chức Mỹ nào đã rút lại hoặc phủ nhận các lá thư ấy, hoặc bằng lời hoặc bằng văn thư cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Nhiều người cho rằng những cam kết đó là do Nixon và ông này đã từ chức. Điều bí mật mà ít ai hay là chính Tổng Thống Ford khi lên nhậm chức đã tái xác định những cam kết đó với Việt Nam Cộng Hòa. Lá thư đầu tiên ông viết trong chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ là thư gởi cho Thiệu. Trong thư, Ford đã khẳng định là "*tất cả những cam kết mà nước chúng tôi đã hứa hẹn với quí quốc trong quá khứ nó vẫn còn hiệu lực và sẽ được hoàn toàn tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi*". Không một phút giây nào cho tới hai tuần lễ chót mà Đại sứ Martin đã không thôi nói với Thiệu và các tướng lãnh là mặc dù khó khăn, rốt cuộc rồi thế nào viện trợ Mỹ cũng được đầy đủ.

Toàn bộ những lá mật thư đó tạo nên một sự cam kết đối với Việt Nam Cộng Hòa, được nhắc đi nhắc lại bởi các nhà lãnh đạo dân cử của nhân dân Hoa Kỳ. Nó phải được coi là những lời cam kết danh dự do hai Tổng Thống, nhân danh chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ, đã viết lên giấy trắng mực đen tiếp theo những hứa hẹn yểm trợ Việt Nam Cộng Hòa của các vị tiền nhiệm: Eisenhower, Kennedy và Johnson. Những cam kết đó chưa hề bao giờ được tiết lộ toàn

bộ, và tầm quan trọng của chúng đã bị Kissinger hạ giảm đến tối thiểu trong những ngày cuối của cuộc chiến. Những lá thư đó không phải chỉ là một chuỗi hứa hẹn trừu tượng; chúng đã là những công cụ của nền ngoại giao Hoa Kỳ được xử dụng để tác động, để đổi chác, và để đưa đến những quyết định quan trọng liên hệ tới tương lai của Việt Nam Cộng Hòa. Nếu nhìn vào toàn bộ của *Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập*, ta có thể ví những lá thư ấy như 31 lá thư tình, chúng còn có thể có một giá trị hơn cả giấy giá thú. Xét về khía cạnh ngoại giao, thư từ của Tổng Thống Hoa Kỳ phải có tính cách ràng buộc, nếu không thì từ nay các nhà lãnh đạo của các quốc gia khác, khi nhận được thư của Tổng Thống Hoa Kỳ sẽ nghĩ ra sao?

Không làm tròn nhiệm vụ với đồng minh, Hoa Kỳ đã khiến các nước bạn nghi ngờ, và các nước thù nghịch tìm cách giành lợi thế. Ngoại trưởng Vương Văn Bắc, vào những tháng chót của cuộc chiến, sang Saudi Arabia để hỏi vay tiền, và giải thích cho tổng trưởng dầu lửa Yamani biết lý do vay mượn là Mỹ đã không viện trợ như đã hứa. Yamani bèn hỏi: "Làm sao một chủ tịch công ty có thể ký một tài liệu, rồi người kế vị lại nói 'Tôi không biết gì về cái đó hết'! Rõ ràng là sự tín nhiệm của Hoa Kỳ đã bị sứt mẻ". Trong lúc chiến tranh, Hoa Kỳ đã tiêu tới 250 tỷ mỹ kim. Sau cùng, Việt Nam Cộng Hòa chỉ xin 200 triệu mỹ kim để mua đạn và xăng nhớt, mà Quốc hội đã từ khước, và như vậy, tinh thần cũng như khả năng

chiến đấu của Việt Nam Cộng Hòa vào những tháng chót chẳng còn là bao nhiêu. (Xem phụ lục F)

Như tướng John Murray, trưởng phòng Tùy viên Quân sự Hoa Kỳ tại Sài Gòn đã giải thích:

Nếu anh muốn biết về Việt Nam, anh phải biết về chiến tranh; nếu anh muốn biết về chiến tranh, thì anh phải biết chút đỉnh số học. Lúc quyền lực Mỹ ở vào cao điểm tại đó, ta đã có 433 tiểu đoàn tác chiến Hoa Kỳ và đồng minh; địch có 60 trung đoàn tác chiến (lớn hơn). Năm 1974, khi ta đã rút ra, Lục quân Việt Nam Cộng Hòa có 189 tiểu đoàn, và địch đã xây dựng được 110 trung đoàn. Hỏa lực dưới đất của đồng minh bị giảm mất 40 phần trăm. Lấy đi B-52, lấy đi F-4, và lấy đi hỏa lực hải quân ứ lấy hết mấy thủ này đi. Thế rồi ta bắt đầu yểm trợ Nam Việt Nam với 2 phần trăm số tiền lúc trước ta đã dùng để yểm trợ lực lượng của chính ta (Hoa Kỳ) tại Việt Nam chống lại một (lực lượng) địch quân nhỏ bé hơn. Anh biết Napoleon đã nói gì: "Thượng đế đứng về phe tiểu đoàn nào lớn nhất"... Và đúng vào khoảng thời gian đó Thượng đế đã đứng về phe Cộng sản; chúng lớn hơn, chúng mạnh hơn. Đó là lý do tại sao thua trận.[14]

Ngày nay, tất cả những nhân vật hữu trách trong giai đoạn cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa như Nixon, Ford, Kissinger đều đổ tại *Quốc hội Hoa Kỳ và Watergate.* Bàn tay của Quốc hội Hoa Kỳ vẫn còn dính máu của nhân dân Việt Nam Cộng Hòa và Watergate thực sự đã làm cho chức vụ Tổng Thống

Hoa Kỳ yếu đi. Thế nhưng, những sự việc ngoại lai ảnh hưởng tới giai đoạn cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa đã bắt đầu rất lâu trước khi Quốc hội Mỹ cắt viện trợ, và Watergate chỉ bùng nổ trong mùa hè 1973. Những sự việc đó đã bắt đầu từ lúc Nixon và Kissinger từ giã Thiệu ở Dinh Độc Lập ngày 30 tháng 7, năm 1969, để Kissinger lên máy bay trực chỉ sang Paris lén lút mật đàm với Bắc Việt. Ngoài ra, chính những nghị sĩ cỡ bự trong việc cắt viện trợ và làm ra đạo luật "Quyền Hạn Chiến Tranh" để hạn chế quyền của Tổng Thống Hoa Kỳ cũng đã phàn nàn rằng khi làm như vậy, họ đã không biết gì hết về những mật thư.

Tháng 4-1975, cố Thượng nghị sĩ Frank Church, đồng tác giả của Đạo Luật Thẩm Quyền Chiến Tranh, nói: "Hồi đó không ai nói gì với chúng tôi về những cam đoan sẽ được Hoa Kỳ gánh vác hết. Tôi không nhớ là có người nào thông báo cho Ủy ban tôi biết là đã có một cam đoan nào, được viết ra, minh thị, hoặc bằng cách nào khác. Ấn tượng rõ rệt lúc ấy của chúng tôi là không có điều gì dấu giếm chúng tôi cả". Thượng nghị sĩ Jacob K. Javits, khi nói đến các lá thư, đã quả quyết: "Muốn gọi mấy tài liệu đó là gì gì đi chăng nữa, đáng lý ra chúng đã phải được đưa ra cho Ủy ban Ngoại giao Thượng viện cùng với những tài liệu khác liên quan đến Hiệp định Paris".[15] Riêng đối với Kissinger thì mặc dù trước công chúng, ông vẫn còn cố giảm thiểu sự quan trọng của các mật thư do

chính tay ông thảo và không bao giờ chịu nhận trách nhiệm, nhưng trong những giây phút riêng tư, ông đã phải thú nhận sự lầm lỗi của ông. Năm năm sau, khi Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, ông đã viết một bức thư cho Thiệu để thanh minh và kết luận: Tôi không mong là sẽ thuyết phục được Ngài. Ít nhất, tôi chỉ có thể cố gắng xin Ngài tin tưởng ở lòng hối hận và lòng kính trọng, vẫn còn ở tôi". (Xin xem phụ lục F)

Như vậy là từ một số nghị sĩ dân biểu tới các Tổng Thống Nixon, Ford và các vị Bộ trưởng Quốc phòng như Laird, Richardson, Schlesinger, tướng Haig và Kissinger đều đã một phần nào hối tiếc những gì đã xẩy ra cho Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng hối tiếc dĩ nhiên không thể là đủ. *Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập* đã khẳng định là phải đặt lại trách nhiệm của Hoa Kỳ đối với 24 triệu nhân dân miền Nam ngày nay còn phải sống dưới gông cùm của Cộng Sản.

phần ghi chú

Chương I

1. Năm 1954, viên Cao ủy Pháp tại Đông Dương, Tướng Paul Ely, chuyển giao Dinh Norodom (tên một ông vua Cao Miên) cho chính phủ Ngô Đình Diệm. Tổng Thống Diệm đặt tên lại là Dinh Độc Lập. Dinh Gia Long trước kia là cư dinh của toàn quyền Pháp tại "Nam kỳ".
2. Độc thoại là phong cách quan liêu của TT Diệm mà ai trước từng tiếp xúc cũng đã biết. Người anh của Hưng trước kia phục vụ trong chính phủ Diệm đã kể lại cho Hưng nghe nhiều mẩu giai thoại lý thú về phong cách đó của Diệm. Như một vị giáo sư Luật khả kính của Hưng, thường được coi là người nghiêm khắc, ai cũng phải kiêng nể. Có lần được gọi vào gặp Diệm, vị giáo sư này đã sợ hãi cái phong cách lạnh lùng của Diệm đến nỗi lúc ra về phải đi giật lùi, không dám xoay lưng về phía Diệm. Vừa đi lùi vừa phải cúi mặt xuống. Ông đã không nhìn thấy một lọ lộc bình cổ phía sau lưng,

nên đã đụng vỡ nó. Stanley Karnow, *Vietnam:* A *History*, tr. 24, cũng kể lại kinh nghiệm của mình với thói quen độc thoại của ông Diệm.

3. Henry Kissinger, *The White House Years*, lập luận như sau: "Bất chấp những kết luận của các nhà phân tích hệ thống ra sao, trong gần hai năm sau đó đã không có một tác chiến quan trọng nào tại các vùng miền Nam Việt Nam bị bỏ ngỏ và dễ tấn công nhất từ các sào huyệt. Vùng châu thổ Cửu Long và các khu vực đông dân nhất cũng đã được an toàn. Thế rồi khi Hà Nội tung ra cuộc tổng công kích toàn quốc vào mùa xuân 1972, thì mũi dùi lớn nhất đã đến từ phía Bắc qua vùng Phi Quân Sự nơi mà đường tiếp tế của họ ngắn nhất; các cuộc tấn công từ phía Cao Miên lại yếu nhất và dễ ngăn chận nhất" (tr. 508).
4. Vào mùa đông 1969-1970, Liên Xô và Trung Quốc công khai xung đột trên sông Ussuri, biên giới hai nước. Nga Xô còn tìm cách thử xem Hoa Kỳ sẽ phản ứng thế nào về vụ họ tấn công các cơ sở hạt nhân của Trung Quốc nữa.

   Trong những năm 1960, quan hệ Trung-Xô đã xuống dốc công khai và đều đặn. Năm 1961, Nga Xô rút tất cả các cố vấn viện trợ kinh tế của họ khỏi Trung Quốc; tháng 9-1964, Trung Cộng cho nổ trái bom hạt nhân đầu tiên của họ, và Nga càng quan ngại hơn. Trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa, 1965-1966, Sứ quán Xô Viết đã thường là

đối tượng của những đoàn biểu tình Trung Hoa. Bắt đầu từ 1967, Liên Xô tăng cường lực lượng tại Viễn Đông. Ngày 2-3-1967, lối 300 quân sĩ Trung Cộng phục kích và giết hại khoảng 30 lính biên phòng Xô Viết tại đảo Damansky còn đang tranh chấp, trên sông Ussuri. Ngày 15-3, một tiểu đoàn Xô Viết được trang bị súng cối, trọng pháo và được phi cơ trực thăng và chiến cơ phản lực yểm trợ, đã tấn công Trung Quốc và giết hại hàng trăm người. Cùng ngày, một bài bình luận trên đài phát thanh Mạc Tư Khoa, nhan đề "Liên Xô có sợ Trung Quốc không"? đã nhấn mạnh ưu thế hạt nhân át trội của Liên Xô đối với Trung Quốc. Liên Xô đến tháng 4 rồi tháng 6 kêu gọi điều đình về hòn đảo tranh chấp ấy. Tháng 9, 1969, Thủ tướng Aleksei Kosygin gặp Châu Ân Lai sau khi dự đám tang Hồ Chí Minh tại Hà Nội. Ngày 16 tháng 9, tờ nhật báo *Evening News* tại London đăng tải một bài bình luận ký tên Victor Louis, là bút hiệu một nhân vật cao cấp Nga Xô, với hàng tít lớn "*Will Russian Rockets Czech-mate China*"? (Dịch nghĩa: "Liệu hỏa tiễn Nga có sẽ đánh gục Trung Quốc theo kiểu Tiệp Khắc không"? – Chú ý lối chơi chữ: *check-mate:* chiếu cờ hết. LND) Bài bình luận nhận định rằng chủ thuyết Brezhnev cũng có thể áp dụng cho Trung Quốc nữa, nhất là vì một phe chống Mao lúc đó đang mong đợi Nga Xô đến giúp "Ở đây không một ai còn chữ nghi

ngờ gì về sự kiện là các cơ sở hạt nhân của Nga nhắm thẳng vào những cơ sở hạt nhân của Trung Quốc". Xin coi Morris Rottenberg, *Whiter China: The View from the Kremlin,* tr. 93, và Jonathan R. Adelman, *Crossroads, "The Soviet use of Force Four Cases of Soviet Crisis Desision Making"*, tr. 545-556

5. Ông Thiệu đang sưu tập sách cho thư viện Dinh Độc Lập vào mùa hè 1973, và ông bảo Hưng đề nghị một số tên và loại sách căn bản. Trong khi thảo luận, Thiệu đưa Hưng coi một tập hồ sơ gồm những lời tuyên bố và bình luận của Nixon về Trung Quốc, và kể lại là sau khi Nixon tuyên bố chuyến đi Bắc Kinh của Kissinger, ông tham khảo và nghiên cứu hồ sơ này.
6. Lloyd C. Gardner, *The Great Nixon Turnaround.* Bài diễn văn đã được đọc cho Commonwealth Club of California ngày 2-4-1965. Nixon nói: "Nếu Hoa Kỳ coi Việt Nam là một chính nghĩa đã thất bại, thì Á Châu cũng sẽ coi Hoa Kỳ là một chính nghĩa đã thất bại, và Thái Bình Dương sẽ là một Biển Đỏ. Đây là những cơ may cũng như vận rủi. Và đây là lý do mà chính quyền Johnson đã quyết định phải thắng lợi tại Việt Nam – không hơn, không kém" (tr. 50-51).
7. Nói chuyện giữa Hưng và Đại tá Võ Văn Cầm, Chánh văn phòng của Thiệu, 19-7-1974.
8. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985.

9. Nói chuyện giữa Hưng và Thiệu, đầu tháng 9-1973.
10. Lúc rời Dinh Độc Lập, Hưng thấy lòng khoan khoái; anh bỗng nhớ lại một câu chuyện được đọc hồi còn ở bậc tiểu học. Trong thời kỳ Cách mạng Pháp, Tướng nổi tiếng Lazare Nicholas Marguerite Carnot, sau khi giành được thắng lợi cho các đạo quân cách mạng, trở về Nolay, là ngôi làng ông đã sinh trưởng, ở vùng Bourgogne. Đến trường học cũ, các học sinh vội vã đứng lên chào ông Tướng. Nhưng Carnot nhìn ông thầy cũ của mình, ngả mũ cúi chào thầy và nói: "Các em phải chào thầy mới đúng, đây là thầy của tôi". Nhớ lại chuyện này, Hưng bèn quyết định trở lại ngôi trường cũ tại Sài Gòn, trường Chu Văn An, và đến chào các thầy học cũ của anh.
11. Phong vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985. Hoàng Đức Nhã nói rằng ở Sài Gòn, người ta nghi ngờ Tướng Minh đã giữ lại 2 triệu Mỹ Kim và gửi 3 triệu Mỹ kim qua Ngân hàng Tokyo, cho người con trai đang theo học y khoa tại Paris. Frank Snepp, trong cuốn *Decent Interval,* nói huỵch toẹt ra rằng Đại sứ Bunker "quyết định đút lót nhân vật đối lập ôn hòa, Đại tướng Dương văn "Big" Minh, để ông này giữ tên trên liên danh cho gọi là có đối lập. Trò oái oăm này có thể đã thành công – Bunker đã dạm ướm với tất cả tài ngoại giao điển hình của mình – nếu như về sau Minh đã không tính toán bằng 3 triệu Mỹ kim cho cuộc

vận động tranh cử đã chẳng đáng với viễn ảnh thất cử chắc chắn. (trang 11). Seymour Hersch, *The Price of Power,* ghi nhận rằng mặc dù Bunker và một số người khác đã khăng khăng phủ nhận lời khai của một nhân viên cơ quan trung ương tình báo trong vụ kiện (mệnh danh "tự do tin tức" của Frank Snepp hồi 1978 đã tiết lộ rằng "bản phúc trình căn bản của Snepp là đúng". Lời khai có biên bản này còn xác nhận các báo cáo khác nói rằng các tư phòng và nơi làm việc của Thiệu, cũng như tư thất của Minh, đã bị CIA đặt máy nghe lén (tr. 437-438)

12. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985.
13. Phỏng vấn Vương Văn Bắc tại Paris, 23-8-1985.
14. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985. Thiệu cũng đã nói với Hưng các ý nghĩa này của ông ta tại Sài Gòn, hồi 1974 và 1975.
15. "Tôi đã sẵn sàng từ chức với điều kiện bản hiệp định hòa bình là một văn kiện có lợi, được lâu bền, và Việt cộng sẽ tôn trọng. Như thế là xong việc cho tôi, và tôi có thể đi về nhà quê sống. Sống cuộc đời một người hòa giải, một anh hùng dân tộc, thì hơn nhiều chớ. Trong thời bình còn bao nhiêu là vấn đề nan giải".
16. Hersh, sđd, tr. 440, trích dẫn lời Robert Shaplen, phóng viên đứng đắn chuyên về Đông Nam Á của tạp chí *New Yorker*", "Các quan sát viên ở đây, Việt Nam hay ngoại quốc rất ít người tin (...) vào

các con số chính thức. Ước lượng đáng tin hơn cả là tại vùng quê chừng năm mươi hay sáu mươi phần trăm số người đủ tư cách đã đi bỏ phiếu, và tại Sài Gòn và các thành phố lớn khác lối chừng ba mươi hay bốn mươi phần trăm".

17. *Hung*, *Economic Development* of *Socialist*, *Vietnam, 1955-1980*. Tr. 14.
18. Tướng Lữ Hán, tư lệnh quân đội Trung Hoa Quốc Gia, sau khi được Hồ đút lót một bộ đồ nghề hút thuốc phiện bằng vàng, đã thôi ủng hộ các đảng phái Quốc gia của Việt Nam, hồi đó chống đối Hồ. Số vàng quyên được trong các Tuần-lễ-vàng đã được dùng để mua chuộc sự bao che ngầm của người Tàu khi họ Hồ lên cướp chính quyền. Xin coi Donald Lancaster, *The Emancipation* of *French Indonchina,* tr. 126 và Philippe Devilliers, *Histoire du Việt Nam de 1940* à *1952*, tr. *126.*
19. Kissinger, *White House Years*, tr. 1043
20. *U.S. Foreign Policy for the 1970's, The Emerging Structure of Peace, A Report to the Congress by Richard Nixon, President of the United States, Frebruary 9, 1972,* tr. 115. "Nhằm đẩy nhanh các cuộc thương thuyết, chúng tôi đã đồng ý đi ra ngoài đường lối của đề nghị ngày 31 tháng 5 (rút về toàn bộ quân Mỹ đổi lấy một cuộc trao đổi tù binh và một cuộc ngưng bắn ở Đông Dương) và thảo luận những vấn đề chính trị cũng như quân sự".

21. Hưng phỏng vấn Nguyên Văn Thiệu, London, 26-11-1976, và phỏng vấn các tác giả, 3-5 và 13-6, 1985.
22. Oriana Fallaci, *Interview with History.* Cũng xin coi bài Fallaci phỏng vấn ông Thiệu tại Sài Gòn ngày 23-1-1973. Khi được hỏi có phải đã trông cậy quá nhiều vào người Mỹ không, Thiệu đáp: "Mademoiselle, lúc này tôi chưa thể trả lời câu đó được! Chưa tới cái lúc mà tôi có thể nói là, "Tôi đã bị bỏ rơi rồi. Tôi còn phải tiếp tục giải thích cho người Mỹ, là người nhìn rất xa, quá xa; nói thế chắc cô hiểu. Có thể tôi đã trông cậy quá nhiều vào người Mỹ. Đúng thế. Nhưng nếu cô ở vào chỗ của tôi, chắc cô cũng sẽ làm như thế. Một nước nhỏ bé như nước chúng tôi, muốn giữ cho được độc lập phải cần đến mọi thứ từ quân sự đến kinh tế. Chắc chắn rồi, tôi đã trông cậy vào họ nữa chớ! Nếu không tin cậy vào bạn hữu thì trông cậy vào ai? Bạn cũng giống như vợ. Cho tới lúc vợ bỏ mình, hay mình bỏ vợ, cho tới lúc phải ly dị hẳn hoi, thì vẫn phải tin nhau, phải không?
23. Fallaci, sđd., tr. 49.
24. John Prados, *The Sky Would Fall,* tr. 170, cho nhiều chi tiết về lập luận của Nixon, khi ủng hộ dội bom Điện Biên Phủ.
25. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-7-1985.
26. H.G. Creel, *Chinese Thought from Confucius to Mao Tse-tung*, thảo luận về nguồn gốc của quan

niệm "Thiên Mệnh", được coi như một cách biện hộ cho quyền cai trị trong lịch sử Trung Hoa kể từ các triều đại nhà Thương, năm 1400 trước C.N. Khổng Tử đã coi Trời như "một quyền lực đạo đức được quan niệm một cách mơ hồ trong vũ trụ". Nhà vua nơi hạ thế có được cái lực này. Trời không nhận những kẻ trị vì nào không thương dân (tr. 30– 31 và 50).

Người Việt Nam đã chấp nhận quan niệm này của người Tầu, và nó đã ảnh hưởng sâu đậm vào đường lối chính trị của họ. Chẳng hạn, Diệm và Thiệu đã không chấp nhận sự đối lập chính trị vĩnh viễn là một phần của tiến trình dân chủ. Cả hai đều cho quyền lực của mình là tuyệt đối, trong cái nghĩa là Trời đã trao cho họ cái quyền cai trị. Diệm có lần nói rằng "Theo đạo Khổng, thì Thiên mệnh trao cho một vị quốc vương chỉ có thể hủy bỏ khi nào vị quốc vương ấy tỏ ra không xứng đáng với thiên mệnh ấy; tiếng nói của người dân chính là tiếng nói của Trời". Xin coi Schecter, *The New Face of Buddha,* tr. 187.

27. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985, và các cuộc đàm thoại giữa Hưng và Thiệu, Sài Gòn 1974.

Chương II

1. Trong các cuộc phỏng vấn với ông Thiệu, chúng tôi hỏi có phải Nixon đã mang nợ ông vì ông đã

ủng hộ Nixon trong kỳ vận động tranh cử hồi 1968 không, thì Thiệu đáp ngay: "Dĩ nhiên, dĩ nhiên". Do lòng tự ái cũng như bản chất rụt rè, Thiệu đã không bao giờ bàn đến cuộc bầu cử 1968 với Nixon, và Nixon cũng không hề nêu vấn đề này với Thiệu.

2. Phỏng vấn Nguyên văn Thiệu, 3-5-1985.
3. Phỏng vấn Ted Van Dyk, 17-12-1985.
4. Phỏng vấn Thiệu, 3-5-1985.
5. Johnson, *The Vantage Point*, tr. 542.
6. Phỏng vấn bà Chennault, 3 và 5-5-1985.
6. Phỏng vấn bà Chenault, 23-2-1986.
7. Phỏng vấn bà Chennault, 3 và 5-5-1985.
8. Chennault, *The Education of Anna*, do Seymour M. Hersh trích dẫn trong *The Price of Power,* tr. 21 cũng xin coi Karnow, *Vietnam: A History*, tr. 585-586.
9. Nixon, *Memoirs*, tr. 324.
10. Hersh, *The Price* of *Power*, dẫn chứng tài liệu cho thấy Kissinger, trong thời gian làm cố vấn cho Nelson Rockefeller, đã có chân trong cả hai chiến dịch vận động tranh cử, của Humphrey và của Nixon cùng một lúc! Mới đầu, Kissinger dạm ướm sẽ đưa những hồ sơ về Nixon cho phe Humphrey đọc nhưng về sau lại thôi. Tuy nhiên, lúc cuộc đua tới chỗ nước rút, Kissinger viết thư cho phe Humphrey ngỏ ý muốn phục vụ chính quyền Humphrey tương lai. Khi sách của Hersh

xuất bản, Kissinger gọi ông này là "tên nói láo nhơ nhuốc". Kissinger tìm cách nhờ cố vấn an ninh của T.T. Carter, ông Zbigniew Brzezinski, ngày trước làm cố vấn ngoại giao then chốt cho Humphrey, bác bẻ giùm lời buộc tội của Hersh. Brzezinski cùng với Sam P. Huntington, giáo sư chính phủ học tại Harvard, và Robert Hunter, một nhân viên trong ban tham mưu hồi trước của Thượng nghị sĩ Edward Kennedy, đã tích cực giúp vận động cho Humphrey và cả ba đều nói rằng Kissinger quả thật đã có gửi đề nghị để làm cố vấn cho Humphrey. Ted Van Dyk, người tiếp nhận lá thư của Kissinger xin được phục vụ trong chính quyền tương lai của Humphrey, cũng quả quyết như thế. Khi được Kissinger nhờ cải chính giùm ông về vụ này do Hersh phanh phui. Brzezinski nói: "Tôi không muốn nói láo dùm Henry (Kissinger)". Vụ này về sau khiến gây ra nhiều căng thẳng trong liên hệ của hai người.

11. Xin coi Karnow, sđd, tr. 586.
12. Mặc dù vẫn tìm cách hạn chế vai trò của chính phủ Cách Mạng Lâm Thời (CPCMLT), Thiệu đã tỏ ra mình mềm dẻo bằng cách mời Đại tướng Dương Văn Minh hồi ấy đang lưu vong ở Thái Lan, về làm cố vấn cho mình. Cộng sản muốn Minh làm trưởng một phái đoàn miền Nam Việt Nam đi dự hoà đàm. Là người sinh trưởng tại miền Nam, Minh đã có nhiều liên lạc với CPCMLT;

người ta vẫn cho Minh là người ủng hộ một giải pháp trung lập tại miền Nam. Tất cả những chiến thuật nghị bình này đều nhằm mục đích ngăn cản Johnson đừng vội tuyên bố ngưng dội bom.

13. Nixon, *Memoirs*, tr. 326, trích dẫn một tờ trình ngày 22-10-1968 của Bryce Harlow, một tùy viên chính trị dưới quyền, viết về kế hoạch của Johnson. Đọc tờ trình ấy nhiều lần, Nixon "mỗi lúc mỗi cáu hơn và bực bội hơn". Harlow viết: "*Tổng Thống (Nixon) đang cố tìm mọi cách để có được một đổi chác với Bắc Việt. (...) ông đã trở nên háo hức, một cách dường như bệnh hoạn, đi tìm một cái có nào đó để có thể vịn đó mà ra lệnh ngưng oanh tạc và sẽ chấp nhận bất cứ một cuộc dàn xếp nào... Các kế hoạch được soạn thảo cẩn thận để đưa cho Humphrey khai thác bất cứ một biến chuyển nào xảy đến. Ban Tham mưu tòa Bạch Ốc* liên lạc mật thiết với Humphrey. Kế hoạch là để Johnson lên đài truyền hình toàn quốc loan báo càng sớm càng tốt sau khi đã có được sự thỏa thuận; mục tiêu là thi hành kế hoạch đó trước ngày tổng tuyển cử 5-11, một thời gian càng nhiều càng hay"...

Sau khi đọc bản phúc trình, Nixon quyết định phải chạm trán với Johnson; ông ra chỉ thị cho John Mitchell vận động với các thượng nghị sĩ Everett Dirksen và John Tower "bẻ gãy các kế hoạch của Tòa Bạch Ốc," và còn nhờ Dirksen, với tư cách là Chủ tịch phe thiểu số Thượng viện, cho

Johnson "biết là chúng tôi đã biết được thủ đoạn của ông ta rồi". Anna Chennault bèn lập tức van nài Thiệu "cứ cố thủ" (Please hold on!).

14. Nixon, sđd, tr. 327.
15. Johnson, sđd, tr. 520-521.
16. Như trên.
17. Như trên, tr. 524.
18. White, *The Making of the President 1968*, tr. *446.*
19. Nói chuyện giữa Hưng và Thiệu, 25-11-1976. Thiệu ra lệnh giữ lại các thư ký trong một căn phòng nhỏ ở lầu 2 Dinh Độc Lập, nơi họ đánh máy, cho đến khi nào ông đã đọc xong bài diễn văn mới cho ra khỏi. Thiệu đã không muốn cái rủi ro là họ có thể tìm cách liên lạc với một nhân viên CIA qua một đường dây mật nào đó trong Dinh. Thiệu không biết trong số nhân viên của mình có ai làm việc cho CIA không, nhưng bản tính đa nghi vốn có đã bắt ông luôn luôn phải cho rằng điều bất hạnh nhất cũng có thể xẩy đến.
20. Nói chuyện giữa Hưng và Thiệu, 25-11-1976.
21. Tổng Thống Johnson đã điện đàm với Đại sứ Bunker: Căn cứ vào lời nói của Thiệu, Bunker đã cam đoan với Washington rằng chính phủ Sài Gòn sẽ tham dự hòa đàm Paris. Một số nhân viên trong ban tham mưu tòa Đại Sứ, như John Negroponte, một chuyên viên chính trị nói được sõi tiếng Việt, đã tuyên đoán rằng Thiệu sẽ không chịu đi theo, nhưng Bunker đã không nghe lời

cố vấn của Negroponte. Phỏng vấn Richard Holbrooke, 26-4-1985. (Holbrooke hồi đó là một chuyên viên cấp thấp, làm cho Averell Harriman tại Hội nghị Hòa bình Paris.)

22. White, tr. 447.
23. L.B. Johnson, *The Vantage Point,* trang 548-549
24. Nixon, sđd, tr. 328.
25. Hưng nói chuyện với Thiệu, London, 26-11-1976.
26. Phỏng vấn Thiệu, 13-6-1985.
27. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-7-1985.
28. White, tr. 447.
29. Humphrey, dụ được Johnson cho biết về vai trò bí mật của bà Chennault trong công tác thuyết phục ông Thiệu, đã quyết định không công bố tin tức này. Mối liên lạc Nixon-Mitchell đã bảo mật kỹ càng đến độ nhân viên tại trụ sở ban vận động cho Nixon đã phải nói với Theodore White rằng họ hết sức sửng sốt về lời bịa tạc của Bà Chennault. White giải thích: "Để ghi lại sự việc này cho mai hậu, tôi phải xin nói thêm rằng, trong khi thăm dò tình tiết ly kỳ này trong dịp cuối tuần lễ ngay lúc vừa xẩy ra sự việc, tôi nghĩ rằng quyết định của Humphrey (không tiết lộ vụ Anna Chennault) là đứng đắn về mặt đạo đức, dù không về mặt chiến thuật. Vừa có báo cáo về sự phá hoại của phe Cộng Hòa tại Sài Gòn, trụ sở của phe Nixon đã bắt đầu điều tra chuyện đó; đã khám phá được các hoạt động của của Bà

Chennault; và họ đã phải kinh ngạc. Sự nổi giận và mất tinh thần tại trụ sở ban vận động bầu cử của Nixon, khi tùy viên của ông khám phá được báo cáo đó, đã thực là kịch liệt, không thể nào là họ đã giả bộ nóng giận như vậy chỉ vì ký giả này. Cảm tưởng trong buổi sáng thứ hai trước hôm bầu cử là, rất giản dị: nếu họ thất cử, thì đó sẽ là lỗi của Bà Chennault. Bà này đã lợi dụng danh nghĩa và thẩm quyền của họ để rồi chẳng đi tới đâu. Ví thử phe Dân Chủ lúc đó tiết lộ câu chuyện ấy cho công chúng biết, thì không một lời phủ nhận nào của phe Nixon sẽ làm cho người ta tin được; và như vậy phe Nixon sẽ bị phe Humphrey nắm được bài tẩy". (tr. 445). Tập hồi ký của Nixon, xuất bản 10 năm sau, 1979 cho ta thấy rằng rõ là Tổng Thống và số tùy viên cao cấp nhất của ông ta, Haldeman và Mitchell, đã trực tiếp phụ trách vấn đề đó, và đã biết về kế hoạch của Johnson qua Henry Kissinger và một nguồn tin vô danh thân cận với Johnson. Nixon không hề nhắc đến tên Bà Chennault trong tập hồi ký, như bà này có nhắc đến tên Mitchell trong tập hồi ký của chính mình – *The Education of Anna,* tr. 190.

30. *The Washington Post*, 12-11-1966.

31. Nixon về sau hiến Bà Chennault một chức đại sứ nhưng bà không nhận. Johnson thì không bao giờ công khai thừa nhận vai trò của bà ta. Trong hồi ký Johnson chỉ nói: "Chúng tôi có nhận được tin

tức nói rằng những người tư nhân là phát ngôn cho ứng cử viên Cộng Hòa vẫn còn đang tìm cách thuyết phục chính phủ miền Nam Việt Nam cứ kéo lê chân trong vụ hòa đàm". (tr. 521).

Cả Humphrey lẫn Johnson đã đều muốn tung ra câu chuyện Bà Chennault liên lạc xúi Thiệu, nhưng rồi quyết định không tố cáo bà ta công khai. Theo Ted Van Dyk người phụ trách viết điện văn cho Johnson, ông này đã phải giải thích là chính quyền đã nghe lén điện thoại mới biết Bà Chennault có những hoạt động ấy, và như thế là bất hợp pháp. Lý do thứ hai là Johnson đã không muốn làm mất lòng Thomas Corcoran (hỗn danh "Tommy The Cock") một người bạn lâu năm và cộng sự viên của mình, và cũng là một người bạn rất thân thường tháp tùng bà Chennault. Thêm nữa, Johnson cũng vẫn còn nửa thích nửa không thích Humphrey, và bán tín bán nghi ý định chấm dứt chiến tranh của ông này.

Humphrey xúi Jame Rowe, một ủng hộ viên của mình, đến gặp Bà Chennault và bảo bà ta bỏ ý định xúi Thiệu chần chừ đi. Nhưng Rowe báo cáo lại cho Humphrey là "không xong; Thiệu nhất định sẽ lì". Đang ở trên máy bay đi vận động bầu cử, Humphrey được Van Dyk báo cho tin này; Humphrey đã than phiền: "Tới năm 1968 rồi mà nhóm Vận động Hành lang của Trung Hoa vẫn còn sống sót". Tất tưởi đi lên đi xuống lối giữa

trên sân máy bay, Humphrey la lối om sòm: "Họa có Trời đánh Thánh vật tôi chết thì tôi mới để cho nhóm Vận động Hành lang của Trung Hoa chi phối được chính phủ này". Ông bèn ra chỉ thị cho Van Dyk đưa ra một lời tuyên bố không yểm hộ chính phủ Thiệu nữa. Thế nhưng Van Dyk chỉ đưa ra một bản thông cáo nói rằng nếu Việt Nam Cộng hòa không chịu tham dự Hòa đàm Paris thì Hoa Kỳ sẽ đi dự một mình. Sau kỳ bầu cử, Humphrey được khen là đã không nêu vụ Bà Chennault vào cuộc vận động tranh cử. Ngày nay Van Dyk còn tin rằng "giá như Bà Chennault và Nixon đã không can thiệp với ông Thiệu, thì chúng tôi ắt đã có thể thắng cử vì lúc đó Humphrey đang có nhiều cơ hội thuận tiện"... Phỏng Vấn Ted Van Dyk, 17-12-1985.

Trong tập hồi ký của ông, *The Vantage Point,* TT Johnson viết: "Ngày 1 tháng 11, sau khi cho hay là sẽ đi dự Hòa đàm Paris, nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng hòa lại quyết định không tham dự. Tôi tin chắc rằng sự việc đó đã làm cho Humphrey thất cử" (tr. 548-549).

32. Phỏng vấn Anna Chennault, 2-3-1986. Bà Chennault kể lại Lyndon Johnson bảo Tom Corcoran rằng ông lo những nỗ lực mang lại hòa bình cho Việt Nam có thể bị trở ngại. Johnson ngỏ lời với Nixon về điều này trong một cuộc gặp gỡ tại tòa Bạch Ốc, sau khi Nixon thắng cử,

sợ Johnson có thể công bố mọi liên lạc giữa Bà Chennault và Thiệu, nên đã vội đồng ý thúc giục Thiệu qua Paris dự hòa đàm: sau khi đã đạt mục tiêu là thắng cử Tổng Thống rồi, Nixon không còn lo ngại về vấn đề Thiệu không tham dự hội nghị Paris nữa!

33. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-5-1985.
34. Bài diễn văn từ chức của Thiệu, ngày 21-4-1975, tại Sài Gòn, bản sao của Federal Broaodcast Information Services.
35. Cả Nixon lẫn Kissinger đều bàn đến vụ EC-121 với nhiều chi tiết. Xin coi Nixon, sđd, tr. 382-285; Kissinger, *The White House Years*, tr. 313-321.
36. Stephen E. Ambrose, Eisenhower, tập 2, tr. 97-99; U. Alexis Johnson, *The Right Hand of Power*, tr. 160 –"Eisenhower còn nghĩ rằng ta phải nghiên cứu cả đến việc dùng vũ khí hạt nhân chiến thuật tại đó nếu như các cuộc thương thảo đình chiến vẫn còn chậm chạp".
37. Vụ dội bom bí mật ở Cao Miên đã được William Beecher của tờ *The New York Times* tiết lộ trong một bài tường thuật rất chi tiết ngày 9-5.
38. Nixon, sđd, tr. 385.
39. Phỏng vấn Alexander Haig, 14-1-1986. Haig kể lại, hồi còn trong chức vụ Ngoại trưởng, ông đã khuyến cáo Tổng Thống Reagan nên có hành động cương quyết chống Cuba sau khi vừa nhận chức tháng Giêng 1981, để ngăn Cuba yểm trợ

phe Sandinista tại Nicaragua. Haig còn nói là hồi đó ông "đang nghĩ lấy một trang sách của Eisenhower".

40. Kissinger, sđd, tr. 272, nhận xét: "Đó là một triệu chứng cho thấy chiến tranh Việt Nam sắp sửa xô xã hội chúng ta xuống một bãi lầy: cuộc gặp gỡ giữa Tổng Thống (chúng ta) và người lãnh đạo một quốc gia mà ở đó trên ba mươi ngàn người Mỹ đã chết, lại phải diễn ra trên một hòn đảo không người ở, tại chính giữa Thái Bình Dương".
41. Nói chuyện giữa Hưng và Thiệu, London, 24-11-1976.
42. Phỏng vấn Thiệu, 3-5-1985.
43. Như trên.
44. Kissinger. *White House Years,* tr. 274.
45. Nói chuyện giữa Hưng và Thiệu, London, 26-11-1976. Thiệu đang nói về Ngô Đình Diệm, người lãnh đạo Việt Nam Cộng hòa từ 1954 cho tới khi bị sát hại trong một cuộc đảo chánh hồi tháng 11-1963.
46. Việc thống nhất Nam Bắc đã được quyết định hồi tháng 6-1975,và thực hiện tháng 11 cùng năm. Vào tháng 2, 1975, Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam do Hà Nội điều khiển đã được thành lập. Xin coi Trương Như Tảng, *A Vietcong Memoir,* tr. 259-266, và Hung, *Economic Development of Socialist Zietnam*, *1955-1980,* tr. 155, và 170-171.
47. P.J. Honey, sách nghiên cứu về sự phát triển của

Đảng Cộng sản Bắc Việt, in tại Sài Gòn năm 1967. Honey là một học giả người Anh chuyên môn nghiên cứu về Bắc Việt, hiện đứng đầu viện khảo cứu Đông Dương tại Đại học London.

48. Philippe Devilliers, *Histoire du Việt Nam de 1940 à 1952.* Theo Ngô Tôn Đạt, con của một nhà lãnh tụ Quốc gia nổi tiếng trong thời gian hai tháng mùa thu 1945, "khoảng 10.000 người đã bị giết hại tại Hà Nội và các vùng phụ cận". Được trích lại trong một tài liệu của Thượng viện Hoa Kỳ, Ủy ban Tư pháp, *The Human Cost of Communism in Vietnam* (Washington, D.C. Government Printing Office, 1972), tr. 5.
49. Robert F. Turner, *Vietnamese Communism: It's Origins and Development*, tr. 58-59.
50. Muốn biết thêm chi tiết, xin coi Turner, sách dẫn trên, và Hoàng Văn Chí, *From Colonialism to Communism.* Những hành động tàn bạo, dã thú của Bắc Việt chống giai cấp địa chủ đã luôn luôn được liên tưởng tới, khi dân Việt nói đến sự sợ hãi Cộng sản. Tại khu tư, gồm cả ngôi làng sinh quán của Hưng, cán bộ Việt Minh đã chôn sống địa chủ, chỉ để cho đứng đầu thò lên. Sau khi "Tòa án nhân dân" tuyên án, bọn cán bộ lập tức hành quyết bằng lưỡi cầy đẩy tới vào đầu các nạn nhân.
51. Phỏng vấn, 3-5-1985.
52. Thiệu và Hưng thảo luận về hội nghị Midway, về chuyện viếng thăm của Thiệu tại Đài Loan lần

đầu tiên vào mùa thu 1971, khi Hưng đến gặp Thiệu trong tư cách một chuyên viên cố vấn. Hội nghị Midway lại được bàn trở lại khi hai người gặp nhau hồi cuối tháng năm 1976, tại London.

53. Thiệu kể lại rằng sở dĩ ngày sinh chính thức của ông là 5-4-1923 là vì, khi đến trường ghi danh xin học lần đầu, song thân ông đã vắng mặt không có ở nhà để cho ông biết ngày sinh đích xác, nên ông đã phải "chọn đại" ngày đó. Thực ra ông sinh ngày 24-12-1924.
54. Khổng Tử nhấn mạnh tầm quan trọng của chữ *nhân,* hay lòng thương người, gồm cả đức, hiếu và dung. Khi được yêu cầu định nghĩa chữ *nhân,* Khổng Tử kể ra năm đặc tính: "kính trọng người, người sẽ không sỉ nhục mình; cao thượng hào hiệp với người, người sẽ theo mình; thành thực với người, người sẽ tin mình; nghiêm chỉnh, ta sẽ thành đạt; và tử tế, thân ái, ta sẽ xứng đáng điều khiển người khác". Xin coi Fung Yu-lan, *A History of Chinese Philosophy,* tập I, tr. 72-73.
55. Trần Văn Đôn, *Our Endless War Inside Vietnam,* tr. 168, và Karrow, *Vietnam: A History,* tr. 384-386.
56. Cựu Ngoại trưởng Vương Văn Bắc kể lại rằng Johnson "đã đối xử với Marcos, Phác Chung Hy, và Thiệu như nhà lãnh đạo các lãnh thổ chinh phục". Phỏng vấn Bắc tại Paris, 23-8-1985.
57. Thiệu nói chuyện với Hưng, London, 30-4-1978, và sau này được lập lại trong bài phỏng vấn của

Tạp chí *Der Spiegel,* 1-12-1979.

59. Diễn văn của Nixon ngày 14-5-1969.
60. Kissinger, tr. 277. Lời giải thích của Kissinger hoàn toàn tương phản lời giải thích của Thiệu. Thiệu khẳng định là đã không hề có một cuộc thảo luận nào về một thời khóa biểu rút quân theo đề nghị của Mỹ. Thiệu nói thêm, ông cho là Nixon hồi đó đang cố từ từ khai triển được một chiến lược nhằm thu phục nhân tâm quốc nội, đồng thời đi tới thương thuyết với Hà Nội cách nào có lợi cho Sài Gòn.

Chương III

1. Nixon, *Memoirs,* tr. 394-395. Nixon bay qua đảo Guam ngày 23-7-1969, và loan báo chủ thuyết của ông trong một bài diễn văn ở đó. Trước đó, ông đã bay ra Thái bình dương để đón các phi hành gia Apollo XI trở về từ mặt trăng, lần đầu tiên con người đã lên được mặt trăng trong một chuyến không hành khứ hồi gần một nửa triệu dặm Anh. Họ đáp xuống một địa điểm chỉ cách địa điểm định trước có hai dặm tại Thái bình dương, khoảng một ngàn dặm phía Tây nam Hạ-uy-di.

Tại Sài Gòn, người Việt Nam hết sức thán phục, cũng như người Trung Hoa: cả hai dân tộc đều theo âm lịch và tin tưởng vào sự quan trọng của mặt trăng đối với chu kỳ đời sống. Sự thành công kỹ thuật này của Mỹ đã có tác dụng là giải hoặc tính mầu

nhiệm và thần diệu của mặt trăng mà các dân tộc Á Châu đã tin tưởng từ hằng bao nhiêu thế kỷ: rằng mỗi chu kỳ xã hội, văn hóa và kinh tế đều có liên hệ đến những chu kỳ của mặt trăng.

2. Alan Goodman, *The Lost Peace,* tr. 59. Goodman cũng ghi nhận rằng "vào cuối năm 1971, có rất nhiều người tại Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn nghĩ rằng cuộc chiến sẽ được chấm dứt mà không cần có một cuộc hòa giải thương thuyết nào hết, hoặc nhiều nhất, chỉ có được một sự thỏa thuận ngầm giữa Hà Nội và Hoa Thịnh Đốn về sự trở về của tù binh Mỹ mà thôi".
3. Kissinger, *Memoirs,* tr. 1002. Kissinger cho rằng chiến dịch Lam Sơn "được quan niệm trong lưỡng lự và bị nhiều người hoài nghi, đã diễn tiến trong rối loạn". Ông còn phê phán tất cả mọi người trong cuộc trừ riêng mình.
4. Phỏng vấn Trung tá Lâm Duy Tiên, 5-12-1984.
5. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985
6. Hưng nói chuyện với ông Thiệu tại London, 26-11-1976.
7. Kissinger, *Memoirs,* tr. 1005. Kissinger mô tả cuộc hành quân Lam Sơn về phía Hoa Kỳ với từng chi tiết lặt vặt nhất, nhấn mạnh ở điểm là những vụ xung đột nội bộ hành chánh cũng như tình trạng thiếu quả quyết đã làm trở ngại kế hoạch của Mỹ yểm trợ VNCH hữu hiệu.
8. *Ibid,* tr. 1004. "Nếu sự thật Hà Nội đã có thể lọt vào

bộ chỉ huy cao cấp của miền Nam (quá cả mức hiểu biết của ta về phương thức hoạt động của họ), thì địch quân chắc chắn phải biết được điều này, và như thế, họ có thể tổ chức một cách phản ứng nhằm tối đa hóa số tổn thất hơn là giành lãnh thổ. Chúng tôi chắc sẽ không bao giờ chấp thuận kế hoạch Tchephone tại Tòa Bạch Cung nếu như một giới hạn như thế đã được thông báo cho chúng tôi".

9. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985.
10. Phỏng vấn Alexander Haig, 13-11-1985.
11. Tuần báo *Der Spiegel,* ở Tây Đức phỏng vấn ông Thiệu, 1- 2-1979; và trong cuộc đàm thoại giữa Hưng và ông Thiệu tại London, 26-11-1976.
12. Đó là lần đầu tiên VNCH biết được chính xác đã có bao nhiêu cuộc họp giữa Kissinger và Bắc Việt. Phần lớn, các cuộc họp này được nhóm vào dịp cuối tuần; Kissinger bay qua Âu Châu, thảo luận chừng bốn, năm giờ với Lê Đức Thọ – Cố vấn Đặc Biệt của phái đoàn Bắc Việt, và một thành viên của Bộ Chính Trị đặc trách chiến tranh tại miền Nam – rồi trở lại Hoa Thịnh Đốn kịp giờ vào ngồi ở bàn giấy ông, tại cánh tây trong Tòa Bạch Cung, vào sáng thứ hai. Kissinger, trong các phiên họp ngoại giao chính thức, thường lẻn về trước, hoặc thường giả bộ đi dùng cơm với một số bạn gái hấp dẫn. Coi "Nixon's Secret Agent", *Time* 7-2-1972.
13. Lần thứ nhất Hoa Kỳ đề nghị cuộc ngưng bắn

tại chỗ là vào mùa thu 1970. Cũng một lúc với việc vận động thiết lập quan hệ với Trung Quốc, Kissinger đã còn đi tới kết luận rằng, trừ khi lật đổ được ông Thiệu, ngưng bắn tại chỗ là nhượng bộ duy nhất mà Hoa Kỳ có thể đưa ra để khiến Hà Nội ký hiệp định. Tháng chín 1970, Kissinger đã đưa đề nghị này trong một phiên họp kín với Xuân Thủy, Trưởng phái đoàn Bắc Việt tại Paris. Hà Nội không có phản ứng gì. Xin coi Allan Goodman, *The Lost Peace*, tr. 109. Goodman trích dẫn lời một thành viên phái đoàn Hoa Kỳ: "Chúng tôi muốn cho cảm tưởng là đề nghị của chúng tôi sẽ cho Hà Nội cơ hội đồng đều với miền Nam, nhưng đừng hòng gì chúng tôi bỏ rơi một đồng minh hai-mươi-năm và đưa lên một chính phủ khác thay thế, cốt để cho họ chấp nhận đề nghị".
Tháng 10-1970, Đại sứ David Bruce, vừa được bổ nhiệm trưởng phái đoàn Hòa Đàm nổi ở Paris, loan báo đề nghị ngưng bắn tại chỗ và kêu gọi thả tù binh tức thì và vô điều kiện, và sau đó toàn thể quân lực Hoa Kỳ sẽ triệt thoái và một hội nghị quốc tế sẽ được triệu tập để bảo đảm hòa giải. Bắc Việt một lần nữa lại từ khước không xét đề nghị ấy, mà đòi ông Thiệu phải từ chức và đòi thiết lập một chính phủ liên hiệp trước khi ngưng bắn. Goodman, tr. 110, ghi nhận rằng "Sự từ khước của Hà Nội trước đề nghị của Hoa Kỳ, trong riêng tư cũng như công khai, đã đi đúng với cách phối

hợp thời gian cũng như cách làm chiến lược của họ. Tài liệu nội bộ Cộng sản, trong giai đoạn này cho thấy rằng, từ cấp lãnh đạo ở Hà Nội xuống tới hàng ngũ cán bộ địa phương, sức mạnh mỗi ngày mỗi lớn của Việt Nam Cộng hòa và sự hiện diện hành chánh gia tăng của Việt Nam Cộng hòa tại hầu hết vùng nông thôn đã làm Mặt trận giải phóng hoảng hốt. Chương trình phản gián của Sài Gòn đã bắt đầu thấy có tác dụng đối với những thành phần "bản xứ" của Mặt trận giải phóng, còn sống sót sau vụ Tết Mậu Thân và nói chung Bộ Chính Trị đã bất mãn về những nhược điểm trong chính vận động của họ. Ý nghĩa của những điều vừa nói là, dù có thỏa thuận đến mấy về khoản nói rằng sau khi Hoa Kỳ rút lui sẽ có một tiến hóa chính trị hòa bình, Hà Nội biết rằng Sài Gòn sẽ không bao giờ thi hành điều khoản ấy. Một nhà Ngoại giao Cộng sản nói với Schecter: cũng rất là phi lý khi mong đợi rằng trong một cuộc đấu tranh sống chết như thế, cả hai bên sẽ từ bỏ việc dùng sức mạnh nếu họ cho là họ đang thua. Như thế thì chúng tôi có bảo đảm nào là Mỹ sẽ lại không can thiệp trở lại? Chỉ bằng cách bành trướng ra và nắm quyền kiểm soát tại vùng nông thôn thì Mặt trận giải phóng mở được bảo đảm một căn cứ hành quân an toàn, và việc này cần có thời gian".

14. Lợi dụng lòng khao khát của Leonid Brezhnev

được một hiệp định giới hạn vũ khí hạt nhân chiến lược và lợi dụng lòng thèm muốn của ông ta được thêm mậu dịch và tín dụng với Hoa Kỳ, Nixon hy vọng xúi được ông ta phục vụ quyền lợi Nga Xô trước quyền lợi của Bắc Việt. Hai cái phong cách thương thuyết tương phản của Trung Quốc và Nga Xô đã cho Kissinger cái cơ hội lấy được ủng hộ đối với sáng kiến của Nixon nhằm thiết lập quan hệ với Trung Quốc, đồng thời khai thác tình hình căng thẳng Trung Xô, trong khi vẫn khôn khéo chối bai bải là ông ta đang chơi "Lá bài Trung Quốc". Trong các cuộc họp báo sau các chuyến đi Bắc Kinh, Kissinger thố lộ tràn trề là ông đã cảm phục Chu Ân Lai tới mức nào trong suốt mười bẩy giờ đàm thoại. Tiếp xúc riêng, Kissinger thường tâm sự là ông muốn thương thuyết với Tầu hơn là với Nga. Người Tầu, mà hiện thân là họ Chu, có một thế giới quan. Họ biết họ muốn cho các cuộc thương lượng đi tới đâu và không giống như Nga, họ còn cho biết đâu là chỗ có thể thỏa hiệp. Còn đối với người Nga thì bất cứ một dấu hiệu thỏa hiệp nào lúc đầu cũng bị cho là dấu hiệu nhu nhược và cuộc thương thuyết phải diễn tiến qua cái mà Kissinger gọi là "một số giải đoán cứng rắn và khó chịu trước khi có thể bắt đầu cuộc mà cả". Trung Quốc không bao giờ mà cả để lấy điểm nhỏ nhất. Họ nhận thức Liên Xô, với một triệu quân đóng ở biên giới Trung

Xô, là một đe dọa cho an ninh của họ, đồng thời cũng sợ ảnh hưởng Xô Viết tại Việt Nam. Trung Quốc không ở trong một vị thế có thể làm áp lực với Việt Nam và rất thận trọng không công khai phá hoại Bắc Việt. Đối với Bắc Việt, thì ngay cái hành vi gặp gỡ Mỹ đã bị coi là một dấu hiệu phản bội tình đoàn kết xã hội chủ nghĩa. Dù sao chăng nữa, họ Chu cũng cho cảm tưởng là Trung Quốc không muốn thấy Hoa Kỳ bị bại trận ở Việt Nam hoặc rút lui khỏi Đông Nam Á. Coi Kissinger, *White House Years,* tr. 792-793, và tr. 1056; Haig, *Caveat,* tr. 201-202; ghi chép riêng của Schecter khi phỏng vấn Kissinger, tháng Tám 1971, và phỏng vấn Alexander Haig, 13-11-1985.

15. Các điểm chính khác trong đề nghị kêu gọi: ngưng bắn toàn cõi Đông Dương; trao đổi tù binh; tôn trọng cả Hiệp định Genève năm 1954 và Hiệp định Lào 1962; các phe phái tại Đông Dương tự điều giải những vấn đề hiện có với nhau, kể cả vai trò quân đội Bắc Việt. quốc tế kiểm soát hiệp định; và Hoa Kỳ sẵn sàng thực hiện chương trình tái thiết trong năm năm với ngân khoản là 7 tỷ rưỡi Mỹ Kim, trong đó phần chia cho Bắc Việt sẽ là 2 tỷ rưỡi. Xin coi *U.S. Foreign Policy for the 1970's. The Emerging Structure of Peace, A Report to the Congress by Richard Nixon, President of the United States, February 9, 1972*, tr. 117-119.
16. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã , 24-5-1985.

17. Phong vấn Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985. Ông Thiệu ví von sự việc này với một người đánh nhau với địch thủ bằng một khẩu súng lục. Lúc kiếm được một súng máy, hắn bèn quảng khẩu súng lục kia đi. Ông nói: "Như thế là thiếu khôn ngoan vì đối thủ có thể dùng khẩu súng lục đó để hại mình. Chỉ một khẩu súng lục anh cũng đủ chết rồi. Người khôn ngoan phải nắm giữ hết mọi vũ khí với mình". Vịnh Cam Ranh hiện nay là một căn cứ hải quân lớn của Liên Xô tại Đông Nam Á được dùng vào những mục tiêu chiến lược quan trọng của hạm đội Xô Viết tại các vùng biển Á Châu.
18. Một bản tin từ Nha Báo Chí Tòa Bạch Cung đề ngày 25-1-1972 giải thích: "Sẽ có kiểm soát quốc tế đối với những khía cạnh quân sự của hiệp định này, kể cả sự ngưng bắn và các khoản liên hệ, việc thả tù binh và thường dân vô tội, việc rút lui những lực lượng bên ngoài khối Đông Dương và sự thi hành nguyên tắc là mọi lực lượng vũ trang của các xứ Đông dương phải ở lại bên trong biên giới của họ". Giải thích bài diễn văn, tạp chí *Time* viết: "Dù Nixon không nhắc đến trong bài diễn văn, những kế hoạch tám điểm chính thức của Hoa Kỳ vẫn đòi toàn bộ quân đội Bắc Việt phải rút lui khỏi Lào, Cam Bốt và miền Nam Việt Nam sau khi Hoa Kỳ rút lui".
19. Kissinger in lại nguyên bản văn đề nghị ngày

31-5 trong một cước chú ở trang 1488-1499 cuốn *White House Years*. Dù đồng ý định một ngày chót để khỏi rút lui khỏi Việt Nam mọi lực lượng Mỹ và Đồng minh, đề nghị đã tránh né vấn đề rút lui quân Bắc Việt, khi nói rằng dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác tại Đông Dương phải thảo luận với nhau cách triệt thoái tất cả mọi lực lượng bên ngoài khỏi các xứ Đông Dương". Tám điểm của Nixon đã không trực tiếp đề cập đến vấn đề rút lui quân đội Bắc Việt. Coi Kissinger, tr. 1489-1490.

20. Kissinger, tr. 1043.
21. Oriana Fallaci, *Interview with History,* tr. 57.
22. Kissinger, *White House Years*, tr. 282, nói là ông đã "phúc trình cho ông Thiệu biết đầy đủ về những cuộc mật đàm của tôi ngay từ đầu". Ông Thiệu, trong một cuộc phỏng vấn với tác giả ngày 13-6-1985, nói: "Người Mỹ có phúc trình cho tôi nhiều lần, nhưng họ chỉ thông báo những gì họ muốn phúc trình mà thôi".
23. Kissinger, tr. 1045.
24. Nixon, *Memoirs*, tr. 568-569.
25. Trong bản thông cáo chung, mỗi bên tuyên bố quan điểm chung của mình về Việt Nam. "Phía Hoa Kỳ nhận định: Hòa bình tại Á Châu và hòa bình trên thế giới đòi hỏi nỗ lực của cả hai bên nhằm giảm bớt tức thì những mối căng thẳng và loại trừ những nguyên nhân căn bản của xung

đột… Hoa Kỳ nhấn mạnh rằng các dân tộc Đông Dương phải được cơ hội định đoạt số phận của họ mà không có sự can thiệp bên ngoài; mục tiêu chủ yếu thường trực của Hoa Kỳ đã là một giải pháp hòa giải; đề nghị tám điểm do Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ đưa ra ngày 27-1-1972 hiện vẫn còn tiêu biểu cho một căn bản đạt được mục tiêu ấy; nếu như không có được một hoà giải có thương thuyết thì Hoa Kỳ dự tính tối hậu sẽ triệt thoái toàn thể quân đội Hoa Kỳ khỏi vùng, phù hợp với mục đích tự quyết của mỗi quốc gia Đông Dương.

"Phía Trung quốc nhận định: Bất cứ nơi nào có áp bức, là nơi đó có kháng cự. Quốc gia nào cũng muốn độc lập, dân tộc nào cũng muốn giải phóng và nhân dân nào cũng muốn cách mạng – đây đã trở thành chiều hướng không thể cưỡng lại được của lịch sử... Phía Trung Quốc đã bầy tỏ sự ủng hộ kiên quyết đối với nhân dân Việt Nam, Lào và Cam Bốt trong nỗ lực nhằm đạt được mục tiêu của họ và sự ủng hộ kiên quyết đối với đề nghị bảy điểm của chính phủ CMLTCHVN và nhận định hồi tháng hai năm nay về hai vấn đề then chốt trong đề nghị, cùng bản tuyên bố chung của Hội nghị Thượng đỉnh các Dân tộc Đông dương".

26. Phỏng vấn của tác giả; cũng xin coi Tad Szulc, *Foreign Policy,* (Xuân 1974,) tr. 44-45.
27. Nixon, *Memoirs*, tr. 562-563; 567-569.

28. Hersch, *The Price of Power*, tr. 496-499, có bàn đến lối phê bình của Green đối với bản Thông cáo Thượng hải. Schecter theo dõi chuyến đi của Nixon cho báo *Time*. Trong buổi họp báo đưa ra thông cáo, các phóng viên có nêu lên vấn đề cam kết của Hoa Kỳ đối với Đài Loan, nhưng không một ai hỏi đến sự cam kết của Mỹ với VNCH.
29. *New York Times,* ngày 2-5-72, "Sài Gòn tán thành chuyến đi Trung Quốc của Nixon, bản bình luận chính thức nói chuyến đi làm bớt căng thẳng"
30. Phỏng vấn Marshall Green, Hoa Thịnh Đốn, 16-5-1985.
31. *Washington Post Magazine*, 21-4-1985, tr. 30.
32. Tad Szulc, The *Illusion of Peace,* tr. 523.
33. Hersh, tr. 442.
34. Trích trong Hersh, tr. 506, lấy từ một cuốn băng được công bố trong các phiên xử buộc tội Nixon.
35. Năm 1971, gần 350 tàu Xô Viết đã cho chúng một triệu tấn hàng đến hải cảng Bắc Việt. Trọng pháo 130 milimét có tầm xa đã khiến Bắc Việt vượt xa khả năng của VNCH, và xe tăng Nga T-54 có thể đọ được với xe tăng Mỹ M-48 mà VNCH xử dụng. Coi Dave Richard Palmer, Summons of the Trumpet, tr. 248.
36. Nixon, *Memoirs*, tr. 594.
37. Như trên, tr. 600.
38. Về chi tiết, coi Palmer, sđd, tr. 253-254.
39. Nixon, sđd, tr, 592.

40. Như trên. Nói chung thì Nixon đã hài lòng với những thành quả hội họp của Kissinger với Brezhnev. Ông nói: "Với những thành đạt của Kissinger về những vấn đề thượng đỉnh, tôi cho là khỏi cần phải chối cãi thành tích của ông ta sau sự kiện làm gì".
41. Phỏng vấn Alexander Haig ngày 13-11-1985; phỏng vấn Peter Rodman ngày 7-1-1986. Kissinger bảo Nga rằng Hoa Kỳ sẽ không tha thứ cuộc xâm chiếm của Bắc Việt và báo trước là Mỹ sẽ trả đũa. Đồng thời ông lại cho biết rằng nếu Bắc Việt triệt thoái số quân xâm chiếm ấy, thì họ có thể giữ lại số quân đã xâm nhập trước kia, nghĩa là trước cuộc xâm chiếm mới nhất. Điều này hiển nhiên dọn đường cho sự ngưng bắn tại chỗ và xác định rõ ràng hơn những công thức hồi đầu, tổng quát hơn, về những gì Hoa Kỳ sẽ chấp nhận. Dù Hoa Kỳ thương thuyết trực tiếp với Bắc Việt, Kissinger đã hy vọng rằng Liên Xô sẽ làm áp lực với Hà Nội để đẩy tới những cuộc thương thuyết và chấp nhận đình chiến tại chỗ.
    Xin coi thêm Szulc, *The Illusion of Peace,* tr. 544-573 và Hersh. *The Price of Power*, tr. 517-518. Ngoài kế hoạch hòa bình tám điểm đã công bố ngày 25-1-1972, còn có những đề nghị *mật* trước kia vào ngày 31-5-71, 26-6-71, 12- 7-71 và 15-8-71: các đề nghị này đã không nhắc nhở gì đến việc triệt thoái hỗ tương. Bắc Việt đã không chấp

nhận bởi lẽ họ vẫn không rõ thế nào là rút quân hoàn toàn. Đề nghị ngày 25 tháng Giêng còn mơ hồ hơn về vấn đề rút lui "những lực lượng bên ngoài" – tiếng lóng dùng để trỏ quân Bắc Việt. Khi nói chuyện với Brezhnev, Kissinger đã gạt bỏ được sự tối nghĩa ấy.

Richard Nixon, *No More Vietnams*, tr. 152-153, bênh vực quyết định của mình cho phép Bắc Việt giữ quân lại ở miền Nam, "Chúng tôi biết là không có cách nào bắt giữ được họ nhượng bộ điểm này. Sự thật đương nhiên của ngoại giao là ta chẳng thể thắng lợi ở bàn hội nghị những gì ta không thể thắng lợi nơi chiến trường. Dù miền Nam Việt Nam đã xoay ngược được chiều hướng chiến trường trước khi mùa mưa tới, nhưng Bắc Việt vẫn còn chiếm đóng nhiều khu vực rộng lớn ở miền Nam dọc theo vùng Phi Quân Sự và trên vùng cao nguyên. Chúng tôi phải xét xem Hà Nội lựa chọn như thế nào. Chúng tôi biết rằng nếu đi đến được một hòa giải lại đòi hỏi Bắc Việt phải cho không lãnh thổ mà miền Nam đã không thể giành lại được, thì họ sẽ tính thà *đừng* đi tới hòa giải còn hơn. Nếu chúng tôi cứ khăng khăng đòi Bắc Việt rút lui, thì ắt đã không có được hiệp định hòa bình.

"Khi giải quyết vấn đề này, chúng tôi đã không hề thừa nhận sự hiện diện quân sự của Bắc Việt tại miền Nam. Chiến thuật của chúng tôi là viết

ra một công thức mặc nhiên đòi hỏi địch rút lui. Chúng tôi đòi Hà Nội phải cam kết ngưng việc xâm nhập vô miền Nam. Nếu địch giữ lời hứa, các lực lượng của họ tại miền Nam sẽ phải rút lui nếu không thì tan rã. Khi Bắc Việt đồng ý điều này, chúng tôi bèn lập một thời khóa biểu để ký một thỏa ước hoàn tất vào ngày 31-10".

Công nhận là quan điểm của Nixon về cách xử dụng quyền lực và sức mạnh quân sự quả có tinh vi, sắc sảo, những lời giải thích trên đây đã coi như vấn đề tôn trọng hiệp định là đã xong rồi, khỏi cần phải thảo luận nữa, và nó cũng bằng đi không nói gì đến sự kiện là Nixon đã quyết định mà không tham khảo Tổng thống Thiệu – điều mà Nixon hứa đi hứa lại trong các lá thư viết cho ông Thiệu.

42. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985.
43. Schecter phỏng vấn Kissinger, 28-4-1972.
44. Nixon, *Memoirs,* tr. 594.
45. Như trên, tr. 602.
46. Nixon, *No More Vietnams,* tr. 145.
47. Nixon, *Memoirs,* tr. 602.
48. Như trên, tr. 603.
49. Như trên, tr. 605. Các điều kiện đó là:

"Thứ nhất, mọi tù binh Mỹ phải được trả về.

"Thứ hai, phải có một cuộc ngưng bắn toàn lãnh thổ Đông Dương do quốc tế Kiểm soát.

"Một khi tù binh đã được thả, một khi cuộc ngưng

bắn do quốc tế kiểm soát đã bắt đầu, chúng tôi sẽ ngưng mọi hành động võ lực toàn khắp Đông Dương, và lúc đó chúng tôi sẽ tiến hành việc triệt thoái hoàn toàn mọi lực lượng Mỹ khỏi Việt Nam, trong vòng bốn tháng.

"Như thế các điều kiện này, các điều kiện rộng rãi. Chúng là các điều kiện không đòi hỏi bất cứ phe nào phải đầu hàng hoặc chịu nhục... Chúng đang được Bắc Việt chấp thuận tức khắc".

50. Trong một cuộc họp báo kéo dài năm-mươi-lăm phút tại Phòng Đông ở Tòa Bạch Cung ngày 9 tháng 5, 1972, tiếp theo sau bài diễn văn của Nixon, không ai hỏi Kissinger một câu nào về việc triệt thoái hỗ tương, và ông này cũng không nói thêm chi tiết về sự thay đổi lập trường của Mỹ, trước kia đã đòi triệt thoái hỗ tương.

Chương IV

1. Richard Nixon, *No More Vietnams*, tr. 147, đưa ra hai lý do giải thích quyết định của Brezhnev: "Thứ nhất, ông ta muốn có và cần đến những quan hệ tốt đẹp hơn đối với Hoa Kỳ, nhất là vì sáng kiến (nối lại quan hệ bình thường) của ta đối với Trung Quốc. Thứ hai, ông a biết rằng ta là những người, đáng để ông ta nói chuyện với, vì hành động của ta tại Việt Nam đã chứng minh chẳng những ta có sức mạnh để bảo vệ quyền lợi ta mà còn có quyết tâm xử dụng sức mạnh ấy".

2. Nixon, *Memoirs*, tr. 613.
3. Như trên.
4. Szulc, "Benhind the Vietnam Ceasefire Agreement", trong *Foreign Policy,* (Xuân 1974), tr. 44-45. Họ Chu bảo Kissinger rằng Trung Quốc sẽ không làm áp lực với Hà Nội cách này hoặc cách khác, dù rằng họ không nhất thiết tán thành chiến lược của Bắc Việt. Ông còn phát biểu ý kiến cho rằng Hoa Kỳ đang đi ngược chiều lịch sử và chủ nghĩa Cộng Sản sẽ chiếm phần ưu thế tại Việt Nam và Cam Bốt, nhưng Lào sẽ vẫn tiếp tục được vua cai trị. Chu rất thận trọng và dè dặt về những nhận xét đối với Việt Nam. Ông không hề nói gì có vẻ không trung thành với Hà Nội. Ông cũng e ngại rằng hồ sơ ghi lại những lời nói của mình có thể bị tiết lộ ra ngoài, như trường hợp hồ sơ Ngũ Giác Đài trước kia, và rồi phe nội thù tại Trung Quốc có thể dùng những nhận định đó của ông để hại ông. Cho nên họ Chu đã rất thận trọng không muốn cho quan hệ Trung-Việt căng thẳng hơn nữa.
5. Kissinger, *White House Years,* tr. 1310.
6. Như trên, tr. 1211
7. Biên bản Quốc Hội, ngày 15-1-1973, tr. E191-E192. Bản điều nghiên của Hưng cũng được gởi đến Tổng Thống Thiệu.
8. Kissinger, sđd, tr. 1315.
9. Như trên, tr. 1316-1317.

10. Thư của Bunker gửi cho ông Thiệu, ngày 15-8-1972, tác giả hiện giữ.
11. Kissinger, sđd, tr. 1319.
12.

Như trên, tr. 1320.

13. Như trên, tr. 1324.
14. Như trên, tr. 1325.
15. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 24-5-1985. Nhã nói những câu trả lời như thế "là rất thường. Mỹ lúc nào cũng nói: "Chúng tôi sẽ cố gắng, nhưng không biết đi được tới đâu". Đó chính là lúc mình khám phá ra được một cách chính thức là họ đã không tôn trọng lời yêu cầu tháng Tư của mình". Phía Việt Nam Cộng Hòa cũng không rõ là Nixon có chấp thuận lập trường bỏ điều khoản triệt thoái hỗ tương hay không. "Mình đã nghi từ lâu là Kissinger giấu bài thật kỹ và không báo cho Nixon biết mọi sự kiện đó. Đó là chỉ nghĩ thế thôi. Chứ mình đâu có chứng minh được".
16. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985.
17. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-7-1985.
18. Kissinger, tr. 1327.
19. Theo Trương Như Tảng, *A Vietcong Memoir*, tr. 240, ông Thiệu đã bảo Loan – con ông Tảng – rằng mặc dù ông và thân sinh cô này đã là thù địch, "nhưng điều đó tuyệt đối không ăn nhằm gì đến việc tôi đón tiếp cháu ở nhà tôi".
20. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985.

21. Kissinger, tr. 1327.
22. Như trên, tr. 1327-1328.
23. Như trên, tr. 1330.
24. Như trên, tr. 1334.
25. Như trên, tr. 1331; xin coi Ch. XXXI, tr. 1494, để so sánh những dị biệt giữa bản dự thảo của Mỹ và của VNCH.
26. Như trên, tr. 1329.
27. Như trên, tr. 1334.
28. Như trên, tr. 1338
29. Như trên, tr. 1338
30. Việt Nam Cộng Hòa, ngày 13-9-1972, Giác thư gửi chính phủ Hoa Kỳ.
31. Nixon, *Memoirs,* tr. 690.
32. Chính sách Mỹ hồi đó là điều khiển mọi cuộc thương thuyết liên lụy đến Việt Nam Cộng Hòa trực tiếp giữa Hoa Thịnh Đốn và Hà Nội. Một tập dự thảo về quan điểm và lập trường đề ngày 29-11-1964, viết bởi một nhóm chuyên viên dưới quyền William Bundy, Phụ tá Ngoại Trưởng đặc trách Đông Á và Thái bình dương Sự vụ, có ghi nhận này: Hoa Kỳ sẽ tìm cách kiểm soát mọi cuộc thương thuyết và sẽ phản đối bất cứ một nỗ lực thương thảo độc lập nào của Việt Nam Cộng Hòa". Chính sách này kéo dài cho đến tận ngày Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ. Xin coi *Pentagon Papers,* do *New York Times* xuất bản, tài liệu 88, tr. 375.

33. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985.
34. Phỏng vấn Tướng Trần Văn Đôn, 14-2-1985.
35. Phỏng vấn Trung tá Lucien Conein, 30-10-1985
36. Nhu cũng đã ra lệnh tấn công các chùa Phật giáo bằng các lực lượng đặc biệt (do Mỹ huấn luyện) dưới quyền ông kiểm soát.
37. *The Pentagon Papers*, Gravel xuất bản, tập II, tr. 234-235.
38. Phỏng vấn Trần Văn Đĩnh, 24-11-1985, và Gareth Porter, *A Peace Denied,* tr. 19.
39. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985.
40. Trước ngày đảo chánh, hàng ngũ tướng tá đã nghi ngờ lẫn nhau. Tướng Trần Văn Đôn sau này kể lại là sau khi gặp Khiêm, Đính gọi giây nói cho ông nói rằng Khiêm "có vẻ thối chí". Đính khuyên Đôn nên thận trọng nhưng cứ tiếp Tướng Khiêm, lúc ấy đang trên đường tới văn phòng Đôn. Ông ta (Khiêm) bảo tôi (Đôn) rằng ông ta đã bôi dầu nóng gì đó vào mắt để Đính tưởng mình đã khóc. Khiêm đã đề nghị với Đính là chúng tôi nên bỏ kế hoạch vì ông ta thấy thương hại Tổng Thống, không muốn ông này bị hại. Ông ta mừng là Đính không đồng ý. Dường như Đính và Khiêm đã sợ lẫn nhau vì lòng trung thành của mỗi bên (đối với ông Diệm) nên muốn thử nhau cho chắc". Xin coi Trần Văn Đôn *Our Endless War: Inside Vietnam*, tr. 103.

41. Phỏng vấn Tướng Tôn Thất Đính 18-10-1985 và 20-11- 1985.
42. Nói chuyện giữa Hưng và Thiệu, London 26-11-1976.
43. Cao Thế Dung và Lương Khải Minh (bút hiệu của BS. Trần Kim Tuyến), *Làm thế* nào *để giết một Tổng Thống* (Sài Gòn, 1970), tr. 640-641
44. Theo bài đăng trong tờ *Đồng Nai,* in ở California, trích lại của báo *Việt Hoa* của cộng đồng Việt gốc Hoa ở Los Angeles, tác giả hiện giữ. Cũng xin coi phần tường thuật của Trần Văn Đôn, sđd, 101-108, và của Karnow, *Vietnam* A *History*, tr. 308-309.
45. Lệnh giết ông Diệm do Tướng Minh đưa ra trước khi nhóm quân sĩ gửi đi hộ tống rời Tổng tham mưu. Đại úy Nhung là người đã giết hai anh em Diệm Nhu. Người này đã bị hạ sát tại nhà riêng hồi 1964, bởi một hung thủ vô danh. Phỏng vấn Trần Văn Đôn, 23-11-1985.
46. Karnow, sđd, tr. 277-311, tường thuật chi tiết vụ đảo chính. Tường thuật của ông Thiệu ghi lại trong cuộc phỏng vấn của Hưng và Schecter. Karnow giải thích với nhiều chi tiết lý do tại sao hai anh em Diệm Nhu đã bị sát hại theo lệnh của Tướng Minh. Ba sĩ quan chở Diệm và Nhu trên đường hộ tống đã bắn vào gáy và lưng hai người bên trong xe bọc sắt.
47. Phỏng vấn Trung Tá Lucien Conein, 30-10-1985.

48. Trích trong Karnow, sđd, tr. 307.
49. Xin coi cước chú 44.
50. Trần Văn Đôn, sđd, tr, 111-112. Đôn viết: "Tôi có thể nói trắng, không mập mờ, chính Tướng Minh, một mình Tướng Minh đã là người (ra lệnh giết ông Diệm). Điều này một phần tôi dựa vào các lần nói chuyện với Minh, một phần nghe lời trình của Tướng Xuân là nhiệm vụ của ông ta đã hoàn tất. Thêm nữa, tôi còn được hai nhân chứng khác thuật lại".
51. Nixon lần đầu gặp Kissinger trong một bữa tiệc tại nhà riêng của Clare Booth Luce ở New York. Nixon có đọc sách của Kissinger. Đại sứ quá cố Henry Cabot Lodge, người đã phục vụ hai nhiệm kỳ tại Việt Nam (1963-64 và 1965-67.), có gặp Tổng thống tân cử Nixon tại Biệt thự của ông này tại Key Biscayne, Florida, và đề nghị Nixon nên bổ nhiệm một phối hợp viên về vấn đề VN tại Tòa Bạch Cung, ngang cấp Bộ trưởng. Lodge đề nghị Henry Kissinger vào chức vụ đó. Nixon hỏi: "Không phải ông này là người của Rockerfeller à"? Khi Kissinger được bổ nhiệm vào chức vụ An ninh Quốc gia, Lodge cho là nhờ ông mà Kissinger được gần Nixon. (Theo Peter Tarnoff, một tùy viên lâu năm của Lodge, hiện thời là tân chủ tịch Hội đồng Ngoại giao, *Council* on *Foreign Relations*, Phỏng vấn Tarnoff, 21-1-1986)
52. Hersh, *The Price of Power,* tr. 22-23. Phỏng vấn

William Buckley, 8-1-1986. Buckley nói ông còn nhớ kỹ lần nói chuyện đó với Kissinger: "Không có nói gì đến ám sát cả. Kissinger bảo tôi rằng ông ta có được nghe nói là Tổng Thống Johnson đang có kế hoạch gạt bỏ Thiệu trước ngày nhậm chức. Điều suy diễn là Hoa Kỳ sẽ cộng tác với và tán thành một cuộc đảo chính chống Thiệu do chính quân đội của ông ta".

53. Phỏng vấn Robert Komer, 15-4-1985.
54. Phỏng vấn Clark Clifford, 10-12-1985.
55. Được trích dẫn trong Hersh, sđd, tr. 128.
56. Trần Văn Đôn, sđd, tr. 53.
57. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985.

Chương V

1. Kissinger, *White House Years*, tr. 1363. Kissinger muốn đánh phủ đầu Thiệu, liền đánh điện cho Bunker "để thông báo cho Thiệu biết vắn tắt chiều hướng hiện thời (của Hoa Kỳ)": trước khi tới Sài Gòn, tạm thời dự định vào đêm thứ Tư, tôi sẽ gặp Xuân Thủy và liệu trước rằng phía bên kia sẽ đề nghị một công thức chính trị đòi hỏi ở ông Thiệu rất ít (nhượng bộ) hơn là những dàn xếp khác mà mới đây Haig đã phác ra với ông ta. Công thức đó sẽ được phối hợp với một cuộc ngưng bắn tại chỗ, có hiệu lực sớm ra là hai tuần lễ kể từ lúc hiệp định toàn bộ được đồng ý trên nguyên tắc. Trong chiều hướng đó, điều cốt yếu bây giờ là

Thiệu phải hiểu rằng (đáng lẽ) ta đã có thể hòa giải cuộc xung đột từ lâu rồi, và theo những điều kiện (còn tệ hơn nữa, đó là đòi hỏi ông ta phải ra khỏi chính quyền. Cho nên, ông ta không thể có thái độ chống đối, đương đầu trong cuộc gặp gỡ với tôi sắp tới, mà cần nên có một thái độ tích cực để ta có thể khẳng định những dàn xếp cách nào khiến hợp nhất và cùng có được quyền kiểm soát của ông ta trong tương lai. Tôi tin rằng những dàn xếp chính trị đó sắp xẩy tới từ phía Hà Nội, và Thiệu phải được khuyên can từ bỏ cái hành động đương đầu hiện nay với chúng ta, và đồng thời chuẩn bị, để đòi lại những nhượng bộ chính trị của Hà Nội, tỏ ra một sự mềm dẻo phải chăng về những phương thức ngưng bắn tại chỗ".

2. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985.
3. Giác thư đề ngày 4-10-1972 hiện tác giả còn giữ.
4. Thư của Bunker gửi Thiệu đề ngày 14-10-1972, hiện tác giả còn giữ. Lá thư không nhắc đến những chi tiết về một cuộc ngưng bắn tại chỗ như Kissinger đã đưa chỉ thị. Xin coi ghi chú 1.
5. Kissinger, tr. 1365.
6. Phái đoàn Hoa Kỳ gồm có: Đại sứ Ellsworth Bunker, Phó Đại sứ Charles Whitehouse, Đại tướng Creighton Abrams, Phó Phụ tá Ngoại trưởng William Sullivan, Winston Lord, và David Engel, thông ngôn viên.

   Phía Việt Nam Cộng Hòa trong phiên họp gồm

có: Tổng Thống Thiệu, Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, Ngoại trưởng Trần Văn Lắm, Đại tướng Cao Văn Viên, Nguyễn Phú Đức và Hoàng Đức Nhã.

7. Đại tướng Cao Văn Viên, *The Final Collapse*, tr. 19.
8. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-7-1985.
9. Như trên.
10. Henry Kissinger, *A World Restored,* tr. 329.
11. Oriana Fallaci, *Interview with History,* tr. 40-41.
12. Theo sổ tay của Schecter, 4-10-1972. Tham dự bữa ăn trưa có Hedley Donovan, Henry Grunwald, Hugh Sidey, Louis Banks, và Richard Campbell của tạp chí *Fortune*.
13. H.R. Haldeman, *The Ends of Powers,* tr. 177.
14. Xin coi Arthur Woodstore, *Nixon's Head,* tr. 122.
15. U. Alexis Johnson, *The Right Hand of Power,* tr. 534-535.
16. Như trên, tr. 535.
17. Kissinger, *The House Years,* tr. 1184-1185.
18. Alan E. Goodman, *The Lost Peace*, tr. 81.
19. *Foreign Policy Report,* 18-2-1970, tr. 68.
20. Landau, *Uncertain Greatness*, tr. 156. Trích lời Nixon nói riêng với Kissinger lúc cuối phiên họp với HĐANQG là "Cả ông lẫn tôi, mình sẽ chấm dứt chiến tranh".
21. Kissinger, *White House Years,* tr. 1025.
22. *U.S. Foreign Policy for the 1970's: A Report to the*

Congress by Richard Nixon, President of the United State, February 9, 1972, tr. 113.

23. *Nixon*, *Memoirs*, tr. 409-410. Đầu là bài diễn văn nổi tiếng của Nixon ngày 3-11-1969, về sau được mệnh danh là bài diễn văn về "Đám đông Thầm Lặng". Ông viết: "Rất ít bài diễn văn thực sự có ảnh hưởng đến chiều hướng của lịch sử. Bài diễn văn ngày 3 tháng 11 là một trong số ấy. Tác dụng của nó khiến tôi ngạc nhiên; dùng thuật hùng biện kêu gọi Đám đông Thầm lặng là một chuyện – còn được thấy họ đáp ứng lại là một chuyện khác".
24. Goodman, *The Lost Peace,* tr. 57.
25. Như trên, tr. 87.
26. *Foreign Policy* (Giêng 1969), "The Vietnam Negotiations," tr. 124.
27. Kissinger, tr. 262.
28. Hồ Chí Minh, *Tuyển Tập*, tr. 356.
29. Như trên, tr. 361.
30. *Foreign Policy,* (Giêng 1969), tr. 123.
31. Kissinger, sđd, tr. 280.
32. Goodman. sđd, tr. 89.
33. Guenther Lewy, *America in Vietnam,* tr. 279-285. Dựa theo một tập nghiên cứu năm 1970 của Rand Corporation, Lewy đã viết một thẩm định phê phán về chương trình Phượng Hoàng. Theo ông, Robert Kromer đã cho chương trình này là một "nỗ lực quản trị đó và nói chung vô hiệu lực,

và có lẽ câu này có thể dùng làm một thẩm định tổng quát chính xác".

34. *U.S. Foreign Policy for the 1970's: The Emerging Structure of Peace - A Report to the Congress by Richard Nixon, President of the United States,* February, 25-1971, tr. 72.
35. Cao Văn Viên, *The Final Collapse,* tr. 21.
36. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985.
37. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-7-1985.
38. Như trên.
39. Marvin Kalb và Bernard Kalb, *Kissinger,* tr. 371.
40. Trần Văn Đôn, Our *Endless War*, tr. 205.
41. Nixon, *Memoirs*, tr. 699.
42. Như trên, tr. 700
43. Seymour Hersh, *The Price of Power,* tr. 564. Bàn tới nhiều chi tiết về chiến lược của Bắc Việt nhằm thực hiện được công thức liên hiệp tại miền Nam. Khi Bắc Việt đã thất bại trong nỗ lực đẩy Thiệu đi và áp đặt một chính phủ liên hiệp trong các cuộc thương lượng hồi tháng Tám và Chín với Kissinger tại Paris, thì họ đòi một chính phủ liên hiệp với hai chính quyền địa phương là chính phủ CMLT và chính phủ VNCH, nhưng Sài Gòn lại ở cấp điều hành thấp hơn. Kissinger bác bỏ giải pháp này; nhưng rồi Hà Nội lại chuyển cho Kissinger một bản dự thảo hiệp định tại Paris ngày 8-10-1974. Dự thảo này đề nghị: "Hai chính phủ với một hình thức chính quyền lỏng lẻo ở tên

–Hội đồng Hòa hợp và Hòa giải". Sau khi Thiệu phản đối, Kissinger bèn vận động để làm loãng đi chức năng của Hội đồng bằng cách biến nó thành một "cơ quan tư vấn mà thôi", nghĩa là không có đủ tư cách cai trị hợp pháp. Nhưng thực sự không phải vậy, trong một cuộc phỏng vấn của Hersh tại Hà Nội, Thạch (tùy viên then chốt của Thọ hồi bấy giờ, và hiện nay là Ngoại trưởng) nói rằng cả ba đề nghị đều chỉ có một mục đích duy nhất: "Không được coi chính phủ Sài Gòn là chính phủ hợp pháp *duy nhất*. Đó là điều quan trọng duy nhất cho cả ba giải pháp – không chỉ có một chính phủ hợp pháp tại Sài Gòn. Sẽ phải có hai chính phủ hợp pháp chứ không phải là một". Thạch nói thêm về giải pháp thứ ba: "Đây là điều tối thiểu. Điều này phản ảnh thực tại lúc đó".

44. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 19-12-1985.
45. Kissinger, sđd, tr. 1382.
46. Trần Văn Đôn, sđd, tr. 209, và Hersh, sđd, tr. 398-399. Trong *White House Years,* Kissinger mô tả buổi họp với Lon Nol là "một cuộc gặp gỡ giả bộ". Ông viết: "Mặc dù Lon Nol có lý do thực sự để lo ngại, đã không thấy có cái lối bẻ vặn tỉ mỉ như Sài Gòn, hay cái lối hỗn xược". Hỗn xược là chữ Kissinger ưa dùng để gọi những ai không chấp nhận thẩm quyền mình. Kissinger nói Lon Nol vẫn còn đặt tin tưởng ở Hoa Kỳ "dù là ông ta hiểu xứ ông là xứ Đông Dương duy nhất không được

cho một thời hạn ngưng bắn rõ rệt nào cả – dù là Bắc Việt bắt buộc phải rút lui. Lon Nol còn hứa sẽ cho ra một bản nhận định ủng hộ mạnh mẽ hiệp định khi nào loan báo". Kissinger thú nhận là Lon Nol đã bị "gạt, nhưng đổ lỗi ấy cho Bắc Việt, chứ không đổ cho mình (tr. 1384.).

47. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 19-1-1986.
48. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985.
49. Kissinger, sđd, tr. 1385.
50. Như trên, tr. 1385-1386.
51. Kissinger gọi Nhã là một "ông thầy rút gọn". Nhã sau này cãi là đã theo đúng tinh thần và ý định trong các câu phát biểu của Thiệu, nhưng đã muốn tìm cách tác động mạnh đến Kissinger bằng lối dùng ngôn ngữ mạnh hơn và nhấn mạnh hơn các câu tiếng Việt thận trọng, vòng vo của Thiệu.
52. Phỏng vấn. Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985.
53. Kalb và Kalb, trong *Kissinger,* tr. 375.
54. Nói chuyện giữa Hưng và Thiệu, hè 1973. Thiệu nói: "Tôi đã có thể cho xây một bức tượng Kissinger lớn bên sông Sài Gòn". Thiệu bảo Hưng lúc đó ông nghĩ đến tượng Đại tướng Douglas MacArthur tại Ma-ni-la.
55. Kalb và Kalb trích dẫn, tr. 376.
56. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-7-1985.

Chương VI

1. Kissinger, *White House Years*, tr. 1390.
2. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 19-12-1985. Nhã kể lại: "Chúng tôi cùng bàn cãi vấn đề và Thiệu quyết định không nói với Kissinger. Ông ta không muốn làm hắn bẽ mặt thêm trong các cuộc họp, và chúng tôi không muốn cãi với Kissinger về những tài liệu tịch thu được vì hắn có thể bảo đó là ngụy tạo. Chúng tôi bèn quyết định để dành tài liệu làm bằng chứng sau này".
3. Nói chuyện giữa Hưng và Thiệu, London, 25->27-11-1976; 4-3-1978 và 8-8-1978. Cùng phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-7-1985.
4. Kissinger, *Foreign Affairs,* (Giêng 1969). "The Vietnam Negotiations", tr. 217-218.
5. Bản văn do tác giả lưu giữ.
6. Nguyễn Vn Hinh, *Vietnamization and the Cease-Fire*, *Đông dương chuyên* khảo, Trung tâm Lục quân Hoa Kỳ, Washington, D.C. tr. 186.
7. Schecter phỏng vấn Kissinger tại Paris, 7-12-1972.
8. Kissinger, *White House Years*, tr. 1393.
9. Phỏng vấn Thiệu, 3-5-1985.
10. Như trên.
11. Allan Goodman, *The Lost Peace,* tr. 137, trích dẫn nhật báo Chính *Luận*, ngày 20-10-1972, tr. 1.
12. Sau vụ tấn công Tết Mậu Thân, 1968, quân Việt Cộng trong Nam đã bị tiêu hao nhiều. Trong kỳ tấn công, quân chính quy Bắc Việt cũng tham dự

và ở lại miền Nam để cùng đánh nhau và tổ chức các đơn vị Việt Cộng. Bắc Việt tiếp tục bổ sung và tăng cường lực lượng. Người ta ước tính rằng vào lúc xẩy ra vụ tấn công lễ Phục Sinh, 1972, có khoảng 200.000 quân Bắc Việt trong Nam, khi trên 150.000 quân tràn qua vùng Phi Quân Sự và qua biên giới Cam Bốt và Lào.

13. Goodman, tr. 137-138.
14. Trần Văn Đôn, *Our Endless War Inside Vietnam*, tr. 207.
15. Một viên chức Tòa Đại sứ Mỹ phụ trách chính trị có nhận được chỉ thị đi giải thích với phía VNCH là lính Bắc Việt sẽ tàn lụi dần đi, rồi chúng sẽ trở về Bắc. Anh nói khá tiếng Việt, và anh đã rất ngượng vì biết là người Việt Nam không đến nỗi ngây thơ như anh tưởng.
16. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, 22-8-1985.
17. Kissinger tại bữa ăn trưa với các chủ bút tạp chí *Time*, 29-9-1972.
18. Cuộc họp báo của Kissinger tại Phòng Báo Chí Tòa Bạch Cung, 26-10-1972, tr. 8.
19. Giác thư của Thiệu gửi Nixon, 4-10-1972.
20. *Der Spiegel*, phỏng vấn Thiệu, 1-12-1979.
21. Szule, *The Illusion of Peace,* tr. 633.
22. Nixon, *Memoirs,* tr. 697.
23. Hersh, *The Price* of *Power,* tr. 563-564.
24. Kissinger, *White House Years*, tr. 973, viết rằng hồi tháng Năm 1970, ông ra lệnh cho nghiên cứu

hậu quả việc quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam sau ngày ngưng bắn. "Ai cũng đồng ý là Hà Nội sẽ bác bỏ một cuộc ngưng bắn dù phải rút quân hay tập kết; có mỗi một thứ có cơ được phe bên kia chấp nhận là ngưng bắn tại chỗ". Kissinger còn thêm là sự thành công của cuộc tràn qua Cam Bốt "khiến những rủi ro có thể dung nhượng được". Ông cũng nhận định là với một cuộc ngưng bắn tại chỗ, "số dân dưới quyền kiểm soát của Sài Gòn sẽ bị xoi mòn đi ít nhất là sáu phần trăm".

Chương VII

1. Schecter phỏng vấn Haig cho *Time*, 20-10-1972.
2. Nixon, *Memoirs*, tr. 718.
3. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-5-1985, Nhã giải thích lý do hai người cười lớn là họ đã đoán trước Haig trong buổi họp sẽ có dọa đảo chánh hay tệ hơn, và quyết định rằng cách duy nhất để ứng đối là cười xòa và làm ngơ.

   Trong chuyến Thiệu viếng thăm Hoa Thịnh Đốn hồi tháng 4-1973, Nhã ngồi cạnh William Sullivan (Phó Phụ tá Ngoại Trưởng đặc trách Viễn đông Sự vụ) trong một bữa ăn trưa do Bộ Ngoại giao khoản đãi Thiệu. Trong cuộc nói chuyện giữa hai người, Nhã hỏi Sullivan: "Nhớ lại một dịp năm ngoái, quí ông đã không khôn ngoan chút nào hết; "Hành động tàn bạo" là cái gì đó?

   Sullivan đáp: "Ờ mà chúng tôi đâu có ý nói như

thế. Ông nghĩ là chúng tôi đã muốn nói gì"?
Nhã trả lời: "Chúng tôi nghĩ là quí vị hoặc sắp đẩy chúng tôi đi hoặc ám sát chúng tôi".
Sullivan ngạc nhiên: "Làm sao? Ồ, chúng tôi sẽ đâu có làm như thế"!
Nhã xẵng tiếng: "Bill, tôi đâu phải là một cậu bé học sinh giáo đường"! Phỏng vấn Nhã 23-7-1985.

4. Xin coi phụ lục A.
5. Schecter, hồi ấy là phóng viên của *Time* tại Toà Bạch Cung, được John Scali cho "tin tức bối cảnh" về sự Kissinger đi vượt quá vai trò của mình và không chịu dành công trạng đó cho Nixon. Scali, hồi đó là cố vấn cho Nixon, đã được Haldeman mớm lời.
6. Phỏng vấn trong *Der Spiegel,* 1-12-1979, và được Thiệu kể lại trong cuộc phỏng vấn của hai tác giả 3-5-1985.
7. Nixon, *Memoirs*, tr. 718.
8. Như trên.
9. Kissinger, *White House Years*, tr. 1413.
10. Nixon, sđd, tr. 719.
11. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, 23-5-1985.
12. Nói chuyện giữa Hưng và Nutter, 18-11-1972.

Chương VIII

1. Phỏng vấn. Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985.
2. Kissinger, *White House Years,* tr. 1398; Hersch, *The Price of Power,* tr.606-607.

3. Kalbs, trích trong *Kissinger*, tr. 395.
4. Như trên, tr. 396.
5. Bài báo cũng được đăng tải trên *The Washington Post*, Mục Quan Điểm, tr. B- và B-4, 1973.
6. Phỏng vấn Vương Văn Bắc tại Paris, 23-8-1985, và Trần Kim Phượng, 10-7-1985.
7. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, 23-8-1985.
8. Kissinger, sđd, tr. 1420; Nixon, *Memoirs,* tr. 723. Nixon nói Kissinger đã tán thành cắt đứt hòa đàm và tái oanh tạc. Nixon tự nhận mình đã có công về quyết định tiếp tục thảo luận một vòng nữa, trong khi Kissinger nói không có gì chứng minh nào để yểm trợ nhận định của mình. Tướng John W. Vogt, cựu tư lệnh Đệ Thất Không Lực Hoa Kỳ và chỉ huy phó Nhóm Cố Vấn Quân sự Hoa Kỳ, kể lại là ông đã chống đối việc ngưng dội bom hồi tháng Mười. "Tôi đã phản đối và nói: 'Quí vị biết lịch sử của chúng ta về Cộng sản là một lịch sử cứ phải dí lửa vào đít chúng nó thì chúng nó mới chịu làm một cái gì. Nếu tắt lửa đi, chắc chúng sẽ chẳng bao giờ ký cả"! Vogt còn nói: "Tôi cho máy bay trinh sát lên, và tôi có thể thấy chúng đang xây lại các nhà máy điện, phi cơ Xô Viết đang đáp xuống và tiếp đồ trang bị. Các đường xe lửa đang được nối lại Trung Hoa và các đoàn xe lửa lại thấy đang chạy trở xuống. Vào lúc đó chúng đâu có muốn thỏa hiệp gì hết. Chúng nghĩ rằng, về mặt chính trị, sau khi đã ngưng dội bom, Tổng Thống

sẽ chăng thể nào mà dội bom trở lại được nữa, cho nên chúng cứ ngồi ỳ ra đó, tưởng như thế là xong rồi. Thế nhưng,Tổng Thống đã phải lấy một quyết định, tuy rất là khó khăn, để xử dụng B-52 lại dù có đôi chút rủi ro, và tất nhiên nó làm cho dư luận công chúng chống lại ông khắp nơi trên thế giới, nhất là tại xứ này". Coi Vogt, *Oral History,* tr. 88-89.

9. Trong Dinh Độc Lập, Thiệu và các tùy viên thường hay pha trò về lối nói "chơi chữ" của Kissinger và cứ xài đi xài lại các từ ngữ như "tổng duyệt quan niệm". "Cấu trúc hòa bình", và "khuôn khổ thương thuyết". Hưng còn nhớ là vì vậy mà Kissinger đã bị cho là cao siêu, xa vời quá, lý thuyết quá, không biết gì về những thực tế khách quan tại vùng nông thôn.
10. Nixon, sđd, tr. 723.
11. Kalbs, sđd, tr. 402.
12. Kissinger, sđd, tr. 1425.
13. Như trên.
14. Kissinger, tr. 1426.
16. Tư lệnh Hoa Kỳ ở Nakorn Phanom, Tướng John Vogt, chở máy bay các tư lệnh vùng của VNCH qua Thái để coi những phương tiện chỉ huy của căn cứ để phối hợp tin tức và cập nhật hóa các vị trí địch để có thể oanh kích sau khi hiệp định đã được ký kết. Nhiệm vụ của Vogt là thông báo cho các Tham mưu trưởng Liên quân biết về những

biến chuyển trong khu vực sau khi ngưng bắn. Trong cuốn *Oral History*, Vogt nhận định: "Tôi vẫn còn trách nhiệm về toàn thể khu vực đó, kể cả trách nhiệm là có thể tái oanh tạc tại Việt Nam nếu, và chừng nào, tình thế đòi hỏi" (tr. 263).

17. Kissinger, sđd, tr. 1426.
18. Như trên, tr. 1345
19. Như trên.
20. Phỏng vấn John Negooponte, ngày 20-3-1985, trích dẫn Kissinger, tr. 1421.
22. Kissinger, tr. 1437.
23. Như trên, tr. 1441.
24. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 13-6-1985.
25. Kissinger, tr. 1448.
26. *United States Foreign Policy*, *1972*, A *Report* of *the Secretary of State*, tr. 661-665.
27. Nixon, tr. 737. Nixon ám chỉ bức thông điệp của Tổng Thống McKinley gửi cho Tướng Calixto Garcia của Cuba, năm 1898. Sau khi tàu chiến *Maine* của Mỹ bị bắn chìm ở Hải cảng Havana ngày 15-12-1898, McKinley phái Trung úy Andrew Summers Rowan qua thông báo cho Garcia biết là quân đội Hoa Kỳ sắp đổ bộ lên Cuba.
28. Kissinger, tr. 1460.
29. Nixon, tr. 137.
30. Kissinger, tr. 1460.
31. Vogt, *Oral History,* tr. 89-90, và phỏng vấn ngày 20-12-1985.

32. Như trên. Trong số khoảng 884 hỏa tiễn SAM phóng lên, chỉ 24 bắn trúng, và 15 máy bay bị hạ (tỷ số: 1,7%). Đã có các ước tính khác là khoảng từ 914 đến 1.042 hỏa tiễn bắn lên. Trong tổng số 729 phi vụ bằng B-52, 498 phi vụ đã chọc thủng những vùng đặc biệt đe dọa chung quanh Hải Phòng và Hà Nội. Máy bay Mỹ nói chung đã chịu một tỷ số thiệt hại là 4 phần trăm. Xin coi *Linebacker II: A View from the Rock*, USAF Southeast Asia Monographs Series, tập VI, Monograph 8, tr. 171-175. Cũng nên coi Karl J. Eschman, phúc trình số 85-0765, *The Role of Tactical Air Support: Linebacker II*, *Air Command and Staff College Air University, Maxwell AFB*, *Alabama,* tr. 97-109.
33. Phỏng vấn Châu Kim Nhân, 23-10-1985.
34. Vogt, sđd, tr. 257.
35. Phỏng vấn Alexander Haig, 13-11-1985.
36. Nixon, tr. 744
37. Phỏng vấn Vương Văn Bắc tại Paris, 23-8-1985.
38. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985.

Chương IX

1. Phỏng vấn John Negroponte, ngày 20-3-1985.
2. Công báo Quốc Hội, Diễn văn ngày 15-1-1973, tr. E191- 192. Hưng phân tách tất cả những hồ sơ công khai về đề nghị đình chiến và kết luận rằng Hoa Kỳ đã chống đối sự hiện diện của quân đội Bắc Việt ở miền Nam. Hưng viết rằng "Hơn ai

hết, Tổng Thống Nixon tiên đoán miền Nam Việt Nam không thể thể hiện sự tự quyết được nếu có sự hiện diện của quân Bắc Việt ở đây. Bởi thế cho nên, trong đề nghị đầu tiên, Nixon nêu lên câu hỏi then chốt: "Phải dàn xếp ra sao để nhân dân miền Nam Việt Nam được tự do quyết định tương lai chính trị của họ? Việc dàn xếp đó bao gồm việc triệt thoái tất cả quân đội không phải là của miền Nam Việt Nam ra khỏi miền này. Hơn nữa, thể thức lựa chọn chính trị phải để cho mọi nhóm chính trị ở miền Nam có cơ hội tham gia vào đời sống chính trị ở đây".

Vấn đề khó khăn trong cuộc hòa đàm mới là Bắc Việt không bao giờ công khai nhìn nhận họ có quân đội ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, Nixon đã trả lời vấn đề này bốn năm trước đây khi ông nói "Nếu Bắc Việt nhất định cho rằng quân đội của họ không có mặt ở miền Nam, chúng ta sẽ không thảo luận vấn đề này nữa nếu quân đội của họ không còn có mặt ở đây và họ phải bảo đảm quân đội của họ sẽ không bao giờ trở lại đây nữa".

"Thật ra, theo tinh thần này, có thể tìm thấy lối thoát cho cuộc hội đàm ở Paris. Một trong những bảo đảm là Hà Nội sẽ tôn trọng vùng Phi Quân Sự".

3. Trong cuộc hóp báo ngày 16-12-1972, Kissinger tuyên bố rằng: "Lập trường của Hoa Kỳ về ngừng

bắn tại chỗ đã định rõ từ tháng 10, 1972. Lập trường đó đã được lập lại lần nữa ngày 8 tháng 5, 1972. Những đề nghị đó đã không đả động gì đến việc triệt thoái quân đội Bắc Việt. Do đó, ta không thể đồng ý với VNCH khi họ đặt điều kiện thêm vào lập trường đã định trước, và bản thỏa ước phản ảnh lập trường này". Trong bản phân tích đã được đăng trong Công Báo Quốc Hội ngày 15-1-1973, tr. E-191, Hưng lý luận rằng: "Sự phân tách toàn thể những đề nghị ngưng bắn trong 4 năm qua cho ta thấy rằng, trái với lời tuyên bố của TS. Kissinger, lập trường cố hữu của Hoa Kỳ là tất cả quân đội ngoại bang, kể cả Bắc Việt, phải triệt thoái khỏi miền Nam. Điều kiện này nằm trong giải pháp cuối cùng".

4. Kissinger, "*The House Years*", tr. 1469.
5. Nixon, *Memoirs*, tr. 749-750.
6. Điều 1 đọc là: "Hoa Kỳ và tất cả những quốc gia khác tôn trọng nền độc lập, chủ quyền thống nhất lãnh thổ của nước Việt Nam, đã được thừa nhận trong bản Hiệp định Genève năm 1954". Đối với Bắc Việt điều đó có nghĩa là miền Nam Việt Nam là một phần của Việt Nam, không phải là một quốc gia độc lập có thủ đô là Sài Gòn.
7. *United States- Vietnam Relations*, Tài liệu do Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ soạn, Quyển 3/12, tr. 23.
8. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, ngày 23-7-1985.
9. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, ngày 13-7-1985.

10. Tướng John Vogt nhớ lại hồi tướng Haig đến Sài Gòn để "trấn an và dọa dẫm Thiệu phải ký vào bản Thỏa ước"., Haig và một số người nữa nói với ông ta rằng: "Chúng tôi muốn ông đi nói với các tướng lãnh Việt Nam rằng Hoa Kỳ giữ vững lập trường hỗ trợ không lực cho quân đội của họ. Họ sẽ tin ông. Tôi từ chối, và biết rằng Washington sẽ không hài lòng về việc này". Vogt nói thêm rằng: "Cuối cùng ông Thiệu phải ký sau khi được bảo đảm chắc chắn rằng Hoa Kỳ sẵn sàng dội bom nếu Bắc Việt tấn công" Xem Vogt, *Oral History,* tr. 276.
11. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, ngày 23-7-1985 và ngày 19-1-1986.
12. Thiệu phát biểu ý kiến với Hưng ở Sài Gòn năm 1975 và nhắc lại với Hưng ở Luân Đôn năm 1976.
13. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu, 3-5-1985.
14. Một lối diễn nghĩa nữa là: "Khi lời nói đã bay ra khỏi miệng, con ngựa tứ Xuyên cũng không bắt kịp".
15. Nixon, *Memoirs*, tr. 715.
16. Trích trong một bài của Hồng Hà, đài Phát Thanh Hà Nội ngày 27-1-1974, JPRS 61277, ngày 20-1-1985.
17. Hồ sơ của Schecter ở tờ báo *Time*, căn cứ vào cuộc phỏng vấn với CIA và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, ngày 27-11-1985.

Chương X

1. Vogt, *Oral History,* tr. 239-240.
2. Diễn văn từ biệt của Thiệu, bản văn FBIS.
3. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, ngày 13-5-1985.
4. Kissinger, *Years of Upheaval*, tr. 310.
5. Đến tháng 4, 1986, vẫn còn 2.436 người Mỹ báo cáo mất tích ở Đông Dương, Tất cả có 695 người mất tích ở Bắc Việt, 1.097 ở miền Nam, 82 ở Cam Bốt, 556 ở Lào, và 6 ở ngoài khơi. Trong số mất tích có 42 thường dân.
6. Nixon, *Memoirs,* tr. 842-843.
7. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, ngày 23-7-1985.
8. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, ngày 23-7-1985.
9. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, ngày 23-7-1985.
10. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã, ngày 23-7-1985.
11. Hoàng Đức Nhã, ngày 23-7-1985.
12. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu ngày 4-4-1978.
13. *The Fall of South Vietnam,* tr. 38.
14. Kissinger, *Years of Upheaval,* tr. 310. Kissinger quên hết những hành động chống đối Thiệu, và viết: "Thời gian tôi ở Washington, tôi đã chứng kiến nhiều lần những lãnh tụ Cộng sản được tiếp đón rất trọng thể. Những viên chức cao cấp trong chính phủ đua nhau đến dự quốc tiệc khoản đãi những lãnh tụ trung lập chuyên trị về chỉ trích Hoa Kỳ. Nhưng một đồng minh trung thành của Hoa Kỳ lại bị coi như một tên khố rách. Những tố cáo về sự thiếu dân chủ của ông Thiệu đã là cái cớ

của những người muốn bỏ rơi dân tộc Việt Nam cho những kẻ thù của Dân Chủ...

Những cải tổ để dân chủ hóa chính quyền của Thiệu đã không được ai nói đến... Khi những người đối lập ở Sài Gòn nêu lên những sự kiện dân chủ của Thiệu lại không so sánh điều ấy với chính thể Hà Nội"...

15. Hưng đến thăm Côn Sơn năm 1974. Những "chuồng cọp" đã được dọn sạch, và tù nhân không còn bị xiềng chân ở trong khám nữa.
16. Arnold Issacs, *Without Honor*, tr. 108-109.
17. Guenter Lewy, *America in Việt Nam*, tr. 294.
18. Arnold Issacs, *Whithout Honor*, tr. 106-107, bình luận về chế độ "an trí ở Việt Nam".
19. Lời ghi của Schecter trong bữa ăn điểm tâm với Thiệu, 5-4-1975.
20. Vogt, *Oral History*, tr. 254-256. Vogt lý luận rằng: Không có gì tốt hơn là tôi đi đến tận nơi và thảo luận với những người tôi đã làm việc lâu năm sự thể ra sao".

Như vậy, ý định của chúng ta là muốn cắt đứt sợi dây liên lạc đã giúp chúng ta hiểu rõ sự tình và xem kẻ thù của chúng ta định làm gì. Và một lần nữa, đó là những tin tức mà Washington không muốn nghe đến nữa vì bị vụ Watergate bao vây và việc Quốc Hội không hài lòng về những việc chúng ta làm ở đây. Thật là mỉa mai khi chúng ta bắt kẻ thù phải ký thỏa hiệp rồi chúng ta vất

chúng nó qua một bên... Tôi nghĩ là công chúng Hoa Kỳ muốn biết điều này".

21. Goodman. "*The Lost Peace*", tr. 84.
22. Như trên, tr. 85.
23. Nixon, sđd, tr. 374-375.
24. Vào mùa hè năm 1974, Thiệu tâm sự với Hưng nhiều lần là ông rất lo ngại về việc Đức Giáo Hoàng không hiểu nổi hiểm họa Cộng sản ở miền Nam Việt Nam. Thiệu nói với Hưng là đại diện Tòa Thánh ở Sài Gòn khuyến cáo Thiệu nên điều đình với Cộng sản miền Nam.

Chương XI

1. Nguyên tắc Tam Tòng: Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử.
2. Bác sĩ Tuyến, bác sĩ y khoa và cũng có bằng luật khoa. Sau khi Việt ninh cướp chính quyền, ông có tổ chức phong trào quốc gia chống Cộng của người Công giáo miền Bắc. Năm 1975, Tuyến thoát hiểm khỏi Sài Gòn vào giờ phút chót. Hiện nay ông sống với gia đình ở Luân Đôn.
3. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã ngày 23-7-1985.
4. Karnow, "*Vietnam: A History*" đã hồ đồ ghi rằng ở nhiều nơi, kể cả Sài Gòn, số phiếu của ông Diệm nhiều hơn cả số ghi danh bầu cử. Ông Diệm tuyên bố thắng cử với số phiếu 92,2% nhưng người Mỹ cho rằng chỉ độ 60 đến 70 phần trăm. Người Mỹ không hiểu rằng tinh thần quan lại của ông Diệm

làm ông không chấp nhận ngay một chống đối nhỏ. "Ông Diệm từ chối không chịu bầu cử theo Hiệp định Genève, vì ông cho rằng những cuộc bầu cử này không được tự do"., tr. 223-224.

5. Snepp, *"Decent Interval"*, tr. 14 và phỏng vấn Hoàng Đức Nhã ngày 23-7-1985.
6. Có lần Thiệu còn nhờ tướng Đôn nhắc khéo với Thủ tướng Khiêm là "ông ta nên làm việc hăng hái thêm chút nữa". Phỏng vấn Tướng Trần văn Đôn ngày 15-12-1985.

Chương XII

1. Kissinger, "*Years of Upheaval*", tr. 319.
2. Nixon, *Memoirs*, tr. 786.
3. Phỏng vấn Alexander Haig, ngày 14-1-1985.
4. Kissinger, sđd, tr. 318.
5. Phỏng vấn Hoàng Đức Nhã ngày 24-7-1985.
6. Kissinger, sđd, tr. 326.
7. Phỏng vấn Kissinger ngày 3-3-1986.
8. Phỏng vấn Ngô Quang Trưởng, ngày 10-3-1985.
9. Số tiền Mỹ dự định viện trợ cho Bắc Việt không bao giờ được tiết lộ. Trong bài tường trình của Tổng Thống Hoa Kỳ trước Quốc Hội ngày 9, tháng 2, 1972, Nixon tuyên bố: "Chúng ta chuẩn bị một chương trình viện trợ tái thiết đại qui mô hơn 7 tỷ mỹ kim trong 5 năm để phù hợp với bản Hiệp định Paris, trong đó, Bắc Việt có thể sẽ được chung phần tới 2 tỷ rưỡi mỹ kim".

Trong lá thư mật gởi Phạm Văn Đồng ngày 30 tháng 1, 1973, do Kissinger soạn, Nixon đề nghị thiết lập Ủy Ban Hỗn hợp Kinh tế và nói: "Thoạt đầu Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào chương trình tái thiết Việt Nam độ 3,25 tỷ mỹ kim trong 5 năm. Những hình thức viện trợ khác sẽ được hai bên bàn đến sau".

Những ước tính này sẽ được duyệt xét và sẽ được thảo luận giữa Việt Nam và nước Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam".

Phần thứ hai của đề nghị thỏa hiệp là Hoa Kỳ sẽ cung cấp từ 1 tỷ mỹ kim cho đến 1,5 tỷ mỹ kim thực phẩm và những nhu cầu khác cho nước Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam. Trong hồi ký Kissinger nói rằng số viện trợ này nằm ở trong tổng số viện trợ ghi trên. Ủy Ban Hỗn Hợp kinh tế được thiết lập trong chuyến đi Hà Nội của Kissinger, nhưng việc không thành vì những vi phạm của Bắc Việt. Kissinger viết: "Chuyến đi của tôi là để nhắc nhở Bắc Việt rằng họ phải chọn lấy một trong hai đường lối hoạt động. "*Years of Upheaval*". tr. 23-43.

Tổng số viện trợ đem ra bàn với Bắc Việt không được tiết lộ đến tận năm 1977, khi dân biểu Lester Wolff phơi bầy lá thư của Nixon cốt để chối bỏ mọi cam kết của Hoa Kỳ với Bắc Việt vì những vi phạm của họ và cuộc tấn công vào miền Nam Việt Nam năm 1975. (xem *Washington Post*, ngày

20-5-1977, tr. 1.)
10. *The New York Times*, ngày 12-6-1973, tr. 2.
11. Snepp, *Decent Interval,* tr. *52.*
12. Chương tình đặc biệt của Đài CBS: *"Đối thoại với Kissinger"* ngày 1-2-1973.
13. Phỏng vấn Kissinger ngày 3 tháng 3, 1986.
14. Goodman, *The Lost Peace*, tr. 100-101.
15. Như trên.
16. Kissinger, *Years of Upheaval*, tr. 302.
17. Snepp, sđd, tr. 50.
18. Sứ quán Hoa Kỳ biết rõ quan điểm này. Xem Đại tá William E. Le Gro, *Vietnam from Cease-Fire to Capitulation*, tr. 50-51.
19. Daniel Rapoport, *Inside The House,* tr. 238.
20. Quyển vở nháp với lời ghi này còn để ở Thư Viện Gerald R. Ford.
21. Daniel Rapoport *"Inside* the *House",* tr. 240-243, bàn chi tiết về câu chuyện này, và phỏng vấn ông Ford sau cuộc bỏ phiếu chừng một tuần.
22. Phỏng vấn Alexander Haig, ngày 13 tháng 11-1985. Laird nhất quyết rằng: "Tôi không bảo ông Ford như vậy, Ford đi quá trớn khi ông ta bao gồm cả vùng Đông Nam Á. Ông ta nói với tôi phải làm sao bây giờ và tôi nói với ông: "Ông không thể rút lại lời nói được". Ông Tổng Thống giận vô cùng, và Quốc hội cũng cảm thấy bị đánh lạc hướng vì những lời hứa với ông Thiệu không được thông báo cho Quốc Hội rõ... Quốc Hội không biết rõ

về những hứa hẹn của Nixon, nhưng họ cho là có dính đến vụ dội bom mà không tham khảo ý kiến với Quốc hội. Phỏng vấn Melvin Laird, ngày 4-12-1985.

Chương XIII

1. John Ehrlichman, "*Witness* to *Power*", tr. 288
2. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, ngày 24, tháng 8-1985. Bắc lúc đó là Tổng Trưởng Ngoại Giao. Bắc bực mình vô cùng vì Khiêm trốn tránh trách nhiệm, cái gì cùng trình lên ông Thiệu.
3. Tại Sài Gòn Đại sứ Pháp phàn nàn với ông Thiệu là Pháp không thể viện trợ cho Sài Gòn được vì thương thuyết không xong. Thiệu nói với Hưng phải linh động với người Pháp nhưng việc thương thuyết không thành vì chuyện người Pháp chỉ đưa cho VNCH những thứ mà VNCH không cần đến.

Charles J. Tommes, *Military Review* (August 1976.) "*Vietnam Summary*: *Military Operations Afters the Crease-Fire Agreement*"., tr. 66.

4. Khoảng 93 phần trăm nhập cảng và 75 phần trăm ngân sách là do Hoa Kỳ đài thọ.
5. Vietnam Bulletin, 15-4 và 1-5-1974.
6. Về điểm này xem Fung Yu-Lan (馮友蘭 – Phùng Hữu Lan), "*History of Chinese Philosophy*", tr. 74-75.
7. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, ngày 27-11-1985. Bắc

ghi lời của Kissinger trong buổi họp ở Paris ngày 12-1-1973.

8. Xem Cao Văn Viên, "*The Fall of* South *Vietnam*", tr. 42- 43. Viên cho rằng người miền Nam tin ở lý thuyết đầu tư này.
9. Phỏng vấn Gramham Martin, ngày 27-3-1985.
10. James Gavin, "*A Communication on Vietnam*" Harper's (tháng 2, 1966) tr. 16-21.
11. Westmoreland, "*A Soldier Reports*", tr. 128-129
12. Xem William Safire, "*Safire's Political Dictionary*", *tr. 763*.
13. Như trên.
14. Hinh, "*Vietnamization and the Cease-Fire*", Chương VII, nhất là trang 183.
15. Cao Văn Viên, "*The Fall of South Vietnam*", tr. 133.
16. Như trên, tr. 169.
17. Phỏng vấn Ngô Quang Trưởng, 21-2-1985.
18. Tháng 2, 1973, Sư Đoàn 2 của Bắc Việt tấn công Sa Huỳnh ở Quảng Ngãi bị Sư đoàn 2 của VNCH đẩy lui. Tháng 4, 1973, Sư đoàn 9B Bắc Việt tấn công tỉnh Kiến Phong, bị Sư đoàn 9 của VNCH đẩy lui về bên kia biên giới Cam Bốt. Cuộc tấn công thứ ba của Sư đoàn F10 của Bắc Việt tấn công gần Kontum bị cầm chân và rút lui bởi sư đoàn 23 của VNCH.

Chương XIV

1. Phỏng vấn Tướng Murray, ngày 10-5-1985, và ngày 12-2- 1986.
2. Phỏng vấn Tướng Murray, ngày 10-5-1985.
3. Xem Le Gro, "*Vietnam from Cease-Fire to Capitulation*", tr. 81-82.
4. Như trên, tr. 80.
5. Tường trình của Tướng Murray đăng trong *Công Báo Quốc Hội* ngày 6, tháng 3, 1975, tr. H1454-1455.
6. Cao Văn Viên, "*The Final Collapse*", tr. 53-54.
7. Như trên, tr. 54-55
8. Phỏng vấn Tướng Murray, ngày 10-5-1935.
9. Trích trong "*Vietnam at the Balance*". Bản báo cáo đặc biệt cho Ủy Ban Chỉ Đạo Đảng Cộng Hòa, Hạ Nghị Viện Hoa Kỳ, do Jamnes Cowin, tr 1-2.
10. Indochina Resources Center là một tổ chức phản chiến ở Washington. Mục tiêu của họ là vận động Quốc hội Hoa Kỳ cắt viện trợ của VNCH.
11. Sổ tay của Hưng từ Sài Gòn. Thiệu lập lại lời tuyên bố này với các nhân viên của hội đồng nội các.
12. Khi McNamara tới thăm Sài Gòn năm 1964, để tỏ lòng ủng hộ Nguyễn Khánh, ông ta cầm tay Khánh giơ lên cao và hô "Việt Nam Muôn Năm" nhưng lại phát âm là "Vịt Nằm Muốn Nằm".
13. Thiệu dùng tiếng Pháp "*clair*, *precis*, *et concis*".
14. Xem phụ bản G.

15. *Vietnam Buletin*, IX, số 12 (ngày 31-8-1984), tr 8.
16. Văn thư của Nutter gởi cho Mash ngày 1-10-1974, Hưng giữ.
17. Hưng là người ghi chép trong buổi họp này.
18. Phỏng vấn Morton Abramowitz, ngày 11-3-1986.
19. Tướng Charles J. Timmes, *"Military Review"* (Tháng chín 1976), tr. 71-75.
20. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, ngày 22, ngày 8,1985. Bắc kể lại hồi 1956, phần lớn người Mỹ không biết Việt Nam ở đâu. Nếu có người hỏi, Bắc cứ trả lời là người Trung Hoa cho đỡ rắc rối cắt nghĩa.
21. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, 22-8-1985.
22. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, ngày 22-8-1985.
23. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, ngày 22-8-1985.

Chương XV

1. Văn Tiến Dũng. *Our Great Spring Victory*, tr. 17-18.
2. Trung tướng John E. Murray, Tùy viên Quân sự Sài Gòn, *Vietnam Report*, 21-8-1974, tr. 62-63. Murray, trong bản báo cáo chót đã đặc biệt quan ngại về tình hình thiếu hụt đạn dược mỗi ngày mỗi nhiều thêm.
3. Một bản sơ khảo nhan đề "phúc trình về tình hình quân sự tại miền nam VN của Tổng Tham mưu liên quân, QLVNCH", đề ngày 9-1-1975 hiện Hưng còn giữ. Bản phúc trình của TTM thảo luận về những "khả năng" của Bắc Việt có đoạn:

"Trong Khả Năng Một, chúng cũng tính rằng Hoa Kỳ sẽ không viện ra được lý do nào để cung ứng thêm viện trợ, vì cấp chỉ huy Hà Nội sẽ chỉ dựa vào các đơn vị được tăng thêm đã có sẵn tại miền Nam, và làm như thế thì bất cứ vụ xung đột mới nào xẩy ra cũng sẽ được coi như một cuộc nội chiến, và là hậu quả của các vụ vi phạm ngưng bắn trầm trọng hơn. Trong Khả Năng Hai, nhằm chận trước không cho Hoa Kỳ cơ hội yểm trợ kịp thời, chúng sẽ tung ra một cuộc tấn công kiểu ồ ạt chớp nhoáng, (Blitzkrieg) với tất cả những phương tiện chúng sẵn có, kể cả số quân tổng trừ bị hiện ở Bắc Việt, để chiếm lại sự kiểm soát nhiều vùng lớn của lãnh thổ VNCH. Tóm lại, ta có thể nói rằng cả hai khả năng đều đưa tới một cuộc tấn công quân sự có tầm cỡ lớn".

4. Xin coi thêm tài liệu do Tướng Cao Văn Viên, *The Final Collapse*, tr, 33-36.
5. Phỏng vấn Trần Văn Đôn, 10-4-1985.
6. Phỏng vấn Cố vấn An ninh của T.T. Ford, tướng Brent Scowcroft, 25-11-1985.
7. Ghi chép riêng của Hưng sau khi nói chuyện với một số bạn hữu và giới chính trị gia, kể cả Phó Tổng Thống Hương tại Sài Gòn, trong dịp Tết Nhâm tí, tháng 2-1975.
8. Viên, sđd, tr. 62-68.
9. Trích dẫn cuộc Họp báo với Tổng trưởng Quốc phòng James R. Schlesinger, 14-1-1975, Bộ Quốc Phòng.

10. Như trên.
11. Như trên. Trong cuộc phỏng vấn ngày 7-11-1985, Schlesinger nói: "Tổng trưởng Quốc phòng hồi đó đã nói xạo. Nói xạo, theo tôi, vì một lý do chính đáng, là cố tìm cách kiềm chế Hà Nội, nhưng chúng thấy là chúng tôi không đáp ứng với những trắc nghiệm đó".

Bằng cách cảnh cáo Bắc Việt là Hoa Kỳ có thể dội bom trở lại, Schlesinger đã hy vọng làm tròn nhiệm vụ yểm hộ VNCH sau vụ thất thủ Phước Long hồi tháng Giêng 1975, nhưng Bắc Việt đã biết tỏng ngay là Hoa Kỳ sẽ không oanh tạc trở lại nữa, bất chấp lời đe dọa của Schlesinger.

12. Dũng, *Our Great Spring Victory,* tr. 22-23.
13. Phỏng vấn Alexander Haig, 13-1-1986. Haig nói ông đã yêu cầu Kissinger đi cùng với mình tới kêu gọi Ford xét lại, nhưng Kissinger nói không thể đi được. Kissinger thì nói là không nhớ Haig đã yêu cầu.
14. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, Paris, 24-8-1985.
15. Tướng John W. Vogt, Jr, *Oral History*, tr. 145-146. Trong một chuyến công du trước kia, dân biểu Abzug có thông báo Tướng Vogt (hồi đó là tư lệnh không luc 7 của Hoa Kỳ đặt căn cứ tại Nakorn Phanom, Thái Lan) cho biết là bà muốn gặp để được lược trình về tình hình chiến cuộc. Vogt cho máy bay sang đón bà ta ở Sài Gòn, nhưng bà lại đòi được đưa qua Vạn Tượng ở Lào để gặp Đại

sứ Godley. Sáng hôm sau, viên phi công lái chiếc máy bay cho bà ta, gọi về cho Vogt nói: "Bà Abzug muốn tôi chở hai vợ chồng bà ta và người thư ký qua thẳng Hương Cảng. Vogt từ chối, không cho phép Abzug qua Hương Cảng bằng máy bay quân sự, cho nên bà ta đã không được Vogt lược trình tình hình chiến cuộc như bà yêu cầu. Vogt nổi cáu: "(Đến nay) tôi vẫn không biết hồi ấy vì lý do nào, vì có công chuyện khẩn cấp hay muốn đi mua sắm hay gì khác, mà bà ta không chịu bỏ ra thời giờ sang nói chuyện với tôi để tìm hiểu xem chúng tôi đang làm gì và tại sao làm như thế. Như tôi vừa nói, tôi mặc kệ cho bà ta ở đó. Godley đã phải dàn xếp tìm máy bay hàng không dân cư cho bà ta qua Hương Cảng. Đó là cái thái độ ta thường gặp với loại người có sẵn quyết định trong đầu rồi, không chịu nhìn sự thật, không chịu nghe sự thật. (...), tr. 146.

16. Guenter Lewy, *America* in *Vietnam,* tr. 296.
17. Tiziano Terzani, *Giải phóng! The Fall and Liberation of Sài Gòn,* tr. 257-259.
18. Từ 1970 đến 1973, chính phủ đã tái phân phối 2.500.000 mẫu đất cho trên 800.000 nông dân, như thế có nghĩa là 90 phần trăn đất khả canh lúc đó đã thuộc về quyền sở hữu và khai thác của nông dân cá nhân. Xin coi Nixon, *No More Vietnams*, tr. 133.
19. Lewy, sđd, tr. 90.

20. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, Paris, 23-8-1985.
21. Lê Lợi tự xưng là vua năm 1428. Ông được coi là người đầu tiên xây dựng nền thống nhất quốc gia, và người tiền phong trong nghệ thuật du kích chiến. Xin coi Joseph Buttinger, *The Smaller Dragon,* tr. 157-159 và 190.

Chương XVI

1. Hiềm thù giữa người Việt và người Thượng đôi khi thành đổ máu thực sự như vụ xung đột hồi tháng 9 năm 1964.
2. Tướng Charles J. Timmes, *"Military Review"* (Tháng 9-1976) Tướng Timmes ghi là Bộ Tổng Tham Mưu ngỏ ý muốn tướng Phú chuyển quân lên tăng cường cho Ban Mê Thuột, nhưng không có quyền để cho lệnh đó!
3. Cao Văn Viên, "The *Final Collapse*" tr. 68-69.
4. Như trên, tr. 102.
5. Cao Văn Viên "The *Final Collapse",* tr. 33-36, ghi chi tiết những vũ khí tối tân của Nga Xô cung cấp cho Bắc Việt.
6. Như trên, tr. 78.
7. Phỏng vấn Thiếu tá Lý thành Tâm, ngày 12-8-1985; phỏng vấn Trần Văn Đôn, ngày 23 tháng 1, 1980. Hồi 1971, ông Thiệu nhờ tướng Đôn để nói với Tướng Viên yêu cầu ông phải làm việc hăng hái hơn chút nữa, và chịu khó ra chiến trường giám sát quân sĩ.

8. Cao Văn Viên, "*The Final Collapse*", tr. 112-113, ghi chi tiết về vấn đề xử dụng quân trừ bị. Tướng Viên cho là ông Thiệu muốn nắm quyền chỉ huy quân sự, Bô Tổng tham mưu không có quyền hạn gì cả.
9. Hưng nói chuyện với Thiệu ở Luân Đôn ngày 4-3-1978.
10. Bernard B. Fall, "Street Without Joy", chương 9, tr. 27-35. Người Pháp dùng bom napalm. Cộng sản bị chết 6.000 và bị bắt 500 người.
11. Phỏng vấn Nguyễn Văn Thiệu ngày 13-6-1985. Và xem Liddell Hart, "*History of* the *Second World War*" chương 31, tr. 543-567, bàn về chiến lược của quân đồng minh.
12. Hưng nói chuyện với Thiệu ở Luân Đôn, ngày 4-3-1978.
13. Xem Cao Văn Viên, "The *Final Colapse*", tr. 86-87. Bernard B. Fall, "*Street Withou Joy*", ngày 4-3-1978.
14. Chi tiết xem trong Viên, "*The Final Collapse,*", tr. 110-132 và Snepp, "Decent Interval", tr. 192-216; và Tướng Charles J. Timmes, "Military Review". (Tháng chín 1976). Phần II, tr. 21-29.
15. Snepp, "Decent Interval", tr. 208.
16. Tướng Ngô Quang Trưởng, "*RVNAF and U.S. Operational Cooperation and Coordination*", *US. Army Center of Military History*, *Washington, DC*. Tướng Trưởng nhận xét rằng sự phân biệt

giữa hai lực lượng Mỹ Việt đã làm cho các tư lệnh Vùng Chiến Thuật nhẹ bớt phần trách nhiệm về quân sự. Vì lẽ đó, họ lo làm chính trị hơn là đánh giặc.

17. Westmoreland, "*A Soldier Reports*", tr. 133-134, bàn đến vấn đề thống nhất chỉ huy hai lực lượng Mỹ và Việt. Việc này không thành.
18. Tướng Ngô Quang Trưởng, "*RVNAF and US Operational Cooperation and Coodination*", *US Army Center* of *Military History*, *Washington, DC.* Tướng Trưởng nhận xét về sự lệ thuộc của quân đội miền Nam vào quân đội Hoa Kỳ, (tr. 163-164 và 165-171)
19. Cao Văn Viên, "*The Final Collapse*". Phụ bản A, tr. 169- 171. Viên cho là ông Thiệu nắm hết quyền điều khiển quân đội.
20. Phỏng vấn Ngô Quang Trưởng, ngày 21-2-1985. Theo ông Trưởng, ông Thiệu luôn luôn tôn trọng những đề nghị của Bộ Tổng tham mưu.
21. Phỏng vấn Eric Von Marbod, ngày 10-5-1985.
22. Hưng nói chuyện với Thiệu ở Luân Đôn ngày 3-4-1978.
23. Phỏng vấn Ngô Quang Trưởng ngày 21-5-1985.
24. Snepp, "*Decent Interval*", tr. 210-211.
25. Phỏng vấn Ngô Quang Trưởng 31-5-1985.
26. Hưng nói chuyện với Thiệu ở Luân Đôn ngày 4-3-1978.
27. Phỏng vấn Ngô Quang Trưởng ngày 21-2-1985.

28. Theo Thiệu, tới ngày 19-3, khi Trưởng ở Sài Gòn trở về Đà Nẵng, Trưởng yêu cầu Thiệu hoãn loan báo việc tử thủ Huế. Thiệu cho rằng Trưởng không chắc giữ nổi Huế nên quyết định để Trưởng linh động giữ Đà Nẵng không thôi. Hưng nói chuyện với Thiệu ngày 4-8-1978.
29. Phỏng vấn Ngô Quang Trưởng ngày 21-5-1985.
30. Phỏng vấn Thomas Polgar, ngày 5-11-1975.
31. Hưng nói chuyện với Thiệu ở Luân Đôn, ngày 25 tháng 11-1976.
32. Hưng nói chuyện với Thiệu ở Luân Đôn, ngày 25-11-1976.
33. Phỏng vấn James Shlesinger, ngày 27-11-1985; và phỏng vấn Ford, ngày 10-2-1986.
34. Ford nói Schlesinger chỉ nói chuyện qua về vấn đề xử dụng bom nguyên tử chiến thuật ở Việt Nam, nhưng không hề có giấy tờ đề nghị gì cả.

Chương XVII

1. Trong cuộc tấn công hồi Tết Mậu Thân tại Huế, 5.800 thường dân đã bị giết hoặc bắt đem đi; hầu hết số người mất tích coi như đã chết. Những nấm mồ tập thể chứa khoảng 2.800 xác chết được bới thấy trong thời gian mười-tám tháng sau khi Huế được tái chiếm. Xin coi Guenter Lewy, *America* in *Vietnam*, tr. 274 và Don Oberdorfer, *Tết* , tr. 198-235.
2. Phỏng vấn Vương Văn Bắc 8-1-1986

3. John H. Sullivan, *The War Powers Resolution, A Special Study* of the *Committee on Foreign Affairs*, tr. 148.
4. Như trên, tr. 160.
5. Như trên, 179.
6. Như trên.
7. Như trên, tr. 284.
8. Mọi lá thư khác đã được gửi thẳng từ tòa Bạch Ốc tới Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn để chuyển giao cho Thiệu.

Chương XVIII

1. Phỏng vấn Gerald Ford, ngày 10, tháng 2, 1986. Khi được hỏi tại sao ông không trả lời thơ của ông Thiệu đề ngày 25 tháng 3, 1975, Ford nói quanh co rằng ông đã gởi phái đoàn Weyand sang Việt Nam. Nhưng theo Eric Von Marbod trước khi phái đoàn lên đường, ông Ford không đả động gì đến lá thư của Thiệu cả. Phỏng vấn Eric Von Marbod, ngày 2-1-1986.
2. Ford "A Time to Heal", tr 250-251.
3. Phỏng vấn Gerald Ford, ngày 10-2-1986.
4. Phiếu lưu ý của Tổng Thống Ford gửi cho tướng Weyand, ngày 4-4-1975.
5. Weyand được mời vào toà Bạch Ốc ngày 25, tháng 3, để họp với Ford, Kissinger, Scowcroft, và Đại sứ Martin trước khi lên đường. Nhưng lá thư và những lời hứa hẹn của Nixon và Ford không được nhắc tới.

6. Trần Văn Đôn, "Our Endless War Inside Vietnam", tr. 242, nói đến việc Khiêm gởi 9 tấn của cải sang viện đại sứ VNCH ở Pháp, là họ hàng với Khiêm.
7. Phái đoàn Mỹ do Đại sứ Martin và Weyand cầm đầu. Phía Việt Nam có Thiệu, Hương, và Khiêm (mới từ chức buổi sáng), Viên, Quang và Hưng.
8. Phỏng vấn Graham Martin, ngày 27-3-1985.
9. Daisy Cutter là biệt danh loại bom hạng nặng BLU-82, thường dùng để khai quang bãi đáp trực thăng. Sáu quả được gởi tới Sài Gòn, và ba quả đã được đem ra xử dụng. Khi mới thả lần đầu, cả quân Bắc Việt lẫn quân miền Nam tưởng rằng B-52 được xử dụng lại trên chiến trường. Cộng sản lấy được ba quả chưa đem dùng và triển lãm ở Sài Gòn.

Chương XIX

1. Phỏng vấn Morton Abramovitz, 26-1-1986.
2. Phỏng vấn Eric Von Marbod, 2-1-1985.
3. Nessen, *It Sure Looks from the Inside,* tr. 98.
4. Như trên.
5. Butler, *The Fall of Sài Gòn,* tr. 129.
6. Phỏng vấn Eric Von Marbod, 15-10-1985. Schlesinger đã nói: "Khi ai mà hỏi tôi về tầm quan trọng chiến lược của Việt Nam, thì tôi bảo rằng, thực ra (VN) không quan trọng về mặt chiến lược, nhưng uy tín mà Hoa Kỳ đầu tư, qua thời gian, đã tạo ra một tầm quan trọng chiến lược mà cố hữu

đã không hề có. Đó là câu trả lời thường xuyên của tôi". Phỏng vấn của Schlesinger, 27-11-1985.

7. Le Gros, *Vietnam from Cease-Fire to Capitulation*, trích dẫn toàn thể bức điện văn tr. 171-172.
8. Văn Tiến Dũng, *Our Great Spring Victory,* tr. 151-153.
9. Carver kể lại rằng "người Việt đã đòi B-52, coi như một thứ thuốc trị bá chứng. Chúng tôi thì cho rằng tác dụng tối đa của sự ném bom trở lại có thể là tạo được một thời gian tạm hoãn chiến, nhưng tự nó chẳng thể giải quyết được các vấn đề. Hy vọng cao nhất của chúng tôi là cắt cụt (lãnh thổ), cứu vãn các quân khu II, IV và vùng Châu thổ". Phỏng vấn George Carver, 7-1-1986.
10. Nessen, *It Sure Looks Different from the Inside,* tr. 106.
11. Phỏng vấn James Schlesinger, 27-11-1985. Schelesinger trước công chúng đã cố ngăn cản những vụ tố cáo lẫn nhau giữa Tòa Bạch Ốc và Quốc hội, và ngăn cản Ford và Kissinger khỏi đổ lỗi mất Việt Nam cho Quốc hội. Trên chương trình *Đối diện* cả *nước*, ngày 6-4-1975, khi được hỏi tại sao chính quyền dường như đã không bỏ lỡ bất cứ một cơ hội nào để trách cứ Quốc hội, Schlesinger đáp: "Tôi xin khẳng định rõ ràng, vấn đề ai đáng trách là một vấn đề đã được giản dị hóa một cách vô lối, trong một loạt những biến chuyển vô cùng phức tạp... Tôi chỉ hy vọng rằng

chúng ta có thể bỏ lại đằng sau những vấn đề đó. Không có điều gì mà quốc gia này hiện nay muốn được thấy ít hon cả là một cuộc tranh luận kéo dài sau khi tàn cuộc về Việt Nam, vì nó cũng chia rẽ như chính giai đoạn Việt Nam vậy, và một điều duy nhất mà ta muốn thấy ít hơn điều trên là một sự tranh chấp lớn giữa Hành pháp và Lập pháp".

12. Nessen, sđd, tr. 106.
13. Như trên
14. Như trên
15. Như trên, tr. 107
16. Phỏng vấn Geral R. Ford, 10-2-1986.
17. Phỏng vấn Dorothy Fosdick, 22-5-1985. Fosdick hồi đó là một tùy viên then chốt của Thượng nghị sĩ Jackson.
18. Nessen, tr. 99-100. Nessen viết thật dài về một bữa ăn tối mà Ford đã dự định đến dự tại nhà riêng của Kissinger tại Palm Springs, và Frank Sinatra. (ca sĩ và tài tử chiếu bóng Mỹ nổi tiếng cũng đến dự). Bob Hartman, người viết diễn văn và cố vấn lâu năm cho Ford, thúc Nessen bảo Kissinger đừng mời Sinatra vì sự gặp gỡ này có thể làm tổn thương uy tín của Ford "vào cuối tuần lễ mà Tổng Thống bị chỉ trích hàng ngày là cứ nhởn nhơ chơi golf trên sân cỏ của một tên triệu phú trong lúc Việt Nam đang cháy đỏ". Sinatra là bạn của Agnew (nguyên Phó Tổng Thống dưới Nixon) và theo Nessen "có nhiều tiếng tăm không

tốt". Nessen điện thoại cho Kissinger và yêu cầu đừng mời Sinatra. Kissinger đồng ý. Mười phút sau, Kissinger gọi cho Ford, và không biết cách nào, đã làm cho Ford đồng ý dùng bữa cơm chiều với Sinatra. Nessen tưởng như thế mình đã bị thua rồi, nhưng "vào lúc đó, Kissinger mới cho người ta hiểu cái chân tướng cùng thủ đoạn của mình. Sau khi chứng minh thế lực của mình trong cuộc đụng độ với đối thủ là đã thuyết phục được Ford nghe theo quan điểm mình rồi, với ảnh hưởng cá nhân được tái xác nhận và cái tôi được nâng cao, Kissinger mới làm cái điều có lợi cho Tổng Thống là bảo Sinatra đừng đến buổi tiệc".

19. Ford, A *Time* to *Heal,* tr. 253-254.
20. *The New York Times,* 11–4-1973, tr. 10, từ bản sao bài diễn văn của Tổng Thống.
21. Như trên.
22. Phỏng vấn Brent Scowcroft, 5-3-1986. Scowcroft hồi đó Phụ tá Tổng Thống, đặc trách Quốc Gia an ninh Sự vụ. Sau khi được bổ nhiệm chức vụ ngoại trưởng hồi tháng 11-1973, Kissinger vẫn giữ được chức vụ Phụ tá Tổng Thống đặc trách Quốc gia An Ninh Sự vụ, và chia thời gian làm việc giữa Tòa Bạch Ốc và Bộ Ngoại Giao. Tháng 11-1975, Kissinger mới buông chức vụ Phụ tá cho Scowcroft.
23. The *New York Times*, 11-4-1975, tr. 1.
24. Giác thư của Martin gửi Thiệu, hiện tác giả giữ.

25. Nói chuyện giữa Hưng và Nguyễn Văn Thiệu, London, 8-8-1978.
26. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, Paris, 22-8-1985.
27. Trung cộng ủng hộ Hoàng Thân Norodom Sihanouk tại Cao Miên và Khmer Đỏ nhằm lấy ảnh hưởng chống lại Bắc Việt. Trung Cộng vẫn tiếp tục ủng hộ Khmer Đỏ mặc dù chúng đã sát hại trên một triệu đồng bào của chúng khi lên nắm chính quyền năm 1975. Hiện nay Trung Cộng vẫn còn ủng hộ Sihanouk bởi các phe phái này, với viện trợ Mỹ chống đối sự kiểm soát của Hà Nội tại Cao Miên.
28. Phỏng vấn Vương Văn Bắc, Paris, 22 và 23-8-1985.
29. Phỏng vấn Trần Văn Đôn, 14-2-1985.
30. Như trên.
31. *Washington Post*, 9-3-1975.
32. Bernard Fall, *The Two Vietnam*, tr. 117. Một người bạn Hưng hồi đó đóng tại khu vực ấy đã kể lại cho Hưng biết vụ chặt đầu dã man này.
33. Joseph Buttinger, *The Smaller Dragon*, 153. 30-35. Buttinger ước lượng số người Chàm còn ở lại Việt Nam năm 1958 là khoảng 20.000. Có truyền thống văn hóa và thương mại bắt nguồn từ Ấn Độ, người Chàm đã để lại một di sản điêu khắc lớn, đã được người Pháp bảo tồn tại bảo tàng viện ở Tourane, tên Pháp của tỉnh Đà Nẵng ngày xưa. Hiện nay hãy còn tàng tích của một thành phố

Chàm tại Quảng Nam.
34. Xin xem ghi chú số 3 trong mục nầy.

Chương XX

1. Arnold. R. Issacs, "*Without Honor*", tr. 414 nói về cái vô danh của Nguyễn Bá Cẩn.
2. Ford, *"A Time* to *Heal"*, tr. 255.
3. Hưng nói chuyện với Thiệu ở Luân Đôn tháng 4, 1976.
4. Ban hợp ca hát bài "Hail Mary, Full of Grace" bằng tiếng Anh. Đây là lần đầu tiên một bản nhạc bằng tiếng Anh được hát ở thánh đường này, và Giám Mục Spellman rất hài lòng.
5. Ron Nessen *"It Sure Looks Different from the Inside"* bàn đến vấn đề chống viện trợ cho Việt Nam trong số những cộng sự viên của Ford.
6. Phỏng vấn Graham Martin, ngày 26-3-1985.
7. Đại sứ Martin mang tài liệu vào Dinh để nói cho Thiệu biết tình hình đen tối ở quanh Sài Gòn. Đại tá Võ Văn Cẩm, chánh văn phòng của ông Thiệu, cho biết những tài liệu này do Frank Snepp soạn, theo lệnh của Thomas Polgar, CIA trưởng ở Sài Gòn. Polgar ra lệnh cho Snepp phải cố nêu lên một tình hình thật bi quan để ông Đại sứ khuyên Thiệu nên từ chức. (Xem Snepp, tr. 382)
8. Phỏng vấn Graham Martin, ngày 26-3-1985. Martin lại tường trình trước Quốc Hội là nếu Thiệu từ chức mấy tháng trước thì may ra nhưng

bây giờ thì muộn rồi. Thiệu nói với Hưng hồi tháng 11-1976 rằng sở dĩ ông ta từ chức vì tất cả mọi người đều cho rằng ông là chướng ngại vật cho vấn đề viện trợ và giải pháp chính trị cho Việt Nam.

9. Phỏng vấn Graham Martin, ngày 27-3-1985.
10. Tưởng Giới Thạch là thần tượng của Thiệu. Trong văn phòng Thiệu chỉ treo hai tấm hình Tưởng Giới Thạch và Phác Chính Hy.
11. Phỏng vấn Graham Martin, 26-3-1985. Snepp, *"Decent Interval"*, tr. 433-437. Snepp lái một trong ba chiếc xe cho Thiệu và đoàn tùy tùng ra phi trường.
12. Phỏng vấn Thomas Polgar, ngày 6-3-1986. Snepp nói nhìn thấy những chiếc va-li nặng được chất lên xe. Nhưng Polgar lại nói là không có chuyện như vậy vì chính ông ta muốn mỗi người chỉ được mang một hành lý xách tay để "vấn đề di chuyển được gọn gàng, mau lẹ".
13. Phỏng vấn Thomas Polgar, ngày 6-3-1986, và David Butler, *"The fall of Sài Gòn"*, tr. 347.
14. Phỏng vấn Anna Chennault, ngày 2-3-1986. Thiệu và gia đình định cư ở Luân Đôn. Các con ở Hoa Kỳ và người con gái cũng ở đấy. Ông ta thỉnh thoảng sang thăm con. Bà Chennault cũng có gặp riêng ông Khiêm, và ông Khiêm muốn được sang Mỹ ở. Hiện nay Khiêm ở Arlington, tiểu bang Virginia.

Chương XXI

1. Phỏng vấn Graham Martin, 27-3-1985. Nghĩ lại về vụ vàng, ông nói: "Vào lúc chót, tôi có nghĩ đến việc liên lạc với một người bạn cũ ở Thái Lan, Tư lệnh không quân Dhawee Chulasapaya, và kêu gọi một số thủy quân lục chiến Thái đến để tạm gọi là giải phóng số vàng, mang nó đi, nhưng chỉ nghĩ thế thôi. Vàng vẫn còn lại đó, như ông biết. Giá như số vàng ấy đã được trữ lại Ngân Hàng Dự Trữ Liên bang ở New York dưới tên trương mục của chính phủ VNCH, như hồi ấy đã dự tính, thì Hoa Kỳ chắc đã có thể ở vào một tư thế mạnh để điều đình đòi tin tức và di hài người Mỹ mất tích ở VN rồi".
2. Phỏng vấn Châu Kim Nhân, 9-12-1985. David Burler, *The fall of Sài Gòn*. tr. 350-352.
3. Butler, tr. 244-250, kể lại là được chở bằng máy bay trực thăng ra, vô Xuân Lộc để săn tin giữa lúc ai cũng tranh giành nhau lên, xuống máy bay, nhưng "sau mới biết là lối duy nhất ra được khỏi (Xuân Lộc) là bằng phi cơ trực thăng".
4. Le Gro, *Vietnam from Cease-Fire to Capitulation*, tr. 174.
5. Như trên, tr. 173-177.
6. Xin coi *Emergency Supplement Appropriations for Assistance* to the *Republic of Vietnam for Fiscal Year 1975*, *Hearings Before Subcommittees of the committe on Appropriations, House of*

Representatives, *Ninety-Fourth Congress*, *First Session,* Monday April 21, 1975, tr. 20.

7. Phỏng vấn Philip C. Habib 30-12-1985, Habib kể lại là, trong những ngày chót của cuộc chiến, khi yêu cầu ngân khoản viện trợ ở Quốc Hội, ông đã luôn luôn bị bác: "Dân chúng Mỹ đã ra khỏi chiến tranh rồi và không muốn vào đó trở lại nữa. Không một ai muốn bị liên lụy một lần nữa, Chúng tôi đã quên mất nghĩa vụ của chúng tôi".
8. Xin coi ghi chú số 6 trên đây, tr. 25.
9. Như trên, tr. 26.
10. Phỏng vấn Eric Von Marbod, 10-5-1985.
11. Một người anh rể của Hưng đã cứu vớt lại được một số sổ tay có ghi chép biên bản các buổi họp với Thiệu và với nội các tại Dinh Độc Lập.
12. Phỏng vấn Brent Scowcroft, 25-11-1985.
13. Phỏng vấn Graham Martin, 26-3-1985.
14. Phỏng vấn Von Marbod, 2-10-1985, và 2-1-1986.
15. Như trên.
16. Historical Monograph: *The Fall and Evacuation of South Vietnam,* Department of the Air Froce, tr. 114-117, và Snepp, *Decent Interval*, tr. 318-328 và 356-368.
17. Phỏng vấn Von Marbod, 2-1-1986.
18. Văn Tiến Dũng, *Our Great Spring Victory,* tr. 209.
19. Như trên, tr. 215. Dũng đã không nhắc gì đến chính phủ liên hiệp hay dự liệu điều đình vào

phút chót. Kế hoạch đã chỉ đòi phải "thắng lợi hoàn toàn".

20. Butler, *The Fall of Sài Gòn*, tr. 386.
21. Họ cũng là hai nạn nhân cuối cùng của Hoa Kỳ trong chiến tranh VN. Cả hai đều thuộc bộ phận canh phòng sứ quán Mỹ ở Sài Gòn, có nhiệm vụ bảo vệ cuộc di tản bằng phi cơ tại Tân Sơn Nhất.
22. Điều trần trước Ủy ban Quốc tế Hạ viện hồi tháng Giêng, 1976. Đại sứ Graham Martin đã buộc tội rằng quyết định của Von Marbod cho di chuyển máy bay của KLVNCH ngày 28-4-1975, đã khiến Bắc Việt quyết định pháo kính các phi đạo.

    Sau buổi điều trần, Von Marbod gửi cho Martin một lá thư ngắn, khen sự giải thích của ông này, rồi nói: "Tới bây giờ không tin cuộc đối thoại giữa chúng ta vào buổi sáng bận bịu đó quan trọng, bởi lẽ tình hình đã thay đổi quá mau lẹ sau khi tôi rời khỏi văn phòng Ngài. Tất nhiên tôi đã không giữ được lâu chỉ thị của Ngài hồi sáng, vì tình hình địch quân đã bắt buộc tôi phải lấy sáng kiến mới để chuyển đi các đồ trang bị còn xử dụng được.

    Martin lại nhất định không chịu tin rằng lúc đó ông đã không kiểm soát được tình hình. Trong cuộc phỏng vấn của chúng tôi hồi tháng Ba, 1985. Martin vẫn cho là Bắc Việt "điên tiết" vì vụ di chuyển máy bay ra khỏi Sài Gòn, "cho nên chúng đã pháo kích sân bay". Hồi ký của tên tướng thợ may Dũng thì không đả động gì đến vụ đó, mà

chỉ nói rằng vụ oanh kích ngày 28-4 và pháo kích ngày 29-4 đã nằm trong kế hoạch "chiến dịch Hồ Chí Minh".

23. Butler, sđd, tr. 390. Le Gro, *Vietnam from Cease* to *Capitulation,* tr. 172, đã thẩm định việc Tổng tham mưu-QLNCH thiếu sót trách nhiệm đặt định kế hoạch tái tổ chức và tái tập trung Lục quân VNCH trong mấy ngày chót.
24. Về những tường thuật chi tiết trong cuộc di tản cuối cùng, xin coi Snepp, *Decent Interval*, và Butler, *The Fall of Sài Gòn*.
25. Phỏng vấn tướng John E. Murray, 20-4-1985.
26. Chính Von Marbod cũng đã "bảo lãnh" một nhóm phi công Việt Nam qua Hoa Kỳ và tự xuất tiền riêng để tài trợ chi phí định cư hồi đầu cho họ.
27. *Time*, 12-5-1975, tr. 26.
28. Như trên.

Chương XXII

1. Trương Như Tảng, *A Vietcong Memois,* cay đắng mô tả Hội nghị Chính trị Thống nhất Đất nước được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn cũ) vào ngày 17-11-1975. Đó là ngày chót của CPCMLT và MTGPMN trong việc cai trị miền Nam. Tảng, Bộ trưởng Tư pháp của CPCMLT, kể lại hôm trước khi trở về Sài Gòn năm 1975, Trường Chinh, một thành viên Bộ Chính trị Bắc

Việt, đã ôm hôn y và chúc y thành công. Khi gặp lại Chinh mười lăm tháng sau, Chinh hỏi: "Xin lỗi đồng chí, đồng chí quen mặt quá. Đồng chí là ai nào"? Tảng viết tiếp: "Tôi khựng lại một hồi, khi tôi đáp tôi là Bộ trưởng Tư pháp của miền Nam, thì đôi mắt Chinh sáng lên. Chinh nói: 'Ủa, thực vậy hả' Tên đồng chí là gì? Bây giờ đồng chí làm gì? (Lúc đó) tôi không cho là câu hỏi có ý hiểm độc nào hết, mà chỉ cho là do sự mất trí nhớ của một người già thôi. Nhưng nếu dùng như một lời bình luận về cuộc cách mạng miền Nam, thì câu hỏi đã nói lên nhiều hàng kho sách". (tr. 259- 262).

2. Câu nhận định này đây Dayan nói với giới chức VNCH trong chuyến viếng thăm Sài Gòn đã được nhiều người trích dẫn. Hưng được nghe nhắc lại khi nói chuyện với các cấp sĩ quan. Dayan ám chỉ rằng Bắc Việt có thể sẽ thắng trong chiến tranh, nhưng sẽ bại trong hòa bình, vì Cộng sản sẽ không bao giờ áp đặt được hệ thống giá trị của chúng đối với miền Nam.
3. Chính sách mua bán hài cốt Mỹ của Bắc Việt nhằm được Mỹ thừa nhận đã không chiếm được một thiện cảm hay kính trọng nào hết. Ngay đến Henry Kissinger, hiện nay cũng tin rằng chúng (Bắc Việt) đã học được bài học Nga vô dụng trong công cuộc phát triển kinh tế. Tôi cho là một điều thô tục khi để cho chúng bán cho ta một ít xương. Chắc chúng phải có một nhà kho chứa đầy xương

để cứ vài tháng lại đưa rao hàng vài khúc. Điều ta phải luôn luôn ghi nhớ là tác dụng của việc này đối với Trung Quốc. Bình thường hóa hay không bình thường hóa: Tôi sẽ phán đoán việc này theo tác động của nó đối với Trung Quốc. Bình thường hóa thì ta được gì? Bắc Việt có thể làm gì cho ta? Phỏng vấn Henry Kissinger 3-3-1986.

4. Bản tường thuật hằng ngày về Á Châu của sở Thông tin Liên Bang, 3-10-1985.
5. Phỏng vấn James Schlesinger, 27-11-1985. Xin coi Omar N. Bradley và Clay Blair, *A General's Life,* tr. 558-559, về quan điểm của Risk cho rằng Hoa Kỳ có thể vượt qua vỹ tuyến 38 mà không sợ Trung Cộng can thiệp. George Kennan và Charle Bohlen chống việc vượt qua vỹ tuyến 38. Paul Nitze, hồi đó đứng đầu Ban Tham mưu Kế hoạch Chính sách Bộ Ngoại Giao, đưa ra một bản nghiên cứu khuyến nghị Hoa Kỳ "nên tìm mọi nỗ lực giới hạn hành động quân sự dưới đất trong khu vực phía Nam vỹ tuyến 38". Nhưng Ngoại trưởng Dean Acheson, Rusk, và John Allison không nghe.
6. *United States Relations 1945-1967*, Cuốn 3, *"Military Pressure Against North Vietnam, Action and Debate,* June 1964, tr. 31-32. Tại Hội Nghị Honolulu, 1-2 tháng 6, 1964. *Đại tướng* Maxwell Taylor nhận định rằng Hoa Kỳ phải cần tới 7 sư đoàn nếu Trung C*ông* dốc toàn lực trong mùa khô, và năm sư *đoàn trong* mùa mưa.

7. *The Pentagon Papers*, Gravel Edition, tập III, tr. 354. Cái lối đánh giặc leo thang từ từ và hạn chế đã rất là sai lầm. Tại Washington, cuộc tranh luận về mức độ leo thang chiến tranh chống Bắc Việt dường như không bao giờ ngớt. Khi có quyết định thay đổi vai trò của lực lượng Hoa Kỳ trên bộ từ thế thủ sang thế công (hành quân tác chiến) vào tháng 4- 1965, John McCone, hồi đó là Giám đốc cơ quan tình báo Trung Ương, đã đề nghị phải thay đổi chiến thuật oanh tạc nữa. Ông cho rằng "nhịp độ gia tăng chậm chạp" của vụ oanh tạc Bắc Việt đã không có quy mô lớn và không thể gây cho chúng những "thiệt hại mà chúng không thể chấp nhận được", và cũng không "đe dọa những quyền lợi sinh tử" của chúng. McCone khẳng định rằng một sự thay đổi trong sứ mạng của lực lượng trên bộ "chỉ có thể là đúng, nếu như các cuộc oanh kích miền Bắc đủ nặng nề và đủ gây thiệt hại để thật sự làm cho Bắc Việt bị đòn đau". Ông cũng đã báo trước là sẽ có áp lực ngưng oanh tạc. "Cho nên chúng ta sẽ không đủ thời giờ trong cuộc hành quân này và tôi cho là Bắc Việt đang trông mong sự việc ấy lắm".
   Xin coi *The Pentagon Papers,* Gravel Edition, Tập II, tr. 352-353. Cũng xin coi tập IV, tr. 183-198, về sự tan rã của cuộc tranh luận đó năm 1968, nhất là trang 188: không ai đồng ý với ai về ý định của Trung Cộng (liệu họ có sẽ nhảy vào can thiệp

hay không)? và về những mục tiêu dội bom (liệu chúng đã bị oanh tạc hết chưa)? Johnson chỉ ra lệnh dội bom để bắt Bắc Việt ngồi vào bàn hội nghị. Nixon lại dùng biện pháp này để khiến cho Hà Nội không chịu nổi đớn đau nữa để trở lại bàn hội nghị. Tới giai đoạn đó, thì mặc dù Hoa Kỳ có đạt được thắng lợi quân sự (mà chính Hà Nội cũng phải thừa nhận), những giá phải trả cho chiến tranh về mặt chính trị đã lên quá cao để có thể tiếp tục dội bom. Nixon đã hết thời giờ.

8. Nixon, *No More Vietnams*, tr. 12-13.
9. Phỏng vấn Henry Kissinger, 3-3-1986.
10. McGeorge Bundy, *Foreign Affairs*, Tập 8, 20 2, Đông 1978-1980, "Vietnam and Presidential Power", tr. 397-407. Căn cứ vào hai lá thư Hưng công bố năm 1975, Bundy nói: "Vậy thì ta thấy rõ rằng ghi chép cho công khai và bảo đảm riêng tư đã xa cách nhau như hai thái cực". Bundy phân tích tám lời công bố của Nixon và các giới chức mà Kissinger đưa ra để biện hộ cho mình là ông đã không có cam kết gì bí mật *(White House Years,* tr. 1495, cước chú 2). Bundy kết luận rằng: ngôn ngữ của Nixon và các giới chức khi nói công khai đã "tối nghĩa, khó hiểu", chứ không phải là khẳng định vô điều kiện (như trong các thư gửi Thiệu)" và "không một lời tuyên bố nào (trong số ấy) gợi ý là Hoa Kỳ cam kết dùng sức mạnh để trả đũa vi phạm". Chính ngôn ngữ của Kissinger trước công

chúng cũng mơ hồ và lãng xa việc đưa quân Hoa Kỳ trở lại, hoặc ném bom trở lại.

Chẳng hạn, khi Marvin Kalb phỏng vấn Kissinger, hỏi rằng: "Như vậy thì một hay hai năm tới, nếu tôi hiểu dụng ý ông, ta sẽ không cần đến việc dính líu trở lại sức mạnh quân sự Mỹ nữa?"

Kissinger: "Marvin, chúng tôi đã không chấm dứt cuộc chiến này với mục đích đi tìm một cái cớ khác để nhảy vào một lần nữa. Nhưng chúng ta sẽ thật vô trách nhiệm nếu như lúc này đưa ra một bảng liệt kê chính xác cho kẻ xâm lược trong tương lai biết những gì chúng ta có thể hay không có thể làm mà không bị trừng phạt".

Trong cuộc họp báo giải thích Hiệp ước Paris, Kissinger đã không nhắc đến sự cam kết là Hoa Kỳ sẽ tái lâm chiến hay tấn công Bắc Việt hay không nếu vi phạm ngưng bắn. Như Bundy nhận xét. Quả vậy, TS. Kissinger, trong cái lúc công khai nhất và gây ấn tượng sâu sắc nhất, đã tìm mọi cách để cho người ta không chú ý đến một viễn ảnh đại loại. Đây là hai câu hỏi, và lời đáp của ông ta.

H. Nếu hiệp ước hòa bình bị vi phạm và nếu Ủy Hội Kiểm soát Quốc tế tỏ ra vô hiệu, thì liệu Hoa Kỳ có sẽ bao giờ đưa quân sang Việt Nam không?

Đ.Tôi không muốn suy đoán về những tình huống có tính cách giả thuyết mà chúng tôi không cho là sẽ xẩy ra.

H. Hiện nay mức độ và bản chất sự cam kết của Hoa Kỳ đối với Việt Nam như thế nào?

Đ. Hoa Kỳ, như Tổng Thống đã nói, sẽ tiếp tục viện trợ kinh tế cho Nam VN. (Hoa Kỳ) Sẽ tiếp tục viện trợ quân sự như hiệp định cho phép. Hoa Kỳ sẵn sàng tăng hay giảm mức quân viện ấy theo hành động của các nước khác và không coi chính nó như một cứu cánh, và Hoa Kỳ không đòi tất cả các nước tuân theo những điều đã quy định trong bản hiệp định". *New York Times*, 25-1-1973, tr. 211 (?).

Như Bundy đã kết luận, "chắc phải cần có một nhà giải đoán phi thường bậc nhất mới điều hòa nổi những lời nói xoa dịu này với cái ngôn ngữ đơn giản của những lời cam kết kia với Thiệu".

11. Phỏng vấn Kissinger, 3-3-1986.
12. Phỏng vấn James Schlesinger, 27-11-1985.
13. Phỏng vấn Melvin Laird, 4-12-1985.
14. Tướng John E. Murray, trong Peter Braestrup, *Vietnam as History,* tr. 143.
15. *New York Times*, 11-4-1975, tr. 1

một số các phỏng vấn chính yếu

Morton Abramowitz, 26-1, 11-3-1986.
Richard Allen, 20-2-1986.
Vương Văn Bắc, 8-1-1986
George Buckley, 8-1-1986
George Carver, 7-1-1985.
Anna Chennault, 10-12-1985
Clark Clifford, 10-12-1985
Lucien Conein, 30-10-1985
Arnaud de Borchgrave, 23-1-1986
Bùi Diễm, 18-3-1986
Trần Văn Đĩnh, 31-7 và 24-|-1985
Tôn Thất Đính, 18-10 và 20-11-1985
Trần Văn Đôn, 14-2, 10-4, 15-12-1985; 3-1-1986
Gerald R. Ford, 10-2-1986
Doroothy Fosdick, 22-5-1985
Marshall Green, 16-5-1985
Philip C. Habib, 30-12-1985
Alexander Haig, 13-11-1985; 14-1-1986

Morton Halperin, 15-1-1986
Tom Harkin, 19-12-1985
Bryce Harlow, 21-12-1986
Richard Holbrooke, 26-4-1985
George Jacobsen, 13-3-1986
U. Alexis Johnson, 15-5-1985.
Henry A. Kissinger, 3-3-1986
Robert Komer, 15-4-1985
Melvin Laird, 4-12-1985
Lu Lan, 20-12-1984
Wolf Lehmann, 12-12-1985
Graham Martin, 26 và 27-3-1985
Stuart E. Methven, 5-10-1985
Robert M. Montague, 15-4-1985
John E, Murray, 20-4 và 10-5-1985
John Negroponte, 20-3-1985 và 16-4-1986
Hoàng Đức Nhã, 23 và 24-7, 19-12-1985; 19-1-1986
Châu Kim Nhân, 23-10 và 9-12-1985.
Trần Kim Phượng 10 và 22-7-1985.
Thomas Polgar, 15-1 và 9-12-1985; 6 và 19-3-1986
Elliot Richardson, 16-12-1985
Peter Rodman, 7-1-1986
Jean A. Sauvageot, 9-7-1985
James Schelesinger, 27-11-1985
Brent Scowcroft, 25-11-1985; 5-3-1986
Theodore Shackley, 9-1-1986
Peter Tarnoff, 21-1-1986

Nguyễn Văn Thiệu, Những năm 1976 (tháng 11), 1978 (tháng 3 và 8), 3-5 và 13-6-1985

Charles J. Timmes, 10-3-1986

Ngô Quang Trưởng, 10-3-1986

Ted Van Dyk, 17-12-1985

John W. Vogt 10-10-1985

Eric Von Marbod, 10-5, 2 và 25-10-1985; 2-1-1986

Fred Weyand, 19-2-1986

Charles Whitehouse 5-3-1985

sách tham khảo chọn lọc

Bảo Đại, S.M. Le Dragon d'Annam. Plon, 1980

Berman, Larry. *Planning a Tragedy: The Americanization of the War in Vietnam*. New York: W.W. Norton & Company, 1982.

Blumenthal, Ralph. Và nhiều người khác. *Henry Kissinger: The Private and Public Story.* New York: New American Library, 1974.

Bowman, John S., *The Vietnam War: An Almanac.* New York: World Almanac Publications, 1985.

Braestrup, Peter, *Vietnam As History: Ten Years After the Paris Peace Accords*. Washington, D.C.: The Wilson Center / University Press of America, 1984

Bundy, McGeorge. "Vietnam, Watergate and Presidential Powers," *Foreign Affairs*, Vol. 58 No. 2 (Winter 1979-1980) pp. 397-407

Butler, David. *The Fall of Sài Gòn: Scenes from the Sudden End of a Long War.* New York: Simon and Schuster, 1985.

Buttinger, Joseph, *Vietnam: A Dragon Embattled,* Vols. I and II. New York: Praeger, 1967.

Cao Thế Dung và Lương Khải Minh (bút hiệu của BS. Trần Kim Tuyến). *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống*. Sài Gòn, 1970

Chennault, Anna. *The Education of Anna.* New York Times Books, 1980 Colby, William. *Honorable Men*. New York: Simon and Schuster, 1978 Committee on Foreign Affairs. *The War Powers Resolution. A Special Study of the Committee on Foreign Affairs.* Washington, D.C.: U.S. Gorvernment Printing Office, 1982.

Cooper, Chester L. *America in Vietnam*. New York Fawcett, 1972 Crawford, Ann Caddell. *Customs and Culture of Vietnam*. Rutland, VT & Tokyo, Japan: Charles E. Tuttle Co., 1966.

Creel, H.G. *Chinese Thought: From Confucius to Mao Tse-tung*. London: Eyre & Spottiswoode, 1954.

Department of Defense, *The United States - Vietnam Relations: 1945-1967*. Books 3, 11 and 12. Washington, D.C.: U.S. Gorvernment Printing Office, 1971.

Đôn, Trần Văn. *Our Endless War: Inside Vietnam.* Novato, CA: Presidio Press, 1978.

Duiker, William J. *The Communist Road to Power in Vietnam.* Boulder, CO: Westview Press, 1981.

Dũng, Văn Tiến. *Our Great Spring Victory.* London: Monthly Review Press, 1977.

Eagleton, Thomas F. *War and President Power*. New York: Liveright, 1974

Ehrlichman, John. *Witness to Power: The Nixon Years*. New York: Pocket Books, 1982

Fall, Bernard B. *Street Without Joy: Indochina at War, 1946-1954*. Harriburg, PA Stackpole Company, 1961

- *The Two Vietnams*. New York: Praeger, 1963.

- *Vietnam Witness: 1953-66*. New York: Praeger, 1966.

Fallaci, Oriana. Bản dịch của John Shepley. *Interview with History*. Boston: Houghton Mifflin Company, 1976

Ford, Gerald R. *A Time to Heal*. New York: Harper & Row, 1979.

Franck, Thomas M. and Weisband, Edward. *Foreign Policy by Congress*. New York: Oxford University Press, 1979.

Fung Yu-Lan. Bản dịch của Derk Bodde. *History of Chinese Philosophy. Vol. I*

- *The Period of the Philosophers (from the Beginnings to Circa 100 B.C.)* Princeton, NJ: Princeton, University Press, 1952

Gallucci, Robert L. *Neither Peace Nor Honor*. Baltimore and London: Johns Hopkins University Press, 1975.

Gardner, Lloyd C. *The Great Nixon Turnaround*. New York: New Viewpoints, 1973

Gelb, H. Leslie và Betts, Richard K. *The Irony of Vietnam*. Washington, D.C. Brookings Institute, 1978

Goodman, Allan E. *The Lost Peace: America's Search for a Negotiated Settlement of the Vietnam War.* Stanford, CA: Hoover Institution, 1978.

Gras, Yves. Histoire de la Guerre D'Indochine, 1979.

Gravel Edition, The Senator. *The Pentagon Papers: The Defense Department History of United States Decisionmaking on Vietnam.* Tập III Boston: Beacon Press, 1971

Grey, Anthony. *Sài Gòn*. New York: Dell, 1982.

Haig, Alexander M., Jr., *Caveat: Realism, Reagan, and Foreign Policy*, New York: Macmillan, 1984

Halberstam, David. *The Best and the Brightest*. New York: Fawcett Crest, 1969.

Haldeman, H.R., và Joseph DiMona. *The Ends of Power*. New York: Times Books, 1978.

Hammer, Ellen. *The Struggle for Indochina*. Stanford, CA: Stanford University Press, 1967.

Hersh, Seymour M. *The Price of Power.* New York: Sunmit Books, 1983.

Herz, Martin F., *The Prestige Press and the Christmas Bombing, 1972: Images and Reality in Vietnam*. Washington, D.C.: Ethics and Public Policy Center, 1980.

Hinh, Nguyễn Duy. *Lam Sơn 719.* Indochina Monographs, L .S. Army Center of Military History, 1979.

Honey, P.J. *Vietnam Communism The Formative Years*. Sài Gòn: Council on Foreign Relations, 1972.

Hosmer, Stephen; Kellen, Konrad; Jenkins, Brian M. *The Fall of South Vietnam: Statements by Vietnamese Military and Civilian Leaders*. New York Crane Russak, 1980.

Hưng, G. Nguyễn Tiến. *Economic Developement of Socialist Vietnam, 1955-1980*. New York: Praeger, 1977.

Isaacs. Arnold. *Without Honor: Defeat in Vietnam and Cambodia.* New York: Vintage Books, 1983.

Johnson, Lyndon Baines. *The Vantage Point: Perspectives of the Presidency, 1963-1969*. New York: Holt, Rinehart and Winston, 1971.

Johnson, U. Alexis, và Jeff Oliverius Mc Allister. *The Right Hand of Power: The Memoirs of an American Diplomat*. Englewood Cliffs, Prentice-Hall, 1984.

Kahin, George M. và nhiều người khác. *The United States in Vietnam*. New York Dell, 1969.

Kalb, Marvin và Kalb, Bernard, *Kissinger*. Boston: Little, Brown, 1974.

Kaplan, Morton; Chayes, Abram; Nutter, G. Warren; Warnke, Paul C.; Roche, John P.; Fritchey, Clayton. *Vietnam Settlement: Why 1973, Not 1969?* Washington, D.C.: American Enterprise Institute for Public Policy Research, 1973.

Karnow, Stanley *Vietnam: A History.* New York: Viking 1983.

Kissinger, Henry A. *The Necessity for Choice*. London: Chatto and Windus, 1960.

- *A World Restored: The Politics of Convervatism in a Revolutionary Age.* New York: Grosset & Dunlap, 1964.

- *American Foreign Policy.* New York Norton, 1974.

- *The White House Years*. Boston: Little, Brown, 1979.

- *Years of Upheaval*. Boston: Little, Brown, 1982.

Landau, David. *Kissinger: The Uses of Power*. Boston: Houghton Miffin, 1982.

Laqueur, Walter. *A World of Secrets: The Uses and Limits of Intelligence.* New York, Basic Books, 1985.

Lau, Theodora. *The Handbook of Chinese Horoscopes*. New York: Harper & Row, 1979.

LeGro, Col. William E. *Vietnam from Cease-Fire to Capitulation*. Washington, D.C. U.S, Army Center of Military History, 1981.

Lewy, Guenter. *America in Vietnam*. New York: Oxford University Press, 1978.

McCarthy, James R. *Linebacker II: A View from the Rock*. U.S.A.F. Southeast Asia Monograph Series, Vol. VL, Monograph 8, 1979.

Maclear, Michael. *The Thousand Day War: Vietnam, 1945-1975*. New York: St. Martin's Press, 1981.

Marr, David G. *Vietnamese Anticolonialism: 1885-1925*. Berkeley: University of California Pres., 1971.

Minh, Ho Chí. *Selected Writings: 1920-1969*. Hanoi Foreign Languages Publishing House, 1973.

Momyers, William W. *The Vietnamese Air Force, 1951-1975*. Vol. 3, Monograph 4, U.S.A.F. Southeast Asia Monograph Series. Office of Air Force History, 1975.

Morris, Roger. *Uncertain Greatness*. New York: Harper & Row, 1977.

- *Haig: The General's Progress*. Playboy Press, 1982

Nalty, Bernard C. *Airpower and the Fight for Khe Sanh*. Washington, D.C.: USAF, History Branch, 1973.

Nixon, President Richard. *U.S. Foreign Policy for the 1970's: The Emerging Structure of Peace. A Report to the Congress*. Washington, D.C.: U.S. Government Pr nting Office, February 9, 1972

Nixon, Richard. *The Memoirs of Richard Nixon*. New York: Grosset and Dunlap, 1978.

- *The Real War*. New York: Warner Books, 1980.

- *No More Vietnams*. New York Arbor House, 1985.

Nessen, Ron. *It Sure Looks Different from the Inside*. Chicago: Playboy Press, 1978.

Nutter, G. Warren. *Kissinger's Grand Design*. Wash-

ington, D.C.: American Enterprise Institute for Public Policy Research, 1975.

Oberdorfer. Don. *TET!* Garden City, NY: Doubleday, 1971.

Palmer, Dave Richard. *Summons of the Trumpet: U.S. - Vietnam in Perspective*. San Rafael, CA Presidio Press, 1978.

Palmer, Burce, Jr. *The 25-Years War: America's Military Role in Vietnam*. New York: Simon & Schuster, 1984.

Porter, Gareth, *A Peace Denied: The United States, Vietnam, and the Paris Agreement*. Bloomington; Indiana University Press, 1975.

- Vietnam: A History in Documents. New York: New American Library, 1981

Prados, John. *The Sky Would Fall - Operation Vulture: The U.S. Bombing Mission in Indochina, 1954*. New York: Dial Press, 1983.

Pratt, John Clark, *Vietnam Voices: Perspectives on the War Years, 1941-1982*. New York: Penguin Books, 1984.

Rapoport, Daniel. *Inside the House*. Chicago: Follett Publishing Company, 1975

Robequain, Charles. *The Economic Development of French Indo-China*. London: Oxford University, 1944.

Rothenberg, Morris. *Whither China: The View from*

the Kremlin. Miami: Center for Advanced International Studies 1974

Rust, William J, và nhiều người khác. *Kennedy in Vietnam*. New York: Charles Scribner's Sons, 1985

Safire, William. *Safire's Political Dictionary: An Enlarged, Up-to-Date Edition of the New Language of Politics*. New York: Random House, 1960.

- *Before the Fall*. New York Tower Publication, 1975.

Santoli, Al. *To Bear Any Burden: The Vietnam War and its Aftermath in the Words of Americans and Southeast Asians*. New York: E. P. Dutton, 1985. Shawcross, William. *Sideshow*: *Kissinger*, *Nixon and* the *Destruction of Cambodia. New York: Simon and Schuster,* 1979.

- *The Quality of Mercy: Cambodia, Holocaust and Modern Consciense*. New York: Simon & Schuster, 1984.

Schecter, Jerrold. *The New face of Buddha: Buddhism and Political Power in Southeast Asia*. New York: Coward-McCann, 1967.

Snepp, Frank. *Decent Interval: An Insider's Account of Sài Gòn's Indecent End, Told by the CIA's Chief Strategy Analyst in Vietnam*. New York: Random House, 1977

Summers, Harry G., Jr. *On Strategy: A Cirtical Analysis of the Vietnam War*. Novato, CA Presidio Press, 1982.

Szulc, Tad. *The Illusion of Peace*. New York: Viking, 1977

Terzani, Tiziano. Bản dịch của John Shepley. *Giải Phón !: The Fall and Liberation of Sài Gòn*. New York: St. Martin's Press, 1976.

Thái, Nguyễn. *Is South Vietnam Viable?* Manila, Philipp nes, Makati, Rizal: Carmelo & Bauermann, Inc., 1962.

Thompson, Sir Robert. *Peace Is Not at Hand.* London: David McKay Co. 1974.

Timmes; Charles J. "Vietnam Summary: Military Operations After the Cease- Fire Agreement". *Military Review.* Leavenworth, KS (August, September, 1976)

Tobin, Thomas G. et al. *Last Fight from Sài Gòn*. Vol. 4, Monograph 6, U.S.A.F. Southeast Asia Monograph Series. Office of Air Force History, 1975 Truong, Ngô Quang. *The Easter Offensive of 1972. Indochina Monograhp, U.S. Army Center of Military History, 1980.*

Turner, Robert F. *Vietnam Communism*: *Its Origins and Development*. Stanford, CA Hoover Instution Press, 1975.

U.S. Congress. House Committee on International Relations. *The Vietnam- Cambodia Emergency, 1975*. Parts 1, 2, 3 and 4. 94th Congress, 2nd session April 1975 May 1976.

Vanuxem, François. *La Mort du Vietnam: les faits, les*

causes externes et internes, les conséqueces sur le Vietnam, la France, et le Monde. Editions de la Nouvelle Aurore.

Viên, Cao Văn. *The final Collapse*. Indochina Monographs. Washington, D.C.: U.S. Army Center of Military History, 1983.

- *Leadership*. Indochina Monographs, Washington, D.C.: U.S. Army Center of Military History, 1983.

Vogt, John W. *Oral History*, U.S. Air Force Historical Research Center Collection, Maxwell Air Force Base, AL, 1973-1978.

Walters, Vernon. *Silent Mission*. Garden City, NY: Doubleday, 1978.

Westmorland, William C. *A. Soldier Reports*. Garden City, NY: Doubleday, 1976

White, Theodore H. *The Making of the President 1968*. New York: Atheneum Publishers, 1969.

Williams, William Appleman; Mc Cormick, Thomas; Gardner, Lloyd; LaFeber, Walter, eds. *America in Vietnam: A Documentary History*. Garden City, NY: Anchor Press/ Doubleday, 1985.

Woodstone, Arthur. *Nixon's Head*. London: Olympia Press, 1972.

mục lục

Lời mở đầu (Ấn bản việt ngữ) 11
Lời cảm tạ (Ấn bản việt ngữ) 17
– (Ấn bản anh ngữ) 19
Tâm sự người xưa 22
Dẫn nhập – Tòa bạch cung Hoa thịnh đốn 23
Chương i – Khúc quanh lịch sử 31
Chương ii – Nixon và thiệu: 1 món nợ chính trị 65
Chương iii – Những đổi chác bí mật 111
Chương iv – Những đe dọa ám sát 155
Chương v – Mưu đồ của kissinger 203
Chương vi – Hòa bình giả mạo 255
Chương vii – Những gì chúng tôi sẽ làm 283
Chương viii – Đi tìm một ranh giới 305
Chương ix – Mật ước riêng 343
Chương x – San clemente và Watergate 367
Chương xi – Hồi hương 393
Chương xii – Nhượng thêm điểm chót 417
Chương xiii – Một khoảng thời gian coi được! 457

Chương xiv – Như một giấc mơ 503
Chương xv – Hoàng hôn của nền cộng hòa 543
Chương xvi – Cứ địa cuối cùng 583
Chương xvii – Cạn tầu ráo máng 631
Chương xviii – Trước khi sụp đổ 663
Chương xix – Sao họ không chết lẹ đi cho rồi? 687
Chương xx – Những mật điện cuối cùng 725
Chương xxi – Ngàn trùng xa cách 753
Chương xxii – Lời cuối 789
Phần ghi chú 811
Một số các phỏng vấn chính yếu 907
Sách tham khảo chọn lọc 911